A DI ĐÀ PHÁP KINH

Bản cập nhật tháng 6/2014

http://kinhmatgiao.wordpress.com

TÍN NGƯỠNG A DI ĐÀ

Theo một số Học Giả cận đại thì **tín ngưỡng A Di Đà** được hình thành từ truyền thuyết huyền thoại của Ấn Độ, vì đặc tính của Đức Phật A Di Đà rất phù hợp với các tính cách của chư Thần:

1_ Trong **Vệ Đà** (Veda) **Varuṇa** là vị thần mặt trời ở Thế Giới **Sukha** tại phương Tây cũng là *vị Thần bất tử*, hay là *vị Thần của ánh sáng và có thọ mệnh vô lượng*

2_ **Viṣṇu** là vị Thần mặt trời ở điểm cao nhất của bầu trời, có một nguồn suối **Cam Lộ** (Amṛta) là thứ rượu **Soma**, khi các vị Thần uống vào đều trở thành bất tử, **Yama** là người đầu tiên sinh vào cõi ấy. Do đó, Viṣṇu được tôn xưng như là vị Thần bất tử và là vị Thần ánh sáng.

Theo một số Kinh Điển của Phật Giáo thì **tín ngưỡng A Di Đà** đã được ẩn tàng trong những tư tưởng:

1_ Đức Phật là bậc có thể giữ được mạng sống lâu dài, hoặc có tuổi thọ vô lượng

.) Kinh **Phật Bát Nê Hoàn**, quyển Thượng ghi nhận rằng:

A Nan bạch Phật: "Con được nghe từ miệng của Đức Phật: *Nếu Tỳ Khưu có bốn Pháp này, tên là **bốn Thần Túc** thời muốn sống đến một kiếp vẫn có thể được. Đức Hạnh của Phật hơn hẳn bốn Thần Túc, vì sao chẳng ở lại hơn một kiếp?"*

Đức Phật bảo A Nan: "Là lỗi của ngươi! Là việc ngươi đã làm! Ta đã ba lần bảo rằng: "*Bên trong cõi **Diêm Phù Lợi*** (Jampu-dvīpa) *có sự vui thích lớn, nhưng ngươi thẳng thắn lặng yên chẳng đáp lại. Ta thấy ngươi hơn hẳn **Chúng*** (Saṃgha), *vì sao ngươi đã lắng nghe mà lại để cho **Ma*** (Māra) *được dịp nhập vào trong bụng của ngươi ?!...Nay Ta chẳng thể ở lại, sau ba tháng nữa sẽ **Bát Niết Bàn*** (Parinirvāṇa)"

.) Kinh **Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật** ghi nhận: "Có những Bồ Tát đã chứng được **sáu Thần Thông**. Bằng sức Thần Thông, các vị ấy đã dạo chơi vượt qua cõi Phật này đến cõi Phật khác, mà trong các cõi Phật ấy có tuổi thọ vô lượng"

2_ Nikāya và **A Hàm** ghi nhận: "Khi Ta thanh tịnh, ta thấy Thế Giới thanh tịnh"

3) Kinh **Tăng Chi Bộ I**, chương I, phẩm **Một Pháp**, phần **Niệm Phật** ghi nhận rằng: "Một thời Thế Tôn trú ở Sāvatthi, rừng Jeṭavana. Tại đấy, Thế Tôn dạy các Tỳ Kheo: Có một Pháp, này các Tỳ Kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhất hướng, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, Thắng Trí, giác ngộ, Niết Bàn. Một Pháp ấy là gì? Chính là **niệm Phật**. Chính một Pháp này, này các Tỳ Kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhất hướng, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, Thắng Trí, giác ngộ, Niết Bàn…."

4_ KINH TĂNG NHẤT A HÀM

Hán Dịch: Tam tạng **Cù-đàm Tăng-già-đề-bà**

Việt dịch: **Thích Đức Thắng** - Hiệu đính & Chú thích: **Tuệ Sỹ**

(PL.2549 - 2005 sửa chữa và bổ sung)

MỘT PHÁP

PHẨM QUẢNG DIỄN

KINH SỐ 1

[554a07] Tôi nghe như vầy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Đã tu hành một pháp rồi, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Đó là **niệm Phật**.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thế nào là tu hành niệm Phật, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

“Gốc rễ của Pháp do Thế Tôn nói.[13] Nguyện xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo sau khi nghe từ Như Lai rồi sẽ thọ trì.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe, lắng nghe, và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ phân biệt rộng rãi cho các ngươi.”

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn.”

Sau khi các Tỳ-kheo thọ giáo rồi, Thế Tôn bảo rằng:

“Tỳ-kheo chánh thân, chánh ý, ngồi bắt tréo chân, buộc niệm ở trước, chuyên tinh niệm Phật, không có niệm tưởng nào khác. Quán hình của Như Lai, mắt không hề rời. trong khi mắt không rời, niệm tưởng công đức Như Lai.

“Thể của Như Lai được thành tựu từ kim cương, đầy đủ mười lực, bốn vô sở úy, dõng mãnh giữa đại chúng. Gương mặt của Như Lai đoan chánh vô song, nhìn không chán mắt. Giới đức thành tựu giống như kim cương không thể phá hoại, trong sạch không tỳ vết cũng như lưu ly. Tam-muội của Như Lai chưa từng sút giảm, đã tĩnh chỉ, vĩnh viễn tịch tĩnh, không có niệm khác. Các thứ tình kiêu mạn, ngang bướng đã vắng im,[14] ý tham dục, tưởng sân hận, tâm ngu hoặc, mạn kết[15] do dự, tất đều tận trừ. Huệ thân của Như Lai, trí không bờ đáy, không bị chướng ngại. [554b01] Thân Như Lai, được thành tựu từ giải thoát, các cõi[16] đã hết, không còn sinh phần để nói ‘Ta sẽ đọa nơi sinh tử.’ Thân Như Lai được vượt qua thành trì của tri kiến, biết căn cơ người khác đáng được độ hay không đáng được độ, chết đây sinh kia, xoay vần qua lại trong ngằn mé sinh tử, có người giải thoát, người không giải thoát; Như Lai thảy đều biết tất cả.

“Đó là tu hành niệm Phật, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tưởng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Cho nên, này các Tỳ-kheo, luôn phải tư duy không rời niệm Phật, liền sẽ được những thứ công đức thiện này. Như vậy, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

5_ KINH TĂNG NHẤT A HÀM

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Các ngươi sẽ thành tựu thần thông, loại bỏ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Đó là **niệm Phật**.[2] Hãy khéo tu hành. Hãy quảng bá. Các ngươi sẽ thành tựu thần thông, loại bỏ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, hãy quảng bá một pháp. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Phẩm Thập Niệm)

6_ Đức Phật luôn có ba thân là **Pháp Thân** (Dharma-kāya), **Báo Thân** (Saṃbhoga-kàya), **Hóa Thân** (Nirmāṇa-kāya). Trong đó Báo Thân lại được chia ra làm hai loại thân là: **Tự Thọ Dụng Pháp Thân** (Svasaṃbhoda-dharma-kāya: Thân tự thọ dụng niềm vui của Pháp), **Tha Thọ Dụng Pháp Thân** (Parasaṃbhoda-dharma-kāya: Thân ứng hiện 10 Địa để gia trì cho chúng Bồ Tát, giúp cho họ tự Nội Chứng được Pháp Thân) và từ quan điểm Báo Thân này đã xây dựng nên **tín ngưỡng A Di Đà**

Sau này nhằm phổ cập hóa Phật Giáo tới nhiều lớp người khác nhau, nên xây dựng một số tính chất thành các danh hiệu Phật và cảnh giới Cực Lạc.

.) Tính chất bất tử được Phật hóa thành **Cam Lộ Phật** (Amṛta-buddha:vị Phật bất tử)

.) Tính chất vô lượng được Phật hóa thành **Vô Lượng Phật** (Amita-buddha)

.) Tính chất thọ mệnh vô lượng được Phật hóa thành **Vô Lượng Thọ Phật** (Amitāyus-buddha)

.) Tính chất ánh sáng vô lượng được Phật hóa thành **Vô Lượng Quang Phật** (Amitābha-buddha)

.) Tính chất trong sạch được Phật hóa thành **Thanh Tịnh Phật** (Viśuddha-buddha).

.) **Niết Bàn** (Nirvāṇa) được biểu thị qua Thế Giới **Cực Lạc** là cảnh giới của những Tâm Thức thanh tịnh giải thoát và là cảnh giới trang nghiêm xinh đẹp, không có các đường ác, an vui, hòa bình, tốt lành, bình đẳng tuyệt đối.

_ Trong thời kỳ phát triển Kinh Điển Đại Thừa tại Ấn Độ thì tín ngưỡng A Di Đà được nhận biết sớm nhất qua bản Kinh **A Di Đà Cổ Âm Thanh Vương Đà La Ni** (Amṛta-duṇḍubhisvara-rāja-dhāraṇī-sūtra) vì đặc trưng của Kinh này là giới thiệu những quan hệ thân thích của Đức **Phật A Di Đà** (Amṛta-buddha) hoàn toàn theo khuôn mẫu quan hệ thân thích của Đức **Phật Thích Ca** (Śākya-muṇi-buddha), vì trong cõi Tịnh Độ ấy có cả Đề Bà Đạt Đa là **Tịch Tính** với Ma Vương **Vô Thắng**.

"*Đức Như Lai Ứng Chính Biến Tri có quốc thổ, hiệu là **Thanh Thái**. Đức Thánh Vương cư trú tại cái thành cao rộng mười ngàn do tuần, ở trong tràn đầy giòng Sát Lợi. Đức Phật A Di Đà có cha tên là **Nguyệt Thượng Chuyển Luân Thánh Vương**, mẹ tên là **Thù Thắng Diệu Nhan,** đệ tử phụng sự tên là **Vô Cấu Xưng**, đệ tử Trí Tuệ tên là **Hiền Quang**, Thần Túc Tinh Tiến tên là **Đại Hóa**. Lúc bấy giờ Ma Vương tên là **Vô Thắng**, có Đề Bà Đạt Đa tên là **Tịch Tính**. Đức Phật A Di Đà cùng với Đại Tỳ Khưu gồm sáu ngàn người.*

*Nếu có người thọ trì Danh Hiệu của Đức Phật ấy, tâm ý bền chắc, ghi nhớ chẳng quên, mười ngày mười đêm trừ bỏ tán loạn, tinh tiến tu tập **Niệm Phật Tam Muội**, biết Đức Như Lai ấy luôn trụ ở Thế Giới An Lạc, ghi nhớ tương tục đừng để đoạn tuyệt, thọ trì đọc tụng **Cổ Âm Thanh Vương Đà La Ni** này mười ngày mười đêm, sáu Thời chuyên niệm, thọ trì đọc tụng, cúi năm vóc sát đất lễ kính Đức Phật ấy, chính niệm bền chắc đều trừ tán loạn. Nếu có thể khiến Tâm niệm niệm chẳng dứt thì trong mười ngày ắt được nhìn thấy Đức Phật A Di Đà ấy và nhìn thấy Như Lai ở mười phương Thế Giới với cõi cư trú. Chỉ trừ người Độn Căn, chướng nặng… với chút Thời này thì chẳng thể nhìn thấy được. Tất cả việc Thiện thảy đều hồi hướng, nguyện được sinh về Thế Giới An Lạc. Ngay lúc lâm chung thì Đức Phật A Di Đà với các Đại Chúng hiện ra trước mặt người ấy an ủi, xưng thiện, tức thời người đó sinh vui thích, an thành thâm sâu. Dùng nhân duyên ấy, nhớ ước nguyện kia nên tìm được vãng sinh*".

Như vậy Thế Giới này vẫn còn có sự quyến rũ của tội ác và tử thần. Vì lẽ này lý tưởng Tịnh Độ được cải thiện dần dần và trở thành Thế Giới không hề nghe đến tên của ba nẻo ác (Địa Ngục, Quỷ đói, Súc Sinh) và là Thế Giới không có khổ đau, không có sinh già bệnh chết, luôn được thọ hưởng niềm Phước Lạc vô biên qua các kinh bản **Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh** (Đại Bản A Di Đà Kinh), **Phật Thuyết Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh, Phật Thuyết A Di Đà Tam Gia Tam Phật Tát Lâu Phật Đàn Quá Độ Nhân Đạo Kinh, Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Kinh, Phật Thuyết Đại A Di Đà Kinh, Phật Thuyết A Di Đà Kinh** (Tiểu Bản A Di Đà Kinh), **Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh, Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh** (*Theo một số Học Giả thì Kinh này có nguồn gốc bên ngoài nước Ấn Độ*) .... đồng thời tín ngưỡng A Di Đà còn được minh họa rải rác trong một số Kinh bản Đại Thừa khác.

Hiện nay trong Đại Tạng Kinh ghi nhận Kinh Luận nói về Đức Phật A Di Đà hay Thế Giới Cực Lạc có rất nhiều, khoảng hơn hai trăm Bộ....

Riêng ba bản Kinh **Vô Lượng Thọ Kinh** (Đại Bản A Di Đà Kinh), **A Di Đà Kinh** (Tiểu Bản A Di Đà Kinh) và **Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh** được gọi chung là **ba Kinh Tịnh Độ** đã tạo thành nền tảng hình thành **Tịnh Độ Tông**

Tuy được xuất phát từ Ấn Độ, nhưng **tín ngưỡng A Di Đà** vẫn không được phát triển mạnh mẽ trên đất Ấn và đợi đến khi lưu truyền qua các nước khác thì tín ngưỡng này mới được củng cố lớn mạnh.

Ngày nay tại các nước Tây Tạng, Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn, Việt Nam... tín ngưỡng A Di Đà được sự ủng hộ mạnh mẽ. Đại đa số tín đồ Phật Giáo Bắc Truyền luôn giữ vững **niềm tin**, **thực hành**: *tụng Kinh, trì Chú, Quán Tưởng, niệm Hồng Danh Phật A Di Đà*.....**nguyện** được sinh về Thế Giới **Cực Lạc** (Sukhavatī) là một Thế Giới không có khổ đau, không có sinh già bệnh chết và được thọ hưởng niềm Phước Lạc vô biên.

Do các Pháp tu của Phật Giáo Việt Nam thường được bao hàm trong cả ba phương pháp **Thiền, Tịnh, Mật** và **Tín Ngưỡng A Di Đà** thật sự đáp ứng đầy đủ tinh thần trên. Cho nên trong thời gian trước, với ước nguyện góp chút công sức cho sự phát triển của Phật Giáo Việt Nam, dưới sự hướng dẫn của Thầy **Thích Quảng Trí**, tôi cố gắng sưu tầm, phiên dịch và ghi chép lại một số Kinh Bản liên quan đến tín ngưỡng A Di Đà trong Mật Giáo và được được ấn hành vào năm 2009.

Nay do sự yêu cầu một bạn đồng tu muốn nắm vững hơn về Pháp tu của Đức Phật A Di Đà, cho nên tôi cố gắng sưu tập thêm một số Tôn Tượng, soạn dịch thêm một số Kinh Bản có liên quan trực tiếp đến Pháp tu này nhằm giúp cho người đọc có thể nghiên cứu dễ dàng hơn.

Mọi Công Đức có được trong tập ghi chép này, con xin kính dâng lên hương linh của Thân Phụ (**Nguyễn Vũ Nhan**) và Thân Mẫu (**Vũ Thị Ni**) là hai bậc ân nhân đầu tiên của con.

Con cũng xin hồi hướng mọi Công Đức có được đến các Thầy **Thích Quảng Trí, Thích Pháp Quang** là các bậc Thầy luôn theo dõi, hỗ trợ và thúc đẩy con nghiên cứu Mật Giáo cho chính đúng.

Tôi xin chân thành cám ơn em Mật Trí (**Tống Phước Khải**) đã hỗ trợ nhiều tài liệu, bài dịch về Pháp A Di Đà (hình ảnh, tư liệu Hán Văn, Phạn Văn), em Diệu Lý (**Nguyễn Thị Mộng Lý)**, các con tôi đã đánh một số Kinh Bản và scan hình ảnh để giúp tôi hoàn thành tập ghi chép này

Tôi xin chân thành cảm tạ nhóm Phật Tử của thầy Pháp Quang ở Texas và nhóm Phật Tử của Đạo Tràng **Phổ Độ** đã hỗ trợ phần vật chất cho tôi trong thời gian soạn dịch và ghi chép lại các Kinh Bản này

Tôi cũng xin cảm ơn người bạn đường Ngọc Hiếu (**Vũ Thị Thanh Hà**) đã cam chịu mọi khó khăn trong cuộc sống để hỗ trợ cho tôi vững bước trên con đường tìm hiểu Phật Pháp.

Nguyện xin Tam Bảo và các vị Hộ Pháp hãy ban rải Thần Lực giúp cho con với tất cả chúng sinh tránh được mọi lỗi lầm và mau chóng thực chứng được Chính Pháp Giải Thoát của Đấng Phật Đà.

Mùa Hạ năm Giáp Ngọ (2014)
Huyền Thanh (**Nguyễn Vũ Tài**) kính ghi

HỒNG DANH A DI ĐÀ

Thoạt tiên Hồng Danh **A Di Đà** được ghi nhận qua tên Phạn là **Amṛta** có nghĩa đen là ***bất tử***, nghĩa bóng là ***Cam Lộ*** và Hồng Danh này đã được ghi nhận rất nhiều trong các Đà La Ni của Mật Giáo. Lại do hiển bày đặc tính **Trường Thọ** bằng cách dùng **nước Cam Lộ** (Amṛta), khi uống vào thì chẳng già chẳng chết, nên được tôn là **Cam Lộ Vương** (Amṛta-rāja), hoặc **Cam Lộ Vương Như Lai** (Amṛta-rāja-Tathāgata), **Cam Lộ Đại Minh Vương** (Amṛta-mahā-vidya-rāja) hay **Kim Cương Cam Lộ Thân** (Vajra-amṛta-kāya). Do các danh hiệu này mà Đức Phật A Di Đà được ghi nhận là một trong các Bản Tôn **Diên Mệnh Trường Thọ**.

Sau này Hồng Danh **A Di Đà** được ghi nhận qua tên phạn là **Amita** nghĩa là: **Vô Lượng** và được xưng là **Vô Lượng Phật** (Amita-buddha: biểu thị cho nhân cách Giác Ngộ của Trí Tuệ và Từ Bi không có cùng tận). Từ ý nghĩa **Vô Lượng** này cho nên A Di Đà Phật được dịch ý là **Vô Lượng Thanh Tịnh Phật** (Amita-śuddha-buddha: biểu thị cho sự Thanh Tịnh không có cùng tận dứt hẳn mọi bơn nhơ phiền não), **Vô Lượng Quang Phật** (Amitābha-buddha: biểu thị cho Trí Tuệ giải thoát), **Vô Lượng Thọ Phật** (Amitāyus-buddha: biểu thị cho Đại Định giải thoát).

Ý nghĩa của **Vô Lượng** (Amita) chính là không thể tính toán được, rộng lớn vô tận.... ở trong Mật Giáo là Tôn Chủ ở Phương Tây trong ngũ phương Phật, ở Thai Tạng Giới thì có tên là **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus), ở Kim Cương Giới thì được gọi là **Vô Lượng Quang** (Amitābha).... đại biểu cho Trí Phương Tiện của **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana-tathāgata), cũng tức là **Diệu Quán Sát Trí**. Tính của Trí ấy chẳng sinh chẳng diệt, bên trong thì chiếu soi thực tướng của các Pháp, bên ngoài thì chiếu soi căn cơ của chúng sinh, Đức ấy là Vô Lượng Vô Biên, lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Đại Nhật Kinh Sớ nói rằng: "Chúng sinh giới thì không có cùng tận, phương tiện Đại Bi của chư Phật cũng không có cùng tận, cho nên gọi là **Đại Vô Lượng Thọ**".

Từ các ý nghĩa này, Tạng Truyền Phật Giáo đã đem một thân của Đức Phật A Di Đà phân biệt thành hai Tôn Phật **Vô Lượng Quang** và **Vô Lượng Thọ** (hoặc xưng là **Trường Thọ Phật**) để cúng phụng, đồng thời ghi nhận **A Di Đà Phật** (Amita-buddha) là **Pháp Thân** (Dharma-kāya), **Vô Lượng Thọ Phật** (Amitāyus-buddha) là **Báo Thân** (Saṃbhoga-kāya) và **Vô Lượng Quang Phật** (Amitābha-buddha) là **Ứng Hóa Thân** (Nirmāṇa-kāya).

Kinh **Vô Lượng Thọ** ghi nhận 12 Hồng Danh của Đức Phật A Di Đà là:

1_ Vô Lượng Quang
2_ Vô Biên Quang
3_ Vô Ngại Quang
4_ Vô Đối Quang
5_ Diệm Vương Quang
6_ Thanh Tịnh Quang
7_ Hoan Hỷ Quang
8_ Trí tuệ Quang
9_ Bất Đoạn Quang
10_ Nan Tư Quang
11_ Vô Xứng Quang
12_ Siêu Nhật Nguyệt Quang

Kinh **Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm** ghi nhận 13 Hồng Danh là:
1_ Vô Lượng Quang
2_ Vô Ngại Quang
3_ Thường Chiếu Quang
4_ Bất Không Quang
5_ Lợi Ích Quang
6_ Ái Lạc Quang
7_ An Ổn Quang
8_ Giải Thoát Quang
9_ Vô Đẳng Quang
10_ Bất Tư Nghị Quang
11_ Quá Nhật Nguyệt Quang
12_ Đoạt Nhất Thiết Thế Gian Quang
13_ Vô Cấu Thanh Tịnh Quang

Kinh **Đại Bảo Tích 17_18** ghi nhận 15 Hồng Danh là:
1_ Vô Lượng Quang
2_ Vô Biên Quang
3_ Vô Trước Quang
4_ Vô Ngại Quang
5_ Chiếu Vương Quang
6_ Đoan Nghiêm Quang
7_ Ái Quang
8_ Hỷ Quang
9_ Khả Kiến Quang
10_ Bất Tư Nghị Quang
11_ Vô Đẳng Quang
12_ Bất Khả Xứng Lượng Quang
13_ Ánh Tệ Nhật Quang
14_ Ánh Tệ Nguyệt Quang
15_ Yểm Đoạt Nhật Nguyệt Quang

Kinh **Sukhāvatī-vyūha** ghi nhận 19 Hồng Danh là:
1_ Vô Lượng Quang (Amitābha)
2_ Vô Lượng Quang Minh (Amita-prabha)
3_ Vô Lượng Minh (Amita-prabhāsa)
4_ Vô Đối Chiếu Quang (Asamāpta-prabha)
5_ Vô Trước Quang (Asanghata-prabha)
6_ Diệm Vương Quang (Prabhāśikhotsṛṣṭa-prabha)
7_ Thiên Châu Quang (Sadivya-maṇi-prabha)
8_ Vô Ngại Quang Minh Nhiễm Quang (Apratihata-raśmi-rāga-prabha)
9_ Mỹ Quang (Rājanīya-prabha)
10_ Ái Quang (Premanīya-prabha)
11_ Hỷ Quang (Pramodanīya-prabha)
12_ Từ Quang (Samgamanīya-prabha)
13_ An Ổn Quang (Upoṣanīya-prabha)
14_ Bất Đoạn Quang (Nibandhanīya-prabha)
15_ Cực Tinh Tiến Quang (Ativīrya-prabha)
16_ Vô Đẳng Quang (Atulya-prabha)

17_ Siêu Nhân Vương Chính Kiến Vương Quang (Abhibhūya-narendra-maunayendra-prabha)

18_ Khúc Áp Tĩnh Mãn Nguyệt Nhật Quang (Śraṃtasamcayendu-sūrya-jihmīkaraṇa-prabha)

19_ Khúc Áp Siêu Hộ Thế-Nhân Đà La-Phạm Thiên-Tịnh Cư-Đại Tự Tại-Nhất Thiết Quang (Abhibhūya-lokapāla-śakra-brahma-śuddhāvāsa-maheśvara-sarvadeva-jihmīkaraṇa-prabha)

Tạng Bản ghi nhận 19 Hồng Danh là:

1_ Vô Lượng Quang
2_ Vô Lượng Chiếu
3_ Vô Đối Quang
4_ Vô Trước Quang
5_ Vô Ngại Quang
6_ Thường Phóng Quang
7_ Thiên Châu Quang
8_ Vô Ngại Quang Minh Vương Quang
9_ Thành Ái Quang
10_ Hoan Hỷ Quang
11_ Tối Thắng Hoan Hỷ Quang
12_ Thỏa Mãn Quang
13_ Khả Kiến Quang
14_ Hòa Hiệp Quang
15_ Bất Khả Tư Nghị Quang
16_ Vô Đẳng Quang
17_ Khúc Áp Nhân Vương Thiên Vương Quang
18_ Khúc Áp Nhật Nguyệt Lịnh Ám Muội Quang
19_ Khúc Áp Hộ Thế-Nhân Đà La-Phạm Thiên-Tịnh Cư-Đại Tự Tại-Nhất Thiết Thiên-Lịnh Ám Muội Quang.

Ngoài ra Đức A Di Đà Phật còn có tên gọi là Kỳ Thọ Mệnh Vô Lượng, Quang Minh Vô Lượng, Năng Hộ Hữu Chúng Sinh Viên Mãn Vô Lượng Thọ Mệnh, Vô Lượng Quang Minh.

Phật Giáo Tây Tạng thường xưng tán Ngài qua Hồng Danh **A Di Đà Thiên** (Amita-deva:Vô Lượng Thiên) và trì niệm Tâm Chú là "OṂ AMITA-DEVA HRĪḤ"

A Di Đà Phật là Giáo Chủ của Thế Giới Cực Lạc (Sukhā-vatī) ở phương Tây, dùng Quán Thế Âm và Đại Thế Chí làm hai vị Đại Bồ Tát hầu cận. Trong đó Bồ Tát **Quán Thế Âm** (Avalokiteśvara) biểu thị cho **Từ Bi**, còn Bồ Tát **Đại Thế Chí** (Mahā-sthāmaprāpta) biểu thị cho **Trí Tuệ.**

Trong Kinh nói: Thọ mệnh của Đức Phật ấy với nhân dân kéo dài vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp cho nên có tên là Di Đà.

Trong quốc thổ Cực Lạc, thọ mệnh của chúng sinh là vô lượng, Đức Phật Di Đà cũng có thọ mệnh vô lượng, bởi vì thế giới Cực Lạc là tâm Đại Bi của Phật A Di Đà là nơi thành tựu của sức Đại Nguyện, là Pháp Giới chẳng thể luận bàn.

Thế giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà là ánh sáng của vô lượng, thọ mạng của vô lượng, cho nên chúng sinh của thế giới Cực Lạc ấy có thọ mạng kéo dài liên tục chẳng dứt, có thể dùng sự bất đoạn đó mà tu hành. Tu hành ở thế giới Cực Lạc có thể đạt được tính nhất quán, cũng ở trong thế giới này nhất định đạt được thành tựu.

Từ Mật ý trên để giảng "**Vô Lượng Thọ**" chẳng phải là toàn bộ thọ mệnh lâu dài của cảnh bên ngoài mà đó là phương diện **Lý** của thế giới Cực Lạc. Tất cả chúng sinh

cuối cùng sẽ thành Phật, viên mãn Phật Quả. Mà sau khi viên mãn Phật Quả, tức là an trú tại **Thường Tịch Quang** tức là vĩnh viễn an trú ở cảnh giới Vô Lượng Thọ của cõi Niết Bàn yên tĩnh.

Đức Phật A Di Đà và chúng sinh của Thế Giới **Ta Bà** (Sāha-loka-dhātu) này rất là có duyên nên có thể trợ giúp cho chúng ta thành tựu cảnh giới của Vô Lượng Thọ.

Trong Kinh Phật thường đề cập đến mỗi vị Phật Đà có thọ mệnh ngang bằng một ngàn kiếp nhằm giải thích mỗi loại đều có thời gian dài ngắn, Đó là cách nói để làm rõ ý trên. Nhưng đem Mật Ý trên để nói thì tuổi thọ của Đức Phật không thể đem thời gian dài ngắn mà nói là **Niết Bàn** (Nirvāṇa), tức là Thường Tịch Quang hay phóng tỏa ánh sáng, hay Xuất Ứng bởi vì có nhân có duyên cho nên cũng có thể nói là **Vô Gián Vô Lượng Thọ.**

Theo Tạng truyền Phật Giáo, trong **Thế Giới Sa Bà** (Sāha-loka-dhātu): chư Phật, Bồ Tát luôn hiện bày trăm ngàn loại phương thức chẳng đồng, đem đến lợi ích cho chúng sinh, trong đó **Thọ Mệnh** và **Trí Tuệ** là hai điều rất trọng yếu. Đối với người đời, nếu không có mạnh khỏe sống lâu ắt không có Pháp thành tựu sự nghiệp ấy và người tu hành cũng không có Pháp tu hành viên mãn. Do **Vô Lượng Thọ Phật** (hay **Trường Thọ Phật**) có Đức đặc biệt là hay giúp cho chúng sinh tăng trưởng Trí Tuệ Phước Đức và Thọ Mệnh nên được tôn xưng là một trong ba Tôn trường thọ. Người tu theo Pháp này hay tránh được cái chết đột ngột không đúng thời, diệt tội sống lâu, thành tựu sự bất tử.... cho nên **Vô Lượng Thọ Phật** (hay **Trường Thọ Phật**) được xem là **Tổng Tập** của chư Phật và được xem là Bản Tôn trọng yếu phi thường trong Phật Giáo, chẳng phân biệt **Hiển Mật**

Y theo Kinh **Quán Vô Lượng Thọ** nói: Khi còn ở Nhân Địa, Ngài là vị Tỳ Khưu Pháp Tạng thời ở trước Đức Phật **Thế Tự Tại Vương** (Lokeśvara-rāja) phát khởi Tâm Vô Thượng Đạo, dùng 48 Hoằng Nguyện thề nguyện xây dựng Thế Giới **Cực Lạc** (Sukhā-vatī) rất trang nghiêm không thể sánh ở trong cõi Phật của mười phương, siêng năng tu tập Bồ Tát Đạo mà thành Phật.

A Đi Đà Phật có **Bi Nguyện** rộng lớn, **Tâm Từ** sâu xa mà Pháp Môn **Niệm Phật** ấy lại đơn giản dễ hành nên trong Phật Giáo Đại Thừa, Đức Phật A Di Đà chiếm địa vị rất trọng yếu. Tại các quốc gia tín ngưỡng Đại Thừa có rất nhiều người tin theo. Trung Quốc cổ đại có nói Pháp: "***Nhà nhà A Di Đà, cửa cửa Quán Thế Âm***" chính là sự phổ biến lưu truyền tín ngưỡng A Di Đà.

BẢN SINH CỦA ĐỨC PHẬT A DI ĐÀ

_ Kinh **Bi Hoa**, Phẩm **Đại Thí** có ghi: "Trong đời quá khứ cách thời của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni rất lâu xa, có vị Chuyển Luân Vương tên là **Vô Tránh Niệm** (Aranemin). Lúc đó có vị Đại Thần thuộc dòng Bà La Môn tên là **Bảo Hải** (Ratna-sāgara), vị này có một người con xuất gia và tu thành Đạo, hiệu là **Bảo Tạng Như Lai** (Ratna-garbha). Khi Đức Bảo Tạng Như Lai đến thành phố **A Châu La** (Añjura) thì vua Vô Tránh Niệm và các vương tử đã đến cúng dường ba tháng. Sau khi được Bảo Hải khuyên phát Tâm Bồ Đề vượt qua biển khổ cứu độ chúng sinh thì đức vua Vô Tránh Niệm đã phát nguyện và được Đức Bảo Tạng Như Lai ấn chứng sẽ thành Phật tên là **A Di Đà** tại quốc độ **Cực Lạc** ở phương Tây"

_ Kinh **Vô Lượng Thọ** ghi chép rằng: "Vào thời quá khứ cách đây rất lâu, có một Đức Phật tên là **Thế Tự Tại Vương** (Lokeśvara-rāja) xuất hiện ở đời nói pháp, lúc đó có một vị Chuyển Luân Thánh Vương phát tâm xuất gia, tên là Tỳ Kheo **Pháp Tạng** (Dharma-kara: Tác Pháp, hoặc Pháp Tích). Tỳ Kheo Pháp Tạng ở trước Đức Phật Thế tự Tại Vương, phát khởi Đạo Tâm Vô Thượng dùng bốn mươi tám đại nguyện, thệ nguyện gom hết thảy sự Trang Nghiêm của Pháp Giới Tịnh Thổ vào cõi đó để hình thành Thế Giới Cực Lạc, tu tập Đạo Bồ Tát mà thành Phật. Sức nguyện căn bản là hy vọng trong mười phương cõi Phật thì Cực Lạc Tịnh Thổ là thù thắng nhất, vi diệu nhất. Do đó Đức Phật Thế Tự Tại Vương vì Tỳ Kheo Pháp Tạng mà nói hai trăm mười triệu cõi Phật. Tỳ Kheo Pháp Tạng đem một số cõi Phật làm tư liệu, tuyển chọn một số nơi thù thắng vi diệu của cõi Phật, xây dựng thành bản đồ xanh (Lam đồ) Tịnh Thổ của mình. Tỳ Kheo Pháp Tạng phát nguyện Thù Thắng này tu học Sáu Ba La Mật, cuối cùng viên mãn thành Phật tên là A Di Đà"

Đức A Di Đà thành Phật cho đến nay đã hơn mười kiếp. Quốc thổ do bảy Báu tạo thành, không có Núi, Biển, Sông, Hồ….thuần nhất bằng phẳng. Cũng chẳng có ba loại Ac Đạo, Quỷ Thần. Chúng sinh đều là Bồ Tát, La Hán, thọ mạng vô lượng, thức ăn uống cũng tự nhiên hiện ra. Vãng sinh ở cõi Phật A Di Đà hóa sinh trong hoa sen ở ao báu, diện mạo đoan trang không thể sánh kịp, Thế Giới Cực Lạc có Pháp Hỷ Vô Lượng Vô Biên Trang Nghiêm, đều là nơi thành tựu của sức đại nguyện Di Đà.

Tại Đại Hùng Bảo Điện trong Tự Viện Phật Giáo ở Trung Quốc thường cung phụng Tượng Phật của ba Tôn đại biểu cho ba Thế Giới khác nhau ở Đông, Tây và chính giữa. Tức là **Hoành Tam Thế**, hoặc xưng là **Tam Bảo Phật**, **Tam Phương Phật.** Trong tạo hình này thì A Di Đà Phật được an trí ở bên phải của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, ngồi Kiết Già trên đài sen, hai tay kết Định Ấn, ngửa lòng bàn tay đặt chồng lên nhau trên bàn chân, trong lòng bàn tay lại có một tòa đài sen biểu thị cho ý "*Tiếp dẫn chúng sinh vãng sinh về Tây Phương Cực Lạc Tịnh Thổ, hóa sinh ở trong hoa sen"*

HÌNH TƯỢNG CỦA ĐỨC PHẬT A DI ĐÀ

Trong **Thập Lục Quán Pháp** của Kinh **Quán Vô Lượng Thọ** chủ yếu là Quán tưởng Thế Giới Cực Lạc và Đức Phật A Di Đà, trong Kinh văn miêu tả nói Thân Tướng của Đức Phật A Di Đà: Thân của Phật Vô Lượng Thọ như trăm ngàn vạn ức sắc vàng ròng Diêm Phù Đàn Trời **Dạ Ma** (Yama), thân Phật cao sáu mươi vạn ức Na Do Tha Hằng Hà Sa Do Tuần, **Bạch Hào** (Ūrṇa: sợi lông mày trắng) giữa hai lông mày (Tam tinh) xoay bên phải uyển chuyển như năm tòa núi Tu Di, mắt Phật như bốn biển lớn xanh biếc , trong trắng rõ ràng, các lỗ chân lông nơi thân Phật phóng tỏa ánh sáng như núi Tu Di. Viên Quang (hào quang tròn) của Phật ấy như trăm ức ba ngàn Đại Thiên Thế Giới.Trong Viên Quang ấy có trăm ức Na Do Tha Hằng Hà Sa Hóa Phật. Mỗi mỗi Hóa Phật cũng có đông nhiều vô số Hóa Bồ Tát làm Thị Giả.

Thân Phật Vô Lượng Thọ có tám vạn bốn ngàn Tướng tốt. trong mỗi mỗi Tướng tốt còn có tám vạn bốn ngàn Quang Minh, mỗi mỗi Quang Minh chiếu khắp Thập Phương Thế Giới, nhiếp lấy chúng sinh niệm Phật chẳng bỏ sót. Quang Minh, tướng tốt và Hóa Phật ấy chẳng thể nói đủ hết.

Đó là giải thích nội dung của Quán tưởng hình tượng Phật Vô Lượng Thọ, trong đó Phật A Di Đà có thân cao, Tướng, Bạch Hào, mắt Phật, các lỗ chân lông, đặc biệt là từ trong các lỗ chân lông phóng ra nguồn ánh sáng bất khả tư nghị, vả lại Phật A Di Đà cũng có đầy đủ Hóa Phật, Hóa Bồ Tát và bốn mươi tám ngàn Chủng Tướng.

Hình tượng trên Thế Gian của Đức Phật A Di Đà thường là ngồi xếp bằng theo tư thế Kiết Già Kim Cương ngay ngắn, tay kết **Định Ấn**, tức là bàn tay trái nằm ngửa để ở trên rốn, bàn tay phải nằm ngửa đặt chồng lên tay trái, hai đầu ngón tay cái hơi dính vào nhau. Ấn này cũng là **A Di Đà Như Lai Ấn**, khiến cho tất cả cuồng loạn vọng niệm đều được ngưng dứt, làm cho tâm chú vào một cảnh giới, vào Cực Lạc của Tam Muội là Ấn Tướng Tối Thắng bậc nhất.



Ngoài tượng Phật A Di Đà với tư thế ngồi, cũng có làm tượng Phật A Di Đà đứng với **Ấn Tiếp Dẫn**

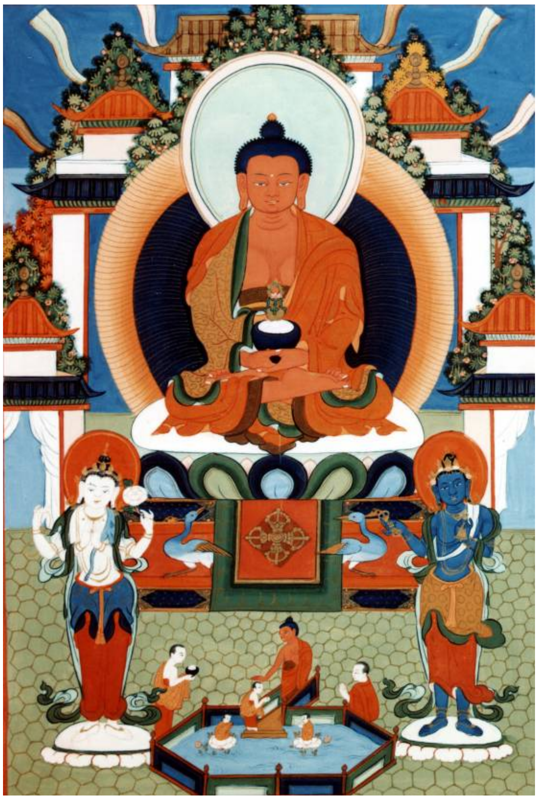


Bồ Tát quyến thuộc của Đức Phật A Di Đà rất phổ biến thường là hai vị Đại Sĩ **Quán Thế Âm Bồ Tát** (Avalokite1svara) và **Đại Thế Chí Bồ Tát** (Mahā-sthāma-prāpta), hai vị đó đi theo Đức Phật A Di Đà Ở Thế Giới **Cực Lạc** (Sukhā-vatī) để giáo hóa Chúng Sinh, cũng ở trong Thế Giới Ta Bà dùng Đại Bi Cứu Độ tất cả chúng sinh, giúp đỡ cho Đức Phật A Di Đà khiến cho chúng sinh có thể phát nguyện thanh tịnh Vãng Sinh Tịnh Thổ Cực Lạc. Lúc mệnh chung sẽ tiếp dẫn hành nhân về cõi Tịnh Độ. Nhân Gian thường thường tạo tượng Đức Phật A Di Đà ở chính giữa, bên phải là Quán Thế Am Bồ Tát, bên trái là Đại Thế Chí Bồ Tát, hình thành **Tây Phương Tam Thánh** hoặc xưng là **Di Đà Tam Tôn.**



Mật Giáo Tây Tạng còn thờ phụng Tôn Tượng **Tam Thánh** với Đức Phật **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus) ở chính giữa, bên phải là **Kim Cương Thủ Bồ Tát** (Vajra-pāṇi: Kim Cương Thủ là tướng phẫn nộ của Bồ Tát Đại Thế Chí) biểu thị cho Trí Tuệ, bên trái là **Liên Hoa Thủ Bồ Tát** (Padma-pāṇi, tức Quán Âm Bồ Tát) biểu thị cho Từ Bi





Đức Phật A Di Đà có bốn vị Bồ Tát theo hầu là: **Địa Tạng** (Kṣiti-garbha), **Quán Âm** (Avalokiteśvara), **Đại Thế Chí** (Mahā-sthāmaprāpta), **Long Thọ** (Nāgarjuna) và xưng là **A Di Đà Ngũ Phật** tiếp dẫn chúng sinh về cõi Cực Lạc.



Tôn hình của 25 vị Bồ Tát theo hầu Đức Phật A Di Đà, tiếp dẫn chúng sinh về cõi Cực Lạc là:

1_ Quán Thế Âm Bồ Tát (Avalokiteśvara), chữ chủng tử là A (𑖀)



2_ Đại Thế Chí Bồ Tát (Mahā-sthāma-prāpta), chữ chủng tử là Saṃ (𑖭𑖽)



3_ Dược Vương Bồ Tát (Bhaiṣaijya-rāja), chữ chủng tử là Hūṃ (𑖮𑖳𑖽)



4_ Dược Thượng Bồ Tát (Bhaiṣaijya-samudgata), chữ chủng tử là Aṃ (अं)



5_ Phổ Hiền Bồ Tát (Samanta-bhadra), chữ chủng tử là A (अ)



6_ Pháp Tự Tại Bồ Tát (Dharmeśvara), chữ chủng tử là Dha (ध)



7_ Sư Tử Hống Bồ Tát (Siṃha-nāda), chữ chủng tử là Vaṃ (ṿ)



8_ Đà La Ni Bồ Tát (Dhāranī), chữ chủng tử là Dha (◁)



9_ Hư Không Tạng Bồ Tát (Ākāśa-garbha), chữ chủng tử là I (◎)



10_ Đức Tạng Bồ Tát (Guṇa-garbha), chữ chủng tử là Aṃ (𑖀𑖽)



11_ Bảo Tạng Bồ Tát (Ratna-garbha), chữ chủng tử là Trāḥ (𑖝𑖿𑖨𑖯𑖾)



12_ Kim Tạng Bồ Tát (Suvarṇa-garbha), chữ chủng tử là Va (𑖪)



13_ Kim Cương Tạng Bồ Tát (Vajra-garbha), chữ chủng tử là Hūṃ (हूं)



14_ Sơn Hải Tuệ Bồ Tát (Giri-sāgara-mati), chữ chủng tử là Hrīḥ (ह्रीः)



15_ Quang Minh Vương Bồ Tát (Raśmi-prabha-rāja), chữ chủng tử là A (अ)



16_ Hoa Nghiêm Vương Bồ Tát (Avataṃsaka-rāja), chữ chủng tử là Aḥ (𑖀𑖾)



17_ Chúng Bảo Vương Bồ Tát (Gaṇa-ratna-rāja), chữ chủng tử là Trāḥ (𑖝𑖿𑖨𑖯𑖾)



18_ Nguyệt Quang Vương Bồ Tát (Candra-prabha-rāja), chữ chủng tử là Va (𑖪)



19_ Nhật Chiếu Vương Bồ Tát (Divā-kara-rāja), chữ chủng tử là Ka (क)



20_ Tam Muội Vương Bồ Tát (Samādhi-rāja), chữ chủng tử là Aḥ (अः)



21_ Định Tự Tại Vương Bồ Tát (Samādhīśvara-rāja), chữ chủng tử là A (अ)



22_ Đại Tự Tại Vương Bồ Tát (Maheśvara-rāja), chữ chủng tử là Ma (𑖦)



23_ Bạch Tượng Vương Bồ Tát (Śukla-hasta-rāja), chữ chủng tử là Ga (𑖐)



24_ Đại Uy Đức Vương Bồ Tát (Mahā-teja-rāja), chữ chủng tử là Hūṃ (𑖮𑖳𑖽)



25_ Vô Biên Thân Bồ Tát (Ananta-kāya), chữ chủng tử là A (आ)



Tôn hình Đức Phật A Di Đà tiếp dẫn chúng sinh về cõi Cực Lạc là:



Tôn hình A Di Đà với các chúng Thánh tiếp dẫn chúng sinh về cõi Cực Lạc là:





Đồ hình **Tây Phương Liên Trì Hải Hội**



_ Hệ Phái **Hiển Mật** thường tạo dựng Tôn Tượng Phật A Di Đà ở chính giữa, hai bên có 8 vị Bồ Tát theo hầu là : **Hư Không Tạng** (Ākāśa-garbha), **Phổ Hiền** (Samanta-bhadra), **Kim Cương Tát Đỏa** (Vajra-satva) hay **Kim Cương Tạng** (Vajra-garbha), **Văn Thù Sư Lợi** (Mañjuśrī), **Trừ Cái Chướng** (Sarva-nīvaraṇa-viṣkaṃbhin), **Địa Tạng** (Kṣiti-garbha), **Quán Âm** (Avalokiteśvara), **Di Lặc** (Maitreya) và xưng là **A Di Đà Cửu Tôn**



Hệ thống Mật Giáo còn ghi nhận Tôn Tượng A Di Đà Như Lai ngồi trên tòa chim công (Khổng Tước Tòa)



Tạng Truyền Phật Giáo ghi nhận Tôn hình của **Vô Lượng Thọ Phật** (hay **Trường Thọ Phật**) là: thân màu hồng, có một cái đầu, hai cánh tay, tóc cột thành búi, đội mão báu ngũ Phật, mặc Thiên Y, quần lụa, thân đeo châu báu Anh Lạc, đầy đủ tất cả các loại trang nghiêm của Báo Thân Phật, hai tay để trên đầu gối kết **Định Ấn**, trên tay có **bình báu Trường Thọ**, trong bình báu hoặc đặt một đóa hoa Cát Tường, hai chân ngồi xếp bằng tư thế Kim Cương trên vành trăng trong hoa sen.



Tây Tạng vẽ **Đường Ca** (Thang-ka) thường dùng **Trường Thọ Phật, Đỉnh Kế Tôn Thắng Phật Mẫu, Bạch Độ Mẫu** làm **Trường Thọ Tam Tôn** (3 Tôn Trường Thọ), bốn phương là bốn Sự Nghiệp Không Hành Mẫu **Tức** (Tức Tai), **Tăng** (Tăng Ích), **Hoài** (Kính Ái), **Tru** (Giáng Phục) vây quanh... dùng câu triệu tinh hoa của năm Đại: đất, nước, lửa, gió, hư không với nhóm Thọ Mệnh, Phước Đức, Trí Tuệ.



_Trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) **A Di Đà được xưng** gọi là **Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitāyus-tathāgata) ngự ở cánh hoa phương Tây biểu thị cho Trí Phương Tiện Phổ Môn của Như Lai, là sự tu hành viên mãn đắc được quả Đức Tự Chứng nên còn gọi là Chứng Bồ Đề. Lại được biểu hiện cho **Diệu Quán Sát Trí** (Pratyave-kṣana-jñāna) là Trí khéo biết tướng chung tướng riêng của các Pháp mà không hề bị ngăn chuyển, lại y theo từng loại căn cơ của chúng Hữu Tình mà tự tại thuyết Pháp giáo hóa chúng sinh. Do đó Diệu Quán Sát Trí được xem là **Ứng Hóa Pháp Thân** (Nirmāṇa-dharma-kāya) của Đại Nhật Như Lai là Thân giáo hóa nhiếp thọ Bồ Tát Sơ Địa, Nhị Thừa, Phàm Phu.

Phương Tây chủ về mùa Thu là chỗ quy chung của vạn vật nên biểu thị cho Đức của **Niết Bàn** (Nirvāṇa) tương ứng với sự chung cực của Hành Chứng. Đức Vô Lượng Thọ Như Lai có thân màu vàng chói là sắc tu hành viên mãn, nghĩa là chẳng thể phá hoại, chuyển **thức thứ sáu** (Mano-vijñāna:Ý Thức) thành Diệu Quán Sát Trí là Đức của sự nói Pháp chặt đứt nghi ngờ của Đại Nhật Như Lai.

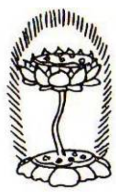
Đức Vô Lượng Thọ Như Lai kết A Di Đà Định Ấn với hai tay đem ngón trỏ nối ngón cái thành hình bầu dục, 3 ngón còn lại đặt chồng lên nhau biểu tượng cho 3 Đại (Đất, Nước, Lửa) dùng để chinh phục 2 Phiền Não Ma là Tham, Sân, Si…còn hình bầu dục tượng trưng cho Niết Bàn. Vì thế Ngài còn được được gọi là **Thanh Tịnh Kim Cương**

Tôn Hình:Thân hiện màu đỏ trắng, tay kết A Di Đà Định Ấn, khoác áo mỏng, ngồi yên trên tòa sen

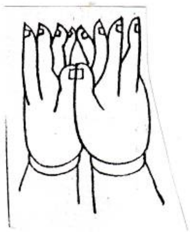


Chữ chủng tử là: AṂ (अं) hay SAṂ (सं)

Tam Muội Gia Hình là hoa sen hé nở hay Sơ Cát Liên Hoa



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng hay **Liên Hoa Tạng Ấn:** Còn gọi là Như Lai Tạng Ấn. Dựa theo Không Tâm Hợp Chưởng, bung tán 2 ngón vô danh, 2 ngón giữa, 2 ngón trỏ như hoa sen 8 cánh, biểu thị cho Đức hàm chứa Đại Bi.



Hoặc **A Di Đà Định Ấn**:

Hai tay cài chéo nhau, duỗi thẳng hai ngón cái cùng chạm đầu ngón, dựng thẳng lóng giữa của hai ngón trỏ sao cho hai đầu ngón trỏ chạm ngón cái. Ngoài ra ngón út, ngón vô danh, ngón giữa tất cả sáu ngón cài cùng chéo nhau bám lót ngón cái và ngón trỏ.



Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ SAṂ SAḤ _ SVĀHĀ

_Trong **Kim Cang Giới Mạn Trà La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)

.) Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì A Di Đà Như Lai là Thân Đẳng Giác của **Pháp Bình Đẳng** được tuôn ra từ **Diệu Quán Sát Trí** (Pratyave-kṣana-jñāna) của **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana-tathāgata), tượng trưng cho Trí Tuệ Phổ Môn của tất cả Như Lai, khéo vận dụng phương tiện giáo hóa tất cả chúng sinh một cách bình đẳng

Do Đức **Phật Quán Tự Tại Vương** (Lokeśvara-rāja-buddha) gia trì cho nên Ngữ Luân hay nói vô lượng Pháp Môn **Tu Đa La** (Sūtra: Khế Kinh).

Trong Hội này thì A Di Đà được xưng gọi là **Vô Lượng Quang Như Lai** (Amitābha-tathāgata) là Chủ của **Liên Hoa Bộ** (Padma-kulāya), biểu thị cho việc chuyển **thức thứ 6** (Mano-vijñāna: Ý Thức) thành **Diệu Quán Sát Trí** và được xem là **Thọ Dụng Trí Tuệ Thân**

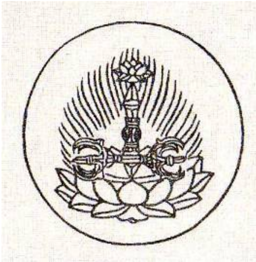
Tôn Hình: Thân màu đỏ, khoác áo kín vai phải, tay kết Di Đà Định Ấn



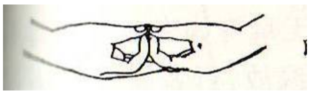
Mật Hiệu là: **Thanh Tịnh Kim Cương, Đại Bi Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HRĪḤ ()

Tam Muội Gia Hình là: Trên hoa sen để chày Ngũ Cổ nằm ngang, trên chày để chày Độc Cổ dựng đứng, trên đầu chày có hoa sen hé nở



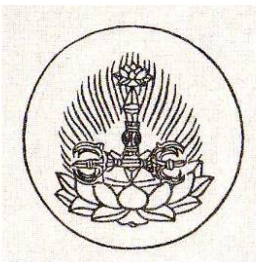
Tướng Ấn là: Di Đà Định Ấn



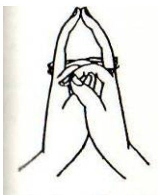
Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖩𑖺𑖎𑖸𑖫𑖿𑖪𑖨 𑖨𑖯𑖕 𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾
OṂ_ LOKEŚVARA-RĀJA HRĪḤ

.) Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì A Di Đà Như Lai có chữ chủng tử là: HRĪḤ (𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾)

Tam Muội Gia Hình là: Trên hoa sen để chày Ngũ Cổ nằm ngang, trên chày để chày Độc Cổ dựng đứng, trên đầu chày có hoa sen hé nở. Biểu thị cho **Nhất Thiết Như Lai Tam Ma Địa Trí**. Do mới phát tâm liền hay chuyển bánh xe pháp **Biện Vô Ngôn Thuyết**, Lý không có bờ mé, nơi thâu nhiếp của **Ngữ Bộ** hay khiến cho chúng sanh thông minh lợi trí. Đây là chỗ nhiếp của **Pháp Bộ** (Dharma-kulāya) ở phương Tây, tức là **Diệu Quán Sát Trí** (Pratyavekṣana-jñāna).



Tướng Ấn là:Hai tay tác Ngoại Phộc, duỗi hai ngón giữa cùng vịn nhau như hình hoa sen



Chân Ngôn là:
𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖕𑖿𑖗𑖯𑖡 𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾
VAJRA-JÑĀNA _ HRĪḤ

.) Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì A Di Đà Như Lai có chữ chủng tử là: HRĪḤ (𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾)
Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội

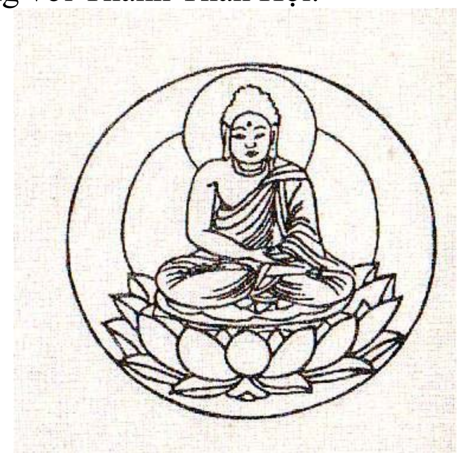


Chân Ngôn là:

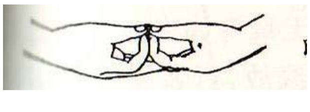
OṂ_ VAJRA-DHARMA SŪKṢMA- JÑĀNA-SAMAYA HŪṂ

.) Tại **Cúng Dường Hội** (Pūja) thì A Di Đà Như Lai có chữ chủng tử là: HRĪḤ

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tướng Ấn là: Di Đà Định Ấn.



Chân Ngôn là:

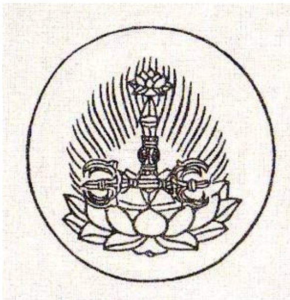
OṂ_ SARVA-TATHĀGATA VAJRA-DHARMA ANUTTARA-PŪJA SPHARAṆA SAMAYE HŪṂ

.)Tại **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** (Trailokya-vijaya-karma) thì A Di Đà Như Lai có chữ chủng tử là: LO

Tôn Hình: Khoác kín vai, hai tay nắm Kim Cương Quyền, giao chéo nhau ở trước ngực.



Tam Muội Gia Hình là: Chày Ngũ Cổ nằm ngang trên hoa sen, trên chày có một chày Độc Cổ dựng đứng, trên đầu chày có hoa sen nở rộ.

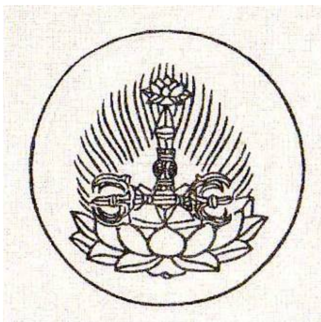


Chân Ngôn là:

OṂ_ LOKEŚVARA _ LO

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì A Đi Đà Như Lai có chữ chủng tử là: YA (𑖧)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Ngũ Cổ nằm ngang trên hoa sen, trên chày có một chày Độc Cổ dựng đứng, trên đầu chày có hoa sen nở rộ. Biểu thị cho **Nhất Thiết Như Lai Tam Ma Địa Trí**. Do mới phát tâm liền hay chuyển bánh xe pháp **Biện Vô Ngôn Thuyết**, Lý không có bờ mé, nơi thâu nhiếp của **Ngữ Bộ** hay khiến cho chúng sanh thông minh lợi trí. Đây là chỗ nhiếp của **Pháp Bộ** (Dharma-kulāya) ở phương Tây, tức là **Diệu Quán Sát Trí** (Pratyavekṣana-jñāna).



Chân Ngôn là:

OṂ_ DHARMA-SATVA KRODHA- JÑĀNA-SAMAYE HŪṂ

*) Các Chân Ngôn, Thần Chú, Thủ Ấn thông dụng của Đức A Di Đà Như Lai là:

_ **Tâm Chú:**

OṂ_ AMITĀBHA_ HRĪḤ

_ **Tiểu Chú:**

OṂ_ AMṚTA TEJE HARA HŪṂ

_ **Vãng Sinh Chú:**

NAMO AMITĀBHĀYA TATHĀGATĀYA

TADYATHĀ: AMṚTODBHAVE AMṚTA-SIDDHAṂBHAVE _ AMṚTA-VIKRĀNTE _ AMṚTA-VIKRĀNTA GĀMINE _ GAGANA KĪRTTI KARE SVĀHĀ

_ **Vãng Sinh Chú** (bản khác)

NAMO AMITĀBHĀYA TATHĀGATĀYA

TADYATHĀ: AMṚTODBHAVE AMṚTA-SAṂBHAVE _ AMṚTA-VIKRĀNTE _ AMṚTA-VIKRĀNTA GĀMINE _ GAGANA KĪRTTI KARE SVĀHĀ

_ **Đại Chú** (Thập Cam Lộ Chú):

NAMO RATNATRAYĀYA

NAMAḤ ĀRYA AMITĀBHĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHĀYA

TADYATHĀ: OṂ_ AMṚTE, AMṚTODBHAVE, AMṚTA SAṂBHAVE, AMṚTAGARBHE, AMṚTA SIDDHE, AMṚTA TEJE, AMṚTA VIKRĀNTE, AMṚTA VIKRĀNTA GAMINE, AMṚTA GAGANA KĪRTTI KARE, AMṚTA DUṆḌUBHISVARE , SARVA ARTHA SĀDHANE, SARVA KARMA KLEŚA KṢAYAṂ KARE SVĀHĀ

1_**A Di Đà Định Ấn**:

Hai tay cài chéo nhau, duỗi thẳng hai ngón cái cùng chạm đầu ngón, dựng thẳng lóng giữa của hai ngón trỏ sao cho hai đầu ngón trỏ chạm ngón cái. Ngoài ra ngón út, ngón vô danh, ngón giữa tất cả sáu ngón cài cùng chéo nhau bám lót ngón cái và ngón trỏ.

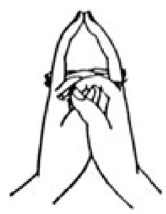


Ấn này biểu thị cho ý nghĩa: "*Chúng sinh trong sáu nẻo hiển được bốn Trí Bồ Đề"*. Như thế khi đánh mở Ấn này tức là Ấn Thuyết Pháp của Hóa Tha Môn. Ở lòng bàn tay, Phong (ngón trỏ) hòa với đỉnh đầu của Không (ngón cái) là thế mở bày, Phong (ngón trỏ) có công năng mở hoa, Phong (ngón trỏ) trong Không (ngón cái) là ý nghĩa *có đủ tự tại tự đắc*

Lại hai độ Thiền (ngón cái) Tiến (ngón trỏ) được ví dụ cho nghĩa *co nuôi dưỡng Thiền Định,* là hiểu rỏ sự cần thiết để dũng mãnh tăng trưởng Tâm Sen của Phật Tính nên khiến Thiền (ngón cái),Tiến (ngón trỏ) cùng hợp nhau, tức làm Ấn này.

2_ **A Di Đà Phật Căn Bản Ấn**:

Đây là Thủ Ấn mà Đức Phật A Di Đà đã kết trong Tam Muội Gia Hội của Kim Cương Giới. Hai tay tác Ngoại Phộc, dựng đứng hai ngón giữa cùng trụ nhau, hai ngón cái cùng cài chéo nhau như dạng cánh sen.



Ngoại Phộc là nghĩa Sinh Tử kết buộc, còn hoa sen biểu thị cho Phật Tính vốn có của chúng sinh, hai cổ tay giơ lên như xem xét Ngũ Cổ, dựng đứng hai cánh tay tức là Độc Cổ. Tám ngón tay của Ngoại Phộc tức chỉ hoa sen tám cánh, cánh sen của ngón giữa biểu thị cho Bản Tôn, Ngũ Cổ bên dưới cánh tay là sự bình đẳng của mười Giới gồm năm Phàm, năm Thánh; biểu thị cho Lý **Phàm Thánh chẳng hai.**

Chân Ngôn là: **Thập Cam Lộ Chú**.

3_ **A Di Đà Phật Cửu Phẩm Ấn**:

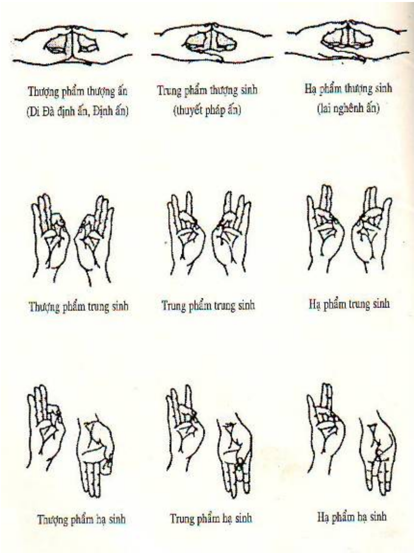
Cửu Phẩm Ấn tức là chín loại Ấn Tướng từ Thượng Phẩm Thượng Sinh cho đến Hạ Phẩm Hạ Sinh. Lại xưng là Vãng Sinh Cửu Phẩm ấn.

Căn cứ vào cách nói của Cửu Phẩm Vãng Sinh trong Kinh **Vô Lượng Thọ:** Y theo Nghiệp Tội tu hành của người tu Niệm Phật (Niệm Phật Hành Giả) thời chia ra làm Tướng Ấn của chín giai cấp. Ví như Vãng Sinh có chín phẩm vãng sinh , Thế Giới Cực Lạc có chín Phẩm Tịnh Thổ , chín phẩm niệm Phật cho nên Đức Phật A Di Đà cũng có phân biệt chín Phẩm Di Đà để biểu hiện cụ thể, tức là Cửu Phẩm Ấn.

Tướng Ấn liên quan đến Cửu Phẩm Ấn thời có nhiều loại giải thích.So sánh các điều thường thấy thì Tướng Ấn của Thượng Phẩm là chồng hai tay lên nhau để ở trên đùi (duỗi ba ngón tay, tay phải để bên dưới tay trái) như Di Đà Định Ấn.Tướng Ấn của Trung Phẩm là hai tay để trước ngực, hướng hai lòng bàn tay ra ngoài đặt cạnh nhau như Ấn Thuyết Pháp. Hạ Phẩm tức là hướng lòng bàn tay ra bên ngoài, tay phải hướng lên trên, tay trái hạ xuống dưới như Thí Vô Úy Ấn và Dữ Nguyện Ấn

Trong đó, Tướng Ấn của Thượng Sinh là đem ngón cái và ngón trỏ đã co cong lại cùng hợp nhau. Tướng Ấn của Trung Sinh là đem ngón cái và ngón giữa đã co cong lại cùng hợp nhau. Hạ Sinh là đem ngón cái và ngón vô danh đã co cong lại cùng hợp nhau.

Như thế, các Ấn của các Phẩm Vãng Sinh đều dựa theo đấy mà kết hợp , tức thành chín Phẩm Ấn là: Thượng Phẩm Thượng Sinh, Thượng Phẩm Trung Sinh, Thượng Phẩm Hạ Sinh, Trung Phẩm Thượng Sinh, Trung Phẩm Trung Sinh, Trung Phẩm Hạ Sinh, Hạ Phẩm Thượng Sinh, Hạ Phẩm Trung Sinh, Hạ Phẩm Hạ Sinh.



Trong số đó thì Ấn của Thượng Phẩm Thượng Sinh là Diệu Quan Sát Trí Ấn., lại gọi là Định Ấn, Di Đà Định Ấn; là Thủ Ấn rất thường thấy ở Tượng Phật A Di Đà ngồi. Còn loại Tượng đứng thì dùng Lai Nghênh Ấn, là Tướng Ấn rất phổ biến của Hạ Phẩm Thượng Sinh.Tướng Ấn của Trung Phẩm thì dùng Ấn Thuyết Pháp. Cách thức này được lưu truyền từ cuối đời nhà Đường trở đi, về sau được truyền vào Nhật Bản. Thuyết này rất thịnh hành trong Chân Ngôn Tông với Tịnh Độ Tông.

Trong " **Bạch Bảo Khẩu Sao**" đề cập đến " Ấn Chữa Bệnh " của Phật A Di Đà: Pháp Ấn chữa bệnh của Phật A Di Đà. Bàn tay trái nằm ngửa, bốn ngón tay co lại, lấy bàn tay phải đè úp lên bàn tay trái, bốn ngón tay cũng co lại đầu các ngón đều trụ vào tâm lòng bàn tay trái cùng câu móc với bàn tay trái sao cho lóng đốt các ngón tay trụ ở tâm lòng bàn tay, hai ngón tay cái thẳng, trạng thái giận dữ, Giáng Phục tất cả Quỷ Thần ác, liền khỏi bệnh.

_Tạng Truyền Phật Giáo ghi nhận chữ chủng tử của Trường Thọ Phật là: HRĪḤ màu hồng



_**Trường Thọ Phật Ấn** (pháp Giới Định Ấn):

Hai tay ngửa lòng bàn tay xếp chồng lên nhau, tay phải ở trên tay trái, hai ngón cái cùng tiếp chạm nhau



_**Trường Thọ Phật Tâm Chú**:
Tùy theo sự truyền thừa mà có nhiều bản khác nhau như



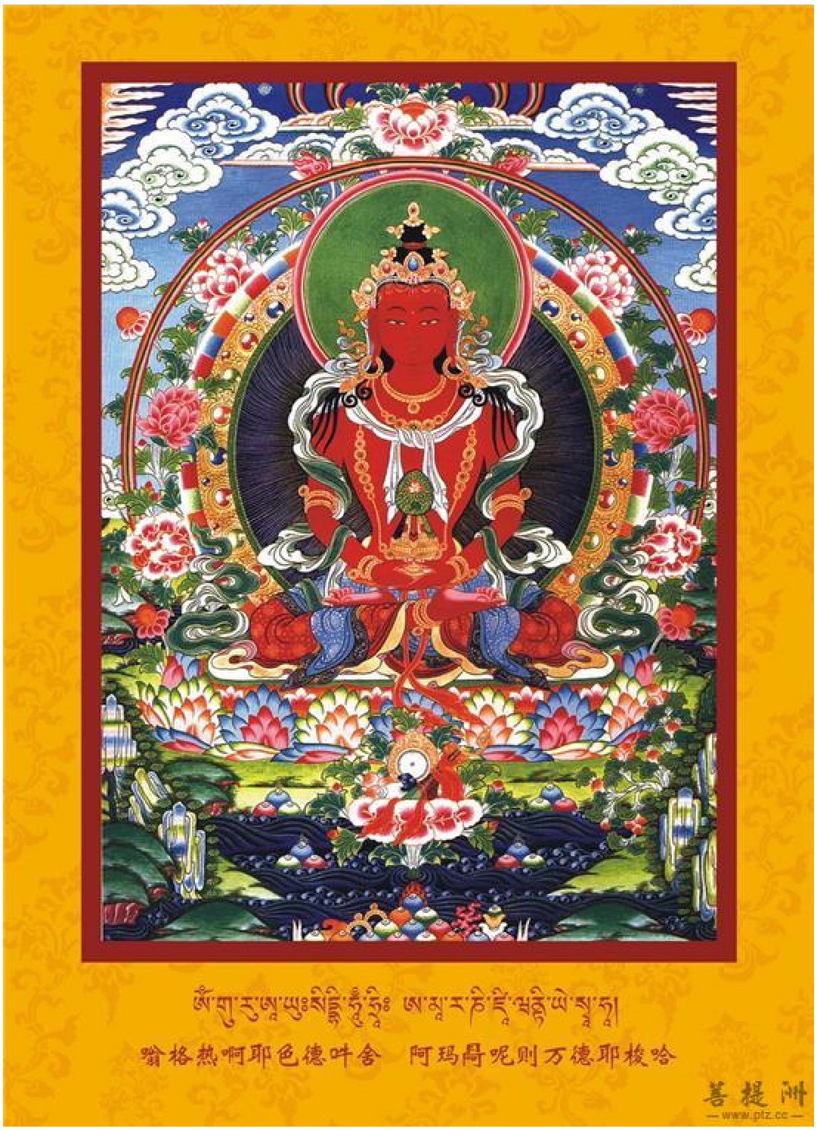
_Hoặc:
OṂ_ AMĀRANI JĪVANTĪYE SVĀHĀ



_Hoặc:
OṂ_ AMARAṆI JĪVANTAYE SVĀHĀ



_*Hoặc :*
OṂ_ GURU ĀYUḤ SIDDHI HŪṂ HRĪḤ_ AMĀRAṆI JIVANTIYE SVĀHĀ



_Theo người biên soạn thì hai bản sau có ý nghĩa chuẩn xác nhất

1_𑖌𑖼 𑖀𑖦𑖨𑖜𑖰 𑖕𑖱𑖪𑖡 𑖝𑖸𑖕𑖸 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

OṂ_ AMARANI JĪVANA TEJE SVĀHĀ

[Oṃ: Nhiếp triệu
Amarani jīvana: Sinh mệnh bất tử
Teje: Uy Đức, Uy Quang
Svāhā: Quyết định thành tựu]

2_ OṂ_ AMARANI JĪVANTĀYE SVĀHĀ

[Oṃ: Nhiếp triệu
Amarani jīvantāye: nhóm điểm cuối cùng của sinh mệnh bất tử
Svāhā: Quyết định thành tựu]

_Vì **Trường Thọ Phật** tức là **Vô Lượng Thọ Phật** nên một số Đạo Sư Tây Tạng lại truyền dạy **Vô Lượng Thọ Chú** là:

.)**Vô Lượng Thọ Tâm Chú** là:

OṂ_ TADYATHĀ APARAMITA ĀYUR-JÑĀNA HRĪḤ HŪṂ DHRŪṂ SVĀHĀ

.)**Vô Lượng Thọ Căn Bản Chú** là:

OṂ _ AMARAṆI JĪVINTĀYE SVĀHĀ

.)**Vô Lượng Thọ Trường Chú** là:

OṂ VAJRA ĀYUṢE HŪṂ AḤ

OṂ_ PUṆYE PUṆYE MAHĀ-PUṆYE APARAMITA-ĀYUR-PUṆYA-JÑĀNA SAMBHĀROPACITE SVĀHĀ

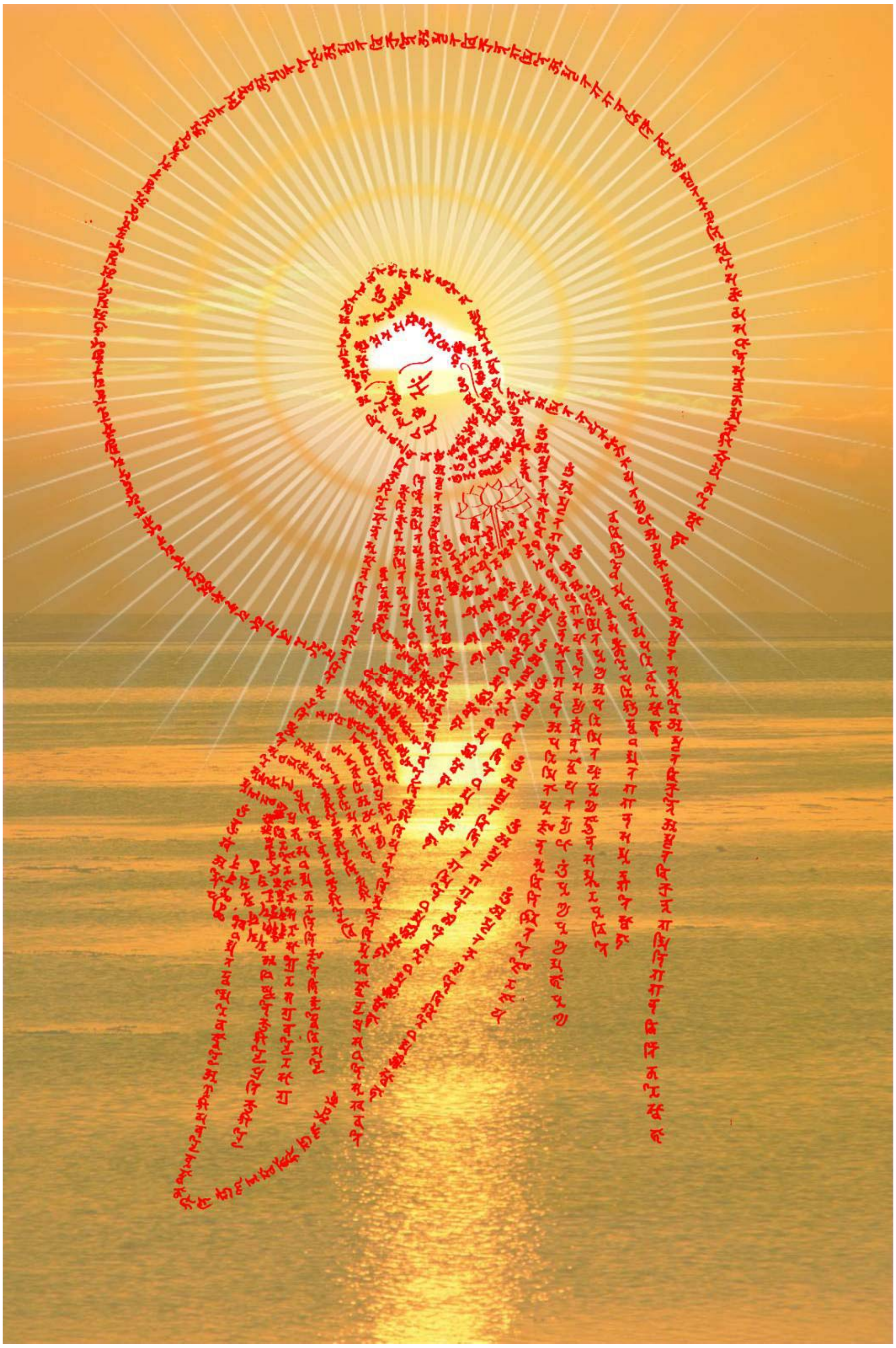
OṂ_NAMO BHAGAVATE APARAMITA-ĀYUR-JÑĀNA SUVINE ŚCITA TEJA-RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHĀYA_ TADYATHĀ: OṂ PUṆYE PUṆYE MAHĀ-PUṆYE _ APARAMITA-PUṆYA_ APARAMITA-PUṆYA-JÑĀNA SAṂBHĀROPACITE

OṂ_ SARVA SAṂSKĀRA PARIŚUDDHA DHARMATE GAGANA SAMUDGATE SVABHĀVA VIŚUDDHE, MAHĀ-NAYA PARIVĀRE SVĀHĀ

Kinh ghi rằng: "Trì tụng **Trường Thọ Phật Chú Ngữ** hay tăng trưởng Thọ Mạng và Phước Đức Trí Tuệ, tránh khỏi cái chết đột ngột không đúng thời và chết yểu, ý ngoại thân vong, tiêu trừ tất cả tội nghiệp từ kiếp sâu xa đến nay, chứng Thành Tựu sự Bất Tử, cũng vãng sinh tịnh thổ cực lạc ở phương Tây".

_**Trường Thọ Phật Pháp** lại xưng là **Trường Thọ Bách Tuế Pháp**, siêng tu Pháp này thì hay kéo dài Thọ Mệnh, tăng trưởng Tư Lương: Phước Đức, Trí Tuệ… cũng hay tồi diệt sự chết không đúng thời. Hết thảy tội chướng, mười ác, bốn nặng, năm vô gián trong thân thảy đều được tiêu tan hết

Tại Tây Tạng, rất nhiều người mong cầu được diên niên ích thọ, đều tham gia vào Pháp Hội của Trường Thọ Phật để cầu xin Đức Phật gia trì khiến cho mình được mạnh khỏe sống lâu



THẬP CAM LỘ ĐÀ LA NI



Kết **Vô Lượng Thọ Như Lai Căn Bản Ấn**: 2 tay cài chéo các ngón bên ngoài rồi nắm lại thành Quyền, hai ngón giữa đứng thẳng dựa đầu nhau như cánh sen. Kết Ấn xong, tụng **Vô Lượng Thọ Đà La Ni** 07 biến, xả Ấn ở đỉnh đầu.



Vô Lượng Thọ Như Lai Căn Bản Đà La Ni Chân Ngôn là :

NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ ĀRYA AMITĀBHÀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHĀYA

TADYATHĀ: OṂ_ AMṚTE, AMṚTODBHAVE, AMṚTA SAṂBHAVE, AMṚTA-GARBHE, AMṚTA SIDDHE, AMṚTA TEJE, AMṚTA VIKRĀNTE, AMṚTA VIKRĀNTA GAMINE, AMṚTA GAGANA KĪRTTI KARE, AMṚTA DUṆḌUBHISVARE, SARVA ARTHA SĀDHANE, SARVA KARMA KLEŚA KṢAYAṂ KARE SVĀHĀ

Vô Lượng Thọ Như Lai Đà La Ni này , tụng một biến liền tiêu tội 10 ác, 04 trọng, 05 vô gián trong thân. Tất cả nghiệp chướng đều tiêu diệt.

Nếu Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni phạm các tội căn bản, tụng 07 biến liền được trở lại Giới Phẩm thanh tịnh.

Tụng mãn một vạn biến được **Tam Ma Địa** (Samādhi), không mất Tâm Bồ Đề, ở trong thân: **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta) sáng tỏ như mặt trăng tròn đầy, khi mệnh chung thấy Vô Lượng Thọ Như Lai cùng vô lượng **Câu Chi** (Koṭi: một trăm triệu) Bồ Tát lại nghinh đón, thân tâm vui vẻ, liền được vãng sanh Cực Lạc Thượng Phẩm Thượng sanh, chứng Bồ Tát Vị.

CỬU PHẨM VÃNG SINH



A Di Đà Cửu Phẩm Mạn Đà La (Vẽ theo **Biệt Tôn Tạp Ký**)

Cõi **Vô Lượng Thọ** có **Cửu Phẩm Tịnh Thức Tam Ma Địa**. Đây tức là cảnh giới của chư Phật, nơi cư ngụ của Như Lai. Chư Phật ba đời đều y theo đấy mà thành Chính Giác, đầy đủ ba Minh, tăng trưởng Phước Tuệ.

I_ THƯỢNG PHẨM:

Thượng Phẩm Thượng Sinh **Chân Sắc Địa** dành cho những Tín Đồ đã hoàn thành 03 thái độ: Thành Thật, tin tưởng thâm sâu, giữ niệm bền chắc… được tái sinh vào Tĩnh Thổ, ngồi trên tòa Kim Cương. Tùy theo sự tương ứng với mức độ hoàn thành nên có 03 bậc. Thủ An của Phật A Di Đà khi tiếp dẫn là: ngón cái đặt trên ngón trỏ

1_**Thượng Sinh**: Phát tâm chí thành, tin sâu, hồi hướng phát nguyện

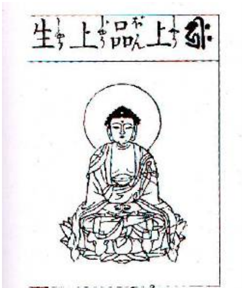
Có 3 hạng Hữu Tình:

_Có lòng thương xót, không giết hại, giữ tròn các Giới Hạnh

_Đọc tụng Kinh Phương Đẳng Đại Thừa

_Tu hành 06 Niệm, hồi hướng phát nguyện sinh về Cực Lạc

Tinh tiến dũng mãnh tu từ 01 ngày cho đến 07 ngày, liền được vãng sinh



Thượng phẩm
thượng sinh

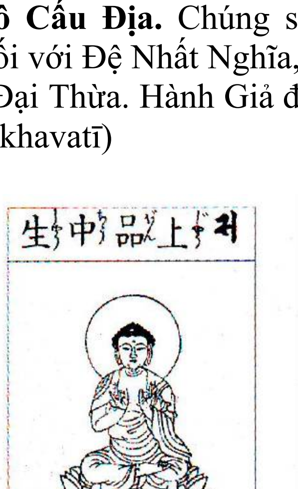
Thủ Ấn: Ngón cái và ngón trỏ của mỗi bàn tay nắm lại, cả hai tay để bên mé mắt hướng ra ngoài

Chân Ngôn là:

OṂ _ AMṚTODBHAVE DHARMA HRĪḤ SVĀHĀ

2_ **Trung Sinh**:

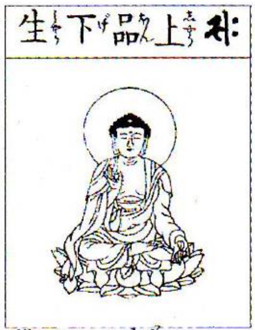
Thượng Phẩm Trung Sinh **Vô Cấu Địa.** Chúng sinh tuy thọ trì Kinh Phương Đẳng nhưng khéo hiển nghĩa thú, đối với Đệ Nhất Nghĩa, tâm không kinh động, tin sâu lý nhân quả, không phỉ báng Pháp Đại Thừa. Hành Giả đem Công Đức này, niệm Phật hồi hướng cầu sinh về **Cực Lạc** (Sukhavatī)



Thượng phẩm
trung sinh

Thủ Ấn là: Hai ngón cái nắm hai ngón giữa ở đầu ngón
Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖀𑖦𑖴𑖝 𑖭𑖽𑖥𑖪𑖸 𑖠𑖨𑖿𑖦 𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
OṂ _ AMṚTA-SAṂBHAVE DHARMA HRĪḤ   SVĀHĀ

3_ **Hạ Sinh**:
Thượng Phẩm Hạ Sinh **Ly Cấu Địa.** Tuy tin Nhân Quả, không phỉ báng Đại Thừa nhưng chỉ phát tâm cầu Đạo Vô Thượng rồi đem Công Đức đó niệm Phật, nguyện về Cực Lạc



Thượng phẩm
hạ sinh

Thủ Ấn: 2 ngón cái đè trên 2 ngón vô danh
Chân Ngôn là:
𑖌𑖼 𑖀𑖦𑖴𑖝 𑖐𑖨𑖿𑖥𑖸 𑖠𑖨𑖿𑖦 𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
OṂ _ AMṚTA-GARBHE DHARMA HRĪḤ   SVĀHĀ

II_ TRUNG PHẨM:
Dành cho những Tín Đồ dã đi theo những con đường khác hơn là sự sùng mộ duy nhất đối với Phật A Di Đà, tuy vậy vẫn cảm thấy muốn được tái sinh vào Tĩnh Thổ. Tùy theo trình độ thuần khiến, những người này sẽ ngồi trên các tòa sen với 03 độ nở khác nhau theo 03 cấp bậc.Thủ An của Phật A Di Đà khi tiếp dẫn là: ngón cái đặt trên ngón giữa
1_ **Thượng Sinh**:
Trung Phẩm Thượng Sinh **Thiện Giác Địa** Thọ 05 Giới, giữ 08 Quan Trai hoặc tu các Giới khác, không tạo tội 05 Nghịch và các điều lỗi lầm rồi đem căn lành ấy hồi hướng cầu sinh về Cực Lạc



Trung phẩm
thượng sinh

Thủ Ấn là: Hai ngón cái nắm hai đầu ngón trỏ để trước ngực, ngửa bàn tay trái, bàn tay phải úp lên cách 02 tấc

Chân Ngôn là:

OṂ _ AMṚTA-SIDDHE DHARMA HRĪḤ SVĀHĀ

2_ **Trung Sinh**:

Trung Phẩm Trung Sinh **Minh Lực Địa.** Chính chắn giữ 08 Quan Trai hoặc Giới Sa Di hay Giới Cụ Túc, Trong một ngày đêm, các uy nghi đều toàn vẹn. Đem Công Đức huân tu Giới Hương đó hồi hướng, cầu sinh về Cực Lạc



Trung phẩm
trung sinh

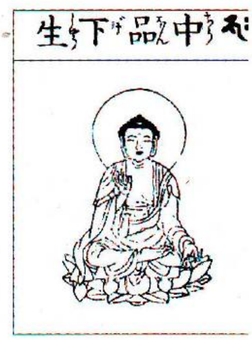
Thủ Ấn là: Ấn như trên nhưng để ở vú

Chân Ngôn là:

OṂ _ AMṚTA-TEJE DHARMA HRĪḤ SVĀHĀ

3_ **Hạ Sinh**:

Trung Phẩm Hạ Sinh **Vô Lậu Địa.** Hiếu dưỡng cha mẹ, tu hành nhân từ theo Thế Gian. Khi lâm chung được Thiện Tri Thức giảng cho nghe sự vui nơi cõi Phật A Di Đà và 48 Đại Nguyện của Tỳ Khưu Pháp Tạng. Nghe xong vui vẻ niệm Phật mà qua đời thì Thần Thức sinh về Cực Lạc



Trung phẩm
hạ sinh

Thủ Ấn là: Giống Ấn như trên nhưng để trước ngực

Chân Ngôn là:

OṂ _ AMṚTA-VIKRĀNTE DHARMA HRĪḤ SVĀHĀ

III_ HẠ PHẨM:

Dành cho tất cả mọi người khác, ngay cả những kẻ đã phạm tội nặng. Nhưng tuy vậy đã được Phật hóa độ cho về Tĩnh Thổ cho dù nếu chỉ một lần từng niệm Danh Hiệu Phật A Di Đà vào lúc lâm chung. Thủ Ấn của Phật A Di Đà khi tiếp dẫn là: ngón cái đặt trên ngón vô danh

1_ **Thượng Sinh**:

Hạ Phẩm Thượng Sinh **Chân Giác Địa.**Chúng sinh ngu tối, tuy không phỉ báng Kinh Đại Phương Đẳng nhưng tạo nhiều Nghiệp ác không biết hổ thẹn. Khi lâm chung gặp Thiện Tri Thức nói cho nghe Danh Đề của 12 loại Kinh Đại Thừa, liền trừ diệt nghiệp ác rất nặng trong một ngàn kiếp. Bậc Thiện Tri Thức lại bảo phải chắp tay niệm "**Namo Amitābha buddha"** Do nhân **thành tâm xưng danh hiệu Phật** nên tiêu trừ tội trong 50 ức kiếp sinh tử, Thần Thức theo vị Hóa Phật sinh về Cực Lạc



Hạ phẩm thượng sinh

Thủ Ấn là: Hai cổ tay để tréo nhau, tay phải xoay vào trong, tay trái xoay ra ngoài, hai tay đều để ngón cái trên ngón trỏ, để lên trái tim

Chân Ngôn là:



OṂ _ AMṚTA-VIKRĀNTA GAMINE DHARMA HRĪḤ SVĀHĀ

2_ **Trung Sinh**:

Hạ Phẩm Trung Sinh **Hiền Giác Địa**. Chúng sinh ngu tối hủy phạm: 05 Giới, 08 Giới, Cụ Túc Giới, ăn trộm của Tăng Kỳ và vật của Hiện Tiền Tăng, bất tịnh nói Pháp, lòng không hổ thẹn, dùng các Nghiệp ác để tự trang nghiêm nên bị tội đọa Địa Ngục. Khi lâm chung may gặp Thiện Tri Thức nói cho nghe về Uy Đức của 10 Lực, sức thần thông quang minh của Phật A Di Đà với những phương pháp: Giới, Định, Tuệ, Giải Thoát, Giải Thoát Tri Kiến. Nghe xong, lòng tín trọng, niệm trừ diệt tội trong 80 ức kiếp sinh tử khiến cho lửa dữ Địa Ngục hóa thành gió mát thổi các hoa lên Trời, trên hoa có Hóa Phật và Hóa Bồ Tát tiếp dẫn về Cực Lạc



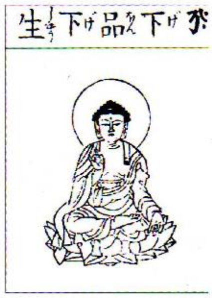
Hạ phẩm trung sinh

Thủ Ấn là:Giống như Ấn trên, chỉ đem ngón cái nắm ngón giữa
Chân Ngôn là:

OṂ _AMṚTA GAGANA KĪRTTI KARE DHARMA HRĪḤ SVĀHĀ

3_ **Hạ Sinh**:

Hạ Phẩm Hạ Sinh **Lạc** (vui vẻ) **Môn Địa.** Chúng sinh tạo tội: 05 Nghịch , 10 Ac, làm các việc chẳng lành đáng bị đọa vào Địa Ngục. Khi lâm chung, gặp Thiện Tri Thức dùng nhiều phương cách an ủi, nói Pháp mầu nhiệm lại dạy bảo tưởng niệm Phật. Nghe xong, vì khổ áp bức nên không thể quán tưởng. Khi đó Thiện Tri Thức lại dạy chí thành xưng **"Nam mô A Di Đà Phật**" (NAMO AMITA BUDDHA) liên tiếp trong 10 niệm, nhờ nhất niệm trừ tội trong 80 ức kiếp sinh tử cho nên khi chết, thấy hoa sen vàng rực hiện ra trước mắt, liền nhất niệm sinh về Cực Lạc.



Hạ phẩm hạ sinh

Thủ Ấn là:Giống như Ấn trên, chỉ đem ngón cái vịn ngón vô danh
Chân Ngôn là:

OṂ _ AMṚTA-DUṆḌUBHISVARE DHARMA HRĪḤ SVĀHĀ

Chân Ngôn dùng chung cho cả 09 Ấn của chín phẩm trên là:

OṂ _ AMṚTA SVÀHÀ

Chín Phẩm trên còn gọi là **Cửu Phẩm Tịnh Thức Chân Như Cảnh**. Nội tọa (chỗ ngồi bên trong) đấy có **12 Đại Man Đà La** (Dvadaśa-mahā-maṇḍala) là Chân Tượng (Hình tượng chân thật) của Đại Viên Cảnh Trí. Tên các Chân Tượng ấy là :

1) Nhất Thiết Tam Đạt **Vô Lượng Quang Phật** (Amitābha), chữ chủng tử là A ()



2) Biến Giác Tam Minh **Vô Biên Quang Phật** (Ananta-prabhāsa), chữ chủng tử là Ā (𑖁)



3) Chí Đạo Tam Minh **Vô Ngại Quang Phật** (Apratihata-raśmirāga-prabha), chữ chủng tử là AṂ (𑖀𑖽)



4) Lục Chân Lý Trí Quang Minh **Vô Đối Quang Phật** (Asamāpta-prabha), chữ chủng tử là AḤ (𑖀𑖾)



5) Sắc Thiện Tam Minh **Diễm Vương Quang Phật** (Prabhā-śikhotsṛṣṭaprabha), chữ chủng tử là MA ()



6) Nhất Thiết Tam Minh **Thanh Tịnh Quang Phật** (Śuddha-prabha), chữ chủng tử là MĀ ()



7) Phổ Môn Tam Minh **Hoan Hỷ Quang Phật** (Pramudita-prabha), chữ chủng tử là MAṂ ()



8) Nhập Tuệ Tam Minh **Trí Tuệ Quang Phật** (Prajñā-prabha), chữ chủng tử là MAḤ (मः)



9) Quang Sắc Tam Minh **Bất Đoạn Quang Phật** (Nibandhanīya-prabha), chữ chủng tử là TA (त)



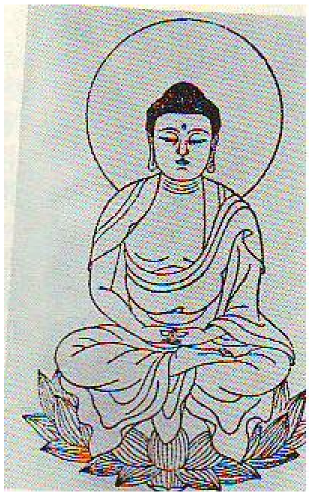
10) Minh Đạt Tam Minh **Nan Tư Quang Phật** (), chữ chủng tử là TĀ (ता)



11) Ngũ Đức Tam Minh **Vô Xứng Quang Phật** (), chữ chủng tử là TAṂ (ṃ)



12) Trí Lực Tam Minh **Siêu Nhật Nguyệt Quang Phật** (Abhibhūya-candra-sūrya-prabha), chữ chủng tử là TAḤ (ḥ)



Chư Phật Như Lai như vậy là chân sắc cụ túc (Đầy đủ sắc tướng chân thật) là nơi y cứ của **tướng BI** (Kāruṇa-lakṣana) của tất cả Như Lai ba đời.

Nếu có chúng sinh muốn sinh về Tĩnh Thổ Cửu Phẩm như vậy thì nên tôn phụng xem xét 12 **Viên Diệu** ấy. Ngày đêm ba thời xưng danh Cửu Phẩm Tịnh Thổ như vậy, tán thán hiệu của 12 vị **Quang Phật** tức vĩnh viễn ra khỏi nhà lửa của Tam Giới, quyết định sinh Chân Như, xa lìa Hữu Lậu, nhập hẳn vào Vô Lậu.

Nếu có người muốn vào cảnh Tam Ma Địa như vậy, được đầy đủ : Phật Tuệ, Tâm Tịch Tĩnh, Thân Thanh Tịnh thì nên quán niệm **Đại Tam Ma Gia Thật Tướng** Chân Ngôn.

Chú là **:**

[Siddham script]

*) OṂ_ AMṚTA TEJE HARA _ HŪṂ

Chân Ngôn Phạm Chú như vậy là vị trí thuộc **Lý Trí cứu cánh** của tất cả chư Phật Như Lai ba đời ở 10 phương, là căn bản của 12 KHÔNG NGUYỆN .

Người thọ trì đọc tụng sẽ tăng trưởng Phước Lạc, tăng ích Trí Tuệ Biện Tài, tăng trưởng Thọ Mệnh Sắc Lực, tiêu diệt nghiệp chướng, tiêu diệt vạn bệnh, tăng

trưởng BI ÁI, không có gì không đầy đủ Sắc Thiện. Huống chi chí Tâm viết chép, đọc tụng sẽ độ cho ba đời không còn sinh biến trong nhà lửa Tam Giới . Công năng tụng niệm làm cho Hành Giả vãng sinh về Tĩnh Thổ Cửu Phẩm của Cực Lạc Giới Hội.

_ A Di Đà Phật Đại Tam Muội Gia Thật Tướng Chân Ngôn còn được minh họa qua **Man Đa La** (Maṇḍala) là:





Oṃ_ Amṛta teje hara hūṃ

1_ A DI ĐÀ Phật:

A Di Đà Phật, dịch ý là **Vô Lượng Thọ Phật** (Amitāyus-buddha) hoặc **Vô Lượng Quang Phật** (Amitābha-buddha), là vị giáo chủ của Thế Giới Cực Lạc (Sukhavatī) ở phương Tây.

A Di Đà Phật được phối trí với chữ **OṂ** () ở phương trung ương biểu thị cho Trí Phương Tiện Phổ Môn của Như Lai, là sự tu hành viên mãn đắc được Quả Đức tự chứng nên còn gọi là **Chứng Bồ Đề**, đại biểu cho **Diệu Quán Sát Trí** (Pratyave-kṣana-jñāna) là Trí khéo biết tướng chung tướng riêng của các Pháp mà không hề bị ngăn chuyển, lại y theo từng loại căn cơ của chúng Hữu Tình mà tự tại thuyết Pháp giáo hóa chúng sinh. Do đó Diệu Quán Sát Trí được xem là **Ứng Hóa Pháp Thân** (Nirmāṇa-dharma-kāya) của Đại Nhật Như Lai là Thân giáo hóa nhiếp thọ Bồ Tát Sơ Địa, Nhị Thừa, Phàm Phu.



Chân Ngôn là:

Namo bhagavate amitābhāya tathāgatāya_ Oṃ

2_HƯ KHÔNG TẠNG Bồ Tát

Hư Không Tạng Bồ Tát tên Phạn là **Ākāśa-garbha** dịch âm là A Ca Xả Nghiệt Bà hay **Gagana-gañja** dịch âm là Nga Nga Nẵng Ngạn Bà. Tức đầy đủ hai kho tàng Phước Trí không có hạn lượng ngang bằng với hư không; ý là rộng lớn vô biên. Lại xưng là Hư Không Dựng Bồ Tát.

Tôn này hay tuôn ra Pháp Bảo vô lượng ban cho khắp điều ước muốn, làm lợi lạc cho chúng sinh.

Hư Không Tạng Bồ Tát được phối trí với chữ **A** (𑖀) ở phương Đông biểu thị cho **Phước Trí Trang Nghiêm** hay sinh ra Trí Nội Chứng và Phước Đức Nội Chứng của 10 Ba La Mật



Chân Ngôn là:

Oṃ namo ākāśa-garbhāya_ A

3_ PHỔ HIỀN Bồ Tát

Phổ Hiền (Samanta-bhadra) đại biểu cho Hạnh Bồ Tát rộng lớn. Khi một cá nhân thực hiện viên mãn Hạnh Bồ Tát thì gọi là Phổ Hiền Bồ Tát. Còn viên mãn quả vị của Phổ Hiền Bồ Tát tức là Tỳ Lô Giá Na Như Lai. Chúng sinh đang đợi đầy đủ Nhân của Phổ Hiền, đấy tức là Tính của Tỳ Lô Giá Na Phật

Phổ Hiền Bồ Tát được phối trí với chữ **MṚ** ( ) ở góc Đông Nam biểu thị cho Hạnh Thâm Nhập Tâm Bồ Đề, tức là giai đoạn Tịnh Tâm Bồ Đề



Chân Ngôn là:

Oṃ namo samanta-bhadrāya_ MṚ

4_KIM CƯƠNG THỦ Bồ Tát

Kim Cương Tát Đỏa Bồ Tát, tên Phạn là Vajra-satva. Lại xưng là Kim Cương Thủ Bí Mật Chủ, Chấp Kim Cương Bí Mật Chủ, Trì Kim Cương Cụ Tuệ Giả, Kim Cương Thượng Thủ, Đại Lạc Kim Cương, Tô La Đa Kim Cương, Nhất Thiết Như Lai Phổ Hiền, Phổ Hiền Bồ Tát, Phổ Hiền Kim Cương Bồ Tát, Kim Cương Thắng Bồ Tát. Kim Cương Tạng, Chấp Kim Cương, Bí Mật Chủ,

Kim Cương Tát Đỏa (Vajra-satva) tượng trưng cho tâm Bồ Đề bền chắc chẳng hoại và ý nghĩa **phiền não tức Bồ Đề.** Tôn này là Bộ Chủ của Đại Trí Kim Cương Bộ, chủ về Đức **chiết phục,** có Bản Thệ là **tồi phá tất cả Ma ác**

Kim Cương Thủ (Vajra-pāṇi) được phối trí với chữ **TA** ( ) ở phương Nam, biểu thị cho Diệu Đức Nội Chứng của Kim Cương Tát Đỏa (Vajra-satva) là **chiết phục và tồi phá tất cả Ma ác**



Chân Ngôn là:

Oṃ namo vajra-pāṇiya_ TA

5_ VĂN THÙ SƯ LỢI Bồ Tát

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, tên Phạn là Maṃjuśrī. Lại xưng là Văn Thù Thi Lợi, Mạn Thù Sư Lợi, Mạn Thù Thất Lợi . Lược xưng là Văn Thù. Trong các Kinh Điển Khác lại có các danh hiệu là: Diệu Đức, Diệu Thủ, Nhu Thủ, Kính Thủ, Diệu Cát Tường...

Văn Thù Sư Lợi còn gọi là Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, Văn Thù Sư Lợi Đồng Chân, Văn Thù Sư Tử Đồng Bồ Tát, **Nhu Đồng Văn Thù Bồ Tát** (Mañjuśrī-kumāra-bhūta)

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát với Phổ Hiền Bồ Tát cùng theo hầu cận Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và được xưng chung là **Thích Ca Tam Thánh**. Do Văn Thù Sư Lợi là bậc

Thượng Thủ trong hết thảy Bồ Tát Đệ Tử của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nên được gọi là Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử. Ngài có hình tượng là Cầm cây kiếm ngồi trên lưng sư tử biểu thị cho sự sắc bén của Pháp Môn. Tay phải cầm cây kiếm báu Kim Cương chặt đứt tất cả phiền não của chúng sinh, dùng tiếng rống của sư tử không sợ hãi, trấn tỉnh chúng sinh đang bị mê đắm.

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát được phối trí với chữ **TE** (𑖝𑖸) ở góc Tây Nam biểu thị cho Hạnh Trưởng Dưỡng Tâm Bồ Đề, tức là giai đoạn nuôi lớn Bát Nhã



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖡𑖦 𑖦𑖽𑖕𑖲𑖫𑖿𑖨𑖱𑖧 𑖝𑖸

Oṃ namo maṃjuśrīya_ TE

6_TRỪ CÁI CHƯỚNG Bồ Tát

Trừ Cái Chướng Bồ Tát, tên Phạn là Sarva-nīvaraṇa-viṣkaṃbhin. Lại xưng là Trừ Nhất Thiết Cái Chướng Bồ Tát, Giáng Phục Nhất Thiết Chướng Ngại Bồ Tát, Khí Chư Ấm Cái Bồ Tát.

Tôn này được phối trí với chữ **JE** (𑖕𑖸) ở phương Tây biểu thị cho việc dùng Nhân của Tâm Tịnh Bồ Đề khiến cho tiêu trừ tất cả phiền não, tất cả chướng ngại



Chân Ngôn là:

Oṃ namo sarva-nīvaraṇa-viṣkaṃbhinaya_ JE

7_ĐỊA TẠNG Bồ Tát

Địa Tạng Bồ Tát, tên Phạn là Kṣiti-garbha dịch âm là Khất Xoa Để Nghiệt Bà, nghĩa là đất hoặc Trú Xứ, hoặc hàm tàng (che dấu bên trong).

Địa Tạng Bồ Tát giống như Đại Địa hay nâng chịu tất cả Nghiệp Tội của chúng sinh mà an nhẫn chẳng động, đầy đủ Định Tuệ, hay biết rõ tất cả Bí Tạng.

Địa Tạng là vị Bồ Tát tự thề cứu độ hết chúng sinh trong sáu nẻo thì mới nguyện thành Phật.

Tôn này được phối trí với chữ **HA** (𑖮) ở phương Tây Bắc biểu thị cho Đại Nguyện **Nhẫn Nhục, Tinh Tiến** cứu độ tất cả chúng sinh



Chân Ngôn là:

Oṃ namo kṣiti-garbhāya_ HA

8_QUÁN THẾ ÂM Bồ Tát

Quán Thế Âm Bồ Tát, tên Phạn Ārya-avalokiteśvara có nghĩa là Thánh Quán Thế Âm với **Đại Thế Chí Bồ Tát** (Mahā-sthāma-prāpta) cùng theo hầu cận Đức Phật A Di Đà tại Thế Giới Cực Lạc ở phương Tây và được xưng tên chung là **Tây Phương Tam Thánh**

Quán Tự Tại Bồ Tát đại biểu cho Tâm Đại Bi của tất cả chư Phật, hay lắng nghe âm thanh khổ nạn của tất cả chúng sinh mà cứu độ như con ruột. Ngoài ra Quán Tự Tại Bồ Tát còn đại biểu cho sự giác ngộ Phật Tính viên mãn của mỗi một cá nhân.

Quán Tự Tại Bồ Tát được phối trí với chữ **RA** (𑖨) ở phương Bắc biểu thị cho Hạnh Toàn Thiện Tâm Bồ Đề, tức là giai đoạn chứng ngộ Bồ Đề



Chân Ngôn là:

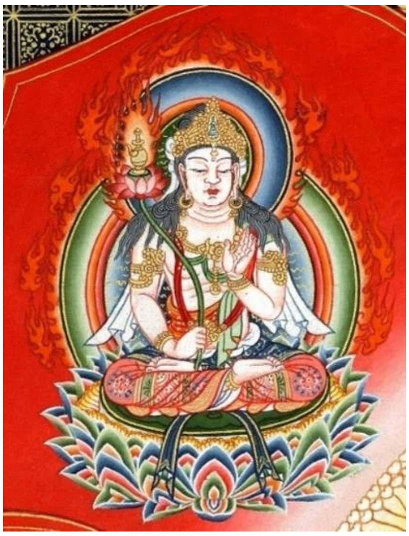
Oṃ namo avalokiteśvarāya_ RA

9_DI LẶC Bồ Tát

Di Lặc Bồ Tát có tên gọi là **Vô Năng Thắng** (Ajita), hiệu là **Từ Thị** (Maitreya). Ngài là vị Phật thứ năm kế tiếp Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, xuất hiện trên trái đất này. Hiện Ngài đang ở cung Trời **Đâu Suất** (Tuṣita) giáo hóa chúng sinh. Do đó Ngài còn được xưng là Nhất Bổ Xứ Bồ Tát, Bổ Xứ Bồ Tát hoặc Di Lặc Như Lai.

Trong đời đời kiếp kiếp Ngài thường tu tập **Từ Tâm Tam Muội,** hành **Từ Hạnh** để cứu độ chúng sinh. Do Đức đặc biệt này mà Ngài có hiệu là **Từ Thị**

Di Lặc Bồ Tát được phối trí với chữ **HŪṂ** ( ) ở góc Đông Bắc biểu thị cho Hạnh Kết Kim Cương Thân, tức là giai đoạn Nhập Niết Bàn



Chân Ngôn là:

Oṃ namo maitreyāya_ HŪṂ

A DI ĐÀ PHẬT PHÁP ĐÀN



_Đài hoa: **A Di Đà Phật Đại Tam Muội Gia Thật Tướng Chân Ngôn**

Oṃ Amṛta teje hara hūṃ

[OṂ _ AMṚTA TEJE HARA HŪṂ
OṂ : Thân khẩu ý
AMṚTA : Cam Lộ bất tử
TEJE : Uy Quang
HARA : Thâu nhiếp
HŪṂ : Thành tựu mùi vị an lạc tịch tĩnh của Đại Niết Bàn

Thân khẩu ý hãy thâu nhiếp ánh sáng uy đức của Cam Lộ Bất Tử mà thành tựu tự tính an vui vắng lặng của Đại Niết Bàn]

_ Tám cánh hoa: **A Di Đà Phật Diệt Tội Ấn Chân Ngôn** và **Nhất Tự Kim Luân Phật Đỉnh Chân Ngôn**

Oṃ hrīḥ a aṃ hrīḥ hrīḥ hūṃ

[OṂ HRĪḤ A AṂ HRĪḤ HRĪḤ HŪṂ

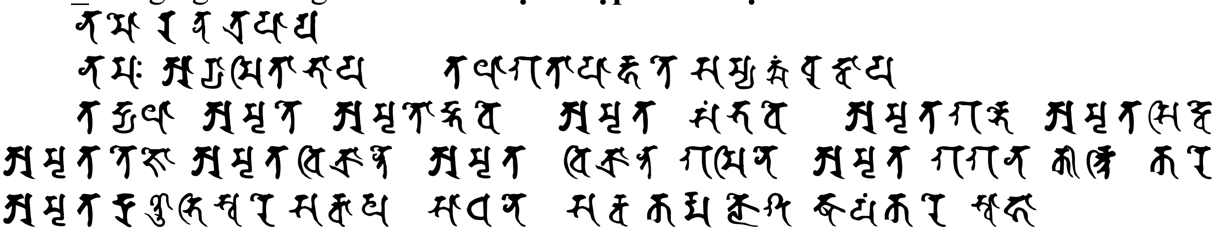
OṂ: Cảnh giác
HRĪḤ: Biết xấu hổ không làm việc bất thiện
A : Không sinh chẳng diệt
AM : Thâm nhập vào sự không sinh chẳng diệt
HRĪḤ: Mau chóng xa lìa các bụi dơ Tham Sân Si chứng được 4 Đức thanh tịnh là Ai Nhiễm Thanh Tịnh, Sân Thanh Tịnh, Uế Thanh Tịnh, Tội Thanh Tịnh
HRĪḤ: Pháp Giới Thanh Tịnh
HŪṂ: Quyết định thành tựu
Hãy biết xấu hổ không làm việc Bất thiện để mau chóng thấu ngộ sự vô sinh bất diệt, xa lìa các bụi dơ tham sân si, quyết định thành tựu Pháp Giới Thanh Tịnh]



Bhrūṃ

[BHRŪṂ:Chủng Tử biểu thị cho nơi quy thú của Tâm Bồ Đề]

_Vòng ngoài cùng: **A Di Đà Phật Thập Cam Lộ Đà La Ni**



Namo ratna-trayāya

Namaḥ ārya amitābhāya tathāgatāya arhate samyaksaṃbuddhāya

Tadyathā: amṛte, amṛtodbhave, amṛta saṃbhave, amṛtagarbhe, amṛta siddhe, amṛta teje, amṛta vikrānte, amṛta vikrānta gamine, amṛta gagana kìrtti kare, amṛta duṇḍubhisvare, sarva artha sādhane, sarva karma kleśa kṣayaṃ kare svāhā

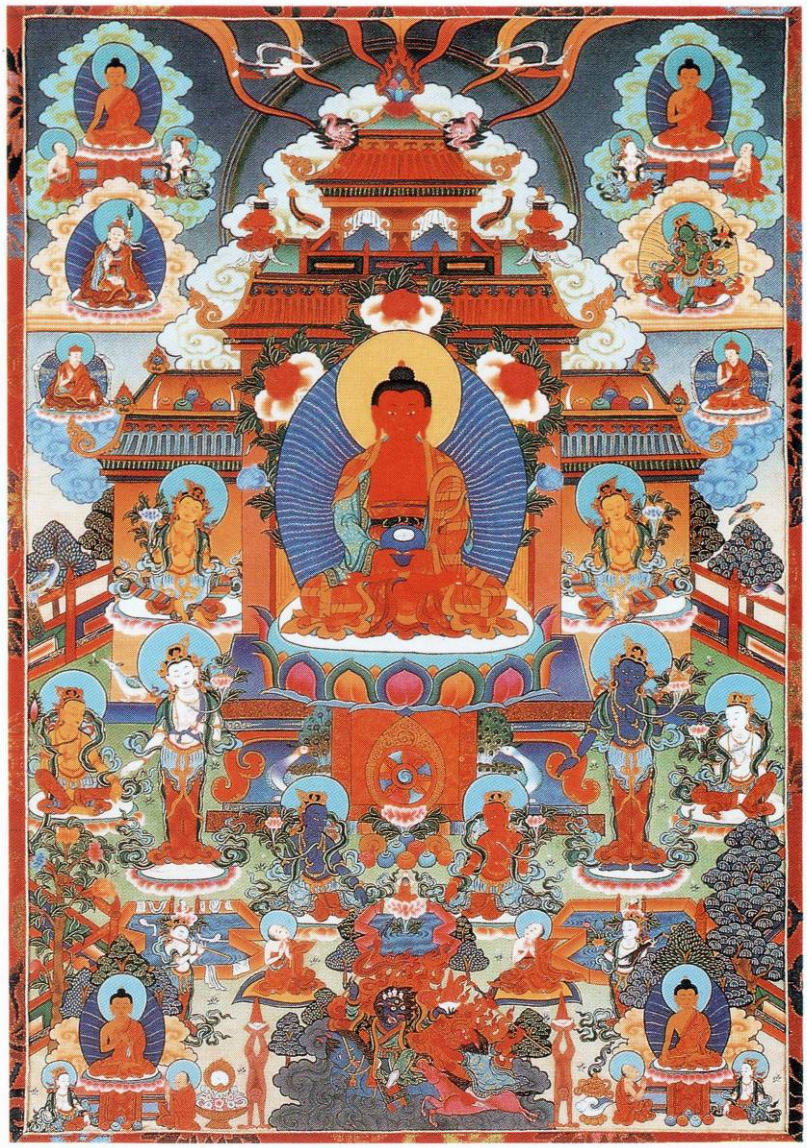
[NAMO RATNA-TRAYĀYA (Quy mệnh Tam Bảo)
NAMAḤ (Kính lễ) ĀRYA (Thánh) AMITĀBHĀYA (Vô Lượng Quang) TATHĀGATĀYA (Như Lai) ARHATE (Ứng Cúng, Sát Tặc, Vô Sinh, A La Hán) SAMYAKSAṂBUDDHĀYA (Chính Đẳng Chính Giác)
TADYATHĀ (Như vậy, liền nói Chú là)
OṂ (Cảnh giác)
AMṚTE (Cam lộ)
AMṚTA (Cam Lộ) UDBHAVE (Hiện lên)
AMṚTA (Cam Lộ) SAṂBHAVE (Phát sinh)
AMṚTA (Cam Lộ) GARBHE (Tạng, kho tàng)
AMṚTA (Cam Lộ) SIDDHE (Thành tựu)
AMṚTA (Cam Lộ) TEJE (Uy quang, uy đức)
AMṚTA (Cam Lộ) VIKRĀNTE (Dũng mãnh)
AMṚTA (Cam Lộ) VIKRĀNTA (Dũng mãnh) GAMINE (Đạt đến được)
AMṚTA (Cam Lộ) GAGANA (Hư Không) KĪRTTI (Tương xứng) KARE (Tác làm, tạo tác)
AMṚTA (Cam Lộ) DUṆḌUBHI (Cổ, cái trống) SVARE (Âm Thanh)
SARVĀRTHA (Tất cả nghĩa lợi) SĀDHANE (Nghi thức thành tựu)
SARVA KARMA (Tất cả nghiệp) KLEŚA (Phiền não) KṢAYAṂ (cùng tận, không còn sót) KARE (Tạo tác)
SVĀHĀ (Quyết định thành tựu, thọ hưởng mùi vị an lạc của Đại Niết Bàn)

Toàn bài Đà La Ni trên có thể diễn dịch là :

" Quy mệnh Tam Bảo

Kính lễ Thánh Vô Lượng Quang Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Như vậy : Hỡi Cam Lộ! Hiện lên Cam Lộ. Phát Sinh Cam Lộ. Kho Tàng Cam Lộ. Thành tựu Cam Lộ. Cam Lộ Uy Quang. Cam Lộ Dũng mãnh, đạt đến Cam Lộ Dũng Mãnh. Rải đầy hư không Cam Lộ. Âm thanh của tiếng trống Cam Lộ, thành tựu tất cả nghĩa lợi khiến cho tất cả nghiệp không còn phiền não, thọ hưởng mùi vị an lạc của Đại Niết Bàn"]



Đại Tạng Kinh_ Tập 12 _No.370

KINH A DI ĐÀ CỔ ÂM THANH VƯƠNG ĐÀ LA NI

Hán dịch: Mất tên người dịch. Nay phụ bản ghi chép của Đời Lương
Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe. Một thời Đức Phật ngự tại ao **Già Già Linh** ở Đại Thành **Chiêm Ba** cùng với chúng Đại Tỳ Khưu gồm năm trăm người đến dự.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ Khưu rằng:"Nay sẽ vì ông diễn nói. Thế Giới **An Lạc** (Sukha-vati) ở phương Tây hiện có Đức Phật hiệu là **A Di Đà** (Amṛta). Nếu có bốn Chúng hay chính thọ trì Danh Hiệu của Đức Phật ấy thời khi sắp chết, Đức A Di Đà liền cùng với Đại Chúng đi đến chỗ của người ấy, khiến cho nhìn thấy. Thấy xong, tìm sinh khánh duyệt (vui thích tốt lành), tăng thêm Công Đức. Do nhân duyên ấy nên chốn sinh ra, lìa hẳn hình vóc uế dục của thai tạng, thuần ở trong hoa sen báu xinh tươi màu nhiệm, tự nhiên hóa sinh, đủ Đại Thần Thông, ánh sáng chói lòa"

Khi ấy hằng hà sa chư Phật ở mười phương đều cùng nhau khen ngợi: "Thế Giới An Lạc đó có hết thảy Phật Pháp chẳng thể nghĩ bàn, Thần Thông hiện hóa mọi loại phương tiện chẳng thể nghĩ bàn. Nếu có kẻ hay tin việc như vậy, nên biết người đó chẳng thể nghĩ bàn, nghiệp báo đã được cũng chẳng thể nghĩ bàn. Đức Phật A Di Đà cùng với hàng Thanh Văn đến dự"

Đức Như Lai Ứng Chính Biến Tri có quốc thổ, hiệu là **Thanh Thái**. Đức Thánh Vương cư trú tại cái thành cao rộng mười ngàn do tuần, ở trong tràn đầy giòng Sát Lợi. Đức Phật A Di Đà có cha tên là **Nguyệt Thượng Chuyển Luân Thánh Vương**, mẹ tên là **Thù Thắng Diệu Nhan,** đệ tử phụng sự tên là **Vô Cấu Xưng**, đệ tử Trí Tuệ tên là **Hiền Quang**, Thần Túc Tinh Tiến tên là **Đại Hóa**. Lúc bấy giờ Ma Vương tên là **Vô Thắng**, có Đề Bà Đạt Đa tên là **Tịch Tính**. Đức Phật A Di Đà cùng với Đại Tỳ Khưu gồm sáu ngàn người.

Nếu có người thọ trì Danh Hiệu của Đức Phật ấy, tâm ý bền chắc, ghi nhớ chẳng quên, mười ngày mười đêm trừ bỏ tán loạn, tinh tiến tu tập **Niệm Phật Tam Muội**, biết Đức Như Lai ấy luôn trụ ở Thế Giới An Lạc, ghi nhớ tương tục đừng để đoạn tuyệt, thọ trì đọc tụng **Cổ Âm Thanh Vương Đà La Ni** này mười ngày mười đêm, sáu Thời chuyên niệm, thọ trì đọc tụng, cúi năm vóc sát đất lễ kính Đức Phật ấy, chính niệm bền chắc đều trừ tán loạn. Nếu có thể khiến Tâm niệm niệm chẳng dứt thì trong mười ngày ắt được nhìn thấy Đức Phật A Di Đà ấy và nhín thấy Như Lai ở mười phương Thế Giới với cõi cư trú. Chỉ trừ người Độn Căn, chướng nặng… với chút Thời này thì chẳng thể nhìn thấy được. Tất cả việc Thiện thảy đều hồi hướng, nguyện được sinh về Thế Giới An Lạc. Ngay lúc lâm chung thì Đức Phật A Di Đà với các Đại Chúng hiện ra trước mặt người ấy an ủi, xưng thiện, tức thời người đó sinh vui thích, an thành thâm sâu. Dùng nhân duyên ấy, nhớ ước nguyện kia nên tìm được vãng sinh.

Đức Phật bảo các Tỳ Khưu: "Vì sao có thên là **Cổ Âm Thanh Vương Đà La Ni?** (Amṛta-duṇḍubhisvara-dhāraṇī: Cam Lộ Cổ Âm Thanh Đà La Ni). Nay Ta sẽ nói, các ông khéo nghe, vâng theo thọ giáo"

Lúc đó Đức Thế Tôn liền nói Chú là:

1_ Đa địch tha

𑖝𑖟𑖿𑖧𑖞𑖯

TADYATHĀ

2_ Bà ly

BALE

3_ A bà ly

ABALE

4_ Sa ma bà ly

SAMA BALE

5_ Ni địa xa

NIRDEŚA

6_ Ni xà đa nễ

NIYĀTANE

7_Nê mậu để

NIRMUKTE

8_ Nê mậu xí

NIMUKHE

9_ Xà la, ba la xa đà nễ

JVALA PRASĀDHANE

10_ Tú khư ba đề, ni địa xa

SUKHAVATI NIRDEŚA

11_ A di đa do bà ly

AMITĀYUR BALE

12_ A di đa xà già bà nê kha lệ

AMITĀYUT GARBHA NIRHARE

13_ A đi đa xà, ba la sa đà nễ

AMITĀYUR PRASĀDHANE

14_ Niết phù đề

NIRBUDDHE

15_ A ca xá, nê phù đà

ĀKĀŚA NIRBUDDHE

16_ A ca xá, nê đề xa

ĀKĀŚA NIRDEŚA

17_ a ca xá, nê xà đề

ĀKĀŚA NIRJĀTE

18_ A ca xá, cửu xa ni

ĀKĀŚA KUŚALE

19_ A ca xá, đạt xa ni

ĀKĀŚA DARŚANE

20_ A ca xá, đề tha nễ

ĀKĀŚA TIṢṬHANE

21_ Lưu ba, nê đề xa

RŪPA NIRDEŚA

22_ Lỗ bả, đản nê thế

RŪPA ŚĀNITE

23_ Giá đỏa lị, đạt ma, ba la sa đà nễ

CATVĀRI DHARMA PRASĀDHANE

24_ Giá đỏa lị, a lợi xà sa đế xà, ba la sa đà nễ

CATVĀRI ĀRYA-SATYA PRASĀDHANE

25_ Giá đỏa lị, mạt già ba na, ba la sa đà nễ

CATVĀRI MĀRA-BHANA PRASĀDHANE

26_ Bà la tỳ lê gia, ba la sa đà nễ

BALA VĪRYA PRASĀDHANE

27_ Đạt ma thân tha nễ

DHARMA ŚĀNTĀNE

28_ Cửu Xá ly

KUŚALE

29_ Cửu xá la, nê đề xa

KUŚALA NIRDEŚA

30_ Cửu xa la, ba la đề tha nễ

KUŚALA PRATIṢṬHANE

31_ Phật đà cửu xa ly

BUDDHA KUŚALE

32_ Tỳ phật đà, ba la ba tư

VIBUDDHA PRABHASA

33_ Đạt ma, ca la nễ

DHARMA KARANE

34_ Nê chuyên đề

NIRJĀTE

35_ Nê phù đề

NIRBUDDHE

36_ Tỳ ma ly

VIMALE

37_ Tỳ la xà

VIRĀJE

38_ La xà

RĀJA

39_ La tư

RĀSE

40_ La sa kỳ

RASĀGRE

41_ La sa già la, bà ly

RASĀGRA BALE

42_ La sa già la, a địa tha nễ

RASĀGRA ADHIṢṬHANE

43_ Cửu xá ly

KUŚALE

44_ Ba la đề cửu xá ly

PRATIKUŚALE

45_ Tỳ cửu xá ly

VIKUŚALE

45_ Tha đề

DĀNTE

47_ Tu đà đa, chí đề

SUDĀNTA CITTE

48_ Tu ba la xá đa, chí đề

𑖭𑖲𑖢𑖿𑖨𑖫𑖯𑖡𑖿𑖝 𑖓𑖰𑖝𑖿𑖝𑖸
SUPRAŚĀNTA CITTE
49_ Tu ba la đề si đề
𑖭𑖲𑖢𑖿𑖨𑖝𑖰𑖬𑖿𑖙𑖰𑖝𑖸
SUPRATIṢṬHITE
50_ Tu ly
𑖫𑖲𑖨𑖸
ŚURE
51_ Tu mục xí
𑖭𑖲𑖦𑖲𑖏𑖸
SUMUKHE
52_ Đạt mê
𑖠𑖨𑖿𑖦𑖸
DHARME
53_ Đạt đạt đề
𑖭𑖟𑖿𑖠𑖨𑖿𑖦𑖸
SAD-DHARME
54_ Ly ba
𑖨𑖸𑖪
REVA
55_ Giá bà la
𑖕𑖿𑖪𑖩𑖸
JVALE
56_ A vẫn xá bà ly
𑖀𑖡𑖲𑖫𑖧 𑖤𑖩𑖸
ANUŚAYA BALE
57_ Phật đà ca xá, nê cừu nễ, phật đà ca xá, cửu nễ
𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖎𑖯𑖫 𑖡𑖰𑖨𑖿𑖐𑖲𑖜𑖸 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖎𑖯𑖫𑖨𑖿𑖐𑖲𑖜𑖸
BUDDHA-AKĀŚA NIRGUṆE _ BUDDHA-AKĀŚARGUṆE
58_ Sa bà ha
𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
SVĀHĀ

Đây là **A Di Đà Cổ Âm Thanh Vương Đà La Ni**. Nếu có Tỳ Khưu, Tỳ Khưu Ni, Thanh Tín, Sĩ Nữ thường nên chí thành thọ trì đọc tụng, như Thuyết tu hành, hành trì Pháp này thì nên ở nơi nhàn tịch, tắm rửa thân thể, mặc áo mới sạch, ăn uống bạch tố, chẳng ăn thịt uống rượu với dùng Ngũ Tân, thường tu Phạm Hạnh. Dùng hương hoa tốt cúng dường cúng dường Đức A Di Đà Như Lai với Đạo Trường của Phật, chúng Đại Bồ Tát. Thường nhên như vậy chuyên tâm buộc niệm, phát cầu sinh về Thế Giới An Lạc, tinh tiến chẳng lười, như ước nguyện ấy ắt được sinh về Thế Giới của Đức Phật đó.

Thời Đức Phật A Di Đà với các Đại Chúng ngồi trên hoa sen báu. Cõi đất ấy có nhiều rừng cây, hoa quả tươi tốt xen kẽ điểm tô. Lại có cây vua (Thụ Vương) khi gió Xuân thổi nhẹ thì phát ra âm thanh hòa nhã, thuần nói Pháp Vô Thượng chẳng thể nghĩ bàn. Lại có hương màu nhiệm tên là **Quang Minh**, hoặc có hương xoa bôi cũng là hương báu.

Đức Phật A Di Đà (Amṛta) ngồi Kiết Già trên hoa sen báu lớn. Có hai vị Bồ Tát, một vị tên là **Quán Thế Âm** (Avalokiteśvara), vị thứ hai tên là **Đại Thế Chí** (Mahā-sthāmaprāpta). Đây là hai vị Bồ Tát đứng hầu hai bên phải trái, vô số Bồ Tát vây vòng chung quanh, ở trong Chúng này.

Nếu có bốn Chúng thọ trì đọc tụng Danh Hiệu của Đức Phật ấy cho đến không có bị sợ hãi về nước, lửa, thuốc độc. Cũng lại không có bị sợ hãi hàng Dạ Xoa. Trừ kẻ có nghiệp chướng tội nặng ở đời quá khứ thì bảy đời mới có Quả ước nguyện.

Đức Phật nói **A Di Đà Cổ Âm Thanh Vương Đà La Ni** thời vô lượng chúng sinh thảy đều phát nguyện, chí cầu sinh về Thế Giới An Lạc đó.

Lúc ấy Đức Thế Tôn khen rằng: "Lành thay! Lành thay! Như ông ước nguyện, ắt được sinh về cõi đó"

Khi nghe Đức Phật nói xong thời tám Bộ Trời Rồng đều hớn hở vui mừng, làm lễ rồi phụng hành.

KINH A DI ĐÀ CỔ ÂM THANH VƯƠNG ĐÀ LA NI (Hết)

24/01/2008



Đại Tạng Kinh_ Tập 12_ No.360

PHẬT NÓI KINH VÔ LƯỢNG THỌ
QUYỂN THƯỢNG

Hán dịch: Đời **Tào Ngụy**_ Thiên Trúc Tam Tạng KHƯƠNG TĂNG KHẢI (Saṃgha-varman)
Việt dịch: HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe. Một thời Đức Phật trụ trong núi **Kỳ Xà Quật** (Gṛdhra-kuṭa) tại thành **Vương Xá** (Rāja-gṛha) cùng với **chúng Đại Tỳ Kheo** (Mahatā-bhikṣu-saṃgha) gồm một vạn hai ngàn người đến dự, tất cả đều đã đạt Thần Thông của bậc Đại Thánh.

Tên các vị ấy là: Tôn Giả **Liễu Bản Tế** (Ājñātakauṇḍinya), Tôn Giả **Chính Nguyện** (Aśvajita**)**, Tôn Giả **Chính Ngữ** (Vāṣpa), Tôn Giả **Đại Hiệu** (Mahā-nāma), Tôn-Giả **Nhân Hiền** (Bhadra-jīta), Tôn Giả **Ly Cấu** (Vimala), Tôn-Giả **Danh Văn** (Yaśo), Tôn Giả **Thiện Thật** (?Diệu Tý: Subāhu), Tôn Giả **Cụ Túc** (Pūrṇa), Tôn Giả **Ngưu Vương** (?Maitrāyaṇī-putra**)**, Tôn Giả **Ưu Lâu Tần Lễ Ca Diếp** (Urubilvā-kāśyapa), Tôn Giả **Già Gia Ca Diếp** (Gayā-kāśyapa), Tôn Giả **Na Đề Ca Diếp** (Nadī-kāśyapa), Tôn Giả **Ma Ha Ca Diếp** (Mahā-kāśyapa), Tôn Giả **Xá Lợi Phất** (Śāriputra), Tôn Giả **Đại Mục Kiền Liên** (Mahā-maudgalyāyana), Tôn Giả **Kiếp Tân Na** (Mahā-kaphilena), Tôn Giả **Đại Trụ** (Mahā-kauṣṭhilya), Tôn Giả **Đại Tịnh Chí**, Tôn Giả **Ma Ha Chu Na** (Mahā-cunda), Tôn Giả **Mãn Nguyện Tử** (Purṇa-maitrāyaṇīputra), Tôn Giả **Ly Chướng Ngại**, Tôn Giả **Lưu Quán**, Tôn Giả **Kiên Phục**, Tôn Giả **Diện Vương** (Mukha-rāja), Tôn Giả **Quả Thừa**, Tôn Giả **Nhân Tính**, Tôn Giả **Thiện Lạc**, Tôn Giả **Thiện Lai** (Svāgate**)**, Tôn Giả **La Vân** (Rāhula), Tôn Giả **A Nan** (Ānanda)…đều là bậc Thượng Thủ của nhóm này.

Lại cùng với Bồ Tát của chúng Đại Thừa đến dự. Bồ Tát **Phổ Hiền** (Samanta-bhadra), Bồ Tát **Diệu Đức** (Mañjuśrī), nhóm Bồ Tát **Từ Thị** (Ajita). Đây là tất cả Bồ Tát trong đời **Hiền Kiếp** (Bhadra-kalpa).

Lại có 16 vị Chính Sĩ thuộc nhóm **Hiền Hộ** (Bhadra-pāla) là: Bồ Tát **Thiện Tư Nghị**, Bồ Tát **Tín Tuệ**, Bồ Tát **Không Vô**, Bồ Tát **Thần Thông Hoa**, Bồ Tát **Quang Anh**, Bồ Tát **Tuệ Thượng**, Bồ Tát **Trí Tràng**, Bồ Tát **Tịch Căn**, Bồ Tát **Nguyện Tuệ**, Bồ Tát **Hương Tượng**, Bồ Tát **Bảo Anh**, Bồ Tát **Trung Trụ**, Bồ Tát **Chế Hạnh**, Bồ Tát **Giải Thoát**…đều tuân theo Đức của Đại Sĩ **Phổ Hiền** (Samanta-bhadra**)**, **đủ** vô lượng Hạnh Nguyện của các Bồ Tát, an trụ Pháp của tất cả Công Đức, bước dạo mười phương, hành **Quyền Phương Tiện**, vào Tạng **Phật Pháp**, cứu cánh bờ kia, ở vô lượng Thế Giới hiện thành **Đẳng Giác**. Ở cung Trời **Đâu Suất** (Tuṣita), rộng tuyên Chính Pháp. Buông bỏ cung Trời ấy, giáng Thần vào thai mẹ, sinh ra từ hông bên phải, hiện thành bảy bước, ánh sáng hiển diệu chiếu khắp mười phương, vô lượng cõi Phật chấn động theo sáu cách, phát tiếng tự xưng:

*"Ta sẽ ở đời làm bậc **Vô Thượng Tôn*** (Anuttara-nātha). *Thích* (Śākra) *Phạm* (Brāhma) *cung phụng hầu hạ, Trời* (Deva) *Người* (Manuṣya) *quy phục kính mến. Bày hiện tính toán, văn nghệ, bắn tên, cưỡi ngựa, thông suốt **Đạo Thuật** đan chéo lẫn lộn ở đời, luyện tập thông thạo mọi Kinh Sách, dạo chơi ở vườn sau giảng võ thi nghề, hiện ở nơi có vị ngon sắc đẹp trong cung. Nhìn thấy sinh già bệnh chết, hiểu thấu việc chẳng phải thường của đời. Buông bỏ đất nước, tiền của, địa vị vào núi học Đạo. Sai khiến người hầu đem lễ phục, ngựa trắng, mão báu, chuỗi anh lạc…về cung. Buông bỏ*

áo quý báu, mặc quần áo Pháp, cắt bỏ râu tóc, ngồi ngay thẳng dưới gốc cây, siêng năng chịu khổ sáu năm, hành như chỗ ứng.

Hiện cõi năm Trược (Pañca-kaṣāya) *tùy thuận chúng sinh. Bày có bụi dơ, tắm gội tại dòng nước vàng, chư Thiên đè cành cây xuống để vịn lấy ra khỏi ao, chim linh theo hầu đi đến Đạo Trường, cảm nhận điềm tốt lành, tỏ rõ công phúc, yên lặng tưởng nhận, bày cỏ trải tòa ngồi dưới cây Phật* (Bodhi-vṛkṣa:cây Bồ Đề)*, tỏa ánh sáng lớn khiến Ma* (Māra) *hay biết. Ma đem quan thuộc* (quyến thuộc quan binh) *đi đến ép bức thử tài, dùng sức Trí Tuệ chế ngự đều khiến hàng phục, được Pháp vi diệu thành Tối Chính Giác. Thích Phạm khuyên cầu, thỉnh chuyển bánh xe Pháp* (Dharma-cakra)

Dùng bước dạo chơi của Phật (Buddha-vicaraṇa)*, rống tiếng rống của Phật* (Buddha-nāda)*, gõ trống Pháp* (Dharma-duṇḍubhi)*, thổi loa Pháp* (Dharma-śaṅkhara)*, cầm cây kiếm* Pháp (Dharma-khaḍga), *dựng cây phướng Pháp* (Dharma-dhvaja)*, rung động sấm Pháp* (Dharma-garjati)*, tỏa sáng ánh điện Pháp* (Dharma-vidyu)*, tưới dội cơn mưa Pháp* (Dharma-varṣṇi)*, diễn Pháp ban cho, thường dùng Pháp Âm (Dharma-svara) đánh thức các Thế Gian. Ánh sáng chiếu khắp vô lượng cõi Phật, tất cả Thế Giới chấn động theo sáu cách. Thâu nhiếp hết Ma Giới* (Māra-dhātu)*, lay động cung điện của Ma, chúng Ma sợ hãi không có ai không quy phục. Đánh xé lưới Tà, tiêu diệt các Kiến, tan các trần lao, hoại các hố rãnh Dục, giữ gìn nghiêm ngặt cái thành Pháp, mở toang cánh cửa Pháp, giặt rửa dơ bẩn, hiển rõ trong trắng, tỏa sáng Phật Pháp, tuyên truyền Chính Hóa*

Vào địa phận của các nước, được các món ăn hậu hĩ, gom chứa Công Đức, chỉ bày ruộng Phước. Muốn tuyên Pháp, hiện tươi cười, dùng các thuốc Pháp cứu chữa ba ***khổ****, hiển hiện vô lượng Công Đức của ý Đạo, trao cho* ***Bồ Tát Ký*** *thành Đẳng Chính Giác. Hiện bày Diệt Độ, cứu giúp không mỏi mệt, tiêu trừ các Lậu, gieo trồng mọi gốc Đức, đầy đủ Công Đức vi diệu khó lường. Dạo chơi các cõi nước Phật, hiện khắp Đạo Giáo, nơi đã tu hành ấy trong sạch không dơ. Ví như Huyễn Sư hiện mọi hiện tượng lạ: là nam, là nữ , không có điều gì chẳng biến hiện hiện được…đều do vốn học sáng tỏ, tại ý tạo làm”*

Các Bồ Tát này cũng lại như vậy, học tất cả Pháp, thông suốt điều đan chéo lẫn lộn, lựa ra đầu mối, nơi đã trụ an định chắc thật, không chỗ nào chẳng cảm hóa được. Vô số cõi Phật thảy đều hiện khắp, chưa từng ngạo mạn chỉ luôn thương xót chúng sinh…. tất cả đầy đủ Pháp như vậy. Ưa thích tìm hiểu sự màu nhiệm thiết yếu của Kinh Điển Bồ Tát, nổi tiếng đến bậc cầm cương chỉ lối (Đạo Ngự) khắp mười phương, vô lượng chư Phật đều cùng hộ niệm.

Nơi Đức Phật trụ đều đã được trụ, chỗ Đại Thánh lập đều đã lập được, đều hay tuyên bày Đạo Hóa của Như Lai, vì các Bồ Tát mà làm Đạo Sư, dùng Thiền Tuệ thâm sâu mở lối cho mọi người thông các Pháp Tính (Dharmatā), đạt tướng của chúng sinh, hiểu rõ các cõi nước, cúng dường chư Phật, hóa hiện thân ấy giống như ánh sáng điện

Khéo học không sợ, hiểu thấu Pháp huyễn, xé hủy lưới Ma, cởi các trói buộc, vượt hơn Địa vị của Thanh Văn Duyên Giác. Được Tam Muội **Không** (Śūnya)**, Vô Tướng** (Animitta)**, Vô Nguyện** (Apraṇihita). Khéo lập phương tiện hiển bày ba Thừa (Tri-yāna), đối với bậc Trung, Hạ này mà hiện Diệt Độ, cũng không có chỗ tạo làm, không có sở hữu, chẳng khởi chẳng diệt, được Pháp bình đẳng (Samatā-dharma), đầy đủ thành tựu vô lượng Tổng Trì (Dhāraṇī) trăm ngàn Tam Muội (Samādhi). Các Căn (Indriya:giác quan), Trí Tuệ, **Tịch Định** (Định vắng lặng) rộng khắp, vào sâu trong Pháp Tạng của Bồ Tát, được **Hoa Nghiêm Tam Muội** của Phật, tuyên dương diễn nói tất cả Kinh Điển.

Trụ **Định Môn** thâm sâu đều nhìn thấy vô lượng chư Phật đời hiện tại, trong khoảng một niệm, không có chỗ nào không vòng khắp, cứu giúp các nạn nguy kịch, các sự hạn chế chẳng thể hạn chế, phân biệt hiển bày bờ mé chân thật, được Trí biện tài của các Như Lai, vào mọi ngôn âm khai hóa tất cả, vượt qua các Pháp đã có Thế Gian, tâm thường chân thật trụ nơi đường lối cứu đời, đối với tất cả vạn vật đều tùy ý tự tại

Vì loài chúng sinh làm người bạn chẳng cần phải thỉnh mời, gánh vác quần sinh, nhận việc nặng nhọc, thọ trì Pháp Tạng (Dharma-garbha) thâm sâu của Như Lai, bảo hộ Chủng Tính của Phật thường khiến chẳng đứt, dấy lên **Đại Bi** (Mahā-kāruṇa) xót thương chúng sinh, diễn tranh biện hiền từ trao cho mắt Pháp (Dharma-cakṣu), lấp ba lối (3 đường ác) mở cửa lành, dùng Pháp **Bất Thỉnh** (chẳng cần thỉnh mời) ban cho các người dân (lê thứ), giống như người con hiếu thảo yêu kính cha mẹ, đối với các chúng sinh xem như chính thân mình, tất cả gốc lành đều đưa qua bờ kia, đều được vô lượng Công Đức của chư Phật, Trí Tuệ sáng suốt chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ Tát như vậy gồm vô lượng Đại Sĩ chẳng thể xưng tính, cùng một lúc đều đến dự hội

Bấy giờ Đức Thế Tôn hiển các căn an vui ưa thích, dáng dấp thanh tịnh, dung mạo tỏa sáng lồng lộng.

Tôn Giả **A Nan** (Ānanda) nương theo Thánh Chỉ của Đức Phật, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trật áo hở vai phải, quỳ thẳng lưng, chắp tay rồi bạch Phật rằng: “Ngày nay Đức Thế Tôn hiển các căn an vui ưa thích, dáng dấp thanh tịnh, dung mạo tỏa sáng lồng lộng như tấm gương sáng, bóng ảnh trong sạch thông suốt trong ngoài, uy dung hiển hiện màu nhiệm siêu tuyệt không lường, chưa từng nhìn thấy, thù diệu như vàng ròng.

Thưa vâng! Bạch Đại Thánh! Lòng con nghĩ rằng “*Ngày nay, Đức Thế Tôn trụ Pháp đặc biệt hiếm có. Ngày nay, đấng* ***Thế Hùng*** *trụ tại chỗ mà chư Phật đã trụ. Ngày nay, đấng* ***Thế Nhãn*** *trụ tại hạnh của Đạo Sư. Ngày nay, đấng* ***Thế Anh*** *trụ tại Đạo tối thắng. Ngày nay, đấng* ***Thiên Tôn*** *hành Đức của Như Lai. Mỗi mỗi Đức Phật quá khứ hiện tại vị lai cùng nghĩ nhớ đến nhau được không ? Nay Đức Phật nhớ đến chư Phật ư? Vì sao ánh sáng uy thần lại tỏa sáng như thế?”*

Lúc đó Đức Thế Tôn bảo A Nan rằng: “Thế nào A Nan! Chư Thiên dạy ông đến hỏi Phật ư? Hay ông tự dùng Tuệ Kiến hỏi Uy Nhan vậy?”

A Nan bạch Phật: “Không có chư Thiên đến dạy bảo con. Con tự dùng chỗ thấy của mình thưa hỏi nghĩa này vậy”

Đức Phật nói: “Lành thay A Nan! Điều ông đã hỏi rất thú vị! Ông phát Trí Tuệ sâu xa, biện tài chân diệu, thương nhớ chúng sinh mà hỏi về nghĩa của Tuệ ấy. Do Như Lai dùng Đại Bi thương xót ba cõi cho nên hiện ra ở đời, mở sáng Đạo Giáo khiến khắp quần sinh được lợi của Chân Pháp, vô lượng ức kiếp khó gặp khó thấy, giống như hoa **Linh Thụy** (Udumbara-puṣpa) rất lâu mới hiện ra một lần. Nay điều ông đã hỏi có nhiều chỗ lợi ích, khai hóa tất cả chư Thiên, người dân

A Nan nên biết Trí ấy của Đức **Như Lai Chính Giác** rất khó đo lường, phần lớn là chỗ của bậc cầm cương chỉ lối, Tuệ Kiến không ngại, không thể cấm dứt. Dùng sức của một bữa ăn hay trụ Thọ Mệnh ức trăm ngàn kiếp vô số vô lượng. Lại vượt hơn con số này thì các Căn vẫn tươi đẹp chẳng bị tổn hại hủy nát, dáng dấp chẳng thay đổi, dung mạo vẫn sáng bóng không khác. Tại sao thế? Vì Như Lai có Định Tuệ rất thông suốt không có cùng cực, ở tất cả Pháp mà được tự tại

A Nan hãy lắng nghe! Nay Ta vì ông nói”

_Đáp rằng: “Thưa vâng! Con xin vui nguyện muốn nghe”

Đức Phật bảo A Nan: "Cách nay rất lâu xa, khoảng vô lượng chẳng thể nghĩ bàn vô ương số kiếp trong đời quá khứ, có Đức Như Lai **Đĩnh Quang** (?Dīpaṃkara:Nhiên Đăng) hiện ra ở đời, giáo hóa độ thoát vô lượng chúng sinh, đều khiến được Đạo…rồi mới nhận Diệt Độ

Tiếp có Đức Như Lai tên là **Quang Viễn** (?Prabhākara:Phát Quang)

Tiếp có Đức Phật tên là **Nguyệt Quang** (Candra-prabha)

Tiếp có Đức Phật tên là **Chiên Đàn Hương** (Candana-gandha)

Tiếp có Đức Phật tên là **Thiện Sơn Vương** (Suparvata-rāja)

Tiếp có Đức Phật tên là **Tu Di Thiên Quan**

Tiếp có Đức Phật tên là **Tu Di Đẳng Diệu**

Tiếp có Đức Phật tên là **Nguyệt Sắc** (Candra-varṇa)

Tiếp có Đức Phật tên là **Chính Niệm** (Samyag-smṛti)

Tiếp có Đức Phật tên là **Ly Cấu** (Vimala)

Tiếp có Đức Phật tên là **Vô Trước** (Asaṅga)

Tiếp có Đức Phật tên là **Long Thiên** (Nāgābhibhū)

Tiếp có Đức Phật tên là **Dạ Quang** (Rātrī-prabha)

Tiếp có Đức Phật tên là **An Minh Đỉnh** (?Merukuṭa : Tu Di Phong)

Tiếp có Đức Phật tên là **Bất Động Địa** (Acala-bhūmi)

Tiếp có Đức Phật tên là **Lưu Ly Hương Khí**

Tiếp có Đức Phật tên là **Lưu Ly Kim Sắc** (Vaiḍūrya-suvarṇa-rūpa)

Tiếp có Đức Phật tên là **Kim Tạng** (Suvarṇa-garbha)

Tiếp có Đức Phật tên là **Diễm Quang** (Jyotiṣ-prabha)

Tiếp có Đức Phật tên là **Diễm Căn** (Jyotiṣ-indriya)

Tiếp có Đức Phật tên là **Địa Chủng**

Tiếp có Đức Phật tên là **Nguyệt Tượng** (Candra-hasta)

Tiếp có Đức Phật tên là **Nhật Âm** (Sūrya-ghoṣa)

Tiếp có Đức Phật tên là **Giải Thoát Hoa** (Vimukta-puṣpa)

Tiếp có Đức Phật tên là **Trang Nghiêm Quang Minh** (Pramaṇḍita-raśmi-prabha)

Tiếp có Đức Phật tên là **Hải Giác Thần Thông** (Sāgara-vara-buddhi-vikrīḍitābhijña)

Tiếp có Đức Phật tên là **Thủy Quang** (Udaka-prabha)

Tiếp có Đức Phật tên là **Đại Hương** (Mahā-gandha)

Tiếp có Đức Phật tên là **Ly Trần Cấu** (Viraja)

Tiếp có Đức Phật tên là **Xả Yếm Ý**

Tiếp có Đức Phật tên là **Bảo Diễm** (Ratnābhibhāsa)

Tiếp có Đức Phật tên là **Diệu Đỉnh** (Sukuṭa)

Tiếp có Đức Phật tên là **Dũng Lập** (Śuru-kuṭa)

Tiếp có Đức Phật tên là **Công Đức Trì Tuệ** (Mahā-guṇa-dhara-budhi-prāptābhijña)

Tiếp có Đức Phật tên là **Nhật Nguyệt Quang** (Sūrya-candra-prabha)

Tiếp có Đức Phật tên là **Nhật Nguyệt Lưu Ly Quang** (Sūrya-candra-vaiḍūrya-nirbhāsa)

Tiếp có Đức Phật tên là **Vô Thượng Lưu Ly Quang** (Uttapta-vaiḍūrya-nirbhāsa)

Tiếp có Đức Phật tên là **Tối Thượng Thủ** (Uttara-śirṣai)

Tiếp có Đức Phật tên là **Bồ Đề Hoa** (Bodhi-puṣpa)

Tiếp có Đức Phật tên là **Nguyệt Minh** (Candra-vidya)

Tiếp có Đức Phật tên là **Nhật Quang** (Sūrya-prabha)

Tiếp có Đức Phật tên là **Hoa Sắc Vương** (Puṣpa-varṇa-rāja)
Tiếp có Đức Phật tên là **Thủy Nguyệt Quang** (Udaka-candra-prabha)
Tiếp có Đức Phật tên là **Trừ Si Minh**
Tiếp có Đức Phật tên là **Độ Cái Hạnh**
Tiếp có Đức Phật tên là **Tịnh Tín** (Śuddha-śraddhā)
Tiếp có Đức Phật tên là **Thiện Tú** (Sunakṣatra)
Tiếp có Đức Phật tên là **Uy Thần**
Tiếp có Đức Phật tên là **Pháp Tuệ** (Dharma-prajña)
Tiếp có Đức Phật tên là **Loan Âm**
Tiếp có Đức Phật tên là **Sư Tử Âm** (Siṃha-ghoṣa)
Tiếp có Đức Phật tên là **Long Âm** (Nāga-ghoṣa)
Tiếp có Đức Phật tên là **Xử Thế**
Như chư Phật này, thảy đều đã qua

Khi ấy, tiếp có Đức Phật tên là **Thế Tự Tại Vương** (Lokeśvara-rāja) Như Lai (Tathāgata) Ứng Cúng (Arhate) Đẳng Chính Giác (Samyaksaṃbuddha) Minh Hạnh Túc (Vidyācaraṇasaṃpana) Thiện Thệ (Sugata) Thế Gian Giải (Loka-vid) Vô Thượng Sĩ (Anuttara) Điều Ngự Trượng Phu (Puruṣadamyasārathi) Thiên Nhân Sư (Śāstra-deva-manuṣyanāṃ) Phật Thế Tôn (Buddha-lokanātha).

Thời có vị quốc vương nghe Đức Phật nói Pháp, tâm an vui ưa thích, phát ý Đạo **Vô Thượng Chính Chân**, liền vứt bỏ đất nước, buông bỏ ngôi vua, đi làm Sa Môn (Śaramaṇa)**,** hiệu là **Pháp Tạng** (Dharmākara), tài cao Trí mạnh, vượt khác hẳn đời, đi đến chỗ của Đức Thế Tự Tại Như Lai, cúi đầu lễ bàn chân của Đức Phật, nhiễu quanh theo bên phải ba vòng rồi quỳ thẳng lưng, chắp tay, dùng Tụng khen rằng:

_Dung nhan sáng lồng lộng
Uy Thần không cùng cực
Như vậy sáng rực rỡ
Không có gì ngang bằng
_Ánh sáng của Nhật, Nguyệt
Ma Ni (Maṇi), ngọc… tỏa rực
Thảy đều bị ẩn lấp
Giống như là đống mực.
_Dung nhan của Như Lai
Hơn đời, không có chuẩn (Vô Huân: không có tiêu chuẩn bình thường)
Đại Âm của Chính Giác (Saṃbodhi)
Vang truyền khắp mười phương
_Giới (Śīla), lắng nghe (văn:Śrūta), Tinh Tiến (Vīrya)
Tam Muội (Samādhi) với Trí Tuệ (Prajña)
Uy Đức không bạn sánh
Thù thắng rất hiếm có
_Xét kỹ sâu, khéo nhớ
Biển Pháp của chư Phật
Cùng tận nơi sâu kín
Nghiền ngẫm bờ đáy ấy
_Vô Minh (Avidya), Dục (Rāga), giận dữ (Dveṣa)
Thế Tôn tuyệt không có
Đấng **Nhân Hùng Sư Tử**
Thần Đức không thể lường
_Công Đức thật rộng lớn
Trí Tuệ rất sâu mầu

Tướng ánh sáng uy nghiêm
Chấn động khắp Đại Thiên
_Nguyện con được làm Phật
Ngang bằng Thánh Pháp Vương
Vượt qua hết sinh tử
Không gì chẳng giải thoát
_Bố Thí (Dāna), điều hòa Ý
Giới (Śīla), Nhẫn Nhục (Kṣānti), Tinh Tiến (Vīrya)
Các Tam Muội (Samādhi) như vậy
Trí Tuệ (Prajña) cao hơn hết
_Con thề được thành Phật
Hành khắp cả Nguyện này
Tất cả nỗi sợ hãi
Làm cho an ổn hết
_Giả sử khiến có Phật
Hàng trăm ngàn ức vạn
Vô lượng các Đại Thánh
Số như cát sông Hằng
_Cúng dường khắp tất cả
Chư Phật của nhóm này
Chẳng thể bằng cầu Đạo
Bền chắc chẳng chối từ
_Ví như cát sông Hằng
Thế Giới của chư Phật
Lại chẳng thể tính đếm
Vô số các cõi nước
_Ánh sáng đều chiếu soi
Khắp hết các nước này
Sức tinh tiến như vậy
Uy Thần khó thể lường
_Khiến con được làm Phật
Có cõi nước bậc nhất
Chúng trong ấy, kỳ diệu
Đạo Tràng rất siêu tuyệt
_Đất nước như **Nê Hoàn** (Nirvāṇa: Niết Bàn)
Không nơi nào sánh được
Con sẽ thương xót hết
Độ thoát khắp tất cả
_Chúng mười phương, sinh đến
Tâm vui thích, trong sạch
Đã đến nước của con
Được khoái lạc an ổn
_Cầu Phật, tin sáng suốt
Là **Chân Chứng** của con
Phát Nguyện ở nơi ấy
Sức tinh ròng, mong muốn
_Các Thế Tôn mười phương
Trí Tuệ không ngăn ngại
Thường khiến cho Tôn này

Biết Tâm Hạnh của con
_Giả sử khiến thân chỉ
Ở trong các khổ độc
Con luôn hành tinh tiến
Nhẫn chịu, không hối hận

Đức Phật bảo A Nan: "Tỳ Khưu **Pháp Tạng** ấy nói Tụng này xong, liền bạch Phật rằng: *"Thưa vâng! Bạch Đức Thế Tôn! Con phát Tâm **Vô Thượng Chính Giác.** Nguyện xin Đức Phật vì con rộng tuyên Kinh Pháp, con sẽ tu hành nhiếp lấy nước Phật, thanh tịnh trang nghiêm vô lượng cõi màu nhiệm, khiến con ở đời mau thành Chính Giác, nhổ bứt gốc khổ não của sinh tử"*

Đức Phật bảo An Nan: "Thời Đức Phật Thế Tự Tại Vương bảo Tỳ Khưu Pháp Tạng: "*Như chỗ tu hành trang nghiêm cõi Phật thì tự ông nên biết"*

Tỳ Khưu bạch Phật: "*Nghĩa này quá sâu rộng, chẳng phải là cảnh giới của con! Nguyện xin Đức Thế Tôn rộng vì con diễn bày hạnh **Tịnh Thổ** của chư Phật Như Lai. Con nghe điều này xong, sẽ như Thuyết, tu hành thành mãn chỗ nguyện*"

Khi ấy Đức Phật Thế Tự Tại Vương biết Chí Nguyện cao minh sâu rộng ấy, liền vì Tỳ Khưu Pháp Tạng mà nói Kinh rằng: " Ví như biển lớn, một người dùng cái đấu đong tát, trải qua kiếp số vẫn có thể đến đáy, lấy được vật báu màu nhiệm. Người có chí tâm, tinh tiến cầu Đạo chẳng ngưng nghỉ, khi gặp dịp ắt sẽ được Quả thì Nguyện gì mà chẳng được ?"

Lúc đó Đức Phật Thế Tự Tại Vương liền rộng nói việc Thiện ác của Trời Người, sự thô thiển màu nhiệm của cõi nước trong 210 ức cõi nước của chư Phật…ứng với Tâm Nguyện ấy đều hiển hiện rõ ràng

Khi vị Tỳ Khâu ấy nghe Đức Phật đã nói về cõi nước nghiêm tịnh, thảy đều nhìn thấy từ xa, liền phát Nguyện vô thượng thù thắng. Tâm ấy vắng lặng, chí không có chỗ dính mắc, tất cả Thế Gian không có gì chẳng theo kịp, đầy đủ năm kiếp, suy nghĩ nhiếp lấy Hạnh trong sạch để trang nghiêm nước Phật".

A Nan bạch Phật: "Cõi nước Phật ấy tồn tại (thọ lượng) được bao nhiêu?"

Đức Phật nói: "Đức Phật ấy sống lâu (thọ mệnh) đến bốn mươi hai kiếp.

Khi Tỳ Khưu **Pháp Tạng** nhiếp lấy Hạnh trong sạch ở 210 ức cõi màu nhiệm của chư Phật. Như vậy tu xong, đi đến nơi Đức Phật ngự, cúi đầu lễ bàn chân của Đức Phật, nhiễu quanh Đức Phật ba vòng rồi chắp tay, đứng thẳng bạch rằng*:"Thế Tôn! Con đã nhiếp lấy Hạnh trong sạch để trang nghiêm cõi Phật"*

Đức Phật bảo Tỳ Khưu: *"Nay ông có thể nói. Thích hợp biết Thời đó, phát khởi vui thích. Có thể tất cả Đại Chúng, Bồ Tát nghe xong, tu hành Pháp này, khi Duyên đến sẽ đầy đủ vô lượng Nguyện lớn"*

Tỳ Khưu bạch Phật: "*Xin Đức Phật lắng nghe xem xét! Như điều con đã Nguyện, sẽ nói ra đầy đủ.*

1_ Nếu con được thành Phật mà cõi nước có Địa Ngục, Quỷ đói, súc sinh… thời con chẳng nhận lấy Chính Giác

2_ Nếu con được thành Phật mà Người Trời trong nước, sau khi hết tuổi thọ lại rơi vào ba nẻo ác, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

3_ Nếu con được thành Phật mà Người Trời trong nước chẳng đều có màu vàng ròng thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

4_ Nếu con được thành Phật mà Người Trời trong nước có hình sắc chẳng giống nhau, còn có kẻ đẹp người xấu, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

5_ Nếu con được thành Phật mà Người Trời trong nước chẳng đều hiểu biết **Túc Mệnh** (Pūrvanivāsānusmṛti- abhijñā), thấp hơn là biết việc trong trăm ngàn ức na do tha các kiếp, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

6_ Nếu con được thành Phật mà Người Trời trong nước chẳng được **Thiên Nhãn** (Divya-cakṣur- abhijñā), thấp hơn là nhìn thấy trăm ngàn ức na do tha cõi nước của chư Phật, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

7_ Nếu con được thành Phật mà Người Trời trong nước chẳng được **Thiên Nhĩ** (Divya-śrotam- abhijñā), thấp hơn là nghe điều mà trăm ngàn ức na do tha chư Phật đã nói, chẳng đều thọ trì, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

8_ Nếu con được thành Phật mà Người Trời trong nước chẳng được **Kiến Tha Tâm Trí** (Cetaḥpayyāya-abhijñā) thấp hơn là biết tâm niệm của chúng sinh trong trăm ngàn ức na do tha cõi nước của chư Phật, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

9_ Nếu con được thành Phật mà Người Trời trong nước chẳng được **Thần Túc** (Ṛddhividdhi-abhijñā) ở khoảng một niệm, thấp hơn là chẳng thể vượt qua trăm ngàn ức na do tha cõi nước của chư Phật, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

10_ Nếu con được thành Phật mà Người Trời trong nước hoặc khởi tưởng nhớ tham lam, tính toán cho thân mình, thời con không nhận lấy Chính Giác.

11_ Nếu con được thành Phật mà Người Trời trong nước chẳng trụ nhóm Định đều đến Diệt Độ, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

12_ Nếu con được thành Phật mà ánh sáng còn có lượng giới hạn, thấp hơn là chẳng chiếu hết trăm ngàn ức na do tha cõi nước của chư Phật, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

13_ Nếu con được thành Phật mà Thọ Mệnh còn có lượng giới hạn, thấp hơn là trăm ngàn ức na do tha kiếp, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

14_ Nếu con được thành Phật mà Thanh Văn (Śrāvaka) trong nước có thể tính toán đo lường cho đến chúng sinh, Duyên Giác (Pratyeka-buddha) của ba ngàn Đại Thiên Thế Giới ở trăm ngàn kiếp đều cùng chung tính đếm, biết được con số ấy, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

15_ Nếu con được thành Phật thì Thọ Mệnh của Người Trời trong nước không có lượng giới hạn, trừ khi kẻ ấy có Bản Nguyện tu rút ngắn tự tại. Nếu chẳng như thế thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

16_ Nếu con được thành Phật mà Người Trời trong nước cho đến nghe có tên gọi chẳng lành, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

17_ Nếu con được thành Phật mà vô lượng chư Phật ở mười phương Thế Giới chẳng đều than hỏi, xưng tên của con thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

18_ Nếu con được thành Phật mà chúng sinh ở mười phương, chí tâm tin tưởng ưa thích, muốn sinh về nước của con cho đến mười niệm nếu chẳng được sinh, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác. Chỉ trừ kẻ vướng tội năm Nghịch, chê bai Chính Pháp.

19_ Nếu con được thành Phật mà chúng sinh ở mười phương, phát Tâm Bồ Đề tu các Công Đức, chí tâm phát Nguyện muốn sinh về nước của con. Lúc lâm chung thời nếu khiến chẳng cho Đại Chúng vây quanh, hiện trước mặt người ấy, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

20_ Nếu con được thành Phật mà chúng sinh ở mười phương, nghe danh hiệu của con, buộc niệm vào nước của con, gieo trồng các gốc Đức, chí tâm hồi hướng, muốn sinh về nước của con lại chẳng được kết quả thỏa thích, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

21_ Nếu con được thành Phật mà Người Trời trong nước chẳng đều thành đủ ba mươi hai tướng của bậc Đại Nhân, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

22_ Nếu con được thành Phật. Các chúng Bồ Tát thuộc cõi Phật ở phương khác, đi đến sinh về nước của con, rốt ráo đều đến **Nhất Sinh Bổ Xứ** (ekajāti-pratibaddha). Trừ khi kẻ ấy có Bản Nguyện tự tại hóa độ, vì chúng sinh cho nên mặc áo giáp **Hoằng Thệ**, gom chứa gốc Đức, độ thoát tất cả, dạo chơi các cõi Phật, tu **Bồ Tát Hạnh** (Bodhisatva-cārya), cúng dường mười phương chư Phật Như Lai, khai hóa hằng sa vô lượng chúng sinh. Khiến lập Đạo **Chính Chân Vô Thượng**, vượt hơn hẳn tiêu chuẩn thông thường, Hạnh của các Địa (Bhūmi). Hiện tiền tu tập Đức của **Phổ Hiền** (Samanta-bhadra). Nếu chẳng như thế thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

23_ Nếu con được thành Phật mà Bồ Tát trong nước, nương theo Thần Lực của Đức Phật, cúng dường chư Phật. Khoảng một bữa ăn mà chẳng thể đến vô lượng vô số ức na do tha cõi nước của chư Phật, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

24_ Nếu con được thành Phật mà Bồ Tát trong nước ở tại trước mặt Đức Phật, hiện gốc Đức ấy. Các vật dụng mong cầu, muốn cúng dường, nếu chẳng như ý, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

25_ Nếu con được thành Phật mà Bồ Tát trong nước chẳng thể diễn nói **Nhất Thiết Trí** (Sarva-jñāna), thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

26_ Nếu con được thành Phật mà Bồ Tát trong nước chẳng được thân của Kim Cương Na La Diên (Vajra-nārāyaṇa), thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

27_ Nếu con được thành Phật. Người Trời trong nước, tất cả vạn vật nghiêm tịnh, sáng đẹp, hình sắc đặc biệt lạ thường, tận cùng màu nhiệm rất khéo léo không thể đo lường cho đúng được. Nếu các chúng sinh ấy cho đến người đạt được Thiên Nhãn (Divya-cakṣu) có thể hiểu thấu, phân tích được danh số ấy, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

28_ Nếu con được thành Phật mà Bồ Tát trong nước cho đến người có chút Công Đức, chẳng thể thấy biết cây của Đạo Trường ấy có vô lượng ánh sáng màu sắc, cao bốn trăm vạn dặm, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

29_ Nếu con được thành Phật mà Bồ Tát trong nước, hoặc thọ nhận, đọc Kinh Pháp, phúng tụng, giữ gìn, giảng nói mà chẳng được Biện Tài Trí Tuệ, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

30_ Nếu con được thành Phật mà Bồ Tát trong nước được Trí Tuệ Biện Tài, nếu có lượng giới hạn thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

31_ Nếu con được thành Phật thì cõi nước trong sạch, thảy đều chiếu thấy tất cả vô lượng vô số chẳng thể nghĩ bàn các Thế Giới Phật ở mười phương, giống như tướng mặt được nhìn thấy trong cái gương sáng. Nếu chẳng như thế, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

32_ Nếu con được thành Phật. Từ mặt đất trở lên trên cho đến hư không: cung điện, lầu quán, ao, giòng nước, cây hoa…hết thảy tất cả vạn vật của cõi nước đều dùng vô lượng loại báu, trăm ngàn thứ hương cùng chung hợp thành, nghiêm sức kỳ diệu, vượt hơn hẳn các Trời Người. Hương ấy xông ướp khắp mười phương Thế Giới, Bồ Tát ngửi thấy đều tu **Phật Hạnh** (Buddha-cārya). Nếu chẳng như thế, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

33_ Nếu con được thành Phật. Loài chúng sinh trong vô lượng chẳng thể nghĩ bàn các Thế Giới Phật ở mười phương, nhận được ánh sáng của con tiếp chạm thân thể của kẻ ấy thì thân tâm mềm mại, vượt hơn hẳn các Người Trời. Nếu chẳng như thế, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

34_ Nếu con được thành Phật. Loài chúng sinh trong vô lượng chẳng thể nghĩ bàn các Thế Giới Phật ở mười phương, nghe tên gọi của con mà chẳng được **Vô Sinh Pháp Nhẫn** (Anutpattika-dharma-kṣānti)**,** các **Tổng Trì** (Dhāraṇī) thâm sâu của Bồ Tát, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

35_ Nếu con được thành Phật. Vô lượng chẳng thể nghĩ bàn các Thế Giới Phật ở mười phương có người nữ nào nghe tên gọi của con lại vui vẻ, tin tưởng, ưa thích, phát tâm Bồ Đề, chán ghét thân nữ. Sau khi hết tuổi thọ, lại mang hình tượng người nữ nữa, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

36_ Nếu con được thành Phật. Các chúng Bồ Tát trong vô lượng chẳng thể nghĩ bàn các Thế Giới Phật ở mười phương, nghe tên gọi của con. Sau khi hết tuổi thọ, thường tu **Phạm Hạnh** (Brahma-cārya) cho đến thành Phật Đạo. Nếu chẳng như thế, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

37_ Nếu con được thành Phật. Chư Thiên, người dân trong vô lượng chẳng thể nghĩ bàn các Thế Giới Phật ở mười phương, nghe tên gọi của con mà đặt năm vóc sát đất, cúi đầu làm lễ, vui vẻ, tin tưởng, ưa thích tu Bồ Tát Hạnh thì chư Thiên, người đời không có ai chẳng cung kính. Nếu chẳng như thế, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

38_ Nếu con được thành Phật thì Người, Trời trong nước muốn được quần áo sẽ tùy theo niệm liền đến. Như Đức Phật đã khen ngợi *"Ứng Pháp thì quần áo màu nhiệm tự nhiên ở ngay trên thân"*. Nếu có người phải cắt may, nhuộm, sửa, giặt dũ…thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

39_ Nếu con được thành Phật thì Người, Trời trong nước thọ nhận khoái lạc, chẳng như (?chẳng khác gì) vị Tỳ Khưu dứt hết sự dò rỉ (lậu tận), thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

40_ Nếu con được thành Phật thì Bồ Tát trong nước, tùy theo ý, muốn thấy vô lượng cõi Phật nghiêm tịnh sữ ứng thời như nguyện. Ở trong cây báu thảy đều chiếu thấy, giống như tướng mặt được nhìn thấy trong cái gương sáng. Nếu chẳng như thế, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

41_ Nếu con được thành Phật. Các chúng Bồ Tát trong cõi nước ở phương khác, nghe tên gọi của con, đến khi được thành Phật mà các Căn bị hư thiếu xấu xí, chẳng được đầy đủ, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

42_ Nếu con được thành Phật. Các chúng Bồ Tát trong cõi nước ở phương khác, nghe tên gọi của con, thảy đều đạt được Tam Muội **Thanh Tịnh Giải Thoát**. Trụ Tam Muội đó, trong một khoảng phát ý sẽ cúng dường vô lượng chẳng thể nghĩ bàn các Phật Thế Tôn mà chẳng mất **Định Ý**. Nếu chẳng như thế, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

43_ Nếu con được thành Phật. Các chúng Bồ Tát trong cõi nước ở phương khác, nghe tên gọi của con. Sau khi hết tuổi thọ sẽ sinh vào nhà Tôn Quý. Nếu chẳng như thế, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

44_ Nếu con được thành Phật. Các chúng Bồ Tát trong cõi nước ở phương khác, nghe tên gọi của con, vui vẻ hớn hở tu Bồ Tát Hạnh, đầy đủ gốc Đức. Nếu chẳng như thế, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

45_ Nếu con được thành Phật. Các chúng Bồ Tát trong cõi nước ở phương khác, nghe tên gọi của con, thảy đều đạt được Tam Muội **Phổ Đẳng**. Trụ Tam Muội đó,đến khi thành Phật, thường thấy vô lượng chẳng thể nghĩ bàn tất cả Như Lai. Nếu chẳng như thế, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

46_ Nếu con được thành Phật.Bồ Tát trong nước tùy theo chí nguyện, mong muốn nghe Pháp thì tự nhiên được nghe. Nếu chẳng như thế, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

47_ Nếu con được thành Phật. Các chúng Bồ Tát trong cõi nước ở phương khác, nghe tên gọi của con mà chẳng liền được đến bậc chẳng thoái chuyển, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

48_ Nếu con được thành Phật. Các chúng Bồ Tát trong cõi nước ở phương khác, nghe tên gọi của con mà chẳng liền được đến **Pháp Nhẫn** thứ nhất, thứ hai, thứ

ba…đối với Phật Pháp chẳng thể liền được bậc chẳng thoái chuyển, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

Đức Phật bảo A Nan: "Khi ấy, Tỳ Khưu Pháp Tạng nói Nguyện này xong, liền nói Tụng là:

_Con dựng Nguyện hơn đời (siêu thế)
Thẳng đến Đạo vô thượng
Nguyện này chẳng đầy đủ
Thề chẳng thành Đẳng Giác
_Con ở vô lượng kiếp
Chẳng làm Đại Thí Chủ
Cứu khắp các nghèo khổ
Thề chẳng thành Đẳng Giác
_Con đến thành Phật Đạo
Danh tiếng vượt mười phương
Rốt ráo luống chẳng nghe
Thề chẳng thành Đẳng Giác
_Lìa Dục (Rāga), Chính Niệm sâu
Tịnh Tuệ tu Phạm Hạnh
Chí cầu Đạo vô thượng
Làm Thầy các Trời Người
_Thần Lực diễn Đại Quang (ánh sáng lớn)
Chiếu khắp cõi không cùng
Trừ ngu tối, ba **cấu**
Sáng suốt cứu mọi nạn
_Mở mắt Trí Tuệ ấy
Diệt mù mờ tối tăm
Đóng kín các đường ác
Thông đạt cửa nẻo lành (Thiện Thú)
_Công Phúc thành đầy đủ
Uy Diệu sáng mười phương
Nhật, Nguyệt dấu vầng sáng
Thiên Quang (ánh sáng của Trời) ẩn, chẳng hiện
_Vì chúng, mở Pháp Tạng
Rộng cho báu Công Đức
Thường ở trong Đại Chúng
Nói Pháp, Sư Tử rống
_Cúng dường tất cả Phật
Đầy đủ mọi gốc Đức
Nguyện, Tuệ đều thành đủ
Được làm **Tam Giới Hùng**
_Như Phật: Trí vô lượng
Thông đạt tràn khắp cả
Nguyện sức Công Đức con
Ngang **Tối Thắng Tôn** này
_Nguyện này nếu được Quả
Cảm ứng, động Đại Thiên
Trời Người ở hư không
Tuôn mưa hoa quý báu

Đức Phật bảo A Nan: "Tỳ Khưu Pháp Tạng nói Tụng này xong, lúc đó khắp mặt đất chấn động theo sáu cách, trời tuôn mưa hoa màu nhiệm rải tán bên trên mặt đất, tự nhiên âm nhạc trong hư không khen rằng: *"Quyết định ắt thành Vô Thượng Chính Giác*". Khi ấy Tỳ Khưu Pháp Tạng đầy đủ tu mãn Nguyện lớn như vậy, thành thật chẳng hư dối, vượt ra khỏi Thế Gian, ưa thích sâu xa sự vắng lặng.

Này A Nan! Tỳ Khưu Pháp Tạng ở chỗ của Đức Phật ấy,trong Đại Chúng của chư Thiên (Deva), Ma (Māra), Phạm (Brāhma), tám Bộ Rồng (Nāga), Thần (Devatā)…phát **Hoằng Thệ** này. Lập Nguyện này xong, một hướng chuyên chí trang nghiêm cõi màu nhiệm. Nước Phật đã tu, mở mang rộng lớn, thần diệu vượt bật. Tạo dựng lâu bền không có suy kém, không có biến đổi.

Ở chẳng thể nghĩ bàn triệu năm lâu dài Kiếp, gom chứa gầy dựng vô lượng Đức Hạnh của Bồ Tát. Chẳng sinh: cảm giác ham muốn (dục giác), cảm giác giận dữ (sân giác), cảm giác ganh ghét gây hại (hại giác). Chẳng khởi Dục Tưởng (rāga-saṃjña), Sân Tưởng (Dvesa-saṃjña), Hại Tưởng. Chẳng dính mắc Pháp của hình chất (Sắc:Rūpa), âm thanh (thanh:Śabda), mùi ngửi (hương:gandha), vị nếm (vị:Rasa), tiếp chạm (xúc:Spraṣṭavya). Thành tựu sức Nhẫn, chẳng tính mọi khổ, ít ham muốn, biết đủ, không nhiễm dính giận dữ si mê .

Tam Muội thường vắng lặng, Trí Tuệ không ngăn ngại, không có tâm hư dối nịnh hót quanh co, dáng mặt hiền hòa, nói năng êm dịu, thưa hỏi ý người đi trước (bậc lớn tuổi có kinh nghiệm), dũng mãnh tinh tiến, chí nguyện không sờn, chuyên cầu Pháp trắng trong (thanh bạch)

Dùng Tuệ lợi quần sinh, cung kính Tam Bảo, phụng sự Sư Trưởng. Dùng mọi hạnh đầy đủ trang nghiêm lớn khiến các chúng sinh thành tựu Công Đức. Trụ Pháp **Không** (Śūnyatā:Tính trống rỗng), **không có Tướng** (Vô Tướng: Animitta), **không có Nguyện** (Vô Nguyện:Apraṇihita). Không có tạo tác (Abhisaṃskāra), không có sinh khởi (Anutpanna), quán Pháp như biến hóa.

Xa lìa lời nói thô thiển: hại mình, hại kẻ khác, cùng hại mình và kẻ khác. Tu tập lời nói hiền lành: lợi mình lợi người, cùng lợi cho mình và người khác

Vứt bỏ đất nước, buông bỏ ngôi vua, bỏ hết tiền của sắc đẹp. Tự hành sáu Ba La Mật, dạy người khiến hành.

Vô ương số kiếp gom chứa Công Đức. Tùy theo nơi sinh ra, ngay ý mong muốn, vô lượng kho tàng báu tự nhiên ứng hiện. Giáo hóa an lập vô số chúng sinh trụ ở Đạo **Chính Chân Vô Thượng**

Hoặc làm Trưởng Giả, Cư Sĩ, hào tính tôn quý. Hoặc làm vua chúa dòng Sát Đế Lợi (Kṣatriya), Chuyển Luân Thánh Đế. Hoặc làm Thiên Chủ (Deva-pati) của sáu cõi Dục (Kāma-dhātu) cho đến Phạm Vương (Brāhma-rāja)…thường dùng bốn việc cúng dường, cung kính tất cả chư Phật. Công Đức như vậy chẳng thể xưng nói

Miệng tỏa hơi thơm tinh khiết như hoa Ưu Bát La (Utpāla: hoa sen xanh), các lỗ chân lông trên thân tuôn ra mùi thơm Chiên Đàn (Candana), hương thơm ấy xông ướp khắp vô lượng Thế Giới. Sắc mặt đoan chính, tướng tốt thù diệu. Bàn tay thường tuôn ra vật báu không tận, quần áo, thức ăn uống, hương hoa thần diệu quý báu, các lọng, phướng, phan, vật dụng trang nghiêm. Việc của nhóm như vậy vượt hơn các Người Trời, ở tất cả Pháp mà được tự tại"

A Nan bạch Phật: "Bồ Tát Pháp Tạng đã được thành Phật rồi nhận lấy Diệt Độ? Là bậc chưa thành Phật? Ngày nay, hiện tại là ai?"

Đức Phật bảo A Nan: “Bồ Tát Pháp Tạng ngày nay đã thành Phật, hiện tại ở phương Tây cách đây mười vạn ức cõi, Thế Giới của Đức Phật ấy tên là **An Lạc** (Sukhāvatī)”

A Nan lại hỏi: “Đức Phật ấy thành Đạo cho đến nay đã trải qua bao nhiêu thời?”

Đức Phật nói: “Thành Phật đến nay đã trải qua mười kiếp. Cõi nước của Đức Phật ấy có bảy báu tự nhiên là: Vàng (Suvarṇa), bạc (Rūpya), Lưu Ly (Vaiḍūrya), San Hô (?Sphaṭika: Pha lê, thủy tinh), Hổ Phách (?Lohita-mukta:Xích châu), Xà Cừ (Musāra-galva:có chỗ dịch là San Hô), Mã Não (Aśma-garbha)…hợp thành mặt đất

Lại cõi nước ấy không có núi Tu Di (Sumeru) với Kim Cương (Vajra) vây quanh, tất cả các núi (Parvata). Cũng không có biển lớn, biển nhỏ, khe, ngòi, giếng, suối…do Thần Lực của Đức Phật cho nên muốn thấy liền thấy. Cũng không có Địa Ngục, Quỷ đói, súc sinh, lối nẻo của các nạn. Cũng không có bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông…chẳng lạnh chẳng nóng thường điều hòa vừa ý”

Bấy giờ A Nan bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Nếu cõi nước ấy không có núi Tu Di thời **Tứ Thiên Vương** (Cātur-māhā-rāja-deva) với **Đao Lợi Thiên** (Trayāstriṃśa-deva:Tam Thập Tam Thiên) y theo đâu để trụ?”

Đức Phật hỏi A Nan: “ **Diễm Thiên** (Yāma-deva) thứ ba cho đến **Sắc Cứu Cánh Thiên** (Kaniṣṭha) đều y theo đâu mà trụ?”

A Nan bạch Phật: “Hành Nghiệp, Quả Báo chẳng thể nghĩ bàn”

Đức Phật bảo A Nan: “Hành Nghiệp, Quả Báo chẳng thể nghĩ bàn, Thế Giới của chư Phật cũng chẳng thể nghĩ bàn. Các chúng sinh ấy có Công Đức, sức Thiện, trụ tại Địa của Hành Nghiệp cho nên hay như thế vậy”

A Nan bạch Phật: “Con chẳng nghi ngờ Pháp này, chỉ vì chúng sinh thời tương lai, muốn trừ nghi hoặc ấy cho nên hỏi nghĩa này”

Đức Phật bảo A Nan: “Ánh sáng uy thần của Đức Phật Vô Lượng Thọ là tối tôn bậc nhất, ánh sáng của chư Phật chẳng thể theo kịp. Hoặc có ánh sáng Phật chiếu đến trăm Thế Giới Phật, hoặc ngàn Thế Giới Phật. Lấy điều thiết yếu mà nói thì chiếu đến hằng sa cõi Phật ở phương Đông. Phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn phương bàng, phương bên trên, phương bên dưới cũng lại như vậy. Hoặc có ánh sáng Phật chiếu đến bảy thước (xích:thước Tàu). Hoặc chiếu đến một do tuần, hai, ba, bốn, năm Do Tuần. Như vậy chuyển gấp bội cho đến chiếu soi một cõi Phật.

Chính vì thế cho nên Đức Phật **Vô Lượng Thọ** (Amitāyu-buddha) có hiệu là: **Vô Lượng Quang Phật** (Amitābha-buddha), **Vô Biên Quang Phật** (Amita-prabhāsa-buddha), **Vô Ngại Quang Phật** (Apratihata-raśmi-prabha-buddha), **Vô Đối Quang Phật** (Asamāpta-prabha-buddha), **Diễm Vương Quang Phật** (Prabhā-śikhotṣṛṣṭa-prabha-buddha), **Thanh Tịnh Quang Phật** (Śuddha-prabha-buddha), **Hoan Hỷ Quang Phật** (Pramodanīya-prabha-buddha), **Trí Tuệ Quang Phật** (Prajñā-prabha-buddha), **Bất Đoạn Quang Phật** (Nibandhanīya-prabha-buddha), **Nan Tư Quang Phật**, **Vô Xứng Quang Phật**, **Siêu Nhật Nguyệt Quang Phật** (Candra-sūrya-jihmī-karaṇa-buddha).

Cõi ấy có chúng sinh gặp ánh sáng này thì ba **Cấu** được tiêu diệt, thân ý mềm mại, vui vẻ hớn hở, sinh ra tâm lành. Nếu ở chốn cần khổ tại ba đường (địa ngục, quỷ đói, súc sinh) nhìn thấy ánh sáng này đều được ngừng nghỉ, không bị khổ não nữa, sau khi hết tuổi thọ đều được giải thoát

Ánh sáng của Đức Phật Vô Lượng Thọ rực rỡ chiếu sáng các cõi nước Phật ở mười phương, không có chốn nào không nghe biết. Chẳng phải chỉ có Ta ngày nay khen ngợi ánh sáng ấy mà tất cả chư Phật, Thanh Văn, Duyên Giác, các chúng Bồ Tát đều cùng nhau khen ngợi cũng lại như vậy

Nếu có chúng sinh nghe Công Đức Uy Thần của ánh sáng ấy, ngày đêm xưng nói, chí tâm chẳng đứt thì tùy theo ước nguyện được sinh về nước ấy. Là nơi mà các Bồ Tát, Thanh Văn, Đại Chúng cùng nhau khen ngợi, xưng Công Đức ấy cho đến sau khi được Phật Đạo thời vì khắp chư Phật Bồ Tát ở mười phương khen ngợi ánh sáng ấy cũng như ngày nay vậy"

Đức Phật nói: "Ta nói Ánh sáng của Đức Phật Vô Lượng Thọ có Uy Thần lồng lộng thù diệu …suốt ngày đêm, trọn một kiếp cũng chẳng thể hết".

Đức Phật bảo A Nan: "Đức Phật Vô Lượng Thọ có thọ mệnh lâu dài chẳng thể xưng tính. Ông nên biết như vậy.

Giả sử vô lượng chúng sinh ở mười phương Thế Giới đều được thân người, đều khiến thành tựu Thanh Văn Duyên Giác, đều cùng nhau tập hội, lặng nghĩ suy xét (thiền tư), một lòng dốc hết Trí Lực ấy ở trăm ngàn vạn kiếp đều cùng nhau tìm tính, đếm số kiếp lâu dài của thọ mệnh ấy thì cũng chẳng thể biết cùng tận điểm cuối cùng của hạn lượng ấy. Thọ mệnh dài ngắn của chúng Thanh Văn, Bồ Tát, Trời, Người cũng lại như vậy, chẳng phải là chỗ hay biết của sự tính đếm thí dụ.

Lại số Thanh Văn, Bồ Tát ấy rất khó đo lường, chẳng thể xưng nói. Thần Trí thông suốt, uy lực tự tại, có thể nắm giữ tất cả Thế Giới ở trong lòng bàn tay"

Đức Phật bảo A Nan: "Hội đầu tiên (sơ hội) của Đức Phật ấy có số chúng Thanh Văn chẳng thể xưng tính, Bồ Tát cũng thế. [*Nếu người có*] khả năng như Đại Mục Kiền Liên nhiều đến trăm ngàn vạn ức vô lượng vô số, ở a tăng kỳ na do tha kiếp cho đến Diệt Độ đều cùng nhau xét tính, vẫn chẳng thể hiểu cùng tận số lượng nhiều ít ấy.

Ví như biển lớn, sâu rộng vô lượng. Giả sử có người chia chẻ một sợi lông ra làm trăm phần, đem một phần lông thấm lấy một giọt nước. Ý ông thế nào? Chỗ giọt nước ấy đối với biển lớn thì chỗ nào nhiều hơn?"

A Nan bạch Phật: "Chỗ giọt nước ấy so với biển lớn thì lượng lớn nhỏ, chẳng cần phải là người khéo tính toán số dùng ngôn từ thí dụ, cũng có thể biết được vậy"

Đức Phật bảo A Nan: " Như nhóm Mục Kiền Liên ở trăm ngàn vạn ức na do tha kiếp tính đếm Thanh Văn Bồ Tát ở hội đầu tiên ấy, thời con số biết được giống như một giọt nước, còn chỗ chẳng biết thì như nước của biển lớn.

_Lại cõi nước ấy có các cây bảy báu tràn đầy khắp cả Thế Giới như: cây vàng, cây bạc, cây lưu ly, cây pha lê, cây san hô, cây mã não, cây xà cừ. Hoặc có cây do hai báu, ba báu cho đến bảy báu chuyển cộng hợp thành.

Hoặc có cây bằng vàng, lá hoa quả bằng bạc

Hoặc có cây bằng bạc, lá hoa quả bằng vàng

Hoặc có cây bằng lưu ly, lá hoa quả bằng pha lê…cũng thế

Hoặc có cây bằng thủy tinh, lá hoa quả bằng lưu ly…cũng thế

Hoặc có cây bằng san hô, lá hoa quả bằng mã não…cũng thế

Hoặc có cây bằng mã não, lá hoa quả bằng lưu ly…cũng thế

Hoặc có cây bằng xà cừ, mọi thứ báu làm lá hoa quả…cũng thế

Hoặc có cây báu với vàng tía (tử kim) làm gốc, bạc trắng làm thân, lưu ly làm cành, thủy tinh làm nhánh nhỏ, san hô làm lá, mã não làm hoa, xà cừ làm thật (?quả trái)

Hoặc có cây báu với bạc trắng làm gốc, lưu ly làm thân, thủy tinh làm cành, san hô làm nhánh nhỏ, mã não làm lá, xà cừ làm hoa, vàng tía làm thật (?quả trái)

Hoặc có cây báu với lưu ly làm gốc, thủy tinh làm thân, san hô làm cành, mã não làm nhánh nhỏ, xà cừ làm lá, vàng tía làm hoa, bạc trắng làm thật (?quả trái)

Hoặc có cây báu với thủy tinh làm gốc, san hô làm thân, mã não làm cành, xà cừ làm nhánh nhỏ, càng tía làm lá, bạc trắng làm hoa, lưu ly làm thật (?quả trái)

Hoặc có cây báu với san hô làm gốc, mã não làm thân, xà cừ làm cành, vàng tía làm nhánh nhỏ, bạc trắng làm lá, lưu ly làm hoa, thủy tinh làm thật (?quả trái)

Hoặc có cây báu với mã não làm gốc, xà cừ làm thân, vàng tía làm cành, bạc trắng làm nhánh nhỏ, lưu ly làm lá, thủy tinh làm hoa, san hô làm thật (?quả trái)

Hoặc có cây báu với xà cừ làm gốc, vàng tía làm thân, bạc trắng làm cành, lưu ly làm nhánh nhỏ, thủy tinh làm lá, san hô làm hoa, mã não làm thật (?quả trái)

Hàng hàng cùng thẳng tắp, thân thân cùng ngó vào nhau, cành cành cùng bằng nhau, lá lá cùng hướng vào nhau, hoa hoa cùng thuận nhau, quả quả cùng đối xứng nhau, màu sắc tươi tốt, sáng rực… chẳng có thứ gì có thể so sánh hơn được. Khi gió mát thổi thời phát ra năm âm thanh, cung thương vi diệu tự nhiên cùng hòa với nhau.

Lại cây **Đạo Tràng** của Đức Phật Vô Lượng Thọ cao bốn trăm vạn dặm, chu vi của gốc cây rộng năm ngàn do tuần, cành lá tỏa bày bốn bên đến hai mươi vạn dặm, tất cả mọi báu tự nhiên hợp thành. Dùng Nguyệt Quang Ma Ni (Candra-bhāsa-maṇi), báu Trì Hải Luân (Sāgara-vara-maṇi-ratna), vua của mọi báu để trang nghiêm. Chung quanh cành nhành rũ treo chuỗi Anh Lạc báu, trăm ngàn vạn màu sắc, mọi loại biến đổi khác nhau, tỏa vô lượng ánh sáng rực rỡ chiếu sáng không cùng tận (vô cực)

Bên trên cây ấy có lưới mành bằng báu trân diệu che phủ, tất cả trang nghiêm tùy ứng mà hiện ra. Khi gió nhẹ thổi qua thì lay động phát ra Pháp Âm (Dharma-svara) màu nhiệm, lan truyền khắp tất cả nước Phật ở mười phương. Người nghe tiếng ấy, được **Pháp Nhẫn** sâu xa, trụ **Bất Thoái Chuyển** cho đến thành Phật Đạo, chẳng còn gặp khổ hoạn (Tai vạ, tật bệnh gây đau khổ)

Mắt nhìn thấy hình sắc ấy, tai nghe tiếng ấy, mũi biết mùi hương ấy, lưỡi nếm mùi vị ấy, thân tiếp chạm ánh sáng ấy, tâm dùng Pháp duyên thì tất cả đều được Pháp Nhẫn thâm sâu, trụ Bất Thoái Chuyển , cho đến thành Phật Đạo, sáu căn trong suốt, không có các não hoạn (tai vạ, tật bệnh gây bực bội).

Này A Nan! Nếu Người, Trời của nước ấy nhìn thấy cây này sẽ được ba Pháp Nhẫn. Một là **Âm Hưởng Nhẫn**, hai là **Nhu Thuận Nhẫn**, ba là **Vô Sinh Pháp Nhẫn**. Đây đều là sức uy thần, sức Bản Nguyện, Nguyện đầy đủ, Nguyện sáng tỏ, Nguyện bền chắc, Nguyện cứu cánh của Đức Phật Vô Lượng Thọ”

Đức Phật bảo A Nan: “Bậc đế vương (Rājendra) trong Thế Gian có trăm ngàn âm nhạc. Từ Chuyển Luân Thánh Vương cho đến cõi Trời thứ sáu (Tha Hóa Tự Tại Thiên:Paranirmita-vaśa-vartino-deva), càng lên trên thì kỹ nhạc âm thanh triển chuyển hơn hẳn gấp ngàn ức vạn lần. Sáu vạn loại nhạc âm trên cõi Trời thứ sáu chẳng thể bằng các cây bảy báu của nước Vô Lượng Thọ, chỉ một loại âm thanh đã gấp hơn ngàn ức lần, cũng có vạn loại kỹ nhạc tự nhiên

Lại tiếng nhạc ấy không có gì chẳng phải là Pháp Âm: trong trẻo, vui thích, thương xót, vi diệu, hòa nhã….là (âm thanh) bậc nhất trong âm thanh của mười phương Thế Giới.

Lại giảng đường, tinh xá, cung điện, lầu quán đều do bảy báu tang nghiêm, tự nhiên hóa thành. Lại dùng trân châu, Minh Nguyệt Ma Ni, mọi báu… đan chéo nhau che trùm bên trên

_Bên trong, bên ngoài, bên trái, bên phải có các ao tắm, hoặc mười do tuần, hoặc hai mươi, ba mươi cho đến trăm ngàn do tuần…dài, rộng, sâu, cạn thảy đều bằng nhau. Nước tám Công Đức trong vắt tràn đầy hương thơm thanh tịnh, có vị tinh khiết như Cam Lộ (Amṛta).

Ao bằng vàng ròng, đáy trải cát bạc trắng

Ao bằng bạc trắng, đáy trải cát vàng ròng
Ao bằng thủy tinh, đáy trải cát lưu ly
Ao bằng lưu ly, đáy trải cát thủy tinh
Ao bằng san hô, đáy trải cát hổ phách
Ao bằng hổ phách, đáy trải cát san hô
Ao bằng xà cừ, đáy trải cát mã não
Ao bằng mã não, đáy trải cát xà cừ
Ao bằng ngọc trắng, đáy trải cát vàng tía
Ao bằng vàng tía, đáy trải cát ngọc trắng
Hoặc hai loại báu, ba loại báu cho đến bảy loại báu chuyển nhau hợp thành

_Trên bờ ao ấy có cây Chiên Đàn (Candana-vṛkṣa), hoa lá rũ bày, tỏa hơi thơm xông ướp khắp. Hoa Ưu Bát La (Utpāla:hoa sen xanh) của cõi Trời, hoa Bát Đàm Ma (Padma:hoa sen hồng), hoa Câu Vật Đầu (kumuda:hoa sen đỏ), hoa Phân Đà Lợi (Puṇḍarika:hoa sen trắng) với ánh sáng đủ màu, tươi đẹp phủ đầy trên mặt nước

Các Bồ Tát với chúng Thanh Văn của cõi ấy, nếu muốn vào ao báu mà ý muốn khiến nước ngập đến bàn chân thì nước liền ngập đến bàn chân, muốn khiến đến đầu gối liền đến đầu gối, muốn khiến đến eo lưng thì nước liền đến eo lưng, muốn khiến đến cổ thì nước liền đến cổ, muốn khiến rưới rót lên thân thì tự nhiên rưới rót lên thân, muốn khiến trở lại như cũ thì nước liền quay trở lại như cũ. Điều hòa lạnh ấm, tự nhiên tùy theo ý, mở Thần đẹp Thể, rửa sạch trừ bợn nhơ của tâm, trong sáng, lắng sạch trong như không có hình.

Cát báu tỏa sáng, không có chỗ sâu nào không chiếu sáng đến. Sóng nhẹ vòng quanh, lưu chuyển cùng nhau rưới rót, an lành thong thả đi không trở lại, chẳng chậm chẳng nhanh. Sóng nổi lên vô lượng tiếng màu nhiệm tự nhiên tùy theo chỗ ứng ấy không có ai chẳng nghe thấy. Hoặc nghe tiếng Phật (Buddha-śabda), hoặc nghe tiếng Pháp (Dharma-śabda), hoặc nghe tiếng Tăng (Saṃgha-śabda), hoặc tiếng Tịch Tĩnh (Māveṇika-śabda), tiếng Không (Śūnya-śabda) Vô Ngã (Anātma-śabda), tiếng Đại Từ Bi (Mahā-maitrī- Kāruṇa-śabda), tiếng Ba La Mật (Pāramitā-śabda). Hoặc tiếng Pháp: mười Lực (Daśa-bala-śabda) vô úy (Abhaya-śabda), **Bất Cộng**, các tiếng Thông Tuệ (Vaiśarādya-śabda), tiếng không có chỗ tạo làm (Asaṃskāra-śabda), tiếng chẳng khởi diệt, tiếng Vô Sinh Nhẫn (Anutpattika-kṣānti-śabda) …cho đến tiếng mọi Diệu Pháp của **Cam Lộ Quán Đỉnh** (Amṛtābhiṣeka-śabda). Tiếng của nhóm như vậy xứng với người đã nghe ấy, vui vẻ vô lượng, tùy thuận theo nghĩa thanh tịnh, lìa Dục, vắng lặng, chân thật. Tùy thuận theo Pháp: Tam Bảo, Lực, Vô Sở Úy, Bất Cộng. Tùy thuận thông tuệ đường lối mà Bồ Tát Thanh Văn đã hành. Không có tiếng thuộc nạn khổ của ba đường (Tam Đồ: Địa ngục, quỷ đói, súc sinh) mà chỉ có tiếng khoái lạc tự nhiên. Chính vì thế cho nên nước ấy có tên là **Cực Lạc** (Sukhāvatī)

_A Nan! Các kẻ sinh về cõi nước Phật ấy đều có đầy đủ sắc thân trong sạch, các âm thanh màu nhiệm, Thần Thông, Công Đức như vậy. Cung điện cư ngụ, quần áo, thức ăn uống, mọi hương hoa màu nhiệm, vật dụng trang nghiêm…giống như vật tự nhiên của cõi Trời thứ sáu (Tha Hóa Tự Tại Thiên:Paranirmita-vaśa-vartino-deva)

Nếu lúc muốn ăn thời vật dụng đựng thức ăn (ứng khí) bằng bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, xà cừ, mã não, san hô, hổ phách, Minh Nguyệt trân châu… tự nhiên hiện trước mặt. Mọi cái bát như vậy tùy theo ý mà đến tự nhiên đầy tràn thức ăn uống có trăm mùi vị. Tuy có thức ăn này, nhưng thật ra không có người ăn. Chỉ nhìn thấy hình sắc, ngửi mùi thơm…dùng ý để ăn thì tự nhiên no đủ, thân tâm mềm mại, không có chỗ dính mắc mùi vị. Việc xong rồi liền biến mất , đến thời lại hiện ra.

Cõi nước Phật ấy trong sạch, an ổn, khoái lạc vi diệu. Tiếp đến nơi Vô Vi (Abhisaṃskāra), Đạo của **Nê Hoàn** (Niết Bàn:Nirvāṇa)

Các Thanh Văn, Bồ Tát, Người, Trời của cõi ấy có Trí Tuệ cao minh, thông suốt Thần Thông… đều đồng một loài hình, không có dạng khác. Chỉ vì thuận theo phương khác cho nên có tên gọi của Người Trời. Dáng mặt đoan chính vượt hơn đời, hiếm có. Dung nhan, sắc đẹp vi diệu… chẳng phải Trời, chẳng phải Người đều thọ nhận thân của hư vô tự nhiên, Thể của Vô Cực”

_Đức Phật hỏi A Nan: “Ví như Thế Gian để người xin ăn nghèo túng bên cạnh bậc Đế Vương thì hình dáng, dung mạo có thể nói cùng loại chăng?”

A Nan bạch Phật: “Giả sử khiến người này ở ngay bên cạnh vị Đế Vương thì gầy gò xấu xí, không thể dùng làm ví dụ được, trăm ngàn vạn ức chẳng thể tính ngược lại được. Sở dĩ như thế, vì người xin ăn nghèo túng là hạng thấp kém cùng tận, áo chẳng đủ che thân, ăn chỉ muốn giữ mạng, đói rét khốn khổ, lẽ sống của con người hầu như đã hết…đều vì đời trước chẳng gieo trồng gốc Đức, gom chứa tiền của chẳng đem bố thí, giàu có lại càng keo kiệt, chỉ muốn nói khoác cho được lòng tham, tham lam (cầu: 求) không biết chán, chẳng tin tu thiện, phạm điều ác chất chứa như núi. Như vậy khi hết tuổi thọ, tiền tài vật báu tiêu tan, thân khổ gom chứa sự ưu não của việc đã làm, đối với chính mình không có ích mà đồ dùng lại thành của người khác, không có việc lành có thể nương cậy, không có Đức có thể nương nhờ. Thế nên khi chết bị rơi vào nẻo ác , chịu sự đau khổ lâu dài này. Khi hết tội, được ra khỏi thì sinh làm kẻ thấp hèn, ngu dốt hèn mọn. Tách ra khỏi sự xấu nhất thì bảo là đồng với loài người.

Sở dĩ bậc Đế Vương của Thế Gian có địa vị độc tôn trong con người đều do đời trước gom chứa Đức. Đã làm các việc: Từ, Tuệ, bố thí rộng rãi, nhân ái cứu giúp, tin tưởng tu thiện, không có kiện cãi lầm lỗi. Do đó khi hết tuổi thọ, tương ứng Phước nên được sinh lên nẻo lành, được sinh lên Trời hưởng Phước Lạc này. Do phần dư thừa của điều thiện đã gom chứa, nên ngày nay thường được làm người, sinh vào nhà vua chúa, tự nhiên tôn quý, nghi dung đoan chính, được mọi sự yêu kính phụng sự, tùy theo tâm được ăn ngon mặc đẹp. Do Phước của đời trước đi theo nên hay đến chốn này”

Đức Phật bảo A Nan: “Ông đã nói thế. Tính như Đế Vương tuy là bậc tôn quý trong loài người, có hình sắc đoan chính. Nhưng nếu so sánh bậc Chuyển Luân Thánh Vương thì rất là hèn mọn xấu xí, giống như so sánh người ăn xin ngay bên cạnh bậc Đế Vương.

Bậc Chuyển Luân Thánh Vương có uy tướng thù diệu đứng nhất trong thiên hạ. Nhưng nếu so sánh với Đao Lợi Thiên Vương lại rất xấu ác gấp vạn ức lần, chẳng thể đem ví dụ được.

Nếu khiến Thiên Đế so sánh với vua của tầng Trời thứ sáu, thì gấp trăm ngàn ức lần chẳng thể xếp cùng loại được.

Nếu vua của cõi Trời thứ sáu so với Bồ Tát Thanh Văn trong nước của Đức Phật Vô Lượng Thọ thì từ ánh sáng, khuôn mặt, dáng dấp, sắc đẹp… đều chẳng thể theo kịp, trăm ngàn vạn ức lần chẳng thể tính nổi”

Đức Phật bảo A Nan: “Các Trời, Người của nước Vô Lượng Thọ: quần áo, thức ăn uống, hoa, hương, chuỗi Anh Lạc, các lọng, phướng, phan, âm thanh vi diệu, chỗ cư ngụ, nhà cửa, cung điện, lầu gác…xứng với hình sắc, cao, thấp, lớn, nhỏ của người ấy. Hoặc một loại báu, hai loại báu cho đến vô lượng mọi báu đều tùy theo ý mong muốn, ứng theo niệm liền đến.

Lại đem mọi báu, áo màu nhiệm rải bày khắp mặt đất ấy, tất cả Trời Người dẫm lên mà đi. Vô lượng lưới báu che trùm khắp bên trên Đức Phật; đều dùng sợi chỉ vàng, trân châu, trăm ngàn thứ báu kỳ diệu quý báu khác thường..để trang nghiêm tô điểm.

Giáp vòng bốn mặt, rũ treo chuông báu tỏa ánh sáng, màu sắc rực rỡ hết sức trang nghiêm lộng lẫy.

Gió Đức tự nhiên thong thả khởi động nhẹ nhàng. Gió ấy điều hòa, chẳng lạnh, chẳng nóng, ấm, mát, mềm mại, chẳng chậm, chẳng nhanh…thổi các lưới mành với mọi cây báu, diễn phát vô lượng Pháp Âm vi diệu, lưu bày vạn loại hương Đức ôn hòa thanh nhã. Nếu có người ngửi được mùi hương ấy thì tập khí trần lao tự nhiên chẳng khởi. Gió chạm thân ấy đều được khoái lạc, ví như vị Tỳ Khưu được Tam Muội **Diệt Tận**

Lại gió thổi rải hoa tràn khắp cõi Phật, tùy theo thứ tự của màu sắc mà chẳng tạp loạn, mềm mại, sáng bóng, thơm tho ngào ngạt. Bàn chân dẫm lên trên đám hoa ấy sẽ lún sâu xuống dưới bốn thốn (4 tấc Tàu), tùy theo nhấc bàn chân lên thì hoàn trả lại như cũ. Hoa dùng xong rồi thì mặt đất liền mở tách ra, theo thứ tự biến hóa mất, trong sạch không có dấu vết. Tùy theo thời tiết, gió thổi rải tán hoa sáu lần như vậy.

Lại hoa sen bằng mọi thứ báu tràn đầy Thế Giới, mỗi một hoa báu có trăm ngàn ức cánh, ánh sáng của cánh hoa ấy có vô lượng loại màu sắc: màu xanh có ánh sáng xanh, màu trắng có ánh sáng trắng. Màu sắc của ánh sáng: đen huyền, màu vàng, màu đỏ, màu tím cũng thế…đỏ lừng, chói lọi, rực rỡ, sáng tỏ như mặt trời mặt trăng. Trong mỗi một ánh sáng hiện ra ba mươi sáu (36) trăm ngàn ức Phật với thân màu vàng tía, tướng tốt đặc biệt khác lạ. Mỗi một chư Phật lại phóng ra trăm ngàn ánh sáng, vì khắp mười phương nói Pháp vi diệu. Chư Phật như vậy, mỗi mỗi vị đều đặt để vô lượng chúng sinh vào Chính Đạo của Phật.

KINH VÔ LƯỢNG THỌ

QUYỂN THƯỢNG (Hết)

PHẬT NÓI KINH VÔ LƯỢNG THỌ
QUYỂN HẠ

Hán dịch: Đời **Tào Ngụy**_ Thiên Trúc Tam Tạng KHƯƠNG TĂNG KHẢI (Saṃgha-varman)
Việt dịch: HUYỀN THANH

Đức Phật bảo A Nan: "Chúng sinh của cõi (hữu) kia, sinh vào nước ấy thảy đều trụ ở nhóm của Chính Định. Trong nước Phật ấy không có các nhóm Tà với nhóm chẳng Định. Hằng sa chư Phật ở mười phương đều cùng nhau khen ngợi Uy Thần, Công Đức chẳng thể nghĩ bàn của Đức Phật Vô Lượng Thọ.

Chúng sinh của các cõi (hữu) nghe danh hiệu ấy phát tâm tin, vui vẻ cho đến một niệm chí tâm hồi hướng, nguyện sinh về nước ấy, liền được sinh về, trụ Bất Thoái Chuyển. Chỉ trừ kẻ phạm tội năm Nghịch, chê bai Chính Pháp".

Đức Phật bảo A Nan: "Chư Thiên, người dân trong mười phương Thế Giới có chí tâm, nguyện sinh về nước ấy. Phàm có ba bậc:

_**Bậc Thượng** là: Buông bỏ nhà cửa, vứt bỏ tham dục để làm Sa Môn, phát Tâm Bồ Đề (Bodhi-citta), một hướng chuyên niệm Đức Phật Vô Lượng Thọ, tu các **Công Đức** (Guṇa), nguyện sinh về nước ấy. Chúng sinh của nhóm này, lúc lâm chung thời Đức Phật Vô Lượng Thọ cùng với các Đại Chúng hiện trước mặt người ấy. Tức tùy theo Đức Phật ấy vãng sinh về nước kia, liền tự nhiên hóa sinh ở trong hoa bảy báu, trụ **Bất Thoái Chuyển** (Avaivartika), Trí Tuệ dũng mãnh, Thần Thông tự tại.

Thế nên An Nan! Chúng sinh của cõi kia, muốn ở đời này nhìn thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ thì nên phát Tâm **Vô Thượng Bồ Đề** (Agra-bodhi-citta), tu hành Công Đức, nguyện sinh về nước ấy"

Đức Phật bảo A Nan: "**Bậc Trung** là: Chư Thiên, người dân trong mười phương Thế Giới có chí tâm, nguyện sinh về nước ấy. Tuy chẳng hay đi làm Sa Môn, tu Công Đức lớn thì nên phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, một hướng chuyên niệm Đức Phật Vô Lượng Thọ, tu Thiện (Kuśala) nhiều ít, phụng trì Trai Giới, tạo dựng tháp tượng, dâng thức ăn cho Sa Môn, treo lụa thắp đèn, rải hoa, đốt hương…đem điều này hồi hướng, nguyện sinh về nước ấy. Khi người đó lâm chung thời Đức Phật Vô Lượng Thọ hóa hiện thân với ánh sáng, tướng tốt đầy đủ như Đức Phật, cùng với các Đại Chúng hiện trước mặt người ấy, liền tùy theo vị Hóa Phật, sinh về nước ấy, trụ Bất Thoái Chuyển. Tiếp theo Công Đức, Trí Tuệ sẽ như người thuộc **Bậc Thượng** vậy"

Đức Phật bảo A Nan: "**Bậc Hạ** là: Chư Thiên, người dân trong mười phương Thế Giới có chí tâm muốn sinh về nước ấy. Giả sử chẳng thể làm các Công Đức thì nên phát Tâm Vô Thượng Bồ Đề, một hướng chuyên ý cho đến mười niệm, niệm Đức Phật Vô Lượng Thọ, nguyện sinh về nước ấy. Nếu nghe Pháp sâu xa, vui vẻ tin nhận, chẳng sinh nghi hoặc, cho đến một niệm, niệm Đức Phật ấy, dùng tâm chí thành, nguyện sinh về nước ấy. Khi người này lâm chung, nằm mộng thấy Đức Phật ấy, cũng được vãnh sinh. Tiếp theo Công Đức Trí Tuệ sẽ như người thuộc **Bậc Trung** vậy"

Đức Phật bảo A Nan: "Đức Phật Vô Lượng Thọ có uy thần không cùng cực, vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn chư Phật Như Lai ở mười phương Thế Giới, không có vị nào không khen ngợi. Ở phương Đông ấy, vô lượng vô số các chúng Bồ Tát của hằng sa nước Phật thảy đều đi đến chỗ của Đức Phật Vô Lượng Thọ, cung kính cúng dường , với các Bồ Tát, Thanh Văn, Đại Chúng nghe nhận Kinh Pháp, tuyên bày Đạo Hóa. Phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn phương bàng, phương bên trên, phương bên dưới cũng lại như vậy"

Khi ấy Đức Thế Tôn nói Tụng là:
_Các nước Phật phương Đông
Số như cát sông Hằng
Các Bồ Tát cõi ấy
Đến hầu **Vô Lượng Giác** (Vô Lượng Thọ Phật)
_Nam, Tây, Bắc, bốn góc (4 phương bàng)
Trên, dưới cũng như vậy
Các Bồ Tát cõi ấy
Đến hầu **Vô Lượng Giác**
_Tất cả các Bồ Tát
Cầm Diệu Hoa cõi Trời
Hương báu, áo vô giá
Cúng dường **Vô Lượng Giác**
_Đều ưng tấu nhạc Trời
Thích phát âm hòa nhã
Ca, khen **Tối Thắng Tôn**
Cúng dường **Vô Lượng Giác**
_Đạt tận Thần Thông, Tuệ
Vào Pháp Môn thâm sâu
Đầy đủ Tạng Công Đức
Diệu Trí không đâu bằng (vô đẳng luân)
_Tuệ Nhật chiếu Thế Gian
Tiêu trừ mây sinh tử
Cung kính nhiễu ba vòng
Cúi lạy **Vô Thượng Tôn**
_Thấy cõi nghiêm tịnh ấy
Vi diệu khó nghĩ bàn
Nhân phát Tâm vô lượng
Nguyện nước con cũng thế

_Lúc đó Vô Lượng Tôn
Chuyển nét mặt vui cười
Miệng phóng muôn ánh sáng (vô lượng quang)
Chiếu khắp nước mười phương
Quay về nhiễu quanh thân
Ba vòng theo đỉnh vào
Tất cả chúng Trời Người
Hớn hở đều vui vẻ
_Đại Sĩ **Quán Thế Âm**
Chỉnh áo, cúi lạy, hỏi
"*Phật do **Duyên** gì, cười?*

Nguyện xin nói rõ Ý”
_Tiếng Phạn giống sấm động
Tám âm, vang mầu nhiệm
Sẽ trao **Bồ Tát Ký**
Nay nói **Nhân** (đạo lý). Lắng nghe!
_Chính Sĩ mười phương đến
Ta đều biết Nguyện ấy
Chí cầu cõi Nghiêm Tịnh
Quyết định sẽ làm Phật
_Hiểu thấu tất cả Pháp
Giống, mộng huyễn, âm vang
Đầy đủ các Diệu Nguyện
Đều thành cõi như vậy
_Biết Pháp như ánh điện
Cứu cánh, Bồ Tát Đạo
Đủ các gốc Công Đức
Quyết định sẽ làm Phật
_Thông đạt các Pháp Môn
Tất cả **Không** (Śūnya) , **Vô Ngã** (Anātman)
Chuyên cầu cõi Phật Tịnh
Đều thành cõi như vậy
_Chư Phật bảo Bồ Tát
Khiến hầu **An Dưỡng Phật**
Nghe Pháp vui nhận hành
Mau được chốn thanh tịnh
_Đến cõi nghiêm tịnh ấy
Liền mau được Thần Thông
Đều ở **Vô Lượng Tôn**
Thọ Ký thành Đẳng Giác
_Sức **Bản Nguyện** Phật ấy
Nghe tên, muốn vãng sinh
Thảy đều đến nước ấy
Tự đến Bất Thoái Chuyển
_Bồ Tát khởi Chí Nguyện
Nguyện nước mình không khác
Niệm khắp, độ tất cả
Tên vang khắp mười phương
_Phụng sự ức Như Lai
Bay, hóa khắp các cõi
Cung kính vui vẻ đi
Quay về **An Dưỡng Quốc** (Cõi Cực Lạc)
_Nếu người không gốc Thiện
Chẳng được nghe Kinh này
Người trong sạch, có Giới
Mới được nghe Chính Pháp
_Đã từng thấy Như Lai
Liền hay tin việc này
Khiêm kính, nghe, phụng hành
Hớn hở, rất vui vẻ

_Kiêu Mạn, xấu, lười biếng
Khó thể tin Pháp này
Đời trước thấy chư Phật
Ưa nghe dạy như vậy
_Thanh Văn hoặc Bồ Tát
Không thể xét Tâm Thánh
Như sinh ra đã mù
Muốn làm người mở lối
Biển Trí Tuệ Như Lai
Sâu rộng không bờ đáy
Nhị Thừa chẳng thể đo
Chỉ riêng Phật hiểu rõ
_Giả sử tất cả người
Đầy đủ đều được Đạo
Tịnh Tuệ (Tuệ trong sạch) như **Bản Không** (xưa nay vốn trống rỗng)
Ức kiếp nghĩ Phật Trí
Dốc hết sức giảng nói
Hết đời còn chẳng biết
Phật Tuệ không bờ mé
Như vậy rất thanh tịnh
_Thọ Mệnh rất khó được
Phật ra đời, khó gặp
Người có Tín Tuệ, khó
Nếu nghe, tinh tiến cầu
Nghe Pháp thường không quên
Thấy, kính rất mừng vui
Tức bạn tốt của Ta
Vì thế nên phát ý
_Nếu Thế Giới đầy lửa
Quyết vượt qua, nghe Pháp
Gặp sẽ thành Phật Đạo
Rộng cứu dòng sinh tử

Đức Phật bảo A Nan: "Bồ Tát của nước ấy , rốt ráo đều thành bậc **Nhất Sinh Bổ Xứ** (Ekajāti-pratibaddha). Trừ khi người ấy có Bản Nguyện, vì chúng sinh cho nên dùng Công Đức của **Hoằng Thệ** (Lời thề rộng lớn) để tự trang nghiêm, muốn độ thoát khắp tất cả chúng sinh.

Này A Nan! Trong nước Phật ấy, thân của các chúng Thanh Văn tỏa ánh sáng rộng một tầm (8 thước Tàu), ánh sáng của Bồ Tát chiếu sáng trăm do tuần. Có hai vị Bồ Tát là tối tôn bậc nhất có uy thần, ánh sáng chiếu khắp ba ngàn Đại Thiên Thế Giới"

A Nan bạch Phật: "Hai vị Bồ Tát ấy có hiệu như thế nào?"

Đức Phật nói: "Vị thứ nhất tên là **Quán Thế Âm** (Avalokiteśvara), vị thứ hai tên là **Đại Thế Chí** (Mahā-sthāma-prāpta). Hai vị Bồ Tát đó ở cõi nước này tu Hạnh Bồ Tát (Bodhisatva-cārya), khi mệnh chung thì chuyển hóa sinh ở nước Phật ấy.

Này A Nan! Chúng sinh của cõi kia sinh về nước ấy thảy đều đầy đủ ba mươi hai tướng, thành mãn Trí Tuệ, vào sâu trong các Pháp, nghiền nhẫm thông suốt việc thiết yếu, Thần Thông màu nhiệm không có ngăn ngại, các Căn lanh lợi sáng tỏ. Người **Độn**

Căn (căn cơ chậm lụt) thành tựu hai **Nhẫn**, người **Lợi Căn** (căn cơ nhạy bén) được a tăng kỳ **Vô Sinh Pháp Nhẫn**. Lại vị Bồ Tát ấy cho đến khi thành Phật, chẳng rơi trở lại nẻo ác, Thần Thông tự tại, thường biết **Túc Mệnh**. Trừ khi sinh vào đời ác năm Trược (Pañca-kaṣāya) ở phương khác, thị hiện đồng với điều ấy, như nước của Ta vậy".

Đức Phật bảo A Nan : "Bồ Tát của nước ấy nương vào Uy Thần của Đức Phật, trong khoảng một bữa ăn, đi đến vô lượng Thế Giới ở mười phương, cung kính cúng dường các Phật Thế Tôn, tùy theo tâm đã niệm: hoa, hương, kỹ nhạc, lụa, lọng, phướng, phan, vô số vô lượng cật dụng cúng dường, tự nhiên hóa sinh, ứng niệm liền đến: quý báu, đặc biệt lạ thường chẳng phải là thứ vốn có của đời. Chuyển dùng phụng tán chư Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Đại Chúng. Ngay trong hư không hóa thành cái lọng hoa tỏa ánh sáng màu sắc sáng rực màu nhiệm với hương thơm xông ướp khắp.

Vòng tròn giáp vòng quanh hoa ấy, rộng bốn trăm dặm. Như vậy chuyển gấp bội cho đến che trùm ba ngàn Đại Thiên Thế Giới. Tùy theo thứ tự trước sau, dùng xong thì lần lượt hóa mất. Các vị Bồ Tát ấy đều hớn hở vui thích như thế, ở trong hư không cùng nhau tấu nhạc Trời, dùng tiếng vi diệu ca ngợi Đức của Phật (Buddha-guṇa), nghe nhận Kinh Pháp, vui vẻ vô lượng. Cúng dường Đức Phật xong, đột nhiên nhẹ bước quay về nước của mình, vẫn trước bữa ăn"

Đức Phật bảo A Nan: "Đức Phật Vô Lượng Thọ vì các Thanh Văn, Bồ Tát, Đại Chúng ban tuyên Pháp thời thảy đều tập hội tại giảng đường bảy báu, rộng tuyên Đạo Giáo, diễn xướng Diệu Pháp, không có ai chẳng vui vẻ, tâm hiểu được Đạo.

Lúc đó bốn phương tự nhiên nổi gió, thổi khắp cây báu, phát ra năm âm thanh, tuôn mưa vô lượng hơi thơm tùy theo gió vòng khắp, tự nhiên cúng dường như vậy chẳng dứt.

Tất cả chư Thiên đều đem trăm ngàn hoa, hương, vạn loại kỹ nhạc trên cõi Trời cúng dường Đức Phật ấy với các Bồ Tát, Thanh Văn, Đại Chúng…rải khắp hoa hương, tấu các âm nhạc, trước sau đi đến, thay phiên mở bày rồi tránh đi. Ngay lúc này thời vui vẻ nhộn nhịp, khoái lạc chẳng thể nói hơn được"

Đức Phật bảo A Nan: "Các nhóm Bồ Tát sinh về nước Phật ấy, điều có thể giảng nói là thường tuyên Chính Pháp, tùy thuận Trí Tuệ, không có trái ngược, không có lỗi lầm.

Đối với hết thảy vạn vật ở cõi nước ấy, không có tâm **Ngã Sở** (cái của ta), không có tâm nhiễm dính. Đi lại tiến dừng không có chỗ trói buộc, tùy ý tự tại, tuyệt không có chỗ đến, không có người kia (vô bỉ), không có ta (vô ngã), không có cạnh tranh, không có kiện tụng. Đối với các chúng sinh, được tâm Đại Từ Bi, nhiêu ích. Tâm mềm mại, điều phục, không có tức giận oán hận, lìa ngăn che (cái), trong sạch, không có tâm chán ghét lười biếng. Tâm bình đẳng, tâm thù thắng, tâm sâu sắc, tâm định tĩnh. Tâm yêu Pháp, thích Pháp, vui Pháp…diệt các phiền não, lìa tâm của nẻo ác. Rốt ráo tất cả chỗ hành của Bồ Tát, đầu đủ thành tựu vô lượng Công Đức, được Thiền Định sâu xa, các Tuệ thông minh, dạo đến bảy Giác (Sapta-bodhyaṅga), sửa tâm theo Phật Pháp. Mắt thịt (Māṃsa-cakṣus: nhục nhãn) trong suốt, không có gì chẳng phân chia hiểu rõ. Mắt Trời (Diviya-cakṣus: Thiên Nhãn) thông đạt vô lượng vô hạn. Mắt Pháp (Dharma-cakṣus: Pháp Nhãn) quán sát rốt ráo các Đạo. Mắt Tuệ (Prajña-cakṣus: Tuệ Nhãn) thấy sự thật (chân) hay vượt qua bờ bên kia. Mắt Phật (Buddha-cakṣus: Phật Nhãn) đầy đủ, hiểu thấu tỏ Pháp Tính (Dharmatā). Dùng Trí không có ngại (vô ngại Trí) vì người diễn nói. Bình đẳng quán sát ba cõi trống rỗng, không có chỗ có (sở hữu), chí cầu Phật

Pháp, đủ các biện tài, trừ diệt tai vạ tật bệnh (hoạn) phiền não của chúng sinh, theo Đức Như Lai sinh hiểu Pháp **Như Như** (Tathatā). Khéo biết phương tiện của âm thanh **Tập** (Samudāya), **Diệt** (Nirodha). Chẳng mừng vui với lời nói của đời, ưa thích tại Chính Luận, tu các gốc Thiện, chí ưa chuộng Phật Đạo, biết tất cả Pháp thảy đều tịch diệt. Hai phần dư thừa của **Sinh Thân** (Câu sinh chướng) và **Phiền Não** (phiền não chướng) đều dứt hết. Nghe Pháp thâm sâu, tâm chẳng nghi sợ. Thường hay tu hành việc của Đại Bi sâu xa vi diệu không có gì chẳng che chở. Rốt ráo **Nhất Thừa** (Eka-yāna) đến ở bờ bên kia, quyết chặt đứt lưới nghi, Tuệ do tâm phát ra, bao quát hết thảy không ra ngoài Giáo Pháp của Đức Phật.

Trí Tuệ như biển lớn (Mahā-sāgara), Tam Muội như Sơn Vương (Gīri-rāja: Núi vua), ánh sáng Tuệ trong sáng vượt hơn mặt trời (Sūrya) mặt trăng (Candra), đầy đủ viên mãn Pháp trong trắng

Giống như núi Tuyết (Hīmalāya-parvata), vì chiếu các nhóm Công Đức, thuần một sự trong sạch

Giống như Đại Địa (Mahā-bhūmi). Vì sạch dơ, tốt ác không có tâm khác

Giống như nước sạch. Vì tẩy trừ trần lao, các cấu nhiễm

Giống như Hỏa Vương (Agni-rāja: vua lửa). Vì thiêu đốt, diệt tất cả củi phiền não

Giống như gió lớn (Mahā-vāyu). Vì đi các Thế Giới không có chướng ngại

Giống như hư không (Gagana). Vì đối với tất cả, không có chỗ dính mắc

Giống như hoa sen (Padma). Vì đối với các Thế Gian, không có nhiễm dơ

Giống như cỗ xe lớn (Mahā-yāna: đại thừa). Vì vận chuyển nhóm người dân (quần manh) ra khỏi sinh tử.

Giống như đám mây dầy. Vì rung động tiếng sấm Pháp lớn, đánh thức kẻ chưa giác ngộ.

Giống như cơn mưa lớn (Mahā-varṣṇi). Vì tuôn mưa Pháp Cam Lộ (Amṛta-dharma) thấm ướt chúng sinh.

Như núi Kim Cương (Vajra-parvata). Vì chúng Ma, Ngoại Đại chẳng thể lay động

Như Phạm Thiên Vương (Brahma-devarāja). Vì đối với các Pháp lành là bậc dẫn đầu tối thượng (tối thượng thủ)

Như loại cây **Ni Câu**. Vì che trùm khắp tất cả

Như hoa Ưu Đàm Bát (Udumbara-puṣpa).Vì hiếm có, khó gặp

Như Kim Xí Điểu (Garuḍa). Vì uy phục Ngoại Đạo

Như chúng chim bay. Vì không có chỗ cất dấu

Giống như Ngưu Vương (Vṛṣbha-rāja:Vua loài bò). Vì không thể thắng

Giống như Tượng Vương (Gaja-rāja: Vua loài voi). Vì khéo điều phục

Như Sư Tử Vương (Siṃha-rāja: Vua loài sư tử). Vì không có chỗ sợ hãi

Mênh mông như Hư Không (Gagana) vì nhóm Đại Từ (Mahā-maitreya) tồi diệt tâm ganh ghét, chẳng mong được hơn (thắng).

Chuyên ưa thích cầu Pháp, tâm không có chán đủ, thường muốn rộng nói, chí không có mệt mỏi, đánh trống Pháp (Dharma-duṇḍubhi), dựng cây phướng Pháp (Dharma-dhvaja), mặt trời Diệu Tuệ trừ mờ tối ngu si (si ám), tu sáu **Hòa Kính** (Ṣaḍāramya-dharma), thường hành Pháp ban cho, chí dũng tinh tiến, tâm chẳng yếu hèn thoái lui. Làm ngọn đèn sáng của đời, ruộng Phước tối thượng. Thường làm bậc Thầy dẫn lối, bình đẳng không có yêu ghét. Chỉ ưa thích Chính Đạo, không mừng vui điều khác, nhổ bứt các gai Tham Dục (Rāga) giúp quần sinh an ổn.

Công Đức thù thắng, không có ai chẳng tôn kính. Diệt ba **Cấu Chướng**, dạo chơi các Thần Thông. Sức của Nhân (hetu-bala), sức của Duyên (Prātyaya-bala), sức của Ý (Manas-bala), sức của Nguyện (Pranidhāṇa-bala), sức của Phương Tiện (Upaya-bala), sức của Thường (Nitya-bala), sức của điều lành (Thiện lực: Kuśala-bala), sức của Định

(Samādhi-bala), sức của Tuệ (Prajña-bala), sức của Đa Văn (Bahu-śruta-bala). Sức của Thí (Dāna-bala), Giới (Śīla-bala), Nhẫn Nhục (Kṣānti-bala), Tinh Tiến (Vīrya-bala), Thiền Định (Dhyāna-bala), Trí Tuệ (Prajña-bala). Sức của Chính Niệm (Samyak-smṛti-bala), Chỉ (Śamatha-bala), Quán (Vipaśyanā-bala), các Thông Minh. Sức của ***như Pháp điều phục các chúng sinh***. Sức của nhóm như vậy, tất cả đầy đủ.

Thân sắc, tướng tốt, Công Đức, biện tài đầy đủ trang nghiêm không có ai ngang bằng được. Cung kính, cúng dường vô lượng chư Phật, thường là nơi mà chư Phật cùng nhau khen ngợi. Rốt ráo các Ba La Mật (Pāramitā) của Bồ Tát. Tu Tam Muội: **Không** (Śūnya-samādhi), **Vô Tướng** (Animitta-samādhi), **Vô Nguyện** (Apraṇihita-samādhi), các Môn Tam Muội **chẳng sinh** (Anutpanna-samādhi) **chẳng diệt** (Aniruddha-samādhi), xa lìa Địa của Thanh Văn (Śrāvaka-bhūmi) Duyên Giác (Pratyeka-buddha-bhūmi).

Này A Nan! Các Bồ Tát ấy thành tựu vô lượng Công Đức như vậy. Ta chỉ vì ông lược nói vậy thôi. Nếu rộng nói thì trăm ngàn vạn kiếp chẳng thể cùng tận”

Đức Phật bảo Bồ Tát **Di Lặc** (Maitreya-bodhisatva) với các hàng Trời Người: “ Công Đức, Trí Tuệ của Thanh Văn, Bồ Tát trong nước Vô Lượng Thọ…chẳng thể xưng nói được.

Lại cõi nước ấy vi diệu, an vui, trong sạch như thế…vì sao chẳng gắng sức làm Thiện, nghĩ nhớ đường lối đến tự nhiên, dính ở nơi không có trên dưới, thông suốt không có bờ mé, thích hợp đều siêng năng tinh tiến, nỗ lực tự cầu…ắt được siêu tuyệt đi đến, sinh về nước **An Dưỡng**. Cắt ngang năm nẻo ác thì nẻo ác tự nhiên đóng lại. Tiến lên con đường không có cùng cực, dễ đi qua mà không có người. Nước ấy chẳng có lỗi lầm trái ngược, tự nhiên đến chỗ dắt đi, vì sao chẳng vứt bỏ việc đời?!... Siêng năng hành cầu Đạo Đức thì có thể được sống rất lâu… tuổi thọ, niềm vui không có cùng cực.

Nhưng mà người đời có thói quen nông cạn, cùng nhau kiện cãi việc chẳng cần kíp, ở trong chốn kịch ác cực khổ này, thân siêng năng mưu làm các việc để tự cung cấp giúp đỡ cho mình. Không kể là: tôn quý, thấp hèn, nghèo, giàu, lớn, nhỏ, nam, nữ đều cùng lo lắng về tiền tài. Dầu có hay không, cũng đồng như thế, lo nghĩ điều ưa thích, mưu làm lập lại sự buồn khổ, ràng buộc nghĩ nhớ, gom chứa lo toan…bị tâm sai khiến không có lúc nào yên. Có ruộng lo ruộng, có nhà lo nhà. Lại cùng nhau lo nghĩ về bò, ngựa, sáu loài vật nuôi, nô tỳ, tiền tài, quần áo, đồ vật lặt vặt…nhiều nghĩ ngợi, lắm thở than, lo lắng buồn thảm sợ hãi.

Khi ngang trái, bị điều chẳng thường, nước, lửa, trộm cướp, oan gia, trái chủ…thiêu đốt, cuốn trôi, cướp đoạt, tiêu tan diệt mất. Lo lắng, căm giận, mỗi mỗi hoảng sợ không có lúc cởi ra được. Kết uất ức trong tâm chẳng lìa lo âu buồn bực, tâm bền ý chặt ưa thích không có buông xả

Hoặc điều cố giữ bị phá nát, thân mất mạng hết, vứt bỏ mà đi, không có gì mang theo. Bậc tôn quý, phú hào cũng có tai vạ này, lo sợ vạn điều, siêng năng chịu khó (cần khổ) như thế, kết mọi lạnh nóng cùng tồn tại với sự đau đớn. Nghèo túng, hèn kém, khốn cùng, thiếu hụt… thường không có gì. Không có ruộng thì lo muốn có ruộng. Không có nhà thì lo muốn có nhà. Không có bò, ngựa, sáu loài vật nuôi, nô tỳ, tiền tài, quần áo, đồ vật lặt vặt…cũng lo muốn có được. Ưa thích có một, lại thiếu mất một, có đó thiếu đó. Nghĩ có ngang bằng người, ưa muốn có đủ, liền lại tan mất. Lo khổ như thế, nên lại cầu đòi, chẳng thể thường được, nghĩ tưởng vô ích. Thân tâm đều mệt nhọc, ngồi đứng chẳng yên, lo nghĩ theo nhau, siêng năng chịu khó (cần khổ) như thế, cũng kết lạnh nóng cùng tồn tại với sự đau đớn.

Hoặc khi điều cố giữ kết thúc, thân bị yểu mệnh, chẳng chịu làm điều lành, hành Đạo, nâng dắt Đức độ… nên lúc hết tuổi thọ, thân bị chết sẽ một mình đi xa, không thể biết được nơi sẽ hướng đến là nẻo lành hay dữ

Người dân ở Thế Gian: cha con, anh em, vợ chồng, thân thuộc trong ngoài gia đình nên kính yêu nhau, không ganh ghét nhau, có không đều cùng nhau hòa hợp, không được tham tiếc, lời nói sắc mặt thường ôn hòa, đừng chống trái lẫn nhau.

Hoặc khi tâm tranh cãi, có chỗ cáu giận. Vì ý hận nhỏ bé của đời này mà cùng nhau ganh ghét nên đời sau chuyển dữ dội thành ra oán lớn. Tai sao thế ? Vì việc của Thế Gian thay đổi, cùng gây hoạn hại, tuy chẳng tức thời gấp rút phá nhau nhưng tinh thần ngầm giữ chất độc, gom chứa giận dữ, kết uất ức…tự nhiên ghi khắc sự nhận thức chẳng thể buông lìa, đều sẽ đối sinh liền cùng nhau báo đáp. Người tại Thế Gian, ở trong Ái Dục, sinh một mình, chết một mình, đi một mình, đến một mình…nên nẻo đi đến là đất khổ vui, chỉ riêng thân tự đảm nhận, không có ai thay thế được. Thiện ác biến hóa tai ương phước phận, nơi chốn khác nhau, đời trước sớm nghiêm ngặt chờ đợi sẽ đơn độc hướng vào, từ xa đến chỗ khác mà không ai có thể thấy biết, thiện ác tự nhiên đuổi theo. Nơi được sinh ra, thâm u mờ mịt, ly biệt lâu dài, lối nẻo chẳng đồng, không có dịp gặp nhau, rất khó rất khó lại được cùng nhau gặp gỡ. Thế sao chẳng chịu vất bỏ mọi việc ?!...

Mỗi người khi còn khỏe mạnh, gắng sức siêng năng tu Thiện, tinh tiến nguyện cứu đời thời có thể được sống rất lâu.Tại sao chẳng chịu cầu Đạo, an định nơi tu sửa, lại cứ chờ đợi ham muốn niềm vui nào vậy?!...

Như vậy, người đời chẳng tin làm Thiện được Thiện, hành Đạo được Đạo. Chẳng tin người chết đổi thay lại sinh ra nữa, ban ơn được Phước. Việc Thiện Ác đều chẳng tin, cho rằng chẳng như thế, cuối cùng không có điều đó. Vì chỉ cố giữ điều này, cho nên tạm theo cái thấy của mình, người trước kẻ sau thay đổi cùng nhau ngắm nhìn, đồng như thế, chuyển nhau trao nhận Giáo Lệnh do cha để lại

Người đời trước, ông cha vốn thường chẳng làm Thiện, chẳng biết Đạo Đức, thân ngu dốt, tinh thần mờ tối, tâm bị lấp kín, ý bị che đậy. Nẻo sinh tử, lối Thiện ác…tự chẳng thể thấy, không có ai nói bảo. Họa, Phước lành dữ tranh nhau cùng làm, không có một mối nghi sợ nào. Sống chết theo lối thường, chuyển nhau nối tiếp gây dựng. Hoặc cha khóc con, hoặc con khóc cha, anh em vợ chồng thay nhau khóc lóc, điên đảo trên dưới. Vô Thường (Anitya) là gốc rễ đều phải nhận lấy, quá khứ chẳng thể ôm giữ lâu dài. Ít có người tin vào lời dạy bảo mở Đạo, do đó sống chết lưu chuyển không có ngừng nghỉ.

Người như thế ngu tối mơ hồ xung đột, chẳng tin Kinh Pháp, tâm không có lo xa, đều ham muốn theo ý thích. Ngu si mê lầm theo Ái Dục, chẳng thông hiểu Đạo Đức, mê đắm theo cáu giận, ham hố theo tài sắc. Vì cố giữ nên chẳng được Đạo sẽ chịu khổ trong nẻo ác, sống chết không cùng tận. Buồn thay! Rất là đáng thương!...

Hoặc khi gia đình, cha con, anh em, chồng vợ…một người chết, một người còn sống cùng thay nhau thương xót. Ân ái quyến luyến, lo nghĩ nhớ kết trói buộc, tâm ý đau khổ bám lựa luyến tiếc lẫn nhau, hết ngày trọn năm không có gì mở thoát được. Lời dạy bảo Đạo Đức, tâm chẳng mở sáng. Nghĩ tưởng ân hiếu, chẳng lìa tình dục, bị hôn mê mù mịt bít kín, ngu mê che lấp nên chẳng thể suy nghĩ sâu xa, tính toán kỹ lưỡng giúp cho tâm tự đoan chính, chuyên tinh hành Đạo quyết chặt đứt việc đời, lại tạm bợ để yên cho đến trọn năm, chấm dứt tuổi thọ, chẳng thể đắc Đạo…(Như thế) không đáng đối phó sao?!...

Tóm lại, mọi điều tạp nhạp rối rắm đều do ham mê Ái Dục. Kẻ nghi ngờ Đạo thì có nhiều, người hiểu thấu Đạo thì rất ít. Thế Gian thường vội vàng hấp tấp, không thể nương nhờ được. Bậc tôn quý, kẻ thấp hèn, người cao kẻ thấp, người giàu kẻ nghèo,

người sang kẻ hèn…siêng năng chịu khó (cần khổ) vội vã làm việc đều ôm mang chất độc giết chóc (sát độc), khí ác mịt mờ, làm việc sằng bậy, trái ngược với Trời Đất, chẳng thuận theo lòng người. Tự nhiên chẳng phải ác, vì người trước cho phép, lại phóng túng thuận theo tạo làm, nên phải chịu tội nặng ấy. Tuổi thọ chưa hết nhưng bị cướp đoạt nhanh, rơi xuống vào nẻo ác, nhiều đời chồng chất oán khổ chuyển vòng trong ấy, tính đếm ngàn ức kiếp không có dịp ra khỏi, đau đớn chẳng thể nói, rất đáng thương xót!..."

Đức Phật bảo Bồ Tát Di Lặc với các hàng Trời Người : "Nay Ta nói cho Ông biết việc của Thế Gian. Con người dùng điều đó cho nên cố giữ mà chẳng được Đạo. Cần phải suy nghĩ tính toán kỹ lưỡng, xa lìa mọi ác, chọn lựa điều lành rồi siêng năng hành. Ái dục, vinh hoa chẳng thể ôm giữ lâu dài đều sẽ ly biệt, không đáng để ưa thích. Không có Đức Phật ở đời, cần phải siêng năng tinh tiến. Người có chí nguyện sinh về nước An Lạc, có thể được Trí Tuệ thông hiểu sáng suốt, Công Đức thù thắng. Chớ được thuận theo sự ham muốn của tâm, thiếu sự tin cậy nơi **Kinh** (Sutra) **Giới** (Śīla) sẽ bị đứng sau người. Giả sử có ý nghi ngờ, chẳng hiểu được Kinh thì có thể hỏi đầy đủ. Đức Phật sẽ vì người ấy nói"

Bồ Tát Di Lặc quỳ thẳng lưng bạch rằng: "Đức Phật có uy thần tôn trọng, đã nói rất thẳng thắn khéo léo. Người nghe Kinh của Đức Phật được thông suốt tâm tư. Người đời thật như thế, như lời Phật đã nói. Nay xin Đức Phật từ mẫn hiển bày Đạo lớn, giúp cho tai mắt mở sáng, lâu dài được độ thoát. Nghe điều Đức Phật đã nói, không có ai chẳng vui vẻ. Chư Thiên, người dân, loài nhuyễn động đều mong nhờ **Từ Ân** để giải thoát lo khổ.

Lời Phật dạy dỗ răn bảo rất sâu xa, rất tốt lành. Trí Tuệ thấy suốt tám phương trên dưới (tức mười phương), việc của ba đời quá khứ vị lai hiện tại không có gì không xét tìm thông suốt. Nay chúng con từ lúc này mong nhờ được độ thoát đều do Đức Phật ở đời trước, khi cầu Đạo đã hạ mình chịu khổ trao cho. Ân Đức che khắp, Phước Lộc lồng lộng, ánh sáng chiếu suốt hư không vô cực, bày vào Nê Hoàn (Nirvāṇa: Niết Bàn), dạy truyền Kinh Điển, bao quát tiêu hóa phép tắc uy nghi, cảm động mười phương không cùng không tận.

Đức Phật là Đấng **Pháp Vương Tôn** vượt hơn chúng Thánh, làm Thầy của khắp tất cả Trời Người, tùy theo tâm ước nguyện đều khiến được Đạo. Nay được gặp Phật, lại nghe tiếng của Vô Lượng Thọ, không có gì chẳng vui vẻ, tâm được mở sáng"

Đức Phật bảo Di Lặc: "Ông nói rất đúng. Nếu có người hiền lành cung kính Đức Phật, thật là rất tốt (đại thiện), Thiên hạ rất lâu mới lại có Phật. Nay Ta ở đời làm Phật, diễn nói Kinh Pháp, tuyên bày Đạo Giáo chặt đứt các lưới nghi, nhổ bứt gốc của Ái Dục, lấp nguồn của mọi ác, bước dạo ba cõi không có chỗ ngăn ngại, Kinh Điển thâu tóm Trí Tuệ, mọi điều cốt yếu của Đạo, nắm giữ giềng mối sáng tỏ rõ ràng, mở bày năm nẻo độ người chưa được độ, quyết ở giữa sinh tử, bày lối nẻo của Nê Hoàn (Niết Bàn)

Di Lặc nên biết. Ông từ vô số kiếp đến nay đã tu Bồ Tát Hạnh, muốn độ chúng sinh cũng rất lâu xa, người theo ông được Đạo đến chỗ Nê Hoàn (Niết Bàn) chẳng thể xưng đếm. Ông với các Trời, người dân, tất cả bốn Chúng ở mười phương rất nhiều kiếp đã qua, luân chuyển trong năm đường, lo sợ siêng năng chịu khó chẳng thể nói đủ, mãi đến ngày nay mà sinh tử chưa dứt, cùng nhau gặp được Phật, nghe nhận Kinh Pháp lại được nghe về Đức Phật Vô Lượng Thọ. Thích thay! Rất tốt lành, Ta sẽ trợ giúp thêm niềm vui của các ông.

Nay ông cũng có thể tự mình chán ghét : sinh, chết, già , bệnh, khổ đau, nẻo ác chẳng sạch, không có gì đáng ưa thích cả, nên thích hợp tự quyết chặt đứt. Thân ngay, Hạnh chính, làm thêm các điều lành, sửa bản thân, giữ thân thể trong sạch, tẩy trừ bợn nhơ trong tâm, nói làm trung thực thành tín, trong ngoài tương ứng. Người hay tự độ đượcthi2 uyển chuyển cùng nhau cứu giúp, tinh ròng trong sáng cầu nguyện gom chứa gốc Thiện. Tuy một đời siêng năng chịu khó, chỉ khoảng phút chốc, sau đó sinh về nước của Đức Phật Vô Lượng Thọ được khoái lạc không cùng. Lâu dài cùng với Đạo Đức hợp sáng, nhổ bứt hẳn gốc rễ sinh tử, không còn bị tai vạ của tham, giận, ngu si, khổ não. Muốn sống lâu một kiếp, trăm kiếp, ngàn ức vạn kiếp… tự tại tùy ý đều có thể được, vô vi tự nhiên, lần lượt đến đạo của Nê Hoàn (Niết Bàn)

Các ông thích hợp đều tinh tiến mong cầu ước nguyện trong tâm. Không được nghi ngờ, giữa đường hối hận, tự gây lỗi lầm sẽ sinh vào cung điện bảy báu ở biên địa ấy, trong năm trăm năm chịu các khốn ách"

Di Lặc bạch Phật: "Con xin nhận lời răn bảo quan trọng của Đức Phật, chuyên tinh tu học, như Giáo phụng hành chẳng dám nghi ngờ"

Đức Phật bảo Di Lặc: "Các ông hay ở đời này, tâm ngay ý chính chẳng làm mọi điều ác, rất là Chí Đức, cùng tột trong mười phương Thế Giới không có ai sánh bằng. Tại sao thế? Vì loài Trời Người trong cõi nước của chư Phật, tự nhiên làm việc Thiện, chẳng hề làm điều ác nên dễ có thể khai hóa. Nay Ta ở Thế Gian này làm Phật, ở trong chốn năm điều ác, năm nỗi đau đớn, năm sự thiêu đốt, là nơi rất đau khổ, giáo hóa quần sinh khiến bỏ năm điều ác, khiến bỏ năm nỗi đau đớn, khiến lìa năm sự thiêu đốt, giáng hóa ý ấy, khiến giữ năm điều Thiện được Phước Đức ấy độ đời sống lâu đến lối nẻo Nê Hoàn (Niết Bàn)"

Đức Phật nói: "Nhóm nào là năm điều ác? Nhóm nào là năm nỗi đau đớn? Nhóm nào là năm sự thiêu đốt?. Tiêu hóa năm điều ác, khiến giữ năm điều Thiện, được Phước ấy độ đời sống lâu đến lối nẻo Nê Hoàn (Niết Bàn)

Điều ác thứ nhất: Chư Thiên, người dân, loài nhuyễn động muốn làm mọi điều ác, không có loài nào đều chẳng như thế. Mạnh lấn hiếp yếu, cùng xoay vòng chế phục hại lẫn nhau, tàn hại giết chóc, lần lượt cắn nuốt lẫn nhau, chẳng biết tu Thiện, ác nghịch không có Đạo. Sau này chịu tai ương hình phạt, tự nhiên hướng theo lối đã định. **Thần Minh** ghi biết, chẳng tha tội đã phạm. Cho nên có người nghèo túng, kẻ hèn kém, người ăn mày, kẻ cô độc, người điếc, kẻ mù, người câm, kẻ ngọng, người ngu si, kẻ tệ ác. Cho đến có kẻ khèo chân, người điên cuồng…thuộc hạng người chẳng thể theo kịp. Lại có bậc tôn quý, hào phú, tài cao, thông sáng đều do đời trước hiền lành, hiếu thảo, tu Thiện gom chứa Đức…đem lại

Đời có Đạo thường (nhân, lễ, nghĩa, trí, tín), phép vua, lao ngục…Nếu chẳng khá lo sợ, cẩn thận, làm việc ác hợp với tội thì sẽ chịu tai ương hình phạt, trông mong giải thoát khó được ra khỏi. Thế Gian có việc này hiện ra trước mắt . Khi hết tuổi thọ, đời sau do lỗi lầm sâu kín, lỗi lầm quá đáng nên rơi vào chốn U Minh, chuyển sinh nhận thân. Ví như cực hình thống khổ của phép vua, cho nên tự nhiên có vô lượng khổ não của ba đường (địa ngục, quỷ đói, súc sinh) chuyển đổi thân ấy, thay hình đổi lối, thọ mệnh đã nhận hoặc dài hoặc ngắn thì **Hồn**, **Thần**, **Tinh Thức** tự nhiên hướng đến, sẽ một mình gặp lối, theo nhau cùng sinh, cùng nhau báo đáp không có ngưng nghỉ. Tai vạ ác chưa hết thời chẳng được lìa nhau, chuyển vòng trong ấy không có dịp ra khỏi, khó được giải thoát, đau đớn chẳng thể nói. Trong Trời Đất tự nhiên có việc đó, tuy chẳng tức thời phơi bày hết nhưng khi cảm ứng đến thì nẻo Thiện Ác sẽ quay trả lại.

Đây là việc ác lớn thứ nhất, nỗi đau đớn thứ nhất, sự thiêu đốt thứ nhất, luôn chịu khổ như vậy.

Ví như lửa lớn thiêu đốt thân người mà người hay ở bên trong, một lòng chế ngự ý, thân ngay hạnh chính, riêng làm các việc Thiện, chẳng làm mọi điều ác, độ thoát cho riêng thân. Được Phước Đức ấy cứu độ đời, lên Trời, đến nẻo Nê Hoàn (Niết Bàn). Đây là điều Thiện lớn thứ nhất vậy”.

Đức Phật nói: “**Điều ác thứ hai**: Người dân trong Thế Gian, cha con, anh em, gia đình, chồng vợ. ….phần lớn không có nghĩa lý, chẳng thuận theo Pháp đã chế ra (Pháp Độ), xa xỉ, dâm dục, kiêu căng, phóng túng. Mỗi một người đều muốn được ý thỏa thích nên, dốc lòng tự buông thả, lừa dối nghi ngờ lẫn nhau, tâm miệng đều khác nhau, nói nghĩ không có thật, nịnh nọt ton hót không có trung chính, nói dối nịnh hót, ganh ghét người hiền, chê bai điều Thiện, hãm hại đưa người vào chỗ oan uổng. Vua chúa (chúa thượng) chẳng sáng suốt, dùng kẻ bầy tôi dưới trướng nhưng kẻ bầy tôi bên dưới an nhiên tự tạo lắm mối dối trá, dẫm đạp lên pháp đã chế ra, hay thực hiện biết hình thế ấy: *kẻ tại vị chẳng chân chính đã tạo ra chỗ lấn lướt, làm điều sằng bậy tổn hại kẻ trung lương, chẳng xứng với lòng Trời*. Bầy tôi lừa dối vua, con lừa dối cha. Anh em, chồng vợ, kẻ quen biết trong ngoài…khinh khi lừa dối lẫn nhau. Mỗi một người đều ôm mang tham dục, giận dữ, si mê muốn tự hậu đãi cho riêng mình, tham muốn rất nhiều. Từ kẻ tôn quý, người thấp hèn, kẻ trên, người dưới đều đồng như thế. Phá nhà quên thân, chẳng nhìn kỹ trước sau… khiến cho thân thuộc trong ngoài bị buộc tội mà diệt mất giòng tộc.

Hoặc khi gia đình, người quen biết, xóm giềng, kẻ chợ người quê, dân ngu, người quê mùa cùng theo nhau làm việc…lại trở mặt bóc lột gây hại lẫn nhau, nên tức giận trở thành kết oán.

Kẻ giàu có lại keo kiệt bủn xỉn, chẳng chịu ban giúp cho ai. Yêu giữ túi tham khiến cho tâm nhọc nhằn, thân cực khổ. Như vậy đến khi thay đổi thời không có chỗ nương cậy, một mình đến, một mình đi, không có một ai đi theo. Thiện ác, họa phước đuổi theo mạng đến chỗ sinh ra, hoặc tại chốn an vui, hoặc vào nơi đau khổ xấu ác; sau đó mới hối hận thì đâu còn kịp nữa?!...

Người dân trong Thế Gian vì tâm ngu Trí kém, thấy người hiền lành thì chê ghét chẳng nghĩ mến, chỉ muốn làm ác, sằng bậy làm điều Phi Pháp, thường ôm tâm trộm cắp, hy vọng được lợi từ kẻ khác. Khi tiêu tan hết sạch thì lại tìm kiếm cầu xin. Tâm tà chẳng chính, sợ người có sắc đẹp (?người hiền thiện ngay thẳng), chẳng sớm nghĩ tính, khi việc đến rồi mới sinh hối hận. Đời nay hiện có phép vua, lao ngục, tùy theo tội mà đi đến chịu tai ương hình phạt.

Nhân vì đời trước chẳng tin Đạo Đức, chẳng tu gốc Thiện, nay lại làm ác nên bị Thiên Thần ghi nhận vào sổ sách riêng. Khi hết tuổi thọ, Thần Thức đi xuống vào trong nẻo ác. Cho nên tự nhiên có vô lượng khổ não của ba đường (3 nẻo ác). Xoay chuyển trong ấy, đời đời nhiều kiếp không có dịp ra khỏi, khó được giải thoát, đau đớn chẳng thể nói !...

Đây là điều ác lớn thứ hai, nỗi đau đớn thứ hai, việc thiêu đốt thứ hai, luôn chịu khổ như vậy

Ví như lửa lớn thiêu đốt thân người mà người hay ở bên trong, một lòng chế ngự ý, thân ngay hạnh chính, riêng làm các việc Thiện, chẳng làm mọi điều ác, độ thoát cho riêng thân. Được Phước Đức ấy cứu độ đời, lên Trời, đến nẻo Nê Hoàn (Niết Bàn). Đây là điều Thiện lớn thứ hai vậy”.

Đức Phật nói: "**Điều ác thứ ba**: Người dân trong Thế Gian cùng với con người dựa nhau mà sống, cùng ở chung trong Trời Đất, thọ mệnh được bao nhiêu năm cũng chẳng thể biết. Bên trên có bậc Hiền Minh, Trưởng Giả, tôn quý, hào phú. Bên dưới có kẻ nghèo túng, ở đợ hèn mọn, què quặt, hèn kém, ngu dốt. Bậc giữa có người chẳng tốt lành, thường ôm mang tà ác, chỉ khởi niệm dâm dục cáu giận chứa đầy trong ngực. Yêu muốn dâm dục dâm tà, ngồi đứng chẳng yên. Ý tham lam tiếc giữ chỉ muốn nói khoác để có được. Liếc nhìn bóng sắc thì thái độ tà bậy dâm dật hiện ra bên ngoài. Chán ghét vợ của mình, bí mật ra vào thông dâm, hao tốn tiền việc của nhà, làm điều Phi Pháp. Giao kết tụ họp nổi lên làm Thầy cùng nhau đâm chém đánh giết, vây đánh cướp bóc, giết chóc cưỡng đoạt chẳng cần lẽ phải (phi đạo). Tâm ác hiện ra bên ngoài, chẳng tự sửa nghiệp, trộm cắp kiếm được lợi nên muốn chạy theo cho thành việc.Vì sợ thế lực ép bức nên đem về cung cấp cho vợ con, buông thả tâm theo ý thích, tự thân lấy làm vui

Hoặc đối với thân thuộc, chẳng kiêng nể tôn ty, gây mối lo cho gia đình, hai bên nội ngoại chịu khổ. Cũng lại chẳng sợ lệnh cấp của phép vua. Điều ác như vậy dính với người, Quỷ. Mặt trời, mặt trăng soi thấy, Thần Minh ghi chép cho nên tự nhiên có vô lượng khổ não của ba đường (3 đường ác), xoay chuyển trong ấy, đời đời nhiều kiếp không có dịp ra khỏi, khó được giải thoát, đau đớn chẳng thể nói.

Đây là điều ác thứ ba, nỗi đau khổ thứ ba, sự thiêu đốt thứ ba, luôn khổ như vậy.

Ví như lửa lớn thiêu đốt thân người mà người hay ở bên trong, một lòng chế ngự ý, thân ngay hạnh chính, riêng làm các việc Thiện, chẳng làm mọi điều ác, độ thoát cho riêng thân. Được Phước Đức ấy cứu độ đời, lên Trời, đến nẻo Nê Hoàn (Niết Bàn). Đây là điều Thiện lớn thứ ba vậy".

Đức Phật nói: "**Điều ác thứ tư**: Người dân trong Thế Gian chẳng nhớ tu Thiện, cùng dạy bảo nhau khiến cùng chung làm mọi điều ác, nói hai lưỡi, nói ác, nói dối, nói thêu dệt, dèm pha hãm hại, đấu tranh gây rối, ganh ghét người tốt lành, phá hại bậc Hiền Minh. Ở bên cạnh cha mẹ là chỗ nương tựa ưa thích lại chẳng hiếu thảo, khinh mạn Sư Trưởng, không tin bạn bè, khó được thành thật. Tự cho mình là bậc tôn quý cao cả, nói rằng *chỉ Ta mới có Đạo*, hành động ngang ngược, dùng uy thế xâm lấn xem thường người khác. Chẳng có thể tự biết, làm ác không có xấu hổ, tự dùng sự khỏe mạnh muốn người kính nể lo sợ. Chẳng sợ Trời Đất, Thần Minh, Nhật Nguyệt. Chẳng chịu làm điều tốt lành, *rất khó giáng phục cảm hóa!...*Tự thị kiêu ngạo, nói rằng *có thể thường còn mãi vậy*, không có chỗ lo sợ, luôn ôm mang kiêu mạn

Mọi điều ác như vậy, Thiên Thần ghi chép. Nhờ ở đời trước tạo làm Phước Đức, chút ít điều Thiện tiếp giúp nâng đỡ hỗ trợ, nhưng ngày nay làm ác thì Phước Đức bị diệt hết, các Thần Quỷ Thiện đều bỏ đi, thân đơn độc đứng giữa khoảng không, không có chỗ để nương tựa. Khi thọ mệnh chấm dứt thời mọi điều ác quay về, tự nhiên thúc ép cùng đi đến chỗ đã định đoạt. Lại tên của kẻ ấy đã được Thần Minh ghi chép nên tai vạ tội lỗi dắt nhau kéo đến, phải chịu đến lối nẻo đã định, tội báo tự nhiên không theo đâu mà buông lìa nổi, chỉ được bước về phía trước vào trong vạc lửa, thân tâm bị đập nát, tinh thần rất đau khổ, ngay lúc này thời hối hận đâu còn kịp nữa!...Đạo của Trời tự nhiên chẳng được sai lầm, cho nên tự nhiên có vô lượng khổ não của ba đường (3 đường ác), xoay chuyển trong ấy, đời đời nhiều kiếp không có dịp ra khỏi, khó được giải thoát, đau đớn chẳng thể nói!...

Đây là điều ác thứ tư, nỗi đau khổ thứ tư, sự thiêu đốt thứ tư, luôn khổ như vậy.

Ví như lửa lớn thiêu đốt thân người mà người hay ở bên trong, một lòng chế ngự ý, thân ngay hạnh chính, riêng làm các việc Thiện, chẳng làm mọi điều ác, độ thoát cho

riêng thân. Được Phước Đức ấy cứu độ đời, lên Trời, đến nẻo Nê Hoàn (Niết Bàn). Đây là điều Thiện lớn thứ tư vậy".

Đức Phật nói: "**Điều ác thứ năm**: Người dân trong Thế Gian thường quanh co lười biếng, chẳng chịu làm điều tốt lành, sửa thân tu nghiệp khiến cho gia đình, quyến thuộc bị đói khát khốn khổ. Cha mẹ răn dậy thì giận dữ trợn mắt trả treo gây bất hòa, chống đối trái ngược ví như oan gia chẳng bằng không có con cái! Lấy cho không có tiết kiệm, mọi người cùng chung lo lắng chán ghét. Phụ ân bội nghĩa, không có tâm báo đáp. Nghèo túng khốn cùng thiếu thốn, chẳng thể phục hồi được, ắt phải đua chen vội vã cướp đoạt. Buông thả phóng túng chơi bời, quen tính toán nói khoác kiếm chác để tự nuôi thân, ham mê rượu chè, ưa thích sắc đẹp, ăn uống không có chừng mực, phơi bày tâm phóng đãng dâm dật, đần độn ương ngạnh, đường đột xúc phạm chẳng biết tình người, ỷ mạnh muốn ức chế kẻ khác. Thấy người tốt lành thì ganh ghét đố kỵ, không có nghĩa, không có lễ, không có nơi để ngoái nhìn chọn lấy. Tự dùng chức phận đảm đượng, chẳng thể can ngăn khuyên bảo. Sáu thân quyến thuộc, tài sản có không, chẳng hề lo nghĩ. Chẳng nghĩ đến ân của cha mẹ, chẳng xét đến nghĩa của Thầy bạn. Tâm thường nghĩ đến điều ác, miệng thường nói lời ác, thân thường làm các việc ác, chưa từng có một điều tốt lành. Chẳng tin Tiên, Thánh, chư Phật, Kinh Pháp. Chẳng tin hành Đạo có thể hóa độ được đời. Chẳng tin sau khi chết **Thần Minh** (Thần Thức) thay đổi sinh trở lại. Chẳng tin làm thiện được thiện, làm ác được ác.Muốn giết bậc Chân Nhân, đấu tranh gây rối chúng Tăng. Muốn hại cha mẹ, anh em, quyến thuộc. Sáu thân ghét bỏ, nguyện khiến kẻ ấy bị chết

Như vậy, tâm ý của người đời đều như thế. Ngu si mê muội mà tự cho là Trí Tuệ, chẳng biết cuộc sống từ đâu đến, khi chết hướng về chốn nào. Chẳng biết đạo lý làm người, chẳng biết noi theo lẽ phải, nghịch ác với Trời Đất mà ở trong ấy hy vọng cầu may, muốn cầu sống lâu, khi gặp thời đều quay về cái chết. Người có tâm Từ (Maitre-citta) răn dạy khiến cho kẻ ấy nhớ nghĩ điều lành, mở bày nẻo sinh tử thiện ác, tự nhiên có điều đó nhưng lại chẳng tin. Khổ tâm nói bảo vẫn không có ích gì cho kẻ ấy, trong tâm bị lấp kín nên ý chẳng thể mở hiểu.

Khi mệnh lớn sắp hết thì sự ăn năn lo sợ liên tiếp kéo đến. Trước kia chẳng lo tu Thiện, lúc cùng mới ăn năn hối hận thì sao còn kịp nữa !...Trong vòng Trời Đất có năm lối nẻo (Trời, người, súc sinh, quỷ đói, địa ngục) rõ ràng, to lớn sâu xa mù mịt, mênh mông man mác…Thiện ác báo ứng họa phước cùng nương theo nhau, tự thân mình gánh chịu không có ai thay thế được. Số mệnh tự nhiên ứng với chỗ đã làm ấy, tai vạ tội lỗi đuổi theo mạng không được buông bỏ

Người tốt lành làm việc thiện sẽ từ vui vào chỗ vui, từ sáng vào chỗ sáng. Người ác làm việc xấu ác sẽ từ khổ vào chỗ khổ, từ nơi mù mịt vào chốn u minh. Ai có thể biết được? Chỉ riêng Đức Phật mới biết điều ấy, dạy bảo mở bày nhưng người tin dụng lại rất ít. Sinh tử chẳng ngưng nghỉ, nẻo ác chẳng dứt. Người đời như thế khó có thể bày đủ hết được, cho nên tự nhiên có vô lượng khổ não của ba đường (3 đường ác), xoay chuyển trong ấy, đời đời nhiều kiếp không có dịp ra khỏi, khó được giải thoát, đau đớn chẳng thể nói.

Đây là điều ác thứ năm, nỗi đau khổ thứ năm, sự thiêu đốt thứ năm, luôn khổ như vậy.

Ví như lửa lớn thiêu đốt thân người mà người hay ở bên trong, một lòng chế ngự ý, thân ngay niệm chính, lời nói việc làm cùng xứng với chỗ làm chí thành, đã nói thì làm như nói, tâm miệng chẳng chuyển đổi, riêng làm các việc Thiện, chẳng làm mọi điều ác, độ thoát cho riêng thân. Được Phước Đức ấy cứu độ đời, lên Trời, đến nẻo Nê Hoàn (Niết Bàn). Đây là điều Thiện lớn thứ năm vậy".

Đức Phật bảo Di Lặc: "Ta nói với các ông về sự đau khổ của năm điều ác trong đời đó. Nếu năm nỗi đau đớn, năm sự thiêu đốt cùng nhau xoay vần, chỉ làm mọi việc ác chẳng tu gốc Thiện thảy đều tự nhiên vào các nẻo ác. Hoặc kẻ ấy , đời này trước tiên bị tai nạn bệnh tật, cầu chết chẳng được, cầu sống chẳng được, tội ác đã chiêu cảm bày ra cho mọi người nhìn thấy. Khi thân bị chết thì tùy đi vào ba nẻo ác, khổ độc vô lượng tự thiêu đốt lẫn nhau, lâu dài về sau cùng chung nhau tạo oán kết. Từ việc nhỏ xíu nổi lên thành việc ác lớn đều do tham dính tài sắc, chẳng thể ban cho Trí sáng. Do si dục ép bức tùy theo tâm nghĩ tưởng mà phiền não kết buộc, không có cởi ra được, về sau tự mình tranh giành điều lợi nên không có tỉnh táo để xem xét . Ngay khi được phú quý, vinh hoa thì ý rất thích, chẳng có thể nhẫn nhục, chẳng chịu tu thiện. Uy thế không có bao nhiêu cũng tùy theo việc làm mà diệt mất. Thân sống lao khổ, lâu dài về sau càng tăng hơn rất nhiều. Đạo Trời tha bắt, tự nhiên thu lại nâng lên, lưới mành giềng mối trên dưới tương ứng. lo lắng hoảng sợ sẽ vào trong ấy. Xưa nay có điều ấy, thật đau đớn thay! Rất đáng thương xót!..."

Đức Phật bảo Di Lặc: "Thế Gian như vậy cho nên Phật đều thương xót, dùng sức uy thần diệt hết mọi điều ác đều khiến theo điều tốt lành, vứt bỏ điều đã nghĩ ngợi, phụng trì Kinh Giới , nhận hành Đạo Pháp không có chỗ trái ngược lầm lỗi, cuối cùng được cứu độ đời, đến nẻo Nê Hoàn (Niết Bàn)"

Đức Phật nói: "Nay ông , các Trời, người dân với người đời sau được biết lời dạy trong Kinh Phật, cần phải suy nghĩ kỹ lưỡng, hay ở trong ấy tâm ngay hạnh chính. Mình ở bậc trên thì tự làm điều tốt lành rồi đốc thúc cảm hóa người bên dưới, xoay vần răn dạy lẫn nhau, khiến cho đều tự mình giữ gìn sự ngay thẳng, tôn trọng bậc Thánh, cung kính người tốt lành, nhân từ bác ái. Đối với lời răn bảo dạy dỗ của Đức Phật, không dám giảm thiểu phụ bỏ. Nên cầu hóa độ đời, nhổ bứt chặt đứt gốc của mọi điều ác trong sinh tử, lìa hẳn ba đường, vô lượng lối nẻo lo sợ khổ đau.

Các ông ở chốn ấy rộng gieo trồng gốc Đức, ban ân giúp cho Trí sáng đừng phạm vào điều cấm của Đạo. Cùng nhau xoay vần giáo hóa: Nhẫn Nhục, Tinh Tiến, một lòng (?Thiền Định), Trí Tuệ… làm Đức tạo dựng sự tốt lành.

Tâm chính, ý chính, trai giới trong sạch một ngày một đêm ắt hơn hẳn trăm năm làm điều Thiện ở nước Vô Lượng Thọ. Tại sao thế? Vì cõi nước của Đức Phật ấy, vô vi tự nhiên đều gom chứa mọi điều Thiện, không có một mảy lông của việc ác.

Ở cõi này, mười ngày mười đêm tu điều Thiện sẽ hơn hẳn ngàn năm làm việc Thiện ở trong các nước Phật tại phương khác. Tại sao thế? Vì nước Phật ở phương khác, người làm Thiện rất nhiều còn người làm ác rất ít nên Phước Đức tự nhiên không có tạo ra đất ác. Chỉ cõi này (cõi Ta Bà) còn nhiều điều ác, không có tự nhiên, cực khổ mong muốn, xoay vần lừa dối sợ hãi lẫn nhau. Tâm nhọc nhằn, thân khốn cùng, uống khổ đau, ăn chất độc…Như vậy vội vã làm việc, chưa từng được nghỉ ngơi

Ta thương xót các ông, loài Trời Người nên khổ tâm răn bảo, nói rõ, dạy dỗ khiến cho tu điều tốt lành. Tùy theo khí độ (căn cơ) mở đường lối, trao cho Kinh Pháp, không có ai không nương theo mà dùng, ngay ý ước nguyện đều khiến cho được Đạo.

Trong nơi chốn mà Phật đã dạo qua: nước, ấp, gò đống, xóm làng không có chỗ nào chẳng chịu ân giáo hóa. Thiên hạ hòa thuận, mặt trời mặt trăng sáng trong, mưa gió đúng thời, tai vạ bệnh dịch chẳng khởi, nước thịnh vượng, dân an vui, súng ống giáo mác không có chỗ dùng, chuộng Đức nêu Nhân, chuyên tu sửa theo lễ nghĩa khiêm nhường"

Đức Phật nói: "Ta thương xót các ông, chư Thiên, người dân rất nhiều như cha mẹ nhớ con. Nay Ta ở đời này làm Phật, giáng hóa năm điều ác, tiêu trừ năn nỗi đau khổ, diệt hết năm sự thiệu đốt. Dùng điều tốt lành vây đánh điều ác, nhổ bứt khổ của sinh tử, khiến được năm Đức, thăng lên Vô Vi để được an vui. Khi Ta đã đi, đời sau Kinh Đạo dần dần bị diệt, người dân lại xu nịnh dối trá làm mọi điều ác thì năm sự thiêu đốt, năm nỗi đau đớn sẽ quay trở lại y như pháp lúc trước. Lâu dần về sau càng thêm kịch liệt chẳng thể nói hết. Ta chỉ vì ông lược nói như thế".

Đức Phật bảo Di Lặc: "Các ông đều khéo suy nghĩ, chuyển cho nhau **Giáo Giới** như Kinh Pháp của Phật, không được phạm lỗi"

Lúc đó Bồ Tát Di Lặc chắp tay bạch rằng: "Đức Phật đã nói rất khéo, người đời thật như thế. Đức Như Lai ban vui, thương xót khắp cả đều khiến độ thoát. Con xin nhận lời dạy bảo trân trọng của Đức Phật, chẳng dám trái ngược, đánh mất "

Đức Phật bảo A Nan: "Ông hãy đứng dậy, chỉnh sửa quần áo, chắp tay cung kính, lễ Đức Phật Vô Lượng Thọ. Các Phật Như Lai trong cõi nước ở mười phương thường cùng nhau xưng dương, khen ngợi Đức Phật ấy, không có dính mắc, không có ngăn ngại"

Khi đó A Nan đứng dậy, chỉnh sửa quần áo, ngay thẳng thân hướng về phương Tây, cung kính chắp tay, cúi năm vóc sát đất, lễ Đức Phật Vô Lượng Thọ rồi bạch rằng: "Thế Tôn! Con nguyện nhìn thấy cõi nước **An Lạc** với các Bồ Tát, Thanh Văn, Đại Chúng của Đức Phật ấy"

Nói lời đó xong, tức thời Đức Phật Vô Lượng Thọ phóng ánh sáng lớn chiếu khắp tất cả Thế Giới của chư Phật, Kim Cương Vi Sơn, Tu Di Sơn Vương, các núi lớn nhỏ, tất cả hết thảy đều đồng một màu. Ví như **Kiếp Thủy** tràn đầy Thế Giới, trong đó vạn vật chìm mất chẳng hiện, sóng gợn mênh mông, chỉ thấy nước lớn. Ánh sáng của Đức Phật ấy cũng lại như vậy. Tất cả ánh sáng của Thanh Văn, Bồ Tát thảy đều bị ẩn che, chỉ nhìn thấy ánh sáng của Đức Phật tỏa sáng rực rỡ.

Khi ấy A Nan liền nhìn thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ với uy đức vời vợi như Tu Di Sơn Vương, cao vượt lên trên tất cả các Thế Giới, tướng tốt tỏa ánh sáng không có gì chẳng chiếu sáng. Bốn Chúng của Hội này cùng một lúc đều nhìn thấy, bên kia nhìn thấy cõi này cũng lại như vậy.

Bấy giờ Đức Phật bảo A Nan với Bồ Tát Di Lặc: "Ông nhìn thấy nước ấy, từ mặt đất lên trên đến cõi Trời **Tịnh Cư** (Śuddhāvāsa) Trong ấy hết thảy vật vi diệu, nghiêm tịnh, tự nhiên…có đều nhìn thấy chăng?"

A Nan thưa rằng: "Dạ vâng! Con đã nhìn thấy"

_"Ông xét kỹ xem, có nghe tiếng nói lớn của Đức Phật Vô Lượng Thọ tuyên bày khắp tất cả Thế Giới, giáo hóa chúng sinh chưa?"

A Nan thưa rằng: "Dạ vâng! Con đã nghe thấy"

_"Người dân của nước ấy nương theo trăm ngàn do tuần cung điện bảy báu không có chỗ chướng ngại, đi đến khắp mười phương cúng dường chư Phật. Ông lại có nhìn thấy chăng?"

Thưa rằng: "Con đã nhìn thấy"

_"Người dân của nước ấy, có người sinh trong bào thai (Jarāyuja:thai sinh). Ông lại có nhìn thấy chăng?"

Thưa rằng: "Con đã nhìn thấy"

_"Người sinh trong bào thai ấy được ở cung điện, hoặc trăm do tuần, hoặc năm trăm do tuần… đều ở trong ấy thọ nhận các khoái lạc như cõi Trời **Đao Lợi** (Trayastriṃśa) cũng đều tự nhiên"

Khi ấy Bồ Tát **Từ Thị** (Maitreya:Di Lặc) bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Do **Nhân** nào, **Duyên** nào mà người dân của nước ấy sinh trong bào thai (Jarāyuja)? Hoặc **Hóa Sinh** (Aupapāduka)?"

Đức Phật bảo Từ Thị: "Nếu có chúng sinh dùng tâm nghi ngờ tu các Công Đức, nguyện sinh về nước ấy mà chẳng hiểu: Trí của Đức Phật, Trí chẳng thể nghĩ bàn, Trí chẳng thể xưng nói, Trí rộng lớn của Đại Thừa, Trí **Tối Thượng Thắng** không có gì ngang băng không có gì so sánh được… Đối với các Trí này, nghi ngờ chẳng tin. Xong do tin Tội, Phước mà tu tập gốc Thiện, nguyện sinh về nước ấy. Các chúng sinh này sinh trong cung điện ấy, sống đến năm trăm tuổi, thường chẳng thấy Phật, chẳng nghe Kinh Pháp; chẳng thấy Bồ Tát, Thanh Văn, Thánh Chúng. Thế nên đối với cõi nước ấy, nói là **Thai Sinh** (Jarāyuja).

Nếu có chúng sinh tin rõ Trí của Đức Phật cho đến Trí thù thắng…làm các Công Đức, tâm tin tưởng hồi hướng. Các chúng sinh này tự nhiên hóa sinh, ngồi Kiết Già ở trong đóa hoa bảy báu. Trong phút chốc, thành tựu đầy đủ thân tướng, ánh sáng, Trí Tuệ, Công Đức như các Bồ Tát.

Lại nữa Từ Thị! Các Đại Bồ Tát ở phương khác, phát tâm muốn nhìn thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ, cung kính cúng dường với các chúng Bồ Tát, Thanh Văn. Nhóm Bồ Tát ấy khi mệnh chung, được sinh về nước Vô Lượng Thọ, tự nhiên hóa sinh ở trong đóa hoa bảy báu

Di Lặc nên biết vị Hóa Sinh (Aupapāduka) ấy có Trí Tuệ thù thắng còn người Thai Sinh (Jarāyuja) kia đều không có Trí Tuệ, ở trong năm trăm năm thường chẳng thấy Phật, chẳng nghe Kinh Pháp, chẳng thấy Bồ Tát, các chúng Thanh Văn. Do không có cúng dường Đức Phật, chẳng biết Pháp Thức của Bồ Tát, chẳng được tu tập Công Đức. Nên biết người này trong đời trước, không có Trí Tuệ, còn nghi ngờ nơi đến"

Đức Phật bảo Di Lặc: "Ví như vị Chuyển Luân Thánh Vương có riêng cung thất, bảy báu trang sức, đặt bày màn che, treo các Phan lụa. Nếu có các Tiểu Vương Tử đắc tội với vua, liền bị nhốt bên trong cung ấy, dùng xích vàng cột trói rồi cung cấp thức ăn uống, giường nằm, thịt thà, hoa, hương, kỹ nhạc…như bậc **Chuyển Luân Vương** (Cakra-vartti-rāja) không có thiếu thốn. Ý ông thế nào? Các vị Vương Tử này có ưa thích chỗ ấy chăng?"

Thưa rằng: "Chẳng thể ưa thích vậy! Chỉ dùng mọi loại phương tiện cầu các sức mạnh lớn, muốn tự mình được miễn tội rồi ra khỏi chốn đó"

Đức Phật bảo Di Lặc: "Các chúng sinh này cũng lại như vậy. Do nghi ngờ Trí của Đức Phật mà sinh trong cung điện ấy. Không có hình phạt cho đến việc của một niệm ác…chỉ ở trong năm năm trăm, chẳng thấy Tam Bảo, chẳng được cúng dường, tu các gốc Thiện. Do điều này là Khổ. Tuy có niềm vui khác, nhưng vẫn còn sự chẳng ưa thích nơi ấy

Nếu chúng sinh này nhận biết **Bản Tội** ấy, tự mình hối lỗi mong cầu lìa khỏi chỗ đó, liền được như ý, đi đến chỗ của Đức Phật Vô Lượng Thọ, cung kính cúng dường, cũng được đến khắp vô lượng vô số chỗ của các Như Lai, tu các Công Đức.

Di Lặc nên biết. Nếu có Bồ Tát sinh nghi ngờ sẽ bị mất lợi lớn. Chính vì thế cho nên cần phải tin rõ Trí Tuệ vô thượng của chư Phật".

Bồ Tát Di Lặc bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Ở Thế Giới này có bao nhiêu vị Bồ Tát bất thoái, sinh về nước Phật ấy?"

Đức Phật bảo Di Lặc: "Ở Thế Giới này có sáu mươi bảy ức Bồ Tát bất thoái sinh về nước ấy. Mỗi một vị Bồ Tát đã từng cúng dường vô số chư Phật, thứ tự như Di Lặc vậy. Các Bồ Tát có Hạnh nhỏ với người tu tập chút Công Đức, chẳng thể xưng tính đều sẽ vãng sinh"

Đức Phật bảo Di Lặc: "Chẳng phải chỉ có các nhóm Bồ Tát của nước Ta sinh về nước ấy mà cõi Phật ở phương khác cũng lại như vậy.

Đức Phật thứ nhất tên là **Viễn Chiếu** (?Prabhākara). Cõi ấy có tám trăm tám mươi ức Bồ Tát đều sẽ vãng sinh.

Đức Phật thứ hai tên là **Bảo Tạng** (Ratna-garbha). Cõi ấy có chín mươi ức Bồ Tát đều sẽ vãng sinh.

Đức Phật thứ ba tên là **Vô Lượng Âm** (Ananta-ghoṣa). Cõi ấy có hai trăm hai mươi ức Bồ Tát đều sẽ vãng sinh.

Đức Phật thứ tư tên là **Cam Lộ Vị** (Amṛta-rasa). Cõi ấy có hai trăm năm mươi ức Bồ Tát đều sẽ vãng sinh.

Đức Phật thứ năm tên là **Long Thắng** (Nāga-jaya). Cõi ấy có bốn mươi ức Bồ Tát đều sẽ vãng sinh.

Đức Phật thứ sáu tên là **Thắng Lực** (Jaya-bala). Cõi ấy có tám vạn bốn ngàn Bồ Tát đều sẽ vãng sinh.

Đức Phật thứ bảy tên là **Sư Tử** (Siṃha). Cõi ấy có năm trăm ức Bồ Tát đều sẽ vãng sinh.

Đức Phật thứ tám tên là **Ly Cấu Quang** (Viraja-prabha). Cõi ấy có tám mươi ức Bồ Tát đều sẽ vãng sinh.

Đức Phật thứ chín tên là **Đức Thủ** (Guṇa-śirṣai). Cõi ấy có sáu mươi ức Bồ Tát đều sẽ vãng sinh.

Đức Phật thứ mười tên là **Diệu Đức Sơn** (Mañju-guṇa-parvata). Cõi ấy có sáu mươi ức Bồ Tát đều sẽ vãng sinh.

Đức Phật thứ mười một tên là **Nhân Vương** (Nārendra-rāja). Cõi ấy có mười ức Bồ Tát đều sẽ vãng sinh.

Đức Phật thứ mười hai tên là **Vô Thượng Hoa** (Anuttara-puṣpa). Cõi ấy có vô số chẳng thể xưng tính các chúng Bồ Tát, đều Bất Thoái Chuyển, Trí Tuệ dũng mãnh, đã từng cúng dường vô lượng chư Phật. Ở trong bảy ngày, liền hay nhiếp lấy trăm ngàn ức kiếp Pháp bền chắc mà bậc Đại Sĩ đã tu. Bồ Tát của nhóm này đều sẽ vãng sinh.

Đức Phật thứ mười ba tên là **Vô Úy** (Abhaya). Cõi ấy có bảy trăm chín mươi ức chúng Đại Bồ Tát, các Tiểu Bồ Tát với nhóm Tỳ Khưu chẳng thể xưng tính, đều sẽ vãng sinh".

Đức Phật bảo Di Lặc: "Chẳng phải chỉ có các nhóm Bồ Tát trong mười bốn nước Phật này sẽ vãng sinh, mà vô lượng nước Phật trong mười phương Thế Giới, người vãng sinh ấy cũng lại như vậy, rất nhiều vô số. Ta chỉ nói danh hiệu của chư Phật với Bồ Tát, Tỳ Khưu sinh về nước ấy, suốt ngày đêm trọn một kiếp còn chẳng thể hết. Nay Ta vì ông, lược nói như thế"

Đức Phật bảo Di Lặc: "Nếu người được nghe danh hiệu của Đức Phật ấy mà vui vẻ, hớn hở cho đến một niệm. Nên biết người này được lợi ích lớn, tức là đầy đủ Công Đức vô thượng.

Thế nên Di Lặc! Giả sử có lửa lớn tràn đầy ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, cần thiết nên vượt qua lửa này nghe Kinh Pháp đó, vui vẻ, tin tưởng, ưa thích, thọ trì, đọc tụng, như Thuyết tu hành. Nếu có chúng sinh nghe Kinh này thì nơi Đạo vô thượng, cuối cùng không bị thoái chuyển. Chính vì thế cho nên cần phải chuyên tâm tin nhận, trì tụng, nói, hành.

Nay Ta vì các chúng sinh nói Kinh Pháp này, khiến thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ với tất cả điều đã có của cõi nước ấy, nơi đáng làm đều có thể cầu. Không được vì sau khi Ta diệt độ lại sinh nghi hoặc. Đời đương lai, khi Kinh Đạo diệt hết, Ta dùng Từ Bi thương xót, đặc biệt lưu lại Kinh này, chỉ trụ một trăm năm. Nếu có chúng sinh gặp được Kinh này thì tùy theo ý ước nguyện, đều có thể được độ"

Đức Phật bảo Di Lặc: "Như Lai xuất hiện ở đời rất khó gặp khó thấy. Kinh Đạo của chư Phật rất khó được khó nghe. Thắng Pháp, các Ba La Mật của Bồ Tát được nghe cũng khó. Gặp Thiện Tri Thức nghe Pháp hay hành, điều này cũng là khó. Nếu nghe Kinh này, tin tưởng ưa thích thọ trì là điều khó trong những cái khó, không có gì hơn được cái khó này. Chính vì thế cho nên Pháp của Ta: làm như vậy, nói như vậy, dạy bảo như vậy…..cần phải tin thuận như Pháp tu hành"

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói Kinh Pháp này thời vô lượng chúng sinh đều phát tâm Vô Thượng Chính Giác, một vạn hai ngàn na do tha người được mắt Pháp trong sạch, hai mươi hai ức các Trời người dân được **A Na Hàm** (Anāgamin), tám mươi vạn Tỳ Khưu lậu tận ý giải. Bốn mươi ức Bồ Tát được Bất Thoái Chuyển, dùng Công Đức của **Hoằng Thệ** để tự trang nghiêm, ở đời tương lai sẽ thành Chính Giác.

Khi ấy ba ngàn Đại Thiên Thế Giới chấn động theo sáu cách, ánh sáng lớn chiếu khắp cõi nước ở mười phương, trăm ngàn âm nhạc tự nhiên tấu lên, vô lượng hơi thơm bát ngát tuôn xuống.

Đức Phật nói Kinh xong, thời Bồ Tát **Di Lặc** (Maitreya) với các chúng Bồ Tát đến từ mười phương, Trưởng Lão **A Nan**, (Ānanda) các Đại Thanh Văn (Mahā-śrāvaka), tất cả Đại Chúng (Mahā-saṃgha) nghe điều Đức Phật đã nói, không có ai chẳng vui vẻ.

KINH VÔ LƯỢNG THỌ
QUYỂN HẠ (Hết)

Dịch một Bộ gồm hai quyển xong vào ngày 24/07/2010

Đại Tạng Kinh _Tập 12_ No.363

PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM _QUYỂN THƯỢNG_

Hán dịch : Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tạng_ Triều Tán Đại Phu Thí Quang Lộc Khanh_ Minh Giáo Đại Sư (Kẻ bầy tôi là) PHÁP HIỀN phụng chiếu dịch
Việt dịch : HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe. Một thời Đức Phật ngự trong núi **Thứu Phong** (Gṛdhra-kuṭa) tại thành **Vương Xá** (Rāja-gṛha) cùng với chúng Đại Bật Sô (Mahatā-Bhikṣu-saṃgha) gồm ba vạn hai ngàn người đến dự, đều đắc A La Hán (Arhate) đủ Đại Thần Thông. Tên các vị ấy là: Tôn Giả **A Nhã Kiều Trần Như** (Ājñāta-kauṇḍinya), Tôn Giả **Mã Thắng** (Aśvajitā), Tôn Giả **Ma Sắt Bỉ Noa** (Bāṣpeṇa), Tôn Giả **Đại Danh** (Mahā-nāma), Tôn Giả **Bạt Đa Bà** (Bhadra-jitā), Tôn Giả **Xứng Thiên** (Yaśo-deva), Tôn Giả **Ly Cấu** (Vimala), Tôn Giả **Diệu Tý** (Subāhu), Tôn Giả **Bố Lan Noa Chỉ Nẵng** (Pūrṇa-maitrāyaṇī-putra), Tôn Giả **Kiều Phạm Ba Đề** (Gavāṃpati), Tôn Giả **Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp** (Urubilvā-kāśyapa), Tôn Giả **Na Đề Ca Diếp** (Nadī-kāśyapa), Tôn Giả **Xá Lợi Tử** (Śāriputra), Tôn Giả **Đại Mục Kiền Liên** (Mahā-maudgalyāyana), Tôn Giả **Ma Ha Ca Chiên Diên** (Mahā-katyāyana), Tôn Giả **Ma Ha Câu Hy La** (Mahā-kauṣṭhilya), Tôn Giả **Kiếp Tân Na** (Mahā-kaphila), Tôn Giả **Ma Ha Tôn Na** (Mahā-cunda), Tôn Giả **Di Đa La Ni Tử** (Maitreyāṇi), Tôn Giả **A Na Luật** (Aniruddha), Tôn Giả **Hỷ** (Nandika), Tôn Giả **Khẩn Tỳ Lý Noa** (Kampilena), Tôn Giả **Tu Bồ Đề** (Subhūti), Tôn Giả **Lý Phộc Đế** (Revati), Tôn Giả **Khư Nĩ La Phộc Nễ Chỉ Nẵng** (Khadiravanikena), Tôn Giả **Ma Hạ La Nghê** (Mahā-rāje), Tôn Giả **Ba La Dã Ni Chỉ Nẵng** (Pārāyaṇikena), Tôn Giả **Phộc Câu Lệ Nẵng** (Vakulena), Tôn Giả **A Nan Đà** (Ānanda), Tôn Giả **La Hầu La** (Rahūla), Tôn Giả **Thiện Lai** (Svāgatena). Nhóm như vậy gồm ba vạn hai ngàn người đến dự.

Bấy giờ Tôn Giả **A Nan** liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trật áo hở vai phải, quỳ gối phải sát đất, chắp tay đỉnh lễ rồi bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Đấng **Như Lai** (Tathāgata) **Ứng** (Arhate) **Chính Đẳng Giác** (Samyaksaṃbuddha) có các căn thanh tịnh, sắc diện (Mukha-varṇa) viên mãn, cõi báu trang nghiêm….được Công Đức như vậy, thật là hiếm có!... Thế nào là Hạnh màu nhiệm rộng lớn đã hành với chỗ hành của chư Phật quá khứ vị lai ? Nguyện vì con tuyên nói"

Đức Phật bảo A Nan: "Lành thay! Lành thay! Ông vì lợi ích cho tất cả chúng sinh, ôm tâm Từ Mẫn, hay hỏi Như Lai về nghĩa vi diệu. Nay ông hãy lắng nghe! Hãy khéo nghĩ nhớ! Nay **Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri** vì ông nói"

Đức Phật bảo A Nan: "Như vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn a tăng kỳ kiếp (Asaṅkya-kalpa) trong đời quá khứ, khi ấy có Đức Phật Thế Tôn (Buddha-lokanātha) hiện ra ở đời, tên là **Nhiên Đăng** (Dīpaṃkara) Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác (Tathāgata-arhate-samyaksaṃbuddha)

Trước Đức Phật Nhiên Đăng, lại có Đức Phật Thế Tôn hiện ra ở Thế Gian, tên là **Bát La Đa Ba Dã Du** (Pratāpavān) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Phát Quang** (Prabhā-kara) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Tán Na Nẵng Nga La Hộ** (Candana-gandha) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Tu Di Kiếp** (Sumeru-kalpa) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Nguyệt Diện** (Candra-mukha) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Vô Cấu Diện** (Amala-mukha) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Vô Trước** (Asaṅga) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Long Chủ** (Nāgādhipati) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Nhật Diện** (Sūrya-mukha) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Sơn Hưởng Âm Vương** (Girirājaghoṣa) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Tu Di Phong** (Merukūṭa) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Kim Tạng** (Suvarṇa-garbha) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Hỏa Quang** (Jyotiṣ-prabha) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Bất Động Địa** (Acala-bhūmi) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Lưu Ly Quang** (Vaiḍūrya-nirbhāsa) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Nguyệt Vương** (Candra-rāja) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Nhật Âm** (Sūrya-ghoṣa) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Tán Hoa Trang Nghiêm** (Mukta-kusuma-pratimaṇḍita-prabha) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Cát Tường Phong** (Śrī-kuṭa) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Trì Hải Tuệ Tự Tại Thông Vương** (Sāgara-dhara-buddhi-vikrīḍitābhijña) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Thí Quang** (Vara-prabha) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Đại Hương Tượng Quang** (Mahā-gandha-rāja-nirbhāsa) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Ly Nhất Thiết Cấu** (?Vyapa-gata-khilamala-prati-ghoṣa) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Dũng Mãnh Phong** (Śūra-kūṭa) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Bảo Quang** (Ratnābhibhāsa) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Trì Đa Đức Đắc Thông** (Mahā-guṇa-dhara-buddhi-prāptābhijña) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Quá Nhật Nguyệt Quang** (Candra-sūrya-jihmī-karaṇa) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Tối Thượng Lưu Ly Quang** (Uttapta-vaiḍūrya-nirbhāsa) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Tuệ Hoa Khai Tâm Hạnh Xuất Sinh** (Citta-dhārā-buddhi-saṃkusumitābhyudgata) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Đại Hoa Lâm Thông Vương** (Puṣpāvatīvanarāja-saṃkusumitābhijña) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Nhất Nguyệt Quang** (Eka-candra-prabha) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Phá Vô Minh Hắc Ám** (Avidyāndha-kāra-vidhvaṃśana-kara) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Trân Châu San Hô Cái** (Mukta-cchtra-pravātasadṛśa) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Tam Thừa Pháp Tự Tại Vương** (Triyāna-dharmeśvara-rāja) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Sư Tử Hải Phong Tự Tại Vương** (Siṃha-sāgara-kūṭeśvara-rāja) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Phạm Âm Thanh Tự Tại Vương** (Brahma-svara-nādeśvara-rāja) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Thế Tự Tại Vương** (Lokeśvara) Như Lai (Tathāgata) Ứng (arhate) Chính Đẳng Giác (samyaksaṃbuddha) Minh Hạnh Túc (Vidyācaraṇasaṃpanna) Thiện Thệ (Sugata) Thế Gian Giải (Lokavid) Vô Thượng Sĩ (Anuttara) Điều Ngự Trượng Phu (Puruṣadamyasārathi) Thiên Nhân Sư (Śāstā devānāṃ ca manuṣyāṇāṃ) Phật Thế Tôn (buddho lokanātha) mà ở trong Pháp, có một vị Bật Sô tên là **Tác Pháp** (Dharmākara:còn dịch là **Pháp Tạng**) là bậc tin hiểu bậc nhất, ghi nhớ rõ bậc nhất, tu hành bậc nhất, tinh tiến bậc nhất, Trí Tuệ bậc nhất, Đại Thừa bậc nhất

Bấy giờ vị Bật Sô lìa chỗ ở của mình đi đến trước mặt Đức Phật, cúi đầu mặt lễ bàn chân của Đức Phật rồi đứng ở một bên. Liền dùng **Già Tha** (Gātha:Kệ) khen sắc diện đoan nghiêm của Đức Phật, lại phát Thệ Nguyện rộng lớn.

Tụng là:

"Như Lai, sắc vi diệu đoan nghiêm
Tất cả Thế Gian không thể bằng
Ánh sáng vô lượng chiếu mười phương
Nhật, Nguyệt, hỏa châu đều sáng gần
Nguyện con được **tiếng Phật** (Buddha-ghoṣa) thanh tịnh
Pháp Âm (Dharma-ghoṣa) tràn khắp vô biên cõi
Tuyên dương Môn **Giới, Định, Tinh Tiến**
Thông đạt Pháp vi diệu thâm sâu
Trí Tuệ rộng lớn, sâu như biển
Nội Tâm trong sạch, dứt trần lao
Vượt qua vô biên Môn nẻo ác
Mau đến Bồ Đề, bờ cứu cánh
Cũng như vô lượng Phật quá khứ
Uy quang chiếu khắp chúng sinh giới
Làm Đại Đạo Sư của quần sinh
Độ thoát già chết, khiến an ổn
Thường hành **Bố Thí** (Dāna) với **Giới** (Śīla), **Nhẫn** (Kṣānti)

Tinh Tiến (Vīrya)**, Định (**Dhyāna)**, Tuệ** (Prajña), sáu Ba La (Ṣaḍ-pāramitā: sáu Ba La Mật)

Hữu tình chưa độ, khiến được độ
Kẻ đã độ rồi, khiến thành Phật

Con đem tất cả bày cúng dường
Trăm (Śata) ngàn (Sahasra) câu chi (Koṭi) na do tha (Nayuta)
Hằng hà sa số Phật Thế Tôn
Khiến con thành tựu Quả **tịch diệt**
Lại có các cõi Phật (Buddha-kṣetra) mười phương
Luôn phóng ánh sáng chiếu tất cả
Thù thắng trang nghiêm vô đẳng luân
Nguyện con thành tựu lợi quần phẩm
Hết thảy trong vô biên Thế Giới
Chúng sinh các nẻo bị luân hồi
Mau về nước con, nhận khoái lạc
Chẳng lâu đều thành Đạo vô thượng
Nguyện con tinh tiến luôn quyết định
Vận Tâm **Từ** (Maitra-citta) bứt nhổ hữu tình
Độ hết A Tỳ (Avici:Địa ngục A Tỳ), chúng sinh khổ
Hoằng Thệ đã phát, chẳng hề đứt"

Khi ấy Đức Thế Tôn bảo A Nan rằng: "Vị Bật Sô **Tác Pháp** ấy nói Kệ đó xong, liền bạch với Đức **Thế Tự Tại Vương** Như Lai rằng: *Nay con phát Tâm **A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề*** (Anuttāraṃ-samyaksaṃbuddhi: Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác) *vui cầu Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác* (Abhisaṃbodhukāmaḥ: vui cầu thành Chính Giác). *Nguyện xin Đức Thế Tôn nói Công Đức trang nghiêm của các cõi Phật. Nếu con được nghe, luôn tự tu trì hạnh **trang nghiêm quốc thổ**"*

Lúc đó Đức Thế Tự Tại Vương Như Lai bảo Bật Sô **Tác Pháp** ấy rằng: "Ông tự suy nghĩ xem tu phương tiện nào để có thể thành tựu trang nghiêm cõi Phật?"

Bật Sô bạch rằng: " Trí Tuệ của con kém cỏi nên chẳng thể biết thấu Hạnh trang nghiêm quốc thổ! Nguyện xin Đức Như Lai Ứng Chính Biến Tri vì con nói việc trang nghiêm cõi nước của chư Phật"

Thời Đức Thế Tự Tại Vương Như Lai liền tuyên nói tám mươi bốn trăm ngàn câu chi na do tha tướng viên mãn rộng lớn của Công Đức trang nghiêm cõi Phật, trải qua một kiếp mới có thể trọn hết.

Bấy giờ A Nan nghe việc đó xong, liền bạch Phật rằng: "Thế Tôn ! Đức Phất Thế Tự Tại Vương ấy có tuổi thọ dài ngắn thế nào mà nói trải qua một kiếp ?"

Đức Phật bảo A Nan: "Đức Phật ấy có thọ mệnh đủ bốn mươi kiếp

Này A Nan! Bật Sô **Tác Pháp** ấy nghe Đức Phật đã nói tám mươi bốn trăm ngàn câu chi na do tha việc của Công Đức trang nghiêm cõi Phật, hiểu rõ thông đạt như một cõi Phật. Tức thời trong Hội, cúi đầu mặt lễ bàn chân của Đức Phật rồi từ tạ lui ra, đến một nơi thanh tinh, ngồi một mình, suy nghĩ, tu tập Công Đức trang nghiêm cõi Phật, phát Thệ Nguyện lớn trải qua năm kiếp.

Khi ấy Bật Sô **Tác Pháp** lại đến chỗ của Đức Thế Tự Tại Vương Như Lai ngự, cúi năm vóc sát đất lễ bàn chân của Đức Thế Tôn. Lễ xong, chắp tay bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Tám mươi bốn trăm ngàn câu chi na do tha Hạnh Nguyện đã hành của Công Đức trang nghiêm cõi Phật như vậy, nay con đã thành tựu"

Thời Đức Thế Tự Tại Vương Như Lai bảo Bật Sô rằng: "Lành thay! Lành thay! Hạnh Nguyện của ông, suy nghĩ rốt ráo. Nay đúng là lúc, vì Chúng giải nói"

Khi các Bồ Tát nghe Pháp đó xong, được thiện lợi lớn, hay ở cõi Phật tu tập trang nghiêm.

Bấy giờ Bật Sô **Tác Pháp** nghe Thánh Chỉ của Đức Phật, bèn trật áo hở vai phải, quỳ gối phải sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, liền tuyên nói: "Bạch Đức Thế Tôn! Con xin phát lời Thề

_ Nguyện như Đức Thế Tôn chứng được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề thời cõi Phật đã cư ngụ có đầy đủ vô lượng Công Đức trang nghiêm chẳng thể nghĩ bàn. Hết thảy tất cả chúng sinh với cõi Diệm Ma La; Địa Ngục, quỷ đói, súc sinh trong ba đường ác đều sinh về nước của con, nhận Pháp Hóa của con, chẳng lâu đều thành A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề, tất cả đều được thân màu vàng ròng.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thảy chúng sinh ở mười phương Thế Giới khiến sinh về nước của con, như các cõi Phật, chúng của Người Trời xa lìa phân biệt, các căn vắng lặng, thảy đều khiến được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thảy chúng sinh ở mười phương Thế Giới khiến sinh về nước của con được Đại Thần Thông, trải qua trong một niệm, tuần tự vòng khắp đi qua trăm ngàn câu chi na cõi Phật, cúng dường chư Phật, gieo trồng sâu căn lành, thảy đều khiến được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thảy chúng sinh khiến sinh về nước của con, tất cả đều được Túc Mệnh Thông, hay khéo quán sát việc của trăm ngàn câu chi na do tha kiếp quá khứ, thảy đều khiến được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thảy chúng sinh khiến sinh về nước của con, tất cả đều được Thiên Nhãn (Divya-cakṣu) thanh tịnh, hay thấy sắc tướng thô thiển, tinh tế của trăm ngàn câu chi na do tha Thế Giới, thảy đều khiến được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thảy chúng sinh khiến sinh về nước của con, tất cả đều được Tha Tâm Thông (Paracitta-jñāna:Tha Tâm Trí), khéo hay biết thấu Pháp **Tâm** (citta)**, Tâm Sở** (Cetasika) của trăm ngàn câu chi na do tha chúng, thảy đều khiến được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thảy chúng sinh khiến sinh về nước của con, tất cả đều được trụ địa vị **Chính Tín**, lìa tưởng điên đảo, kiên cố tu tập, thảy đều khiến được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thảy chúng sinh khiến sinh về nước của con, đã tu Chính Hạnh căn lành vô lượng khắp cõi **Viên Tịch** mà không có gián đoạn, thảy đều khiến được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thảy chúng sinh khiến sinh về nước của con, tuy trụ địa vị của Thanh Văn (Śrāvaka) Duyên Giác (Pratyeka-buddha) đi đến trong trăm ngàn câu chi na do tha cõi báu làm khắp Phật Sự, thảy đều khiến được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thảy chúng sinh khiến sinh về nước của con, tất cả đều được vô biên quang minh để hay chiếu sáng trăm ngàn câu chi na do tha các cõi nước Phật, thảy đều khiến được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thảy chúng sinh khiến sinh về nước của con, mạng chẳng bị chết yểu, thọ trăm ngàn câu chi na do tha kiếp, thảy đều khiến được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thảy chúng sinh khiến sinh về nước của con, không có ai không có tên gọi hiền lành (thiện danh). Nghe vô lượng vô số các cõi nước Phật không có tên gọi, không có tên hiệu, không có tướng, không có hình mà không có nghi ngờ chê bai, thân tâm chẳng động… thảy đều khiến được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thảy chúng sinh cầu sinh về nước của con, niệm danh hiệu của con, phát tâm chí thành bền chắc chẳng thoái lùi. Khi kẻ ấy mệnh chung thời con khiến vô số vị Bật Sô hiện trước mặt, vây quanh đi đến nghinh đón người ấy, trải qua chốc lát được sinh về nước của con, thảy đều khiến được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thảy tất cả chúng sinh trong vô lượng vô biên vô số Thế Giới ở mười phương, nghe danh hiệu của con, phát Tâm Bồ Đề (Bodhi-citta) gieo trồng căn lành, tùy ý cầu sinh vào các cõi nước Phật thì không có ai chẳng được sinh về, thảy đều khiến được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thảy chúng sinh khiến sinh về nước của con, đều đủ 32 loại tướng Trượng Phu, một đời khiến được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thảy chúng sinh khiến sinh về nước của con. Nếu có Nguyện lớn mong muốn thành Phật, làm bậc Bồ Tát thì con dùng uy lực khiến kẻ ấy giáo hóa tất cả chúng sinh, đều phát tâm tin, tu hạnh Bồ Đề, hạnh Phổ Hiền, hạnh Tịch Diệt, hạnh Tịnh Phạm, hạnh Tối Thắng với tất cả hạnh lành…thảy đều khiến được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thảy chúng sinh khiến sinh về nước của con, ở tất cả chốn, thừa sự cúng dường vô lượng trăm ngàn câu chi na do tha chư Phật, gieo trồng các căn lành (Kuśala-mūla), tùy theo ý mong cầu không có gì không mãn nguyện…thảy đều khiến được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thảy Bồ Tát trong cõi nước của con đều được thành tựu tất cả Trí Tuệ, khéo đàm luận nghĩa bí yếu của các Pháp, chẳng lâu mau chóng thành A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời con ở cõi báu, hết thảy Bồ Tát phát tâm dũng mãnh, phát Đại Thần Thông đi đến trong các cõi nước Phật ở vô lượng vô biên vô số Thế Giới dùng trân châu (Maṇi-mukta), Anh Lạc (Mālya), lọng báu (Ratna-cchatra), phướng (Dhvaja), phan (Patāka), quần áo (Cīvara), vật dụng nằm, thức ăn uống, thuốc thang, hương (Gandha), hoa (Puṣpa), kỹ nhạc…cúng dường thừa sự, hướng về (hồi) cầu Bồ Đề, mau được thành tựu A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời con ở cõi báu, hết thảy Bồ Tát phát tâm Đạo lớn, muốn đem trân châu, Anh Lạc, lọng báu, phướng phan, quần áo, vật dụng nằm, thức ăn uống, thuốc thang, hương hoa, kỹ nhạc…thừa sự cúng dường vô lượng vô biên chư Phật Thế Tôn ở Thế Giới của phương khác mà chẳng thể đi đến. Ngay lúc đó, con dùng Nguyện Lực xưa kia (túc nguyện lực) khiến chư Phật Thế Tôn ở phương khác ấy, đều duỗi cánh tay đến trong nước của con, thọ nhận cúng dường đó, khiến cho kẻ kia mau thành A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời con ở cõi báu, hết thảy Bồ Tát tùy theo ý ưa thích của mình, chẳng lìa cõi này, muốn đem trân châu, Anh Lạc, lọng báu, phướng phan, quần áo, vật dụng nằm, thức ăn uống, thuốc thang,

hương hoa, kỹ nhạc…cúng dường vô lượng chư Phật ở phương khác. Tiếp lại suy nghĩ *"Như Đức Phật duỗi cánh tay đến đây nhận vật cúng, nhọc nhằn chư Phật khiến cho Ta không có ích lợi".* Khi tác niệm đó thời con dùng Thần Lực khiến vật cúng này tự đến trước mặt chư Phật ở phương khác, mỗi mỗi cúng dường. Khi ấy Bồ Tát chẳng lâu được thành A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời con ở cõi báu, hết thảy Bồ Tát có thân dài sáu mươi do tuần (Joyana), được sức mạnh của Na La Diên (Nārāyaṇa), thân tướng đoan nghiêm, quang minh chiếu sáng, đầy đủ căn lành (Kuśala-mūla), thành tựu A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời con ở cõi báu, hết thảy Bồ Tát vì các chúng sinh, thông đạt Pháp Tạng, an lập vô biên tất cả Trí Tuệ, chặt đứt hết các **Kết** (Oán thù kiếp trước), đều được chứng thành A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời con ở cõi báu, hết thảy Bồ Tát dùng trăm ngàn câu chi na do tha mọi loại trân bảo tạo làm lò hương, bên dưới từ bờ mé của đất (địa tế), bên trên đến cõi hư không (không giới), thường dùng hương Chiên Đàn (Candana) vô giá xông ướp cúng dường khắp mười phương chư Phật, khiến được mau thành A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời cõi Phật đã cư ngụ có ánh sáng nghiêm tịnh rộng lớn, trong suốt như tấm gương đều hay chiếu thấy vô lượng vô biên tất cả cõi Phật. Chúng sinh nhìn thấy, sinh tâm hiếm có, chẳng lâu mau thành A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời con ở cõi báu, hết thảy Bồ Tát, ngày đêm sáu Thời luôn thọ nhận khoái lạc hơn hẳn chư Thiên, nhập vào Môn **Bình Đẳng Tổng Trì**, thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vô biên Thế Giới, chẳng lâu được thành A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thảy tất cả người nữ trong vô lượng vô biên vô số Thế Giới ở mười phương, nếu có chán lìa thân nữ, nghe danh hiệu của con, phát tâm trong sạch, quy y đỉnh lễ. Khi người ấy mệnh chung, liền sinh về nước của con, thành thân người nam, thảy đều khiến được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thảy Thanh Văn Duyên Giác trong vô lượng vô biên vô số cõi Phật ở mười phương, nghe danh hiệu của con, tu trì **Tịnh Giới** bền chắc chẳng lùi, mau ngồi Đạo Trường thành tựu A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thảy tất cả Bồ Tát trong vô lượng vô biên bất khả tư nghị vô đẳng cõi Phật ở mười phương, nghe danh hiệu của con, cúi năm vóc sát đất lễ bái quy mệnh. Lại được tất cả hữu tình trong cõi Người, trên Trời, tôn trọng cung kính, gần gũi phụng sự, tăng ích Công Đức thành tựu A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thảy chúng sinh phát tâm Tịnh Tín, vì các Sa Môn, Bà La Môn có áo bị nhiễm mà giặt rửa áo, cắt áo, may áo, sửa làm áo mặc của vị Tăng, hoặc tự tay làm hoặc khiến người làm. Làm xong hồi hướng thì người đó trong 81 đời được áo tối thượng, tùy thân dư đầy, nơi thân cuối cùng sinh vào nước của con, thành tựu A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM

QUYỂN THƯỢNG (Hết)

Đại Tạng Kinh _Tập 12_ No.363

PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM _QUYỂN TRUNG_

Hán dịch : Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tạng_ Triều Tán Đại Phu Thí Quang Lộc Khanh_ Minh Giáo Đại Sư (Kẻ bầy tôi là) PHÁP HIỀN phụng chiếu dịch
Việt dịch : HUYỀN THANH

Bấy giờ Bật Sô **Tác Pháp** (Dharma-kara) bạch với Đức Thế Tôn rằng: "Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thảy tất cả chúng sinh nghe danh hiệu của con sẽ lìa hẳn tâm nhiệt não, được hạnh trong mát, hạnh Chính Tín, được sinh về nước của con, ngồi dưới cây báu, chứng **Vô Sinh Nhẫn** (Anutpattika-kṣānti), thành tựu A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề (Anuttarāṃsamyaksaṃboddhi:Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác)

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thảy các chúng Bồ Tát trong tất cả cõi Phật ở mười phương, nghe danh hiệu của con, ứng thời chứng được Tam Ma Địa **Tịch Tĩnh**. Trụ Định đó xong, ở trong một niệm, được thấy vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn chư Phật Thế Tôn, thừa sự cúng dường, thành tựu A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thảy Thanh Văn Bồ Tát trong tất cả cõi Phật ở mười phương, nghe danh hiệu của con, chứng Vô Sinh Nhẫn, thành tựu tất cả căn lành bình đẳng, trụ **Vô Công Dụng Ly Gia Hạnh** cho nên chẳng lâu khiến được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thảy các chúng Bồ Tát trong tất cả cõi Phật ở mười phương, nghe tên của con xong, sinh tâm hiếm có. Người đó liền được Tam Ma Địa **Phổ Biến Bồ Tát.**Trụ Định này xong, ở trong một niệm, được đến trong vô lượng vô số chẳng thể nghĩ bàn các cõi Phật, cung kính tôn trọng cúng dường chư Phật, thành tựu A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thảy Bồ Tát ở trong nước của con, hoặc vui nói Pháp, hoặc vui nghe Pháp, hoặc hiện **Thần Túc** (Ṛddhi-prātihārya), hoặc đến phương khác, tùy ý tu tập không có gì chẳng viên mãn, đều khiến chứng được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thảy tất cả cõi Phật, nghe tên của con, ứng thời liền được **Sơ Nhẫn**, **Nhị Nhẫn** cho đến **Vô Sinh Pháp Nhẫn** (Anutpattika-dharma-kṣānti), thành tựu A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

Khi ấy Bật Sô **Tác Pháp** hướng về Đức Phật ấy phát Nguyện như vậy xong, nương theo uy thần của Đức Phật, liền nói Tụng là:

_Nay con đối trước Phật
Mà phát nguyện thành thật
Được thân Phật **mười lực** (Daśabala)
Uy Đức không gì bằng
Lại làm Đại Quốc Vương
Phú Hào rất tự tại
Rộng đem các tài bảo
Cho khắp chỗ nghèo khổ

Khiến các Quần Sinh ấy
Đêm dài không ưu não
Sinh ra mọi căn lành
Thành tựu Quả Bồ Đề
_Nếu con thành Chính Giác
Lập tên **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus)
Chúng sinh nghe hiệu này
Đều đến trong nước con
Như thân Phật vàng ròng
Diệu Tướng đều viên mãn
Cũng dùng Tâm **Đại Từ** (Mahā-maitre)
Lợi ích các quần phẩm
_Nguyện con: **Trí Tuệ Quang** (Ánh sáng Trí Tuệ)
Rộng chiếu cõi mười phương
Diệt tăm tối, tham, sân
Phiền não của hữu tình
Địa Ngục, Quỷ, Súc Sinh
Đều buông khổ ba nẻo (Tam Đồ)
Cũng sinh trong nước con
Tu tập Hạnh thanh tịnh
Được thân quang minh ấy
Như Phật chiếu sáng khắp
Ánh Nhật (Sūrya), Nguyệt (Candra), ngọc (Maṇi), báu (Ratna)
Đều chẳng thể sáng bằng
_ Nguyện con: đời vị lai
Thường làm **Thầy** Trời Người (Thiên Nhân Sư)
Trong trăm ức Thế Giới
Phát tiếng sư tử rống
Như Phật quá khứ ấy
Đã hành Hạnh **Từ Mẫn**
Rộng vô lượng vô biên
Câu chi các hữu tình
Viên mãn ước nguyện xưa
Tất cả đều thành Phật
_Phát Đại Nguyện đó thời
Ba ngàn cõi Đại Thiên
Chấn động khắp mười phương
Người Trời trong hư không
Rải mưa tất cả hoa
Chiên Đàn (Candana) với Trầm Thủy
Xưng tán Đại Bật Sô
Nguyện Lực rất hiếm có
Quyết định sẽ làm Phật
Rộng lợi cõi chúng sinh

Lại nữa A Nan! Khi Bật Sô **Tác Pháp** đối trước Đức Thế Tự Tại Vương Như Lai với Trời (Deva), Người (Manuṣya), Ma (Māra), Phạm (Brāhma), Sa Môn (Śramaṇa), Bà La Môn (Brāhman), A Tu La (Asura)…phát Nguyện (Praṇidhāna) đó xong, trụ Tuệ chân thật, dũng mãnh tinh tiến, tu tập vô lượng Công Đức (Guṇa) trang nghiêm cõi Phật, vào Tam Ma Địa (Samādhi), trải qua đại a tăng kỳ kiếp tu Bồ Tát Hạnh

(Bodhisatva-cārya). Chẳng sinh tâm tham (Rāga-citta), tâm giận dữ (Dvesa-citta), tâm ngu si (Moha-citta) cũng không có Dục Tưởng (rāga-saṃjña), Sân Tưởng (Dvesa-saṃjña), Si Tưởng (Moha-saṃjña). Tưởng (Saṃjña) của hình chất (Sắc:Rūpa), âm thanh (thanh:Śabda), mùi ngửi (hương:gandha), vị nếm (vị:Rasa), tiếp chạm (xúc:Spraṣṭavya), tâm chẳng mê loạn, miệng chẳng câm ngọng, thân chẳng lười biếng…chỉ ưa thích nghĩ nhớ căn lành, hành hạnh Tịch Tĩnh mà chư Phật quá khứ đã tu, xa lìa hư vọng, bền chắc giữ Luật Nghi, thường dùng **Ái Ngữ** nhiêu ích chúng sinh. Đối với Phật (Buddha) Pháp (Dharma) Tăng (Saṃgha) tin trọng, cung kính, điều thuận, nhu nhuyễn. Y theo Môn **Chân Đế,** thực chứng gốc của Đức. Hiểu thấu: Không (Śūnyatā:Tính trống rỗng), không có Tướng (Vô Tướng: Animitta) , không có Nguyện (Vô Nguyện:Apraṇihita), không có tạo tác luân chuyển (Vô Vi: Abhisaṃskāra), không có sinh (Vô Sinh:Anutpanna), không có diệt (Vô Diệt: Aniruddha).

Khéo bảo hộ **Khẩu Nghiệp**, chẳng chê trách lỗi của người khác. Khéo bảo hộ **Thân Nghiệp**, chẳng mất Luật Nghi. Khéo bảo hộ **Ý Nghiệp** trong sạch không nhiễm. Hết thảy đất nước, thành, làng xóm, nam, nữ, tôi tớ, quyến thuộc, vàng, bạc, châu báu cho đến nhóm hình chất, âm thanh, mùi ngửi, vị nếm, tiếp chạm…đều không có chỗ dính mắc. Luôn dùng Hạnh của sáu Độ: Bố Thí (Dāna), Trì Giới (Śīla), Nhẫn Nhục (Kṣānti), Tinh Tiến (Vīrya), Thiền Định (Dhyāna), Trí Tuệ (Prajña) lợi lạc chúng sinh. Đầy đủ Quỹ Phạm, viên mãn căn lành. Nơi sinh ra có vô số trăm ngàn câu chi na do tha kho tàng trân bảo từ đất phun ra, nhiếp thọ vô lượng vô số trăm ngàn câu chi na do tha chúng sinh, phát Tâm A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

Hạnh như vậy nhiều vô lượng vô biên, nói chẳng thể hết.

Lại nữa A Nan! Lúc Bật Sô **Tác Pháp** hành **Bồ Tát Hạnh** thời ở chỗ của chư Phật: tôn trọng, cung kính, thừa sự, cúng dường chưa từng gián đoạn.

Làm bốn Đại Thiên Vương luôn đến chỗ của Phật cung kính lễ bái thừa sự cúng dường.

Làm Đao Lợi Thiên Vương luôn đến chỗ của Phật cung kính lễ bái thừa sự cúng dường.

Làm Dạ Ma Thiên Vương, Đâu Suất Thiên Vương, Hóa Lạc Thiên Vương, Tha Hóa Tự Tại Thiên Vương cho đến hàng Đại Phạm Thiên Vương… luôn đến chỗ của Phật cung kính lễ bái thừa sự cúng dường.

Lại nữa A Nan! Ở cõi Diêm Phù Đề (Jāmbūdvīpa) làm Chuyển Luân Vương nhận địa vị Quán Đỉnh với hàng Đại Thần, Quan tộc… luôn đến chỗ của Phật cung kính lễ bái thừa sự cúng dường.

Như vậy trải qua vô lượng vô số trăm ngàn vạn ức kiếp gần gũi chư Phật, thực chứng gốc của Đức, gom tập A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề

Lại nữa A Nan! Lúc Bật Sô **Tác Pháp** hành **Bồ Tát Hạnh** thời trong miệng thường tuôn ra hương thơm của Chiên Đàn (Candana), các lỗ chân lông trên thân tuôn ra hương thơm của hoa Ưu Bát La (Utpāla). Hương thơm ấy xông ướp khắp vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn na do tha trăm ngàn do tuần, hữu tình ngửi được hương thơm này đều phát tâm A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

Lại nữa A Nan! Lúc Bật Sô **Tác Pháp** hành **Bồ Tát Hạnh** thời sắc tướng đoan nghiêm, 32 tướng, 80 chủng tử thảy đều đầy đủ. Lại dùng tất cả trân bảo trang nghiêm hai cánh tay. Trong bàn tay luôn tuôn ra tất cả quần áo, tất cả thức ăn uống, tất cả phướng phan, tất cả dù lọng, tất cả âm nhạc cho đến tất cả vật cần dùng tối thượng, lợi lạc tất cả chúng sinh, khiến phát tâm A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề”.

Bấy giờ A Nan nghe Đức Phật nói về Hạnh Bồ Tát của Bật Sô **Tác Pháp** ấy, liền bạch với Đức Thế Tôn rằng: "Bật Sô **Tác Pháp** là Phật quá khứ đó ư? Phật vị lai ư? Phật hiện tại ư?

Đức Thế Tôn bảo rằng: "Đức Phật Như Lai ấy, đến không có chỗ đến, đi không có nơi di, không có sinh, không có diệt, chẳng phải quá khứ vị lai, chỉ dùng **Nguyện báo mời** (酬願:Thù Nguyện) để độ sinh.

Hiện tại ở phương Tây cách cõi Diêm Phù Đề trăm ngàn câu chi na do tha cõi Phật, có Thế Giới tên là **Cực Lạc** (Sukhāvatī), Đức Phật tên là **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus) thành Phật đến nay đã mười kiếp, có vô lượng vô số Bồ Tát Ma Ha Tát với vô lượng vô số chúng Thanh Văn cung kính vây quanh để nghe nói Pháp. Ánh sáng của Đức Phật ấy chiếu suốt hằng hà sa số trăm ngàn câu chi na do tha chẳng thể xưng lường cõi Phật ở phương Đông. Như vậy các phương: Nam, Tây, Bắc, bốn phương bàng, phương trên, phương dưới cũng lại như vậy

Lại nữa A Nan! Đức Phật Vô Lượng Thọ ấy, hoặc hóa ánh sáng tròn trịa, hoặc một do tuần, hai do tuần, ba do tuần, hoặc trăm do tuần, trăm ngàn do tuần, hoặc câu chi na do tha trăm ngàn do tuần cho đến tràn đầy khắp vô lượng vô biên vô số cõi Phật.

Lại nữa A Nan! Nay ánh sáng này có tên gọi là: ánh sáng không có lượng (Vô Lượng Quang:Amita-prabha), ánh sáng không có ngại (Vô Ngại Quang:Apratihata-prabha), ánh sáng thường chiếu (Thường Chiếu Quang), ánh sáng chẳng trống rỗng (Bất Không Quang:Amogha-prabha), ánh sáng lợi ích (Lợi Ích Quang:Anuśaṃsa-prabha), ánh sáng yêu thích (Ái Lạc Quang:Premanīya-prabha), ánh sáng an ổn (An Ổn Quang:Upoṣanīya-prabha), ánh sáng giải thoát (Giải Thoát Quang:Vimukta-prabha), ánh sáng không có ngang bằng (Vô Đẳng Quang:Atulya-prabha), ánh sáng chẳng thể nghĩ bàn (Bất Tư Nghị Quang:Acintya-prabha), ánh sáng hơn hẳn mặt trời mặt trăng (Quá Nhật Nguyệt Quang), áng sáng đoạt tất cả Thế Gian (Đoạt Nhất Thiết Thế Gian Quang), ánh sáng trong sạch không dơ (Vô Cấu Thanh Tịnh Quang:Amala-śuddha-prabha).

Ánh sáng như vậy chiếu khắp tất cả Thế Giới ở mười phương. Hàng Trời (Deva), Rồng (Nāga), Dược Xoa (Yakṣa), Càn Thát Bà (Gandharva), A Tu La (Asura), Ca Lâu La (Garuḍa), Khẩn Na La (Kiṃnara), Ma Hầu La Già (Mahoraga), Người (Manuṣya), Phi Nhân (Amanuṣya)...thấy ánh sáng này, phát Tâm Bồ Đề (Bodhi-citta), được lợi lạc".

Đức Phật bảo A Nan: "Ta trụ một kiếp, nói Công Đức lợi ích của ánh sáng này cũng chẳng thể hết.

Lại nữa A Nan! Đức Vô Lượng Thọ Như Lai có trăm (Śata), ngàn (Sahasra), vạn (Hrabheda), mười vạn (Hrabheda-daśa), trăm vạn (Hrabheda-śata), một câu chi (Koṭi), trăm câu chi (Koṭī-śata), ngàn câu chi (Koṭī-sahasra), khẩn na la số (Kaṃkara), tần bà la số (Bimbara, na do tha số (Nayuta), a do tha số (Akṣobhya), tỳ bà ha số (Vivāha), phộc sa na số (Vāhana), nhương già số (Gaṇya), a tăng kỳ số (Asaṅkya), mười a tăng kỳ số (Asaṅkya-daśa), trăm a tăng kỳ số (Asaṅkya-śata), ngàn a tăng kỳ số (Asaṅkya-sahasra), trăm ngàn a tăng kỳ số (Asaṅkya-śata-sahasra), a ma nễ dã số (Amāpya), bất khả tư nghị số (Acintya) như vậy…Vô lượng vô số chúng Thanh Văn như vậy mà ví dụ, tính đếm con số cũng chẳng thể theo kịp

Này A Nan! Đại Mục Kiền Liên ấy là bậc Thần Thông đệ nhất, hết thảy tất cả đồng nam đồng nữ trong ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, chỉ một ngày đêm ắt biết số đó. Giả sử sức Thần Thông của trăm ngàn câu chi Thanh Văn đều như Đại Mục Kiền Liên, lại mỗi một vị Thanh Văn sống đến trăm ngàn câu chi na do tha tuổi, hết số Thọ Mệnh ấy thì vị Thanh Văn kia, trong trăm phần chẳng theo kịp một phần.

Lại nữa A Nan! Ví như biển lớn, sâu tám vạn bốn ngàn do tuần, rộng rãi vô biên. Giả sử có người lấy một sợi lông trên thân, chẻ vụn làm trăm câu chi, tinh tế như hạt bụi nhỏ. Đem mỗi một hạt bụi ném vào nước của biển thì nước trên hạt bụi có hình lượng cũng thế, như vậy ném hết số bụi của sợi lông. Ý ông thế nào? Nước thuộc bụi nhỏ của sợi lông nhiều hơn, hay nước trong biển lớn nhiều hơn?"

A Nan bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Nước thuộc bụi nhỏ của sợi lông chưa tới nửa hớp, còn nước biển thì nhiều vô lượng"

Đức Phật bảo A Nan: "Chúng Thanh Văn thuộc nhóm Mục Kiền Liên ấy, hết tuổi thọ của thân ấy, đếm biết số đó như nước thuộc bụi nhỏ của sợi lông, còn con số chưa đếm hết thì như nước trong biển.Như vậy Đức Phật ấy có số đệ tử Thanh Văn nhiều vô lượng chẳng thể tính đếm được.

Lại cõi nước Phật ấy giàu có vô lượng, chỉ thọ nhận khoái lạc, không có mọi khổ đau, không có Địa Ngục (Niraya), Quỷ đói (Preta), súc sinh (Tiryagyoni) cõi Diệm Ma La (Yāma-loka-dhātu) với quả báo của tám nạn. Chỉ có chúng Bồ Tát Ma Ha Tát thanh tịnh với Thanh Văn.

Lại nữa A Nan! Cõi nước Phật ấy có mọi loại cột trụ báu đều đem trăm ngàn trân bảo dùng để trang nghiêm. Ấy là cột trụ làm bằng vàng (Suvarṇa), cột trụ làm bằng bạc (Rūpya), cột trụ làm bằng lưu ly (Vaiḍūrya), cột trụ làm bằng pha lê (Sphaṭika), cột trụ làm bằng trân châu (Lohita-mukta:Xích châu), cột trụ làm bằng xà cừ (Musāra-galva), cột trụ làm bằng mã não (Aśma-garbha)

Lại có cột trụ làm bằng hai thứ báu là vàng và bạc. Cột trụ làm bằng ba thứ báu là vàng, bạc, lưu ly. Cột trụ làm bằng bốn thứ báu là vàng, bạc, lưu ly, pha lê. Cột trụ làm bằng năm thứ báu là vàng, bạc, lưu lê, pha lê, trân châu. Cột trụ làm bằng sáu thứ báu là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, trân châu, xà cừ. Cột trụ làm bằng bảy thứ báu là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, trân châu, xà cừ, mã não.

Lại nữa A Nan! Cõi nước Phật ấy lại có mọi loại cây báu (Ratna-vṛkṣa) với rễ, thân, cành, gốc do vàng ròng tạo thành; hoa, lá, quả trái do bạc trắng hóa làm

Cũng có cây báu với rễ, thân, cành, gốc do bạc trắng tạo thành; hoa, lá, quả trái do lưu ly hóa làm

Cũng có cây báu với rễ, thân, cành, gốc do lưu ly tạo thành; hoa, lá, quả trái do pha lê hóa làm

Cũng có cây báu với rễ, thân, cành, gốc do pha lê tạo thành; hoa, lá, quả trái do trân châu hóa làm

Cũng có cây báu với rễ, thân, cành, gốc do trân châu tạo thành; hoa, lá, quả trái do xà cừ hóa làm

Cũng có cây báu với rễ, thân, cành, gốc do xà cừ tạo thành; hoa, lá, quả trái do mã não hóa làm

Cũng có cây báu với rễ, thân, cành, gốc do mã não tạo thành; hoa, lá, quả trái do vàng ròng hóa làm

Cũng có cây báu với vàng ròng làm rễ (Mūla), bạc trắng làm thân (Skandha), lưu lê làm cành (Śākha), pha lê làm ngọn (Viṭapa), trân châu làm lá (Patra), xà cừ làm hoa (Puṣpa), mã não làm quả (Phala).

Cũng có cây báu với bạc trắng làm rễ, lưu ly làm thân, pha lê làm cành, trân châu làm ngọn, xà cừ làm lá, mã não làm hoa, vàng ròng làm quả.

Cũng có cây báu với lưu ly làm rễ, pha lê làm thân, trân châu làm cành, xà cừ làm ngọn, mã não làm lá, vàng ròng làm hoa, bạc trắng làm quả.

Cũng có cây báu với pha lê làm rễ, trân châu làm thân, xà cừ làm cành, mã não làm ngọn, xà cừ làm lá, mã não làm hoa, vàng ròng làm quả.

Cũng có cây báu với trân châu làm rễ, xà cừ làm thân, mã não làm cành, vàng ròng làm ngọn, bạc trắng làm lá, lưu ly làm hoa, pha lê làm quả.

Cũng có cây báu với xà cừ làm rễ, mã não làm thân, vàng ròng làm cành, bạc trắng làm ngọn, lưu ly làm lá, pha lê làm hoa, trân châu làm quả.

Cũng có cây báu với mã não làm rễ, vàng ròng làm thân, bạc trắng làm cành, lưu ly làm ngọn, pha lê làm lá, trân châu làm hoa, xà cừ làm quả.

Như vậy Thế Giới Cực Lạc có bảy báu tạo thành cây (Vṛkṣa)

Lại nữa A Nan! Cõi nước Phật ấy trong sạch, nghiêm sức, rộng rãi, bằng phẳng, không có núi thuộc nhóm gò đống, hầm hố, chỗ hõm sâu, đường đi gai góc hiểm trở, bãi cát, đá vụn, đất , đá…núi đen (Hắc Sơn:Kāla-parvata), núi tuyết (Tuyết sơn:Hīmalāya-parvata), núi báu (Bảo Sơn:ratna-parvata), núi vàng (Kim Sơn:Varṇa-parvata), núi Tu Di (Sumeru-parvata), núi Thiết Vi (Cakra-vālā-parvata), núi Đại Thiết Vi (Mahā-cakra-vālā-parvata)… chỉ dùng vàng ròng làm đất”

Bấy giờ A Nan nghe lời đó xong, liền bạch với Đức Thế Tôn rằng: “Hàng Tứ Đại Thiên Vương (Cātur-māhā-rāja-deva), Đao Lợi Thiên (Trayāstriṃśa-deva:Tam Thập Tam Thiên) y theo Tu Di Sơn Vương để trụ còn hàng Dạ Ma Thiên (Yāma-deva) sẽ y theo đâu mà trụ (Praṣṭhita)?”

Đức Phật bảo A Nan: “Dạ Ma (Yāma), Đâu Suất (Tuṣita) cho đến tất cả chư Thiên của cõi Sắc (Rūpa-dhātu), Vô Sắc (Arūpa-dhātu) đều y theo Không Giới (Ākāśa-dhātu) mà trụ

A Nan bạch rằng: “Không Giới không có ngăn ngại thì làm sao mà trụ ? Nghiệp Nhân, Quả Báo chẳng thể nghĩ bàn”

Đức Phật bảo A Nan: “Quả báo của thân ông cũng chẳng thể nghĩ bàn, Nghiệp Báo của chúng sinh cũng chẳng thể nghĩ bàn, Thánh Lực của chư Phật cũng chẳng thể nghĩ bàn. Cõi nước Phật ấy tuy không có biển lớn nhưng có suối, sông, chốn chốn giao lưu. Nước của suối sông ấy hoặc rộng mười do tuần, hai mươi do tuần, ba mươi do tuần cho đến trăm ngàn do tuần… sâu mười hai do tuần. Nước ấy trong sạch, có đủ tám Công Đức, phát ra tiếng vi diệu ví như tiếng của trăm ngàn vạn loại âm nhạc tràn khắp các cõi Phật, tất cả chúng sinh nghe thấy đều ưa thích, được đại khoái lạc.

Lại hai bên bờ nước ấy lại có vô số cây Chiên Đàn Hương, cây Cát Tường Quả, hoa cỏ luôn thơm tho, tỏa quang minh chiếu sáng. Nếu chúng sinh ấy đi qua nước này thời yêu cầu nước cao đến bàn chân, yêu cầu nước cao đến đầu gối cho đến yêu cầu nước cao đến cổ, hoặc yêu cầu nước mát lạnh, nước ấm áp, nước tuôn chảy gấp rút, nước tuôn chảy thong thả…thì nước ấy mỗi mỗi tùy theo ý của chúng sinh, khiến nhận được khoái lạc

Lại ở trong nước phát ra mọi loại tiếng (thanh:Śabda) như: Tiếng Phật (Buddha-śabda), tiếng Pháp (Dharma-śabda), tiếng Tăng (Saṃgha-śabda), tiếng ngưng nghỉ (chỉ tức thanh:Māveṇika-śabda), tiếng không có Tính (vô tính thanh), tiếng Ba La Mật (Pāramitā-śabda), tiếng Lực (Bala-śabda), tiếng không có sợ hãi (Vô úy thanh:Abhaya-śabda), tiếng thông đạt (Vaiśarādya-śabda), tiếng không có lưu chuyển biến đổi (vô hành thanh: Asaṃskāra-śabda), tiếng không có sinh (Anutpāda-śabda), tiếng không có diệt (Nirodha-śabda), tiếng vắng lặng (tịch tĩnh thanh:Śānta-śabda), tiếng Đại Từ (Mahā-maitrī-śabda), tiếng Đại Bi (Mahā-kāruṇa-śabda), tiếng Hỷ Xả (Mudita-upekṣa-śabda), tiếng Quán Đỉnh (Abhiṣeka-śabda)…

Lại cõi Phật ấy, người sinh trong cõi đó chẳng nghe tiếng Địa Ngục, tiếng quỷ đói, tiếng súc sinh, tiếng Dạ Xoa, tiếng đấu tranh, tiếng miệng nói ác (Ác khẩu thanh), tiếng hai lưỡi, tiếng sát sinh, tiếng trộm cắp, tất cả tiếng ác. Chúng sinh ấy có sắc tướng đoan nghiêm, Phước Đức vô lượng, Trí Tuệ hiểu thấu, Thần Thông tự tại, cung điện, lầu gác, vườn, rừng, ao hồ, quần áo, vật dùng để nằm…như vật dụng tối thượng của Tha Hóa Tự Tại Thiên (Paranirmita-vaśa-vartino-deva), tất cả được đầy đủ.

Lại nữa A Nan! Chúng sinh của cõi ấy nghĩ đến nhóm hương hoa, muốn cúng chư Phật. Lúc tác niệm đó thời hoa, hương, Anh Lạc, hương xoa bôi, hương bột, phướng, phan, dù lọng với các kỹ nhạc…tùy theo ý liền đến, tràn đầy trong cõi Phật.

Nếu nghĩ đến nhóm thức ăn uống, thuốc thang, quần áo, vật dùng để nằm, mão đội đầu, vòng đeo tai, trân châu, lưới mành…thì tùy theo niệm liền đến, cũng đầy khắp cõi Phật.

Lại nữa, nghĩ đến nhóm báu Ma Ni trang nghiêm cung điện, lầu gác, gian phòng chính giữa nhà, mái hiên, buồng, cửa…hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc cao hoặc thấp. Khi niệm như vậy thời tùy theo ý hiện ra trước mặt, không có gì không đầy đủ.

_Lại nữa A Nan! Ví như có người có ít tài bảo, đối với vị vua Sát Đế Lợi đã nhận địa vị Quán Đỉnh (Rājñaścakravartin) thì hết thảy uy thế thảy đều chẳng hiện.

Lại Sát Đế Lợi đối trước mặt Thiên Đế Thích (Śakra-devānām-indra) thì hết thảy uy thế thảy đều chẳng hiện

Lại Thiên Đế Thích đối trước mặt Tha Hóa Tự Tại Thiên (Paranirmita-vaśa-vartino-deva) thì hết thảy uy thế thảy đều chẳng hiện

Lại tất cả uy thế của Tha Hóa Tự Tại Thiên với cõi Sắc (Rūpa-dhātu), Vô Sắc (Arūpa-dhātu) đối trước cõi nước Cực Lạc (Sukhāvatī) của Đức Vô Lượng Thọ Như Lai (Amitāyus-tathāgata) thảy đều chẳng hiện. Như vậy cõi đó có Công Đức trang nghiêm chẳng thể nghĩ bàn.

_Lại nữa A Nan! Cõi nước Phật ấy, mỗi khi ăn thời gió thơm tự khởi, thổi động cây báu, cây cùng đụng chạm nhau phát ra âm thanh vi diệu, diễn nói Khổ (Duḥkha), Không (Śūnya), Vô Thường (Anitya), Vô Ngã (Anātman), các Ba La Mật (Pāramitā). Lại thổi hoa của cây rơi xuống ở trên mặt đất, vòng khắp cõi Phật, cao khoảng bằng bảy người, bằng phẳng trang nghiêm, mềm mại, sáng tinh khiết. Hành Nhân đi lại, bàn chân bước vào đất ấy sâu bốn ngón tay như Ca Lân Na (kācilindika) tiếp chạm thân an vui. Sau khi qua giờ ăn thời các hoa báu ẩn vào lòng đất chẳng hiện, trải qua phút chốc lại có gió sinh, thổi cây rơi hoa bày trên mặt đất, như trước không khác. Đầu đêm sau đêm cũng lại như vậy

_Lại nữa A Nan! Cõi nước Phật ấy không có tối đen như thế, không có Tinh (Nakṣatra:sao Tú) Diệu (Graha:sao Diệu) như thế, không có mặt trời (Sūrya) mặt trăng (Candra) như thế, không có ngày đêm như thế, không có lấy bỏ như thế, không có phân biệt như thế… thuần nhất không có tạp, chỉ thọ nhận sự trong sạch, khoái lạc tối thượng

Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện hoặc đã sinh hoặc sẽ sinh thời người đó quyết định chứng A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề. Ý ông thế nào? Trong cõi Phật ấy không có ba thứ bị mất. Một là Tâm không có hư vọng, hai là địa vị không có thoái chuyển, ba là tốt lành không có hư mất.

_Lại nữa A Nan! Phương Đông có chư Phật Như Lai của hằng hà sa số Thế Giới, hiện ra tướng lưỡi rộng dài, phóng vô lượng ánh sáng, nói lời thành thật, khen ngợi Công Đức chẳng thể nghĩ bàn của Đức Phật Vô Lượng Thọ.

Phương Nam cũng có chư Phật Như Lai của hằng hà sa số Thế Giới, hiện ra tướng lưỡi rộng dài, phóng vô lượng ánh sáng, nói lời thành thật, khen ngợi Công Đức chẳng thể nghĩ bàn của Đức Phật Vô Lượng Thọ.

Phương Tây cũng có chư Phật Như Lai của hằng hà sa số Thế Giới, hiện ra tướng lưỡi rộng dài, phóng vô lượng ánh sáng, nói lời thành thật, khen ngợi Công Đức chẳng thể nghĩ bàn của Đức Phật Vô Lượng Thọ.

Phương Bắc cũng có chư Phật Như Lai của hằng hà sa số Thế Giới, hiện ra tướng lưỡi rộng dài, phóng vô lượng ánh sáng, nói lời thành thật, khen ngợi Công Đức chẳng thể nghĩ bàn của Đức Phật Vô Lượng Thọ.

Như vậy, bốn phương bàng, phương trên, phương dưới…chư Phật Như Lai của hằng hà sa số Thế Giới, hiện ra tướng lưỡi rộng dài, phóng vô lượng ánh sáng, nói lời thành thật, khen ngợi Công Đức chẳng thể nghĩ bàn của Đức Phật Vô Lượng Thọ.

_Này A Nan! Ý ông thế nào? Muốn khiến chúng sinh nghe tên của Đức Phật ấy, phát ra tiếng, tịnh tâm nhớ nghĩ, thọ trì, quy y, cúng dường cầu sinh về cõi ấy. Người đó mệnh chung đều được sinh về Thế Giới Cực Lạc, chẳng thoái chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

Lại nữa A Nan! Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện nghe Kinh Điển này rồi thọ trì, đọc tụng, viết chép, cúng dường, ngày đêm liên tục cầu sinh về nước ấy. Khi người đó lâm chung thời Đức Vô Lượng Thọ Như Lai cùng với các Thánh Chúng hiện ngay trước mặt kẻ ấy, trải qua phút chốc, liền được sinh về Thế Giới Cực Lạc, chẳng thoái chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

Lại nữa A Nan! Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện phát Tâm Bồ Đề xong, trì Cấm Giới giữ gìn bền chắc chẳng phạm, nhiêu ích hữu tình, căn lành đã làm đều ban cho hết khiến được an vui, nhớ nghĩ Đức Vô Lượng Thọ Như Lai với cõi nước của Ngài ở phương Tây. Người đó mệnh chung như sắc tướng của Đức Phật với mọi loại trang nghiêm sinh trong cõi nước báu, có Hiền Thánh vây quanh, mau được nghe Pháp, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Lại nữa A Nan! Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện phát mười loại Tâm. Ấy là:

1_ Chẳng trộm cắp (Adattādānādvirati)
2_ Chẳng sát sinh (Pāṇātipātā-paṭivirati)
3_ Chẳng dâm dục (Kāmamthyācārādvirati)
4_ Chẳng nói dối (Mṛṣāvādātvirati)
5_ Chẳng nói thêu dệt (Saṃbinnapralāpātprativirati)
6_ Chẳng nói ác (Pāruṣyātprativirati)
7_ Chẳng nói hai lưỡi (Paisunyātvirati)
8_ Chẳng tham lam (Abhidhyāyāḥ-prativirati)
9_ Chẳng giận dữ (Vyāpādātprativirati)
10_ Chẳng si mê (Mithyādṛṣṭi-prativirati : chẳng Tà Kiến. Không có những ý niệm, kiến giải sai lầm)

Như vậy ngày đêm suy nghĩ về Thế Giới Cực Lạc, Đức Phật Vô Lượng Thọ, mọi loại Công Đức, mọi loại trang nghiêm…chí tâm đỉnh lễ, cúng dường. Người đó lâm chung, chẳng sợ hãi, tâm chẳng điên đảo liền được sinh về cõi nước Phật ấy, có vô lượng vô số các Phật Thế Tôn khen ngợi Công Đức, danh hiệu của Đức Phật Vô Lượng Thọ. Nghe Pháp đó xong, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM
QUYỂN TRUNG (Hết)

PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM _QUYỂN HẠ_

Hán dịch : Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tạng_ Triều Tán Đại Phu Thí Quang Lộc Khanh_ Minh Giáo Đại Sư (Kẻ bầy tôi là) PHÁP HIỀN phụng chiếu dịch
Việt dịch : HUYỀN THANH

Lại nữa A Nan! Hằng hà sa số cõi Phật ở phương Đông, trong mỗi một cõi có vô lượng vô số Bồ Tát Ma Ha Tát với vô lượng vô số chúng Thanh Văn đem các hương, hoa, phướng, phan, lọng báu…cầm giữ dùng cúng dường Đức Phật Vô Lượng Thọ ở Thế Giới Cực Lạc.

Hằng hà sa số cõi Phật ở phương Nam, trong mỗi một cõi cũng có vô lượng vô số Bồ Tát Ma Ha Tát với vô lượng vô số chúng Thanh Văn đem các hương, hoa, phướng, phan, lọng báu…cầm giữ dùng cúng dường Đức Phật Vô Lượng Thọ ở Thế Giới Cực Lạc.

Hằng hà sa số cõi Phật ở phương Tây, trong mỗi một cõi cũng có vô lượng vô số Bồ Tát Ma Ha Tát với vô lượng vô số chúng Thanh Văn đem các hương, hoa, phướng, phan, lọng báu…cầm giữ dùng cúng dường Đức Phật Vô Lượng Thọ ở Thế Giới Cực Lạc.

Hằng hà sa số cõi Phật ở phương Bắc, trong mỗi một cõi cũng có vô lượng vô số Bồ Tát Ma Ha Tát với vô lượng vô số chúng Thanh Văn đem các hương, hoa, phướng, phan, lọng báu…cầm giữ dùng cúng dường Đức Phật Vô Lượng Thọ ở Thế Giới Cực Lạc.

Bốn phương bàng, phương trên, phương dưới cũng lại như vậy, đều lễ bàn chân của Đức Phật xong, khen ngợi Công Đức trang nghiêm của cõi Phật

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói Tụng rằng:
_Phương Đông: hằng hà sa Thế Giới
Trong mỗi một cõi có vô số
Bồ Tát, Thanh Văn phát Thắng Tâm
Đều đem nhóm hương hoa, lọng báu…
Cầm đến trong cõi Phật trang nghiêm
Cúng dường Như Lai **Vô Lượng Thọ**
Cúng xong, lễ chân Phật, khen ngợi
Ruộng Phước lớn tối thượng hiếm có.
_Như vậy Tây, Nam với phương Bắc
Bốn góc, trên, dưới hằng sa cõi
Số Thanh Văn, Bồ Tát cũng thế
Đều dùng hương hoa bày cúng dường
Lễ chân, nhiễu quanh, ôm Kính Ái
Lại khen Như Lai: **Túc Nguyện** (Nguyện trong đời trước) sâu
Gom chứa Công Đức, trang nghiêm khắp
Vô lượng vô biên nước Cực Lạc
_Các cõi nước Phật tuy nghiêm sức
Khó sánh cõi báu của Như Lai
Lại dùng hoa Trời cúng dường Phật
Hoa giăn trong Không, làm dù lọng

Cao rộng khoảng bằng trăm do tuần
Sắc tướng trang nghiêm không gì sánh
Tràn khắp cõi báu của Như Lai
Trợ nhau chúc mừng, sinh vui vẻ
Từng ở trăm ngàn kiếp quá khứ
Gom chứa vô lượng mọi căn lành
Buông thân ba Hữu (3 cõi) trong luân hồi
Khiến đến cõi thanh tịnh giải thoát
_Bấy giờ Đức Phật Vô Lượng Thọ
Hóa Đạo phương khác, Tâm Bồ Tát
Ngầm dùng Thần Thông hóa đại quang (ánh sáng to lớn)
Ánh sáng từ diện môn tuôn ra
Ba mươi sáu ức na do tha
Chiếu khắp câu chi ngàn cõi Phật
Như vậy Người, Trời…chiếu khắp xong
Liền vào trong đỉnh kế Như Lai
_Thời tất cả chúng sinh trong Hội
Kính khen **Phật Quang** chưa từng có
Mỗi mỗi đều phát Tâm Bồ Đề
Nguyện rời trần lao, lên bờ kia (bờ giải thoát)

Khi ấy Đức Thế Tôn nói Kệ này xong thời trong Hội có Bồ Tát **Quán Tự Tại** (Avalokiteśvara) liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay hướng về Đức Phật, rồi nói lời này: "Thế Tôn! Do nhân duyên nào mà ở diện môn của Đức Phật Vô Lượng Thọ phóng ra vô lượng ánh sáng chiếu các cõi Phật? Nguyện xin Đức Thế Tôn phương tiện giải nói, khiến cho các chúng sinh với Bồ Tát của phương khác, nghe lời đó xong, sinh tâm hiếm có nơi Phật Bồ Đề, chí vui hướng cầu vào địa vị **Bất Thoái**"

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Bồ Tát Quán Tự Tại rằng: " Nay ông hãy lắng nghe! Ta sẽ vì ông nói. Đức Phật Như Lai ấy, trước kia ở vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp quá khứ, khi còn làm Bồ Tát thời phát lời Thề lớn rằng: ***"Khi Ta ở đời vị lai, thành Chính Giác thời, nếu có vô lượng chúng sinh trong mười phương Thế Giới, nghe danh hiệu của Ta, hoặc đỉnh lễ nghĩ nhớ, hoặc khen ngợi quy y, hoặc dùng nhóm hương hoa cúng dường thì chúng sinh như vậy mau sinh về nước của Ta, thấy ánh sáng này liền được giải thoát. Nếu các Bồ Tát thấy ánh sáng này, liền được Thọ Ký, chứng địa vị Bất Thoái. Tay cầm hương hoa với các vật cúng đi đến vô biên cõi Tịnh ở mười phương Thế Giới, cúng dường chư Phật rồi làm việc Phật, tăng ích Công Đức. Trải qua phút chốc lại quay về cõi của mình, thọ nhận các khoái lạc"***

Chính vì thế cho nên, ánh sáng lại nhập vào đỉnh đầu của Đức Phật.

Lại nữa A Nan! Hết thảy cây Bồ Đề (Bodhi-vṛkṣa) của Đức **Vô Lượng Thọ** Phật Ứng Chính Đẳng Giác, cao một ngàn sáu trăm do tuần, cành lá bốn bên tỏa rộng tám trăm do tuần, rễ cắm sâu vào lòng đất năm trăm do tuần, hoa quả xum xuê tươi tốt, tạo màu sắc của vô lượng trăm ngàn trân bảo. Ở trên cây ấy lại dùng báu Nguyệt Quang Ma Ni (Candra-bhāsa-maṇi-ratna), báu Đế Thích Ma Ni (Śakrābhilagna-maṇi-ratna), báu Như Ý Ma Ni (Cintāmaṇi-ratna), báu Trì Hải Ma Ni (Sāgara-vara-maṇi-ratna), báu Đại Lục (), báu Sa Tất Đế Ca (Sphaṭika-ratna), Ái Bảo anh lạc (Ratna-hāra), Đại Lục Bảo Anh Lạc (), Hồng trân châu anh lạc (Lohita-muktā-hāra), Thanh trân châu anh lạc (Nīla-muktā-hāra) với vàng, bạc, lưới báu… mọi loại trang nghiêm

Lại nữa A Nan! Vào mỗi buổi sáng thời gió thơm tự khởi, thổi cây báu này, cây va chạm lẫn nhau phát ra âm thanh vi diệu. Tiếng ấy vang khắp vô lượng Thế Giới, chúng sinh nghe được, không có bệnh về lỗ tai cho đến thành tựu A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

Nếu có chúng sinh nhìn thấy cây này cho đến thành Phật, ở khoảng giữa ấy, chẳng sinh bệnh về mắt.

Nếu có chúng sinh ngửi được mùi thơm của cây này cho đến thành Phật, ở khoảng giữa ấy, chẳng sinh bệnh về mũi.

Nếu có chúng sinh ăn quả của cây này cho đến thành Phật, ở khoảng giữa ấy, lưỡi cũng không có bệnh.

Nếu có chúng sinh được ánh sáng của cây này chiếu chạm, cho đến thành Phật, ở khoảng giữa ấy, thân cũng không có bệnh.

Nếu có chúng sinh quán tưởng cây này cho đến thành Phật, ở khoảng giữa ấy, tâm được trong sạch, xa lìa bệnh phiền não thuộc nhóm Tham.

Đức Phật bảo A Nan: "Như vậy hoa quả cây cối của cõi Phật ấy cho các chúng sinh để làm việc Phật, đều là nơi nhiếp thọ thuộc Đại Nguyện quá khứ của Đức Phật ấy.

Lại nữa A Nan! Trong cõi Phật ấy, hết thảy đời hiện tại với vị lai, tất cả Bồ Tát Ma Ha Tát, một đời khiến được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề. Nếu có Bồ Tát do Nguyện đời trước cho nên đi vào cõi sinh tử, tác tiếng rống của sư tử (Siṃha-nāda) lợi ích hữu tình thì Ta khiến cho tùy theo ý mà làm việc Phật.

Lại nữa A Nan! Trong cõi Phật ấy, tất cả Bồ Tát với các Thanh Văn đều có thân tướng đoan nghiêm, hào quang tròn trịa sáng rực, xoay vòng chiếu sáng trăm ngàn do tuần. Có hai vị Bồ Tát có ánh sáng của thân chiếu xa đến ba ngàn Đại Thiên Thế Giới"

A Nan bạch rằng: "Hai vị Bồ Tát có ánh sáng của thân to lớn này, có tên gọi thế nào?"

Đức Phật bảo A Nan: "Hai bị Bồ Tát, vị thứ nhất tên là **Quán Tự Tại** (Avalokiteśvara), vị thứ hai tên là **Đại Tinh Tiến** (Mahā-sthāmaprāpta:**Đắc Đại Thế**, hay **Đại Thế Chí**). Hiện cư ngụ tại cõi này làm lợi lạc lớn, sau khi mệnh chung sẽ sinh vào nước ấy.

Lại nữa A Nan! Trong cõi Phật ấy, tất cả Bồ Tát có dung mạo nhu hòa, đầy đủ tướng tốt, Thiền Định Trí Tuệ thông đạt không có ngăn ngại, Thần Thông Uy Đức không có gì chẳng viên mãn, vào sâu Pháp Môn được **Vô Sinh Nhẫn**, thấu tỏ cứu cánh Bí Tạng của chư Phật, điều phục các Căn, thân tâm mềm mại, an trụ **Tịch Tĩnh Đại Thừa Niết Bàn**, vào sâu Chính Tuệ, không có học lại điều khác, y theo chỗ hành của Phật là **bảy Giác Thánh Đạo**, tu hành năm loại mắt, chiếu **Chân** đạt **Tục**, biện tài tổng trì tự tại không ngại, khéo hiểu vô biên phương tiện của Thế Gian, nói năng thành thật, vào sâu **Nghĩa Vị**, độ các hữu tình diễn nói Chính Pháp, ba cõi bình đẳng lìa các phân biệt, không có tướng (vô tướng), không có hành động tạo ứng (vô vi), không có Nhân, không có Quả, không có lấy, không có bỏ, không có cột trói, không có mở thoát, xa lìa điên đảo, bền chắc chẳng động như núi Tu Di, Trí Tuệ sáng tỏ như ánh sáng của mặt trời mặt trăng, rộng lớn như biển tuôn ra báu Công Đức, sáng rực như lửa thiêu đốt củi phiền não, nhẫn nhục như đất tất cả bình đẳng, trong sạch như nước tẩy rửa các bụi dơ.

Như hư không vô biên, chẳng che lấp tất cả. Như hoa sen rời khỏi nước, lìa tất cả nhiễm. Như tiếng dội lại của sấm sét, phát ra Pháp Âm. Như mây kéo mù mịt, tuôn cơn mưa Pháp. Như gió lay động cây, phát ra mầm giống Bồ Đề. Như tiếng của vua bò (ngưu vương) khác với mọi con bò. Như uy của rồng voi (long tượng), khó thể đo lường được. Như ngựa thuần tốt, chuyên chở không có mất mát. Như sư tử ngồi, lìa sự sợ hãi. Như cây **Ni Câu** che rợp hết thảy. Như núi Tu Di, tám gió chẳng động. Như

chày Kim Cương phá núi tà bậy. Như thân Phạm Vương sinh ra Phạm Chúng. Như Kim Xí Điểu ăn nuốt rồng độc. Như chim trong hư không, không có chỗ trụ. Như **Từ Thị** (Maitre) quán nhóm Pháp Giới (Dharma-dhātu).

Bồ Tát như vậy đầy khắp cõi Phật, thổi loa Pháp, dựng phướng Pháp, đánh trống Pháp, thắp đèn Pháp, lìa lỗi lầm, trong sạch, không mê, không mất. Trong bàn tay sinh ra Hoa Man, Anh Lạc, hương xoa bôi, hương bột, tất cả vật cúng…cầm giữ đi đến trăm ngàn câu chi na do tha cõi Phật, cúng dường chư Phật.

Lại ở trong bàn tay, riêng hiện ra hoa báu rải trong hư không hóa thành cái lọng báu rộng mười do tuần, hoặc hai mươi do tuần cho đến trăm ngàn do tuần tràn khắp các cõi Phật, trải qua phút chốc, quay lại nước của mình, không yêu không dính, không lấy không bỏ, thân tâm vắng lặng".

Đức Phật bảo A Nan: "Các Bồ Tát này không có ở chốn năm Trược thuộc cõi của Ta, trải qua ngàn câu chi kiếp, nói chẳng thể hết"

Đức Phật bảo A Nan: "Nay cõi này của Ta, hết thảy Bồ Tát Ma Ha Tát đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, gieo trồng mọi gốc Đức, sau khi mệnh chung đều được sinh ở Thế Giới Cực Lạc.

Này A Nan! Ông hãy đứng dậy, chắp tay hướng mặt về phương Tây mà đảnh lễ"

Khi ấy A Nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay hướng mặt về phương Tây. Trong khoảng đảnh lễ, đột nhiên nhìn thấy dung nhan của Đức Phật Vô Lượng Thọ ở Thế Giới Cực Lạc với sắc tướng rộng lớn, đoan nghiêm như núi vàng ròng. Lại nghe chư Phật Như Lai ở mười phương Thế Giới xưng dương khen ngợi mọi loại Công Đức của Đức Phật Vô Lượng Thọ.

A Nan bạch rằng: "Cõi Tịnh của Đức Phật đó được điều chưa từng có. Con cũng vui nguyện sinh về cõi ấy"

Đức Thế Tôn bảo rằng: "Người sinh trong đó là Bồ Tát Ma Ha Tát đã từng gần gũi cúng dường vô lượng chư Phật, gieo trồng mọi gốc Đức. Ông muốn sinh về cõi ấy, cần phải một lòng quy y, chiêm ngưỡng".

Nói lời đó xong thời ở trong lòng bàn tay của Đức Phật Vô Lượng Thọ, phóng ra vô lượng ánh sáng chiếu trăm ngàn câu chi na do tha cõi Phật ở phương Đông. Ở Thế Giới này, hết thảy núi đen (Hắc sơn:Kāla-parvata), núi Tuyết (Hīmalāya), núi vàng (Suvarṇa-parvata), núi báu (Ratna-parvata), núi Mục Chân Lân Đà (Mucilinda-parvata), núi Ma Ha Mục Chân Lân Đà (Mahā-muculinda-parvata), núi Tu Di (Sumeru-parvata), núi Thiết Vi (Cakra-vāla-parvata), núi Đại Thiết Vi (Mahā-cakra-vāla-parvata), biển lớn, sông lớn, sông nhỏ, rừng rậm, cây cối với cung điện của Người, Trời…tất cả cảnh giới không có gì chẳng chiếu thấy, ví như mặt trời tỏa ra ánh sáng soi chiếu Thế Gian cũng lại như vậy.

Khi ấy trong Hội: Bật Sô (Bhikṣu), Bật Sô Ni (Bhikṣuṇi), Ưu Bà Tắc (Upāsaka), Ưu Bà Di (Upāsika), Trời (Deva), Rồng (Nāga), Dược Xoa (Yakṣa), Càn Thát Bà (Gandharva), A Tu La (Asura), Ca Lâu La (Garuḍa), Khẩn Na La (Kiṃnara), Ma Hầu La Già (Mahoraga), Người (Manuṣya), Phi Nhân (Amanuṣya)… đều nhìn thấy mọi thứ trang nghiêm của Thế Giới Cực Lạc và nhìn thấy Đức Như Lai Vô Lượng Thọ với Thanh Văn, Bồ Tát vây quanh cung kính, ví như Tu Di Sơn Vương (Sumeru-parvata-rāja) vươn ra từ biển lớn.

Lúc đó, Thế Giới Cực Lạc vượt qua trăm ngàn câu chi na do tha nước ở phương Tây, do uy lực của Đức Phật như đối trước mắt. Lại nhìn thấy cõi ấy trong sạch, bằng

phẳng ví như mặt biển, không có gò, đống, núi, dốc cao, cỏ, cây tạp uế….mà chỉ là mọi báu trang nghiêm, Thánh Hiền cùng trụ.

Lại nữa A Nan! Lại Đức Phật Vô Lượng Thọ ấy cùng với các chúng Bồ Tát, Thanh Văn cũng đều được thấy thân của Ta với chúng Bồ Tát, Thanh Văn, Người, Trời của Thế Giới Sa Bà"

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Từ Thị Bồ Tát rằng: "Ông có nhìn thấy Công Đức trang nghiêm(Guṇālaṃkāra-vyūha), cung điện, lầu gác, vườn, rừng, đài, quán, sông, suối, ao tắm của Thế Giới Cực Lạc chưa?

Này Từ Thị! Ông có nhìn thấy chư Thiên cõi Dục, bên trên đến Trời Sắc Cứu Cánh (Kaniṣṭha) tuôn mưa mọi loại hương hoa tràn khắp cõi Phật làm trang nghiêm chưa?

Ông có nhìn thấy chúng Bồ Tát, Thanh Văn Tịnh Hạnh…tạo làm tiếng Phật (Buddhasvara), diễn nói Diệu Pháp, tất cả cõi Phật đều được nghe tiếng, được lợi lạc chưa?

Ông có nhìn thấy trăm ngàn câu chi chúng sinh dạo ở hư không mà cung điện tùy theo thân chưa?"

Từ Thị Bồ Tát bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Như điều đức Phật đã nói, mỗi mỗi con đều nhìn thấy"

Từ Thị bạch rằng: "Vì sao cõi này có một loại chúng sinh, tuy cũng tu Thiện mà chẳng cầu sinh?"

Đức Phật bảo Từ Thị: "Chúng sinh của nhóm này có Trí Tuệ kém cỏi, phân biệt phương Tây chẳng thể bằng cõi Trời, vì thế chẳng ưa thích cầu sinh về cõi ấy"

Từ Thị bạch rằng: "Chúng sinh của nhóm này hư vọng phân biệt, chẳng cầu cõi Phật thì làm sao miễn được Luân Hồi?!..."

Đức Phật hỏi Từ Thị: "Trong nước Cực Lạc có **thai sinh** (Jarāyuja: sinh trong bào thai) chăng?"

Từ Thị bạch rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Chẳng hề có. Người sinh trong cõi ấy ví như chư Thiên cõi Dục ở cung điện rộng năm trăm do tuần, tự tại du hý thì làm sao mà có **Thai Sinh.** Thế Tôn! Chúng sinh của cõi này do Nhân nào, Duyên nào mà sinh ở trong **Thai** (Garbha)?"

Đức Phật bảo Từ Thị: "Chúng sinh của nhóm này đã gieo trồng căn lành nhưng chẳng thể lìa tướng, chẳng cầu Phật Tuệ, vọng sinh phân biệt, nhiễm sâu niềm vui của đời, Phước Báo của cõi người cho nên sinh trong thai.

Nếu có chúng sinh dùng Trí Tuệ không có tướng gieo trồng mọi gốc Đức, thân tâm trong sạch, xa lìa phân biệt, cầu sinh về cõi Tịnh, hướng đến Phật Bồ Đề. Người đó mệnh chung, trong khoảng sát na ở cõi thanh tịnh của Phật, ngồi trên hoa sen báu, đầy đủ thân tướng…thì làm sao có việc sinh trong thai.

Này Từ Thị! Ông thấy người ngu si chẳng gieo trồng căn lành, chỉ dùng **Thế Trí Thông Biện** vọng sinh phân biệt, tăng thêm Tà Dâm thì làm sao ra khỏi nạn lớn Sinh Tử!

Lại có chúng sinh tuy gieo trồng căn lành, cúng dường Tam Bảo, làm ruộng Phước lớn nhưng lại chấp giữ tướng phân biệt, Tình chấp sâu nặng. Cầu ra khỏi luân hồi, cuối cùng chẳng thể được".

Đức Phật bảo Từ Thị: " Ví như vị vua Sát Đế Lợi đã nhận địa vị Quán Đỉnh làm một cái ngục lớn, ở trong ngục ấy an trí điện, gian nhà chính giữa, lầu gác, lan can hình móc câu, cửa sổ, giường, phản, vật dụng để ngồi đều dùng trân bảo nghiêm sức. Quần áo, thức ăn uống cần thiết, không có gì không dư thừa. Bấy giờ Quán Đỉnh Vương xua

đuổi Thái Tử, giam nhốt trong ngục, lại cho tiền tài, châu báu, lưới, vòng, quạt lụa, tơ lụa…tùy ý thọ dụng”

Đức Phật bảo Từ Thị: “Ý ông thế nào? Vị Thái Tử ấy được khoái lạc chăng?”

Từ Thị thưa rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Chẳng thể vui được. Trong ấy tuy có gian nhà giữa, điện, lầu gác, thức ăn uống, quần áo, tiền, lụa, vàng, báu…tùy ý thọ dụng. Nhưng thân bị giam trong lao ngục nên tâm chẳng thể tự tại, chỉ cầu được ra khỏi”

Đức Phật hỏi Từ Thị: “Nếu Quán Đỉnh Vương chẳng bỏ qua lỗi lầm ấy thì các hàng Đại Thần, Trưởng Gia, Cư Sĩ của vị vua ấy có thể khiến cho Thái Tử được miễn ngục cấm chăng?”

Từ Thị bạch rằng: “Vua đã chẳng tha thì làm sao được ra”

Đức Phật nói: “Như vậy! Như vậy! Các chúng sinh ấy tuy đã tu Phước, cúng dường Tam Bảo nhưng lại hư vọng phân biệt, cầu quả Người Trời. Khi được quả báo thời đã ở Khí Giới (thế giới vật chất), cung điện, lầu gác, quần áo, vật nằm nghỉ, thức ăn uống, thuốc thang, tất cả vật cần dùng thảy đều đầy đủ, nên chưa thể ra khỏi ngục trong ba cõi, thường ở chốn luân hồi, chẳng được tự tại. Giả sử cha mẹ, vợ con, quyến thuộc nam nữ muốn cứu giúp miễn trừ thì cuối cùng chẳng thể ra khỏi nghiệp Tà Kiến. Vua không thể buông lìa.

Nếu các chúng sinh chặt đứt vọng phân biệt, gieo trồng các gốc lành, không có tướng, không có dính mắc sẽ sinh về cõi Phật, vĩnh viễn được giải thoát.

Từ Thị Bồ Tát bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Nay Thế Giới Sa Bà này với các cõi Phật, có bao nhiêu Bồ Tát Ma Ha Tát được sinh về Thế Giới Cực Lạc, nhìn thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ, thành tựu A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề?”

Đức Phật bảo Từ Thị: “Thế Giới Sa Bà (Sāha-loka-dhātu) này của Ta có 72 câu chi na do tha Bồ Tát Ma Ha Tát đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, gieo trồng mọi gốc Đức, sẽ sinh về nước ấy, gần gũi cúng dường Đức Phật Vô Lượng Thọ, thành tựu A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

Lại nữa A Nan! Cõi Phật **Nan Nhẫn** (Duṣprasaha) có 80 câu chi na do tha Bồ Tát Ma Ha Tát sinh về cõi nước ấy

Cõi Phật **Bảo Tạng** (Ratnākara) có 90 câu chi na do tha Bồ Tát Ma Ha Tát sinh về cõi nước ấy

Cõi Phật **Hỏa Quang** (Jyotiṣprabha) có 22 câu chi na do tha Bồ Tát Ma Ha Tát sinh về cõi nước ấy

Cõi Phật **Vô Lượng Quang** (Amita-prabha) có 25 câu chi na do tha Bồ Tát Ma Ha Tát sinh về cõi nước ấy

Cõi Phật **Thế Đăng** (Lokapradīpa) có 60 câu chi na do tha Bồ Tát Ma Ha Tát sinh về cõi nước ấy

Cõi Phật **Long Thọ** (Nāgābhibhuva) có 1400 Bồ Tát Ma Ha Tát sinh về cõi nước ấy

Cõi Phật **Vô Cấu Quang** (Viraja-prabha) có 25 câu chi na do tha Bồ Tát Ma Ha Tát sinh về cõi nước ấy

Cõi Phật **Sư Tử** (Siṃha) có 1800 Bồ Tát Ma Ha Tát sinh về cõi nước ấy

Cõi Phật **Cát Tường Phong** (Śrī-kuṭa) có 2100 câu chi na do tha Bồ Tát Ma Ha Tát sinh về cõi nước ấy

Cõi Phật **Nhân Vương** (Narendra-rāja) có 1000 câu chi na do tha Bồ Tát Ma Ha Tát sinh về cõi nước ấy

Cõi Phật **Hoa Tràng** (Puṣpa-dhvaja) có một câu chi Bồ Tát Ma Ha Tát sinh về cõi nước ấy

Cõi Phật **Quang Minh Vương** (Jvalādhipati) có 12 câu chi Bồ Tát Ma Ha Tát sinh về cõi nước ấy

Cõi Phật **Đắc Vô Úy** (Vaiśāradya-prāpta) có 69 câu chi na do tha Bồ Tát Ma Ha Tát sinh về cõi nước ấy, thảy đều gần gũi cúng dường Đức Phật Vô Lượng Thọ, chẳng lâu sẽ thành A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề".

Đức Phật bảo Từ Thị: "Công Đức trang nghiêm cõi nước Cực Lạc như vậy, mãn vô lượng kiếp tính đếm vẫn chẳng thể nói hết. Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện được nghe danh hiệu của Đức Phật Vô Lượng Thọ, phát một niệm Tín Tâm, quy y, chiêm lễ.Nên biết người này chẳng phải là Tiểu Thừa (Hīna-yāna), ở trong Pháp của Ta được tên gọi là **Đệ Tử bậc nhất**"

Đức Phật bảo Từ Thị: "Nếu có Bật Sô, Bật Sô Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, Trời, Rồng, Dược Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lâu La, Ma Hầu La Già, Người, Phi NHân…đối với Kinh Điển này, viết chép, cúng dường, thọ trì, đọc tụng, vì người khác diễn nói cho đến ở một ngày đêm suy nghĩ cõi ấy với Công Đức của thân Phật. Khi người này mệnh chung sẽ mau được sinh về cõi ấy, thành tựu A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

Lại nữa Từ Thị! Nay Kinh Điển này thâm sâu vi diệu, rộng lợi chúng sinh. Nếu có chúng sinh đối với Chính Pháp này, thọ trì, đọc tụng, viết chép, cúng dường. Khi người ấy lâm chung, giả sử lửa lớn tràn đầy trong ba ngàn Đại Thiên Thế Giới cũng hay vượt qua để sinh về cõi nước ấy. Người đó đã từng gặp Đức Phật quá khứ, nhận **Bồ Đề Ký,** là nơi mà tất cả Như Lai cùng nhau khen ngợi, tùy ý thành tựu Vô Thượng Bồ Đề (Anuttara-samyaksaṃbodhi)"

Đức Phật bảo Từ Thị: "Khó gặp Phật ra đời, khó nghe Chính Pháp, chỗ hành của Như Lai cũng nên tùy hành. Đối với Kinh Điển này làm bậc đại thủ hộ, vì các hữu tình, đêm dài lợi ích, đừng để cho chúng sinh bị đọa trong ngục trang nghiêm tại năm nẻo. Nên khiến cho các hữu tình gieo trồng tu Phước Thiện, cầu sinh về cõi Tịnh"

Khi ấy Đức Thế Tôn nói Tụng là:

_Nếu xưa kia chẳng tu Phước Tuệ
Nơi Chính Pháp này chẳng thể nghe
Đã từng cúng dường các Như Lai
Thế nên các ông nghe nghĩa này
Nghe xong, thọ trì với viết chép
Đọc tụng, khen, diễn kèm cúng dường
Như vậy một lòng cầu phương Tịnh
Quyết định sinh về nước Cực Lạc.
_Giả sử lửa lớn tràn **Tam Thiên** (ba ngàn Đại Thiên Thế Giới)
Với trang nghiêm các lao ngục ấy
Các nạn như vậy, hay vượt qua
Đều là sức uy đức Như Lai
Phật ấy lợi lạc các Công Đức
Chỉ Phật với Phật mới hay biết
Thanh Văn Duyên Giác đầy Thế Gian
Tận Thần Lực ấy, không lường nổi
_Giả sử các hữu tình sống lâu
Mạng trụ vô số câu chi kiếp
Khen **Thân Công Đức** của Như Lai
Trọn thân mệnh ấy, khen không hết
Pháp do **Đại Thánh Pháp Vương** nói

Lợi ích tất cả các quần sinh
Nếu có kẻ thọ trì, cung kính
Phật nói người này **Chân Thiện Hữu**

Khi Đức Thế Tôn nói Pháp này thời, có 12 câu chi na do tha người xa bụi (Viraja:viễn trần) lìa dơ (Vigatamalaṃ:ly cấu) được Pháp Nhãn trong sạch (Dharma-cakṣu-viśuddham). Tám trăm Bật Sô **lậu tận ý giải**, tâm được giải thoát. Trong chúng Trời Người có 12 câu chi na do tha người chứng quả A Na Hàm

Lại có 25 câu chi người được **Pháp Nhẫn** (Dharma-kṣānti) chẳng thoái lui

Lại có 40 câu chi trăm ngàn na do tha người phát Tâm A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề, gieo trồng các căn lành, nguyện sinh về Thế Giới Cực Lạc, thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ.

Lại có mười phương cõi Phật, hoặc đời hiện tại đời vị lai, nhìn thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ đều có tám vạn câu chi na do tha người, được Đức Phật **Nhiên Đăng** (Dīpaṃkara) thọ ký tên là **Diệu Âm Như Lai** (Mañjusvara-tathāgata), sẽ được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Các hữu tình ấy đều là nhân duyên thuộc Nguyện trong đời trước của Đức Phật Vô Lượng Thọ, đều được sinh về Thế Giới Cực Lạc"

Lúc Đức Phật nói lời đó thời ba ngàn Đại Thiên Thế Giới chấn động theo sáu cách, tuôn mưa các hương hoa tràn ngập mặt đất cao đến đầu gối. Lại có chư Thiên ở trong hư không tấu âm nhạc màu nhiệm phát ra tiếng tùy vui, cho đến chư Thiên cõi Sắc thảy đều được nghe, khen chưa từng có.

Bấy giờ Tôn Giả **A Nan** với nhóm Từ Thị Bồ Tát kèm tám Bộ Trời Rồng , tất cả Đại Chúng nghe điều Đức Phật đã nói, đều rất vui vẻ, tin nhận, phụng hành.

PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM
QUYỂN HẠ (Hết)

Dịch một Bộ gồm ba quyển xong vào ngày 06/07/2010

NGỰ CHẾ VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT TÁN

Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Tôn
Vô Lượng Thọ Phật, đời hiếm có
Hay diệt ức kiếp nghiệp vô thủy
Khiến khổ não ấy đều tiêu trừ
Nếu người hay dùng Tâm vi diệu
Dùng cõi **Cực Lạc** làm quán tưởng
Rộng cùng chúng sinh phân biệt nói
Mở mắt liền thấy **A Di Đà** (Amitāyus: Vô Lượng Thọ)
_Tướng ***sắc thân Phật*** hiển ánh sáng
Vàng **Diêm Phù Đàn** không thể bằng
Cao lớn khôn sánh, **do tuần** (Joyana) số
Sáu mươi vạn ức **na do tha** (Nayuta)
Lông trắng (Bạch Hào: Ūrṇa) tam tinh, [như] năm **Tu Di** (Sumeru)
Mắt biếc lắng rộng [như] bốn biển lớn
Ánh sáng diễn ra các chân lông
Một lỗ chứa khắp các Đại Thiên
Trong một cõi có một **hà sa** (lượng cát của con sông)
Cát có tám vạn bốn ngàn tướng
Trong mỗi một tướng lại như thế
Người làm, người quán tùy hiện tiền
_Dùng quán thân Phật, thấy tâm Phật
Chúng sinh nhớ tưởng thấy **Hóa Phật** (Nirmāṇa-buddha)
Theo tướng vào được **Vô Sinh Nhẫn** (Anutpattika-kṣānti)
Dùng **Tam Muội** (Samādhi) nhận **Vô Biên Từ** (Ananta-maitra)
Thân Phật vô lượng, rộng vô biên
Hóa Đạo dùng sức Nguyện đời trước
Người có nhớ tưởng, được thành tựu
Thần Thông như ý đầy hư không
_Chúng sinh ba loại đủ ba tâm
Tinh tiến, dũng mãnh không thoái chuyển
Liền được tay Như Lai tiếp dẫn
Cung điện bảy báu, ánh sáng lớn
Thân ấy mừng vui, đài Kim Cương
Tùy theo Phật, sau khoảng búng tay
Hành **Đại Thừa** (Mahā-yāna) hiểu **Đệ Nhất Nghĩa** (Paramārtha)
Liền sinh trong ao sen bảy báu
_A Di Đà Phật, Đại Từ Bi
Uy Đức mười lực khó khen nói
Xưng tên một tiếng, khởi một niệm
Đều trừ tám mươi ức kiếp tội
Dùng đó cứu nhổ không có cùng
Vì thế tên là **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus)
_Xưa Thế Tôn ở **Kỳ Xà Quật** (Gṛdhra-kuṭa)
Cùng Đại Chúng nói **Diệu Nhân Duyên**

Lìa ưu não và **Diêm Phù Đề** (Jambu-dvīpa)
Siêu thoát tất cả các nẻo khổ
Nước Tịnh Diệu, tức cõi **Cực Lạc** (Sukhāvatī)
Tu ba Phước, phát **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta)
Người tác niệm đó trụ bền chuyên
Nên nói **Vô Lượng Thọ Phật Quán**
_Công Đức như vậy chẳng thể nói
Điều chẳng thể nói, Diệu Quang Minh
Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng cho
Chúng sinh **năm Trược** (Pañca-kaṣāya), đều thành Phật
Chặt đứt tất cả **Tưởng** (Saṃjña) điên đảo
Giống như đem nước ném trong biển
Tính ướt, hỗn hợp cùng tương đồng
Tuy có Thánh Trí, khó phân biệt
Người người đều là Vô Lượng Thọ
Cúi đầu chiêm lễ, tức phương Tây

PHẬT NÓI KINH QUÁN VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT

Hán dịch: Đời Tống_ Tây Vực Tam Tạng CƯƠNG LƯƠNG GIA XÁ (Kālayaśas)
Việt dịch: HUYỀN THANH
Đồ hình minh họa: Không rõ tên người vẽ_Trích trong bản Hán văn **Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh** của Thiên Đài **Vô Tẫn** Pháp Sư

Như vậy tôi nghe. Một thời Đức Phật ngự trong núi **Kỳ Xà Quật** (Gṛdhra-kuṭa) tại thành **Vương Xá** (Rāja-gṛha) cùng với **chúng Đại Tỳ Kheo** (Mahatā-bhikṣu-saṃgha) gồm một ngàn hai trăm năm mươi người đến dự. **Bồ Tát** (Bodhisatva) bốm có ba vạn hai ngàn mà **Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử** (Mañjuśrī-dharma-rāja-putra) là bậc **Thượng Thủ** (Paramukha)



Thắng Hội ở Linh Sơn

Bấy giờ đại thành Vương Xá có một Thái Tử tên là **A Xà Thế** (Ajātaśatru) thuận theo sự chỉ dạy của bạn ác là **Điều Đạt** (Đề Bà Đạt Đa: Devadatta) đã bắt giữ vua cha **Tần Bà Sa La** (Bimbisāra) giam ở chỗ kín, để ở bên trong nhà có bảy lớp, cấm các quần thần chẳng được đi đến.



Vua A Xà Thế giam cầm vua cha trong ngục

Vị Đại Phu Nhân của nước, tên là **Vi Đề Hy** (Vaidehī) vì cung kính Đại Vương nên tắm gội sạch sẽ. Đem bơ, mật hòa với bột chín dùng xoa bôi lên thân, chứa đầy nước Bồ Đào trong các chuỗi Anh Lạc dâng lên cho vua.

Khi ấy Đại Vương ăn bột chín uống nước, xin nước xúc miệng. Xúc miệng xong, chắp tay cung kính, hướng về núi Kỳ Xà Quật, từ xa lạy Đức Thế Tôn rồi nói rằng: "**Đại Mục Kiền Liên** (Mahā-Māudgalyāyana) là bạn thân của tôi. Nguyện khởi Từ Bi truyền cho tôi **tám Giới**"

Thời Mục Kiền Liên như con chim ưng bay nhanh đến chỗ của nhà vua, ngày ngày như vậy truyền cho nhà vua tám Giới. Đức Thế Tôn cũng sai Tôn Giả **Phú Lâu Na** (Pūrṇa) vì nhà vua nói Pháp. Thời gian như vậy trải qua 21 ngày, nhà vua ăn bột chín uống nước, được nghe Pháp cho nên nhan sắc vẫn tươi đẹp.



Bà Vi Đề Hy lén đến thăm vua Tần Bà Sa La

Một hôm, A Xà Thế hỏi người giữ cửa: “Vua cha hiện nay vẫn còn sống sao?”

Người giữ cửa bạch rằng: “Tâu Đại Vương! Quốc Đại Phu Nhân xoa bôi bột chín với mật lên thân, chứa đầy nước trong chuỗi Anh Lạc, đem dâng lên cho vua. Sa Môn **Mục Liên** với **Phú Lâu Na** từ hư không bay đến, vì đức vua nói Pháp, nên chẳng thể ngăn cấm được”

Khi A Xà Thế nghe lời đó xong, tức giận mẹ của mình mà nói rằng: *“Mẹ ta là giặc, làm bạn với giặc. Sa Môn là người ác dùng Chú Thuật huyễn hoặc khiến cho vị vua ác này, nhiều ngày chẳng chết”*. Liền cầm cây kiếm bén muốn hại mẹ của mình.

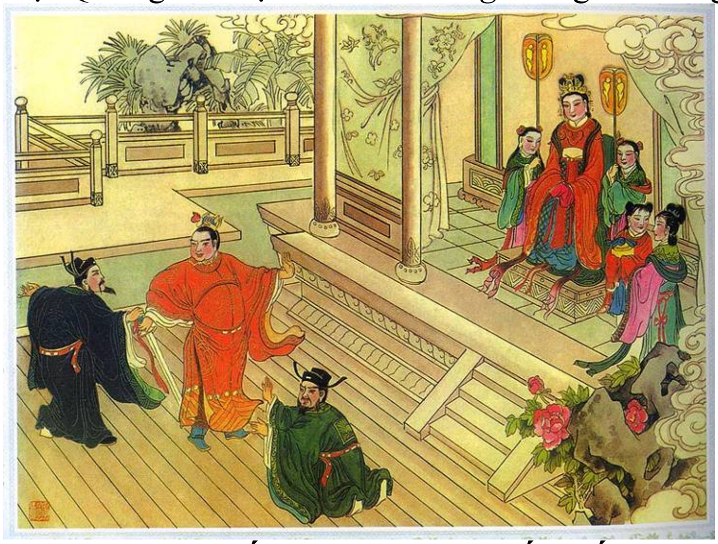
Lúc đó có một vị quan tên là **Nguyệt Quang** (Candra-prabha) thông minh nhiều Trí, cùng với **Kỳ Bà** (Jīva) vì nhà vua làm lễ rồi bạch rằng: “Đại Vương! Thần nghe Kinh Luận **Tỳ Đà** (Veda) nói: “*Từ kiếp ban đầu đến nay, có các vua ác vì tham đất nước địa vị nên giết hại cha của mình, số đến một vạn tám ngàn người. Nhưng chưa từng nghe có kẻ Vô Đạo hại mẹ. Nay nhà vua làm việc Sát Nghịch này, gây nhơ nhuốc cho giòng **Sát Lợi*** (Kṣatriya). *Thần chẳng nỡ nghe **Chiên Đà La*** (Caṇḍāla) *đó, nên chúng tôi chẳng thích hợp ở lại chốn này”*

Hai vị Đại Thần nói lời này xong, dùng bàn tay đè lên cây kiếm rồi lùi bước đi ra

Thời A Xà Thế hoảng kinh sợ hãi, bảo Kỳ Bà rằng: “Ngươi chẳng vì Ta sao?”

Kỳ Bà bạch rằng: “Đại vương hãy cẩn thận, đừng nên hại mẹ”

Nhà vua nghe lời này, liền sám hối cầu cứu. Tức liền buông cây kiếm, ngưng lại chẳng hại mẹ rồi sai Nội Quan giam mẹ vào *Thâm Cung* chẳng cho ra ngoài.



Vua A Xà Thế dùng Tâm ác muốn giết mẹ

Khi Vi Đề Hy bị giam cầm ở chốn tối tăm thời lo buồn khốn khổ, từ xa hướng về núi Kỳ Xà Quật, lễ Đức Phật rồi nói lời này: “*Khi trước Đức Như Lai Thế Tôn luôn khiến A Nan đi đến thăm hỏi con. Nay con buồn lo ! Đức Thế Tôn có uy trọng thời không có lý do gì mà chẳng nhìn thấy. Nguyện khiến Tôn Giả **Mục Liên*** (Māudgalyāyana)*, **A Nan*** (Ānanda) *cùng đến gặp con!*”

Nói lời này xong, buồn khóc tuôn nước mắt như mưa, từ xa hướng về Đức Phật làm lễ. Chưa hết khoảng ngẩng đầu lên, bấy giờ Đức Thế Tôn ở tại núi Kỳ Xà Quật biết Tâm Niệm của Vi Đề Hy, liền sai Đại Mục Kiền Liên cùng với A Nan từ hư không đi đến, Đức Phật từ núi Kỳ Xà Quật ẩn mất rồi hiện ra ở cung vua.

Lúc Vi Đề Hy lễ xong, ngẩng đầu lên thời nhìn thấy Đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Phật với thân màu vàng tía, ngồi trên hoa sen trăm báu, Mục Liên hầu bên trái, A Nan ở bên phải; Thích, Phạm, Hộ Thế, chư Thiên ở ngay trong hư không tuôn khắp mưa hoa Trời, cầm đem cúng dường.

Khi Vi Đề Hy nhìn thấy Đức Phật thời tự bứt đứt chuỗi Anh Lạc, gieo thân mình xuống đất, kêu khóc, hướng về Đức Phật bạch rằng: “Thế Tôn ! Đời trước, con có tội gì mà sinh ra đứa con xấu ác đó?!...Đức Thế Tôn lại có nhóm Nhân Duyên nào mà cùng với **Đề Bà Đạt Đa** (Devadatta) làm **Quyến Thuộc** (Parivāra)? Nguyện xin Đức Thế Tôn vì con rộng nói nơi chốn không có lo lắng buồn bực, con sẽ vãng sinh, chẳng bị rơi vào đời trược ác ở cõi **Diêm Phù Đề** (Jampu-dvīpa). Nơi trược ác này đầy dẫy Địa Ngục, Quỷ đói, súc sinh…phần lớn chẳng gom tụ được **điều lành** (Kuśala: Thiện), con nguyện vị lai chẳng thấy người ác. Nay hướng về Đức Thế Tôn, cúi năm vóc sát đất, cầu thương Sám Hối. Nguyện xin Đấng **Phật Nhật** (Buddha-sūrya) dạy bảo con quán nơi có nghiệp thanh tịnh”

Bấy giờ Đức Thế Tôn phóng ánh sáng ở Tam Tinh, ánh sáng ấy màu vàng ròng, chiếu khắp vô lượng Thế Giới ở mười phương rồi quay về trụ ở đỉnh đầu của Đức Phật, hóa làm đài vàng ròng như **núi Tu Di** (Sumeru), các cõi nước trong sạch màu nhiệm của chư Phật ở mười phương đều hiện ở bên trong.

Hoặc có cõi nước do bảy báu hợp thành. Hoặc có cõi nước thuần là hoa sen. Lại có cõi nước như cung Trời **Tự Tại**. Lại có cõi nước như gương Pha Lê, cõi nước ở mười phương đều hiện ở bên trong. Có vô lượng cõi nước của chư Phật thuộc nhóm như vậy hiển hiện trang nghiêm, có thể quán, khiến cho Vi Đề Hy nhìn thấy.

Thời Vi Đề Hy bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Các cõi Phật này tuy lại thanh tịnh đều có ánh sáng. Nay con thích sanh về Thế Giới **Cực Lạc** (Sukhā-vatī), chỗ của Đức Phật A Di Đà. Nguyện xin Đức Thế Tôn dạy cho con suy nghĩ, dạy cho con **Chính Thọ** (Samāpatti: *Đẳng Chí*, Chính Định hiện trước mặt)”

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền mỉm cười, có ánh sáng năm màu từ miệng đức Phật tuôn ra, mỗi một ánh sáng chiếu soi đỉnh đầu của vua **Tần Bà La Sa** (Bimbisāra). Khi ấy, Đại Vương tuy ở tại chỗ giam cầm tăm tối, nhưng con mắt Tâm không bị ngăn che, nhìn thấy Đức Thế Tôn, liền cúi đầu làm lễ, tự nhiên tăng tiến, thành **A Na Hàm** (Anāgāmin: Bất Lai, Bất Hoàn, bậc Thánh ở quả vị thứ ba trong bốn quả Thanh Văn).



Bà Vi Đề Hy đau buồn thỉnh cầu Phật

Lúc đó Đức Thế Tôn bảo Vi Đề Hy: "Nay bà biết chăng ! Đức Phật A Di Đà cách đây chẳng xa, bà nên cột niệm, quán sát kỹ lưỡng điều thành **Nghiệp trong sạch** (Viśuddha-karma:Tịnh Nghiệp) của nước ấy. Nay Ta vì bà rộng nói mọi thí dụ, cũng khiến cho tất cả phàm phu ở đời vị lai muốn tu **nghiệp trong sạch** được sinh về cõi nước Cực Lạc ở phương Tây.

Người muốn sinh về nước ấy, nên tu ba **Phước** (Puṇya)

1_ Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, **Tâm hiền lành** (Từ Tâm: Maitra-citta) chẳng giết chóc, tu mười nghiệp lành.

2_ Thọ trì **Tam Quy** (Tri-śaraṇa-gamana: tức chỉ Quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng), đầy đủ mọi **Giới** (Śīla), chẳng phạm uy nghi.

3_ Phát **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta), tin sâu **Nhân Quả** (Hetu-phala), đọc tụng **Đại Thừa** (Mahā-yāna), khuyên người tu hành tăng tiến.

Như ba việc này, gọi là **Nghiệp trong sạch** (Tịnh Nghiệp: Viśuddha-karma)"

Đức Phật bảo Vi Đề Hy: "Nay bà biết chăng ? Ba loại Nghiệp này tức là Nhân chính thuộc nghiệp trong sạch của chư Phật ba đời quá khứ, vị lai, hiện tại"

Đức Phật bảo A Nan với Vi Đề Hy: "Hãy lắng nghe ! Hãy nghe cho kỹ ! Hãy khéo nghĩ nhớ ! Nay Như Lai vì tất cả chúng sinh đời vị lai bị giặc phiền não gây hại mà nói Nghiệp trong sạch.

Lành thay ! Vi Đề Hy thích hỏi việc này !

Này A Nan ! Ông nên trọ trì, rộng vì nhiều Chúng tuyên nói lởi của Phật ! Nay Như Lai dạy cho Vi Đề Hy với tất cả chúng sinh đời vị lai quán Thế Giới Cực Lạc ở phương Tây. Do sức của Phật cho nên sẽ được nhìn thấy cõi nước thanh tịnh ấy, như cái gương sáng tự nhìn thấy khuôn mặt của mình. Nhìn thấy việc rất diệu lạc của cõi nước ấy, Tâm vui vẻ cho nên ứng thời được **Vô Sinh Pháp Nhẫn** (Anutpattika-dharma-kṣānti)"

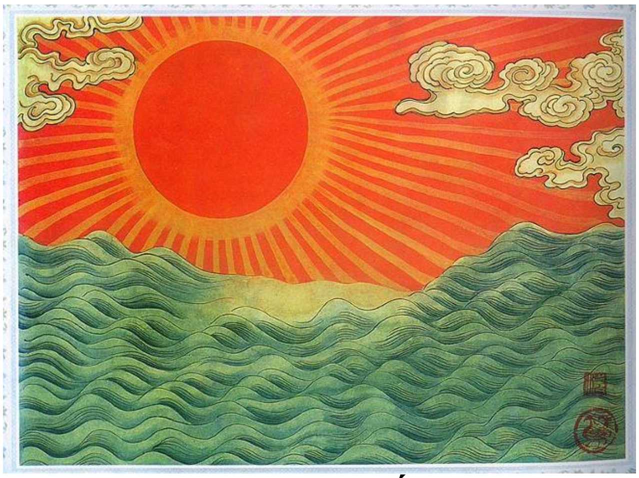
Đức Phật bảo Vi Đề Hy: "Bà là phàm phu, Tâm tưởng yếu kém, chưa được **Thiên Nhãn** (Divya-cakṣu), chẳng thể quán xa. Chư Phật Như Lai có phương tiện khác khiến cho bà được nhìn thấy"

Thời Vi Đề Hy bạch Phật rằng: "Thế Tôn ! Như con ngày nay dùng sức của Phật cho nên được thấy cõi nước kia. Nếu sau khi Đức Phật nhập diệt thì các hàng chúng sinh bị trược ác, **bất thiện** (Akuśala), năm khổ ép bức. Làm sao để thấy Thế Giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà ?!..."

Đức Phật bảo Vi Đề Hy: "Bà với chúng sinh cần phải chuyên Tâm, cuộc buộc niệm vào một chỗ, tưởng ở phương Tây.

_ Tác Tưởng thế nào? Phàm người tác **tưởng** là: Tất cả chúng sinh tự mình chẳng phải là người mù (sinh manh), có con mắt nhìn, đều thấy mặt trời lặn mất. Nên khởi tưởng niệm, ngồi ngay thẳng, hướng về phương Tây, quán sát kỹ lưỡng mặt trời, khiến cho Tâm trụ bền chắc, chuyên Tưởng chẳng dời đổi, nhìn thấy mặt trời muốn lặn mất, dạng như cái trống treo. Đã nhìn thấy mặt trời xong, nhắm mắt mở mắt đều khiến cho thật rõ ràng. Đây là **Nhật Tưởng** (Quán tưởng mặt trời) gọi lả **Sơ Quán** (Quán tưởng đầu tiên)

Tác Quán này thì gọi là **Chính Quán**, nếu Quán khác thì gọi là **Tà Quán**"



Quán mặt trời sắp lặn

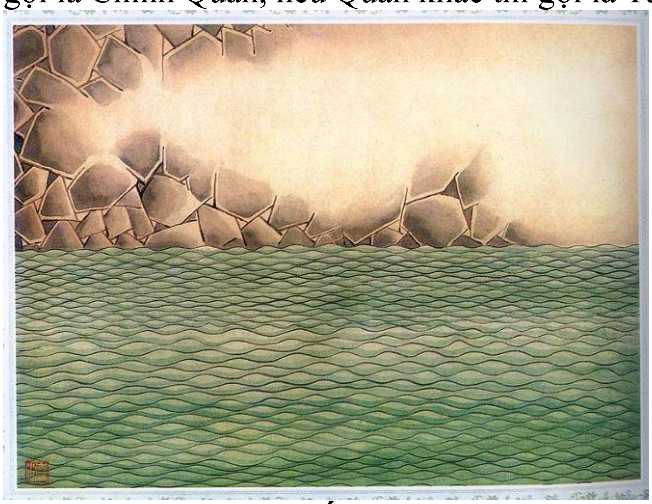
_ Đức Phật bảo A Nan với Vi Đề Hy: "Quán đầu tiên thành xong, tiếp theo tác **Thủy Tưởng** (quán tưởng nước). Tưởng nhìn thấy phương Tây, tất cả đều là nước lớn, thấy nước lắng trong, cũng khiến cho thật rõ ràng, không có Ý phân tán. Đã thấy nước xong, nên khởi **băng Tưởng** (quán tưởng nước đóng thành băng), thấy băng chiếu rọi trong suốt, liền tác **Lưu Ly Tưởng** (quán tưởng băng là Lưu Ly). Tưởng này thành xong, nhìn thấy đất Lưu Ly trong ngoài chiếu rọi trong suốt, bên dưới có cây phướng vàng Kim Cương bảy báu chống đỡ đất Lưu Ly. Cây phướng ấy có đầy đủ tám phương tám góc cạnh, mỗi một phương diện do trăm báu tạo thành, mỗi một viên ngọc báu có một ngàn ánh sáng, mỗi một ánh sáng có tám vạn bốn ngàn màu sắc. Đất Lưu Ly chiếu rọi như một ức ngàn mặt trời chẳng thể thấy đủ.

Trên đất Lưu Ly dùng đủ loại sợi dây vàng ròng, bảy báu xen kẽ phân chia ranh giới ngang bằng rõ ràng. Trong mỗi một báu có ánh sáng năm trăm màu, ánh sáng ấy như hoa, lại như trăng sao treo ở hư không thành cái Đài ánh sáng với lầu gác do trăm vạn báu hợp thành. Ở hai bên đài đều có trăm ngàn cây phướng hoa, vô lượng nhạc khí dùng để trang nghiêm, tám loại gió trong mát từ ánh sáng tuôn ra tấu nhạc khí này, diễn nói âm: **Khổ** (Duḥkha), **Không** (Śūnya:trống rỗng), **Vô Thường** (Anitya), **Vô Ngã** (Anātman).

Đây là **Thủy Tưởng** gọi là **Quán thứ hai**

Khi **Tưởng** này thành thời mỗi mỗi quán hết sức khiến cho thật rõ ràng, nhắm mắt mở mắt chẳng để cho tan mất, chỉ trừ lúc ăn, luôn nhớ việc này.

Tác Quán này thì gọi là Chính Quán, nếu Quán khác thì gọi là Tà Quán"

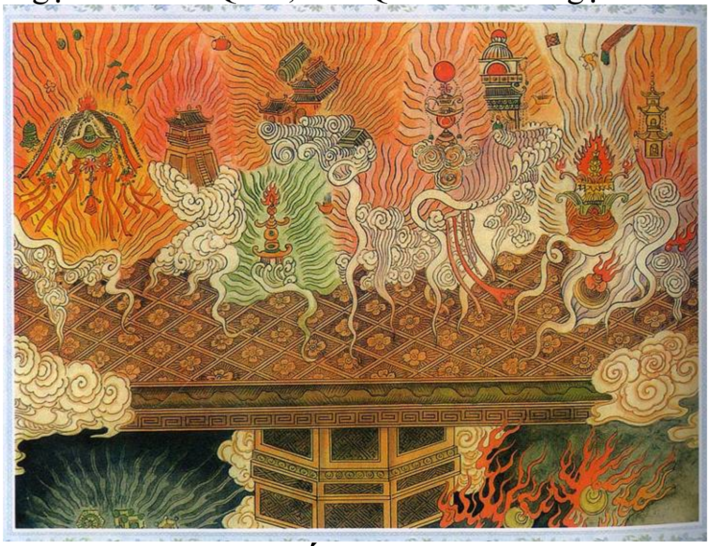


Quán nước kết thành băng

_ Đức Phật bảo Vi Đề Hy: "**Thủy Tưởng** thành xong, gọi là thô sơ nhìn thấy đất của cõi nước Cực Lạc. Nếu được **Tam Muội** (Samadhi) này nhìn thấy đất của cõi nước ấy mỗi mỗi thật rõ ràng, chẳng thể nói đủ. Đây là **Địa Tưởng** gọi là **Quán thứ ba**

Đức Phật bảo A Nan: "Ông giữ gìn lời của Phật, vì tất cả Đại Chúng trong đời vị lai, muốn thoát khổ thời nói Pháp **quán đất** này. Nếu người **quán đất** sẽ trừ được tội trong tám mươi ức kiếp sinh tử, buông bỏ thân thì đời khác ắt sinh về Tịnh Quốc, Tâm được không nghi ngờ.

Tác Quán này thì gọi là Chính Quán, nếu Quán khác thì gọi là Tà Quán".



Quán đất báu Lưu Ly

_ Đức Phật bảo Vi Đề Hy: "**Địa Tưởng** thành xong, tiếp theo quán **cây báu**

Người quán **cây báu**, mỗi mỗi quán. Tưởng làm bảy hàng lớp cây, mỗi một cây cao tám ngàn **Do Tuần** (Joyana). Các cây báu ấy có hoa lá bảy báu không có gì chẳng đầy đủ, mỗi một hoa báu làm màu sắc khác lạ, trong màu Lưu Ly tuôn ra ánh sáng màu vàng ròng, trong màu Pha Lê tuôn ra ánh sáng màu hồng, trong màu Mã Não tuôn ra ánh sáng Xa Cừ, trong màu Xa Cừ tuôn ra ánh sáng châu ngọc xanh lục….

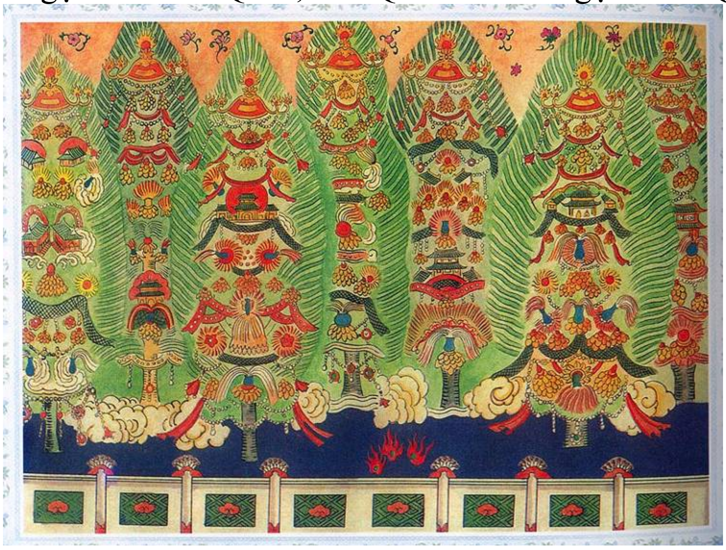
San Hô, Hổ Phách, tất cả mọi báu chiếu rọi nhau tô điểm lưới châu ngọc màu nhiệm dời che trùm trên cây. Trên mỗi một cây có bảy lớp lưới, khoảng giữa mỗi một cái lưới có năm trăm ức cung điện tỏa mùi thơm như cung của Phạm Vương, chư Thiên Đồng Tử tự tại bên trong, mỗi một Đồng Tử có năm trăm ức báu **Ma Ni** (Maṇi) **Thích Ca Tỳ Lăng Già** (Sakrābhilagna: bảo châu), dùng làm chuỗi Anh Lạc. Ánh sáng của Ma Ni ấy chiếu một trăm **Do Tuần** (Joyana) giống như hòa hợp trăm ức mặt trời mặt trăng, chẳng thể nêu đủ tên gọi, mọi báu xen kẽ bên trong bên trên màu sắc.

Các cây báu này mỗi mỗi bày hàng tương đương nhau, lá lá kế tiếp nhau. Ở trong khoảng giữa mọi lá, sinh ra các hoa màu nhiệm, trên hoa tự nhiên có quả trái bảy báu, mỗi một cây lá ngang rộng đúng bằng hai mươi Do Tuần

Ngàn màu sắc của lá ấy có trăm loại vạch như ngàn chuỗi Anh Lạc, có mọi hơi thơm, làm màu sắc của **vàng Diêm Phù** (Jambūnada-suvarṇa). Như bánh xe lửa xoay chuyển, uyển chuyển khoảng giữa lá sinh ra các quả trái, Như cái bình Đế Thích có ánh sáng lớn, hóa thành vô lượng cái lọng báu, trong lọng báu này, chiếu rọi hiện tất cả việc Phật trong ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, Nước Phật ở mười phương cũng hiện ở bên trong.

Nhìn thấy cây này xong, cũng nên theo thứ tự mỗi mỗi quán. Quán thấy thân cây, cành, nhánh, hoa, quả đều khiến cho rõ ràng. Đây là **Thụ Tưởng** (quán tưởng cây) gọi là **Quán thứ tư.**

Tác Quán này thì gọi là Chính Quán, nếu Quán khác thì gọi là Tà Quán"



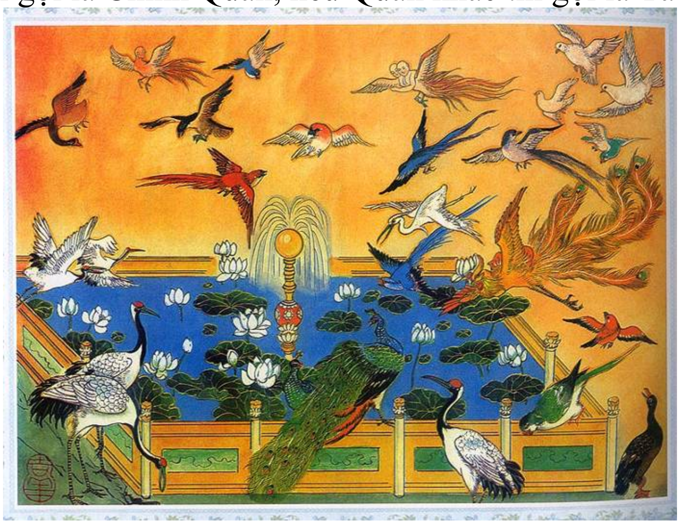
Quán bảy hàng cây báu

_ Đức Phật bảo A Nan với Vi Đề Hy: "**Thụ Tưởng** thành xong, tiếp theo nên **tưởng nước**.

Người muốn tưởng **nước**. Cõi nước Cực Lạc có tám ao nước, mỗi một ao nước do bảy báu tạo thành, báu ấy mềm mại từ **Như Ý Châu Vương** sinh ra, chia làm bốn mươi nhánh, mỗi một nhánh làm màu sắc của bảy báu, màu vàng chói làm ngòi lạch, bên dưới ngòi lạch đều dùng Kim Cương tạp sắc dùng làm cát ở đáy. Trong mỗi một ao nước có sáu mươi ức hoa sen bảy báu, mỗi một hoa sen tròn trịa đúng bằng mười hai Do Tuần, nước Ma Ni ấy chảy rót tìm phần trên phần dưới của cái cây, phát ra tiếng vi diệu, diễn nói **Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã**, các **Ba La Mật** (Pāramitā), lại có tiếng khen ngợi tướng tốt của chư Phật. Từ **Như Ý Châu Vương** tuôn ra ánh sáng vi diệu màu vàng ròng, ánh sáng ấy hóa làm loài chim màu sắc trăm báu hòa hót êm dịu, thường khen **Niệm Phật** (Buddhānusmṛti), **Niệm Pháp** (Dharmānusmṛti), **Niệm Tăng** (Saṃghānusmṛti).

Đây là **Tưởng nước có tám Công Đức**, gọi là **Quán thứ năm**

Tác Quán này thì gọi là Chính Quán, nếu Quán khác thì gọi là Tà Quán"



Quán tưởng ao báu chứa nước tám Công Đức

_ Đức Phật bảo A Nan với Vi Đề Hy: "Trên mỗi một Giới của Cõi nước mọi báu có năm trăm ức cái lầu báu, trong lầu gác ấy có vô lượng chư Thiên tấu kỹ nhạc của cõi Trời, Lại có nhạc khí treo trong hư không như **Bảo Tràng** (*Ratna-dhvaja: Vị Đại*

Thần ở cung Trời Đâu Suất, có thể tự mình tuôn ra bảy báu rải khắp, mỗi mỗi châu báu lại hóa thành nhạc khí treo trên hư không, không cần đánh tự kêu) của cõi Trời chẳng đánh tự kêu vang. Trong mọi Âm này đều nói **Niệm Phật, Niệm Pháp, Niệm Tỳ Khưu Tăng.**

Tưởng này thành xong, gọi là thô sơ nhìn thấy cây báu, đất báu, ao báu của Thế Giới Cực Lạc. Đây là **Tổng Quán Tưởng**, gọi là **Quán thứ sáu**

Nếu người nhìn thấy điều này sẽ trừ được nghiệp ác cực nặng trong vô lượng ức KIếp, sau khi chết ắt sinh về nước ấy.

Tác Quán này thì gọi là Chính Quán, nếu Quán khác thì gọi là Tà Quán".



Quán chung về Y Báo

_ Đức Phật bảo A Nan với Vi Đề Hy: "Hãy lắng nghe ! Hãy nghe cho kỹ ! Hãy khéo nghĩ nhớ ! Ta sẽ vì ngươi phân biệt giải nói Pháp **trừ khổ não**. Các ngươi nhớ giữ gìn, rộng vì Đại Chúng phân biệt giải nói"

Nói lời này xong thời Đức Phật **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus) đứng trụ trong hư không, hai vị Đại Sĩ **Quán Thế Âm** (Avalokiteśvara), **Đại Thế Chí** (Mahā-sthāma-prāpta) đứng hầu bên trái bên phải, ánh sáng rực rỡ chẳng thể nhìn thấy đủ, trăm ngàn màu sắc của **vàng Diêm Phù Đàn** (Jambūnada-suvarṇa) chẳng thể so sánh nổi.



Quán Tam Thánh trụ trên hư không

Khi Vi Đề Hy nhìn thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ xong, liền cúi lạy sát bàn chân của Đức Phật, rồi bạch Phật rằng: "Nay con nhân vào sức của Phật, được thấy Đức

Phật Vô Lượng Thọ với hai vị Bồ Tát. Chúng sinh đời vị lai nên làm thế nào để quán Đức Phật Vô Lượng Thọ với hai bị Bồ Tát ?”

Đức Phật bảo Vi Đề Hy: “Người muốn quán Đức Phật ấy, nên khởi tưởng niệm, ở trên đất bảy báu, tưởng làm một hoa sen, khiến mỗi một cánh của hoa sen ấy làm màu sắc trăm báu, có tám vạn bốn ngàn mạch giống như một ngàn vạch, mỗi một mạch có tám vạn bốn ngàn ánh sáng, mỗi mỗi thật rõ ràng đều khiến cho nhìn thấy được.

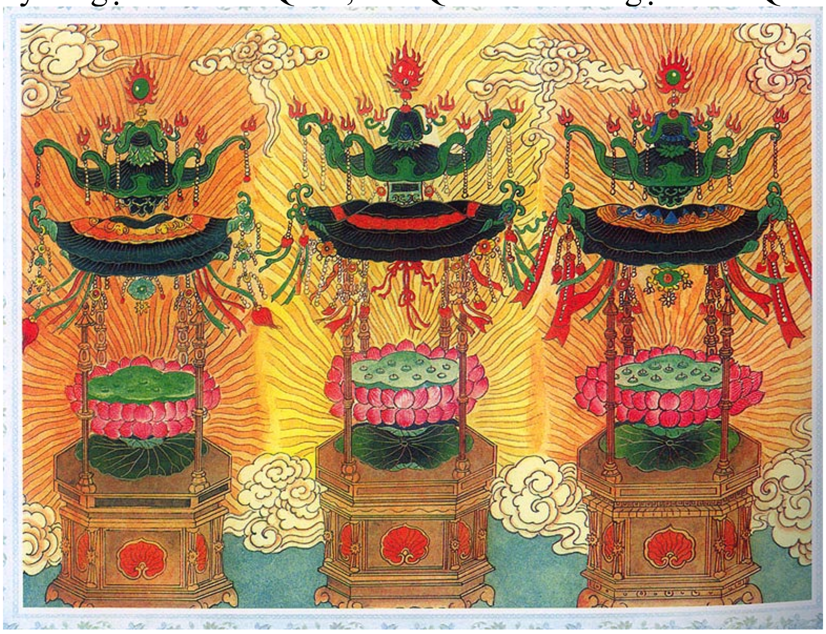
Cánh hoa dù nhỏ cũng ngang rộng hai trăm năm mươi Do Tuần. Hoa sen như vậy có tám vạn bốn ngàn cánh lớn, khoảng giữa mỗi một cánh có trăm ức Ma Ni Châu Vương dùng để chiếu rọi tô điểm, mỗi một Ma Ni Châu phóng ngàn ánh sáng, ánh sáng ấy như cái dù do bảy báu hợp thành che trùm trên đất, báu Ma Ni **Thích La Tỳ Lăng Già** (Sakrābhilagna: bảo châu) dùng làm cái Đài ấy. Đài hoa sen này có tám vạn báu **Kim Cương Chân Thúc Ca** (Vajra-Kiṃśuka: Đá báu màu đỏ cứng như Kim Cương), báu **Phạm Ma Ni** (Brahma-maṇi), lưới châu ngọc màu nhiệm giao chéo nhau tô điểm.

Ở trên đài ấy, tự nhiên có bốn cây phướng báu làm cột, mỗi một cây phướng báu như trăm ngàn vạn ức **núi Tu Di** (Sumeru), vòng hoa trên cây phương như cung Trời **Dạ Ma** (Yama). Lại có năm trăm ức viên ngọc báu vi diệu dùng để chiếu rọi tô điểm, mỗi một viên ngọc báu có tám vạn bốn ngàn ánh sáng, mỗi một ánh sáng làm tám vạn bốn ngàn màu vàng ròng khác loại, hoặc lảm đài Kim Cương, hoặc làm lưới châu báu, hoặc làm mây hoa tạp. Ở mười phương diện, tùy ý biến hiện thi hành việc Phật.

Đây là **Hoa Tòa Tưởng** (quán tưởng tòa hoa) gọi là **Quán thứ bảy**”

Đức Phật bảo A Nan: “Như hoa màu nhiệm này vốn là sức nguyện của Tỳ Khưu **Pháp Tạng** (Dharmakāra) tạo thành. Nếu người muốn niệm Đức Phật ấy, trước tiên nên tác tưởng tòa hoa màu nhiệm này. Lúc tác tưởng này thời chẳng được quán tạp nhạp, đều nên mỗi mỗi quán: mỗi một cánh, mỗi một viên ngọc, mỗi một ánh sáng, mỗi một đài, mỗi một cây phướng đều khiến cho rõ ràng, như ở trong gương tự nhìn thấy khuôn mặt của mình. Tưởng này thành xong sẽ diệt trừ tội trong năm trăm ức kiếp sinh tử, quyết định sinh về Thế Giới Cực Lạc.

Tác Quán này thì gọi là Chính Quán, nếu Quán khác thì gọi là Tà Quán”.



Quán tưởng tòa báu hoa sen

_ Đức Phật bảo A Nan với Vi Đề Hy: “Nhìn thấy việc này xong, tiếp theo nên tưởng Đức Phật. Tại sao thế ? Vì chư Phật Như Lai là **Thân Pháp Giới** (Dharma-dhātu-kāya) vào khắp trong Tâm Tưởng của tất cả chúng sinh, thế nên các ngươi khi

Tâm tưởng Phật thời Tâm này tức là 32 tướng tốt 80 tùy hình tốt đẹp, ***Tâm này làm Phật, Tâm này là Phật,*** biển chư Phật Chính Biến Tri từ Tâm Tưởng sinh ra, chính vì thế cho nên một lòng cột buộc niệm, quán kỹ lưỡng Đức Phật **Đa Đà A Già Độ A La Ha Tam Miểu Tam Phật Đà** (Tathāgatāya-arhate-samyaksaṃbuddha: Như Lai Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác) ấy

Người tưởng Đức Phật ấy, trước tiên nên tưởng hình tượng, nhắm mắt mở mắt nhìn thấy một tượng báu như màu vàng Diêm Phù, ngồi trên hoa kia. Tượng đã ngồi xong thì con mắt Tâm được khai mở mỗi mỗi thật rõ ràng nhìn thấy cõi nước Cực Lạc với bảy báu trang nghiêm, đất báu, ao báu, cây báu xếp thành hàng, chư Thiên, vòng hoa báu dời che trùm trên cây, mọi lưới võng báu tràn đầy trong hư không. Thấy việc như đây, khiến cho thật rõ ràng như quán sát trong lòng bàn tay.

Thấy việc này xong, lại nên làm một hoa sen lớn ngay bên trái Đức Phật, như nhóm hoa sen lúc trước không có khác, lại làm một hoa sen lớn ngay bên phải Đức Phật. Tưởng tượng **Quán Thế Âm Bồ Tát** ngồi trên hòa hoa bên trái cũng phóng ánh sáng màu vàng ròng như lúc trước không khác. Tưởng một tượng **Đại Thế Chí Bồ Tát** ngồi ở tòa hoa bên phải.

Lúc Tưởng này thành thời, tượng Phật Bồ Tát đều phóng ánh sáng màu nhiệm, ánh sáng ấy có màu vàng ròng chiếu các cây báu, bên dưới mỗi một cây cũng có ba hoa sen, trên các hoa sen đều có tượng của một Phật hai vị Bồ Tát tràn đầy khắp cõi nước ấy.

Khi Tưởng này thành thời Hành Giả nên nghe thấy nước chảy, ánh ánh với các cây báu, vịt trời, chim nhạn, chim Uyên Ương đều nói Diệu Pháp. Xuất Định, nhập Định thời luôn nghe Diệu Pháp. Hành Giả đã nghe, khi ra khỏi Định thời nhớ giữ chẳng buông bỏ, khiến cùng hợp với **Tu Đa La** (Suutra: Khế Kinh). Nếu chẳng hợp thì gọi là **Vọng Tưởng**, nếu cùng hợp thì gọi là **Thô sơ tưởng thấy Thế Giới Cực Lạc**

Đây là **Tưởng Tượng** (Quán tưởng hình tượng), gọi là **Quán thứ tám**

Người tác Quán này sẽ trừ được tội của vô lượng ức kiếp sinh tử, ở trong thân hiện tại được **Niệm Phật Tam Muội**.

Tác Quán này thì gọi là Chính Quán, nếu Quán khác thì gọi là Tà Quán".



Quán tượng Tam Thánh

_ Đức Phật bảo A Nan với Vi Đề Hy: "Tưởng này thành xong, tiếp theo nên quán Thân tướng, ánh sáng của Đức Phật Vô Lượng Thọ.

A Nan nên biết ! Thân của Đức Phật Vô Lượng Thọ có màu sắc như trăm ngàn vạn ức Dạ Ma Thiên, vàng của Diêm Phù Đề. Thân Phật cao sáu mươi vạn ức na do

tha hằng hà sa do tuần, **sợi lông trắng** (Ūrṇa: Bạch Hào) ở Tam Tinh xoay vòng theo bên phải uyển chuyển như năm ngọn núi Tu Di, mắt Phật trong sạch như nước của bốn biển lớn trắng trong rõ ràng, các lỗ chân lông trên thân diễn ra ánh sáng như núi Tu Di

Đức Phật ấy có hào quang tròn như trăm ức ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, ở trong hào quang tròn có trăm vạn ức na do tha hằng hà sa vị **Hóa Phật** (Nirmāṇa-buddha), mỗi một vị Hóa Phật cũng có Chúng rất nhiều, vô số vị **Hóa Bồ Tát** (Nirmāṇa-bodhisatva) làm **Thị Giả** (Ante-vāsin)

Đức Phật Vô Lượng Thọ có tám vạn bốn ngàn ***tướng***, trong mỗi một tướng đều có tám vạn bốn ngàn ***tùy hình*** tốt đẹp, trong mỗi một tùy hình tốt đẹp lại có tám vạn bốn ngàn ánh sáng, mỗi một ánh sáng chiếu khắp mười phương Thế Giới, nhiếp lấy ***chúng sinh niệm Phật*** chẳng buông bỏ.

Tướng tốt đẹp của ánh sáng ấy cùng với Hóa Phật chẳng thể nói đủ, chỉ nên nhớ tưởng khiến cho Tâm thấy rõ.

Người nhìn thấy việc này, tức nhìn thấy tất cả chư Phật ở mười phương. Đã nhìn thấy chư Phật cho nên gọi là **Niệm Phật Tam Muội**.

Tác Quán này gọi là **quán tất cả thân Phật**, do quán thân Phật cho nên cũng nhìn thấy Tâm của Phật, Tâm của chư Phật là Đại Từ Bi, dùng **Vô Duyên Từ** nhiếp các chúng sinh

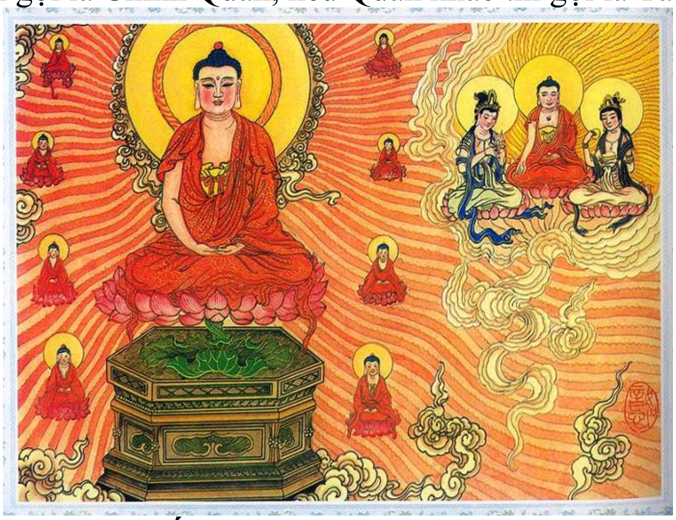
Người tác Quán này, buông bỏ thân thì đời khác được sinh trước mặt chư Phật, được **Vô Sinh Nhẫn**. Chính vì thế cho nên bậc Trí cần phải cột buộc Tâm, quán kỹ lưỡng Đức Phật Vô Lượng Thọ

Người quán Đức Phật Vô Lượng Thọ theo một tướng tốt đẹp nhập vào, chỉ Quán sợi lông trắng ở tam tinh cho thật rõ ràng. Người nhìn thấy tướng sợi lông trắng ở tam tinh thì tự nhiên sẽ thấy tám vạn bốn ngàn tướng tốt đẹp.

Người nhìn thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ liền nhìn thấy vô lượng chư Phật ở mười phương, được thấy vô lượng chư Phật cho nên chư Phật hiện trước mặt **Thọ Ký** (Vyākaraṇa)

Đây là **Biến Quán Nhất Thiết Sắc Tưởng** (Tưởng quán sát khắp tất cả hình thể màu sắc) gọi là **Quán thứ chín**

Tác Quán này thì gọi là Chính Quán, nếu Quán khác thì gọi là Tà Quán".



Quán sắc thân của Đức Phật A Di Đà

_ Đức Phật bảo A Nan với Vi Đề Hy: "Nhìn thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ mỗi mỗi thật rõ ràng xong, tiếp theo nên quán **Quán Thế Âm Bồ Tát**

Thân của vị Bồ Tát này dài tám mươi ức na do tha hằng hà sa do tuần. Thân màu vàng tía, đỉnh có **Nhục Kế** (Uṣṇīṣa), cổ có hào quang tròn, mặt đều trăm ngàn do tuần. Trong hào quang tròn ấy có năm trăm vị Hóa Phật như **Thích Ca Mâu Ni**; mỗi một vị

Hóa Phật có năm trăm vị Bồ Tát, vô lượng chư Thiên dùng làm Thị Giả. Trong hào quang của khắp thân đều hiện tất cả sắc tướng của chúng sinh trong năm đường.

Trên đỉnh có ***báu*** **Tỳ Lăng Già Ma Ni** (Śakrābhilagna-maṇi-ratna) màu nhiệm dùng làm mão trời, trong cái mão ấy có một vị Hóa Phật đứng, cao hai mươi lăm do tuần.

Mặt của Quán Thế Âm Bồ Tát có màu sắc như vàng Diêm Phù Đàn, tướng của sợi lông ở tam tinh có đủ màu của bảy báu, tuôn ra tám vạn bốn ngàn loại ánh sáng, mỗi một ánh sáng có vô lượng vô số trăm ngàn vị Hóa Phật, mỗi một vị Hóa Phật có vô số vị Hóa Bồ Tát dùng làm Thị Giả, biến hiện tự tại tràn đầy mười phương Giới.

Cánh tay như màu hoa sen hồng, có tám vạn ức ánh sáng màu nhiệm dùng làm chuỗi Anh Lạc, trong chuỗi Anh Lạc ấy hiện khắp các việc trang nghiêm.

Bàn tay và lòng bàn tay làm màu sắc của năm trăm ức hoa sen tạp. Bàn tay có mười đầu ngón tay, mỗi một đầu ngón tay có tám vạn bốn ngàn vạch giống như **Ấn Văn**, mỗi một vạch có tám vạn bốn ngàn màu sắc, mỗi một màu sắc có tám vạn bốn ngàn ánh sáng, ánh sáng ấy nhu nhuyễn chiếu khắp tất cả. Dùng bàn tay báu này tiếp dẫn chúng sinh.

Khi nhấc chân thời bên dưới bàn chân có tướng ***bánh xe ngàn căm*** (Thiên Bức Luân), tự nhiên hóa thành năm trăm ức Đài ánh sáng. Khi hạ chân thời có hoa Kim Cương Ma Ni rải bày tất cả, không có chỗ nào chẳng tràn đầy

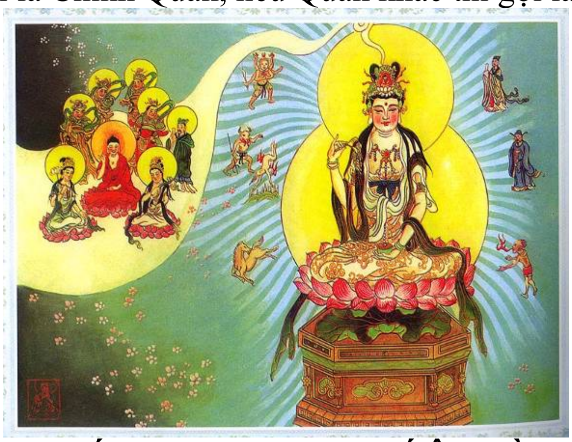
Thân Tướng còn lại có đầy đủ mọi sự tốt đẹp như Đức Phật không có khác, chỉ có **Nhục Kế** (Uṣṇīṣa) với ***tướng*** **Vô Kiến Đỉnh** (Uṣṇīṣaśiraskatā) trên đỉnh đầu thì chẳng theo kịp Đức Thế Tôn.

Đây gọi là **Quán Thế Âm Bồ Tát chân thật sắc thân Tưởng** (Quán tưởng sắc thân chân thật của Quán Thế Âm Bồ Tát), gọi là **Quán thứ mười**"

Đức Phật bảo A Nan: "Nếu muốn quán **Quán Thế Âm Bồ Tát** thì nên tác Quán này. Người tác Quán này chẳng gặp các tai họa, tĩnh trừ nghiệp chướng, trừ tội của vô số kiếp sinh tử. Như vị Bồ Tát này, chỉ nghe tên của Ngài còn được vô lượng Phước, huống chi là quán sát kỹ lưỡng.

Nếu người muốn quán **Quán Thế Âm Bồ Tát,** trước tiên nên quán Nhục Kế trên đỉnh đầu, tiếp theo quán mão trời, mọi tướng còn lại cũng theo thứ tự quán sát, đều khiến cho thật rõ ràng như xem xét trong lòng bàn tay.

Tác Quán này thì gọi là Chính Quán, nếu Quán khác thì gọi là Tà Quán".



Quán sắc thân của Quán Thế Âm Bồ Tát

_ Đức Phật bảo A Nan với Vi Đề Hy: "Tiếp theo quán **Đại Thế Chí Bồ Tát**. Lượng thân của vị Bồ Tát này lớn nhỏ cũng như Quán Thế Âm. Hào quang tròn, khuôn mặt đều là hai trăm hai mươi lăm do tuần, chiếu hai trăm năm mươi do tuần, ánh sáng của khắp thân chiếu cõi nước ở mười phương, làm màu vàng tía, chúng sinh có duyên thảy đều được nhìn thấy. Chỉ nhìn thấy ánh sáng thuộc một lỗ chân lông của vị Bồ Tát

này, liền nhìn thấy ánh sáng tịnh diệu của vô lượng chư Phật ở mười phương, thế nên vị Bồ Tát này có hiệu là **Vô Biên Quang** (Ananta-prabhāsa)

Do ánh sáng Trí Tuệ chiếu khắp tất cả khiến lìa ba đường, được sức vô thượng, thế nên vị Bồ Tát này có hiệu là **Đại Thế Chí** (Mahā-sthāma-prāpta)

Mão trời của vị Bồ Tát này có năm trăm hoa sen báu, mỗi một hoa báu có năm trăm cái đài báu, trong mỗi một cái đài thì tướng rộng dài của cõi nước tịnh diệu của chư Phật ở mười phương đều hiện ở bên trong.

Nhục Kế trên đỉnh đầu như hoa **Bát Đầu Ma** (Padma: hoa sen hồng). Ở trên Nhục Kế có một cái bình báu chứa đầy ánh sáng, hiện khắp việc Phật.

Các thân tướng còn lại như Quán Thế Âm không có khác

Khi vị Bồ Tát này bước đi thời mười phương Thế Giới, tất cả chấn động, ngay nơi đất động đều có năm trăm ức hoa báu, mỗi một hoa báu trang nghiêm cao hiển như Thế Giới Cực Lạc

Lúc vị Bồ Tát này ngồi thời cõi nước bảy báu, một thời dao động, từ cõi Phật **Kim Quang** (Suvarṇa-prabha) ở phương bên dưới cho đến cõi Phật **Quang Minh Vương** (Raśmi-prabha-rāja) ở phương bên trên, ở khoảng giữa có vô lượng trần số **Phân Thân** Vô Lượng Thọ Phật, **Phân Thân** Quán Thế Âm, Đại Thế Chí thảy đều vân tập đến cõi nước Cực Lạc tràn đầy chật kín trong hư không, ngồi trên tòa hoa sen, diễn nói Diệu Pháp hóa độ chúng sinh bị khổ

Tác Quán này gọi là Quán thấy Đại Thế Chí Bồ Tát. Đây là **quán tướng Sắc Thân của Đại Thế Chí**

Quán vị Bồ Tát này gọi là **Quán thứ mười một**, trừ được tội của vô số kiếp a tăng kỳ sinh tử. Người tác Quán này chẳng còn ở trong bào thai, thường dạo chơi cõi nước tịnh diệu của chư Phật.

Quán này thành xong, gọi là Quán đầy đủ Quán Thế Âm với Đại Thế Chí.

Tác Quán này thì gọi là Chính Quán, nếu Quán khác thì gọi là Tà Quán”.



Quán sắc thân của Đại Thế Chí Bồ Tát

_ Đức Phật bảo A Nan với Vi Đề Hy: “Khi nhìn thấy việc này thời nên khởi tưởng, tác Tâm tự thấy mình sinh về Thế Giới Cực Lạc ở phương Tây, ngồi Kiết Già ở trong hoa sen. Tưởng làm hoa sen khép, tưởng làm hoa sen nở.

Khi hoa sen nở thời có ánh sáng năm trăm màu đi đến, tưởng chiếu lên thân, tưởng con mắt khai mở nhìn thấy Phật Bồ Tát đầy tràn trong hư không. Nước, chim,

cây, rừng cùng với chư Phật đã phát ra âm thanh đều diễn Diệu Pháp, cùng hợp với mười hai Bộ Kinh. Nếu ra khỏi Định thời nhớ giữ chẳng mất.

Nhìn thấy việc này xong, gọi là nhìn thấy Thế Giới Cực Lạc của Đức Phật Vô Lượng Thọ.

Đây là **Phổ Quán Tưởng** (quán tưởng khắp cả), gọi là **Quán thứ mười hai**

Đức Phật Vô Lượng Thọ hóa thân vô số cùng với Quán Thế Âm, Đại Thế Chí thường đi đến chỗ của Hành Nhân này

Tác Quán này thì gọi là Chính Quán, nếu Quán khác thì gọi là Tà Quán".



Quán khắp thấy mình sinh về Thế Giới Cực Lạc

_ Đức Phật bảo A Nan với Vi Đề Hy: "Nếu người muốn chí Tâm sinh về phương Tây, trước nên nên quán ở tượng *một trượng sáu* đứng ngay trên ao nước.

Như trước đã nói Đức Phật Vô Lượng Thọ có thân lượng vô biên, chẳng phải là chỗ của Tâm phàm phu theo kịp, song do sức nguyện đời trước của Đức Như Lai ấy cho nên người có nghĩ tưởng đều được thành tựu. Chỉ tưởng tượng Phật còn được vô lượng Phước, huống chi là quán đầy đủ thân tướng của Đức Phật.

Đức Phật A Di Đà có Thần Thông Như Ý, biến hiện tự tại ở cõi nước khắp mười phương. Hoặc hiện thân to lớn đầy tràn trong hư không, hoặc hiện thân nhỏ: *một trượng sáu* (228 cm), *tám thước* (8 xích: 24 cm), hình đã hiện đều có màu vàng ròng. Hào quang tròn, Hóa Phật với hoa sen báu như trên đã nói.

Quán Thế Âm Bồ Tát với Đại Thế Chí ở tất cả nơi chốn thì thân đồng nhau. Chúng sinh chỉ quán tướng của cái đầu để biết là Quán Thế Âm, biết là Đại Thế Chí. Hai vị Bồ Tát này trợ giúp Đức Phật A Di Đà hóa độ khắp tất cả.

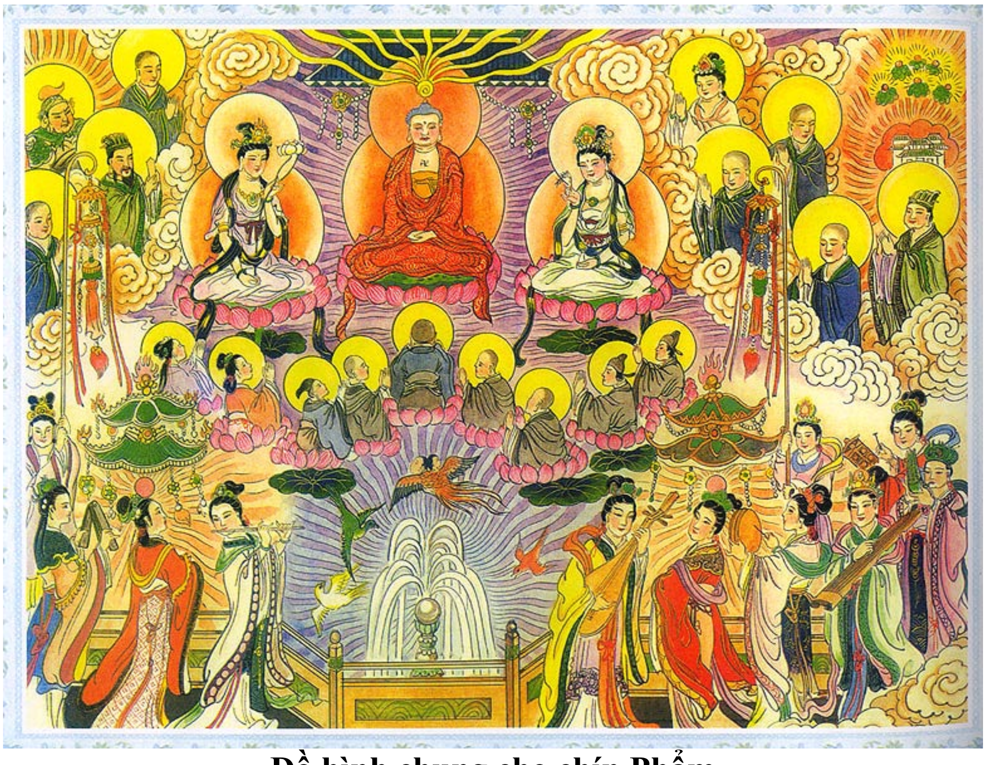
Đây là **Tạp Tưởng Quán** (Quán tưởng tạp) gọi là **Quán thứ mười ba**

Tác Quán này thì gọi là Chính Quán, nếu Quán khác thì gọi là Tà Quán".



Quán tưởng chung ba vị Thánh

_ Đức Phật bảo A Nan với Vi Đề Hy: "Phàm người sinh về phương Tây có chín Phẩm.



Đồ hình chung cho chín Phẩm

Thượng Phẩm Thượng Sinh: Nếu có chúng sinh nguyện sinh về nước ấy, phát ba loại Tâm tức liền vãng sinh. Nhóm nào là ba?

1_ Tâm chí thành
2_ Tâm sâu xa
3_ Tâm hồi phướng phát nguyện

Người đủ ba Tâm này ắt sinh về nước ấy

Lại có ba loại chúng sinh sẽ được vãng sinh. Nhóm nào là ba?

1_ Tâm hiền lành, chẳng giết chóc, đủ các Giới Hạnh

2_ Độc tụng Kinh Điển thuộc nhóm **Đại Thừa Phương Đẳng** (Mahā-yāna-vaipulya)

3_ Tu hành **sáu niệm**, hồi hướng, phát nguyện sinh về nước Phật ấy

Đủ Công Đức này, một ngày cho đến bảy ngày liền được vãng sinh. Khi sinh về nước ấy thời người này tinh tiến dũng mãnh cho nên Đức A Di Đà Như Lai cùng Quán Thế Âm với Đại Thế Chí, vô số vị Hóa Phật, trăm ngàn vị Tỳ Khưu Thanh Văn, Đại Chúng, vô lượng chư Thiên, cung điện bảy báu. Quán Thế Âm Bồ Tát cầm đài Kim Cương cùng với Đại Thế Chí Bồ Tát đến trước mặt Hành Giả. Đức Phật A Di Đà phóng ánh sáng lớn chiếu lên thân Hành Giả cùng với các vị Bồ Tát trao tay nghênh đón. Quán Thế Âm, Đại Thế Chí cùng với vô số vị Bồ Tát khen ngợi Hành Giả, khuyến tấn Tâm ấy.

Hành Giả nhìn thấy xong, vui vẻ hớn hở, tự thấy thân của mình nương theo đài Kim Cương đi theo sau Đức Phật, như khoảng búng ngón tay liền sinh về nước ấy. Sinh ở nước ấy xong, nhìn thấy đầy đủ mọi tướng của sắc thân Phật, nhìn thấy đầy đủ sắc tướng của các vị Bồ Tát. Ánh sáng, rừng báu diễn nói Diệu Pháp, nghe xong liền ngộ **Vô Sinh Pháp Nhẫn**. Trải qua phút chốc tuần tự phụng sự chư Phật, vào khắp phương giới, ở trước mặt chư Phật theo thứ tự Thọ Ký rồi quay trở về nước của mình, được vô lượng trăm ngàn **Đà La Ni Môn**

Đây gọi là **Thượng Phẩm Thượng Sinh**



Quán Thượng Phẩm Thượng Sinh

Thượng Phẩm Trung Sinh: Chẳng cần phải đọc tụng Kinh Điển **Phương Đẳng** (Vaipulya), khéo hiểu nghĩa thú. Đối với **Đệ Nhất Nghĩa** (Paramārtha: Chân Lý cứu cánh), Tâm chẳng sợ hãi, tin sâu Nhân Quả, chẳng chê bai Đại Thừa. Dùng Công Đức này hồi hướng, nguyện cầu sinh về nước Cực lạc.

Người thực hành Hạnh này, khi mạng sắp hết thời Đức Phật A Di Đà cùng Quán THế Âm với Đại Thế Chí, vô lượng Đại Chúng quyến thuộc vây quanh…cầm đài vàng tía đến trước mặt Hành Giả khen rằng: "*Này **Pháp Tử*** (Dharma-putra) *! Ngươi thực hành Đại Thừa, hiểu **Đệ Nhất Nghĩa**, thế nên nay Ta đến nghênh đón ngươi,* cùng *với ngàn vị Hóa Phật một thời trao tay"*

Hành Giả tự thấy mình ngồi ở đài vàng tía, chắp tay, chéo bàn tay, khen ngợi chư Phật. Như khoảng một niệm, liền sinh ở trong ao bảy báu của nước ấy. Đài vàng tía này như hoa báu lớn trải qua một đêm liền nở, thân Hành Giả làm màu vàng có sắc tía, dưới bàn chân cũng có hoa sen bảy báu, Phật với Bồ Tát đều phóng ánh sáng chiếu thân của Hành Giả, mắt liền mở sáng. Nhân đêm trước tập nghe khắp mọi tiếng, thuần nói **Đệ Nhất Nghĩa Đế** (Paramārtha-satya) thâm sâu. Liền bước xuống đài vàng, lễ Phật, chắp tay khen ngợi Đức Thế Tôn. Trải qua bảy ngày, ứng thời liền đối với **A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề** (Anuttarā-samyaksaṃbuddhi: Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác) được chẳng thoái lui. Ứng thời liền hay bay đến mười phương tuần tự phụng sự chư Phật. Ở chỗ của chư Phật tu các Tam Muội, trải qua một **Tiểu Kiếp** (Antara-kalpa) được **Vô Sinh Pháp Nhẫn** (Anutpattika-dharma-kṣānti) hiện trước mặt Thọ Ký.

Đây gọi là **Thượng Phẩm Trung Sinh**



Quán Thượng Phẩm Trung Sinh

Thượng Phẩm Hạ Sinh: Cũng tin Nhân Quả, chẳng chê bai Đại Thừa, chỉ phát Tâm Vô Thượng Đạo. Dùng Công Đức này hồi hướng, nguyện cầu sinh về nước Cực Lạc

Khi mạng của Hành Giả ấy sắp hết thời Đức Phật A Di Đà với Quán Thế Âm kèm Đại Thế Chí cùng với các Quyến Thuộc cầm hoa sen vàng, hóa làm năm trăm vị Hóa Phật đến nghênh đón người này. Năm trăm vị Hóa Phật một thời trao tay, khen rằng: *"Này Pháp Tử ! Nay ngươi trong sạch phát Tâm Vô Thượng Đạo, Ta đến đón ngươi"*

Khi thấy việc này thời liền tự thấy thân của mình ngồi ở hoa sen vàng. Ngồi xong thì hoa khép lại đi theo sau Đức Thế Tôn, liền được vãng sinh trong ao bảy báu, một ngày một đêm, hoa sen liền nở, trong bảy ngày mới được nhìn thấy Đức Phật, tuy thấy

thân của Đức Phật nhưng đối với mọi tướng tốt đẹp thì Tâm chưa thấu tỏ, hai mươi mốt ngày sau mới mỗi mỗi thấy rõ ràng, nghe mọi âm thanh đều diễn Diệu Pháp, du lịch mười phương cúng dường chư Phật, ở trước mặt chư Phật nghe Pháp thâm sâu, trải qua ba Tiểu Kiếp được **Bách Pháp Minh Môn** (sáng suốt thông đạt trăm loại Pháp Môn), trụ **Hoan Hỷ Địa** (Pramuditā-bhūmi).

Đây gọi là **Thượng Phẩm Hạ Sinh**



Quán Thượng Phẩm Hạ Sinh

Đây gọi là **Thượng Bối Sinh Tưởng** (Quán tưởng sinh vào nhóm bậc trên), gọi là **Quán thứ mười bốn**

Tác Quán này thì gọi là Chính Quán, nếu Quán khác thì gọi là Tà Quán".

_ Đức Phật bảo A Nan với Vi Đề Hy: "**Trung Phẩm Thượng Sinh**: Nếu có chúng sinh thọ trì năm Giới, thọ trì tám Giới Trai, tu hành các Giới, chẳng tạo năm nghịch, không có mọi lỗi lầm ác. Dùng căn lành này hồi hướng nguyện cầu sinh về Thế Giới Cực Lạc ở phương Tây

Khi Hành Giả sắp chết thời Đức Phật A Đi Đà cùng với các vị Tỳ Khưu quyến thuộc vây quanh, phóng ánh sáng màu vàng ròng, đến chỗ của người ấy, diễn nói: **Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã**, khen ngợi xuất gia được lìa mọi khổ.

Hành Giả thấy xong, Tâm rất vui vẻ, tự thấy thân của mình ngồi ở đài hoa sen, quỳ thẳng lưng, chắp tay lễ Đức Phật, chưa đến khoảng ngẩng đầu lên liền được sinh về Thế Giới Cực Lạc, hoa sen sắp nở. Ngay lúc hoa nở thời nghe mọi âm thanh khen ngợi **bốn Đế**, ứng thời liền được **A La Hán Đạo**, **ba Minh**, **sáu Thông**, đủ **tám Giải Thoát.**

Đây gọi là **Trung Phẩm Thượng Sinh**



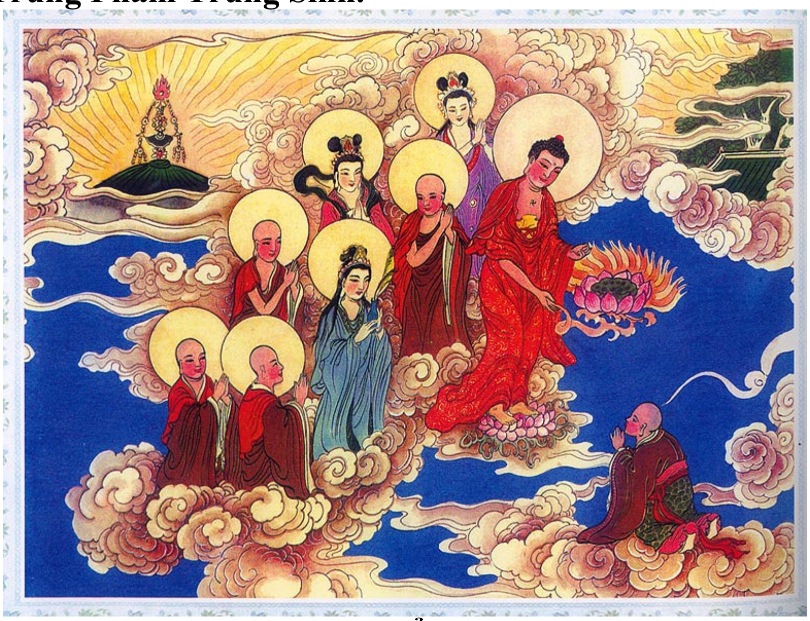
Quán Trung Phẩm Thượng Sinh

Trung Phẩm Trung Sinh: Nếu có chúng sinh hoặc một ngày một đêm giữ tám **Giới Trai**, hoặc một ngày một đêm giữ **Sa Di Giới**, hoặc một ngày một đêm giữ **Cụ Túc Giới**…uy nghi không thiếu sót. Dùng Công Đức này hồi hướng, nguyện cầu sinh về nước Cực Lạc, **Giới Hương** xông ướp tu hành.

Như Hành Giả này, lúc mạng sắp hết thời nhìn thấy Đức Phật A Di Đà cùng với các Quyến Thuộc phóng ánh sáng vàng ròng, cầm hoa sen bảy báu đến trước mặt Hành Giả. Hành Giả tự nghe trong hư không có tiếng khen rằng: *"Thiện Nam Tử* (Kula-putra) *! Người Thiện như ngươi tùy thuận lời dạy bảo của chư Phật ba đời nên Ta đến nghênh đón ngươi"*

Hành Giả tự thấy mình ngồi trên hoa sen, hoa sen liền khép lại, sinh ngay trong ao báu tại Thế Giới Cực Lạc ở phương Tây, trải qua bảy ngày, hoa sen mới nở. Hoa đã nở bày xong thì mở mắt, chắp tay khen ngợi Đức Thế Tôn, nghe Pháp, vui vẻ được **Tu Đà Hoàn** (Srota-āpanna), trải qua nửa Kiếp được thành **A La Hán** (Arhate)

Đây gọi là **Trung Phẩm Trung Sinh.**



Quán Trung Phẩm Trung Sinh

Trung Phẩm Hạ Sinh: Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện hiếu dưỡng cha mẹ, thực hành Nhân Nghĩa của đời. Người này lúc mạng muốn hết thời gặp vị **Thiện Tri Thức** (Kalyāṇamitra) vì họ rộng nói việc vui sướng trong cõi nước của Đức Phật A Di Đà, cũng nói bốn mươi tám Nguyện lớn của Tỳ Khưu **Pháp Tạng**. Nghe việc này xong, bỗng liền dứt mạng, ví như khoảng người tráng sĩ co duỗi cánh tay, liền sinh về Thế Giới Cực Lạc ở phương Tây. Sinh xong, trải qua bảy ngày, gặp Quán Thế Âm với Đại Thế Chí. Nghe Pháp vui vẻ được **Tu Đà Hoàn** (Srota-āpanna) hơn một Tiểu Kiếp thành **A La Hán** (Arhate)

Đây gọi là **Trung Phẩm Hạ Sinh.**



Quán Trung Phẩm Hạ Sinh

Đây gọi là **Trung Bối Sinh Tưởng** (Quán tưởng sinh vào nhóm bậc giữa), gọi là **Quán thứ mười lăm**

Tác Quán này thì gọi là Chính Quán, nếu Quán khác thì gọi là Tà Quán".

_ Đức Phật bảo A Nan với Vi Đề Hy: "**Hạ Phẩm Thượng Sinh**: Hoặc có chúng sinh làm mọi nghiệp ác, tuy chẳng chê bai bêu rếu Kinh Điển **Phương Đẳng**

Như người ngu này, phần lớn gây tạo Pháp ác, không có xấu hổ. Lúc mạng muốn hết thời gặp vị Thiện Tri Thức vì họ khen ***đầu đề, danh tự*** của 12 Bộ Kinh Đại Thừa. Đã nghe tên của các Kinh như vậy cho nên trừ khử nghiệp ác cực nặng trong một ngàn kiếp. Bậc Trí lại dạy chắp tay, chéo bàn tay, xưng "**Nam mô A Di Đà Phật**". Do xưng tên PHật cho nên trừ được tội của năm mươi ức kiếp sinh tử. Lúc đó Đức Phật ấy liền khiến Hóa Phật, Hóa Quán Thế Âm, Hóa Đại Thế Chí đến trước mặt Hành Giả, khen rằng: "*Lành thay Thiện Nam Tử ! Do ngươi xưng tên Phật cho nên các tội tiêu diệt. Ta đến đón ngươi"*

Nói lời này xong, Hành Giả liền thấy ánh sáng của vị Hóa Phật tràn đầy cái thấy ấy. Nhìn thấy xong, vui vẻ tức liền dứt mạng, nương theo hoa sen báu đi theo sau vị Hóa Phật, sinh trong ao báu. Trải qua bốn mươi chín ngày hoa sen mới nở bày. Ngay lúc hoa nở thời **Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát** với **Đại Thế Chí Bồ Tát** phóng ánh sáng lớn, đứng trước mặt người ấy, vì họ nói 12 Bộ Kinh thâm sâu. Nghe xong, tin hiểu, phát Tâm Vô Thượng Đạo, trải qua mười Tiểu Kiếp, đủ **bách Pháp Minh Môn**, được vào **Sơ Địa** (tức Hoan Hỷ Địa)

Đây gọi là **Hạ Phẩm Thượng Sinh**. Được nghe tên Phật, tên Pháp với tên Tăng. Nghe tên Tam Bảo liền được vãng sinh.



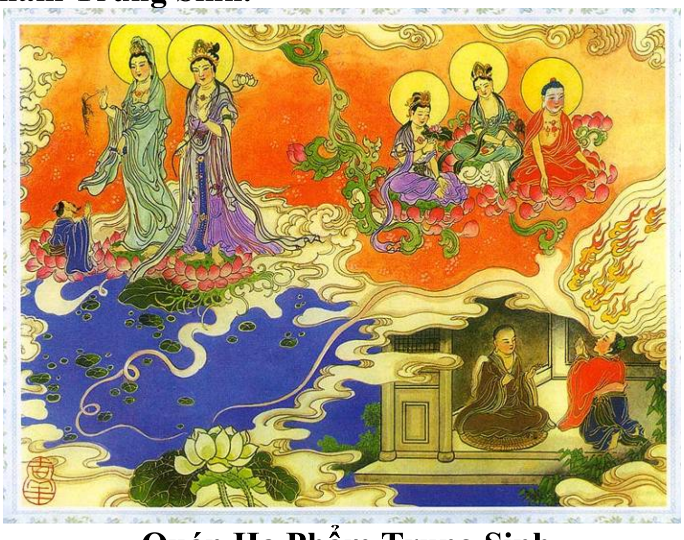
Quán Hạ Phẩm Thượng Sinh

_ Đức Phật bảo A Nan với Vi Đề Hy: "**Hạ Phẩm Trung Sinh**: Hoặc có chúng sinh hủy phạm năm Giới, tám Giới với Cụ Túc Giới.

Như người ngu này, trộm vật dụng của Tăng Kỳ (Sāṃghika: Chúng), ăn cắp vật dụng của Tăng hiện tiền, chẳng trong sạch nói Pháp, không có xấu hổ, dùng các Pháp ác ấy mà tự trang nghiêm. Như tội nhân này do nghiệp ác cho nên đáng bị rơi vào Địa Ngục. Khi mạng muốn dứt thời mọi lửa của Địa Ngục đều đến cùng một lúc, gặp vị Thiện Tri Thức dùng Đại Từ Bi, liền vì họ khen nói Uy Đức mười Lực của Đức Phật A Di Đà, rộng khen Thần Lực ánh sáng của Đức Phật ấy, cũng khen ngợi **Giới, Định, Tuệ, Giải Thoát, Giải Thoát Tri Kiến**

Người này nghe xong, trừ được tội của tám mươi ức kiếp sinh tử, lửa mạnh của Địa Ngục hóa làm ngọn gió mát thổi các hoa Trời. Trên hoa đều có Hóa Phật Bồ Tát nghênh đón người này, như khoảng một niệm liền được vãng sinh ở hoa sen trong ao bảy báu, trải qua sáu kiếp hoa sen mới nở bày. Ngay lúc hoa nở thời Quán Thế Âm, Đại Thế Chí dùng **Phạm Âm** (Brahma-ghoṣa) an ủi người ấy, vì họ nói Kinh Điển thâm sâu của Đại Thừa. Nghe Pháp này xong, ứng thời liền phát Tâm Vô Thượng Đạo.

Đây gọi là **Hạ Phẩm Trung Sinh.**



Quán Hạ Phẩm Trung Sinh

_ Đức Phật bảo A Nan với Vi Đề Hy: "**Hạ Phẩm Trung Sinh**: Hoặc có chúng sinh tạo làm nghiệp Bất Thiện, năm nghịch, mười ác, đủ các việc chẳng lành

Như người ngu này do nghiệp ác cho nên đáng bị rơi vào đường ác, trải qua nhiều kiếp chịu khổ vô cùng.

Như người ngu này lúc mạng sắp dứt thời gặp vị Thiện Tri Thức dùng mọi thứ an ủi, vì họ nói Diệu Pháp, khiến niệm Phật. Người ấy bị khổ ép bức, chẳng rảnh rỗi niệm Phật. Vị **Thiện Hữu** bảo rằng: "*Nếu ngươi chẳng thể niệm Đức Phật ấy thì nên xưng "**Quy mệnh Vô Lượng Thọ Phật**", như vậy chí Tâm khiến tiếng chẳng dứt, đầy đủ mười niệm, xưng "**Nam mô A Di Đà Phật**". Vì xưng tên Phật cho nên ở trong mỗi một niệm, trừ được tội của tám mươi ức kiếp sinh tử*"

Khi mạng dứt thời nhìn thấy hoa sen vàng giống như vành mặt trời trụ trước mặt người ấy, như khoảng một niệm liền được sinh về Thế Giới Cực Lạc, ở trong hoa sen đủ mười hai Đại Kiếp thì hoa sen mới nở. Ngay lúc hoa nở thời Quán Thế Âm, Đại Thế Chí dùng âm thanh Đại Bi liền vì người ấy rộng nói Thật Tướng, Pháp trừ diệt tội. Nghe xong vui vẻ, ứng thời liền phát **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta)

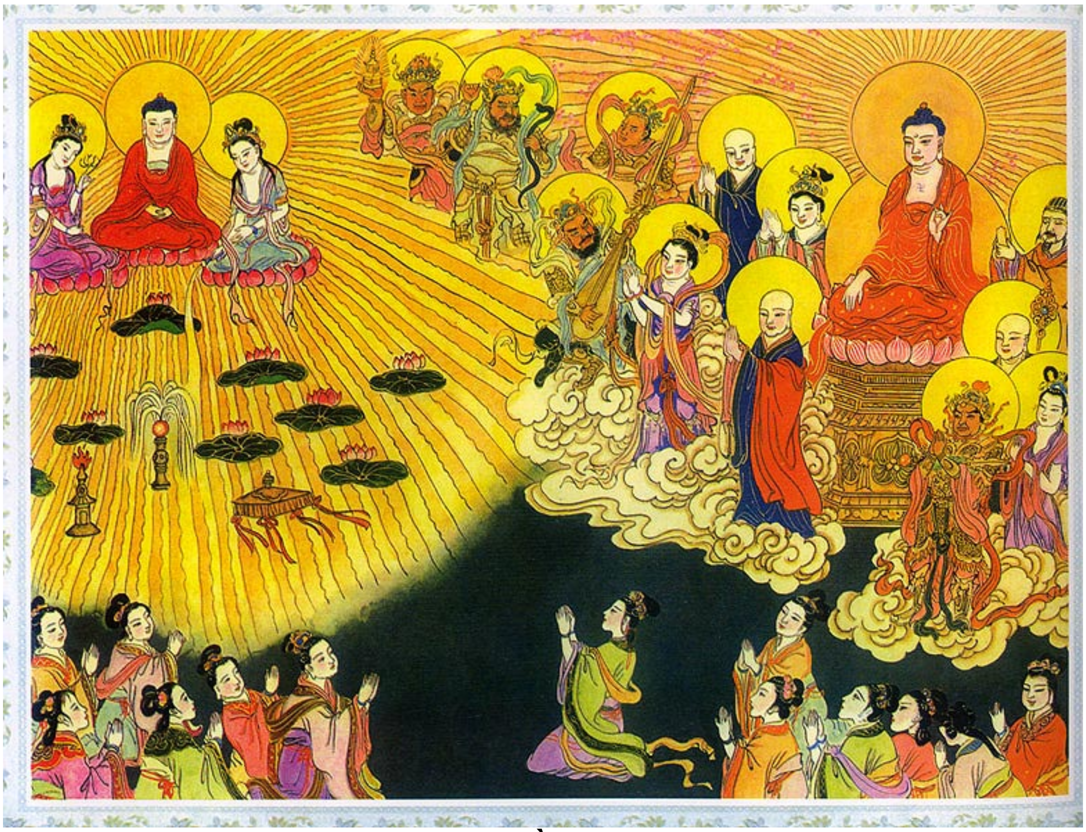
Đây là **Hạ Phẩm Hạ Sinh**



Quán Hạ Phẩm Hạ Sinh

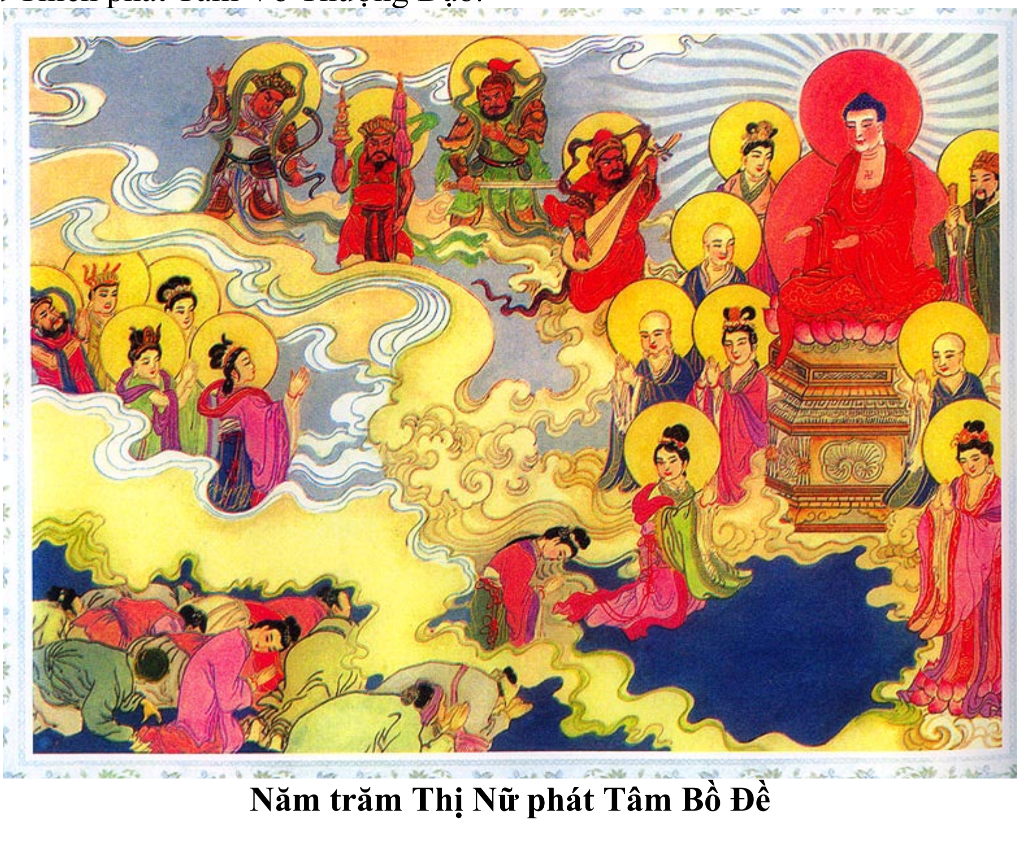
Đây gọi là **Hạ Bối Sinh Tưởng** (Quán tưởng sinh vào nhóm bậc dưới), gọi là **Quán thứ mười sáu**"

Khi Đức Thế Tôn nói lời này thời Vi Đề Hy cùng với năm trăm **Thị Nữ** nghe điều Đức Phật đã nói, ứng thời liền nhìn thấy tướng dài rộng của Thế Giới Cực Lạc, được nhìn thấy thân Phật với hai vị Bồ Tát, Tâm sinh vui vẻ, khen **chưa từng có**, đột nhiên Đại Ngộ, được **Vô Sinh Nhẫn**.



Bà Vi Đề Hy ngộ Đạo

Năm trăm Thị Nữ phát Tâm **A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề** (Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác), nguyện sinh về nước ấy. Đức Thế Tôn thọ ký cho đều sẽ được vãng sinh. Sinh về nước ấy xong, đắc được **Chư Phật Hiện Tiền Tam Muội**. Vô lượng chư Thiên phát Tâm Vô Thượng Đạo.



Năm trăm Thị Nữ phát Tâm Bồ Đề

Bấy giờ A Nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, bạch Phật rằng: “Thế Tôn ! Nên dùng tên nào gọi Kinh này ? Điều thiết yếu của Pháp này nên thọ trì như thế nào?”

Đức Phật bảo A Nan: “Kinh này tên là **Quán cõi nước Cực Lạc, Vô Lượng Thọ Phật, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát**, cũng có tên là **Tịnh Trừ Nghiệp Chướng Sinh trước mặt chư Phật**. Các ngươi thọ trì không để cho quên mất. Người hành Tam Muội này thì thân dời này được nhìn thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ với hai vị Đại Sĩ.

Nếu kẻ trai lành, người nữ thiện chỉ nghe tên Phật, tên hai vị Bồ Tát sẽ trừ được tội của vô lượng kiếp sinh tử, huống chi là nhớ niệm.

Nếu người niệm Phật thì nên biết người này tức là hoa **Phân Đà Lợi** (Puṇḍarīka: Hoa sen trắng) trong loài người. Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát là bạn thù thắng của người ấy, sẽ ngồi ở Đạo Trường, sinh trong nhà của chư Phật”

Đức Phật bảo A Nan: “Ông giữ gìn lời này cho tốt. Người giữ gìn lời này tức là giữ gìn tên của Đức Phật Vô Lượng Thọ”

Khi Đức Phật nói Kinh này thời Tôn Giả Mục Liên, Tôn Giả A Nan với nhóm Vi Đề Hy nghe điều Đức Phật đã nói, đều rất vui vẻ.



Cung vua lưu thông Kinh này

Bấy giờ Đức Thế Tôn bước đi trên hư không, quay trở về núi Kỳ Xà Quật.



Đức Phật đi trên hư không quay về núi Kỳ Xà Quật

Khi ấy A Nan rộng vì Đại Chúng nói việc như trên. Vô lượng **Trời** (Deva), **Rồng** (Nāga), **Thần** (Devatā), **Dạ Xoa** (Yakṣa) nghe điều Đức Phật đã nói đều rất vui vẻ, lễ Phật rồi lui ra.



Tại núi Kỳ Xà Quật lưu thông Kinh này

PHẬT NÓI KINH QUÁN VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT

Hết

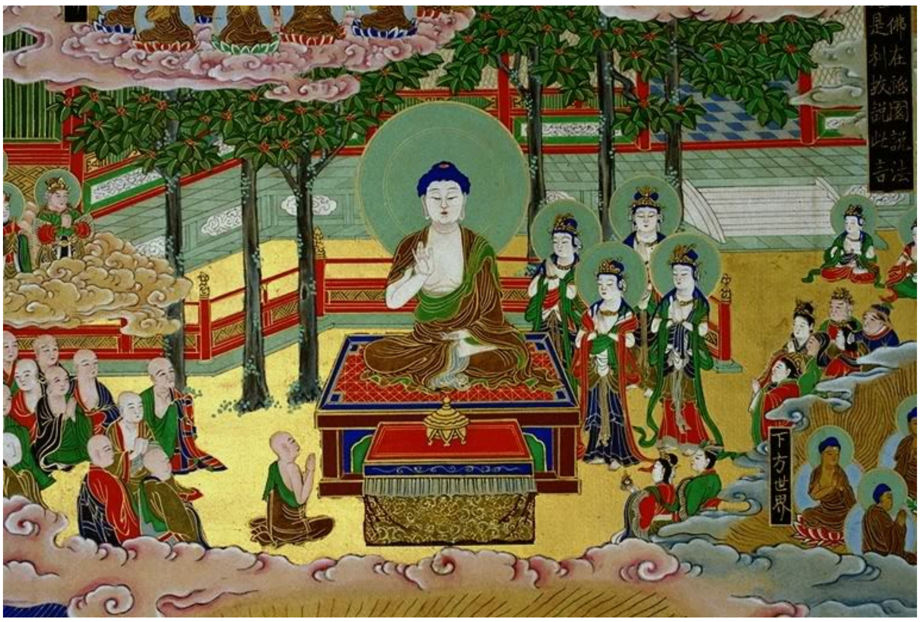
02/12/2011

Đại Tạng Kinh_ Tập 12_ No.366

PHẬT NÓI KINH A DI ĐÀ
(Sukhāvatī-vyūhaḥ)

Hán dịch: Đời Diêu Tần_Quy Tư Tam Tạng CƯU MA LA THẬP (Kumārajīva)
Việt dịch: HUYỀN THANH
Hình ảnh minh hoạ: **The Amida sutra mandala**

Như vậy tôi nghe. Một thời Đức Phật ngự trong vườn **Kỳ Thọ Cấp Cô Độc** (Jeṭavaṇe'nāthapiṇḍadasyārāma) tại nước **Xá-Vệ** (Śrāvastya) cùng với Đại Tỳ Kheo Tăng (Mahatā-bhikṣu-saṃgha) gồm một ngàn hai trăm năm mươi người đến dự, đều là bậc **Đại A La Hán** (Mahā-śrāvaka:Đại Thanh Văn) mà mọi người đã biết như: Trưởng lão **Xá Lợi Phất** (Śāriputra), **Ma Ha Mục Kiền Liên** (Mahā-Māudgalyāyana)**, Ma Ha Ca Diếp** (Mahā-Kāśyapa)**, Ma Ha Ca Chiên Diên** (Mahā-Kātyāyana)**, Ma-Ha Câu Hy La** (Mahā-Kauṣṭhila)**, Ly Bà Đa** (Revata)**, Châu Lợi Bàn Đà Già** (Śuddhipanthaka)**, Nan Đà** (Nanda)**, A Nan Đà** (Ānanda)**, La Hầu La** (Rāhula)**, Kiều Phạm Ba Đề** (Gavāṃpati)**, Tân Đầu Lô Phả La Đọa** (Bharadvāja)**, Ca Lưu Đà Di** (Kālodayi)**, Ma Ha Kiếp Tân Na** (Mahā-Kapphina)**, Bạc Câu La** (Vakkula)**, A Nậu Lâu Đà** (Aniruddha). Các Đại Đệ Tử của nhóm như vậy kèm với các Bồ Tát Ma Ha Tát (Mahā-bodhisatva: Đại Bồ Tát), **Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử** (Mañjuśrī-dharma-rāja-putra)**,** Bồ Tát **A Dật Đa** (Ajita:Vô Năng Thắng), Bồ Tát **Càn Đà Ha Đề** (Gandha-hasta:Hương Tượng), Bồ Tát **Thường Tinh Tấn** (Nityodyukta) và các vị Đại Bồ Tát của nhóm như vậy với vô lượng chư Thiên của hàng **Thích Đề Hoàn Nhân** (Śakra), **Đại Chúng** (Mahāsaṃgha) cùng đến dự.



Bấy giờ Đức Phật bảo Trưởng lão Xá Lợi Phất:



"Từ đây về phương Tây, vượt hơn mười vạn ức cõi Phật, có Thế Giới tên là **Cực Lạc** (Sukhavati)



Trong cõi ấy có Đức Phật hiệu là **A Di Đà** (Amitāyur:Vô Lượng Thọ) ngày nay, hiện đang nói Pháp.



Này Xá Lợi Phất ! Vì sao cõi ấy có tên là **Cực Lạc**? Vì chúng sanh trong nước ấy không có mọi nỗi khổ, chỉ nhận các niềm vui, nên gọi là Cực Lạc.

Lại Xá Lợi Phất ! Cõi nước Cực Lạc có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới võng, bảy lớp hàng cây.. đều là bốn báu, vây quanh vòng khắp. Chính vì thế cho nên nước ấy có tên là Cực Lạc.



Lại Xá Lợi Phất! Cõi nước Cực Lạc có ao bảy báu, trong ấy tràn đầy nước tám Công Đức, đáy ao thuần dùng cát vàng trải làm mặt đất. Bốn bên có thềm bậc, đường đi đều do vàng (Suvarṇa), bạc (Rūpya), Lưu Ly (Vaiḍùrya), Pha Lê

(Sphaṭika) hợp thành. Bên trên có lầu gác cũng dùng vàng, bạc, Lưu Ly, Pha Lê, Xa Cừ (Musāra-galva), xích châu (Lohita-mukta), Mã Não (Aśma-garbha) để nghiêm sức.

Hoa sen trong ao, lớn như bánh xe, màu xanh (Nīla-varṇāni) có ánh sáng xanh (Nīlanirbhāsāni), màu vàng (Pīta-varṇāni) có ánh sáng vàng (Pītanirbhāsāni), màu đỏ (lohita-varṇāni) có ánh sáng đỏ (Lohitanirbhāsāni), màu trắng (Avadāta-varṇāni) có ánh sáng trắng (Avadātanirbhāsāni)… trong sạch thơm tho vi diệu.



Này Xá Lợi Phất ! Cõi nước Cực Lạc thành tựu Công Đức trang nghiêm như vậy.

Lại Xá Lợi Phất ! Cõi nước Phật (Buddha-kṣetra) ấy thường tấu nhạc Trời, đất bằng vàng ròng. Ngày đêm sáu thời, Trời tuôn mưa hoa Mạn Đà La (Mandarava-puṣpa). Chúng sinh trong nước ấy thường vào lúc sáng sớm, đều dùng vạt áo đựng đầy mọi hoa thơm, cúng dường mười vạn ức Phật ở phương khác, đến giờ ăn thời quay về nước của mình, ăn cơm xong rồi đi Kinh Hành.



Này Xá Lợi Phất ! Cõi nước Cực Lạc thành tựu Công Đức trang nghiêm như vậy.

Lại nữa, Xá-Lợi-Phất ! Nước ấy thường có mọi loại chim đủ màu sắc xinh đẹp lạ kỳ như chim: Bạch Hạc (Haṃsa), Khổng Tước (Mayūra), Anh Vũ (Krauñcā), Xá Lợi (Śāli), Ca Lăng Tần Già (Kalaviñka), Cộng Mệnh Điểu…. Các loài chim đó, ngày đêm sáu Thời, phát ra âm thanh hòa nhã. Âm thanh ấy diễn xướng Pháp của nhóm như vầy: **năm Căn** (Pañca-indrya), **năm Lực** (Pañca-bala), **bảy Bồ Đề Phần** (Sapta-bodhyaṅga), **tám Thánh Đạo Phần** (Aṣṭāngika-marga).... Chúng sinh trong cõi ấy nghe âm thanh đó xong thảy đều niệm Phật (Buddha-manasikāra), niệm Pháp (Dharma-manasikāra), niệm Tăng (Saṃgha-manasikāra)



Xá-Lợi-Phất ! Ông đừng nói rằng*:"Loài chim này thật là nơi sinh của tội báo".* Tại sao thế ? Vì cõi nước Phật ấy không có ba nẻo ác.

Này Xá-Lợi-Phất ! Cõi nước Phật ấy còn không có tên gọi của ba nẻo ác, huống chi lại có thật. Các loài chim đó đều do Đức Phật A Di Đà muốn khiến cho Pháp Âm được tuyên lưu nên biến hóa tạo ra.

Xá-Lợi-Phất ! Cõi nước Phật ấy, gió nhẹ thổi động các hàng cây báu với lưới võng báu liền tuôn ra âm thanh vi diệu, ví như trăm ngàn thứ nhạc cùng tấu chung một lúc. Người nghe âm thanh đó, tự nhiên sinh tâm: niệm Phật (Buddhānusmṛti), niệm Pháp (Dharmānusmṛti), niệm Tăng (saṃghānusmṛti)

Này Xá Lợi Phất ! Cõi nước Cực Lạc thành tựu Công Đức trang nghiêm như vậy.

Xá Lợi Phất ! Ý ông thế nào ? Vì sao Đức Phật ấy có hiệu là **A Di Đà** (Amitābha:Vô Lượng Quang)?

Xá-Lợi-Phất ! Đức Phật ấy tỏa ánh sáng vô lượng, chiếu soi các cõi nước trong mười phương không có chướng ngại. Chính vì thế cho nên có hiệu là **A Di Đà** (Amitābha:Vô Lượng Quang)

[Này Xá Lợi Phất ! Vì sao Đức Phật ấy có tên gọi là **A Di Đà** (Amitāyur:Vô Lượng Thọ)?]

Lại Xá-Lợi-Phất! Thọ Mệnh của Đức Phật với người dân của Ngài kéo dài vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp, cho nên có tên là **A Di Đà** (Amitāyur :Vô Lượng Thọ)



Xá Lợi Phất ! Đức Phật A Di Đà thành Phật đến nay đã được mười kiếp

Lại Xá-Lợi-Phất ! Đức Phật ấy có vô lượng vô biên Đệ Tử **Thanh Văn** (Śrāvaka) đều là A La Hán (Arhate), chẳng phải là chỗ có thể biết được do tính đếm. Các Bồ Tát cũng lại như vậy.

Này Xá Lợi Phất ! Cõi nước Cực Lạc thành tựu Công Đức trang nghiêm như vậy.

Lại Xá-Lợi-Phất ! Chúng sinh trong cõi nước Cực Lạc đều là bậc Bất Thoái Chuyển (Avaivartika). Trong ấy phần lớn là bậc Nhất Sinh Bổ Xứ (ekajāti-pratibaddha), số đó rất nhiều, chẳng phải là chỗ hay biết của sự tính đếm, chỉ có thể dùng số vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp mà nói.

Xá-Lợi-Phất ! Chúng sinh nghe điều đấy, cần phải phát nguyện, nguyện sinh về nước ấy. Tại sao thế ? Vì được cùng với các người **Thượng Thiện** tụ hội tại một chỗ.



Xá-Lợi-Phất! Chẳng thể dùng chút ít Căn lành, Phước Đức, Nhân Duyên mà được sinh về cõi đó.

Xá-Lợi-Phất! Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện nghe nói về Đức Phật A Di Đà , rồi chấp trì danh hiệu, hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày, một lòng chẳng loạn. Lúc người ấy lâm chung thời Đức Phật A Di Đà cùng với các Thánh Chúng hiện ngay trước mặt người đó. Khi người đó chết thời tâm chẳng điên đảo, liền được vãng sinh về cõi nước Cực Lạc của đức Phật A Di Đà.



Này Xá-Lợi-Phất! Ta thấy lợi ích đó cho nên nói lời này. Nếu có chúng sinh nghe điều đã nói đó, cần phải phát nguyện sinh về cõi nước ấy.

Xá-Lợi-Phất ! Như Ta ngày nay khen ngợi Công Đức chẳng thể nghĩ bàn của Đức Phật A Di Đà.

Phương Đông (Pūrvasyāṃ-diśi) cũng có Đức Phật **A Súc Bệ** (Akṣobhya), Đức Phật **Tu Di Tướng** (Meru-lakṣaṇa)**,** Đức Phật **Đại Tu Di** (Mahā-merur)**,** Đức Phật **Tu Di Quang** (Meru-prabhāsa)**,** Đức Phật **Diệu Âm** (Mañju-ghoṣa)**.** Hằng hà sa số chư Phật thuộc nhóm như vậy, đều ở nước của mình, hiện ra tướng lưỡi rộng dài che khắp ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, nói lời thành thật rằng: "Chúng sinh các ngươi nên tin Kinh **Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm** đó".



Này Xá Lợi Phất ! Thế Giới ở phương Nam (Dakṣiṇasyāṁ diśi) có Đức Phật **Nhật Nguyệt Đăng** (Candra-sūrya-pradīpa), Đức Phật **Danh Văn Quang** (Yaśaḥ-prabha)**,** Đức Phật **Đại Diệm Kiên** (Mahārciḥ-skandha)**,** Đức Phật **Tu Di Đăng** (Meru-pradīpa)**,** Đức Phật **Vô Lượng Tinh Tiến** (Ananta-vīrya)**.** Hằng hà sa số chư Phật thuộc nhóm như vậy, đều ở nước của mình, hiện ra tướng lưỡi rộng dài che khắp ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, nói lời thành thật rằng: "Chúng sinh các ngươi nên tin Kinh **Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm** đó".



Này Xá Lợi Phất ! Thế Giới ở phương Tây (Paścimāyāṁ diśi) có Đức Phật **Vô Lượng Thọ** (Amitāyur), Đức Phật **Vô Lượng Tướng** (Amita-lakṣaṇa)**,** Đức Phật **Vô Lượng Tràng** (Amita-dhvaja)**,** Đức Phật **Đại Quang** (Mahā-prabha)**,** Đức Phật **Đại Minh** (Mahā-vidya), Đức Phật **Bảo Tướng** (Ratna-lakṣaṇa), Đức Phật **Tịnh Quang** (Śuddha-raśmi-prabha)**.** Hằng hà sa số chư Phật thuộc nhóm như vậy, đều ở nước của mình, hiện ra tướng lưỡi rộng dài che khắp ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, nói lời thành thật rằng: "Chúng sinh các ngươi nên tin Kinh **Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm** đó".



Này Xá Lợi Phất ! Thế Giới ở phương Bắc (Uttarāyāṁ diśi) có Đức Phật **Diệm Kiên** (Arciḥ-skandha), Đức Phật **Tối Thắng Âm** (Vaiśvānara-nirghoṣa)**,** Đức Phật **Nan Trở** (Duṣpradharsa)**,** Đức Phật **Nhật Sinh** (Āditya-saṃbhava)**,** Đức Phật **Võng Minh** (Jaleni-prabha)**.** Hằng hà sa số chư Phật thuộc nhóm như vậy, đều ở nước của mình, hiện ra tướng lưỡi rộng dài che khắp ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, nói lời thành thật rằng: "Chúng sinh các ngươi nên tin Kinh **Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm** đó".



Này Xá Lợi Phất ! Thế Giới ở phương bên dưới (Adhastāyāṁ diśi) có Đức Phật **Sư Tử** (Siṃha), Đức Phật **Danh Văn** (Yaśa)**,** Đức Phật **Danh Quang** (Yaśaḥ-prabha)**,** Đức Phật **Đạt Ma** (Dharma)**,** Đức Phật **Pháp Tràng** (Dharma-dhvaja), Đức Phật **Trì Pháp** (Dharma-dhara)**.** Hằng hà sa số chư Phật thuộc nhóm như vậy, đều ở nước của mình, hiện ra tướng lưỡi rộng dài che khắp ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, nói lời thành thật rằng: "Chúng sinh các ngươi nên tin Kinh **Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm** đó".



Này Xá Lợi Phất ! Thế Giới ở phương bên trên (Upariṣṭhāyāṁ diśi) có Đức Phật **Phạm Âm** (Brahma-ghoṣa), Đức Phật **Tú Vương** (Nakṣatra-rāja)**,** Đức Phật **Hương Thượng** (Gandhottama)**,** Đức Phật **Hương Quang** (Gandha-prabhāsa)**,** Đức Phật **Đại Diệm Kiên** (Mahārciḥ-skandha), Đức Phật **Tạp Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân** (Ratna-kusuma-saṃpuṣpita-gātra), Đức Phật **Sa La Thọ Vương** (Sālendra-rāja), Đức Phật **Bảo Hoa** (Ratnopala-śrīr), Đức Phật **Kiến Nhất Thiết Nghĩa** (Sarvārtha-darśi), Đức Phật **Như Tu Di Sơn** (Sumeru-kalpa)**.** Hằng hà sa số chư Phật thuộc nhóm như vậy, đều ở nước của mình, hiện ra tướng lưỡi rộng dài che khắp ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, nói lời thành thật rằng: "Chúng sinh các ngươi nên tin Kinh **Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm** đó".



Này Xá Lợi Phất ! Ý của ông thế nào? Vì sao gọi là Kinh **Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm** (sarva-buddha-parigrahaṃ)?".

Xá Lợi Phất ! Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện nghe Kinh đó rồi thọ trì thì các kẻ trai lành, người nữ thiện ấy đều được tất cả chư Phật cùng chung hộ niệm, đều được chẳng thoái lui nơi A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề (Anuttarāṃ-samyaksaṃbuddhi:Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác)

Chính vì thế cho nên Xá Lợi Phất ! Các ông đều nên tin nhận lời của Ta với điều mà chư Phật đã nói.

Này Xá Lợi Phất ! Nếu có người đã phát Nguyện, đang phát Nguyện, sẽ phát Nguyện, muốn sinh về nước của Đức Phật A Di Đà thì các nhóm người đó đều được chẳng thoái lui nơi A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề. Ở cõi nước ấy, hoặc đã sinh, hoặc nay sinh, hoặc sẽ sinh

Chính vì thế cho nên Xá Lợi Phất ! Các kẻ trai lành, người nữ thiện…nếu có niềm tin, cần phải phát nguyện sinh về cõi nước ấy.



Này Xá-Lợi-Phất ! Như Ta ngày nay khen ngợi Công Đức chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật thì các Đức Phật ấy cũng xưng nói Công Đức chẳng thể nghĩ bàn của Ta, mà nói lời này: "Đức Phật **Thích Ca Mâu Ni** (Śākyamuṇi) hay làm việc hiếm có, rất khó khăn, hay ở cõi nước Sa Bà trong đời ác năm Trược: Kiếp Trược (Kalpa–kaṣāya), Kiến Trược (Dṛṣṭi-kaṣāya), Phiền Não Trược (Kleśa-kaṣāya), Chúng Sinh Trược (Satva-kaṣāya), Mệnh Trược (āyuskaṣāya)…đắc A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề, vì các chúng sinh nói **Pháp** mà tất cả Thế Gian **khó tin** đó".

Xá-Lợi-Phất! Nên biết, Ta ở đời ác năm Trược, hành việc khó này, được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề, vì tất cả Thế Gian nói Pháp khó tin này. Đó là việc rất khó! “

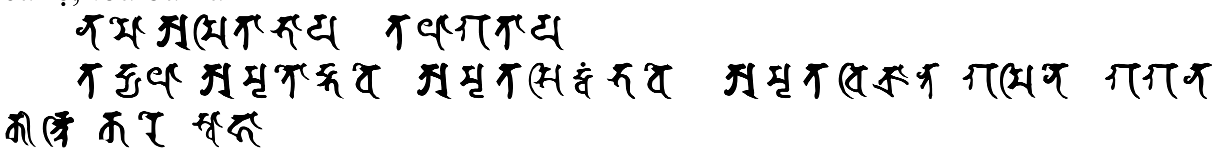
Đức Phật nói Kinh này xong thời Xá Lợi Phất với các Tỳ Kheo, tất cả hàng Trời, Người, A-Tu-La trong Thế Gian, nghe điều Đức Phật đã nói, đều vui vẻ tin nhận, làm lễ rồi lui ra.



PHẬT NÓI KINH A DI ĐÀ (Hết)

_ Đức Phật **Vô Lượng Thọ** nói **Vãng Sinh Tịnh Thổ Chú:**

"Nam mô a di đa bà dạ, đá tha già đá dạ, đá địa dạ tha. A di lợi đô bà tỳ, A di lợi đá tất đam bà tỳ, A di lợi đá tỳ ca lan đá, già di nị, già già na, chỉ đa, ca lệ, toa bà ha"



Namo amitābhāya tathāgatāya

Tadyathā: amṛtodbhave, amṛta siddhaṃbhave, amṛta vikrānta gamine, gagana kīrtti kare svāhā

Người tụng Chú này thường có Đức Phật A Di Đà trụ trên đỉnh đầu, sau khi mệnh chung, tùy ý vãng sinh

_ Bồ Tát **Long Thọ** nguyện sinh về cõi **An Dưỡng**, nằm mộng mà cảm được Chú này

Tam Tạng **Gia Xá** tụng Chú này. Chùa **Thiên Bình**, Tú Pháp Sư được Tam Tạng truyền miệng bài Chú này. Người ấy nói: "Kinh Bản chẳng đến từ nước ngoài"

Thọ trì Chú Pháp, ngày đêm sáu Thời đều tụng 21 biến. Sáng sớm, ban đêm đều tắm rửa súc miệng, nhai nhấm cành Dương, thắp hương, đốt lửa, ở trước hình tượng, quỳ gối, chắp tay tụng 21 biến. Ngày ngày luôn như vậy liền diệt được bốn tội **nặng**, năm tội **nghịch**, mười tội **ác**. Tội chê bai Phương Đẳng… đều được trừ diệt, hiện tại chẳng bị tất cả các Quỷ Thần tà gây não loạn. Sau khi mệnh chung, tùy ý vãng sinh về nước của Đức Phật A Di Đà, huống chi ngày đêm đọc tụng, thọ trì ắt được Công Đức chẳng thể nghĩ bàn.

PHẬT NÓI KINH A DI ĐÀ
QUYỂN THỨ NHẤT (Hết)

14/06/2010



Đại Tạng Kinh_ Tập 12_ No.367

KINH XƯNG TÁN TỊNH ĐỘ PHẬT NHIẾP THỌ

Hán dịch: Đại Đường Tam Tạng Pháp Sư HUYỀN TRANG phụng chiếu dịch
Việt dịch: HUYỀN THANH
Đồ hình minh họa: Sưu tập từ trang web **buddha-dharma.org** với vài hình ảnh ở nơi khác

Như vậy tôi nghe. Một thời Đức Bạc Già Phạm (Bhagavān) ngự tại **Thất La Phiệt** (Śrāvastya), trụ ở vườn **Cấp Cô Độc** (Anāthapiṇḍadasyārāma) trong rừng **Thệ Đa** (Jeṭavaṇa) cùng với chúng Đại Bật Sô (Mahā-bhikṣu) gồm một ngàn hai trăm năm mươi người đến dự, tất cả đều là chúng Thanh Văn Tôn Túc, bậc Đại A La Hán mà mọi người đã biết. Các vị ấy tên là: Tôn Giả **Xá Lợi Tử** (Śāriputra), **Ma Ha Mục Kiền Liên** (Mahā-Māudgalyāyana)**, Ma Ha Ca Diếp** (Mahā-Kāśyapa)**, A Nê Luật Đà** (Aniruddha). …. Các **Đại Thanh Văn** (Mahā-śrāvaka) của nhóm như vậy đều là bậc **Thượng Thủ** (Pramukha)

Lại cùng với vô lượng Bồ Tát Ma Ha Tát đến dự. Tất cả đều trụ địa vị Bất **Thoái Chuyển** (Avaivartika), có vô lượng **Công Đức** (Guṇa), mọi chỗ trang nghiêm. Tên các vị ấy là: Bồ Tát **Diệu Cát Tường** (Mañjuśrī), Bồ Tát **Vô Năng Thắng** (Ajita), Bồ Tát **Thường Tinh Tiến** (Nityodyukta) Bồ Tát **Bất Hưu Tức** (Gandha-hasta:Hương Tượng). Các Đại Bồ Tát của nhóm như vậy đều là bậc Thượng Thủ.

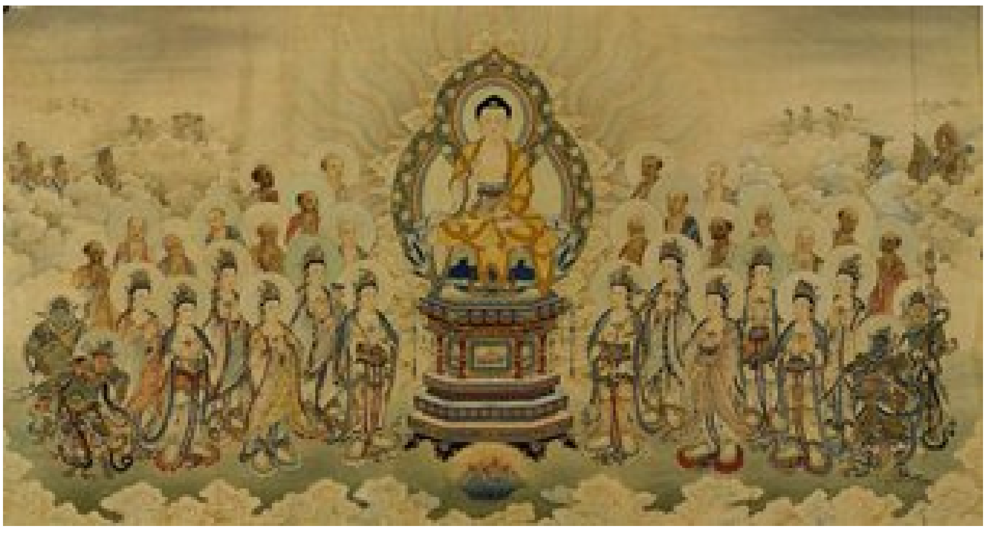
Lại có **Đế Thích** (Śakra)**, Đại Phạm Thiên Vương** (Mahā-brahma-deva-rāja)**, Kham Nhẫn Giới Chủ** (Sahāṃpati)**, Hộ Thế Tứ Vương** (Catur-mahā-rājakajikaḥ)…Như vậy là bậc Thượng Thủ của trăm ngàn **câu chi** (Koṭi) **na dữu đa** (Nayuta) số các chúng **Thiên Tử** (Devaputra) với vô lượng hàng **Trời** (Deva), **Người** (Manusya), **A Tố Lạc** (Asura) của Thế Gian khác…vì nghe Pháp cho nên đều đến ngồi trong Hội.



Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Xá Lợi Tử: "Nay ông biết chăng? Ở phương Tây đó, cách Thế Giới này hơn trăm ngàn câu chi na dữu đa cõi Phật, có Thế Giới Phật tên là **Cực Lạc** (Sukhāvatī).



Đức Thế Tôn trong cõi ấy tên là **Vô Lượng Thọ** (Amitāyur) với **Vô Lượng Quang** (Amitābha) Như Lai (Tathāgata) Ứng (Arhate:Ứng Cúng) Chính Đẳng Giác (Samyaksaṃbuddha), tròn đủ mười Hiệu. Ngày nay, hiện tại vị ấy an ổn trụ trì vì các hữu tình tuyên nói Pháp vi diệu thâm sâu khiến cho được thù thắng, lợi ích, an vui.



Lại Xá Lợi Tử! Nhân nào, duyên nào mà Thế Giới Phật ấy có tên là **Cực Lạc**?

Này Xá Lợi Tử! Do trong cõi ấy, các loài hữu tình không có tất cả thân tâm ưu khổ, chỉ có vô lượng thanh tịnh thiện lạc. Thế nên gọi là Thế Giới Cực Lạc.



Lại Xá Lợi Tử! Trong **Cực Lạc Thế Giới Tịnh Phật Độ**, nơi nơi đều có bảy lớp lan can báu màu nhiệm bày thành hàng, bảy lớp cây **Đa La** (Sāla) báu bày thành hàng với có bảy lớp lưới võng báu màu nhiệm vòng khắp vây quanh; bốn báu trang nghiêm là báu vàng ròng (Suvarṇa), báu bạc (Rūpya), báu Phệ Lưu Ly (Vaiḍùrya), báu Pha Chi Ca (Sphaṭika) …trợ nhau xen kẽ nghiêm sức màu nhiệm.

Này Xá Lợi Tử ! Trong cõi Phật ấy có mọi sự nghiêm sức màu nhiệm, Công Đức trang nghiêm rất đáng yêu thích thuộc nhóm như vậy. Thế nên gọi là Thế Giới Cực Lạc.



Lại Xá Lợi Tử! Trong **Cực Lạc Thế Giới Tịnh Phật Độ**, nơi nơi đều có ao bảy báu màu nhiệm, trong đó tràn đầy nước tám Công Đức. Nhóm nào gọi là **nước tám Công Đức** ?

1_ Lắng sạch
2_ Trong mát
3_ Ngon ngọt
4_ Mềm nhẹ

5_ Thấm nhuận
6_ An hòa
7_ Lúc uống vào thời trừ vô lượng tai vạ lỗi lầm của nhóm đói khát
8_ Uống xong, quyết định hay nuôi lớn các Căn, bốn Đại, tăng ích mọi loại căn lành thù thắng, chúng sinh nhiều Phước thường vui thọ dụng.

Đáy của các ao báu đó rải bày cát vàng, giáp vòng bốn mặt có bốn thềm bậc đường đi, bốn báu trang nghiêm rất đáng yêu thích. Giáp vòng các ao có cây báu màu nhiệm xếp thành hàng tỏa hương thơm phức, bảy báu trang nghiêm rất đáng yêu thích.

Bảy báu là:
1_ Vàng (Suvarṇa)
2_ Bạc (Rūpya)
3_ Phệ Lưu Ly (Vaiḍūrya)
4_ Pha Chi Ca (Sphaṭika: Pha lê)
5_ Xích Châu (Lohita-mukta: Ngọc màu đỏ)
6_ Báu A Thấp Ma Yết Lạp Bà (Aśma-garbha: Mã Não)
7_ Báu Mưu Sa Lạc Yết Lạp Bà (Musāra-galva: Xà Cừ)

Trong các ao đó thường có mọi loại hoa sen đủ màu, lớn như bánh xe. Hình màu xanh (Nīlāni) hiển màu xanh (Nīla-varṇāni) tỏa ánh sáng màu xanh (Nīla-nirbhāsāni) có ảnh màu xanh (Nīlani-darśanāni).Hình màu vàng (Pītāni) hiển màu vàng (Pīta-varṇāni) tỏa ánh sáng màu vàng (Pīta-nirbhāsāni) có ảnh màu vàng (Pītani-darśanāni). Hình màu đỏ (Lohitāni) hiển màu đỏ (Lohita-varṇāni) tỏa ánh sáng màu đỏ (Lohita-nirbhāsāni) có ảnh màu đỏ (Lohita-darśanāni).Hình màu trắng (Avadātāni) hiển màu trắng (Avadāta-varṇāni) tỏa ánh sáng màu trắng (Avadāta-nirbhāsāni) có ảnh màu trắng (Avadāta-darśanāni). Bốn hình, bốn hiển, bốn ánh sáng, bốn ảnh

Này Xá Lợi Tử! Trong cõi Phật ấy có mọi sự nghiêm sức màu nhiệm thuộc nhóm như vậy, Công Đức trang nghiêm rất đáng yêu thích. Thế nên gọi là Thế Giới Cực Lạc.



Lại Xá Lợi Tử! Trong Cõi Phật thanh tịnh tại Thế Giới Cực Lạc, tự nhiên thường có vô lượng vô biên mọi kỹ nhạc màu nhiệm, âm khúc hòa nhã rất đáng yêu thích. Các loài hữu tình nghe âm thanh màu nhiệm này thời các phiền não ác thảy đều tiêu diệt, vô lượng Pháp lành dần dần tăng trưởng, mau chứng Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề.

Này Xá Lợi Tử! Trong cõi Phật ấy có mọi sự nghiêm sức màu nhiệm, Công Đức trang nghiêm rất đáng yêu thích thuộc nhóm như vậy. Thế nên gọi là Thế Giới Cực Lạc.



Lại Xá Lợi Tử! Trong cõi Phật thanh tịnh tại Thế Giới Cực Lạc, vòng khắp đại địa (Mahā-pṛthivi) đều do vàng ròng hợp thành, tiếp chạm mềm mại, thơm tho tinh khiết, tỏa ánh sáng, vô lượng báu màu nhiệm xen kẽ nhau tô điểm.

Này Xá Lợi Tử! Trong cõi Phật ấy có mọi sự nghiêm sức màu nhiệm, Công Đức trang nghiêm rất đáng yêu thích thuộc nhóm như vậy. Thế nên gọi là Thế Giới Cực Lạc



Lại Xá Lợi Tử! Trong cõi Phật thanh tịnh tại Thế Giới Cực Lạc, ngày đêm sáu Thời thường tuôn mưa mọi loại hoa Trời thượng diệu, sáng bóng thơm tho tinh khiết, mềm mịn, đủ màu. Tuy khiến cho thân tâm của người nhìn thấy ưa thích nhưng chẳng tham dính, tăng trưởng cô lượng vô số Công Đức thù thắng chẳng thể nghĩ bàn của hữu tình. Loài hữu tình ấy, ngày đêm sáu Thời thường cầm lấy, cúng dường Đức Phật **Vô Lượng Thọ**. Lúc sáng sớm thời cầm hoa Trời này, trong khoảng một bữa ăn, bay đến vô lượng Thế Giới ở phương khác, cúng dường trăm ngàn câu chi chư Phật. Ở các cõi

Phật đều dùng trăm ngàn câu chi cây hoa, cầm rải cúng dường, rồi quay về chỗ của mình, dạo chơi các nơi mà chư Thiên trú ngụ (Devāvihārāya:Thiên trụ đẳng)

Này Xá Lợi Tử! Trong cõi Phật ấy có mọi sự nghiêm sức màu nhiệm, Công Đức trang nghiêm rất đáng yêu thích thuộc nhóm như vậy. Thế nên gọi là Thế Giới Cực Lạc.



Lại Xá Lợi Tử! Trong cõi Phật thanh tịnh tại Thế Giới Cực Lạc, thường có mọi loại chim đủ màu với mọi thứ kỳ diệu đáng yêu là: Nga Nhạn (Haṃsa), Thu Lộ (Śāli), Hồng Hạc, Khổng Tước (Mayūra), Anh Vũ (Krauñcā), Yết La Tần Ca (Kalaviñka), Mệnh Mệnh Điểu…Loài chim như vậy, ngày đêm sáu Thời, thường cùng nhau tập hội, phát ra âm thanh hòa nhã. Tùy theo âm thanh của loài ấy, tuyên dương Chính Pháp là: vô lượng Diệu Pháp của nhóm Niệm Trụ thâm sâu, Chính Đoạn, Thần Túc, Căn, Lực, Giác, Đạo. Chúng sinh trong cõi ấy, nghe âm thanh đó xong, đều được vô lượng Công Đức của **Niệm Phật, Niệm Pháp, Niệm Tăng** xông ướp tu sửa thân ấy.



Này Xá Lợi Tử! Ý của ông thế nào? Loài chim của cõi ấy có phải là chỗ nhiếp của nẻo ác, bàng sinh chăng? Đừng khởi cái nhìn ấy! Tại sao thế? Vì Tịnh Thổ của Đức Phật ấy không có ba nẻo ác, còn chẳng nghe thấy tên gọi của ba nẻo ác, huống chi là có thật nghiệp tội chiêu cảm của bàng sinh! Nên biết loài chim ấy đều là nơi biến hóa tạo làm của Đức Phật Vô Lượng Thọ khiến loài ấy tuyên xướng vô lượng Pháp Âm, giúp cho hữu tình được lợi ích an vui.

Này Xá Lợi Tử! Trong cõi Phật ấy có mọi sự nghiêm sức màu nhiệm, Công Đức trang nghiêm rất đáng yêu thích thuộc nhóm như vậy. Thế nên gọi là Thế Giới Cực Lạc.



Lại Xá Lợi Tử! Trong cõi Phật thanh tịnh tại Thế Giới Cực Lạc, thường có gió màu nhiệm thổi các cây báu với lưới võng báu phát ra âm thanh vi diệu, ví như trăm ngàn loại nhạc của cõi Trời cùng tấu một lúc, phát ra tiếng vi diệu rất đáng yêu thích. Như vậy cõi ấy thường có gió màu nhiệm thổi mọi cây báu với lưới võng báu, đánh vào phát ra mọi loại âm thanh vi diệu, nói mọi loại Pháp. Chúng sinh của cõi ấy, nghe tiếng đó xong khởi vô lượng Công Đức của nhóm tác ý, niệm Phật Pháp Tăng

Này Xá Lợi Tử! Trong cõi Phật ấy có mọi sự nghiêm sức màu nhiệm, Công Đức trang nghiêm rất đáng yêu thích thuộc nhóm như vậy. Thế nên gọi là Thế Giới Cực Lạc.



Lại Xá Lợi Tử! Trong cõi Phật thanh tịnh tại Thế Giới Cực Lạc, có vô lượng vô biên việc rất hiếm có, chẳng thể nghĩ bàn thuộc nhóm như vậy. Giả sử trải qua trăm ngàn câu chi na dữu đa kiếp, dùng vô lượng trăm ngàn câu chi na cái lưỡi, trên mỗi một cái lưỡi phát ra vô lượng tiếng khen ngợi Công Đức ấy thời cũng chẳng thể hết. Thế nên gọi là Thế Giới Cực Lạc.

Lại Xá Lợi Tử! Trong cõi Phật thanh tịnh tại Thế Giới Cực Lạc, Đức Phật có duyên gì mà gọi là **Vô Lượng Thọ** (Amitāyur) ?

Xá Lợi Tử! Do Đức Như Lai ấy với các hữu tình có thọ mệnh vô lượng vô số đại kiếp. Do duyên đó cho nên Đức Như Lai của cõi ấy có tên gọi là Vô Lượng Thọ.

Này Xá Lợi Tử! Đức Phật Vô Lượng Thọ chứng đắc A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề (Anuttarāṃ-samyaksaṃbuddhi:Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác) đến nay đã trải qua mười đại kiếp.



Xá Lợi Tử! Do duyên nào mà Đức Phật ấy có tên gọi là **Vô Lượng Quang** (Amitābha)?

Này Xá Lợi Tử! Do Đức Như Lai ấy luôn phóng ra vô lượng vô biên ánh sáng màu nhiệm chiếu khắp tất cả cõi Phật ở mười phương, ban làm việc Phật không có chướng ngại. Do duyên đó cho nên Đức Như Lai của cõi ấy có tên gọi là Vô Lượng Quang.

Này Xá Lợi Tử! Cõi Tịnh của Đức Phật ấy thành tựu Công Đức trang nghiêm rất đáng yêu thích. Thế nên gọi là Thế Giới Cực Lạc



Lại Xá Lợi Tử! Trong cõi Phật thanh tịnh tại Thế Giới Cực Lạc, Đức Phật Vô Lượng Thọ thường có vô lượng Thanh Văn Đệ Tử, tất cả đều là bậc Đại A La Hán, đầy đủ mọi loại Công Đức vi diệu. Số lượng ấy nhiều vô lượng vô biên chẳng thể xưng đếm.

Này Xá Lợi Tử! Cõi Tịnh của Đức Phật ấy thành tựu Công Đức trang nghiêm rất đáng yêu thích như vậy. Thế nên gọi là Thế Giới Cực Lạc.



Lại Xá Lợi Tử! Trong cõi Phật thanh tịnh tại Thế Giới Cực Lạc, Đức Phật Vô Lượng Thọ thường có vô lượng Bồ Tát Đệ Tử, tất cả đều là bậc **Nhất Sinh Sở Hệ** (ekajāti-pratibaddha), đầy đủ mọi loại Công Đức vi diệu. Số lượng ấy nhiều vô biên chẳng thể xưng đếm. Giả sử trải qua vô số lượng kiếp, khen ngợi Công Đức ấy thời cuối cùng chẳng thể hết được.

Này Xá Lợi Tử! Trong cõi Phật ấy thành tựu Công Đức trang nghiêm rất đáng yêu thích như vậy. Thế nên gọi là Thế Giới Cực Lạc.



Lại Xá Lợi Tử! Nếu các hữu tình sinh vào cõi ấy, đều chẳng thoái chuyển, ắt chẳng bị rơi lại trong các nẻo hiểm ác, biên địa, hạ tiện, Miệt Lệ Xa…thường dạo chơi các cõi nước thanh tịnh của Phật, Hạnh Nguyện thù thắng, niệm niệm tăng tiến, quyết định sẽ chứng A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề

Này Xá Lợi Tử! Trong cõi Phật ấy thành tựu Công Đức trang nghiêm rất đáng yêu thích như vậy. Thế nên gọi là Thế Giới Cực Lạc.



Lại Xá Lợi Tử! Nếu các hữu tình nghe vô lượng Công Đức, mọi chỗ trang nghiêm trong cõi Phật thanh tịnh của Đức Phật Vô Lượng Thọ ở phương Tây ấy, đều nên phát nguyện sinh về cõi Phật ấy. Tại sao thế? Nếu sinh về cõi ấy, được cùng với nhóm Đại Sĩ thuộc vô lượng Công Đức, mọi chỗ trang nghiêm như vậy, đồng tập hội một chỗ, thọ dụng vô lượng Công Đức, mọi chỗ trang nghiêm cõi Phật thanh tịnh như vậy, thường không thoái chuyển niềm vui của Pháp Đại Thừa, niệm niệm tăng tiến Vô lượng Hạnh Nguyện, mau chứng Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề.

Cho nên này Xá Lợi Tử! Loại hữu tình sinh về cõi Phật ấy thành tựu vô lượng vô biên Công Đức, chẳng phải các loại hữu tình có chút ít căn lành sẽ được vãng sinh về cõi Phật thanh tịnh thuộc Thế Giới Cực Lạc của Đức Phật Vô Lượng Thọ



Lại Xá Lợi Tử! Nếu các kẻ trai lành hoặc người nữ thiện có niềm tin trong sạch, được nghe vô lượng vô biên Công Đức, danh hiệu chẳng thể nghĩ bàn của Đức Phật Vô Lượng Thọ, Công Đức trang nghiêm của Thế Giới Cực Lạc. Nghe xong, suy nghĩ, hoặc một ngày đêm, hoặc hai, hoặc ba, hoặc bốn, hoặc năm, hoặc sáu, hoặc bảy ngày đêm…buộc niệm chẳng loạn thì kẻ trai lành, người nữ thiện đó khi lâm chung thời Đức Phật Vô Lượng Thọ cùng với vô lượng Thanh Văn Đệ Tử, chúng Bồ Tát của ngài đều vây quanh trước sau, đi đến trụ trước mặt người ấy, Từ Bi gia hộ, khiến tâm chẳng loạn. Người ấy bỏ mạng xong, tùy theo chúng hội của Phật, sinh về cõi Phật thanh tịnh trong Thế Giới Cực Lạc của Đức Vô Lượng Thọ.



Lại Xá Lợi Tử! Ta quán lợi ích. An vui, việc lớn, nhân duyên như vậy nên nói lời thành thật rằng: *"Nếu các kẻ trai lành, người nữ thiện có niềm tin trong sạch, được nghe Công Đức, danh hiệu chẳng thể nghĩ bàn của Đức Phật Vô Lượng Thọ như vậy, cõi Phật thanh tịnh trong Thế Giới Cực Lạc…tất cả đều nên tin nhận, phát nguyện, như Thuyết tu hành, sinh về cõi Phật ấy"*

Lại Xá Lợi Tử! Như Ta ngày nay xưng dương, khen ngợi vô lượng vô biên Công Đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn của Đức Phật Vô Lượng Thọ. Như vậy phương Đông (Pūrvasyāṃ-diśi), hiện tại cũng có Đức Như Lai **Bất Động** (Akṣobhya), Đức Như Lai **Sơn Tràng** (Meru-dhvaja)**,** Đức Như Lai **Đại Sơn** (Mahā-merur), Đức Như Lai **Sơn Quang** (Meru-prabhāsa), Đức Như Lai **Diệu Tràng** (Mañju-dhvaja). Chư Phật thuộc nhóm như vậy nhiều như cát sông Hằng (Căng Già:Gaṅga) trụ tại Phật Tịnh Thổ của mình ở phương Đông, mỗi mỗi đều hiện bày tướng lưỡi rộng dài che khắp ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, giáp vòng vây quanh, nói lời thành thật rằng*: "Hữu Tình các ngươi đều nên tin nhận Pháp Môn* ***Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Phật Thổ Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Nhiếp Thọ*** (pratīyatha yūyamidamacintyaguṇaparikīrtanaṁ sarvabuddhaparigrahaṁ) *như vậy"*

Lại Xá Lợi Tử! Như vậy phương Nam (Dakṣiṇasyāṁ diśi) hiện tại cũng có Đức Như Lai **Nhật Nguyệt Quang** (Candra-sūrya-pradīpa), Đức Như Lai **Danh Xưng Quang** (Yaśaḥprabha)**,** Đức Như Lai **Đại Quang Uẩn** (Mahārciḥ-skandha), Đức Như Lai **Mê Lô Quang** (Meru-pradīpa), Đức Như Lai **Vô Biên Tinh Tiến** (**A**nanta-vīrya).

Chư Phật thuộc nhóm như vậy nhiều như cát sông Hằng (Căng Già:Gaṅga) trụ tại Phật Tịnh Thổ của mình ở phương Nam, mỗi mỗi đều hiện bày tướng lưỡi rộng dài che khắp ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, giáp vòng vây quanh, nói lời thành thật rằng*:"Hữu Tình các ngươi đều nên tin nhận Pháp Môn* ***Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Phật Thổ Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Nhiếp Thọ*** (pratīyatha yūyamidamacintyaguṇaparikīrtanaṁ sarvabuddhaparigrahaṁ) *như vậy"*

Lại Xá Lợi Tử! Như vậy phương Tây (Paścimāyāṁ diśi) hiện tại cũng có Đức Như Lai **Vô Lượng Thọ** (Amitāyur), Đức Như Lai **Vô Lượng Uẩn** (Amita-skandha)**,** Đức Như Lai **Vô Lượng Quang** (Amitābha), Đức Như Lai **Vô Lượng Tràng** (Amita-dhvaja), Đức Như Lai **Đại Tự Tại** (Mahe'svara), Đức Như Lai **Đại Quang** (Mahāprabha), Đức Như Lai **Quang Diệm** (?Śuddharaśmiprabha: Tịnh Quang), Đức

Như Lai **Đại Bảo Tràng** (Mahāratnaketu), Đức Như Lai **Phóng Quang** (?Mahā-vidya: Đại Minh).

Chư Phật thuộc nhóm như vậy nhiều như cát sông Hằng (Căng Già:Gaṅga) trụ tại Phật Tịnh Thổ của mình ở phương Tây, mỗi mỗi đều hiện bày tướng lưỡi rộng dài che khắp ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, giáp vòng vây quanh, nói lời thành thật rằng*:"Hữu Tình các ngươi đều nên tin nhận Pháp Môn* ***Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Phật Thổ Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Nhiếp Thọ*** (pratīyatha yūyamidamacintyaguṇaparikīrtanaṁ sarvabuddhaparigrahaṁ) *như vậy"*

Lại Xá Lợi Tử! Như vậy phương Bắc (Uttarāyāṁ diśi) hiện tại cũng có Đức Như Lai **Vô Lượng Quang Nghiêm Thông Đạt Giác Tuệ** (?Vaiśvānara-nirghoṣa: Tối Thắng Âm), Đức Như Lai **Vô Lượng Thiên Cổ Chấn Đại Diệu Âm** (Duṇḍubhisvara-nirghoṣa)**,** Đức Như Lai **Đại Uẩn** (Mahā-skandha), Đức Như Lai **Quang Võng** (Jaleniprabha), Đức Như Lai **Sa La Đế Vương** (Sālendra-rāja).

Chư Phật thuộc nhóm như vậy nhiều như cát sông Hằng (Căng Già:Gaṅga) trụ tại Phật Tịnh Thổ của mình ở phương Bắc, mỗi mỗi đều hiện bày tướng lưỡi rộng dài che khắp ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, giáp vòng vây quanh, nói lời thành thật rằng*: "Hữu Tình các ngươi đều nên tin nhận Pháp Môn* ***Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Phật Thổ Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Nhiếp Thọ*** (pratīyatha yūyamidamacintyaguṇaparikīrtanaṁ sarvabuddhaparigrahaṁ) *như vậy"*

Lại Xá Lợi Tử! Như vậy phương bên dưới (Adhastāyāṁ diśi) hiện tại cũng có Đức Như Lai **Thị Hiện Nhất Thiết Diệu Pháp Chính Lý Thường Phóng Hỏa Vương Thắng Đức Quang Minh** (?), Đức Như Lai **Sư Tử** (Siṃha)**,** Đức Như Lai **Danh Xưng** (Yaśa), Đức Như Lai **Dự Quang** (Yaśaḥprabhāsa), Đức Như Lai **Chính Pháp** (Dharma), Đức Như Lai **Diệu Pháp** (Saddharma ? Dharmadhara: Trì Pháp), Đức Như Lai **Pháp Tràng** (Dharma-dhvaja), Đức Như Lai **Công Đức Hữu** (?Guṇa-mitra), Đức Như Lai **Công Đức Hiệu** (?Guṇa-nāma)

Chư Phật thuộc nhóm như vậy nhiều như cát sông Hằng (Căng Già:Gaṅga) trụ tại Phật Tịnh Thổ của mình ở phương bên dưới, mỗi mỗi đều hiện bày tướng lưỡi rộng dài che khắp ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, giáp vòng vây quanh, nói lời thành thật rằng*: "Hữu Tình các ngươi đều nên tin nhận Pháp Môn* ***Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Phật Thổ Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Nhiếp Thọ*** (pratīyatha yūyamidamacintyaguṇaparikīrtanaṁ sarvabuddhaparigrahaṁ) *như vậy"*

Lại Xá Lợi Tử! Như vậy phương bên trên (Upariṣṭhāyāṁ diśi) hiện tại cũng có Đức Như Lai **Phạm Âm** (Brahma-ghoṣa), Đức Như Lai **Tú Vương** (Nakṣatra-rāja)**,** Đức Như Lai **Hương Quang** (Gandha-prabhāsa)**,** Đức Như Lai **Như Hồng Liên Hoa Thắng Đức** (?Ratna-kusuma-saṃpuṣpita-gātra: Tạp Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân), Đức Như Lai **Thị Hiện Nhất Thiết Nghĩa Lợi** (Sarvārtha-darśi)**.**

Chư Phật thuộc nhóm như vậy nhiều như cát sông Hằng (Căng Già:Gaṅga) trụ tại Phật Tịnh Thổ của mình ở phương bên trên, mỗi mỗi đều hiện bày tướng lưỡi rộng dài che khắp ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, giáp vòng vây quanh, nói lời thành thật rằng*: "Hữu Tình các ngươi đều nên tin nhận Pháp Môn* ***Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Phật Thổ Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Nhiếp Thọ*** (pratīyatha yūyamidamacintyaguṇaparikīrtanaṁ sarvabuddhaparigrahaṁ) *như vậy"*

Lại Xá Lợi Tử! Như vậy phương Đông Nam (Āgneyī) hiện tại cũng có Đức Như Lai **Tối Thượng Quảng Đại Vân Lôi Âm Vương** (?).

Chư Phật thuộc nhóm như vậy nhiều như cát sông Hằng (Căng Già:Gaṅga) trụ tại Phật Tịnh Thổ của mình ở phương Đông Nam, mỗi mỗi đều hiện bày tướng lưỡi rộng dài che khắp ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, giáp vòng vây quanh, nói lời thành thật rằng*: "Hữu Tình các ngươi đều nên tin nhận Pháp Môn **Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Phật Thổ Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Nhiếp Thọ*** (pratīyatha yūyamidamacintyaguṇaparikīrtanaṁ sarvabuddhaparigrahaṁ) *như vậy"*

Lại Xá Lợi Tử! Như vậy phương Tây Nam (Nairṛtā) hiện tại cũng có Đức Như Lai **Tối Thượng Nhật Quang Danh Xưng Công Đức** (?).

Chư Phật thuộc nhóm như vậy nhiều như cát sông Hằng (Căng Già:Gaṅga) trụ tại Phật Tịnh Thổ của mình ở phương Tây Nam, mỗi mỗi đều hiện bày tướng lưỡi rộng dài che khắp ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, giáp vòng vây quanh, nói lời thành thật rằng*: "Hữu Tình các ngươi đều nên tin nhận Pháp Môn **Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Phật Thổ Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Nhiếp Thọ*** (pratīyatha yūyamidamacintyaguṇaparikīrtanaṁ sarvabuddhaparigrahaṁ) *như vậy"*

Lại Xá Lợi Tử! Như vậy phương Tây Bắc (Vāyavyā) hiện tại cũng có Đức Như Lai **Vô Lượng Công Đức Hỏa Vương Quang Minh** (?)

Chư Phật thuộc nhóm như vậy nhiều như cát sông Hằng (Căng Già:Gaṅga) trụ tại Phật Tịnh Thổ của mình ở phương Tây Bắc, mỗi mỗi đều hiện bày tướng lưỡi rộng dài che khắp ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, giáp vòng vây quanh, nói lời thành thật rằng*: "Hữu Tình các ngươi đều nên tin nhận Pháp Môn **Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Phật Thổ Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Nhiếp Thọ*** (pratīyatha yūyamidamacintyaguṇaparikīrtanaṁ sarvabuddhaparigrahaṁ) *như vậy"*

Lại Xá Lợi Tử! Như vậy phương Đông Bắc (Aiśānī) hiện tại cũng có Đức Như Lai **Vô Số Bách Thiên Câu Chi Quảng Tuệ** (?)

Chư Phật thuộc nhóm như vậy nhiều như cát **sông Hằng** (Căng Già:Gaṅga) trụ tại Phật Tịnh Thổ của mình ở phương Đông Bắc, mỗi mỗi đều hiện bày tướng lưỡi rộng dài che khắp ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, giáp vòng vây quanh, nói lời thành thật rằng*: "Hữu Tình các ngươi đều nên tin nhận Pháp Môn **Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Phật Thổ Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Nhiếp Thọ*** (pratīyatha yūyamidamacintyaguṇaparikīrtanaṁ sarvabuddhaparigrahaṁ) *như vậy"*



Lại Xá Lợi Tử! Do duyên nào mà Kinh này có tên gọi là **Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Phật Thổ Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Nhiếp Thọ Pháp Môn** ?

Này Xá Lợi Tử! Do trong Kinh này xưng dương, khen ngợi Công Đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn thuộc Thế Giới Cực Lạc của Đức Phật Vô Lượng Thọ với chư Phật Thế Tôn ở mười phương vì muốn phương tiện lợi ích an vui cho các hữu tình, cho nên

đều trụ tại cõi nước của mình, hiện Đại Thần Biến, nói lời thành thật, khuyên các hữu tình tin hận Pháp này. Chính vì thế cho nên Kinh này có tên là **Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Phật Thổ Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Nhiếp Thọ Pháp Môn** (Pratīyatha yūyamidamacintyaguṇaparikīrtanaṁ sarvabuddhaparigrahaṁ nāma dharmaparyāyam)

Lại Xá Lợi Tử! Nếu kẻ trai lành hoặc người nữ thiện, hoặc đã được nghe, hoặc sẽ được nghe, hoặc nay được nghe. Nghe Kinh đó xong, sinh tin hiểu sâu xa. Sinh tin hiểu xong đều được sự nhiếp thọ của mười căng già sa chư Phật Thế Tôn ở mười phương. Người hành như Thuyết, tất cả quyết định được chẳng thoái chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề. Tất cả quyết định sinh về cõi Phật thanh tịnh thuộc Thế Giới Cực Lạc của Đức Phật Vô Lượng Thọ.



Thế nên, này Xá Lợi Tử! Hữu tình các ông, tất cả đều nên tin nhận, hiểu biết lời nói của Ta với mười phương Phật Thế Tôn, nên siêng năng tinh tiến, như Thuyết tu hành, đừng sinh nghi ngờ lo lắng.



Lại Xá Lợi Tử! Nếu kẻ trai lành hoặc người nữ thiện đối với Công Đức trang nghiêm cõi Phật thanh tịnh thuộc Thế Giới Cực Lạc của Đức Vô Lượng Thọ. Hoặc đã phát nguyện, hoặc sẽ phát nguyện, hoặc nay phát nguyện đều được sự nhiếp thọ của mười căng già sa chư Phật Thế Tôn ở mười phương. Người hành như Thuyết, tất cả

quyết định được chẳng thoái chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề. Tất cả quyết định sinh về cõi Phật thanh tịnh trong Thế Giới Cực Lạc của Đức Phật Vô Lượng Thọ.

Thế nên, này Xá Lợi Tử! Nếu các kẻ trai lành, hoặc người nữ thiện có niềm tin trong sạch. Tất cả đều nên đối với cõi Phật thanh tịnh trong Thế Giới Cực Lạc của Đức Vô Lượng Thọ, thâm tâm tin hiểu, phát nguyện vãng sinh, đừng hành phóng dật.



Lại Xá Lợi Tử! Như Ta ngày nay, xưng dương khen ngợi Công Đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn thuộc Thế Giới Cực Lạc của Đức Phật Vô Lượng Thọ thì chư Phật Thế Tôn ở mười phương ấy cũng xưng tán Công Đức vô biên chẳng thể nghĩ bàn của Ta, đều nói lời này: “*Thật hiếm có thay Thích Ca !* ***Tịch Tĩnh Thích Ca Pháp Vương*** *Như Lai, Ứng, Chính Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn* hay ở thời ác năm Trược (Pañca-kaṣāya), trong Thế Giới **Kham Nhẫn** (Saha-loka-dhātu) đó, ấy là Kiếp Trược (Kalpa–kaṣāya), Chư hữu tình Trược (Satva-kaṣāya), Chư Phiền Não Trược (Kleśa-kaṣāya), Kiến Trược (Dṛṣṭi-kaṣāya), Mệnh Trược (āyus-kaṣāya) …Ở trong thời đó, chứng đắc A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề, vì muốn phương tiện lợi ích an vui cho các hữu tình, cho nên nói Pháp mà Thế Gian rất khó tin.



Thế nên, này Xá Lợi Tử! Nên biết ngày nay, Ta ở thời năm ác trược trong Thế Giới Tạp Nhiễm Kham Nhẫn này, chứng đắc A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề, vì muốn phương tiện lợi ích an vui cho các hữu tình, cho nên nói Pháp mà Thế Gian rất khó tin, rất là hiếm có, chẳng thể nghĩ bàn.

Lại Xá Lợi Tử! Ở thời năm ác trược trong Thế Giới Tạp Nhiễm Kham Nhẫn này. Nếu các kẻ trai lành hoặc người nữ thiện có niềm tin trong sạch, nghe nói Pháp mà tất cả Thế Gian rất khó tin như vậy, hay sinh tin hiểu, thọ trì, diễn nói, như Giáo tu hành. Nên biết người đó rất là hiếm có, đã từng gieo trồng căn lành nơi vô lượng Đức Phật. Người đó mệnh chung, quyết định sinh về Thế Giới Cực Lạc ở phương Tây, thọ dụng mọi loại Công Đức trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật, niềm vui của Pháp Đại Thừa. Ngày đêm sáu Thời gần gũi cúng dường Đức Phật Vô Lượng Thọ, nghe Pháp **Thọ Ký**, mau được tròn đủ tư lương Phước Tuệ, mau chứng Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề”



Khi Đức Bạc Già Phạm nói Kinh đó xong thời các Đại Thanh Văn của nhóm Tôn Giả **Xá Lợi Tử** với các Chúng Bồ Tát Ma Ha Tát; vô lượng hàng Trời, Người, A Tố Lạc…tất cả Đại Chúng nghe điều Đức Phật đã nói đều rất vui vẻ, tin nhận, phụng hành.



KINH XƯNG TÁN TỊNH ĐỘ PHẬT NHIẾP THỌ

Hết

03/12/2011

Vạn Tự Tân Toản Tục Tạng Kinh_No.205

PHẬT NÓI KINH
A DI ĐÀ BÍ MẬT CĂN BẢN THẦN CHÚ

Hán dịch: Triều Tào Ngụy- Tam Tạng BỒ ĐỀ LƯU CHI phụng Chiếu dịch
Việt dịch: Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ
Sưu tập Phạn Chú: HUYỀN THANH

Ta nghe như vầy: Một thời Đức Phật ở nước Xá Vệ, rừng cây Kỳ Đà, vườn Cấp Cô Độc cùng Chúng Đại Tỳ Kheo một ngàn hai trăm năm mươi người đầy đủ, đều là Bậc Đại A La Hán mà mọi người đều biết như Trưởng Lão Xá Lợi Phất, Ma Ha Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Diếp, Ma Ha Ca Chiên Diên, Ma Ha Cu Hy La, Ly Đà Bà, Châu Lợi Bàn Đà, Nan Đà, A Nan Đà, La Hầu La, Kiều Phạm Ba Đề, Tân Đầu Lô Phả La Đọa, Ca Lưu Đà Di, Ma Ha Kiếp Tân Na, Bạt Câu La, A Nậu Lâu Đà …. Các Đại Đệ Tử như vậy cùng với các Bồ Tát: Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, A Dật Đa Bồ Tát, Càn Đà Ha Đề Bồ Tát, Thường Tinh Tấn Bồ Tát … Các Đại Bồ Tát như vậy và Thích Đề Hoàn Nhân… vô lượng chư Thiên Đại Chúng đều dự đủ.

Bấy giờ Đức Phật bảo Trưởng Lão Xá Lợi Phất: "Từ đây đến phương Tây, vượt hơn 10 vạn ức cõi Phật có Thế Giới tên là Cực Lạc. Cõi ấy có Đức Phật, hiệu là A Di Đà hiện đang nói Pháp

Này Xá Lợi Phất! Vì sao cõi đó có tên gọi là Cực Lạc? Chúng sanh ở cõi nước đó không bị các thứ khổ, chỉ nhận các điều vui nên gọi là Cực Lạc

Lại nữa Xá Lợi Phất! Cõi nước Cực Lạc có 7 hàng lan can, 7 hàng lưới, 7 hàng cây bao quanh đều là 4 báu nên cõi ấy có tên là Cực Lạc

Lại nữa Xá Lợi Phất! Cõi nước Cực Lạc có ao 7 báu, nước 8 Công Đức tràn đầy trong ao. Đáy ao dùng toàn cát vàng trải nơi đất. Bốn bên các đường đi đều bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê hợp thành. Trên có lầu gác cũng dùng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xà xừ, xích châu, mã não để nghiêm sức. Trong ao có hoa sen lớn như bánh xe, màu xanh có ánh sáng xanh, màu vàng có ánh sáng vàng, màu đỏ có ánh sáng đỏ, màu trắng có ánh sáng trắng, tỏa mùi hương thơm tho trong sạch.

Xá Lợi Phất! Cõi nước Cực Lạc thành tựu công đức trang nghiêm như vậy.

Lại nữa Xá Lợi Phất! Cõi Phật ấy thường tấu các nhạc Trời. Đất bằng vàng ròng. Ngày đêm 6 Thời tuôn mưa hoa Mạn Đà La. Chúng Sanh ở cõi nước ấy mỗi sáng sớm thường dùng áo đựng đầy các Diệu Hoa rồi đem cúng dường vạn ức Phật ở các phương, khi đến giờ ăn lại trở về Bổn Quốc ăn cơm rồi đi kinh hành.

Xá Lợi Phất! Cõi nước Cực Lạc thành tựu công đức như vậy.

Lại nữa Xá Lợi Phất! Cõi Phật ấy thường có các loài chim đủ màu kỳ diệu như Bạch Hạc, Khổng Tước, Anh Vũ, Xá Lợi, Ca Lăng Tần Già, Cộng Mạng. Các loài chim này, ngày đêm 6 Thời thường phát ra các tiếng êm dịu hay ho. Tiếng ấy nói về: 5 Căn, 5 Lực, 7 Phần Bồ Đề, 8 Phần Thánh Đạo, các Pháp Như Thị. Chúng sanh ở cõi ấy nghe được tiếng này thảy đều Niệm Phật, Niệm Pháp, Niệm Tăng.

Này Xá Lợi Phất! Ông không nên cho là các thứ chim này là do tội báo sanh ra. Tại sao thế? Vì cõi nước của Đức Phật ấy không có 3 đường ác. Xá Lợi Phất! Cõi Phật ấy, tên 3 đường ác còn không có huống là có thật. Các loại chim này đều do Đức Phật A Di Đà muốn cho lời Pháp Luân luôn có, cho nên biến hóa ra.

Xá Lợi Phất! Cõi Phật ấy, Gió nhẹ lay động các hàng cây báu và các hàng lưới báu phát ra âm thanh vi diệu cũng như trăm ngàn thứ nhạc cùng lúc trổi lên.Người

nghe âm thanh này, tự nhiên sanh tâm Niệm Phật, Niệm Pháp, Niệm Tăng. Xá lợi Phất! Cõi Phật ấy thành tựu công đức trang nghiêm như vậy.

Này Xá Lợi Phất! Ý ông nghĩ thế nào ? Vì sao Đức Phật ấy có hiệu là A Di Đà? Xá Lợi Phất! Đức Phật ấy có ánh sáng vô lượng chiếu khắp cõi nước ở 10 phương không có chướng ngại nên có hiệu là A Di Đà.

Xá Lợi Phất! Mạng sống của Đức Phật ấy với nhân dân kéo dài vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp nên có tên là A Di Đà. Xá Lợi Phất! Đức Phật A Đi Đà thành Phật đến này là mười kiếp.

Lại nữa Xá Lợi Phất! Đức Phật ấy có vô lượng vô biên đệ tử Thanh Văn đều là A La Hán, không thể tính đếm mà biết được. Các Chúng Bồ Tát cũng như vậy. Xá Lợi Phất ! Cõi nước của Đức Phật ấy thành tựu công đức trang nghiêm như vậy.

Lại nữa Xá Lợi Phất! Chúng sanh sinh ở cõi Cực Lạc đều là Bậc A Bệ Bạt Trí . Trong đó phần nhiều là bậc Nhất Sanh Bổ Xứ , số đó rất nhiều không thể tính đếm mà biết được, chỉ dùng vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp mà nói. Xá Lợi Phất ! Chúng sanh được nghe rồi, nên phát Tâm nguyện sanh về cõi nước ấy. Vì sao vậy? Vì được cùng các Bậc Thượng Nhân ở chung một chỗ.

Xá Lợi Phất! Không thể dùng một chút ít: căn lành, Phước Đức, Nhân Duyên… mà được sanh về nước ấy.

Lại nữa Xá Lợi Phất! Đức Phật A Di Đà có Căn Bản Bí Mật Đà La Ni Thần Chú tên là Bạt Nhất Thiết Nghiệp Chướng Căn Bản Đắc Sanh Cực Lạc Thần Chú. Liền nói Chú là:

Nam mô a di đa bà dạ, đa tha già đá dạ. Đa địa dạ tha : A di lị đô bà tỳ, a di lị đa tất đam bà tỳ, a di lị đa tỳ ca lan đế , a di lị đá tỳ ca lan đá, già di nị, già già na, chỉ đa ca lệ, sa bà ha



Namo amitābhāya tathāgatāya

Tadyathā: amṛtodbhave, amṛta siddhaṃbhave, amṛta vikrānte, amṛta vikrānta gamine, gagana kìrtti kare svāhā

Đức Phật bảo: "Nếu có Thiện Nam Tử, Thiện Nữ Nhân hay tụng Chú này thì Đức Phật A Di Đà thường ở trên đảnh , ngày đêm ủng hộ, không cho oan gia sai sử, đời này luôn được an ổn, khi mạng hết liền được sanh về cõi nước Cực Lạc.

Lại nữa Xá Lợi Phất! Danh hiệu A Di Đà đầy đủ vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn sức bí mật sâu màu thù thắng, công đức vô thượng. Sở dĩ như vậy vì trong 3 Chữ (A Di Đà) có mười phương ba đời hết thảy chư Phật, hết thảy Bồ Tát Thanh Văn A La Hán, hết thảy các Kinh, Đà La Ni Thần Chú, Vô lượng Pháp Hành cho nên Danh Hiệu Phật ấy là Vô Thượng Chân Thật Chí Cực Đại Thừa Pháp, là Vô Thượng Thù Thắng Thanh Tịnh Liễu Nghĩa Diệu Hạnh, là Vô Thượng Vi Diệu Thù Thắng Đà La Ni.

Liền nói Kệ rằng:

Chữ A (𑖀: A***) là ba đời mười phương Phật***

Chữ DI (𑖦𑖰: MI***) là hết thảy các Bồ Tát***

Chữ ĐÀ (𑖝𑖯: TĀ***) là tám vạn các Thánh Giáo***

Trong ba chữ này đều đầy đủ.

Này Xá Lợi Phất! Nếu có chúng sanh nghe nói công đức không thể nghĩ bàn của Đức Phật A Di Đà mà vui mừng hớn hở, một lòng xưng niệm, tin sâu không bỏ thì trong đời hiện tại được vui sướng không thể so sánh. Hoặc chuyển nghèo khó được

giàu có, được Quả .Miễn trừ các Nghiệp đời trước, các bệnh hoạn, khổ não, búc bách. Hoặc chuyển Đoản Mạng (chết yểu) được sống lâu, Oan Gia đổi tâm sân hận, con cháu xum vầy, thân tâm sung sướng, đầy đủ như ý … không thể tính kể hết công đức như vậy.

Xá Lợi Phất! Nếu có Thiện Nam Tử, Thiện Nữ Nhân nghe nói tên Phật A Di Đà mà nắm giữ danh hiệu đó, hoặc 1 ngày, 2 ngày, 3 ngày, 4 ngày, 5 ngày, 6 ngày, 7 ngày một lòng không tán loạn, chuyên trì Danh Hiệu. Do xưng tên nên các tội được tiêu diệt. Đây là người có nhiều Phước Đức nhân duyên căn lành. Người này khi mạng chung thì Phật A Di Đà cùng Thánh Chúng hiện ra trước mặt. Người này khi mạng chung , tâm không điên đảo liền được sanh về cõi Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà.

Xá Lợi Phất! Ta thấy việc lợi ích như vậy nên nói lời này. Nếu có chúng sanh nghe nói , nên phát nguyện sanh về nước ấy.

Này Xá Lợi Phất! Nay Ta khen ngợi Đức Phật A Di Đà có Công Đức không thể nghĩ bàn.

Phương Đông cũng có Phật A Súc Bệ, Phật Tu Di Tướng, Phật Đại Tu Di, Phật Tu Di Quang, Phật Diệu Âm. Như vậy hằng hà sa số chư Phật , mỗi vị đều ở cõi nước của mình xuất tướng lưỡi rộng dài che khắp 3000 Đại Thiên Thế Giới, nói lời thành thật: ***"Chúng sanh các ngươi ! Nên tin như đây, khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn, hết thảy chư Phật đều hộ nơi Kinh này"***

Xá Lợi Phất! Ở Thế Giới phương Nam có Phật Nhật Nguyệt Đăng, Phật Văn Danh Quang, Phật Đại Diệm Kiên, Phật Tu Di Đăng, Phật Vô Lượng Tinh Tấn. Như vậy hằng hà sa số chư Phật , mỗi vị đều ở cõi nước của mình xuất tướng lưỡi rộng dài che khắp 3000 Đại Thiên Thế Giới, nói lời thành thật: ***"Chúng sanh các ngươi ! Nên tin như đây , khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn, hết thảy chư Phật đều hộ nơi Kinh này"***

Xá Lợi Phất! Ở Thế Giới phương Tây có Phật Vô Lượng Thọ, Phật Vô Lượng Tướng, Phật Vô Lượng Tràng, Phật Đại Quang, Phật Đại Minh, Phật Bảo Tướng, Phật Tịnh Quang. Như vậy hằng hà sa số chư Phật, mỗi vị đều ở cõi nước của mình xuất tướng lưỡi rộng dài che khắp 3000 Đại Thiên Thế Giới, nói lời thành thật: ***"Chúng sanh các ngươi ! Nên tin như đây , khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn, hết thảy chư Phật đều hộ nơi Kinh này"***

Xá Lợi Phất! Ở Thế Giới Phương Bắc có Phật Diệm Kiên, Phật Tối Thắng Âm, Phật Nan Trở, Phật Nhật Sanh, Phật Võng Minh. Như vậy hằng hà sa số chư Phật, mỗi vị đều ở cõi nước của mình xuất tướng lưỡi rộng dài che khắp 3000 Đại Thiên Thế Giới, nói lời thành thật: "Chúng sanh các ngươi! Nên tin như đây , khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn, hết thảy chư Phật đều hộ nơi Kinh này"

Xá Lợi Phất! Ở Thế Giới phương dưới có Phật Sư Tử, Phật Danh Văn, Phật Danh Quang, Phật Đạt Ma, Phật Pháp Tràng, Phật Trì Pháp. Như vậy hằng hà sa số chư Phật, mỗi vị đều ở cõi nước của mình xuất tướng lưỡi rộng dài che khắp 3000 Đại Thiên Thế Giới, nói lời thành thật: ***"Chúng sanh các ngươi ! Nên tin như đây , khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn, hết thảy chư Phật đều hộ nơi Kinh này"***

Xá Lợi Phất! Ở Thế Giới Phương trên có Phật Phạm Âm, Phật Tú Vương, Phật Hương Thượng, Phật Hương Quang, Phật Đại Diệm Kiên, Phật Tạp Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân, Phật Ta La Thọ Vương, Phật Bảo Hoa Đức, Phật Kiến Nhất Thiết Nghĩa, Phật Như Tu Di Sơn. Như vậy hằng hà sa số chư Phật, mỗi vị đều ở cõi nước của mình xuất tướng lưỡi rộng dài che khắp 3000 Đại Thiên Thế Giới, nói lời thành thật: ***"Chúng sanh các ngươi ! Nên tin như đây , khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn, hết thảy chư Phật đều hộ nơi Kinh này"***

Này Xá Lợi Phất! Ý ông như thế nào? Tại sao nói là hết thảy chư Phật đều hộ Kinh ? Xá Lợi Phất ! Nếu có Thiện Nam Tử, Thiện Nữ Nhân nghe nói tên chư Phật và Kinh thì các Thiện Nam Tử, Thiện Nữ Nhân đều được hết thảy chư Phật hộ niệm, đều được không thoái chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cho nên Xá Lợi Phất ! Ông nên tin lời Ta nói và chư Phật nói.

Xá Lợi Phất! Nếu có người đã phát nguyện, đang phát nguyện, sẽ phát nguyện muốn sanh về cõi nước của Đức Phật A Di Đà thì các người này đều được không thoái chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Ở cõi nước ấy, hoặc đã sanh hoặc đang sanh hoặc sẽ sanh cho nên Xá Lợi Phất ! Thiện Nam Tử, Thiện Nữ Nhân có lòng tin nên phát nguyện sanh về cõi ấy.

Xá Lợi Phất! Như Ta, nay khen ngợi chư Phật có công đức không thể nghĩ bàn thì chư Phật kia cũng khen ngợi Ta có Công Đức không thể nghĩ bàn mà nói lời rằng**:** **"*Đức Phật Thích Ca Mâu Ni hay làm các việc rất khó, hay ở trong cõi Ta Bà, đời ác 5 trược là: Kiếp Trược, Kiến Trược, Phiền Não Trược, Chúng Sanh Trược, Mang Trược được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì các chúng sanh nói Pháp mà hết thảy Thế Gian khó tin, thật rất là khó* !"**

Đức Phật nói Kinh này xong thì Xá Lợi Phất cùng các Tỳ Kheo, hết thảy Thế Gian: Trời, Người, A Tu La… nghe lời Phật nói, vui vẻ làm theo, tin nhận làm lễ rồi lui ra

Hết

25/10/2010

Đại Tạng Kinh_ Tập 12_ No.368

BẠT NHẤT THIẾT NGHIỆP CHƯỚNG
CĂN BẢN ĐẮC SINH TỊNH ĐỘ THẦN CHÚ

(Trích ra từ Kinh **Tiểu Vô Lượng Thọ**)

Hán dịch: Lưu Tống_ Thiên Trúc Tam Tạng CẦU NA BẠT ĐÀ LA (Guṇa-bhadra) phụng chiếu dịch lần nữa
Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

"Nam mô a di đa bà (1) dạ đá tha già đá (2) dạ đá địa (3) dạ tha. A di lợi (4) đô bà tỳ (5) A di lợi đá (6) tất đam bà tỳ (7) A di lợi đá (8) tỳ ca lan đế (9) A di lợi đá (10) tỳ ca lan đá (11) già di nị (12) già già na (13) chỉ đa, ca lệ (14) toa bà ha (15)"

Namo amitābhāya tathāgatāya

Tadyathā: amṛtodbhave, amṛta siddhaṃbhave, amṛta vikrānte, amṛta vikrānta gamine, gagana kìrtti kare svāhā

Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện hay tụng Chú này thì Đức Phật A Di Đà thường trụ trên đỉnh đầu của người ấy, ngày đêm ủng hộ, không để cho Oan Gia được dịp thuận tiện hãm hại, đời này thường được an ổn, sau khi mệnh chung, tùy ý vãng sinh

A DI ĐÀ KINH BẤT KHẢ TƯ NGHỊ THẦN LỰC TRUYỆN

(Phụ bản sao chép của đời Tùy. Chưa biết rõ Tác Giả)

Xưa kia, ở Trường An, **Tăng Duệ** Pháp Sư, **Tuệ Sùng**, **Tăng Hiển**, **Tuệ Thông**. Gần đây đến đời Hậu Chu, nhóm **Thật** Thiền Sư, **Cảnh** Thiền Sư, Tây Hà **Loan** Pháp Sư…số nhiều hơn trăm người đều sinh về phương Tây

Tây Hà, nhóm **Xước** Thiền Sư nhân thấy **Loan** Pháp Sư được sinh về Tịnh Thổ đều noi theo *Hữu Duyên*, chuyên tu nghiệp của Tịnh Thổ. Thầy **Xước** lại soạn **Tây Phương Ký Nghiệm**, tên gọi là **An Lạc Tập** lưu hành

Lại thời Tấn Triều, **Viễn** Pháp Sư vào Lô Sơn 30 năm chẳng ra ngoài, bèn chỉ thị cho đồng chí, Bạch Hắc có 123 người lập lời thề mong mỏi ở phương Tây, đục núi khắc Nguyện. Đến năm **Trần Thiên Gia,** Lô Sơn **Trân** Thiền Sư khi ngồi thời thấy có hơn trăm người cùng nhau nâng chiếc thuyền hoa bảy báu đi đến phương Tây. **Trân** Thiền Sư thỏa mãn ước mong liền nâng phụ. Người trên chiếc thuyền ấy báo rằng: *"Pháp Sư tuy giảng được Kinh* ***Kiết Bàn****, cũng là duyên to lớn chẳng thể nghĩ bàn. Nhưng vì Pháp Sư chưa tụng được Kinh* ***A Di Đà*** *với Chú cho nên chẳng được đi cùng"*

Pháp Sư bèn phế bỏ nghiệp giảng dạy, ngày đêm chuyên tụng Kinh A Di Đà với Chú, tình đủ hai vạn biến, chưa dứt bốn thất. Ngày trước, ban đêm hướng canh tư, có vị THần Nhân từ phương Tây phụng tống một cái Đài bằng bạc trắng đến trong hư không, sáng hơn mặt trời, bảo rằng: *"Khi Pháp Sư dứt tuổi thọ sẽ ngồi trên cái Đài này sinh về nước của* ***A Di Đà****, nên đến báo cho biết là quyết định vãng sinh"*. Khi kết thúc thời Hắc Bạch đều nghe trong hư không như tấu âm nhạc, kèm nghe mùi thơm lạ lùng,

phỏng tính cả tháng nghe hơi thơm chẳng dứt. Đêm ấy, tăng chúng của chùa **Phong Đỉnh** đều thấy bên trong một cái hang cốc có lửa của mười cây đuốc lớn như bánh xe.

Tìm tòi, chiêm nghiệm xưa nay, được sinh về Thế Giới **An Lạc** chẳng phải chỉ có một người, phần lớn thấy điềm linh thiêng "***Hóa Phật**, **Đồ Chúng** đến nghinh đón*", như truyền sáng rộng, chẳng phải sao chép nhiều

Nhân **Trân** Thiền Sư đối với Kinh này có ứng nghiệm cho nên lược thuật một điều này để thức tỉnh người thông tuệ đời sau, trợ thành chí **vãng sinh**

Bạt Nhất Thiết Nghiệp Chướng Căn Bản Đắc Sinh Tịnh Độ Thần Chú được ngài **Cầu Na Bạt Đà La** phụng Chế dịch lần nữa trong năm cuối của Tống Nguyên Gia, hợp tính có 59 chữ, 15 câu

Bồ Tát **Long Thọ** nguyện sinh về cõi **An Dưỡng**, nằm mộng mà cảm được Chú này

Tam Tạng **Gia Xá** tụng Chú này. Chùa **Thiên Bình**, Tú Pháp Sư được Tam Tạng truyền miệng bài Chú này. Người ấy nói"Kinh Bản chẳng đến từ nước ngoài"

Nếu muốn thọ trì Chú Pháp. Nhai nhấm cành Dương, Táo Đậu xúc miệng cho thơm.Ở trước tượng Phật, quỳ gối, chắp tay, ngày đêm sáu Thời đều tụng 21 biến, liền diệt được bốn tội **nặng**, năm tội **nghịch**, mười tội **ác**. Tội chê bai Phương Đẳng… đều được trừ diệt, đời hiện tại đều được sự mong cầu, chẳng bị tất cả các Quỷ Thần ác gây não loạn.

Nếu đủ 20 vạn biến liền cảm được mầm Bồ Đề sinh ra

Nếu đủ 30 vạn biến, liền nhìn thấy Đức Phật A Di Đà

Hết

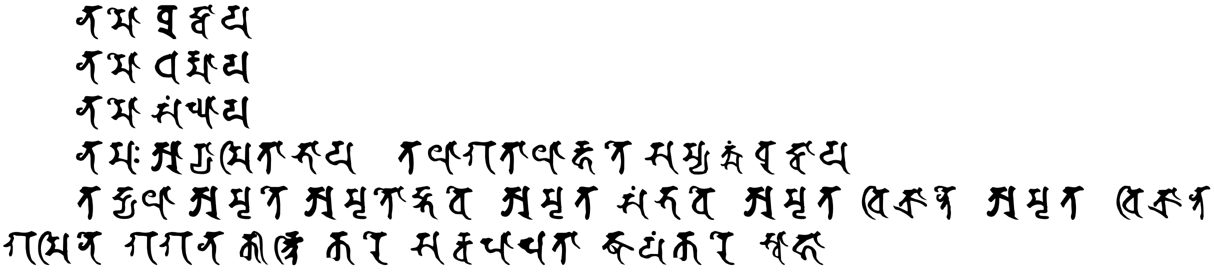
24/06/2010

Đại Tạng Kinh_ Tập 12_ No.369

ĐỨC PHẬT A DI ĐÀ NÓI CHÚ

Hán văn: Không rõ người dịch
Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

"Na mô bồ đà dạ
Na mô đà la ma dạ
Na mô tăng già dạ
Na ma a nhĩ đa bà dạ, đá tha già đa dạ, a la ha đê, tam miểu tam bồ đà dạ
Đá điệt tha : « A nhĩ lợi đê, a nhĩ lợi đô bà bề, a nhĩ lợi đá, tam bà bề, a nhĩ lợi đá, tỳ ca lan đê, già nhĩ nễ, già già na, kê lợi để ca lợi, bà la bà ba đá, xoa diệm, ca lợi (tất cả nghiệp ác) toa bà ha »



Namo buddhāya
Namo dharmāya
Namo saṃghāya
Namaḥ ārya amitābhāya tathāgatāya arhate samyaksaṃbuddhāya
Tadyathā: Amṛte, amṛtodbhave, amṛta saṃbhave, amṛta vikrānte gamine, gagana kìrtti kare, sarva pāpatā kṣayaṃ kare svāhā
(Nếu hay như Pháp thọ trì, quyết định được sinh về nước của Đức Phật **Di Đà**)

Hết

17/06/2010

Mật Tạng Bộ 2 _ No. 930 (Tr.67_ Tr. 72)

VÔ LƯỢNG THỌ NHƯ LAI QUÁN HẠNH CÚNG DƯỜNG NGHI QUỸ

Hán dịch: Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty_ Đặc Tiến Thí Hồng Lô Khanh_ Túc Quốc Công, thực ấp gồm ba ngàn hộ_ Ban áo tía tặng Tư Không, tên thụy là Đại Giám, tên hiệu chính là Đại Quảng Trí_Chùa Đại Hưng Thiện_ Tam Tạng Sa Môn BẤT KHÔNG phụng chiếu dịch

Sưu tập Thủ Ấn, phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Bấy giờ **Kim Cang Thủ Bồ Tát** (Vajra-pāṇi-bodhisatva) ở ngay trong Đại Tập Hội của Đức **Phật Tỳ Lô Giá Na** (Vairocana-buddha), từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay cung kính bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Con vì chúng sinh có nghiệp ác trong Thế Giới **Tạp Nhiễm** ở thời **Mạt Pháp** sau này, nói **Vô Lượng Thọ Phật Đà La Ni** (Amitāyus-buddha-dhāraṇī), tu **môn ba Mật** (Tri-guhya-mukha), chứng **Niệm Phật Tam Muội** (Buddhānusmṛti-samādhi), được sinh về cõi **Tịnh Độ** (Buddha-kṣetra), vào chính vị của Bồ Tát. Chẳng thể dùng chút Phước, không có **Tuệ Phương Tiện** mà được sinh về cõi ấy. Chính vì thế cho nên y theo Giáo Pháp này, chính niệm tu hành, quyết định sinh về Thế Giới **Cực Lạc** (Sukha-vatì), ***Thượng Phẩm Thượng Sinh***, đắc được **Sơ Địa** (Eka-bhūmi)

Nếu người Tại Gia, Xuất Gia nguyện sinh về Tịnh Độ, trước tiên nên vào **Mạn Trà La** (Maṇḍala: Đàn Trường), được **Quán Đỉnh** (Abhiṣeka) xong. Sau đó theo Thầy thọ nhận Nghi Quỹ **Niệm Tụng**.

Hoặc chỗ Thắng Địa, hoặc tùy theo chỗ ở, xoa tô lau quét sạch sẽ, dựng lập cái Đàn hình vuông, bên trên treo lọng Trời (Thiên Cái), chung quanh treo phan. Trên Đàn chia bày tám Mạn Trà La, dùng Bạch Đàn Hương xoa bôi vị trí của bậc Thánh.

Ở mặt Tây của Đàn, an tượng **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus), người Trì Tụng ngồi ở phương Đông, mặt hướng về phương Tây, đối diện với Tượng mà ngồi. Hoặc trải chiếu bằng cỏ tranh, hoặc ngồi ở cái giường nhỏ có chân đỡ thấp.

Mỗi ngày ba thời rải mọi loại hoa, đốt mọi loại hương, đặt hai cái bình **Át Già** (Ārgha). Hoặc dùng chậu chén sành với vật khí bằng vàng, bạc, đồng, đá, sứ, ngói…chưa từng sử dụng, chứa đầy nước thơm để ở trên Đàn. Ở bốn góc Đàn để bốn cái **Hiền Bình** (Pūrṇa-ghata). Tuỳ theo sức bày biện hương đốt, đèn sáng, hương xoa bôi, thức ăn uống… mỗi mỗi gia trì, ân trọng cúng dường.

Hành Nhân mỗi ngày tắm rửa, mặc quần áo mới sạch, hoặc dùng Chân Ngôn gia trì, dùng để tắm rửa. Liền suy nghĩ, quán sát: *"Tất cả Hữu Tình vốn có Tính thanh tịnh, vì bị các **Khách Trần** (bụi bặm bên ngoài) che lấp, cho nên chẳng hiểu được Chân Lý, mê lầm đánh mất Bồ Đề, chìm đắm trong Sinh Tử, chịu vô lượng Khổ. Chính vì thế cho nên nói **ba Mật Gia Trì** này khiến cho ta người (tự tha) đều được thanh tịnh".*

_ Liền dùng hai tay tác Liên Hoa Hợp Chưởng, tụng **Tịnh Tam Nghiệp Chân Ngôn** ba biến.



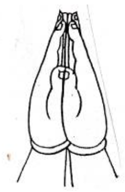
Chân Ngôn là:

“**Án, sa-phộc bà phộc, thuật đà (1) tát phộc, đạt ma (2) sa-phộc bà phộc, thú độ hàm**”

*)OṂ_ SVABHĀVA ŚUDDHA, SARVA DHARMA SVABHĀVA ŚUDDHA-UHAṂ

Do Chân Ngôn này gia trì, cho nên liền thành tắm rửa **Nội Tâm** trong sạch.

_ Mỗi khi vào Đạo Trường, đối trước Bản Tôn, thân đứng ngay thẳng, chắp Liên Hoa Hợp Chưởng



Nhắm mắt vận Tâm, tưởng tại Thế Giới Cực Lạc, đối trước mặt Đức Vô Lượng Thọ Như Lai cùng các Bồ Tát quyến thuộc. Liền đem năm vóc của thân cúi sát đất, tưởng ở trước mặt mỗi một Đức Phật, Bồ Tát…cung kính làm lễ.

Liền tụng **Phổ Lễ Chân Ngôn** là:

“**Án, tát phộc đát tha nghiệt đá (1) bá na, mãn na nẵng, ca lô nhĩ (2)**”

*) OṂ_ SARVA TATHĀGATA-PĀDA VANDANĀṂ, KARA-UMI

Liền quỳ gối phải sát đất, chắp tay để ngang trái tim, chân thành tỏ bày **Sám Hối** tất cả ***Tội Chướng*** từ vô thuỷ đến nay.

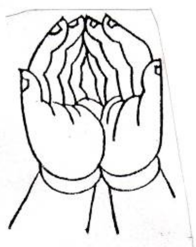
Liền **Tùy Hỷ** hết thảy ***nghiệp Phước*** của chư **Phật** (Buddha), **Bồ Tát** (Bodhisatva), **Thanh Văn** (Śrāvaka), **Duyên Giác** (Pratyeka-buddha), tất cả **Hữu Tình** (Satva).

Lại quán mười phương Thế Giới, hết thảy **Như Lai** (Tathāgata), bậc thành **Đẳng Chánh Giác** đều thỉnh chuyển **bánh xe Pháp** (Dharma-cakra: Pháp Luân)

Hết thảy Như Lai hiện **Niết Bàn** (Nirvāṇa), đều thỉnh trụ lâu dài ở đời, chẳng vào **Bát Niết Bàn** (Pari-nirvāṇa)

Lại **phát Nguyện** rằng: *“Con đã gom chứa vô lượng* ***căn lành*** (Kuśala-mūla) *do: Lễ Phật, Sám Hối, Tùy Hỷ, Khuyến Thỉnh....Xin đem nhóm Phước này hồi thí cho tất cả Hữu Tình. Nguyện đều được vãng sinh về Thế Giới Cực Lạc, thấy* ***Phật*** (Buddha), *nghe* ***Pháp*** (Dharma), *mau chứng* ***Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề*** (Anuttarā-samyaksaṃbuddhi)“

Sau đó ngồi Kiết Già hoặc Bán Già, bên phải đè bên trái, dùng hương xoa bôi bàn tay. Trước tiên kết **Phật Bộ Tam Muội Gia Ấn**: hai tay chắp lại, giữa rỗng, mở hai ngón trỏ hơi co lại, đều dựa vào lóng trên của ngón giữa, Lại mở hai ngón cái đều vịn vạch thứ nhất bên dưới hai ngón trỏ.



Kết Ấn thành xong, tưởng Đức **Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitāyus-tathāgata) với 32 Tướng, 80 hạt giống, mỗi mỗi rõ ràng.

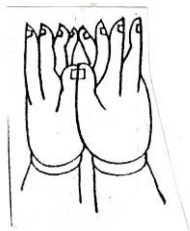
"**Án, đát tha nga đổ (1) nạp-bà phộc gia, sa-phộc hạ**"

*) OṂ_ TATHĀGATA UDBHAVĀYA _ SVĀHĀ

Tụng ba biến hoặc bảy biến, để Ấn trên đỉnh đầu, rồi bung tán.

Do kết Ấn này với tụng Chân Ngôn, cảnh giác tất cả chư Phật của **Phật Bộ** (Buddha-kulāya) đều đến tập hội, gia trì hộ niệm cho người tu Chân Ngôn, mau khiến cho đắc được Thân Nghiệp thanh tịnh, tiêu diệt tội chướng, tăng trưởng Phước Tuệ.

_ Tiếp, kết **Liên Hoa Bộ Tam Muội Gia Ấn**: hai tay chắp lại, giữa rỗng, hai ngón cái hai ngón út đều vịn đầu nhau, hơi co sáu ngón còn lại như hình hoa sen nở bày, liền thành.



Kết Ấn này xong, tưởng **Quán Tự Tại Bồ Tát** (Avalokiteśvara-bodhisatva) với tướng tốt trang nghiêm, kèm vô lượng câu chi chúng Thánh của **Liên Hoa Tộc** (Padma-kulāya) vây quanh.

Liền tụng **Liên Hoa Bộ Tam Muội Gia Chân Ngôn** là:

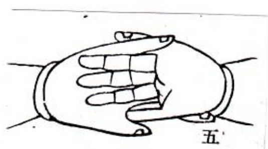
"**Án, bả na mô (1) nạp-bà phộc gia, sa-phộc hạ (2)**"

*) OṂ_ PADMA UDBHAVĀYA _ SVĀHĀ

Tụng ba biến hoặc bảy biến, gia trì để Ấn ở bên phải đỉnh đầu, rồi bung tán.

Do kết Ấn này với tụng Chân Ngôn, cảnh giác Quán Tự Tại Bồ Tát với chúng Thánh của Liên Hoa Bộ đều đến gia trì cho Hành Giả mau được Ngữ Nghiệp thanh tịnh, ngôn âm uy nghiêm khiến người ưa thích nghe, được Biện Tài không có ngăn ngại, nói Pháp tự tại.

_ Tiếp, kết **Kim Cương Bộ Tam Muội Gia Ấn**: Hai tay: tay trái úp che, tay phải ngửa lên, khiến cho lưng bàn tay dính nhau, đem ngón cái phải cài chéo với ngón út trái, đem ngón cái trái cài chéo với ngón út phải, sáu ngón ở khoảng giữa, buộc dính cổ tay như chày Tam Cổ, liền thành.



Để Ấn ngang trái tim, tưởng **Kim Cang Tạng Bồ Tát** (Vajra-garbha-bodhisatva) với tướng tốt uy quang, kèm vô lượng quyến thuộc **Chấp Kim Cương** (Vajra-dhāra) vây quanh.

Liền tụng **Kim Cương Bộ Tam Muội Gia Chân Ngôn** là:

"**Án, phộc nhật-lô (1) nạp-bà phộc gia, sa-phộc hạ (2)**"

*) OṂ_ VAJRA UDBHAVĀYA _ SVĀHĀ

Tụng ba biến hoặc bảy biến, gia trì, để Ấn ở bên trái đỉnh đầu, rồi bung tán.

Do kết Ấn này với tụng Chân Ngôn, cảnh giác Kim Cang Tạng Bồ Tát kèm chúng Thánh của **Kim Cương Bộ** (Vajra-kulāya) đều đến gia trì cho Hành Giả, mau được Ý Nghiệp thanh tịnh, chứng **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta), **Tam Muội** (Samādhi) hiện tiền, mau được giải thoát.

_ Tiếp, kết **Bị Giáp Hộ Thân Ấn**: hai ngón út, hai ngón vô danh, bên phải đè bên trái, cài chéo nhau bên trong, dựng thẳng hai ngón giữa cùng trụ đầu nhau, co hai ngón trỏ như hình móc câu, phụ lưng ngón giữa, không cho dính nhau, kèm dựng hai ngón cái vịn ngón vô danh, liền thành.

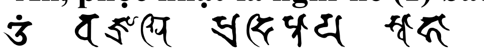


Kết Ấn ngang trái tim, tụng Chân Ngôn, ấn năm chỗ trên thân, đều tụng một biến. Trước tiên là vầng trán, tiếp đến vai phải, tiếp đến vai trái, ấn trái tim với cổ họng, đấy là năm chỗ. Liền khởi Tâm **Đại Từ Bi** duyên khắp tất cả Hữu Tình, nguyện đều được mặc giáp trụ **Đại Từ Bi** trang nghiêm, mau khiến cho lìa các chướng nạn, chứng được thành tựu **Thượng Thượng Thù Thắng** thuộc **Thế Gian** (Loka) và **Xuất Thế Gian** (Lokottara).

Quán như vậy xong, liền thành mặc áo giáp Kim Cương, tất cả các Ma chẳng dám gây chướng nạn.

Hộ Thân Chân Ngôn là:

"**Án, phộc nhật-la nghĩ-nễ (1) bát-la niệp bả-đá dã, sa-phộc hạ (2)**"



*)OṂ_ VAJRA-AGNI PRADIPTĀYA_ SVĀHĀ

Do kết Ấn này với tụng Chân Ngôn, do sức nghĩ thương của **Tâm Từ** (Maitra-citta) cho nên tất cả Thiên Ma với các loài gây chướng đều thấy Hành Nhân có uy quang rực rỡ giống như mặt trời, đều khởi Tâm Từ chẳng dám gây chướng ngại, cho đến người ác không thể có được dịp thuận tiện gây hại, thân chẳng nhiễm dính nghiệp chướng phiền não, cũng giúp đỡ cho nỗi khổ trong các nẻo ác ngày sau, mau chứng **Vô Thượng Bồ Đề** (Agra-bodhi)

_ Tiếp, kết **Địa Giới Kim Cương Quyết Ấn**: Trước tiên đem ngón phải nhập vào khoảng giữa ngón trỏ và ngón cái của tay trái. Đem ngón vô danh phải nhập vào khoảng giữa ngón út và ngón vô danh của tay trái, đều ló đầu ngón ra ngoài. Đem ngón giữa trái quấn nơi lưng ngón giữa phải, nhập vào khoảng giữa ngón trỏ và ngón giữa của tay phải. Đem ngón vô danh trái quấn nơi lưng ngón vô danh phải, nhập vào khoảng giữa ngón vô danh và ngón út của tay phải. Đem hai ngón út, hai ngón trỏ cùng trụ đầu nhau. Đem hai ngón cái vịn bên dưới, liền thành.



Kết Ấn này xong, tưởng Ấn như hình cái chày Kim Cương, đem hai ngón cái hướng xuống đất, tiếp chạm, tụng Chân Ngôn một biến, ấn mặt đất một lần, như vậy đến ba lần liền thành Tòa Kim Cương bền chắc.

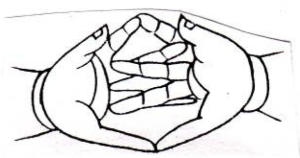
Hạ Phương Chân Ngôn là:

"**Án, chỉ lị chỉ lị (1) phộc nhật-la, phộc nhật-lý (2) bộ la, mãn đa mãn đà (3) hồng, phát tra (4)**"

*) OṂ_ KILI KILI_ VAJRA VAJRI BHŪR_ BANDHA BANDHA _ HŪṂ PHAṬ

Do kết Ấn này với tụng Chân Ngôn. Nhờ sức dưới gia trì, cho nên bên dưới đến bờ mé của **Kim Cương Luân** (Vajra-cakra), thành Giới của Kim Cương bất hoại, các Ma có sức mạnh lớn chẳng thể lay động được, dùng chút ít công sức mà được sự thành tựu lớn. Hết thảy vật uế ác ở trong đất, do sức gia trì thảy đều trong sạch. Giới ấy tùy theo Tâm lớn nhỏ liền thành.

_ Tiếp, kết **Kim Cương Tường Ấn**: Dựa theo Địa Giới Ấn lúc trước, mở lòng bàn tay, tách thẳng hai ngón cái như hình bức tường, liền thành.



Tưởng từ Ấn luôn ra lửa nóng rực rỡ. Đưa Ấn xoay bên phải, nhiễu quanh thân ba vòng, xứng với Địa Giới lúc trước, liền thành ***cái thành Kim Cương*** bền chắc.

Tường Giới Chân Ngôn là:

"**Án, tát ra tát ra, phộc nhật-la (1) bát-la ca ra (2) hồng, phát tra (3)**"

*) OṂ_ SARA SARA VAJRA-PRAKARA HŪṂ PHAṬ

Do kết Ấn này tụng Chân Ngôn với sức Quán Hạnh cho nên tuỳ theo Tâm lớn nhỏ, liền thành ranh giới tường vách phương góc toả lửa rực của ánh sáng Kim Cang. Các Ma, người ác, cọp, sói, sư tử với các trùng độc chẳng dám lại gần.

_ Tiếp, kết **Đại Hư Không Tạng Bồ Tát Ấn**: Chắp hai tay lại, hai ngón giữa, bên phải đè bên trái, cài chéo nhau bên ngoài buộc dính lưng bàn tay. Hai ngón trỏ đè ép nhau như hình Báu, liền thành.



Tưởng từ Ấn tuôn ra vô lượng các vật dụng cúng dường, quần áo, thức ăn uống, cung điện, lầu gác… như Du Già rộng nói.

Liền tụng **Đại Hư Không Tạng Bồ Tát Chân Ngôn** là:

"**Án, nga nga nẵng, tam bà phộc (1) phộc nhật-la hộc (2)**"

*) OṂ_ GAGANA-SAṂBHAVA VAJRA HOḤ

Giả sử người tu hành có sức Quán Niệm yếu, do kết Ấn này với sức gia trì của Chân Ngôn, cho nên các vật cúng dường đều thành chân thật, mỗi mỗi như người hành cúng dường rộng lớn trong Thế Giới Cực Lạc.

_ Tiếp, tưởng trong Đàn có chữ **Hột-Lý** (_ HRĪḤ) phóng ánh sáng lớn như màu pha lê hồng, chiếu khắp mười phương Thế Giới, Hữu Tình trong đó gặp được ánh sáng này thì không có ai chẳng đều được tội chướng tiêu diệt.

_ Tiếp, kết **Như Lai Quyền Ấn**: Tay trái nắm bốn ngón lại thành Quyền , dựng đứng ngón cái. Tay phải tác Kim Cang Quyền, nắm móng ngón cái trái, liền thành.



Đem Quyền Ấn này ấn mặt đất, tụng Chân Ngôn gia trì bảy biến, biến Thế Giới này như cõi Cực Lạc.

Như Lai Quyền Chân Ngôn là:

"**Án, bộ khiếm (1)**"

*) OṂ _ BHUḤ KHAṂ

Do kết Ấn này với tụng Chân Ngôn gia trì uy lực, cho nên liền biến ba ngàn Đại Thiên Thế Giới này thành cõi nước Cực Lạc với bảy báu làm đất, nước, chim , cây , rừng… đều nói **Pháp Âm** (Dharma-ghoṣa), vô lượng trang nghiêm như Kinh đã nói.

Liền tụng **Già Tha** (Gāthā: Kệ Tụng) là:

"Dùng sức Công Đức Ta
Sức Như Lai gia trì
Cùng với sức Pháp Giới
Nguyện thành cõi An Lạc"

Hành Giả do tập quen với Định này, nên đời này mỗi khi ở trong Định, nhìn thấy Thế Giới Cực Lạc, Đức Vô Lượng Thọ Như Lai ở ngay trong chúng Hội của Đại Bồ Tát, nghe nói vô lượng **Khế Kinh** (Sūtra). Lúc lâm chung thời Tâm chẳng tán loạn, Tam Muội hiện tiền, trong khoảng sát na, nhanh chóng được sinh về cõi ấy, hoa sen hóa sinh, chứng địa vị của Bồ Tát.

_ Tiếp, kết **Bảo Xa Lộ Ấn**: Ngửa hai tay cài chéo nhau, bên phải đè bên trái, hai ngón trỏ cùng dựa bên cạnh nhau, hai ngón cái vịn vạch thứ nhất bên dưới hai ngón trỏ, liền thành.



Tống Xa Lộ Chân Ngôn là:

"**Án, đổ lỗ, đổ lỗ, hồng**"

*) OṂ_ TURU TURU HŪṂ

Do kết Ấn tưởng thành Xa Lộ (cỗ xe) có bảy báu trang nghiêm, đi đến Thế Giới Cực Lạc ấy, thỉnh Đức Vô Lượng Thọ Như Lai cùng các Bồ Tát quyến thuộc, ngồi lên cỗ xe này.

_ Chẳng bung tán Ấn này , đưa hai ngón cái hướng vào thân, bật đầu hai ngón giữa,



Liền tụng **Xa Lộ Chân Ngôn** là:

“**Nẵng mạc tất-để-lý-gia (1) địa-vĩ ca nam (2) đát tha nghiệt đá nam (3) Án, phộc nhật-lãng nghĩ nương ca la-sái gia, sa-phộc hạ**”



*) NAMAḤ TRIYADHVIKĀNĀṂ TATHĀGATĀNĀṂ_ OṂ VAJRAṂGNI AKARṢĀYA _ SVĀHĀ

Liền tưởng cổ xe đi đến Đạo Trường, trụ trong Hư Không.

_ Liền kết **Nghênh Thỉnh Thánh Chúng Ấn**: Hai tay, bên phải đè bên trái, cài chéo các ngón bên trong nắm lại thành Quyền, khiến lòng bàn tay tưởng dính nhau, co ngón cái trái vào lòng bàn tay, co ngón cái phải như móc câu, hướng về thân chiêu vời.



Liền tụng **Nghênh Thỉnh Chân Ngôn** là:

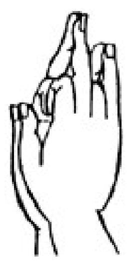
“**Án, a lô lực ca (1) ế hề hứ, sa-phộc hạ**”



*) OṂ_ AROLIK EHYEHI _ SVĀHĀ

Do kết Ấn này với tụng Chân Ngôn, phụng thỉnh cho nên Đức Vô Lượng Thọ Như Lai chẳng buông bỏ Bi Nguyện, đến Đạo Trường mà Tam Ma Địa này đã thành Tịnh Thổ, kèm với vô lượng câu chi chúng Đại Bồ Tát, nhận sự cúng dường của người tu hành, mau khiến cho được **Thượng Thượng Thành Tựu.**

_ Tiếp, kết **Mã Đầu Quán Tự Tại Bồ Tát Ấn**: làm Tịch Trừ, **Kết Giới** (Sīmā-bandha, hay Bandhaya-sīman). Chắp hai tay lại, co hai ngón trỏ, hai ngón vô danh vào trong lòng bàn tay, đều tự dựa lưng nhau, kèm hai ngón cái hơi co đầu, đừng để dính ngón trỏ, liền thành.



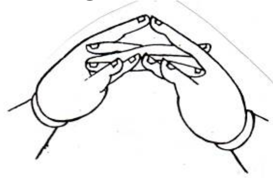
Tụng **Mã Đầu Minh Vương Chân Ngôn** là:

“**Án, a mật-lật đố nạp-bà phộc, hồng, phát tra, sa-phộc hạ**”

*) OṂ_ AMRTA-UDBHAVA HŪṂ PHAṬ_ SVĀHĀ

Tụng ba biến, liền đem Ấn này chuyển theo bên trái ba vòng, tịch trừ tất cả, các Ma đều tự lui tan. Đem Ấn này xoay theo bên phải ba vòng liền thành **Đại Giới** bền chắc.

_ Tiếp, kết **Kim Cương Võng Ấn**: Dựa theo Địa Giới Ấn lúc trước, đem hai ngón cái vịn vạch thứ nhất bên dưới hai ngón trỏ, liền thành.



Tụng Chân Ngôn ba biến. Tuỳ theo Tụng, đưa Ấn ở trên đỉnh đầu, xoay theo bên phải, rồi bung tán.

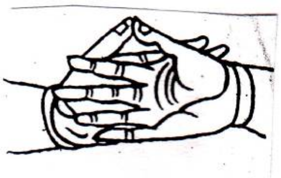
Võng Giới Chân Ngôn là:

“**Án, vĩ sa-phổ la nại-la khất-sái, phộc nhật-la, bán nhạ la, hồng, phát tra**”

*) OṂ_ VISPHURAD RAKṢA VAJRA PAṂJALA HŪṂ PHAṬ

Do kết Ấn này với tụng Chân Ngôn, vì sức gia trì cho nên liền ở phương trên có cái lưới bền chắc của Kim Cương che phủ, cho đến các chư Thiên ở cõi **Tha Hóa Tự Tại** chẳng thể trái vượt mà sinh chướng nạn. Thân Tâm của Hành Giả được an vui, dễ được thành tựu Tam Ma Địa.

_ Tiếp, kết **Kim Cương Hỏa Viện Giới Ấn**: Đem lòng bàn tay trái che đậy lưng bàn tay phải, khiến tưởng dính nhau, tách dựng thẳng hai ngón cái, liền thành.



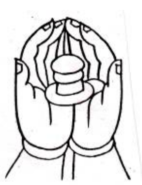
Tưởng từ Ấn tuôn ra vô lượng lửa nóng rực sáng. Đem Ấn xoay theo bên phải ba vòng, tức ở phía ngoài bức tường Kim Cương liền có lửa nóng bức vây quanh, liền thành Hỏa Viện Đại Giới trong sạch bền chắc.

Hoả Viện Chân Ngôn là:

“**Án, a tam mãng nghĩ nễ, hồng, phát tra**”

*) OṂ _ ASAMĀṂGNI HŪṂ PHAṬ

_ Tiếp, kết **Át Già Hương Thủy Ấn**: Hai tay nâng vật khí Át Già (Ārgha) ngang vầng trán, phụng hiến.



Tụng Chân Ngôn ba biến, tưởng rửa hai bàn chân của chúng Thánh.

Át Già Chân Ngôn là:

“**Nẵng mạc tam mãn đa một đà nam (1) nga nga nẵng tam ma tảm ma, sa-phộc hạ**”

*) NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ GAGANA SAMA ASAMA_ SVĀHĀ

Do hiến nước thơm **Át Già** cúng dường, khiến cho người tu hành được ba nghiệp thanh tịnh, tẩy trừ tất cả phiền não tội cấu, từ **Thắng Giải Hạnh Địa** đến **Thập Địa** (Daśa-bhūmi) với **Như Lai Địa** (Buddha-bhūmi) sẽ chứng **Địa Ba La Mật** (Bhūmi-pāramitā) như vậy, thời được nước **Pháp Cam Lộ** (Amṛta-dharma) của tất cả Như Lai nhận cho **Quán Đỉnh** (Abhiṣeka)

_ Tiếp, kết **Hoa Tòa Ấn**: Dựa theo Liên Hoa Bộ Tam Muội Gia Ấn lúc trước, hơi co các ngón khiến cho viên mãn, liền thành.



Kết Ấn này xong, tưởng từ Ấn tuôn ra vô lượng tòa hoa sen Kim Cương tràn khắp trong Thế Giới Cực Lạc, Đức Vô Lượng Thọ Như Lai với các Đại Bồ Tát, tất cả chúng Thánh thảy đều được hoa sen Kim Cương này làm toà ngồi.

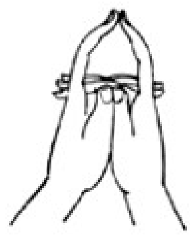
Liên Hoa Toà Chân Ngôn là:

“**Án, ca ma la, sa-phộc hạ**”

*) OṂ_ KAMALA _ SVĀHĀ

Do kết Liên Hoa Tòa Ấn, tụng Chân Ngôn gia trì. Hành Giả đắc được đầy đủ mười Địa, sẽ được Tòa Kim Cương, ba nghiệp bền chắc giống như Kim Cương.

_ Tiếp, kết **Quảng Đại Bất Không Ma Ni Cúng Dường Ấn**: Hai tay kết Kim Cương Hợp Chưởng, hai ngón trỏ đè ép nhau như hình Báu, kèm thẳng hai ngón cái, liền thành.



Tụng **Quảng Đại Bất Không Ma Ni Cúng Dường Đà La Ni** là:

“**Án, a mô già bố nhạ (1) ma ni, bát nạp-ma, phộc nhật-lệ (2) đát tha nghiệt đá, vĩ lộ chỉ đế (3) tam mãn đa, bát-la tát la, hồng (4)**”

*) OṂ_ AMOGHA-PŪJA-MAṆI PADMA-VAJRE TATHĀGATA VILOKITE SAMANTA PRASARA HŪṂ

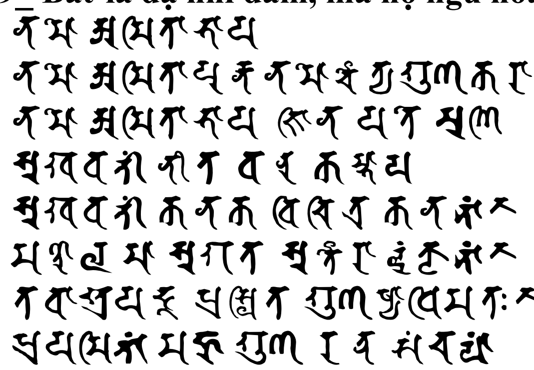
Quảng Đại Bất Không Ma Ni Cúng Dường Đà La Ni này, vừa mới tụng ba biến, liền thành ở trong Tập Hội của Đức Vô Lượng Thọ Như Lai với vô số cõi nước nhiều như hạt bụi nhỏ...tuôn mưa vô lượng **Cúng Dường** (Pūja) rộng lớn. Ấy là: biển

mây mọi loại hương xoa bôi, biển mây mọi loại vòng hoa, biển mây mọi loại hương thiêu đốt, biển mây mọi loại thức ăn uống màu nhiệm của cõi Trời, biển mây mọi loại quần áo màu nhiệm của cõi Trời, biển mây ánh sáng của mọi loại đèn đuốc Ma Ni; biển mây mọi loại phướng, phan, trướng báu, lọng báu. Biển mây mọi loại âm nhạc màu nhiệm của cõi Trời … ở khắp các chúng Hội của chư Phật Bồ Tát, thành cúng dường rộng lớn chân thật....đều do kết Ấn, tụng Chân Ngôn này cho nên đắc được vô lượng nhóm Phước giống như Hư Không không có bờ mé. Đời đời thường sinh trong tất cả Đại Tập Hội của Như Lai, hoa sen hóa sinh, được năm Thần Thông, phân thân trăm ức, hay ở Thế Giới tạp nhiễm cứu giúp chúng sinh bị khổ, đều an ổn lợi ích, liền ở đời hiện tại thọ nhận vô lượng quả báo, đời sau được sinh về Tịnh Độ.

_ Tiếp, nên lắng Tâm định Ý, chuyên chú một Duyên, quán Đức Vô Lượng Thọ Như Lai mỗi mỗi rõ ràng như đối trước mắt, đủ các tướng tốt cùng vô lượng quyến thuộc và cõi nước ấy, niệm niệm vui vẻ quyến luyến. Hiện tiền đắc được Tam Muội thành tựu, chân thành một lòng, nguyện sinh về nước ấy, Tâm chẳng theo Duyên khác, niệm niệm tiếp nối nhau. Liền tụng **Vô Lượng Thọ Như Lai Tán Thán** ba lần

Tán là:

1_ Nẵng mô nhĩ đá bà dã
2_ Nẵng mô nhĩ đá dữu sái
3_ Nẵng mô tiến để-dã ngu noa ca la đáp-ma ninh
4_ Nẵng mô nhĩ đá bà dã, nhĩ nẵng dã đế mẫu ninh
5_ Tố khư phộc để-dâm, nễ đa phộc nỗ kiếm bà dã
6_ Tố khư phộc để-dựng, ca nẵng ca vĩ tức đát-la, ca nẵng nam
7_ Ma nỗ la hàm, tố nghiệt đa, tố đới ra lăng cật-lý đam
8_ Đá phộc thất-la dạ đáp bát-la thể đa, ngu noa tả địa ma đa
9_ Bát-la dạ nhĩ đảm, ma hộ ngu noa, la đát-nẵng tán tả diễm



NAMO AMITĀBHĀYA
NAMO AMITĀYUR
NAMO CAITYA-GUṆA KĀRA ATMANE
NAMO AMITĀBHĀYA JINA YATE MUṆI
SUKHAVATĪṂ NĪTA VANU KAMBHĀYA
SUKHAVATĪṂ KANAKA CIVITRA KANANĀṂ
MAṆḌALA MĀ SUGATA SUTAIRA ALUṂKṚTĀṂ
TAVĀŚRAYAD PRAṢṬHITA GUṆAṢYA- ADHIMĀTAḤ
PRAYAMITĀṂ MAHU GUṆA RATNA SAMCAYĀṂ

Người tu hành mỗi ngày ba thời thường tụng **Tán Thán Phật Công Đức** này, cảnh giác Đức Vô Lượng Thọ Như Lai chẳng buông bỏ Bi Nguyện, dùng vô lượng ánh sáng chiếu chạm Hành Giả, khiến cho nghiệp chướng, tội nặng thảy đều tiêu diệt, Thân

Tâm an vui, vắng lặng, thích ý, ngồi lâu chẳng sinh mệt mỏi, Tâm được thanh tịnh, mau chứng Tam Muội.

_ Liền nhập vào **Quán Tự Tại Bồ Tát Tam Ma Địa.** Nhắm mắt lắng Tâm, quán ngay trong thân của mình tròn đầy trắng tinh, giống như mặt trăng trong sạch, ngửa ngay trong trái tim. Ở trên mặt trăng trong sạch tưởng chữ **Nhật-Lý** (ह्रीः_HRĪḤ) phóng ánh sáng lớn, Chữ ấy biến thành hoa sen tám cánh. Ở trên hoa sen, có Đức Quán Tự Tại Bồ Tát với tướng tốt rõ ràng, tay trái cầm hoa sen, tay phải làm thế mở bóc hoa. Bồ Tát ấy tác suy nghĩ này: "*Trong thân của tất cả Hữu Tình có đầy đủ hoa sen Giác Ngộ này, Pháp Giới trong sạch chẳng nhiễm Phiền Não*"

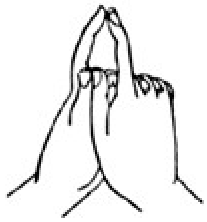
Ở trên tám cánh của hoa sen ấy, đều có các Đức Như Lai nhập Định, ngồi Kiết Già, mặt hướng về Quán Tự Tại Bồ Tát, cổ đeo hào quang tròn, thân như màu vàng ròng, ánh sáng rực rỡ.

Liền tưởng hoa sen tám cánh này, duỗi dần dần, lớn dần dần ngang bằng với Hư Không. Liền tác suy nghĩ này: *"Dùng Giác Hoa này chiếu chạm Hải Hội của Như Lai, nguyện thành cúng dường rộng lớn"*.

Nếu Tâm chẳng dời Định này, liền đối với vô biên Hữu Tình khởi thương xót. Dùng Giác Hoa này, mong chiếu chạm đến nơi khổ, phiền não thảy đều giải thoát, ngang đồng với Quán Tự Tại Bồ Tát.

Liền tưởng hoa sen từ từ thu nhỏ ngang bằng thân của mình.

Liền kết **Quán Tự Tại Bồ Tát Ấn** gia trì bốn nơi là: trái tim, vầng trán, cổ họng, đỉnh đầu. Ấn ấy là: đem hai tay cài chéo các ngón bên ngoài, co hai ngón trỏ cùng trụ nhau như cánh hoa sen, kèm dựng thẳng hai ngón cái, liền thành.



Liền tụng **Quán Tự Tại Bồ Tát Chân Ngôn** là:

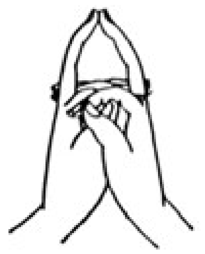
"**Án, phộc nhật-la, đạt ma, hột-lý**"

ॐ वज्र धर्म ह्रीः"

*) OṂ_ VAJRA-DHARMA _ HRĪḤ

Do kết Ấn này với tụng Chân Ngôn gia trì, cho nên tức thân của mình đồng với Quán Tự Tại Bồ Tát, ngang bằng không có khác.

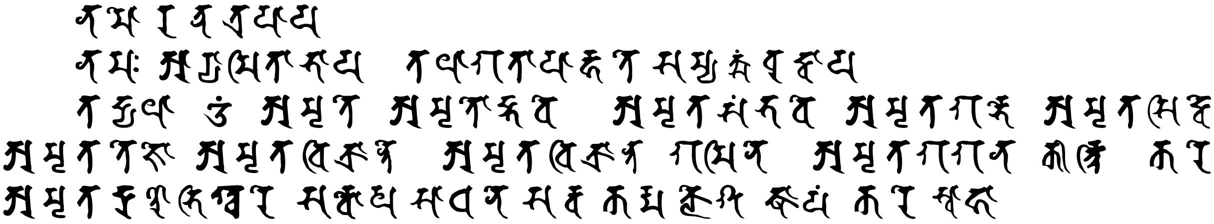
_ Tiếp, kết **Vô Lượng Thọ Như Lai Căn Bản Ấn**: Hai tay cài chéo các ngón bên ngoài rồi nắm lại thành Quyền, dựng thẳng hai ngón giữa cùng trụ đầu nhau, như hình cánh hoa sen.



Kết thành Ấn xong, tụng Vô Lượng Thọ Như Lai Đà La Ni bảy biến, để An ở trên đỉnh đầu rồi bung tán.

Vô Lượng Thọ Như Lai Căn Bản Đà La Ni là:

“**Nẵng mô la đát-nẵng đát-la dạ dã (1) Nẵng mạc a lý-dã nhĩ đá bà gia (2) đát tha nghiệt đá dạ, la hạ đế, tam miệu tam một đà gia (3) Đát nễ-dã tha (4) Án, a mật-lật đế (5) A mật-lật đố nạp-bà phệ (6) A mật-lật đa tam bà phệ (7) A mật-lật đa nghiệt bệ (8) A mật-lật đa tất đệ (9) A mật-lật đa đế tế (10) A mật-lật đa vĩ cật-lân đế (11) A mật-lật đa vĩ cật-lân đa, nga nhĩ ninh (12) A mật-lật đa, nga nga nẵng, cát để ca lệ (13) A mật-lật đa thú nổ tỳ, sa phộc lệ (14) tát phộc la-tha, sa đà ninh (15) tát phộc yết ma cật-lễ xả, khất-sái dựng, ca lệ, sa-phộc hạ**”



*) NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ ĀRYA-AMITĀBHĀYA TATHÀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHĀYA

TADYATHĀ: OṂ_ AMṚTE _ AMṚTA-UDBHAVE _ AMṚTA SAṂBHAVE _ AMṚTA-GARBHE _ AMṚTA SIDDHE _ AMṚTA TEJE _ AMṚTA VIKRĀNTE _ AMṚTA VIKRĀNTA GAMINE _ AMṚTA GAGANA KĪRTTI KARE _ AMṚTA DUṆḌUBHISVARE _ SARVĀRTHA SĀDHANE KARMA KLEŚA KṢĀYAṂ KARE_ SVĀHĀ

Vô Lượng Thọ Như Lai Đà La Ni này, vừa mới tụng một biến, liền diệt tội *mười ác*, *bốn Trọng*, *năm Vô Gián* trong thân. Tất cả nghiệp chướng thảy đều tiêu diệt.

Nếu **Bật Sô** (Bhikṣu), **Bật Sô Ni** (Bhikṣuni) phạm vào tội căn bản, tụng bảy biến xong, tức thời trở lại được Giới Phẩm thanh tịnh.

Tụng mãn một vạn biến đắc được **Bất Phế Vong Bồ Đề Tâm Tam Ma Địa.** Tâm Bồ Đề hiển hiện trong thân, sáng tròn trịa trắng tinh giống như mặt trăng trong sạch. Lúc mệnh chung thời nhìn thấy Đức Vô Lượng Thọ Như Lai cùng với vô lượng câu chi chúng Bồ Tát vây quanh, đi đến nghinh đón Hành Giả, an ủi Thân Tâm, liền sinh về Thế Giới Cực Lạc, **Thượng Phẩm Thượng Sinh**, chứng địa vị của Bồ Tát.

_ Liền lấy tràng hạt làm bằng hạt sen, để ở trong bàn tay, hai tay nâng tràng hạt rồi chắp lại như hình hoa sen chưa nở.



Dùng **Thiên Chuyển Niệm Châu Chân Ngôn** gia trì bảy biến.

Chân Ngôn là:

“**Án, phộc nhật-la, ngục hứ-gia, nhạ bả, tam ma duệ, hồng**”



*) OṂ_ VAJRA-GUHYA-JĀPA SAMAYE_ HŪṂ

Gia trì xong, liền nâng tràng hạt đội trên đỉnh đầu, Tâm phát Nguyện này: *"Nguyện cho tất cả Hữu Tình đã mong cầu **Đại Nguyện thù thắng** thuộc Thế Gian và Xuất Thế Gian, mau được thành tựu"*

_ Liền đem hai tay để ngang trái tim, đều chụm năm ngón tay như hoa sen chưa nở, tay trái cầm tràng hạt, dùng ngón cái ngón vô danh của tay phải dời hạt châu.



Tụng Đà La Ni một biến, đến chữ **Sa-phộc hạ** (स्वाहा_ SVĀHĀ) thì dời qua một hạt châu. Tiếng niệm tụng chẳng chậm, chẳng gấp, chẳng cao, chẳng thấp, chẳng nên phát ra tiếng, xưng hô chữ của Chân Ngôn khiến cho mỗi một chữ phải rõ ràng.

Tâm quán Tam Ma Địa này đã thành Tịnh Độ, với Đức Vô Lượng Thọ Phật đã thỉnh đến lúc trước, với đầy đủ tướng tốt ở ngay trong Đàn.

Quán Hạnh như vậy mỗi mỗi thật rõ ràng, chuyên chú niệm tụng chẳng để gián đoạn, xa lìa tán động.

Một lần ngồi niệm tụng, hoặc một trăm cho đến một ngàn. Nếu chẳng mãn 108 biến tức chẳng đầy đủ biến số của Nguyện.

Do Đức Vô Lượng Thọ Như Lai gia trì cho nên tức Thân Tâm thanh tịnh cho đến mở mắt, nhắm mắt thường nhìn thấy Đức Vô Lượng Thọ Như Lai, liền ở trong Định nghe nói Pháp mầu nhiệm thâm sâu. Đối với mỗi một chữ, mỗi một câu…hiểu được vô lượng **Môn Tam Ma Địa** (Samādhi-mukhe), vô lượng **Môn Đà La Ni** (Dhāraṇī-mukhe), vô lượng **Môn Giải Thoát** (Vimukti-mukhe). Thân này ngang đồng với Quán Tự Tại Bồ Tát, mau hay đến ở nước ấy (nước Cực Lạc)

Niệm tụng số xong, nâng tràng hạt đội trên đỉnh đầu, phát lời Nguyện này: *"Nguyện cho tất cả Hữu Tình được sinh về Thế Giới Cực Lạc, thấy Phật nghe Pháp, mau chứng Vô Thượng Bồ Đề ".*

_ Tiếp, kết **Định Ấn**



Liền quán **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta) sáng tròn trịa trắng tinh giống như mặt trăng đầy. Lại tác suy nghĩ này: *"Thể của Tâm Bồ Đề lìa tất cả vật, không có: **Uẩn*** (Skandha), ***Giới*** (Dhātu), ***Xứ*** (Āyatana)*với lìa **Năng Thủ*** (Grāhaka), ***Sở Thủ*** (Grāhya)**.** *Do Pháp **Vô Ngã*** (Anātman, hay Nir-ātman: không có cái Ta riêng biệt) *cho nên một tướng bình đẳng, Tâm vốn chẳng sinh, Tự Tính **trống rỗng*** (Śūnya:Không)*".*

Do Tự Tính trống rỗng cho nên liền ở trên vành trăng trong sạch tròn đầy, tưởng có **Hột-Lý Tự Môn** (ह्रीः_ HRĪḤ). Từ chữ tuôn ra vô lượng ánh sáng, ở mỗi một ánh sáng quán thành Thế Giới Cực Lạc, có vô lượng chúng Thánh Chúng vây quanh Đức Phật Vô Lượng Thọ (Như **Quán Kinh** đã nói)

Như vậy niệm tụng, tu tập Tam Ma Địa xong. Muốn ra khỏi Đạo Trường, liền kết Bản Tôn Ấn, tụng Căn Bản Đà La Ni bảy biến, đem Ấn để trên đỉnh đầu rồi bung tán.

Liền tụng **Tán Thán Chân Ngôn**

Tán Thán Chân Ngôn xong. Tiếp theo, kết **Phổ Cúng Dường Ấn**, tụng Quảng Đại Bất Không Ma Ni Cúng Dường Đà La Ni.

Lại hiến **Át Già**, hết thảy Nguyện cầu trong Tâm, khải bạch chúng Thánh: *"Nguyện xin Thánh Giả chẳng vượt Bản Thệ, thành tựu Nguyện của con".*

Như vậy niệm tụng, cúng dường, phát Nguyện xong.

Liền kết **Hỏa Viện Ấn** lúc trước, chuyển theo bên trái một vòng để giải Giới đã kết lúc trước.

Lại kết **Bảo Xa Lộ Ấn**, đem hai ngón cái hướng ra ngoài, bật hai đầu ngón giữa, tụng Bản Chân Ngôn, phụng tống chúng Thánh.

Tiếp kết **ba Bộ Tam Muội Gia Ấn**, đều tụng Chân Ngôn ba biến.

Sau đó, kết **Bị Giáp Hộ Thân Ấn**, ấn năm nơi trên thân.

Liền đối trước Bản Tôn, chân thành phát nguyện, lễ Phật, ra khỏi Đạo Trường, tùy ý **Kinh Hành** (Caṅkramana).

Thường nên đọc tụng Kinh Vô Lượng Thọ. Đừng ôm giữ **Thượng Mạn**, Ý thích siêng năng niệm tụng, ấn Phật, ấn tháp, vui hành bố thí, tu giữ Cấm Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tiến, Thiền Định, Trí Tuệ. **Thiện Phẩm** đã tu thảy đều hồi hướng, cùng với các chúng sinh đồng sinh về Tịnh Độ, Thượng Phẩm Thượng Sinh, chứng Hoan Hỷ Địa, đắc được **vô Thượng Bồ Đề Ký Biệt**

_ **Vô Lượng Thọ Như Lai Tâm Chân Ngôn** :

"**Án, lộ kê thấp-phộc la, la nhạ, cật-lý** "



*) OṂ_ LOKEŚVARA- RĀJA _ HRĪḤ

Tụng Chân Ngôn này một biến bằng tụng một biến Kinh A Di Đà, chẳng thể nói khắp điều bí mật cho nên phá nạn chướng nặng (chẳng thể nói đủ)

_"**Án, a mật-lật đá, đế tế, hạ la, hồng**"



*) OṂ_ AMṚTA TEJE HARA HŪṂ

Pháp này thông tất cả Liên Hoa Bộ, Vô Lượng Thọ Như Lai Niệm Tụng Pháp.

Tụng đủ mười vạn biến sẽ được nhìn thấy Đức A Di Đà Như Lai. Khi chết, quyết định được sinh về Thế Giới Cực Lạc.

_ *Vô Lượng Thọ Như Lai Phát Nguyện Đà La Ni*:

1_ Ca lý ca tăng sa ca lý đa nễ dã nễ lỗ kế

2_ Ma dĩ nễ châm đa đổ

3_ Vĩ mẫu tức đán đô lỗ ca

4_ Ma ma tả, tố tả lý đế nẵng

5_ Tác tát phộc đát-phộc bả la ma tố khế nẵng

6_ Tố khư phộc để-dựng, bát-la diễn đổ

VÔ LƯỢNG THỌ NHƯ LAI QUÁN HẠNH CÚNG DƯỜNG NGHI QUỸ

Hết

20/09/2011

VÔ LƯỢNG THỌ NHƯ LAI CĂN BẢN ĐÀ LA NI

Phục hồi và chú giải Phạn Chú : HUYỀN THANH

NAMO RATNA-TRAYĀYA (Quy mệnh Tam Bảo)

NAMAḤ (Kính lễ) ĀRYA (Thánh) AMITĀBHĀYA (Vô Lượng Quang) TATHĀGATĀYA (Như Lai) ARHATE (Ứng Cúng, Sát Tặc, A La Hán) SAMYAKSAṂBUDDHĀYA (Chính Đẳng Chính Giác)

TADYATHĀ (Như vậy, liền nói Chú là)

OṂ (Cảnh giác)

AMṚTE (Cam lộ)

AMṚTA (Cam Lộ) UDBHAVE (Hiện lên)

AMṚTA (Cam Lộ) SAṂBHAVE (Phát sinh)

AMṚTA (Cam Lộ) GARBHE (Tạng, kho tàng)

AMṚTA (Cam Lộ) SIDDHE (Thành tựu)

AMṚTA (Cam Lộ) TEJE (Uy quang, uy đức)

AMṚTA (Cam Lộ) VIKRĀNTE (Dũng mãnh)

AMṚTA (Cam Lộ) VIKRĀNTA (Dũng mãnh) GAMINE (Đạt đến được)

AMṚTA (Cam Lộ) GAGANA (Hư Không) KĪRTTI (Tương xứng) KARE (Tác làm, tạo tác)

AMṚTA (Cam Lộ) DUṆḌUBHI (Cổ, cái trống) SVARE (Âm thanh)

SARVĀRTHA (Tất cả nghĩa lợi) SĀDHANE (Nghi thức thành tựu)

SARVA KARMA (Tất cả nghiệp) KLEŚAA (Phiền não) KṢĀYAṂ (cùng tận, không còn sót) KARE (Tạo tác)

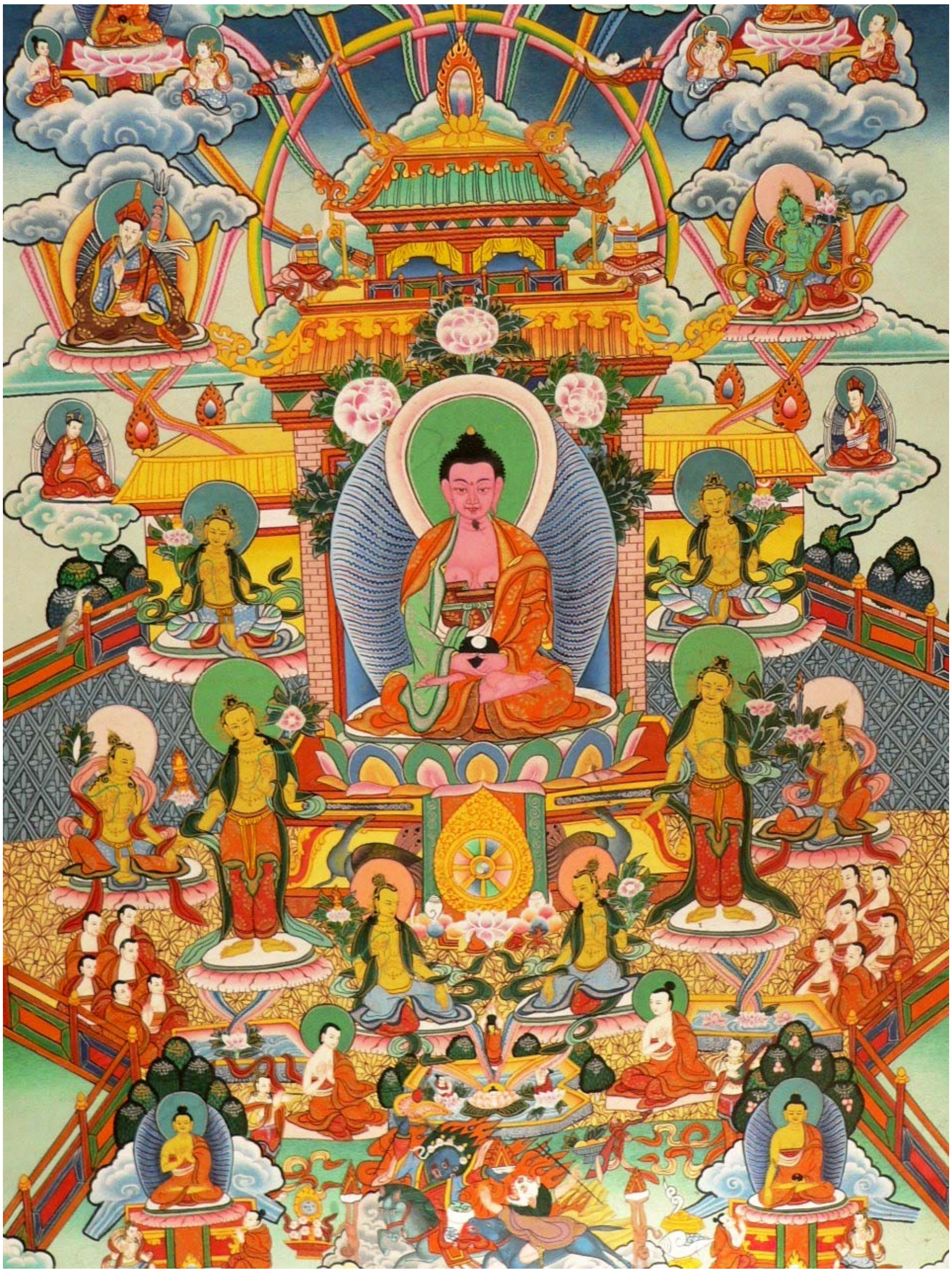
SVĀHĀ (Quyết định thành tựu, thọ hưởng mùi vị an lạc của Đại Niết Bàn)

Toàn bài Đà La Ni trên có thể diễn dịch là :

" Quy mệnh Tam Bảo

Kính lễ Thánh Vô Lượng Quang Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Như vậy: Hỡi Cam Lộ ! Hiện lên Cam L . Phát Sinh Cam Lộ. Kho Tàng Cam Lộ. Thành tựu Cam Lộ. Cam Lộ Uy Quang.Cam Lộ Dũng mãnh, đạt đến Cam Lộ Dũng Mãnh. Rải đầy hư không Cam Lộ. Âm thanh của tiếng trống Cam Lộ, thành tựu tất cả nghĩa lợi khiến cho tất cả nghiệp không còn phiền não, thọ hưởng mùi vị an lạc của Đại Niết Bàn"



Mật Tạng Bộ 2 _ No.931 (Tr.72_ Tr.75)

KINH KIM CƯƠNG ĐỈNH
PHÁP TU HÀNH QUÁN TỰ TẠI VƯƠNG NHƯ LAI

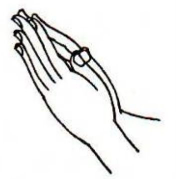
Hán dịch: Chùa Đại Hưng Thiện_ Tam Tạng Sa Môn Đại Quảng Trí BẤT KHÔNG phụng chiếu dịch

Sưu tập Thủ An, phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Nay Ta y theo **Kinh Kim Cương Đỉnh** (Vajra-śekhara-sūtra) diễn nói Pháp Yếu của **Kim Cương Liên Hoa Đạt Ma** (Vajra-padma-dharma). Trước hết nên vào **Quán Đỉnh Tam Muội Gia Mạn Trà La** (Abhiṣeka-samaya-maṇḍala), phát **Tâm Đại Bồ Đề** (Mahā-bodhi-citta). Buông xả: Thân mệnh, tiền của, tất cả lợi ích. Dũng mãnh tinh tiến, tùy niệm tương ứng Từ, Bi, Hỷ, Xả không có gián đoạn. Người như vậy mới nên tu tập.

Pháp của nhóm Mạn Trà La, vẽ Tượng… rộng như Kinh khác đã nói.

Phàm vào Tịnh Xá, lúc muốn niệm tụng. Trước tiên để 5 Luân sát đất đỉnh lễ Bản Tôn **Quán Tự Tại Vương Như Lai** (Avalokiteśvara-rāja). Tiếp lễ Bắc Phương **Bất Không Thành Tựu Như Lai** (Amogha-siddhi) cho đến **Vô Động** (Akṣobhya), **Bảo Sinh** (Ratna-saṃbhava), **Biến Chiếu Như Lai** (Vairocana) thảy đều y theo Pháp chí thành kính lễ. Quỳ 2 gối, chắp tay **Liên Hoa Hợp Chưởng**, sám hối tất cả lỗi lầm của ba nghiệp.



Con từ vô lượng Kiếp
Đắm chìm biển Sinh Tử
Nay dùng Tâm thanh tịnh
Tỏ bày xin sám hối
Như chư Phật đã Sám
Nay con cũng như vậy
Nguyện con với Chúng Sinh
Tất cả đều thanh tịnh

Mật Ngôn là: "**Án, cấp-phộc bà phộc, truật đà. Tát phộc đạt ma cấp-phộc bà phộc, truật độ hám**"

*) OṂ_ SVABHĀVA ŚUDDHA_ SARVA DHARMA SVABHĀVA ŚUDDHA-UHAṂ

_ Tiếp nên Tùy Hỷ Phước Trí đã gom tập của chư Phật Bồ Tát thời quá khứ, hiện tại, vị lai

Quá khứ ba đời Phật
Bồ Tát và Chúng Sinh
Đã gom chứa căn lành
Chắp tay tùy hỷ hết

_ Tiếp nên quỳ gối phải sát đất, chắp tay giữa rỗng (hư tâm hợp chưởng), đặt trên đỉnh đầu, tưởng lễ dưới chân của chư Phật và Bồ Tát.



Tụng Mật Ngôn là :
"**Án, bát nạp-ma vĩ đa** (nửa âm)"
ॐ पद्म विद्
*) OṂ_ PADMA VID

_ Lễ chư Phật xong. Y theo **Tọa Ấn**: tùy ý ngồi theo thế Bán Già hoặc Toàn Già, rồi vào Định suy tư, quán Đức **Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitāyus) tràn đầy khắp **Pháp Giới** (Dharma-dhātu), tự thân Hành Giả đều ở trong Hội ấy.

Sau đó kết **Bí Mật Tam Muội Gia Ấn**: Kiên Cố Phộc, đem Đàn Tuệ (2 ngón út) Thiền Trí (2 ngón cái) cùng hợp nhau đứng thẳng. Dùng Ấn này cảnh giác Thánh Chúng.



Tụng Mật Ngôn là :
"**Án, phộc nhật-la, bát ná-mang, tam muội gia, tát-đát-phạm**"
ॐ वज्रपद्म समय स्त्वं
*) OṂ_ VAJRA-PADMA SAMAYA   STVAṂ

_ Tiếp nên kết **Nhất Thiết Như Lai Hoan Hỷ Duyệt Ý Tam Muội Gia Ấn**: Dựa theo Ấn trước, chỉ đưa Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) vào trong lòng bàn tay.
Mật Ngôn là :
"**Án, tam mang gia , hộc, tô la đa, tát-đát-phạm**"
ॐ समय होः सुरत स्त्वं
*) OṂ_ SAMAYA HOḤ_ SURATA STVAṂ

_ Tiếp kết **Khai Tâm Ấn**: Quán trên 2 vú có chữ **Đát-la** (…_ TRĀ) **Tra** (…_ Ṭ) Dùng Kim Cương Phộc vỗ 3 lần để mở.



Mật Ngôn là :
"**Án, phộc nhật-la, mãn đà, đát-la tra**"
ॐ वज्र बन्ध त्राट्
*) OṂ_ VAJRA BANDHA TRĀṬ

_ Tiếp kết **Nhập Trí Tự Ấn**: Ở trước mặt mình quán một hoa sen hồng, trên hoa có chữ SA (_ SA). Dùng Kiên Cố Phộc, đưa Thiền Trí (2 ngón cái) vào bên trong, Tiến Lực (2 ngón trỏ) vịn nhau. Tưởng nhớ chữ ấy ở trong Nội Tâm.



Tụng Mật Ngôn là :
"**Án, phộc nhật-la, phệ xá, ác**"
*) OṂ_ VAJRA AVIŚA AḤ

_ Tiếp kết **Hạp Trí Tự Ấn**: Chẳng thay Ấn trước, Tiến Lực (2 ngón trỏ) trụ ở lưng Thiền Trí (2 ngón cái) , tưởng đóng cửa Tâm (Tâm Môn).



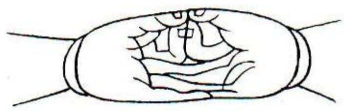
Mật Ngôn là :
"**Án, phộc nhật-la, mẫu sắt-trí, hàm**"
*) OṂ_ VAJRA-MUṢṬI HŪṂ

_ Tiếp kết **Tịch Trừ Kết Giới Ấn**: Giới Phương (2 ngón vô danh), bên phải đè bên trái, cùng giao nhau bên ngoài, Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) cùng đứng thẳng dựa nhau, dùng Tiến Lực (2 ngón trỏ) móc Giới Phương (2 ngón vô danh) Thiền Trí (2 ngón cái) vịn đầu Đàn Tuệ (2 ngón út).



Mật Ngôn là :
" **Án, a mật-lật đổ ná bà phộc, hồng phán tra**"
*) OṂ_ AMRTA-UDBHAVA HŪṂ PHAṬ
Đưa Ấn này xoay bên trái 3 vòng để Tịch Trừ mọi điều Bất Thiện, xoay bên phải 3 vòng tùy ý xa gần dùng để Kết Giới.

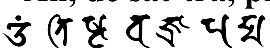
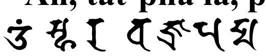
_ Tiếp kết **Tam Ma Địa Ấn**: Hai Vũ (2 bàn tay) ngửa lên cài chéo nhau. Tiến Lực (2 ngón trỏ) cùng chung lưng hợp cứng. Thiền Trí (2 ngón cái) vịn đầu Tiến Lực (2 ngón trỏ) rồi đặt trên Già (Bán Già, Toàn Già).



Tụng Mật Ngôn là :
“**Án, tam ma địa, bát ná-minh, hiệt-lị**”

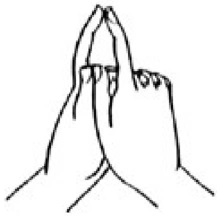
*) OṂ_ SAMĀDHI PADME HRĪḤ
Hít vào thở ra, mỗi mỗi biết rõ ràng. Quán trong hư không có vô lượng chư Phật cùng một lúc búng tay cảnh giác Hành Giả, rồi bảo rằng:
“Này ngươi! Thế nào là Thành Vô Thượng Giác?”
Chẳng biết Pháp Yếu về Tướng Báu của chư Phật. Lúc đó Hành Giả nghe lời cảnh giác xong, bạch Phật rằng:
“Thế nào gọi là Chân Thật? Nguyện xin Như Lai vì con mà giải nói”
Bấy giờ chư Phật bảo Hành Giả rằng :
“ Lành thay! Lành thay! Ngươi có thể thốt ra câu hỏi này. Ngươi tưởng bên trong Tâm có chứa chữ ÁC (_ AḤ) ***trong suốt ở trái tim”***
Tụng Mật Ngôn là:
“ **Án, tức đa bát-la để vị đăng, ca lỗ nhĩ** ”

*) OṂ_ CITTA PRATIVEDHAṂ KARA-UMI
Nên yên lặng tụng một biến. Liền tưởng là vành trăng như ở trong sương mù. Vì muốn cho vành trăng đó được trong sạch, nên tụng Mật Ngôn là:
“ **Án, mạo địa tức đa, mẫu đát bả ná , dạ nhĩ**”

*) OṂ_ BODHICITTAM UTPĀDA YĀMI
Tụng xong, chân thật quán vành trăng Tâm rất là trong sạch như khoảng trống rộng lớn của Hư Không không có vết ngăn che. Lại ở vành trăng Tâm tưởng có một hoa sen.
Tụng Mật Ngôn là:
“ **Án, để sắt-tra, phộc nhật-la, bát ná-ma**”

*) OṂ_ TIṢṬA VAJRA-PADMA
Tưởng hoa sen đó và vành trăng lớn dần dần tràn ngập khắp Pháp Giới, ngang bằng với Hư Không.
Tụng Mật Ngôn là:
“ **Án, tát-phả la, phộc nhật-la, bát ná-ma**”

*) OṂ_ SPHARA VAJRA-PADMA
Trong hoa sen nở lớn ấy phóng tỏa vô lượng ánh sáng. Tùy theo ánh sáng tuôn ra vô lượng vô biên cõi **Cực Lạc Thế Giới** (Sukhavatī), mỗi một Thế Giới Diệu Bảo Trang Nghiêm đều có Đức Quán Tự Tại Vương Như Lai và Thánh Chúng trước sau vây quanh. Quán như vậy xong, thu liễm hoa sen nhỏ dần.
Tụng Mật Ngôn là:
“ **Án, tăng hạ la, bát ná-ma**”

*) OṂ_ SAṂHARA PADMA
Tất cả Thế Giới, chư Phật Như Lai như vậy tùy theo hoa đều thu nhỏ dần ngang bằng với Bản Thân. Liền biến thân của mình thành thân của **Vô Lượng Thọ Phật**, có màu pha lê hồng , phóng tỏa ánh sáng to lớn. Kết Tam Ma Địa Ấn, ngồi trên **tòa Kim Cương Liên Hoa** (Vajra-padmāsana)

Tưởng tự thân của Hành Giả là Như Lai xong, lại sợ bị tán loạn mà lui mất. Tiếp tác Gia Trì Ấn để gia trì. Kiên Cố Phộc, co Tiến Lực (2 ngón trỏ) như cánh sen, Kèm thẳng Thiền Trí (2 ngón cái) ấn lên trái tim, vầng trán, cổ họng, đỉnh đầu. Tùy theo nơi ấn, tưởng có chữ **Hiệt-Lị** (_ HRĪḤ).



Tụng Mật Ngôn là:
"**Án, phộc nhật-la đạt ma hiệt-lị**"

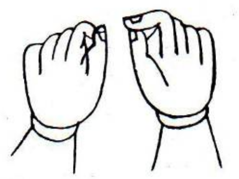
*) OṂ_ VAJRA-DHARMA _ HRĪḤ

_ Tiếp kết **Quán Đỉnh Ấn**: Liên Hoa Hợp Chưởng, Tiến Lực (2 ngón trỏ) cùng co như hình Báu, dựng thẳng Đàn Tuệ (2 ngón út) sao cho cách xa nhau, đặt ở trên trán.

Mật Ngôn là:
" **Án, bát ná-ma, la đát-na, tỳ tru già, tát phộc hàm, hiệt-lị, đát-lạc**"

*) OṂ_ PADMA-RATNA ABHIṢIṂCA SVĀMAṂ_ HRĪḤ TRĀḤ

_ Tiếp kết **Liên Hoa Man Ấn**: Dùng Ấn trước, từ vầng trán chia 2 tay vòng đến sau đỉnh, kết Liên Hoa Quyền như thế cột buộc tràng hoa. Từ từ đưa về phía trước rồi hạ xuống rải tán.



Tụng Mật Ngôn là:
" **Án, bát ná-ma, la đát-na, ma lệ, hàm**"

*) OṂ_ PADMA-RATNA-MĀLE HŪṂ

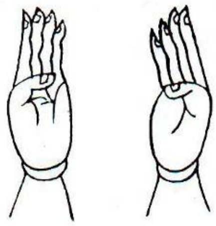
_ Tiếp kết **Giáp Trụ Ấn**: Kết Liên Hoa Quyền, trước sau quấn quanh thân như phép mặc áo giáp.



Tụng Mật Ngôn là:
"**Án, a bà gia, bát ná-ma, ca phộc chế , mãn đà, la khất-sái hàm, hồng hám**"

*) OṂ_ ABHAYA-PADMA-KAVACE BANDHA RAKṢA MAṂ_ HŪṂ HAṂ

_ Tiếp Kết **Hoan Hỷ Ấn**: Liên Hoa Hợp Chưởng, hơi vỗ 3 tiếng.



Tụng Mật Ngôn là:
“ Án, bát ná-ma, đổ sử-dã, hộ”
*) OṂ_ PADMA TUṢYA HOḤ

_ Lại ở trước mặt quán Thế Giới **An Lạc** (Sukha-vatī) có **Lưu Ly** (Vaiḍurya) làm đất, biển sữa Công Đức. Ở trong biển ấy quán chữ **Hiệt-Lị** (_ HRĪḤ) biến thành hoa sen hé nở vi diệu. Liền biến hoa ấy thành Quán Tự Tại Vương Như Lai với sắc tướng trang nghiêm như quán thân lúc trước.

_ Tiếp kết **Liên Hoa Câu Ấn**: Liên Hoa Hợp Chưởng, Tiến Lực (2 ngón trỏ) như móc câu.

Tụng Mật Ngôn là:
“**Án, bát ná-mang cú xả , hồng nhạ**”
*) OṂ_ PADMA-AṂKUŚA HŪṂ JAḤ

_ Tiếp kết **Liên Hoa Sách Ấn**: Liền dùng Ấn lúc trước, Tiến Lực (2 ngón trỏ) như cái vòng (Hoàn).
Tụng Mật Ngôn là:
“**Án, bát ná-ma, mẫu già bá xả, hồng**”
*) OṂ_ PADMA-AMOGHA-PĀŚA HŪṂ

_ Tiếp kết **Liên Hoa Tỏa Ấn**: Phù Dung Hợp Chưởng, Tiến (Ngón trỏ phải) Thiền (Ngón cái phải) vịn nhau, Lực (Ngón trỏ trái) Trí (Ngón cái trái) cũng thế, cùng móc nhau thành cái khoá (Tỏa).
Tụng Mật Ngôn là:
“**Án, bát ná-ma, tắc-bố tra, hàm**”
*) OṂ_ PADMA-SPHOṬA HŪṂ

_ Tiếp kết **Liên Hoa Linh Ấn**: Dùng Liên Hoa Hợp Chưởng, co Thiền Trí (2 ngón cái) vào trong, Tiến Lực (2 ngón trỏ) như cái vòng.
Tụng Mật Ngôn là:

“Án, bát ná-ma, phệ xá, ác”

*) OṂ_ PADMA VEŚA AḤ

_ Tiếp kết **Liên Hoa Bộ Bách Tự Minh Mật Ngôn**, dâng vật khí chứa **Át Già** (Ārgha). Dùng Uất Kim, Long Não cùng hòa với nước thơm mà làm cúng dường. Tụng Bách Tự Minh Mật Ngôn là :

“**Án, bát ná-ma tát đát-phộc tam ma gia, ma nỗ bá la gia. Bát ná-ma tát đát-phộc , để-vĩ nỗ ba , để sắt-xá, niết-lị trụ minh bá phộc. Tô đổ sái-dụ minh bá phộc. A nỗ la khất-đổ minh bá phộc. Tô báo sử-dụ minh bá phộc. Tát phộc tất địa mị bát-la tả dã. Tát bà yết ma tô giả minh, tức đa , thất-lợi dược, cú lô hồng. Ha ha ha ha hô. Bạc già phạm, tát bà đát tha nghiệt đa , bát ná-ma, mang minh muộn già. Bát ná-minh bá phộc. Ma ha tam ma dã, tát đát-phộc, ác**“

*) OṂ_ PADMA-SATVA SAMAYAM ANUPĀLAYA_ PADMA-SATVA TVENA UPATIṢṬA DṚḌHO ME BHAVA _ SUTOṢYO ME BHAVA _ SUPOṢYO ME BHAVA _ ANURAKTO ME BHAVA _ SARVA SIDDHIṂ ME PRAYACCHA _ SARVA KARMASU CA ME CITTAṂ ŚRĪYAṂ KURU HŪṂ_ HA HA HA HA HOḤ_ BHAGAVAṂ, SARVA TATHĀGATA-PADMA, MĀ ME MUṂCA _ PADMĪ BHAVA_ MAHĀ-SAMAYA-SATVA _ ĀḤ

_ Tiếp kết **Liên Hoa Nội Cúng Dường Hy Hý Ấn**: Phù Dung Hợp Chưởng, kèm dựng thẳng Thiền Trí (2 ngón cái).



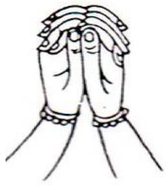
Tụng Mật Ngôn là:

“Án, bát ná-ma, la tế, hô”

*)OṂ_ PADMA-LĀSE HOḤ

(Bản khác ghi là: OṂ_ PADMA-LĀSYE HOḤ)

_ Tiếp kết **Liên Hoa Man Ấn**: Liền dùng Ấn trước, 2 cánh tay cùng duỗi.

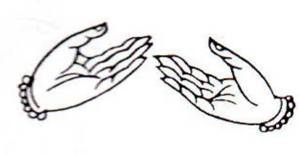


Tụng Mật Ngôn là :

“ **Án, bát ná-ma , ma lệ, đát-la tra”**

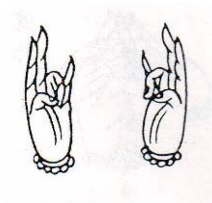
*) OṂ_ PADMA-MĀLE TRAṬ

_ Tiếp kết **Liên Hoa Ca Ấn**: Dùng Phù Dung Hợp Chưởng, co trụ các ngón , từ rốn trở lên đến miệng mới bung tán.



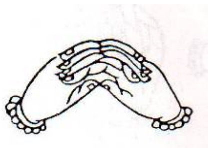
Tụng Mật Ngôn là :
"**Án, bát ná-ma, nghi đế, nghi**"
𑖌𑖼 𑖢𑖟𑖿𑖦𑖐𑖱𑖝𑖸 𑖐𑖱𑖾
*) OṂ_ PADMA-GĪTE _ GĪḤ

_ Tiếp kết **Liên Hoa Vũ Ấn**: Dùng Phù Dung Hợp Chưởng, chuyển xoay bên trái phải rồi bung tán trên đỉnh đầu.



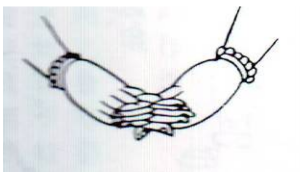
Tụng Mật Ngôn là:
"**Án, bát ná-ma nễ-lị đế, khất-lị tra**"
𑖌𑖼 𑖢𑖟𑖿𑖦𑖡𑖴𑖝𑖿𑖧𑖸 𑖎𑖴𑖘𑖿
*) OṂ_ PADMA-NṚTYE _ KṚṬ

_ Tiếp kết Liên Hoa Ngoại Tứ Cúng Dường (4 vị cúng dường bên ngoài của Liên Hoa Bộ) **Thiêu Hương Ấn**: Liên Hoa Hợp Chưởng, hạ xuống bung tán giống như thế đốt hương.



Tụng Mật Ngôn là:
"**Án, bát ná-ma, độ bế, ác**"
𑖌𑖼 𑖢𑖟𑖿𑖦 𑖠𑖳𑖢𑖸 𑖀𑖾
*) OṂ_ PADMA-DHŪPE _ AḤ

_ Tiếp kết **Liên Hoa Tán Hoa Ấn**: Liên Hoa Hợp Chướng, từ phía trước mặt bung tán lên trên giống như thế bung rải hoa.



Tụng Mật Ngôn là:
"**Án, bát ná-ma, bổ sắt-bế, án**"
𑖌𑖼 𑖢𑖟𑖿𑖦 𑖢𑖲𑖬𑖿𑖢𑖸 𑖌𑖼
*) OṂ_ PADMA-PUṢPE _ OṂ

_ Tiếp kết **Liên Hoa Đăng Ấn**: Liên Hoa Hợp Chưởng, dựng Thiền Trí (2 ngón cái) cùng cách lìa nhau.



Tụng Mật Ngôn là:
"**Án, bát ná-ma, nễ bế, nễ**"
*) OṂ_ PADMA-DĪPE _ DĪḤ

_ Tiếp kết **Liên Hoa Đồ Hương Ấn**: Mười Độ (10 ngón tay) tác Liên Hoa Hợp Chưởng, để ngang trái tim phân tán như thế bôi xoa hương.



Tụng Mật Ngôn là:
"**Án, bát ná-ma, nghiễn đề, ngược**"
*) OṂ_ PADMA-GANDHE _ GAḤ

_ Tiếp kết **Căn Bản Ấn**: Kiên Cố Phộc, để Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) dính nhau như hình cánh sen.



Tụng Mật Ngôn là:
"**Án, lộ kế thập phộc la, la nhạ, hiệt-lị**"
*) OṂ_ LOKEŚVARA RĀJA_ HRĪḤ

_ Tiếp kết Căn Bản Ấn, tụng Minh 7 biến xong. Sau đó cầm xâu chuỗi bằng hạt sen, tương ứng niệm tụng. Ở trong 4 Thời, tùy sức mà làm. Nếu lúc muốn ngưng thì trùng kết (Kết lần nữa) Căn Bản Ấn, lại tụng 7 biến Căn Bản Đà La Ni.
_ Tiếp kết 8 Cúng Dường Ấn.
_ Sau đó Phát Khiển Bản Tôn. **Phát Khiển Ấn**: Dùng Căn Bản Ấn lúc trước, từ rốn đưa đến mặt rồi bung tán.



Chắp tay ở trên đỉnh đầu, tưởng Quán Tự Tại Vương Như Lai quay trở về Bản Cung.

Tụng Mật Ngôn là :

“Án, phộc nhật-la, bát ná-ma, mục”

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖢𑖟𑖿𑖦 𑖦𑖳𑖾

*) OṂ_ VAJRA-PADMA _ MUḤ

Phát Khiển Bản Tôn xong. Tùy ý phát nguyện.

_Lại dùng Giáp Trụ Ấn Hộ Thân

_ Dùng Mã Đầu Minh Vương Kết Giới Ấn xoay bên phải để giải Giới

_ Tùy ý Kinh Hành. Đến các Tịnh Xứ đọc Kinh Đại Thừa: Đại Bát Nhã Kinh, Hoa Nghiêm Kinh, Niết Bàn Kinh với Lăng Già Kinh…

_ Đi, đứng, ngồi, nằm thường niệm Bản Tôn không để cho gián đoạn.

KINH KIM CƯƠNG ĐỈNH
PHÁP TU HÀNH QUÁN TỰ TẠI VƯƠNG NHƯ LAI
_Hết _

Hiệu chỉnh xong vào ngày 10/02/2012



Mật Tạng Bộ 2 _ No. 932 (Tr.75 _ Tr.79)

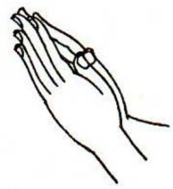
KINH KIM CƯƠNG ĐỈNH
PHÁP TU HÀNH DU GIÀ QUÁN TỰ TẠI VƯƠNG NHƯ LAI

Hán dịch: Đời Đường, nước Thiên Trúc_ Tam Tạng KIM CƯƠNG TRÍ
Sưu tập Thủ Ấn, phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Nay Ta y theo **Kinh Kim Cương Đỉnh** (Vajra-śekhara-sūtra) diễn Pháp yếu của **Kim Cương Liên Hoa Đạt Ma** (Vajra-padma-dharma). Trước tiên nên vào nơi **Quán Đỉnh Tam Muội Gia Mạn Trà La** (Abhiṣeka-samaya-maṇḍala), phát **Tâm Đại Bồ Đề** (Mahā-bodhi-citta), buông bỏ thân mệnh tiền của; nhiêu ích tất cả, dũng mãnh tinh tiến, tùy niệm tương ứng Từ Bi Hỷ Xả không có gián đoạn. Người như vậy mới nên tu tập

Pháp của nhóm **Mạn Trà La** (Maṇḍala), vẽ Tượng… rộng như chỗ khác đã nói.

Phàm vào Tịnh Xá, lúc muốn thuận niệm thời trước tiên cúi năm Luân sát đất đỉnh lễ Bản Tôn **Quán Tự Tại Vương Như Lai** (Avalokiteśvara-rāja). Tiếp lễ Bắc Phương **Bất Không Thành Tựu Như Lai** (Amogha-siddhi) cho đến **Vô Động** (Akṣobhya), **Bảo Sinh** (Ratna-saṃbhava), **Biến Chiếu Như Lai** (Vairocana) thảy đều y theo Pháp chí thành kính lễ. Quỳ 2 gối, chắp tay Liên Hoa Hợp Chưởng, sám hối tất cả lỗi lầm của ba nghiệp.



"Con từ vô lượng Kiếp
Đắm chìm biển Sinh Tử
Nay dùng Tâm thanh tịnh
Tỏ bày xin hối lỗi
Như chư Phật đã Sám
Nay con cũng như vậy
Nguyện con với Chúng Sinh
Tất cả đều thanh tịnh"

Tụng Chân Ngôn này là:

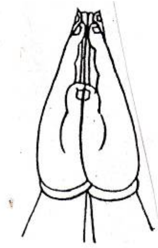
"Án, tát-phộc bà phộc, truật đà. Tát phộc đạt ma tát-phộc bà phộc, truật độ hám"

*) OṂ_ SVABHĀVA ŚUDDHA_ SARVA DHARMA SVABHĀVA ŚUDDHA-UHAṂ

Tiếp nên Tùy Hỷ Phước Trí đã gom tập của chư Phật Bồ Tát đời quá khứ, hiện tại, vị lai

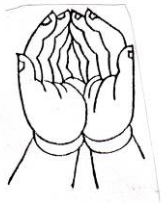
"Xưa, nay ba đời Phật
Bồ Tát và Chúng Sinh
Gom chứa các căn lành
Chắp tay tùy hỷ hết"

Tiếp nên quỳ gối phải sát đất, chắp tay giữa rỗng (Hư Tâm Hợp Chưởng), đặt trên đỉnh đầu, tưởng lễ dưới chân của chư Phật và Bồ Tát.



Tụng Mật Ngôn là :
"Án, bát na-ma vi"
*) OṂ_ PADMA VID

Lễ chư Phật xong. Y theo Tọa Ấn mà ngồi,vào Định suy tư, quán Đức **Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitāyus) tràn đầy khắp **Pháp Giới** (Dharma-dhātu), tự thân Hành Giả đều ở trong Hội ấy. Sau đó kết Bí Mật Tam Muội Gia : đem 6 Độ (6 ngón tay) cùng dính đầu ngón, hơi co Tiến Lực (2 ngón trỏ) đè vạch bên cạnh trên Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa).



Chân Ngôn là:
"Án, đát đà nga đổ nột bà phộc gia, sa-phộc ha"
*)OṂ_ TATHĀGATA-UDBHAVĀYA SVĀHĀ

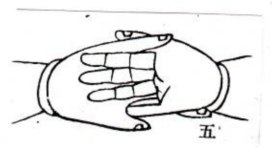
Tiếp kết **Liên Hoa Bộ Tam Muội Gia Đà La Ni Ấn**. Liền đem hai Vũ (2 tay) kết Liên Hoa Hợp Chưởng, Thiền Trí (2 ngón cái), Đàn Tuệ (2 ngón út) cùng dính đầu ngón, đầu ngón của sáu Độ (6 ngón tay còn lại) cùng cách nhau một thốn, đặt ở trên tai phải.



Tụng Chân Ngôn là:
"Án, bát đắc-ma nột bà phộc gia, sa-phộc ha"
*)OṂ_ PADMA-UDBHAVĀYA SVĀHĀ

Tiếp kết **Kim Cương Bộ Tam Ma Gia Đà La Ni** với **Ấn**. Liền đem Đàn Trí (2 ngón út) và Thiền Tuệ (2 ngón cái) nghiêng che trợ móc nhau. Lần đầu kết ngay trái

tim, Diệu Ngôn đặt ở tai trái, tiến Mật Ngữ ba lần. Nói xong Đỉnh Luân Vương bung tán.



Chân Ngôn là:
"Án, phộc nhật-lỗ nạp bà phộc gia, sa-phộc ha"
*)OṂ_ VAJRA-UDBHAVĀYA SVĀHĀ

Tiếp kết **Kim Cương Hộ Thân Đà La Ni** với **Ấn.** Liền đem Giới Phương (2 ngón vô danh), Đàn Tuệ (2 ngón út) cùng cài chéo nhau bên trong, dựng hai độ Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) như cây phướng, co Tiến Lực (2 ngón trỏ) ở lưng Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) sao cho cách lưng ngón ba phân như hình móc câu, dựng hai độ Thiền Trí (2 ngón cái) ngay trái tim.



Chân Ngôn là:
"Án, phộc nhật-la, nghĩ nễ, bát-la niệm bạt đá gia, sa ha"
*)OṂ_ VAJRA-AGNI PRADIPTĀYA SVĀHĀ

Tiếp kết **Kim Cương Hỏa Diệm Tuệ Đại Giới Đà La Ni** với **Ấn.** Liền đưa Nhẫn Độ (ngón giữa phải) vào bên trong Lực Nguyện Độ (ngón trỏ và ngón giữa trái), Giới Độ (ngón vô danh phải) vào bên trong Tuệ Phương Độ (ngón út và ngón vô danh trái). Đem Nguyện Độ (Ngón giữa trái) từ trên lưng nhập vào bên trong Tiến Nhẫn Độ (Ngón trỏ và ngón giữa phải), Phương Tiện (ngón vô danh trái) vào bên trong Đàn Giới Độ (ngón út và ngón vô danh phải), Đàn Tuệ (2 ngón út) Tiến Lực (2 ngón trỏ) Thiền Trí (2 ngón cái) đều dính đầu ngón, che úp hướng xuống dưới, Thiền Trí (2 ngón cái) trụ mặt đất như thế đóng cây cọc.



Tụng Chân Ngôn ba biến tưởng như hình cái chày Kim Cương rực lửa mạnh (Kim Cương Hỏa Diệm Xử) thông suốt bờ mé Kim Cương. Tụng Chân Ngôn là:

"Án_ Chỉ lý, chỉ lý, ma nhật-la, ma nhật-lê, bộ luật, mãn đà, mãn đà, hồng, phán tra"

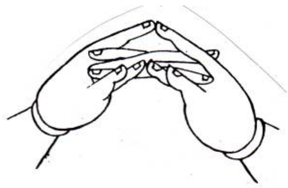
*)OṂ_ KILI KILI_ VAJRA VAJRI BHŪR_ BANDHA BANDHA _ HŪṂ PHAṬ

Kim Cương Hỏa thành Phi Diệm Điện Diên Viện Giới Chân Ngôn Ấn. Dựa theo Địa Ấn trước, mở tung Thiền Trí (2 bàn tay) xoay theo bên phải khắp tám phương.



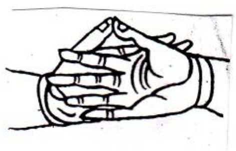
Tụng Chân Ngôn là:
"Án_ tát la tát la, ma nhật-la, bát-la ca la, hồng, phán tra"
*)OṂ _ SARA SARA VAJRA PRAKARA HŪṂ PHAṬ

Kim Cương Hỏa Diệm Võng Giới Chân Ngôn Ấn. Cũng dựa theo Địa Ấn trước, mở tung ra dựng thẳng Thiền Trí (2 bàn tay) che trên đỉnh đầu, đưa qua đưa lại ba lần , tưởng cái lưới rực lửa Kim Cương (Kim Cương Hỏa Diệm Võng) lên cao đến Hữu Đỉnh (Sắc Cứu Cánh Thiên).



Mật Ngôn là:
"Án_ Vĩ tát -phổ la nại-lạc khất-sái, phộc nhật-la bán nhạ la, hồng phán tra"
*)OṂ _ VISPHURAD RAKṢA VAJRA-PAṂJALA HŪṂ PHAṬ

Tiếp kết **Kim Cương Diệm Hỏa Giới Ấn**. Đem Định Tuệ (2 bàn tay) cùng dính cạnh bàn tay, dựng thẳng Thiền Trí (2 ngón cái) cách nhau ba thốn, xoay chuyển theo bên phải trên đỉnh đầu, tưởng cái lưới bức tường (Tường Võng).



Tụng Mật Ngôn là:
"Án_ A tam mang nghĩ-nễ, hồng phán tra"
*)OṂ_ ASAMĀṂGNI HŪṂ PHAṬ

Giới này thành xong, **Ma La** (Māra:loài Ma) trong 6 cõi Dục với tất cả **Tỳ Na Dạ Ca** (Vināyaka) sợ hãi chạy trốn, không có chỗ dung thân

Tiếp kết **Quán Âm Bảo Xa Ấn**. Ngửa hai Vũ (2 bàn tay) cùng cài chéo nhau chuyển, đem Thiền Trí (2 ngón cái) chiêu vời Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) hướng vào bên trong bật phát ba lần, tụng Chân Ngôn tưởng nhớ Bản Tôn tùy theo Nguyện đi đến.



Nên dùng vào niệm, chẳng dùng Tâm bọt nổi huyễn hóa trong Tâm kín đáo. Mật Ngôn là:

"Án_ Đổ lỗ, đổ lỗ, hồng"

*)OṂ_ TURU TURU HŪṂ

Tiếp kết **Bát Đại Liên Hoa Ấn**. Đem hai vũ (2 bàn tay) cùng cài chéo nhau sao cho đầu ngón của Tiến Lực (2 ngón trỏ) Đàn Tuệ (2 ngón út) cùng dính nhau, Thiền (Ngón cái phải) Nguyện (ngón giữa trái) Trí (ngón cái phải) Nhẫn (ngón giữa giữa phải) cùng trụ nhau. Ở khoảng giữa một khuỷu tay của hoa sen trắng tám cánh tưởng đặt ba Mật Ngữ trên cái xe. Chân Ngôn là:

"Án_ Kiếm mang la, sa-phộc ha"

*)OṂ_ KAMALA_ SVĀHĀ

Tiếp kết **Du Già Bí Mật Tam Muội Gia Ấn**. Hai tay buộc các ngón bền chắc (Kiên Cố Phộc), Đàn Tuệ (2 ngón út), Thiền Trí (2 ngón cái) đều cùng hợp dựng dính nhau.



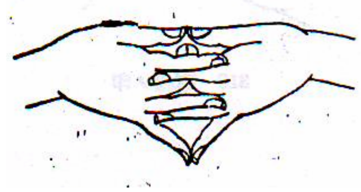
Dùng Ấn cảnh giác, tụng Mật Ngôn là:

"Án, phộc nhật-la bát na-ma, tam ma gia, tát-đát-phạm"

*)OṂ– VAJRA-PADMA SAMAYA STVAṂ

Tiếp kết **Nhất Thiết Như Lai An Lạc Hoan Hỷ Duyệt Ý Tam Muội Gia Ấn**

Mười Độ (10 ngón tay) buộc bền chắc
Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) giao hợp giữa
Đàn Tuệ (2 ngón út) và Thiền Trí (2 ngón cái)
Hợp đầu ngón cùng dựng

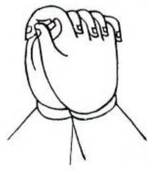


Chân Ngôn là:

"Án, tam ma gia, hộ, tô la đá, tát-đát-noan"

*) OṂ– SAMAYA HOḤ SURATA STVAṂ

Tiếp kết **Khai Tâm Hộ**, nhập vào chữ Kim Cương Trí, quán ở trên hai vú, bên phải có chữ **Đát La** (- TRĀ), bên trái có chữ **Tra** (-Ṭ) như cánh cửa của cung thất, Kim Cương Phộc thù thắng, ba nghiệp đồng thời phát, chỉ trái tim mở hai chữ.



Chân Ngôn là:
“Án, phộc nhật-la mãn đà, đát-la tra (nửa âm)”
*) OṂ_ VAJRA-BANDHA TRĀṬ

Vô thủy ướp hạt giống
Gom chứa mọi trần lao
Nay dùng Ấn **Triệu Tội**
Gom lại muốn nghiền nát
Mười Độ (10 ngón tay) buộc bền chắc
Duỗi Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) như kim
Co Tiến Lực (2 ngón trỏ) như câu (móc câu)



Tâm tưởng triệu các tội
Tưởng dạng mọi tội ấy
Hình đen như rễ, tóc
Ngược Ấn đâm ở tim
Chạm xong tụng Mật Ngôn
Vì ba nghiệp tương ứng
Hay triệu tội đã chứa
Tụng Triệu Tập này xong
Mới làm Pháp nghiền nát (Tồi Toái Pháp)
Mật Ngôn là:
“Án, tát phộc bà phộc, ca lý-sái noa, vĩ du đà na, tam ma gia, phộc nhật-la, hồng, nhạ”
*)OṂ_ SARVA PĀPA AKARṢAṆA VIŚODHANA VAJRA-SAMAYA – HŪṂ JAḤ

Triệu vào lòng tay xong
Mới làm Pháp nghiền nát
Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) cùng duỗi thẳng

Có chữ **Đát La Tra** (_ TRĀṬ)
Tưởng làm Chày Kim Cương
Cùng vỗ như phá núi



Phẫn Câu (Giận dữ câu móc) với Nộ hình (hình tức giận)
Hay hết các nẻo các
Tụng xong, Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) vỗ
Hăm mốt (21) tùy theo Nghi

"Án, bạt nhật-la bá ni, vĩ sa-phổ tra dã, tát đá bá gia, mãn đà na nễ, bát-la mẫu cật-sái dã, tát bà bá gia nga đế tỳ-dược, tát phộc sa đát-mạn, tát phộc đát tha nghiệt đá, bạt nhật-la, tam ma gia, hồng, đát-la tra"

*)OṂ_ VAJRA-PĀṆI VISPHOṬAYA SARVA PĀPA BANDHANĀNI PRAMOKṢĀYA SARVA PĀYAGATEBHYAH SARVA SATVA – SARVA TATHĀGATA-VAJRA-SAMAYA HŪṂ TRĀṬ

Từ Bi khắp thảy hội
Triệu vào các bụi dơ (trần cấu)
Cùng vỗ nát các Ma
Tất cả đều đã trừ
Trong sạch như trăng đầy
Nên quán sen tám cánh
Tưởng bên trong, ở tim
Hai khuỷu tay (Nhị vũ trửu) dính nhau
Ngửa dựng như sen báu
Mười Độ (10 ngón tay) lìa hẳn nhau
Hơi co tám cánh vận



Mật Ngôn là:
"Án, kiếm mang la, sa-phộc ha"

*)OṂ_ KAMALA_ SVĀHĀ

Dùng Môn tương ứng này
Phương tiện của Phật trước
Ba nghiệp đã chứa tội
Vô lượng chướng cực nặng

Làm tồi diệt này xong
Như lửa đốt cỏ khô
Hữu Tình thường ngu mê
Chẳng biết Lý Thú này
Như Lai Đại Bi nên
Bày Môn bí diệu này

Tiếp nên kết **Nhập Ấn**
Ttrong chữ Như Lai Trí
Hai vũ (2 tay) buộc bền chắc
Thiền Trí (2 ngón giữa) vào ở trong
Dùng hai Độ Tiến Lực (2 ngón trỏ)
Trụ nhau như cái vòng



Quán sen tám cánh trước
Trên đó để chữ **Sa** (स_ SA)
Hai điểm nghiêm sức nên
Diệu Tự (chữ màu nhiệm) mới triệu **Ác** (अः_AḤ)
Màu trắng như kha tuyết
Lưu tán ngàn ánh sáng
Tưởng dùng Tiến Lực Độ (2 ngón trỏ)
Vịn chữ an trong tim
Ba nghiệp cùng vận dụng
Tụng Mật Ngôn này là:
"Án, bạt nhật-la phệ xả, ác"
ॐ वज्रावेश अः
*)OṂ_ VAJRA-AVIŚA AḤ

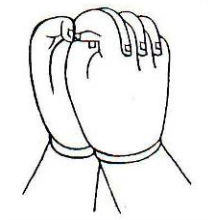
Đã tưởng vào trong tim
Chữ tưởng sáng rực hơn
Đây tức Thể Pháp Giới
Hành Giả nên quán đấy
Chẳng lâu ngộ thanh tịnh
Pháp vốn chẳng có sinh
Các Như Lai ba đời
Thân khẩu ý Kim Cương
Đều dùng Diệu Phương tiện (phương tiện màu nhiệm)
Dùng Môn đóng tâm này (Hạp Tâm Môn)
Chữ Trí được bền chắc
Liền co Tiến Lực Độ (2 ngón trỏ)
Trụ ở lưng Thiền Trí (2 ngón cái)



Dùng Ấn chạm ngực xong
Liền tụng Diệu Ngôn này
"Án, phộc nhật-la, mẫu sắt tri, noan"

*)OṂ_ VAJRA-MUṢṬI VAṂ

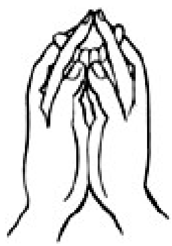
Tiếp kết **Nhất Thiết Chư Phật Kim Cương Bế Tâm Môn Ấn**. Tức dùng tám Độ (8 ngón tay) cài chéo nhau bên trong, bắt đầu khởi từ bên phải lại chuyển bên trái, đưa qua lại ba lần chuyển cánh cửa, tưởng ba Mật Ngữ đóng của Tâm.

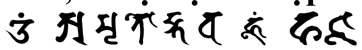


Mật Ngôn là:
"Án, bát na ma, độ bế, ác"

*)OṂ_ PADMA-DHŪPE _ AḤ

Tiếp kết **Tịch Trừ Kết Giới Ấn**. Liền dùng hai vũ (2 tay) hợp ngang trái tim, Giới (ngón vô danh) bên phải đè bên trái, cùng cài chéo nhau bên ngoài, dựng hai Độ Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) như cây phướng. Tiếp dùng Tiến Lực (2 ngón trỏ) câu móc Giới Phương (2 ngón vô danh), Thiền Trí (2 ngón cái), Đàn Tuệ (2 ngón út) cùng vịn đầu ngón.



Mật Ngôn là:
"Án, a mật-lật đổ nạp-bà phộc, hồng phán tra"

*)OṂ_ AMṚTA-UDBHAVA HŪṂ PHAṬ
Pháp này là Đại Bi Quán Thế Âm hóa làm **Mã Đầu Minh Vương** (Hayagrīva-vidya-rāja) gia bị cho Hành Nhân mau thành Phật. Làm Kết Giới này chuyển bên trái ba lần tịch trừ sự chẳng lành, xoay bên phải ba lần tùy ý xa gần thành Kết Giới

Tiếp kết gia trì xong
Bày chữ tưởng chân dung
Nơi Ấn để Quán Âm (Avalokiteśvara)
Chữ **Hột Lý** (𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾- HRĪḤ) rõ ràng
Chữ này đều đợi hiện
Trong sạch trong vành trăng
Liền toa hào quang trắng
Quay lại khiến nhỏ dần
Hai vũ (2 tay) hợp ở tim

Mười Độ (10 ngón tay) chéo bên trong
Rút Thiền (ngón cái phải) dựng thẳng đè



Ấn đỉnh với trên trán
Hai mắt, trước từ phải (bên phải)
Hai bắp tay, tim, rốn
Trong gối (đầu gối) đến trái (bên trái) bung
Tụng nơi Mật Ngôn là:
"Án, a lỗ lực, sa phộc ha"
𑖌𑖼 𑖀𑖨𑖺𑖩𑖰𑖎𑖿 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
*)OṂ_ AROLIK SVĀHĀ

Kết Ấn này dùng bày chữ ở trên thân, tức tự thân giống như Đại Bi Quán Thế Âm Như Lai với 32 tướng 80 loại tùy hình tốt đẹp, màu vàng tía, hào quang thân tròn đầy, Như Lai gia bị

Tác tưởng đó xong, dùng Thủ Khế (tay ấn) chạm trên đỉnh đầu bày chữ **Án** (𑖌𑖼_ OṂ), chạm trên trán bày chữ **A** (𑖀_A), chạm con mắt bày chữ **Lỗ** (𑖨𑖺_RO), bên phải mỗi mỗi y theo thứ tự cho đến hai bàn chân đều dùng an bày.

Án (𑖌𑖼_ OṂ) tưởng an trên đầu
Màu trắng như mặt trăng
Phóng vô lượng ánh sáng
Trừ diệt tất cả Chướng
Liền đồng Phật Bồ Tát
Xoa trên đỉnh người đó

Chữ **A** (𑖀_ A) an trên trán
Màu sắc toàn vàng ròng
Soi chiếu các ngu ám
Hay phát Tuệ Minh sâu

Lỗ (𑖨𑖺_RO) an trên hai mắt
Màu lưu ly xanh biếc
Hay hiển các sắc tướng
Dần đủ Trí Như Lai

Lực (𑖩𑖰𑖎𑖿_LIK) tưởng an hai vai
Màu sắc như tơ trắng
Do tâm thanh tịnh nên
Mau đạt nẻo Bồ Đề

Sa-phộc (𑖭𑖿𑖪𑖯_ SVĀ) an tim, rốn
Dạng ấy làm màu đỏ
Thường hay tưởng chữ đó

Mau được chuyển **Pháp Luân** (Dharma-cakra:bánh xe Pháp)

Chữ **Ha** (-HĀ) hai bàn chân
Màu sắc như trăng đầy
Hành Giả tác tưởng đó
Mau được đạt viên tịch

Như vậy tưởng nhớ màu chữ gốc (Bản Tự)
Liền thành Môn **Đại Bi Thắng Pháp**
Như tướng chân thật của Bản Tôn
Hay diệt các tội được cát tường
Giống như nhóm Kim Cương bền chắc
Gọi là **Đại Bi Thắng Vương Pháp**
Nếu thường tu hành Pháp như vậy
Nên biết người đó mau Tất Địa (Siddhi:thành tựu)

Tụng ba biến, tịnh Khế xong. Tự tâm tưởng trong miệng của **Quán Âm Đại Bi Thiên Nhãn** tuôn ra văn tự, lời màu nhiệm của Đại Bi phóng ánh sáng năm màu nhập vào trong miệng của Hành Giả, ngay trong vành trăng ở trái tim an bày xoay theo bên phải. Liền tụng Bản Tôn Chân Ngôn một biến, dùng ngón vô danh của tay phải vịn một hạt châu, vượt qua hạt châu rồi lại bắt đầu, chẳng gấp rút, chẳng chậm chạm, cũng chẳng cao giọng , rõ ràng xưng chữ khiến tự mình nghe. Nơi quán Bản Tôn với bày chữ trên thân , niệm tụng Ký Số. Ở trong một niệm nên cùng một lúc quán thấy, chẳng được thiếu khiến tâm tán loạn. Nếu quán niệm mệt mỏi thì tùy tâm lực , niệm tụng một trăm, hai trăm , ba trăm cho đến bảy trăm, một ngàn theo hạn số thường định. Nếu có duyên sự cũng phải niệm tụng chẳng được giảm thiếu.

Nếu cầu giải thoát ra khỏi sinh tử thì tác **Tam Muội Du Già Quán Hạnh** không có biến số. Người niệm tưởng trái tim của mình như một mặt trăng đầy sầu dầy trong sạch , trong ngoài rõ ràng. Dùng chữ **Án** (_ OṂ) an trong tâm mặt trăng . Dùng **a lỗ lực sa phộc ha** (_ AROLIK SVĀHĀ) từ phía trước chuyển bên phải theo thứ tự bao vòng khắp Luân Duyên, chân thật quán nghĩa của mỗi một chữ cùng tâm tương ứng chẳng được sai lầm

Chữ **Án** (_ OṂ) là nghĩa **Lưu Chú,** cũng là nghĩa **chẳng sinh diệt**, ở trong tất cả Pháp là nghĩa **tối thắng**

Chữ **A** (_ A) có nghĩa là **không sinh**, cũng là Trí Tịch Tĩnh trong tất cả Pháp của Như Lai

Chữ **Lỗ** (_RO) có nghĩa là **tất cả các Pháp không có hành**, cũng có nghĩa là **không khởi trụ**

Chữ **Lực** (_ LIK) là nghĩa **tất cả Như Lai không có Đẳng Giác**, cũng có nghĩa là **không lấy bỏ** (vô thủ xả)

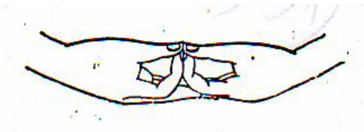
Chữ **Sa-phộc** (_ SVĀ) là **tất cả Như Lai không có đẳng**, cũng có nghĩa là **không có lời nói**

Chữ (-HĀ) có nghĩa là **không có nhân, vắng lặng** cũng có nghĩa là **không Trụ Niết Bàn**

Như trên đã nói nghĩa của chữ đều là nghĩa **không có chỗ nói văn tự**. Đã biết **không có văn tự** tức quán nghĩa lý thật không có chỗ nói, vòng quanh rồi lại bắt đầu,

không có ghi không có số cũng chẳng cắt đứt. **Chẳng cắt đứt** (bất đoạn tuyệt) tức là nghĩa **lưu chú, chẳng sinh chẳng diệt**. Do chẳng sinh chẳng diệt tức **không có hành**. Vì không có hành cho nên **không có tướng** (vô tướng). Vì không có tướng tức **không khởi trụ**. Vì không khởi trụ tức **không có Đẳng Giác** tức **không lấy bỏ**. Vì không lấy bỏ tức là **bình đẳng không có lời nói**. Vì lời nói bình đẳng tức là **không có nhân vắng lặng, không trụ Niết Bàn** . Vì không có nhân vắng lặng, không trụ Niết Bàn tức là **chẳng sinh chẳng diệt**, Pháp Môn Tối Thắng của tất cả Như Lai có tên gọi là **Tam Ma Địa Niệm Tụng**

Tiếp kết **Tam Ma Địa Ấn** : Hai Vũ (2 bàn tay) ngửa lên cài chéo nhau. Tiến Lực (2 ngón trỏ) cùng chung lưng rồi dựng đứng. Thiền Trí (2 ngón cái) vịn đầu Tiến Lực (2 ngón trỏ) đặt ở trên Già Phu.



Hành Giả tiếp tu **A Sa Pha Na Già Tam Muội**, thân ngay thẳng chính tọa, thân chẳng dao động, lưỡi trụ trên hàm ếch, ngưng hơi thở ra vào tức khiến cho hơi thở ấy thẫt nhỏ nhiệm, chân thật quán các Pháp đều do tâm của mình, tất cả phiền não như **bóng nắng của ánh mặt trời** (dương diệm) , như hóa, không có chân thật

Tác Quán đó xong, nguyện xin chư Phật chỉ bày cho Ta **Hành Xứ** . Tụng Chân Ngôn này là:

"Án, tam ma gia, bát ná-minh, hiệt-lý"

*)OṂ_ SAMĀDHI PADME HRĪḤ

Lúc chính tọa thời mỗi mỗi thấu tỏ rõ, quán vô lượng chư Phật ở trong Hư Không , một thời búng ngón tay cảnh giác Hành Giả rồi bảo rằng: "Lành thay! Hay làm Hạnh đó! Ngươi tưởng trong trái tim, nơi bày chữ **ác** (𑖀𑖾_ AḤ) trong suốt ở trái tim. Tụng Chân Ngôn này là:

"Án, chất đa bát-la để vị năng, ca lộ nhĩ"

*)OṂ_ CITTA PRATIVEDHAṂ KARA-UMI

Nên niệm đợi thấy Tâm
Tròn đầy như trăng sạch (Tịnh Nguyệt)
Lại tác suy tư này
Tâm đó từ đâu sinh?
Phiền não gom hạt giống
Thiện Ac đều do Tâm
Tâm là **A Lại Gia** (Ālaya)
Tu **Tịnh** dùng làm **Nhân** (Hetu)
Vì Khách Trần ngăn che
Chẳng thể thành Bồ Đề
Liền tụng Chân Ngôn này

"Án, bồ đề chất đa, mẫu đát bà ná, gia nhĩ"

*)OṂ_ BODHICITTAM UTPĀDA YĀMI

Tụng Chân Ngôn này, chân thật quán tâm, khiến cho thật lắng trong thanh tịnh như ở Đại Hư Không mà không có chướng ngại. Từc ở trong tâm tưởng có một hoa sen hay khiến cho vành trăng tim tròn đầy sáng tỏ lợi ích, hiển trụ Bồ Đề bền chắc. Lại trao cho **Tâm Chân Ngôn**

"Án, để sắt-tra , bạt chiết-la, bát đầu-ma"

*)OṂ_ TIṢṬA VAJRA-PADMA

Tưởng hoa sen ấy cùng vành trăng lớn dần dần dẫn vòng khắp Pháp Giới ngang bằng với hư không, không có ngại. Tức là **Bình Đẳng Chân Như Môn**. Ngươi ở vành trăng sạch, quán Ngũ Trí Kim Cương khiến vòng khắp Pháp Giới chỉ có một Đại Kim Cương, nên biết thân của mình tức là **Kim Cương Giới** (Vajra-dhātu). Mật Ngôn là:

"Án, tát-phả la, phộc nhật-la, bát ná-ma"

*)OṂ_ SPHARA VAJRA-PADMA

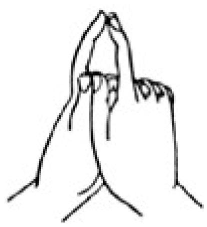
Tụng Chân Ngôn này, tưởng trong hoa sen tuôn ra vô lượng ánh sáng, vô lượng ánh sáng tuôn ra vô lượng Thế Giới, mỗi một Thế Giới diệu bảo trang nghiêm đều có **Quán Tự Tại Vương Như Lai** cùng các Thánh Chúng trước sau vây quanh dùng chứng Tự Tâm tức được thanh tịnh. Nên biết thân của mình quay lại làm Đức Phật ấy có đầy đủ mọi tướng. Tức ở trong Định lễ khắp chư Phật, nguyện gia trì bền chắc. Liền nói **Kim Cương Tâm Chân Ngôn** là:

"Án, tăng ha la, bát ná-ma"

*)OṂ_ SAṂHARA PADMA

Tụng Chân Ngôn này, tiếp tục đủ **Tát Bà Nhược Trí** (Sarvajña-jñāna: Nhất Thiết Trí Trí)

Tiếp tác **Gia Trì Bí Ấn**. Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) sáu Độ (6 ngón từ ngón giữa trở xuống) cùng cài chéo nhau bên ngoài, hai Độ Tiến Lực (2 ngón trỏ) trụ như sen, kèm dựng Thiền Trí (2 ngón cái) như cây phướng, ấn trái tim, vầng trán, cổ họng và đỉnh đầu.

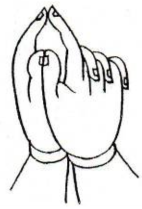


Mật Ngôn là:

"Án, phộc nhật-la đạt ma hiệt-lý"

*)OṂ_ VAJRA-DHARMA _ HRĪḤ

Liền tưởng các Như Lai ở hư không cầm báu Hư Không rưới rót lên đỉnh đầu của ta. Định Tuệ (2 tay) hòa hợp Kim Cương Phộc, Tiến Lực (2 ngón trỏ), Thiền Trí (2 ngón cái) như hình báu.



Dùng ấn trên vầng trán gia trì xong tức thành mão Ngũ Phật tại đỉnh đầu. Mật Ngôn là:

“Án, bát ná-ma, la đát-na, a tỳ săn giả , tát phộc hàm, hiệt-lị, đát-lạc”

*)OṂ_ PADMA-RATNA ABHIṢIṂCA SVĀMAṂ_ HRĪḤ TRĀḤ

Tiếp kết **Liên Hoa Man Ấn**. Dựa theo Ấn trước, hai Vũ (2 tay) ngang trái tim, hợp Thiền Trí (2 ngón cái) co ở trong Bản Nguyệt (lòng bàn tay) Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) sáu Độ (6 ngón tay từ ngón giữa trở xuống) đều nắm quyền như thế cột buộc tràng hoa từ từ hạ xuống.



Tụng Mật Ngôn là:

“Án, bát ná-ma, la đát-na, ma lệ, hàm”

*)OṂ_ PADMA-RATNA-MĀLE HŪṂ

Tiếp kết **Nhất Thiết Từ Giáp Ấn**

Hai Tuệ (2 tay) ở ngang tim

Dùng giao cạnh Tiến Lực (2 ngón trỏ).



Mặt Tiến (mặt ngón trỏ phải) tưởng chữ **Án** (_OṂ)

Mặt Lực (mặt ngón trỏ trái) tưởng chữ **Châm** (_ṬUṂ)

Phóng ánh sáng xanh lục

Mội ánh sáng chẳng dứt

Như rút tơ ngó sen

Ngang trái tim định xong

Trí Quyền (quyền phải) cột vòng hoa phía sau trán xong, liền lại ở phía trướng buông rũ Tiến Lực (2 ngón trỏ). Hai Độ **Án Châm** (_ OṂ ṬUṂ) cùng nhau quấn buộc quanh chẳng dứt ánh sáng xanh lục như cột áo Giáp trên trái tim, lưng, rốn, eo, hai đầu gối, ngực, lưng, cổ họng, đỉnh đầu, phía sau vầng trán… mỗi mỗi Tiến Lực (2 ngón trỏ) đều quấn quanh ba vòng. Buông chưởng từ phía trước hạ xuống như áo khoác ngoài (Thiên Y) tức hay hộ khắp các Chúng Sinh, tất cả Thiên Ma chẳng thể hoại. Mật Ngôn là:

“Án, a bá gia, bát ná-ma, ca phộc chế , mãn đà, la cật-sái hàm, hồng hám”

*)OṂ_ ABHAYA-PADMA-KAVACE BANDHA RAKṢA MAṂ_ HŪṂ HAṂ

Tiếp kết **Như Lai Hoan Hỷ Ấn**. Hai Vũ Định Tuệ (2 bàn tay) hợp ngang trái tim, hai Độ Tiến Lực (2 ngón trỏ) cùng cài chéo nhau bên ngoài, hai Độ Thiền Trí (2 ngón cái) dựng ngang trái tim hơi vỗ ba tiếng khải bạch các Thánh.

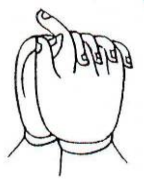
Chân Ngôn là:

“Án, bát ná-ma, đổ sử-dã, hộ”

*)OṂ_ PADMA TUṢYA HOḤ

Nên dùng **Thành Sở Tác Trí Tam Ma Địa**. Tưởng ở trước thân của mình , thấy vô lượng biển sữa sinh ra Đại Liên Hoa Vương (Hoa sen vua to lớn) với Kim Cương làm cọng, lớn vòng quanh Pháp Giới, bên trên có lầu gác báu, bên trong có tòa Sư Tử ở trong mặt trăng đầy hiện hoa sen trắng màu nhiệm. Quán trong biển có chữ **Hiệt Lý** (_ HRĪḤ) biến làm hoa sen hé nở, lại biến hoa làm Quán Tự Tại Vương Như Lai với vô số Bồ Tát trước sau vây quanh dùng thành quyến thuộc đều đến dự Hội ấy

Tiếp kết **Kim Cương Vương Bồ Tát Triệu Tập Chư Thánh Ấn**. Hai vũ Định Tuệ (2 bàn tay) nắm Kim Cương Quyền, Tiến Độ (ngón trỏ phải) như móc câu, riêng co ba lần.



Mật Ngôn là:

“Án, bát ná-ma án cú xả , hồng nhạ”

*)OṂ_ PADMA-AṂKUŚA HŪṂ JAḤ

Tụng Chân Ngôn này ba biến xong, tức dùng Tiến Độ (ngón trỏ phải) ba lần chiêu vời chân thân Bồ Tát tràn đầy hư không, ứng niệm từ mười phương đến một lúc.

Tiếp kết **Kim Cương Sách Đại Ấn** dẫn vào Tôn Thân ở Trí Thể. Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) sáu Độ (6 ngón tay từ ngón giữa trở xuống) cùng cài chéo nhau bên ngoài. Hai Độ Thiền (ngón cái phải) Tiến (ngón trỏ phải) cùng vịn đầu nhau.



Tụng Chân Ngôn này là:

“Án, bát ná-ma, a mẫu già bá xả, hồng”

*)OṂ_ PADMA-AMOGHA-PĀŚA HŪṂ

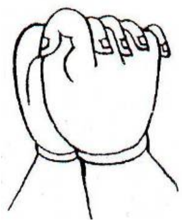
Liền tưởng Pháp Thân của Bồ Tát đến nhập vào tượng vẽ, tức làm Pháp Thân (Dharma-kāya)

Tiếp kết **Kim Cương Câu Tỏa Ấn** hay khiến cho Bản Tôn trụ bền chắc. Thiền Tiến (ngón cái và ngón trỏ phải) Lực Trí (ngón trỏ và ngón cái trái) móc kết nhau.



Đây gọi là **Kim Cương Năng Chỉ Ấn**. Mật Ngôn là:
"Án, bát ná-ma, tắc-phổ tra, hàm"
*)OṂ_ PADMA-SPHOṬA HŪṂ
Tụng Pháp này xong, Bản Thân của Thánh Giả gia trì chẳng tan.

Tiếp kết **Kim Cương Diệu Khánh Ấn**. Tác Ấn này xong hay khiến cho các Thánh vui vẻ. Co Thiền Trí (2 ngón cái) vào Kim Cương Phộc, co Tiến Lực (2 ngón trỏ) sao cho đầu ngón trụ nhau như cái vòng.



Đây gọi là **Kim Cương Hỷ Ấn**. Mật Ngôn là:
"Án, bát ná-ma, phệ xá, ác"
*)OṂ_ PADMA-VEŚA AḤ
Do Chân Ngôn với Ấn này, tất cả chư Phật Bồ Tát với Bản Thánh Giả thảy đều vui vẻ

Tiếp kết **Át Già Thủy Chân Ngôn** với **Ấn**. Đem hai vũ (2 tay) để ngang trái tim, hợp Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) sáu Độ (6 ngón tay từ ngón giữa trở xuống), ngửa duỗi thẳng Tiến Lực (2 ngón trỏ) rồi co lại vịn móng ngón Thiền Trí (2 ngón cái).

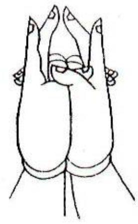


Mật Ngôn:
"Án, đế lệ lệ, mẫu đà, sa-phộc ha"
*)OṂ_ TERALE BUDDHA SVĀHĀ

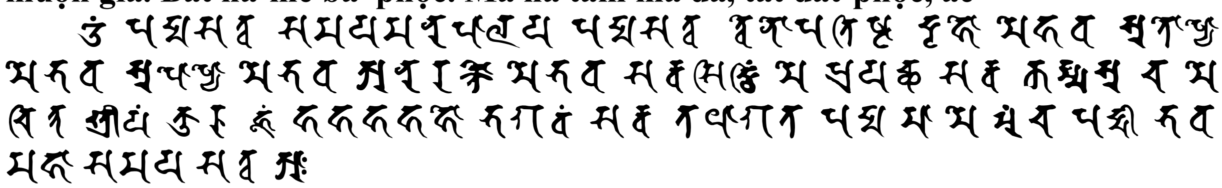
Dùng cúng dường này thì tất cả **Như Lai Kim Cương** (Tathāgata-vajra) đem **Cam Lộ** (Amṛta) rưới rót lên đỉnh đầu của tất cả chúng sinh, diệt trừ vô lượng Nghiệp

Chướng. Nhân cúng dường Át Già này cho nên tắm thân không dơ (vô cấu thân) của các Thánh Chúng. Dùng Phước Lợi khó thể lường này sẽ được quán đỉnh **Pháp Vân Địa** (Dharma-megha-bhūmi)

Tiếp kết **Nhất Thiết Như Lai Bách Tự Mật Ngôn** với Ấn



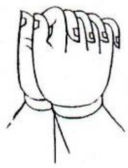
"Án, bát ná-ma tát đát-phộc tam ma gia, ma nỗ bá la gia. Bát ná-ma tát đát-phộc, để-vĩ nỗ ba , để sắt-xá, niết-lý trạc minh bá phộc. Tô đổ sái-dụ minh bà phộc. A nỗ la kết-đổ minh bá phộc. Tô báo sái-dụ minh bá phộc. Tát phộc tất địa minh bát-la dã xa. Tát bà yết ma tô giả minh, chất đa, thất-lợi dược, câu lô hồng. Ha ha ha ha hộ. Bạc già phạm, tát bà đát tha nga đa, bát ná-ma, mãng minh muộn già. Bát ná-mê bà phộc. Ma ha tam ma dã, tát đát-phộc, ác"



*)OṂ_ PADMA-SATVA SAMAYAM ANUPĀLAYA_ PADMA-SATVA TVENA UPATIṢṬA DṚḌHO ME BHAVA _ SUTOṢYO ME BHAVA _ SUPOṢYO ME BHAVA _ ANURAKTO ME BHAVA _ SARVA SIDDHIṂ ME PRAYACCHA _ SARVA KARMASU CA ME CITTAṂ ŚRĪYAṂ KURU HŪṂ_ HA HA HA HA HOḤ_ BHAGAVAṂ, SARVA TATHĀGATA-PADMA, MĀ ME MUṂCA _ PADMĪ BHAVA_ MAHĀ-SAMAYA-SATVA _ ĀḤ

Do **Ma Ha Diễn Bách Tự Mật Ngôn** gia trì cho nên giả sử có phạm tội Vô Gián với phỉ báng tất cả Kinh Điển Phương Đẳng của chư Phật thì tội của nhóm như vậy thảy khiến được tiêu diệt. Dùng Bản Tôn trụ chắc nơi thân của ta nên mau được địa vị **Kim Cương Tát Đỏa** (Vajra-satva) với địa vị của Bồ Tát, chư Phật.

Tiếp kết **Kim Cương Hy Hý Ấn** (Nội Tứ Cúng Dường). Định Tuệ (2 tay) hòa hợp Kim Cương Quyền, hai Độ Thiền Trí (2 ngón cái) dựng ngang trái tim, tất cả Hỷ Hý (vui giỡn) dần chuyển xoay bay lên trên đỉnh rồi bung tán Thánh Ý của Khế.



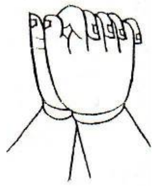
Tác cúng dường này thì tất cả Như Lai cung dưỡng Trí Tuệ. Chư Phật dùng Pháp này làm sự dạo chơi, vui giỡn. Mật Ngôn là:

"Án, bát ná-ma, la tế, hô"



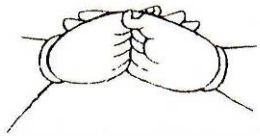
*)OṂ_ PADMA-LĀSYE HOḤ

Tiếp kết **Kim Cương Hoa Man Ấn**. Chẳng sửa Ấn trước, nâng dẫn phía trước, tưởng dâng vòng hoa báu dùng trang nghiêm cái đầu.



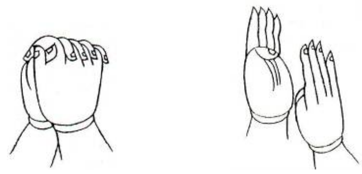
Mật Ngôn là:
"Án, bát ná-ma , ma lệ, đát-la tra"
*)OṂ_ PADMA-MĀLE TRAṬ
Do Ấn Chân Ngôn này cúng dường sẽ được quán đỉnh địa vị của Pháp Vương (Dharma-rāja)

Tiếp kết **Kim Cương Ca Vịnh Ấn**. Ấn trước từ lỗ rốn dần đưa lên đến miệng mới bung, diễn âm thanh màu nhiệm giúp vui cho Thánh Hội.



Mật Ngôn là:
"Án, bát ná-ma, nghĩ đế, nghĩ"
*)OṂ_ PADMA-GĪTE _ GĪḤ
Do cúng dường Kim Cương Ca này, chẳng lâu sẽ đủ việc làm của Như Lai

Tiếp kết **Kim Cương Vũ Ấn**. Quán mây Diệu Kỹ cúng dường khắp. Định Tuệ (2 tay) Tiến Lực (2 ngón trỏ) đều xoay múa, hông sườn bên trái, hông sườn bên phải, lại ngang trái tim, mỗi mội Tiến Lực (2 ngón trỏ) xoay quấn ba lần



Chân Ngôn chẳng dứt, rồi bung tán trên đỉnh đầu.
"Án, bát ná-ma nễ-lý đế, cật-lý tra"
*)OṂ_ PADMA-NṚTYE _ KṚṬ
Do điệu múa màu nhiệm này sẽ được Thân do ý sinh của Như Lai (Như Lai Ý Sinh Thân)

Tiếp kết **Phần Hương Ngoại Cúng Dường Ấn**. Tác Pháp này xông ướp khắp Phật Hải Hội, hoà hợp Kim Cương, hạ xuống dưới bung chưởng, tưởng mây hương màu nhiệm vòng quanh Pháp Giới.



Mật Ngôn là:

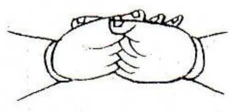
“Án, bát ná-ma, độ bế, ác”



*)OṂ_ PADMA-DHŪPE _ AḤ

Do dùng hương thiêu đốt cúng dường, liền được Trí Vô Ngại của Như Lai vòng khắp Pháp Giới, hiến hương màu nhiệm đắc được các bậc trên, các Phật Trí.

Tiếp kết **Kim Cương Tán Hoa Ấn**. Dùng Pháp này trang nghiêm các Thế Giới. Phộc Ấn bung tán lên trên như hoa, mây hoa thơm phức tràn khắp Pháp Giới.



Mật Ngôn là:

“Án, bát ná-ma, bổ sắt-bế”



*)OṂ_ PADMA-PUṢPE _ OṂ

Do kết Kim Cương Hoa cúng dường mau chứng 32 tướng của Như Lai, cũng nguyện cho Hữu Tình được thành tựu đồng với 32 tướng của chư Phật

Tiếp kết **Kim Cương Đăng Minh Ấn**. Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) sáu Độ (6 ngón tay từ ngón giữa trở xuống) cùng cài chéo nhau bên ngoài, co Tiến Lực (2 ngón trỏ) trụ như hình báu, hai Độ Thiền Trí (2 ngón cái) đều co song song. Ánh sáng của đèn Ma Ni chiếu Pháp Giới.



Mật Ngôn là:

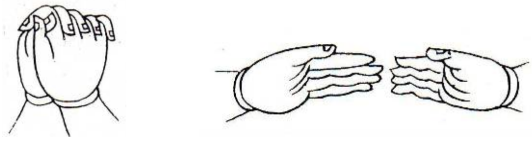
“Án, bát ná-ma, nễ bế, nễ”



*)OṂ_ PADMA-DĪPE _ DĪḤ

Người tác Pháp này dùng đèn Như Lai Trí mà làm cúng dường hay khiến cho Hữu Tình mau thành Trí Tuệ của Như Lai. Dùng cúng dường này được năm loại mắt thanh tịnh.

Tiếp kết **Kim Cương Đồ Hương Ấn** dùng để cúng dường các Phật Hội. Bung tán Kim Cương Phộc như xoa bôi hương, mùi thơm (hương khí) lan tỏa vòng quanh mười phương Giới, xông ướp khắp Thánh Chúng với Thanh Văn.



Mật Ngôn là:

“Án, bát ná-ma, ngạn đề, ngược”



*)OṂ_ PADMA-GANDHE _ GAḤ

Tác sự nhiễm dính của Pháp này, dùng các Như Lai Trí, hương của **Thi La** (Śīla:Thanh Lương Giới) mà làm cúng dường, hay khiến cho Hữu Tình mau được thanh tịnh. Do Phước này nên đầy đủ năm phần Pháp Thân

Tiếp kết **Căn Bản Ấn**. Tiếp nên chân thật tưởng thân của mình đồng với Bản Tôn, quyến thuộc vây quanh, trụ ở Đại Viên Kính Trí. Tức dùng hai vũ Định Tuệ (2 tay) kết Kim Cương Phộc, hai Độ Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) dựng như cây phướng.



Liền tụng **Quán Âm Căn Bản Minh**, thân ở trong vành trăng đồng với **Tát Đỏa** (Satva). Mật Ngôn là:

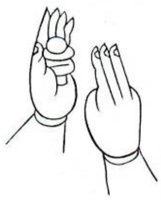
"Án, lộ kế thấp phộc la , la nhạ,hột-lý"



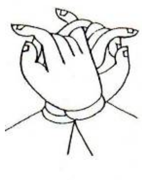
*)OṂ_ LOKEŚVARA-RĀJA_ HRĪḤ

Tiếp nên ca vịnh, mọi thứ tán thán. Nếu khi khen ngợi (tán thán) thời vào lúc sáng sớm, rửa vảy xoa bôi tay Luân Kết, dùng Diệu Âm thanh nhã mà ca tán. Mỗi ngày bốn thời là: Sáng sớm, giờ Ngọ, hoàng hôn, nửa đêm (Tý, Ngọ, Mão, Dậu) niệm tụng tràng hạt (sổ châu) đều y theo Bản Bộ.

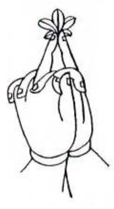
Tiếp hiến nước **Át Già** (Ārgha)



Dùng **Giáng Tam Thế Ấn** xoay theo bên trái giải Giới Ấn



Liền kết **Kim Cương Giải Thoát Ấn** phụng tống các Thánh.



T

iếp kết **Phát Khiển Ấn**. Dùng Căn Bản Ấn từ lỗ rốn đến miệng, xong đem bung tán. Chắp tay ở trên đỉnh đầu, tưởng Quán Tự Tại Vương Như Lai quay về Bản Cung. Tụng Mật Ngôn là:

“Án, bạt nhật-la, bát ná-ma, mục”
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖢𑖟𑖿𑖦 𑖦𑖲𑖾
*)OṂ_ VAJRA-PADMA _ MUḤ

Phát Khiển Bản Tôn xong, tùy ý **phát Nguyện**
Lại dùng **Giáp Ấn** hộ thân
Dùng **Mã Đầu Minh Vương Giới Ấn** xoay theo bên trái giải Giới. Tùy ý Kinh Hành, nghiêm trì hương hoa, đọc tụng Đại Thừa, trong bốn uy nghi (đi, đứng, ngồi, nằm) thường niệm Bản Tôn không có gián đoạn
Nếu có chúng sinh tu Giáo này thì trong đời này chứng Hoan Hỷ Địa, trải qua 16 đời thành Đẳng Chính Giác.

KINH KIM CƯƠNG ĐỈNH
PHÁP TU HÀNH DU GIÀ QUÁN TỰ TẠI VƯƠNG NHƯ LAI
-Hết-

Hiệu chỉnh xong vào ngày 12/05/2011



Mật Tạng Bộ 2_ No.933 (Tr.79_ Tr.80)

KINH CỬU PHẨM VÃNG SINH A DI ĐÀ TAM MA ĐỊA TẬP ĐÀ LA NI

Hán dịch : Chùa Đại Hưng Thiện. Tam Tạng Sa Môn Đại Quảng Trí BẤT KHÔNG phụng chiếu dịch

Sưu tập Phạn Chú và Việt dịch : HUYỀN THANH

Bấy giờ Đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai ngự tại tinh xá Đại Tam Địa Môn cùng với chúng Tỳ Khưu gồm 89000 người đến dự đều là bậc Đại A La Hán có đầy đủ Tuệ Thiện, đã làm xong việc cần làm. Tên các Vị ấy là: Thần Lực Trí Biện Quán Thế Âm Bồ Tát, Đắc Đại Thế Bồ Tát, Thần Thông Tự Tại Bồ Tát, Tĩnh Quang Vô Cấu Đà La Ni Bồ Tát, Đại Lực Phổ Văn (Nghe rộng khắp) Bồ Tát, Đại Trang Nghiêm Lực Bồ Tát,Vô Lượng Quang Bồ Tát, Tuệ Thiện Tuệ Phổ Quang Vương Bồ Tát. Các vị Đại Bồ Tát và chúng Thanh Văn của Đẳng như vậy đi đến chỗ Phật ngự, bạch rằng: "Thế Tôn! Cõi **Vô Lượng Thọ** có **Cửu Phẩm Tịnh Thức Tam Ma Địa**. Đây tức là cảnh giới của chư Phật, nơi cư ngụ của Như Lai. Chư Phật ba đời đều y theo đấy mà thành Chính Giác, đầy đủ ba Minh, tăng trưởng Phước Tuệ. Cảnh giới của Chín Phẩm ấy là Thượng Phẩm Thượng Sinh **Chân Sắc Địa**, Thượng Phẩm Trung Sinh **Vô Cấu Địa**, Thượng Phẩm Hạ Sinh **Ly Cấu Địa**. Trung Phẩm Thượng Sinh **Thiện Giác Địa**, Trung Phẩm Trung Sinh **Minh Lực Địa**, Trung Phẩm Hạ Sinh **Vô Lậu Địa**. Hạ Phẩm Thượng Sinh **Chân Giác Địa**, Hạ Phẩm Trung Sinh **Hiền Giác Địa**, Hạ Phẩm Hạ Sinh **Lạc** (vui vẻ) **Môn Địa .**

Đây gọi là **Cửu Phẩm Tịnh Thức Chân Như Cảnh**. Nội tọa (chỗ ngồi bên trong) đấy có 12 Đại Man Đà La là Chân Tượng (Hình tượng chân thật) của Đại Viên Cảnh Trí. Tên các Chân Tượng ấy là :

1) Nhất Thiết Tam Đạt **Vô Lượng Quang Phật**
2) Biến Giác Tam Minh **Vô Biên Quang Phật**
3) Chí Đạo Tam Minh **Vô Ngại Quang Phật**
4) Lục Chân Lý Trí Quang Minh **Vô Đối Quang Phật**
5) Sắc Thiện Tam Minh **Diễm Vương Quang Phật**
6) Nhất Thiết Tam Minh **Thanh Tịnh Quang Phật**
7) Phổ Môn Tam Minh **Hoan Hỷ Quang Phật**
8) Nhập Tuệ Tam Minh **Trí Tuệ Quang Phật**
9) Quang Sắc Tam Minh **Bất Đoạn Quang Phật**
10) Minh Đạt Tam Minh **Nan Tư Quang Phật**
11) Ngũ Đức Tam Minh **Vô Xứng Quang Phật**
12) Trí Lực Tam Minh **Siêu Nhật Nguyệt Quang Phật**

Chư Phật Như Lai như vậy là chân sắc cụ túc (đầy đủ sắc tướng chân thật) là nơi y cứ của tướng BI của tất cả Như Lai ba đời.

Nếu có chúng sinh muốn sinh về Tĩnh Thổ Cửu Phẩm như vậy thì nên tôn phụng xem xét 12 **Viên Diệu** ấy. Ngày đêm ba thời xưng danh Cửu Phẩm Tịnh Thổ như vậy, tán thán hiệu của 12 vị **Quang Phật** tức vĩnh viễn ra khỏi nhà lửa của Tam Giới, quyết định sinh Chân Như, xa lìa Hữu Lậu, nhập hẳn vào Vô Lậu.

Nếu có người muốn vào cảnh Tam Ma Địa như vậy, được đầy đủ: Phật Tuệ, Tâm Tịch Tĩnh, Thân Thanh Tịnh thì nên quán niệm **Đại Tam Ma Gia Thật Tướng** Chân Ngôn.

Chú là **:" Án, A mật lật đế tế già lam, hồng**"

*) OM̦_ AMR̦TA TEJE HARA _ HŪM̦

Này Thiện Nam Tử! **Chân Ngôn Phạn Chú** như vậy là vị trí thuộc **Lý Trí cứu cánh** của tất cả chư Phật Như Lai ba đời ở 10 phương, là căn bản của 12 KHÔNG NGUYỆN .

Nếu đệ tử Ta muốn lợi lạc cho ba cõi, lợi ích cho Trời Người thì nên viết chép Kinh này. Người thọ trì đọc tụng sẽ tăng trưởng Phước Lạc, tăng ích Trí Tuệ Biện Tài, tăng trưởng Thọ Mệnh Sắc Lực, tiêu diệt nghiệp chướng, tiêu diệt vạn bệnh, tăng trưởng BI ÁI, không có gì không đầy đủ Sắc Thiện. Huống chi chí Tâm viết chép, đọc tụng sẽ độ cho ba đời không còn sinh biến trong nhà lửa Tam Giới . Công năng tụng niệm làm cho Hành Giả vãng sinh về Tĩnh Thổ Cửu Phẩm của Cực Lạc Giới Hội.

Bấy giờ, Đại Chúng nghe được lời Đức Phật dạy đều rất vui vẻ, tin nhận phụng hành

KINH CỬU PHẨM VÃNG SINH A DI ĐÀ

_Hết _

12/07/1997

*) Ghi Chú: **A Di Đà Phật Cửu Tự Tâm Chú :**

OM̦: Thân, Khẩu, Ý

AMR̦TA: Cam Lộ bất tử

TEJE: Uy Quang

HARA: Thâu nhiếp

HŪM̦: Ta thành tựu

Toàn câu Chú có thể diễn dịch là :

Thân, Khẩu, Ý hãy thâu nhiếp ánh sáng uy đức của Cam Lộ bất tử mà thành tựu

Mật Tạng Bộ 2_ No.934 (Tr.80)

PHẬT NÓI KINH VÔ LƯỢNG CÔNG ĐỨC ĐÀ LA NI

Hán dịch : Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tạng_ Triều Tán Đại Phu Thí Quang Lộc Khanh_ Minh Giáo Đại Sư PHÁP HIỀN phụng chiếu dịch
Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch : HUYỀN THANH

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo A Nan rằng: "Ông hãy lắng nghe! Nay Ta vì ông với chúng sinh đời Mạt Pháp diễn nói về **Vô Lượng Công Đức** Đà La Ni. Ông hãy ghi nhớ đừng để quên mất nhằm giúp cho các chúng sinh trong đời Uế Ác sau nàu được đại thiện lợi.

Này A Nan! Nếu có chúng sinh nào được nghe Đà La Ni này, mỗi ngày sáng chiều tụng 21 biến thì bao nhiêu nghiệp ác mà người ấy đã gom chứa trong một ngàn kiếp đều được tiêu diệt, hiện thân (thân trong đời hiện tại) gặt hái được sự an ổn khoái lạc.

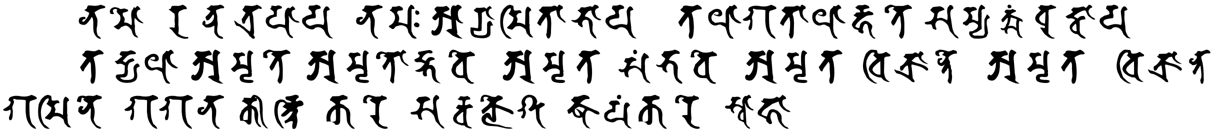
Nếu có người chí tâm trì tụng một Lạc Xoa biến thì sau này người đó sẽ được gặp Đức **Từ Thị** Bồ Tát (Maitri Bodhisatva)

Nếu trì tụng hai Lạc Xoa biến thì sau này sẽ được gặp Đức **Quán Tự Tại** Bồ Tát (Avalokiteśvara Bodhisatva)

Nếu trì tụng ba Lạc Xoa biến thì sau này sẽ gặp được Đức Phật **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus Buddha)

Liền nói Đà La Ni là:

"Nẵng mô la đát-na đát-la dạ dã. Na mạc a lị-dã a di đà bà dã, đát tha nga đa dã, a la-hạt đế, tam miệu cật-tam một đà dã. Đát nĩnh tha: A di đế, a di đổ nạp-bà vị, a di đa tam bà vị, a di đa vĩ cật-lan đế, a di đa vĩ cật-lan đa nga di nễ, nga nga na kế lị-để yết lị, tát lị-phộc cật-lê xá, sái dương yết-lị duệ sa-phộc hạ"



*) NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ ÀRYA AMITĀBHĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHĀYA

TADYATHĀ: AMṚTE_ AMṚTA UDBHAVE_ AMRTA SAṂBHAVE_ AMṚTA VIKRĀNTE_ AMṚTA VIKRĀNTA GAMINE_ GAGANA KĪRTTI KARE_ SARVA KLEŚA KṢAYAṂ KARE_ SVĀHĀ

Bấy giờ A Nan được nghe Đức Như Lai nói về **Vô Lượng Công Đức** Đà La Ni này xong liền vui vẻ tin nhận, lễ Phật rồi lui ra.

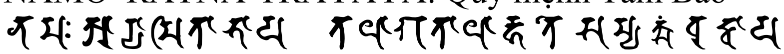
PHẬT THUYẾT VÔ LƯỢNG CÔNG ĐỨC ĐÀ LA NI
Hết

Ghi chú :

Vô Lượng Công Đức Đà La Ni (Vãng Sinh Chân Ngôn):



NAMO RATNA-TRAYĀYA: Quy mệnh Tam Bảo



NAMAḤ ĀRYA-AMITĀBHĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHĀYA: Kính lễ Thánh Vô Lượng Quang Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

𑖝𑖟𑖿𑖧𑖞𑖯

TADYATHĀ: Như vậy, liền nói Chú là

𑖀𑖦𑖴𑖝𑖸

AMṚTE: Cam Lộ bất tử

𑖀𑖦𑖴𑖝𑖺𑖟𑖿𑖥𑖪𑖸

AMṚTA-UDBHAVE: Hiện lên Cam Lộ

𑖀𑖦𑖴𑖝 𑖭𑖽𑖥𑖪𑖸

AMṚTA SAṂBHAVE: Phát sinh Cam Lộ

𑖀𑖦𑖴𑖝 𑖪𑖰𑖎𑖿𑖨𑖯𑖡𑖿𑖝𑖸

AMṚTA VIKRĀNTE: Cam Lộ dũng mãnh

𑖀𑖦𑖴𑖝 𑖪𑖰𑖎𑖿𑖨𑖯𑖡𑖿𑖝 𑖐𑖦𑖰𑖡𑖸

AMṚTA VIKRĀNTA GAMINE: Đạt đến Cam Lộ dũng mãnh

𑖐𑖐𑖡 𑖎𑖱𑖨𑖿𑖝𑖿𑖝𑖰 𑖎𑖨𑖸

GAGANA KĪRTTI KARE: Rải đầy khắp hư không

𑖭𑖨𑖿𑖪 𑖎𑖿𑖩𑖸𑖫 𑖎𑖿𑖬𑖧𑖽 𑖎𑖨𑖸

SARVA KLEŚA KṢAYAṂ KARE: Dẹp sạch mọi phiền não vô tận

𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

SVĀHĀ: Quyết định thành tựu

11/07/1997

Mật Tạng Bộ 2_ No.935 (Tr.80 _ Tr.82)

CỰC LẠC NGUYỆN VĂN

Hán Văn: Chùa Phước Cổ ĐẠT LẠT MA MỘC ĐAN ĐẠT NHĨ KIẾT soạn
Việt dịch: Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ

Bố Thí phước đức không tận rất ít có
Mỗi niệm hay khiến xa lìa các thứ nạn
Xem khắp Hữu Tình như là con mồ côi
Trước Đức Thế Tôn Vô Lượng Thọ lễ lạy

Tiếp đến lễ lạy Phật Thích Ca
Xưng tán ngợi khen việc làm tốt
Cầu sanh Cực Lạc Nguyện Văn này
Do vì Từ Bi nên cố gắng
Thiện ác các thứ Vô Minh che
Trời Người mạng sống không bền chắc
Thương yêu cột trói nẻo Luân Hồi
Ngụp lặn chìm nơi ba biển độc
Bệnh, già các thứ thật ghê thay
Chí quyết thoát ly biển sanh tử
Không tham các Dục phải trầm luân
Không chỗ dựa nương cầu cứu độ
Đem hết lòng thành nguyện hiến dâng
Cứu độ chúng con: Di Đà Phật
Quán Âm, Thế Chí, các Bồ Tát
Cùng với quyến thuộc lại vây quanh
Bởi lũ chúng con nhiều số kiếp
Phát lời Thệ Nguyện chẳng hề quên
Mau chóng như chim dang cánh rộng
Từ Bi thương xót giáng Đạo Tràng.

Phục nguyện: con và tất cả chúng sanh đầy đủ Phước Trí, hai món tư lương. Khi mang chung được gần gũi thấy Phật Di Đà, hai vị Bồ Tát: Quán Âm, Thế Chí cùng các quyến thuộc trước sau vây quanh. Bấy giờ đối với Phật và quyến thuộc sanh lòng tôn kính chí thành không bị khổ vì sự chết chóc, không xa lìa Tâm thành kính, cùng thấy được Cảnh Giới nên niệm không gián đoạn. Tám Đại Phật Tử dùng các Thần Biến đi đến chỉ lối đưa đường dẫn về Cực Lạc. Theo đây mà được về cảnh giới Thù Thắng của Phật, sanh nơi hoa sen báu, phát căn lành Chủng Tánh Đại Thừa.

Khi vừa sanh ra, tất cả các Pháp: Tổng Trì, Thiền Định, Vô Duyên Đạo Tâm, Vô Tận Biện Tài, các công đức thù thắng đều có đầy đủ. Nương vào Đạo Sư A Di Đà Phật cùng mười phương chư Phật, Bồ Tát thảy đều hoan hỷ, được thọ các Pháp Đại Thừa, nơi nghĩa các Pháp trong khoảng chốc lát đều được thấu hiểu.Lại nương Thần Biến vô ngại đến khắp các cõi nước của chư Phật, rộng làm các Hạnh Bồ Tát. Nguyện được đầy đủ.

Khi được sanh ra nơi cõi Phật rồi, khởi Tâm dõng mãnh Từ Bi , dùng ThầnBiến không ngăn ngại đến các Cõi nhơ uế vì các chúng sanh, theo Nhân Duyên của chúng mà giáo hóa. Nguyện tất cả đều xưng tán và an ở nơi Đạo thanh tịnh của chư Phật, làm

những việc hiếm có mau được đầy đủ, lợi ích vô biên chúng sanh, làm cho tất cả mau được Quả Phật.

Nguyện khi con lâm chung
Di Đà và quyến thuộc
Rõ ràng hiện trước mắt
Khiến cho con tin chắc
Nơi thân Trung Ấm được
Các Phật Tử dẫn đường
Sanh về nơi Tịnh Độ
Trở lại cứu Hàm Linh

Cảnh Giới thù thắng trên, nếu chưa được sanh vào. Nguyện xin đời đời kiếp kiếp thường gặp Phật Pháp. Trong các Kinh Điển liễu ngộ: Văn, Tư , Tu . Nguyện được thân thanh tịnh. Được thân này rồi, nơi bảy Đức trang nghiêm, Nguyện không xa lìa, nơi tất cả mọi lúc luôn luôn nhớ niệm đời trước. Nguyện được Túc Mệnh Trí.

Đời đời kiếp kiếp thấy Tam Hữu , Sanh Tâm nhàm lìa. Nơi công đức Giải thoát, khởi Tâm ham vui, ưa nơi Phật Đạo. Nguyện được xuất gia. Khi được xuất gia, nơi các chỗ ác tâm không nhiễm đắm , giữ gìn Giới Cấm đầy đủ, đắc Đại Bồ Đề. Nguyện như Đại Tỳ Kheo của Phật A Súc.

Lại đời đời kiếp kiếp, nơi các Pháp sạch dơ, nghĩa lý đều rõ, mau được Đạo Quả. Nơi văn nghĩa các Pháp giữ gìn không mất các tổng trì. Nguyện đầy đủ cả.Ghi nhớ các Pháp không quên nơi các khổ, các thời.Nguyện được thanh tịnh biện tài vô ngại.

Lại đời đời kiếp kiếp, các môn Định như: Lăng Nghiêm… Nhẫn Nhục, cho đến Ngũ Nhãn, sáu cảnh giới thần thông. Nguyện đều được tất cả.

Lại đời đời kiếp kiếp, tự có sức lực, phân rõ các thứ Thiện Ác. Nguyện được Trí Huệ rộng lớn.

Nơi các Pháp Nhiễm Tịnh, nghĩa lý sâu xa thảy đều hiểu thấu không có lẫn lộn. Nguyện được Lợi Minh Trí Huệ.

Nếu có chỗ chưa rõ, chưa hiểu, sanh Tâm nghi ngờ. Khi vừa khởi Tâm đều bị tiêu diệt không sót. Nguyện Tốc Kiến Trí Huệ được đầy đủ.

Thấy người không đủ sức phân tách Nghĩa Lý Diệu Pháp. Nguyện được Thậm Thâm Trí Huệ.

Nói chung trình bày các tội về Trí Huệ và nghĩa lý Văn Chương khó hiểu thảy đều trình bày mổ xẻ rõ ràng, từ phương tiện Chánh Trí tu Hạnh Bồ Tát mau đến bờ kia. Nguyện được như Văn Thù Bồ Tát.

Như vậy vì lợi ích rộng lớn, nguyện mau được các món Trí Huệ sâu xa, tùy Duyên gìn giữ, chiết phục các Tà Kiến khiến Kẻ Trí hoan hỷ, nghe Phật nói Pháp, hay rõ ràng giải nói . Nguyện có Trí Huệ Đáo Bỉ Ngạn.

Lại đời đời kiếp kiếp, vì trọng tự lợi đối với các Hạnh to lớn của Bồ Tát sanh lòng thoái chuyển, nguyện đều chặt đứt. Dùng Tâm dõng mãnh làm lợi ích cho kẻ khác đều đến bờ kia, tùy theo phương tiện, nơi Đạo Bồ Đề làm hạnh Bồ Tát đến cuối cùng. Nguyện được như Quán Tự Tại Bồ Tát.

Lại đời đời kiếp kiếp, tu hành lợi mình lợi người, trừ dẹp Tà Ma Ngoại Đạo và tất cả thời , tùy phương tiện sức lực tu hạnh Bồ Tát cho đến rốt ráo. Nguyện được như Bí Mật Chủ Kim Cang Thủ Bồ Tát.

Lại đời đời kiếp kiếp, luôn luôn tinh tấn, làm đủ các Hạnh vi diệu của Bồ Tát mới phát Tâm, không một giây phút ngừng nghỉ. Từ nơi Hạnh Đại Tinh Tấn đó, mau được Bồ Đề. Nguyện được như Vô Đẳng Thích Ca Vương Phật.

Lại đời đời kiếp kiếp, trừ diệt sự gián đoạn trong khi tu tập, thân tâm có bệnh thời niệm danh hiệu của Phật tức hay trừ các sai lầm của Thân Khẩu Ý. Nguyện được như Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai.

Lại đời đời kiếp kiếp, nếu muốn sống lâu, xưng danh hiệu Phật tức hay trừ diệt hoạnh tử. Nguyện được như Vô Lượng Thọ Như Lai.

Nếu Thọ Chướng (chướng nạn của mạng sống) đến tức thấy Cứu Tế Vô Lượng Thọ dùng 4 nghiệp, tùy nghiệp hiện thân (Noãn, thai, thấp, hóa) điều phục, được thấy thân Ngài. Nguyện thọ chướng thảy đều diệt sạch.

Khi được hiện thân hóa độ tức biết được sống lâu, không còn tạo ác nghiệp. Chí thành nương theo Lực này sanh về các cõi. Nguyện không xa lìa Phật Vô Lượng Thọ, gần gũi các Thiện Tri Thức.

Lại nguyện đời đời kiếp kiếp được đầy đủ các công đức căn bản Xuất Thế Gian, đầy đủ căn tánh Đại Thừa. Nguyện Thiện Trí Thức Sư hoan hỷ hộ trì. Khi được hộ trì, ở trước Thiện Trí Thức Sư được sanh lòng tin bền chắc không lui sụt. Nguyện được hoan hỷ.

Lại Thiện Trí Thức Sư dạy bảo, các lời dạy bảo đều nhớ đầy đủ, theo đó tu tập. Nguyện được rốt ráo dầu trong chốc lát , Nguyện không bị bạn ác sai khiến.

Lại đời đời kiếp kiếp, tin sâu nhân quả và Tâm xa lìa. Thấy biết rõ ràng Tâm Bồ Đề. Không thù ghét, ganh tỵ. Nguyện thường không gián đoạn.

Dầu sanh nơi nào đều theo Thân Khẩu Ý tu các căn lành, thảy đều vì lợi tha. Nguyện thành Thanh Tịnh Bồ Đề.

Chỉ có Quả Phật là trên hết
Dầu con hiện nay chưa chứng được
Nguyện thân trong sạch để lo tu
Đời d0ời kiếp kiếp được xuất gia
Biện Tài, Thiền Định, các Thần Thông
Giữ gìn vô biên các công đức
Mau được Trí Huệ lớn vô cùng
Cứu cánh Bồ Đề mau chứng được
Tướng đoản mệnh hiện ra trước mắt
Phật Di Đà theo nghiệp hiện thân
Diệt trừ tất cả nghiệp chết oan
Mau được đủ đầy **Tánh không chết** (Vô Tử Tánh)
Lại nguyện đời đời Vô Lượng Thọ
Gần gũi giữ gìn Đại Thừa Sư
Phật đã nói ra các Ý màu
Siêng năng tu tập không biếng trễ
Xả bỏ chúng sanh vì tự lợi
Phân biệt các Tâm nguyện chẳng sanh
Vì Hạnh lợi tha không nhàm mỏi
Phương Tiện Trí Huệ thảy đều dùng
Nay con trì niệm xưng danh hiệu
Tiêu trừ tội chướng đắc Đạo Quả
Xin nguyện nơi đây thành Tịnh Thổ
Theo Đại Thừa tu các Pháp Môn
Phật Tử cứu thoát đã dẫn đường
Làm Hạnh Bồ Tát vì lợi ích
Tất cả mong cầu đều đầy đủ
Theo ý khởi lên tức được thành

Di Đà, Thích Ca cùng Di Lặc
Văn Thù, Mật Chủ, Quán Thế Âm
Cùng với quyến thuộc của chư Phật
Nguyện này mau chóng được tròn đầy.

CỰC LẠC NGUYỆN VĂN (Hết)

Mùa Hạ năm Bính Tý 1996



Mật Tạng Bộ 2_ No.937 (Tr.85 _ Tr.86)

PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA
THÁNH VÔ LƯỢNG THỌ QUYẾT ĐỊNH
QUANG MINH VƯƠNG NHƯ LAI ĐÀ LA NI

Hán dịch: Tây Thiên Trung Ấn Độ_ Nước **Ma Già Đà** (Magadha), chùa **Na Lan Đà** (Nālandā-saṃghārāma) Truyền Giáo Đại Sư Tam Tạng_ Sa Môn được ban áo tía (kẻ bầy tôi là) PHÁP THIÊN phụng chiếu dịch

Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe. Một thời Đức Thế Tôn ngự trong vườn **Kỳ Thọ Cấp Cô Độc** (Jeṭavaṇe'nthapiṇḍadasyārāma) tại nước **Xá Vệ** (Śrāvastya) cùng với **Chúng Đại Bật Sô** (Mahat-bhikṣu-saṃgha) gồm một ngàn hai trăm năm mươi người đến dự, đều là bậc Đại A La Hán mà mọi người đã biết, **Lậu Tận Ý Giải** (*chặt đứt hết tất cả phiền não mà Tâm được giải thoát*) không còn bị phiền não nữa, đạt được Tâm lợi cho mình, khéo giải thoát.

Lại có các Tôn đầy đủ uy nghi trang nghiêm, Trí Tuệ, Công Đức rộng lớn, Bồ Tát Ma Ha Tát… vì nghe Pháp cho nên thảy đều đến tập hội. Ở trong Chúng Hội có **Đại Tuệ Diệu Cát Tường Bồ Tát Ma Ha Tát** (Mahā-prajña-maṃjuśrī-bodhisatva-mahā-satva) là bậc **Thượng Thủ** (Pramukha)

Bấy giờ Đức Phật **Thích Ca Mâu Ni** (Śākya-muṇi) nghĩ thương tất cả chúng sinh bị đoản mệnh trong đời vị lai, khiến cho tăng thêm Thọ Mệnh được lợi ích lớn, nên vì họ nói Pháp thù thắng vi diệu thâm sâu bí mật chẳng thể nghĩ bàn.

Lúc đó Đức Thế Tôn bảo Đại Tuệ Diệu Cát Tường Bồ Tát rằng: "Các ông hãy nghe cho kỹ! Từ cõi **Nam Diêm Phù Đề** (Jampu-dvīpa) này hướng về phương Tây, vượt qua vô lượng cõi Phật, có Thế Giới tên là **Vô Lượng Công Đức Tạng** (Amita-guṇa-garbha), cõi nước trang nghiêm xinh đẹp, mọi báu xen kẽ nhau tô điểm, thanh tịnh thù thắng, an ổn khoái lạc, vi diệu bậc nhất, vượt hơn mười phương

Ở trong Thế Giới Vô Lượng Công Đức Tạng có Đức Phật tên là **Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề** (Amitāyur-suvine-ścita-teja-rājāya-tathāgata-samyaksaṃbuddhi) ngày nay hiện trụ trong Thế Giới ấy, khởi Đại Từ Bi vì chúng sinh diễn nói **Diệu Pháp** (Saddharma) khiến cho được lợi ích an vui thù thắng"

_ Đức Phật lại bảo **Diệu Cát Tường Bồ Tát** (Maṃjuśrī-bodhisatva) rằng: "Nay người trong Thế Giới Diêm Phù Đề này có thọ mệnh một trăm tuổi, trong đó phần lớn gây tạo các nghiệp ác nên lại bị chết yểu.

Này Diệu Cát Tường Bồ Tát ! Nếu có chúng sinh được thấy Kinh **Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Đà La Ni** này, Công Đức thù thắng với nghe danh hiệu. Nếu tự mình viết chép hoặc dạy người khác viết Kinh này xong, hoặc ở trong nhà cửa của mình, hoặc ở lầu cao, hoặc an trong Tịnh Xá, Điện Đường…thọ trì, đọc tụng, tuân phụng, lễ bái, đem mọi loại hương khí, hương đốt, bột hương, hương xoa bôi, vòng hoa…cúng dường Kinh **Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Đà La Ni.** Người bị đoản thọ như vậy nếu hay chí Tâm viết chép, thọ trì, đọc tụng, cúng dường, lễ bái thì người như vậy lại tăng thêm Thọ Mệnh, sống đủ trăm năm.

Lại nữa Diệu Cát Tường Bồ Tát! Nếu có chúng sinh nghe danh hiệu của Đức **Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai** này, nếu hay chí Tâm xưng niệm 108 biến thì chúng sinh bị đoản mệnh này lại tăng thêm Thọ Mệnh.

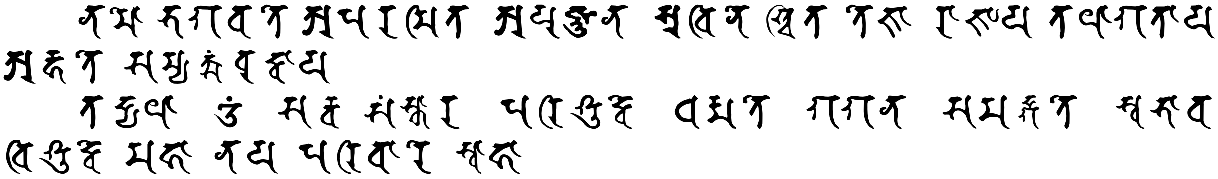
Hoặc chỉ nghe Danh Hiệu ấy, chí Tâm tin nhận, tuân phụng, sùng kính thì người này cũng được tăng ích Thọ Mệnh.

Lại nữa Diệu Cát Tường Bồ Tát! Nếu có mọi Thời thì Tâm không có tạm buông bỏ, chí thành nghĩ cầu Diệu Pháp

Này các kẻ trai lành, người nữ thiện! Các ngươi hãy nghe cho kỹ! Nay Ta vì các ngươi nói **Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Nhất Bách Bát Danh Đà La Ni** là:

“**Nẵng mô bà nga phộc đế, a bá lý nhĩ đá, dũ nghê-dã nẵng, tố vĩ nĩnh, thất chỉ đát, đế tổ, la nhạ dã, đát tha nga đá dã, la hạ đế, tam ma dược cật-tam một đà dã.**

Đát nễ-dã tha: Án, tát phộc tăng tắc-ca la, ba lý thuấn đà, đạt lật ma đế, nga nga nẵng, tam mẫu nỗ nghiệt đế, sa-phộc bà phộc, vĩ thuấn đệ, ma hạ nẵng dã, bà lý phộc lê, sa-phộc hạ”



*) NAMO BHAGAVATE APARIMITA-AYURJÑĀNA-SUVINE-ŚCITA-TEJA- RĀJĀYA-TATHĀGATĀYA- ARHATE – SAMYAKSAṂBUDDHĀYA

TADYATHĀ: OṂ_ SAṂSKĀRA PARIŚUDDHA DHARMATE, GAGANA SAMUDGATE SVABHĀVA VIŚUDDHE, MAHĀ-NAYA PARIVĀRE _ SVĀHĀ

Này Diệu Cát Tường Bồ Tát! **Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Nhất Bách Bát Danh Đà La Ni** này, nếu có người tự mình viết chép, hoặc dạy người khác viết Đà La Ni này, an trí trên lầu cao, hoặc nơi thanh tịnh bên trong Điện Đường, như Pháp nhiêm sức mọi loại cúng dường thì người bị đoản mệnh lại được sống lâu, đầy đủ một trăm năm. Người như vậy, sau khi chết liền được vãng sinh trong Thế Giới **Vô Lượng Công Đức Tạng** ở cõi Phật của Đức **Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai** ấy”.

_ Ngay lúc Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói Kinh **Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Đà La Ni** này thời có 99 câu chi Phật, một lòng khác miệng đồng âm, cũng nói Kinh **Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Đà La Ni** này

Lúc đó lại có 84 câu chi Phật, một lòng khác miệng đồng âm, cũng nói Kinh **Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Đà La Ni** này

Lúc đó lại có 77 câu chi Phật, một lòng khác miệng đồng âm, cũng nói Kinh **Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Đà La Ni** này

Lúc đó lại có 66 câu chi Phật, một lòng khác miệng đồng âm, cũng nói Kinh **Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Đà La Ni** này

Lúc đó lại có 55 câu chi Phật, một lòng khác miệng đồng âm, cũng nói Kinh **Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Đà La Ni** này

Lúc đó lại có 44 câu chi Phật, một lòng khác miệng đồng âm, cũng nói Kinh **Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Đà La Ni** này

Lúc đó lại có 36 câu chi Phật, một lòng khác miệng đồng âm, cũng nói Kinh **Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Đà La Ni** này

Lúc đó lại có 25 câu chi Phật, một lòng khác miệng đồng âm, cũng nói Kinh **Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Đà La Ni** này

Lúc đó lại có Hằng hà sa số câu chi Phật, mỗi mỗi Tâm đều không có sai biệt, khác miệng đồng âm, cũng đều nói Kinh **Vo Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Đà La Ni** này

_ Kinh **Đà La Ni** này, nếu lại có người, hoặc tự mình viết hoặc dạy người viết. Người như vậy sau này chẳng bị đọa vào Địa Ngục, chẳng bị đọa làm Quỷ đói, chẳng bị đọa làm súc sinh; chẳng bị đọa vào Nghiệp Đạo, Minh Quan ở cõi của Diêm La Vương, vĩnh viễn chẳng ở trong các đường ác này thọ nhận Ac Báo ấy.

Người như vậy do đây viết chép Kinh **Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Đà La Ni** này, vì sức Công Đức cho nên sau này tất cả nơi chốn sinh ra thì đời đời kiếp kiếp được **Túc Mệnh Trí**

Kinh **Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Đà La Ni** này, hoặc tự mình viết hoặc dạy người viết. Người như vậy liền đồng với sự viết chép tám vạn bốn ngàn Pháp Tạng, Công Đức đạt được không có sai khác.

Kinh **Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Đà La Ni** này, hoặc tự mình viết hoặc dạy người viết. Người như vậy liền đồng với sự tu sửa dựng lập tám vạn bốn ngàn cái Tháp báu, Công Đức đạt được không có sai khác.

Kinh **Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Đà La Ni** này, hoặc tự mình viết hoặc dạy người viết. Người như vậy có Nghiệp Địa Ngục **năm Vô Gián**. Do sức Công Đức này cho nên Nghiệp ấy thảy đều được tiêu trừ.

Kinh **Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Đà La Ni** này, hoặc tự mình viết hoặc dạy người viết. Người như vậy chẳng bị đọa làm **Ma Vương** (Māra-rāja) với quyến thuộc của Ma, chẳng bị đọa trong đường **Dược Xoa** (Yakṣa), **La Sát** (Rākṣasa), chẳng bị chết bởi tai vạ bất trắc, vĩnh viễn chẳng thọ nhận các quả báo ác này.

Kinh **Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Đà La Ni** này, hoặc tự mình viết hoặc dạy người viết. Người như vậy lúc lâm chung thời có 99 câu chi phật hiện ra trước mặt nghênh đón người đó, vãnh sinh ở trong cõi nước của Đức Phật ấy. Các ngươi đừng sinh nghi hoặc!...

Kinh **Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Đà La Ni** này, hoặc tự mình viết hoặc dạy người viết. Người như vậy, đương lai vĩnh viễn chẳng thọ nhận thân người nữ.

Kinh **Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Đà La Ni** này, hoặc tự mình viết hoặc dạy người viết. Người như vậy thường được: **Trì Quốc Thiên Vương** (Dhṛta-rāṣṭra) là chủ của hàng **Ngạn Đạt Phộc** (Gandharva) ở phương Đông, **Tăng Trưởng Thiên Vương** (Virūḍhaka) là chủ của hàng **Củ Bạn Noa** (Kuṃbhaṇḍa) ở phương Nam, **Quảng Mục Thiên Vương** (Virūpākṣa) là chủ của hàng **Rồng lớn** (Mahā-nāga) ở phương Tây, **Đa Văn Thiên Vương** (Vaiśravaṇa) là chủ của hàng **Dược Xoa** (Yakṣa) ở phương Bắc…kín đáo ẩn thân đi theo vệ hộ.

Nếu lại có người đối với Kinh này, hay đem chút phần tài bảo ra bố thí thì người này liền đồng với việc đem *vàng, bạc, Lưu Ly, Xa Cừ, Mã Não, San Hô, Hổ Phách* tràn đầy trong ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, cầm hết bảy báu như vậy đem bố thí.

Nếu lại có người cúng dường Kinh Điển này, liền đồng với việc cúng dường tất cả Pháp Tạng chân thật.

Nếu lại có người hay cầm bảy báu thượng diệu cúng dường các đấng **Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác** (Tathāgatāya-arhate-samyaksaṃbuddhāya) là **Tỳ Bà Thi**

(Vipaśyin), **Thi Khí** (Śikhi), **Tỳ Xá Phù** (Viśvabhū), **Câu Lưu Tôn** (Krakucchanda), **Yết Nặc Yết Mâu Ni** (Kanakamuṇi), **Ca Thiết Ba** (Kāśyapa), **Thích Ca Mâu Ni** (Śākyamuṇi) thì Phước Đức đạt được chẳng thể đo lường để biết được số lượng ấy

Nếu lại có người cúng dường Kinh **Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Đà La Ni** này, thì Phước Đức đạt được cũng lại chẳng thể đo lường để biết được số lượng ấy.

Lại như nước tràn đầy trong bốn biển lớn thì chẳng thể biết được số nước được gom chứa trong mỗi một biển ấy. Nếu lại có người viết chép, cúng dường, thọ trì, đọc tụng Kinh **Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Đà La Ni** này, thì Phước Đức đạt được cũng lại chẳng thể đo lường để biết được số lượng ấy.

Nếu lại có người viết chép Kinh **Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Đà La Ni** này, thì nơi chốn địa vị tức là thành tựu tháp báu Chân Thân Xá Lợi của chư Phật.

Nếu có chúng sinh, tai nghe Đà La Ni này thời chúng sinh đó vĩnh viễn chẳng thọ nhận thân của chim bay, bốn chân, nhiều chân, loài khác…ngày sau mau được thành tựu **Bất Thoái Chuyển Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề**

Nếu lại có người gom chứa *vàng, bạc, Lưu Ly, Xa Cừ, Mã Não, San Hô, Hổ Phách*...Đem hết bảy báu như vậy cao như **Diệu Cao Sơn Vương** (núi Tu Di) hay buông xả bố thí thì Phước Đức đạt được chẳng thể đo lường để biết được số lượng ấy.

Nếu lại có người vì Kinh **Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Đà La Ni** này, mà hay bố thí, thì Phước Đức đạt được cũng lại chẳng thể đo lường để biết được số lượng ấy.

Nếu lại có người viết chép Kinh **Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Đà La Ni** này, lễ bái cúng dường. Người như vậy tức là lễ bái cúng dường tất cả Như Lai trong cõi nước của chư Phật khắp mười phương, mà không có sai khác.

Bấy giờ Đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni nói **Già Tha** (Gāthā: Kệ Tụng) là:

_ Tu hành thành tựu sức **Bố Thí** (Dāna)
Do sức Bố Thí được thành Phật
Nếu vào trong Tinh Thất **Đại Bi**
Tai tạm nghe Đà La Ni này
Giả sử Bố Thí chưa viên mãn
Người này mau chứng **Thiên Nhân Sư** (Śāstā-deva-manuṣyānāṃ: Thầy của hàng Trời Người)

_ Tu hành thành tựu sức **Trì Giới** (Śīla)
Do sức Trì Giới được thành Phật
Nếu vào trong Tinh Thất **Đại Bi**
Tai tạm nghe Đà La Ni này
Giả sử Trì Giới chưa viên mãn
Người này mau chứng **Thiên Nhân Sư** (‘Sàstà-deva-manusyànàm)

_ Tu hành thành tựu sức **Nhẫn Nhục** (Ksànti)
Do sức Nhẫn Nhục được thành Phật
Nếu vào trong Tinh Thất **Đại Bi**
Tai tạm nghe Đà La Ni này
Giả sử Nhẫn Nhục chưa viên mãn
Người này mau chứng **Thiên Nhân Sư** (Śāstā-deva-manuṣyānāṃ)

_ Tu hành thành tựu sức **Tinh Tiến** (Vīrya)
Do sức Tinh Tiến được thành Phật
Nếu vào trong Tinh Thất **Đại Bi**
Tai tạm nghe Đà La Ni này
Giả sử Tinh Tiến chưa viên mãn
Người này mau chứng **Thiên Nhân Sư** (Śāstā-deva-manuṣyānāṃ)

_ Tu hành thành tựu sức **Thiền Định** (Dhyāna)
Do sức Thiền Định được thành Phật
Nếu vào trong Tinh Thất **Đại Bi**
Tai tạm nghe Đà La Ni này
Giả sử Thiền Định chưa viên mãn
Người này mau chứng **Thiên Nhân Sư** (Śāstā-deva-manuṣyānāṃ)

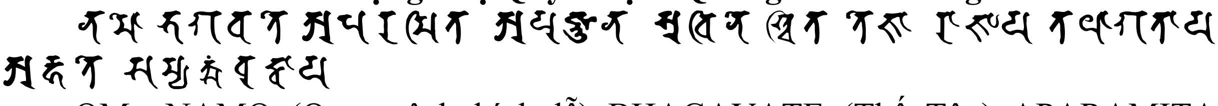
_ Tu hành thành tựu sức **Trí Tuệ** (Prajñā)
Do sức Trí Tuệ được thành Phật
Nếu vào trong Tinh Thất **Đại Bi**
Tai tạm nghe Đà La Ni này
Giả sử Trí Tuệ chưa viên mãn
Người này mau chứng **Thiên Nhân Sư** (Śāstā-deva-manuṣyānāṃ)

Đức Phật nói Kinh này xong thời các Chúng Đại Bật Sô với các Bồ Tát, tất cả hàng **Trời** (Deva), **Người** (Manuṣya), **A Tố La** (Asura), **Ngạn Thát Phộc** (Gandharva)…nghe điều Đức Phật đã nói, đều rất vui vẻ, tin nhận phụng hành.

PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA THÁNH VÔ LƯỢNG THỌ VƯƠNG
Hết

Ghi chú:

Thánh Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Đà La Ni



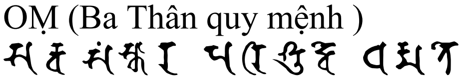
OṂ NAMO (Quy mệnh kính lễ) BHAGAVATE (Thế Tôn) APARAMITA AJURJÑĀNA (Vô Lượng Thọ Trí) SUVINE ŚCITA TEJA (Quyết Định Quang Minh) RĀJĀYA (Vương) TATHĀGATĀYA (Như Lai) ARHATE (Ứng Cúng) SAMYAKSAṂBUDDHĀYA (Chính Đẳng Chính Giác)



TADYATHĀ (Như vậy, liền nói Chú là)



OṂ (Ba Thân quy mệnh)



SARVA SAṂSKĀRA (Tất cả hoạt động của Tâm Trí) PARIŚUDDHA (Tối thượng thanh tịnh) DHARMATE (bên trong Pháp Tính)



GAGANA (Hư không) SAMUDGATE (Thắng thượng) SVABHĀVA (Tự Tính) VIŚUDDHE (Thanh tịnh)

MAHĀ-NAYA (Rộng lớn bao la) PARIVĀRE (Thắng Nguyện)

स्वाहा

SVĀHĀ (Thành tựu Tự Tính an lạc của Đại Niết Bàn)

Toàn bài Đà La Ni trên có thể diễn dịch là :

"Quy mệnh kính lễ Đức Thế Tôn* Vô Lượng Thọ Trí Quyết Định Quang Minh Vương *Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác.

Như vậy: OM! Tất cả hoạt động Tâm Ý đều là Pháp Tính cực thanh tịnh. Thanh Tịnh như tự tính thắng thượng của Hư Không. Hãy phát khởi Thắng Nguyện rộng lớn để mau chóng đạt được sự thanh tịnh an lạc của Đại Niết Bàn"

27/11/2011



VÔ LƯỢNG THỌ KINH ƯU BÀ ĐỀ XÁ (Upadeśa: Luận nghị) NGUYỆN SINH KỆ

[**Bà Tẩu Bàn Đậu** Bồ Tát (Vasubandhu:Thiên Thân, Thế Thân) tạo làm]

Hán dịch: Đời Nguyên Ngụy (Bắc Ngụy)_ Thiên Trúc Tam Tạng BỒ ĐỀ LƯU CHI (Bodhiruci)
Việt dịch: HUYỀN THANH

_ Thế Tôn ! Con một lòng
Quy mệnh tận mười phương
Vô Ngại Quang Như Lai
Nguyện sinh nước **An Lạc** (Sukhā-vatī)

_ Con y **Tu Đa La** (Sūtra: Khế Kinh)
Tướng Công Đức chân thật
Nói **Nguyện Kệ Tổng Trì**
Tương ứng lời Phật dạy

_ Quán tướng Thế Giới ấy
Hơn hẳn Đạo **ba cõi** (Tam Giới)
_Cứu cánh như hư không
Rộng lớn không bờ mé

_Chính Đạo, Đại Từ Bi
Xuất Thế, sinh căn lành

_ **Tịnh Quang Minh** (hào quang trong sạch) đầy đủ
Như gương, vành Nhật Nguyệt

_ Đủ Tính các châu báu
Đầy đủ Diệu Trang Nghiêm

_ **Vô Cấu Quang** (ánh sáng không dơ bẩn) rực lửa
Trong sáng, chiếu Thế Gian

_ Cỏ Công Đức,Tính báu
Mềm mại xoay trái phải
Người chạm sinh Thắng Lạc (niềm vui thù thắng)
Hơn **Ca Chiên Lân Đà** (Kācilindi: tên của Thủy Điểu, loài chim ở trong biển, khi tiếp chạm thì sinh niềm vui lớn)

_ Hoa báu, ngàn vạn loại
Phủ khắp ao, sông, suối
Gió nhẹ lay cánh hoa
Ánh sáng chen nhau chuyển

_ Cung điện, các lầu gác
Quán mười phương không ngại
Cây tạp, màu sáng lạ
Lan can báu vây quanh

_ Vô lượng báu quấn nhau
Lưới, võng đầy hư không
Mọi loại chuông phát tiếng
Tuyên bày âm Diệu Pháp

_ Mưa hoa, áo trang nghiêm
Vô lượng hương xông khắp

_ Phật Tuệ, mặt trời sáng
Trừ si ám Thế Gian

_ Lời tiếng Phạn sâu xa
Vi diệu vang mười phương

_ Chính Giác A Di Đà
Pháp Vương (Dharma-rāja) khéo trụ trì

_ ***Như Lai Tịnh Hoa Chúng*** (Chúng Tịnh Hoa của Như Lai)
Hoa Chính Giác hóa sinh

_ Yêu thích vị Phật Pháp
Dùng **Thiền Tam Muội** ăn

_ Thân Tâm lìa phiền não
Vui thích không gián đoạn

_ Giới, căn lành Đại Thừa
Đẳng (Sama:bình đẳng) không **Ky Hiềm Danh** (tên gọi bị trách móc nghi ngờ)
Người nữ với thiếu **Căn**
Mầm **Nhị Thừa** chẳng sinh

_ Chúng sinh: nguyện ưa thích
Tất cả hay đầy đủ
Nên con nguyện vãng sinh
Nước Phật A Đi Đà

_ Vô lượng Đại Bảo Vương
Đài hoa sạch vi diệu

_ Tướng sáng đẹp **một tầm** (tám thước)
Sắc tượng vượt quần sinh

_ Tiếng Như Lai vi diệu
Âm Phạn vang mười phương

_ Đồng đất, nước, lửa, gió
Hư Không không phân biệt

_ Trời, Người, **Chúng bất động** (Acala-saṃgha)
Sinh biển Trí trong sạch

_ Như vua núi Tu Di
Thắng diệu không ai hơn

_ Trời, Người, **Chúng trượng phu** (Puruṣa-saṃgha)
Cung kính nhiễu quanh, ngắm

_ Quán sức Bản Nguyện Phật
Hiểu lỗi **Không** (Abhava: Vô) **trống rỗng** (Śūnya: Không)
Hay khiến mau đầy đủ
Biển báu lớn Công Đức

_ Nước **An Lạc** trong sạch
Thường chuyển **Vô Cấu Luân**
Hóa Phật Bồ Tát Nhật (mặt trời của Hóa Phật, Bồ Tát)
Như **Tu Di** (Sumeru) trụ trì

_ Sáng trang nghiêm không dơ
Một niệm với *một thời*
Chiếu khắp các Phật Hội
Lợi ích các Quần Sinh

_ Mưa Thiên nhạc, hoa, áo
Hương màu nhiệm cúng dường
Khen các Công Đức Phật
Không có Tâm phân biệt.

_Thế Giới nào không có
Báu Công Đức Phật Pháp
Con đều nguyện vãng sinh
Bày Phật Pháp như Phật

_ Ta làm **Luận**, nói **Kệ**
Nguyện thấy A Di Đà
Cùng khắp các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc.

Chương Cú của **Vô Lượng Thọ Tu Đa La** (Vô Lượng Thọ Kinh), Ta đã dùng Kệ nói gộp lại xong.

Luận ghi rằng: "**Nguyện Kệ** này minh họa cho nghĩa nào? Là quán Thế Giới **An Lạc** nhìn thấy Đức Phật **A Di Đà** (Amitābha: Vô Lượng Quang).

Quán như thế nào? Làm sao sinh Tâm tin tưởng ? Nếu kẻ trai lành, người nữ thiện tu **năm Niệm Môn** thành tựu, rốt ráo được sinh về cõi nước An Lạc, nhìn thấy Đức Phật A Di Đà.

Nhóm nào là năm Niệm Môn? Một là **Lễ Bái Môn**, hai là **Tán Thán Môn**, ba là **Tác Nguyện Môn**, bốn là **Quán Sát Môn**, năm là **Hồi Hướng Môn.**

_Thế nào là **Lễ Bái**? Là **Thân Nghiệp** (Kāya-karma) lễ bái Đức **A Di Đà Như Lai Ứng Chính Biến Tri**, là **Ý** (Manas) sinh về cõi nước ấy.

_Thế nào là **Tán Thán** ? Là **Khẩu Nghiệp** (Vāk-karma) khen ngợi, xưng tên của Đức Như Lai ấy. Như tướng **Quang Minh Trí** của Đức Như Lai ấy, như nghĩa của tên gọi ấy, muốn như thật tu hành tương ứng.

_Thế nào là **Tác Nguyện**? Là Tâm thường tác Nguyện, một lòng chuyên niệm, rốt ráo vãnh sinh về cõi nước An Lạc, muốn như thật tu hành **Xa Ma Tha** (Śamatha:Thiền Chỉ)

_Thế nào là **Quán Sát**? Là Trí Tuệ quán sát, Chính Niệm quán điều ấy, muốn như thật tu hành **Tỳ Bà Xá Na** (Vipaśyanā:Thiền Quán)

Quán Sát ấy có ba loại. Nhóm nào là ba loại?

1_ Quán sát Công Đức trang nghiêm trong cõi nước của Đức Phật ấy
2_ Quán sát Công Đức trang nghiêm của Đức Phật A Di Đà
3_ Quán sát Công Đức trang nghiêm của các vị Bồ Tát

_Thế nào là **Hồi Hướng**? Là chẳng buông bỏ tất cả chúng sinh khổ não, Tâm thường tác nguyện, hồi hướng làm đầu, thành tựu **Tâm Đại Bi** (Mahā-kāruṇa-citta)

_ Thế nào là **quán sát Công Đức trang nghiêm trong cõi nước của Đức Phật ấy**? Do Công Đức trang nghiêm trong cõi nước của Đức Phật ấy thành tựu sức chẳng thể nghĩ bàn, như Tính báu như ý của **Ma Ni** (Maṇi:ngọc Ma Ni) kia, tương tự Pháp tương xứng

Quán sát Công Đức trang nghiêm trong cõi nước của Đức Phật ấy có mười bảy loại việc nên biết. Thế nào là mười bảy

1_ Thành tựu Công Đức của sự thanh tịnh
2_ Thành tựu Công Đức của **Lượng**
3_ Thành tựu Công Đức của **Tính**
4_ Thành tựu Công Đức của **hình tướng**
5_ Thành tựu Công Đức của **mọi loại việc**
6_ Thành tựu Công Đức của **Diệu Sắc** (hình thể màu sắc màu nhiệm)
7_ Thành tựu Công Đức của **sự tiếp chạm**
8_ Thành tựu Công Đức của **sự trang nghiêm**
9_ Thành tựu Công Đức của **việc tuôn mưa**
10_ Thành tựu Công Đức của **ánh sáng**
11_ Thành tựu Công Đức của **âm thanh**
12_ Thành tựu Công Đức của **người chủ**
13_ Thành tựu Công Đức của **quyến thuộc**
14_ Thành tựu Công Đức của **sự thọ dụng**
15_ Thành tựu Công Đức của **sự không có các nạn**
16_ Thành tựu Công Đức của **Đại Nghĩa Môn**
17_ Thành tựu Công Đức của **tất cả sự mong cầu**

_ Thành tựu Công Đức của **sự thanh tịnh**.
Kệ nói: "Quán tướng Thế Giới ấy
Hơn hẳn Đạo ba cõi"

_ Thành tựu Công Đức của **lượng**
Kệ nói: "Cứu cánh như hư không
Rộng lớn không bờ mé"

_ Thành tựu Công Đức của **Tính**
Kệ nói: "Chính Đạo, Đại Từ Bi
Xuất Thế, sinh căn lành"

_ Thành tựu Công Đức của **hình tướng**
Kệ nói: "Ánh sáng Tịnh đầy đủ
Như gương, vành Nhật Nguyệt"

_ Thành tựu Công Đức của **mọi loại việc**
Kệ nói: "Đủ các Tính châu báu
Đầy đủ Diệu trang nghiêm"

_ Thành tựu Công Đức của **Diệu Sắc** (hình thể màu sắc màu nhiệm)
Kệ nói: "**Vô Cấu Quang** (ánh sáng không dơ bẩn) rực lửa
Trong sáng, chiếu Thế Gian"

_ Thành tựu Công Đức của **sự tiếp chạm**
Kệ nói: "Cỏ Công Đức,Tính báu
Mềm mại xoay trái phải
Người chạm sinh Thắng Lạc (niềm vui thù thắng)
Hơn **Ca Chiên Lân Đà** (Kācilindi: tên của Thủy Điểu, loài chim ở trong biển, khi tiếp chạm thì sinh niềm vui lớn)"

_ Thành tựu Công Đức của **sự trang nghiêm**, có ba loại nên biết. Nhóm nào là ba ? Một là **nước**, hai là **đất**, ba là **hư không.**
.) Nước trang nghiêm
Kệ nói: " Hoa báu, ngàn vạn loại
Phủ khắp ao, sông, suối
Gió nhẹ lay cánh hoa
Ánh sáng chen nhau chuyển"
.) Đất trang nghiêm
Kệ nói: "Cung điện, các lầu gác
Quán mười phương không ngại
Cây tạp, màu sáng lạ
Lan can báu vây quanh"
.) Hư không trang nghiêm
Kệ nói: "Vô lượng báu quấn nhau
Lưới, võng đầy hư không
Mọi loại chuông phát tiếng
Tuyên bày âm Diệu Pháp"

_ Thành tựu Công Đức của **việc tuôn mưa**
Kệ nói: "Mưa hoa, áo trang nghiêm
Vô lượng hương xông khắp"

_ Thành tựu Công Đức của **ánh sáng**
Kệ nói: "Phật Tuệ, mặt trời sáng
Trừ si ám Thế Gian"

_ Thành tựu Công Đức của **âm thanh màu nhiệm**
Kệ nói: "Lời tiếng Phạn sâu xa
Vi diệu vang mười phương"

_ Thành tựu Công Đức của **người chủ**
Kệ nói: "Chính Giác A Di Đà
Pháp Vương (Dharma-rāja) khéo trụ trì"

_ Thành tựu Công Đức của **Quyến Thuộc**
Kệ nói: "Như Lai Tịnh Hoa Chúng (Chúng Tịnh Hoa của Như Lai)
Hoa Chính Giác hóa sinh"

_ Thành tựu Công Đức của **sự thọ dụng**
Kệ nói: "Yêu thích vị Phật Pháp
Dùng **Thiền Tam Muội** ăn"

_ Thành tựu Công Đức **không có các nạn**
Kệ nói: "Thân Tâm lìa phiền não
Vui thích không gián đoạn"

_ Thành tựu Công Đức của **Đại Nghĩa Môn**
Kệ nói: "Giới căn lành Đại Thừa
Đẳng (Sama: bình đẳng), không **Ky Hiềm Danh** (tên gọi bị trách móc nghi ngờ)
Người nữ với thiếu **Căn**
Mầm **Nhị Thừa** chẳng sinh"

Quả báo của Tịnh Thổ lìa hai loại lỗi **quở trách** (ky) **hiềm nghi** (hiềm). Một là **Thể**, hai là **Danh** (tên gọi).

Thể có ba loại: Một là **người thuộc Nhị Thừa**, hai là **người nữ**, ba là **người chẳng đủ các Căn**. Không có ba lỗi này, cho nên gọi là *lìa sự quở trách hiềm nghi của Thể*

Danh cũng có ba loại, chẳng phải chỉ không có ba Thể, cho đến chẳng nghe thấy tên gọi của ba loại: Nhị Thừa, người nữ, các Căn chẳng đủ. Cho nên gọi là *lìa sự quở trách hiềm nghi của Danh*

Đẳng (Sama) là một Tướng bình đẳng

_ Thành tựu đầy đủ Công Đức của **tất cả sự mong cầu**
Kệ nói: "Chúng sinh: nguyện ưa thích
Tất cả hay đầy đủ"

Lược nói 17 loại Công Đức trang nghiêm cõi nước của Đức Phật A Di Đà ấy. Hiện bày thành tựu sức Đại Công Đức lợi ích cho thân mình, thành tựu Công Đức lợi ích cho người khác của Đức Như Lai. Cho nên trang nghiêm cõi Phật Vô Lượng Thọ ấy là Cảnh Giới màu nhiệm của **Đệ Nhất Nghĩa Đế** (Paramārtha-satya), gồm 16 câu với một câu theo thứ tự nói, nên biết vậy.

_ Làm sao quán **thành tựu Công Đức Trang Nghiêm của Đức Phật**?

Quán **thành tựu Công Đức Trang Nghiêm của Đức Phật** có tám loại nên biết. Nhóm nào là tám loại? Một là **Tòa trang nghiêm**, hai là **Thân trang nghiêm**, ba là **Khẩu trang nghiêm**, bốn là **Tâm trang nghiêm**, năm là **Chúng trang nghiêm**, sáu là **Thượng Thủ trang nghiêm**, bảy là **Chủ trang nghiêm**, tám là **Bất Hư tác trụ trì trang nghiêm.**

.) Thế nào là **Tòa trang nghiêm** ?
Kệ nói: "Vô lượng Đại Bảo Vương
Đài hoa sạch vi diệu"

.) Thế nào là **Thân trang nghiêm** ?
Kệ nói: "Tướng sáng đẹp **một tầm** (tám thước)
Sắc tượng vượt quần sinh"

.) Thế nào là **Khẩu trang nghiêm** ?
Kệ nói: "Tiếng Như Lai vi diệu
Âm Phạn vang mười phương"

.) Thế nào là **Tâm trang nghiêm** ?
Kệ nói: "Đồng đất, nước, lửa, gió
Hư Không không phân biệt"
Do không có phân biệt cho nên không có Tâm phân biệt

.) Thế nào là **Chúng trang nghiêm**?
Kệ nói: "Trời, Người, **Chúng bất động** (Acala-saṃgha)
Sinh biển Trí trong sạch"

.) Thế nào là **Chủ trang nghiêm**?
Kệ nói: "Như vua núi Tu Di
Thắng diệu không ai hơn"

.) Thế nào là **Chủ trang nghiêm**?
Kệ nói: "Trời, Người, **Chúng trượng phu** (Puruṣa-saṃgha)
Cung kính nhiễu quanh, ngắm"

_ Thế nào là **Bất hư tác trụ trì trang nghiêm**?
Kệ nói: "Quán sức Bản Nguyện Phật
Hiểu lỗi **Không** (Abhava: Vô) **trống rỗng** (Śūnya: Không)
Hay khiến mau đầy đủ
Biển báu lớn Công Đức"

Liền nhìn thấy Bồ Tát chưa chứng Tâm trong sạch của Đức Phật ấy, rốt ráo được **Pháp Thân bình đẳng** cùng với Bồ Tát có Tâm trong sạch không có khác, cùng với các Bồ Tát ở **Thượng Địa** rốt ráo đồng được **Tịch Diệt bình đẳng**

Lược nói tám câu, hiện bày thứ tự thành tựu Công Đức trang nghiêm lợi mình lợi người của Đức Như Lai, nên biết vậy.

_ Thế nào là quán **thành tựu Công Đức trang nghiêm của Bồ Tát** ?

Quán **thành tựu Công Đức trang nghiêm của Bồ Tát** là quán vị Bồ Tát ấy, có bốn loại **Chính Tu Hành** thành tựu Công Đức. Nhóm nào là bốn ?

1_ Ở một cõi Phật, Thân chẳng dao động mà biến ra mọi loại Ứng Hóa khắp mười phương, như thật tu hành, thường làm việc Phật.

Kệ nói: "_ Nước **An Lạc** trong sạch
Thường chuyển **Vô Cấu Luân**
Hóa Phật Bồ Tát Nhật (mặt trời của Hóa Phật, Bồ Tát)
Như **Tu Di** (Sumeru) trụ trì"
Khai mở đóa hoa đọng bùn của các chúng sinh

2_ **Ứng Hóa Thân** ấy ở tất cả Thời chẳng trước chẳng sau, một lòng một niệm phóng ánh sáng lớn đều hay đến khắp mười phương Thế Giới, giáo hóa chúng sinh, mọi loại phương tiện tu hành đã làm đều diệt trừ tất cả khổ đau của chúng sinh.

Kệ nói: "Sáng trang nghiêm không dơ
Một niệm với *một thời*
Chiếu khắp các Phật Hội
Lợi ích các Quần Sinh"

3_ Ở tất cả Thế Giới không có dư sót, chiếu soi Đại Chúng của các Phật Hội không có dư sót, rộng lớn vô lượng cúng dường khen ngợi chư Phật Như Lai.

Kệ nói: "Mưa Thiên nhạc, hoa, áo
Hương màu nhiệm cúng dường
Khen các Công Đức Phật
Không có Tâm phân biệt"

4_ Ở tất cả Thế Giới trong mười phương, nơi không có Tam Bảo, trụ trì trang nghiêm biển lớn Công Đức của báu Phật Pháp Tăng, bày khắp khiến cho hiểu biết, như thật tu hành.

Kệ nói: "Thế Giới nào không có
Báu Công Đức Phật Pháp
Ta đều nguyện vãng sinh
Bày **Phật Pháp** như Phật"

_ Lại nếu nói thành tựu Công Đức trang nghiêm của cõi nước Phật, thành tựu Công Đức trang nghiêm của Phật, thành tựu Công Đức của Bồ Tát. Ba loại thành tựu trang nghiêm **Nguyện Tâm** này, lược nói nhập vào câu của một Pháp, câu của một Pháp là câu thanh tịnh, câu thanh tịnh là Trí Tuệ chân thật, Pháp Thân Vô Vi.

Sự thanh tịnh này có hai loại, nên biết. Nhóm nào là hai loại ? Một là **Khí Thế Gian Thanh Tịnh**, hai là **Chúng Sinh Thế Gian Thanh Tịnh.**

Khí Thế Gian Thanh Tịnh. Nếu nói 17 loại thành tựu Công Đức trang nghiêm của cõi nước Phật. Đây gọi là **Khí Thế Gian Thanh Tịnh.**

Chúng Sinh Thế Gian Thanh Tịnh. Như nếu nói tám loại thành tựu Công Đức trang nghiêm của Phật, bốn loại thành tựu Công Đức trang nghiêm của Bồ Tát. Đây gọi là **Chúng Sinh Thế Gian Thanh Tịnh.**

Như vậy câu một Pháp nhiếp hai loại Thanh Tịnh, nên biết vậy.

Xa Ma Tha (Thiền Chỉ), **Tỳ Bà Xá Na** (Thiền Quán) của Bồ Tát như vậy, rộng lược tu hành, thành tựu Tâm nhu nhuyễn, như thật biết rộng lược các Pháp, như vậy thành tựu phương tiện hồi hướng khéo léo.

_ Thế nào là **phương tiện hồi hướng khéo léo của Bồ Tát** ?

Phương tiện hồi hướng khéo léo của Bồ Tát là nói năm loại tu hành của nhóm lễ bái, đã gom tập căn lành của tất cả Công Đức, chẳng mong cầu sự vui thích trụ trì của thân mình, muốn nhổ bứt nỗi khổ của tất cả chúng sinh, tác Nguyện nhiếp lấy tất cả chúng sinh, cùng nhau đồng sinh về nước Phật An Lạc. Đây gọi là **Thành tựu phương tiện hồi hướng khéo léo của Bồ Tát.**

Bồ Tát như vậy khéo biết **thành tựu hồi hướng**, xa lìa ba loại Pháp trái nghịch với **Bồ Đề Môn**. Nhóm nào là ba loại ?

1_ Y theo **Trí Tuệ Môn** chẳng cầu niềm vui cho mình, xa lìa Tâm tham dính vào thân của mình

2_ Y theo **Từ Bi Môn** nhổ bứt tất cả nỗi khổ của chúng sinh, xa lìa không có an ổn cho Tâm của chúng sinh

3_ Y theo **Phương Tiện Môn** thương xót tất cả Tâm của chúng sinh, xa lìa Tâm cúng dường cung kính thân của mình.

Đây gọi là **ba loại Pháp trái nghịch với Bồ Đề Môn**.

_ Bồ Tát xa lìa **ba loại Pháp trái nghịch với Bồ Đề Môn** như vậy, được đầy đủ **ba loại Pháp tùy thuận Bồ Đề Môn**. Nhóm nào là ba loại?

1_ Tâm trong sạch không có nhiễm dính, chẳng mong cầu các sự vui thích cho thân của mình.

2_ Tâm trong sạch an ổn, dùng nhổ bứt tất cả nỗi khổ của chúng sinh

3_ Tâm trong sạch ưu thích, khiến cho tất cả chúng sinh được **Đại Bồ Đề** (Mahā-bodhi), dùng nhiếp lấy chúng sinh sinh về cõi nước ấy.

Đây gọi là **ba loại Pháp tùy thuận Bồ Đề Môn**, nên biết vậy

_ Lại nói ba loại Môn: Trí Tuệ, Từ Bi, Phương Tiện nhiếp lấy **Bát Nhã** (Prajñā). Phương Tiện nhiếp lấy của Bát Nhã, nên biết

_ Lại nói xa lìa **Ngã** (Cái tôi), Tâm chẳng tham dính vào thân của mình. Xa lìa không có an ổn cho Tâm của chúng sinh. Xa lìa Tâm cúng dường cung kính thân của mình. Ba loại Pháp này xa lìa sự chướng ngại Tâm Bồ Đề, nên biết vậy.

_ Lại nói Tâm trong sạch không nhiễm dính, Tâm trong sạch an ổn, Tâm trong sạch ưa thích. Ba loại Tâm này lược vào một chỗ là thành tựu Chân Tâm diệu thắng lạc, nên biết vậy.

Như vậy Tâm Trí Tuệ, Tâm Phương Tiện, Tâm không có chướng ngại, Tâm Thắng Chân của Bồ Tát hay sinh cõi nước Phật thanh tịnh, nên biết vậy.

Đây gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát tùy thuận năm loại Pháp Môn đã làm, tùy Ý thành tựu tự tại. Như hướng đã nói: Thân Nghiệp, Khẩu Nghiệp, Ý Nghiệp, Trí Nghiệp, Phương Tiện Trí Nghiệp là Pháp Môn tùy thuận vậy.

_ Lại có năm loại Môn dần dần theo thứ tự thành tựu năm loại Công Đức, nên biết. Nhóm nào là năm Môn ? Một là **Cận Môn**, hai là **Đại Hội Chúng Môn**, ba là **Trạch Môn**, bốn là **Ốc Môn**, năm là **Viên Lâm Du Hý Địa Môn**.

Năm loại Môn này thì bốn loại Môn ban đầu thành tựu Công Đức **nhập vào**, môn thứ năm thành tựu Công Đức xuất ra

1_ **Nhập vào Môn thứ nhất**. Do lễ bái Đức Phật A Di Đà để sinh về nước ấy cho nên được sinh vào Thế Giới An Lạc. Đây gọi là **Nhập Đệ Nhất Môn**

2_ **Nhập vào Môn thứ hai**. Do khen ngợi Đức Phật A Di Đà, tùy thuận theo nghĩa của tên gọi, xưng tên của Như Lai, y theo ánh sáng của Như Lai, tưởng tu hành cho nên được vào Chúng Số của Đại Hội. Đây gọi là **Nhập Đệ Nhị Môn**

3_ **Nhập vào Môn thứ ba**. Do một lòng chuyên niệm, tác Nguyện sinh về cõi ấy, tu **Xa Ma Tha** (Thiền Chỉ) **Tịch Tĩnh Tam Muội Hạnh** cho nên được vào Thế Giới **Liên Hoa Tạng** (Padma-garbha). Đây gọi là **Nhập Đệ Tam Môn**

4_ **Nhập vào Môn thứ tư**. Do chuyên niệm, quán sát sự trang nghiêm màu nhiệm ấy, tu **Tỳ Bà Xá Na** (Thiền Quán) cho nên được đến cõi ấy, thọ dụng niềm vui của mọi loại Pháp Vị. Đây gọi là **Nhập Đệ Tứ Môn.**

5_ **Xuất ra Môn thứ năm**. Do Đại Từ Bi quán sát tất cả chúng sinh khổ não, cũng ứng hóa thân quay trở lại vào vườn sinh tử, rừng phiền não, Du Hý THần Thông đến đất giáo hóa, dùng sức Bản Nguyện hồi hướng. Đây gọi là **Xuất Đệ Ngũ Môn.**

Bồ Tát vào bốn loại Môn thành tựu Hạnh lợi cho mình, nên biết vậy. **Xuất Đệ Ngũ Môn** của Bồ Tát là thành tựu Hạnh hồi hướng, lợi ích cho người khác, nên biết vậy.

Bồ Tát như vậy tu năn Môn Hạnh lợi mình lợi người cho nên mau được thành tựu **A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề** (Anuttarā-samyaksaṃbuddhi: Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác)

VÔ LƯỢNG THỌ KINH LUẬN
MỘT QUYỂN (Hết)

Giới căn lành Đại Thừa. Thiên Đài **Trí Giả** liền nói là chữ **Giới** (界) là sự lầm lẫn của chữ **Nam** (男) nên thích hợp sửa làm, nhưng các nhà Sớ Giải đều ghi là chữ Giới, cho nên ngày nay còn lưu lại vậy.

16/11/2011

Đại Tạng Kinh_ Tập 47_ No.1959

QUÁN NIỆM A DI ĐÀ PHẬT TƯỚNG HẢI TAM MUỘI CÔNG ĐỨC PHÁP MÔN
MỘT QUYỂN

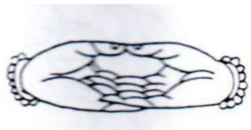
Hán văn: Tỳ Khưu THIỆN ĐẠO tập hợp ghi chép lại
Việt dịch: HUYỀN THANH

Y theo **Quán Kinh** (Amitāyur-dhyāna-sūtra: Quán Vô Lượng Thọ Kinh) nói rõ Pháp **Quán Phật Tam Muội** (1). Y theo **Bát Chu Kinh** (Pratyutpanna-buddha-sammukhāvasthita-samādhi-sūtra: Bát Chu Tam Muội Kinh) nói rõ Pháp **Niệm Phật Tam Muội** (2). Y theo **Kinh** nói rõ Pháp vào Đạo Trường **Niệm Phật Tam Muội** (3). Y theo **Kinh** nói rõ Pháp **Sám Hối, Phát Nguyện** bên trong Đạo Trường (4)

Y theo **Quán Kinh** nói rõ Pháp **Quán Phật Tam Muội** [Trích trong **Quán Kinh**, **Quán Phật Tam Muội Hải Kinh** (Buddha-dhyāna-samādhisāgara-sūtra)]

Quán Đức Phật **A Di Đà** (Amita-buddha) với thân màu vàng ròng, hào quang tròn chiếu sáng trong suốt, đoan chính không có điều gì so sánh được. Nhóm ***Hành Giả*** trong tất cả Thời, nơi chốn (Xứ) ngày đêm thường tác **Tưởng** này. Đi, đứng, ngồi, nằm cũng tác **Tưởng** này. Mỗi mỗi thường **trụ Ý** hướng về phương Tây với chúng Thánh ấy, tướng trang nghiêm của mọi vật báu, như đối trước mắt.

Nên biết, nếu Hành Giả muốn ngồi thì trước tiên nên ngồi Kiết Già, bàn chân trái an trên bắp đùi phải ngang bằng với bên ngoài, bàn chân phải an trên bắp đùi trái ngang bằng với bên ngoài, tay phải an trong lòng bàn tay trái, hai ngón cái cùng hợp mặt ngón.



Tiếp theo thẳng thân ngồi ngay ngắn, ngậm miệng nhắm mắt, (mắt) tựa như mở mà chẳng mở, (miệng) tựa như ngậm mà chẳng ngậm.

Liền dùng con mắt của Tâm, trước tiên **Quán** từ tóc xoắn ốc trên đỉnh đầu của Đức Phật, da đầu màu vàng, tóc màu xanh biếc, một lọn tóc, một xoắn ốc ngay trên đầu. Xương đầu màu tuyết, trong ngoài sáng trong suốt. Não như màu Pha Lê

Tiếp theo tưởng Não có 40 mạch, mỗi một mạch có 40 đường sáng (đạo quang) từ lỗ hổng của chân tóc phát ra ngoài, nhiễu quanh tóc, xoắc ốc bảy vòng rồi quay về nhập vào trong lỗ hổng của đầu sợi lông.

Tiếp theo tưởng ánh sáng lúc trước từ lỗ hổng tại chân lông của hai lông mày phát ra hướng về bên ngoài

Tiếp theo tưởng vầng trán có tướng bằng phẳng rộng rãi

Tiếp theo tưởng lông mày có tướng cao dài giống như trăng mới mọc (sơ nguyệt)

Tiếp theo tưởng tướng **Bạch Hào** (Ūrṇa:Sợi lông trắng uốn xoay theo bên phải) ở tam tinh. Màu trắng của sợi lông ấy, bên trong thật bên ngoài hư, tuôn ra ánh sáng màu vàng, từ đầu sợ lông tuôn ra, chiếu thẳng đến thân của mình.

Như **Quán Phật Tam Muội Kinh** nói: "Nếu có người, trong một phút chốc, quán tướng Bạch Hào, hoặc nhìn thấy hoặc chẳng nhìn thấy, liền trừ khử tội nặng sinh

tử trong 96 ức na do tha hằng hà sa vi trần số kiếp. Thường tác Tướng nầy rất hay trừ Chướng diệt Tội, lại được vô lượng Công Đức, chư Phật vui vẻ”

Tiếp theo tưởng hai con mắt, dài rộng, đen trắng rõ ràng, ánh sáng chiếu trong suốt

Tiếp theo tưởng cái mũi cao thẳng như thoi vàng đúc.

Tiếp theo tưởng khuôn mặt đầy đặn đẹp đẽ

Tiếp theo tưởng vành tai rũ xuống, dái tai có bảy sợi lông, ánh sáng từ trong sợi lông tuôn ra chiếu khắp thân Phật

Tiếp theo tưởng môi có màu đỏ, ánh sáng bóng loáng

Tiếp theo tưởng răng có màu trắng, ngang bằng khít kín, trắng như mã não trắng với mặt trăng, bên trong bên ngoài trong suốt

Tiếp theo tưởng cái lưỡi mỏng rộng dài mềm mại, dưới gốc lưỡi có hai con đường, nước miếng rót xuống vào đường ống của cổ họng, vào thẳng **Tâm Vương** (chủ thể của trái tim)

Trái tim Phật như hoa sen hồng, mở mà chẳng mở, hợp mà chẳng hợp, có tám vạn bốn ngàn cánh, cánh cánh xếp chồng lên nhau, mỗi một cánh có tám vạn bốn ngàn mạch, mỗi một mạch có tám vạn bốn ngàn ánh sáng, mỗi một ánh sáng làm một trăm hoa sen báu, trên mỗi một hoa có một vị **Bồ Tát Thập Địa**, thân đều màu vàng, tay cầm hương hoa cúng dường **Tâm Vương**, khác miệng cùng lời ca tán **Tâm Vương**

Lúc Hành Giả tác tưởng này thời trừ diệt tội chướng, được vô lượng Công Đức, chư Phật Bồ Tát vui vẻ, Thiên Thần, Quỷ Thần vui vẻ.

_ Lại rút Tâm hướng lên trên, tiếp theo tưởng cổ họng, cái cổ có tướng tròn trịa, hai vai có tướng tròn trịa

Tiếp theo tưởng hai cánh tay có tướng tròn trịa

Tiếp theo tưởng lòng hai bàn tay bằng phẳng đầy đặn có tướng bánh xe có ngàn cây căm (Thiên Bức Luân), mười ngón tay nhỏ dài, khoảng giữa các ngón tay có tướng lưới hoa, móng tay có tướng màu đồng đỏ.

_ Lại rút Tâm hướng lên trên, tiếp theo tưởng trước ngực của Đức Phật có tướng bằng phẳng đầy đặn, chữ của vạn Đức (卍: chữ Vạn) trong sáng.

Tiếp theo tưởng cái bụng bằng phẳng chẳng hiện tướng

Tiếp theo tưởng cái rốn có tướng tròn sâu , ánh sáng bên trong bên ngoài thường chiếu.

Tiếp theo tưởng tướng **Âm Tàng** (chỗ kín) bằng phẳng tròn trịa, giống như mặt trăng đêm 15, cũng như nơi bằng phẳng của lưng bụng không có khác.

Đức Phật nói: “Nếu có người nam, người nữ tham nhiều sắc dục, liền tưởng tướng **Âm Tàng** của Như Lai thì Tâm Dục liền dừng, trừ diệt tội chướng, được vô lượng Công Đức, chư Phật vui vẻ, Thiên Thần, Quỷ Thần có Tâm tốt che giúp, sống lâu an vui, vĩnh viễn không có bệnh, đau nhức”

Tiếp theo tưởng hai bắp đùi, mỗi mỗi đầu gối có xương tròn đầy

Tiếp theo tưởng hai cẳng chân (từ đầu gối đến bàn chân) như bắp tay của **Lộc Vương** (nai chúa)

Tiếp theo tưởng hai gót chân như cái vòi của **Tượng Vương** (voi chúa)

Tiếp theo tưởng hai mu bàn chân cao như lưng **Quy Vương** (rùa chúa)

Tiếp theo tưởng mười ngón chân dài, khoảng giữa các ngón chân có lưới hoa, móng chân có màu đồng đỏ

Tiếp theo tưởng Đức Phật với tướng ngồi Kiết Già, bàn chân trái an trên bắp đùi phải ngang bằng với bên ngoài, bàn chân phải an trên bắp đùi trái ngang bằng với bên ngoài.

Tiếp theo tưởng bên dưới hai bàn chân có tướng bánh xe có ngàn cây căm (Thiên Bức Luân) đầy đủ vành bánh xe, cây căm đều có ánh sáng chiếu khắp cõi nước mười phương. Từ đỉnh đầu xuống đến bàn chân, tướng của bánh xe có ngàn cây căm trở đi, gọi là **Cụ Túc Quán Phật Sắc Thân Trang Nghiêm Công Đức**

Đây gọi là **Thuận Quán**

_ Lại tiếp theo tưởng Pháp của Toà Hoa

Tiếp theo tưởng tướng của đài hoa

Tiếp theo tưởng lá hoa, lá lá xếp chồng lên nhau tám vạn bốn ngàn lớp, trên mỗi một lá tưởng có trăm ức Bảo Vương trang nghiêm, trong mỗi một báu có tám vạn bốn ngàn ánh sáng, hướng lên trên chiếu soi thân Phật.

Tiếp theo tưởng cọng của hoa báu có tám mặt, mỗi một phương, mặt có trăm ngàn mọi báu trang nghiêm, phóng ánh sáng lớn, đều chiếu soi bên trên bên dưới.

Tiếp theo tưởng bên dưới cọng nương dựa mặt đất báu, trên đất có mọi báu đều phóng ra tám vạn bốn ngàn ánh sáng, mỗi một ánh sáng chiếu soi thân Phật với chiếu soi sáu đường ở mười phương, cũng tưởng mỗi một ánh sáng chiếu chạm đến tự thân của Hành Giả

Lúc tác **Tưởng** này thời trừ diệt tội chướng, được vô lượng Công Đức, chư Phật Bồ Tát vui vẻ, Thiên Thần, Quỷ Thần cũng vui vẻ, ngày đêm đi theo thân che giúp Hành Giả. Đi, đứng, ngồi, nằm thường được an ổn, sống lâu, giào có, vui sướng vĩnh viễn không có bệnh đau nhức. Dựa theo lời dạy của Đức Phật (Phật giáo) được thấy việc trong Tịnh Thổ.

Nếu nhìn thấy, chỉ tự mình biết, chẳng được hướng về người khác nói

Nếu người thuận theo **Giáo Môn,** lúc lâm chung thời được **Thượng Phẩm Vãng Sinh** tại cõi nước của Đức Phật A Di Đà. Như vậy **Thượng Hạ** y theo 16 **Biến Quán**, sau đó trụ Tâm hướng về Bạch Hào ở Tam Tinh, dốc sức tu nắm chặt Tâm khiến cho chính đúng, chẳng được tạp loạn. Tức mất Tâm Định thì **Tam Muội** (Samādhi) khó thành. Nên biết đây gọi là Pháp **Quán Phật Tam Muội Quán**. Trong tất cả thời thường hồi hướng sinh về Tịnh Thổ, chỉ y theo 13 Quán của **Quán Kinh** an Tâm, đều được chẳng nghi ngờ.

_ Lại bạch với Hành Giả muốn sinh về Tịnh Thổ, chỉ nên Trì Giới, Niệm Phật, tụng Kinh A Di Đà. Một ngày 15 lần thì hai năm được một vạn. Một ngày ba lần thì một năm được một vạn. Một ngày niệm Phật một vạn lần, cũng nên y theo Thời lễ tán việc trang nghiêm của Tịnh Thổ. Rất nên tinh tiến, hoặc được ba vạn, sáu vạn, mười vạn…đều là người **Thượng Phẩm Thượng Sinh**. Công Đức còn lại của mình nên hồi hướng hết về **Vãng Sinh.** Nên biết

Phần trước đã nói rõ Pháp **Quán Phật Tam Muội.**

_ Kinh **Bát Chu Tam Muội**, Phẩm **Thỉnh Vấn** nói rõ Pháp **bảy ngày bảy đêm vào Đạo Trường Niệm Phật Tam Muội** (Trích trong Kinh **Bát Chu Tam Muội**)

Đức Phật bảo **Bạt Đà Hoà**: "Có Tam Muội gọi là ***chư Phật mười phương đều đứng ngay trước mặt***. Hay hành Pháp này thì điều ông đã hỏi đều có thể được vậy"

Bạt Đà Hoà bạch Phật: "Nguyện vì con nói, nhiều chỗ đã vượt qua, an ổn mười phương, vì các chúng sinh hiện tướng Đại Minh"

Đức Phật bảo Bạt Đà Hoà: "Có Tam Muội tên là **Định Ý**. Người học thường nên chọn lấy **tập trì,** chẳng được lại tuỳ theo Pháp khác. Trong Công Đức là bậc tốt nhất"

Tiếp theo **Hành Phẩm** nói rằng: Đức Phật bảo Bạt Đà Hoà: “Bồ Tát muốn nhanh chóng được Định này thì thường lập **Đại Tín** (niềm tin to lớn), như Pháp mà hành, tức có thể được vậy. Đừng có **Tưởng** nghi ngờ, như lông tóc hứa hẹn. Pháp **Định Ý** này, tên là **Bồ Tát Siêu Chúng Hạnh**

Lập một niệm
Tin Pháp này
Tuỳ chỗ nghe
Nhớ phương ấy
Hợp một niệm
Chặt các **Tưởng**
Lập **Định Tín**
Đừng nghi ngờ
Tinh tiến hành
Đừng lười biếng
Đừng khởi **Tưởng**
Có với ***Không***
Đừng nghĩ **tiến**
Đừng nghĩ **lùi**
Đừng nghĩ **trước**
Đừng nghĩ **sau**
Đừng nghĩ **trái** (bên trái)
Đừng nghĩ **phải** (bên phải)
Đừng nghĩ **không**
Đừng nghĩ **có**
Đừng nghĩ **xa**
Đừng nghĩ **gần**
Đừng nghĩ **đau**
Đừng nghĩ **ngứa**
Đừng nghĩ **đói**
Đừng nghĩ **khát**
Đừng nghĩ **lạnh**
Đừng nghĩ **nóng**
Đừng nghĩ **khổ**
Đừng nghĩ **vui** (ưa thích)
Đừng nghĩ **sinh**
Đừng nghĩ **già**
Đừng nghĩ **bệnh**
Đừng nghĩ **chết**
Đừng nghĩ **mệnh**
Đừng nghĩ **thọ** (tuổi thọ)
Đừng nghĩ **nghèo**
Đừng nghĩ **giàu**
Đừng nghĩ **Quý** (cao cả)
Đừng nghĩ **Tiện** (hèn kém)
Đừng nghĩ **Sắc**
Đừng nghĩ **Dục**
Đừng nghĩ **nhỏ**
Đừng nghĩ **lớn**

Đừng nghĩ **dài**
Đừng nghĩ **ngắn**
Đừng nghĩ **tốt**
Đừng nghĩ **xấu**
Đừng nghĩ **ác**
Đừng nghĩ **thiện**
Đừng nghĩ **giận**
Đừng nghĩ **vui**
Đừng nghĩ **ngồi**
Đừng nghĩ **đứng**
Đừng nghĩ **đi**
Đừng nghĩ **dừng**
Đừng nghĩ **Kinh**
Đừng nghĩ **Pháp**
Đừng nghĩ **đúng**
Đừng nghĩ **sai**
Đừng nghĩ **bỏ**
Đừng nghĩ **lấy**
Đừng nghĩ **Tưởng** (nhận biết)
Đừng nghĩ **Thức** (nhận thức)
Đừng nghĩ **chặt** (cắt đứt)
Đừng nghĩ **dính** (vướng mắc)
Đừng nghĩ **rỗng**
Đừng nghĩ **thật**
Đừng nghĩ **nhẹ**
Đừng nghĩ **nặng**
Đừng nghĩ **khó**
Đừng nghĩ **dễ**
Đừng nghĩ **sâu**
Đừng nghĩ **cạn**
Đừng nghĩ **rộng**
Đừng nghĩ **hẹp**
Đừng nghĩ **cha**
Đừng nghĩ **mẹ**
Đừng nghĩ **vợ**
Đừng nghĩ **con**
Đừng nghĩ **thân**
Đừng nghĩ **sơ**
Đừng nghĩ **ghét**
Đừng nghĩ **yêu**
Đừng nghĩ **được**
Đừng nghĩ **mất**
Đừng nghĩ **thành**
Đừng nghĩ **bại**
Đừng nghĩ **trong**
Đừng nghĩ **đục**
Chặt các **Niệm** (nghĩ nhớ)
Một **Niệm** ấy

Ý đừng loạn
Thường tinh tiến
Đừng tính năm
Đừng mệt ngày
Lập một Niệm
Đừng sao nhãng
Trừ ngủ say
Tinh luyện **Ý**
Ở một mình
Đừng tụ hội
Tránh người ác
Gần bạn lành
Gần **Minh Sư**
Thấy chư Phật
Nắm **Chí** ấy
Thường **mềm yếu**
Quán **bình đẳng**
Nơi tất cả
Tránh **thôn làng**
Xa **thân tộc**
Vứt **Ái Dục**
Trong (bên trong) **thanh tịnh**
Hành **Vô Vi**
Chặt các **Dục**
Buông **Ý loạn**
Tập **Định Hạnh**
Học **Văn Tuệ**
Đều như **Thiền**
Trừ **ba Uế**
Bỏ **sáu Nhập** (Ṣaḍāyatana)
Dứt **Dâm Sắc**
Lìa mọi **Ái**
Đừng tham tiền
Tích trữ nhiều
Ăn, biết đủ
Đừng tham ngon
Mạng chúng sinh
Đừng ham ăn
Y như Pháp
Đừng trang sức
Đừng đùa giỡn
Đừng Kiêu Mạn
Đừng Tự Đại
Đừng Cống Cao
Nếu nói Kinh
Nên như Pháp
Thấu gốc Thân
Giống như Huyễn
Đừng nhận **Uẩn** (Skandha)

Đừng **Nhập** (Āyatana:Xứ)**, Giới** (Dhātu)
Uẩn như giặc
Bốn như rắn
Là Vô Thường
Là hoảng hốt
Chủ Vô Thường
Thấu **vốn không**
Nhân Duyên hội
Nhân Duyên tan
Đều hiểu thấu
Biết **vốn không**
Tăng **Từ Ai** (hiền lành thương xót)
Với tất cả
Cho kẻ nghèo
Giúp chẳng cầu
Đấy là **Định**
Hạnh Bồ Tát
Tuệ chí yếu
Vượt mọi Hạnh

Đức Phật bảo Bạt Đà Hoà: "Trì Hành Pháp này, liền được Tam Muội, chư Phật hiện tại đều đứng ngay trước mặt. Nếu có Tỳ Khưu, Tỳ Khưu Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di…như Pháp tu hành, giữ Giới tròn đủ, một mình ở riêng một chỗ, nghĩ Đức Phật A Di Đà ở phương Tây, nay hiện tại ở chốn ấy, tuỳ theo chỗ đã nghe, nên niệm.

Cách đây mười vạn ức cõi Phật, có cõi nước tên là **Tu Ma Đề** (?Subhavatì: Cực Lạc), một lòng nghĩ nhớ đến, một ngày một đêm hoặc bảy ngày bảy đêm. Qua bảy ngày xong, sau đó nhìn thấy. Ví như điều mà người trong mộng đã nhìn thấy, chẳng biết ngày đêm, cũng chẳng biết bên trong bên ngoài, chẳng do ở ngay trong nơi mờ tối có sự ngăn ngại cho nên chẳng nhìn thấy.

Này Bạt Đà Hoà ! Lúc bốn Chúng thường tác niệm này thời các núi lớn, núi Tu Di trong cảnh giới của chư Phật. Cảnh ấy có chốn U Minh thì thảy đều mở sự ngăn che, không có chỗ nào gây chướng ngại. Bốn Chúng này chẳng dùng Thiên Nhãn vẫn nhìn thấu suốt, chẳng dùng Thiên Nhĩ vẫn nghe thấu suốt, chẳng dùng Thần Túc vẫn đến được cõi Phật ấy; chẳng ở không gian này, cuối cùng vẫn sinh về không gian ấy. Liền ở chỗ ngồi này, nhìn thấy"

Đức Phật nói: "Bốn Chúng ở cõi nước trong không gian này, niệm **A Di Đà Phật**. Vì chuyên niệm cho nên được nhìn thấy, liền hỏi "*Trì Pháp nào, được sinh vào nước này?"*. Đức Phật A Di Đà bảo rằng: "*Người muốn đến sinh, nên niệm tên của Ta, đừng có ngưng nghỉ, liền được đến sinh"*

Đức Phật nói: "Do chuyên niệm cho nên được vãng sinh. Thường nghĩ nhớ đến 32 tướng, 80 hạt giống của thân phật thì hàng ức ánh sáng chiếu suốt, đoan chính không có gì sánh bằng, ở ngay trong **Bồ Tát Tăng** (chúng Bồ Tát) nói Pháp. Đừng hoại hình sắc, tại sao thế ? Vì chẳng hoại hình sắc, do nghĩ nhớ đến Sắc Thân của Phật cho nên được Tam Muội này"

Phần bên trên nói rõ Pháp **Niệm Phật Tam Muội**

_ Khi muốn vào Đạo Trường **Tam Muội** thời mỗi mỗi y theo phương pháp mà Đức Phật đã dạy bảo. Trước tiên tu sửa Đạo Trường trong Liêu, an trí Tôn Tượng, dùng nước nóng thơm rưới vảy lau quét. Nếu không có Phật Đường mà có cái phòng trong sạch cũng được. Lau quét rưới vảy như Pháp, lấy một tượng Phật an trí ở bức

vách phía Tây. Nhóm *Hành Giả* từ ngày mồng một đến ngày mồng tám trong tháng, hoặc từ mồng tám đến ngày 15, hoặc từ ngày 15 đến ngày 23, hoặc từ ngày 23 đến ngày 30. Mỗi tháng riêng có bốn Thời tốt đẹp. Nhóm *Hành Giả* tự mình cân nhắc Nghiệp nặng nhẹ của nhà.

Ở trong Thời này, nhập vào Đạo **Tịnh Hạnh**. Hoặc một ngày cho đến bảy ngày, hết thảy nên mặc áo sạch, giày vớ cũng nên sạch mới. Trong bảy ngày đều nên Trường Trai và chỉ ăn một bữa: bánh mềm, cơm thô…tuỳ theo thời dùng nước tương, rau…tằn tiện dùng rau dưa theo hạn lượng

Ở trong Đạo Trường, ngày đêm cột buộc Tâm liên tục, chuyên Tâm niệm A Đ Đà Phật, Tâm cùng với tiếng liên tục, chỉ ngồi hoặc chỉ đứng, trong khoảng bảy ngày chẳng được ngủ mê, cũng chẳng cần y theo Thời lễ Phật tụng Kinh, cũng chẳng cần dùng Tràng Hạt đếm số, chỉ biết chắp tay niệm Phật, niệm niệm tác tưởng **nhìn thấy Phật**"

Đức Phật nói: "Tưởng niệm Đức Phật A Di Đà có thân màu vàng ròng, ánh sáng chiếu thông suốt, đoan chính không có gì sánh bằng…ở ngày trước con mắt của Tâm. Lúc chính Niệm Phật thời nếu đứng thì liền đứng niệm một vạn, hai vạn. Nếu ngồi thì liền ngồi niệm một vạn, hai vạn. Ở bên trong Đạo Trường (nhóm Hành Giả) chẳng được chụm đầu lại, nói chuyện riêng. Ngày đêm hoặc ba Thời, sáu Thời…biểu bạch với Đức Phật, tất cả Hiền Thánh, Thiên Tào, Địa Phủ, tất cả Nghiệp Đạo…tỏ bày sám hối, một đời trở đi, mọi tội do *nghiệp thân miệng ý* đã gây tạo…việc y theo sự thật mà sám hối, rồi quay lại y theo Pháp **Niệm Phật. C**hẳng được tự ý nói cảnh giới đã nhìn thấy. Điều tốt lành thì tự biết, điều ác thì sám hối. Đối với rượu, thịt, ngũ tân thì phát nguyện "*tay chẳng nắm bắt, miệng chẳng ăn. Nếu trái ngược với lời này, liền nguyện cho thân, miệng đều vướng mụn nhọt ác"*

Hoặc nguyện tụng Kinh A Di Đà đủ mười vạn lần, một ngày riêng niệm Phật một vạn biến. Một ngày riêng tụng Kinh 15 lần, hoặc tụng 20 lần, 30 lần…nhiều ít tuỳ theo sức, thề sinh về Tịnh Thổ, nguyện xin Đức Phật nhiếp thọ.

_ Lại nhóm Hành Giả, nếu bị bệnh hoặc chẳng bị bệnh. Khi mạng sắt dứt thì mỗi mỗi y theo Pháp **Niệm Phật Tam Muội** bên trên, ngay thẳng Thân Tâm, quay mặt hướng về phương Tây, Tâm cũng chuyên chú quán tưởng Đức Phật A Di Đà, Tâm miệng tương ứng, tiếng tiếng chẳng dứt, quyết định tác Vãng Sinh, tưởng đài hoa, tường chúng Thánh đi đến nghinh tiếp.

Nếu người bệnh nhìn thấy cảnh lúc trước, liền hướng về người thăm bệnh nói. Đã nghe nói xong, liền y theo nói điều mà bản sao chép đã ghi.

Lại nếu người bệnh chẳng thể nói được thì người thăm bệnh đều nên mỗi mỗi lúc, hỏi người bệnh nhìn thấy cảnh giới nào, hoặc nói tướng của tội. Người bên cạnh liền vì người bệnh niệm Phật, trợ đồng sám hối ắt khiến cho tội diệt. Nếu được tội diệt thì đài hoa, chúng Thánh ứng niệm hiện trước mặt. Dựa theo điều mà bản sao chép đã ghi.

Lại nhóm Hành Giả, quyến thuộc, sáu thân…nếu đến thăm bệnh thì đừng cho người có ăn thịt, uống rượu, ăn ngũ tân…tham dự. Nếu có ắt chẳng được hướng đến bên cạnh người bệnh, tức mất Chính Niệm, Quỷ Thần giao loạn, người bệnh phát điên cuồng mà chết, sẽ bị rơi vào ba đường ác.

Nhóm người **Nguyện Hạnh** hãy khéo tự mình cẩn thận phụng trì *lời dạy bảo của Đức Phật* (Phật Giáo), đồng làm Nhân Duyên để nhìn thấy Đức Phật.

Phần trước là Pháp dùng để vào Đạo Trường với thăm người bệnh

Y theo Kinh nói rõ nghĩa của năm loại Tăng Thượng Duyên (1 quyển). Y theo **Vô Lượng Thọ Kinh** (1) Y theo **Thập Lục Quán Kinh** (2) Y theo **A Di Đà Kinh** gồm bốn cuộn giấy (3) Y theo **Bát Chu Tam Muội Kinh** (4) Y theo **Thập Vãng Sinh Kinh** (5) Y theo **Tịnh Thổ Tam Muội Kinh** (6) Cẩn trọng y theo nhóm Kinh **Vãng Sinh** thuộc sáu Bộ do Đức Phật **Thích Ca** dạy bảo, hiển rõ người **Xưng Niệm A Di Đà Phật Nguyện Sinh Tịnh Thổ** thì đời hiện tại liền được sống lâu chuyển tuổi thọ, chẳng gặp chín tai nạn đột ngột, mỗi mỗi đầy đủ như bên dưới, nói trong nghĩa của **5 Duyên**

_ Hỏi rằng: "Đức Phật khuyên tất cả chúng sinh phát **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta), nguyện sinh về cõi nước của Đức Phật A Di Đà ở phương Tây. Lại khuyên làm tượng **A Di Đà**, xưng dương lễ bái, hương hoa cúng dường, ngày đêm quán tưởng chẳng dứt. Lại khuyên chuyên niệm tên của Đức Phật Di Đà một vạn, hai vạn, ba vạn, năm vạn cho đến mười vạn. Hoặc khuyên tụng Kinh A Di Đà ..15, 20, 30, 50 cho đến đủ mười vạn lần… Như vậy đời hiện tại được Công Đức thế nào ? Sau một trăm năm buông xả **báo** (thân nghiệp báo), thời có lợi ích gì ? Có được sinh về Tịnh Thổ chăng ?"

Đáp rằng: "Đời hiện tại với buông xả **Báo** (thân nghiệp báo), quyết định có lợi ích, Công Đức lớn. Dựa y theo lời dạy bảo của Đức Phật, hiển rõ 5 loại Nhân Duyên lợi ích tăng thượng

1_ Diệt Tội Tăng Thượng Duyên
2_ Hộ Niệm Đắc Trường Mạng Tăng Thượng Duyên
3_ Kiến Phật Tăng Thượng Duyên
4_ Nhiếp Sinh Tăng Thượng Duyên
5_ Chứng Sinh Tăng Thượng Duyên.

_ Nói **Diệt Tội Tăng Thượng Duyên**. Tức như **Quán Kinh**, người **Hạ Phẩm Thượng Sinh**, một đời gây tạo đủ tội nặng của mười điều ác. Người ấy bị bệnh sắp chết thì gặp vị Thiện Tri Thức dạy bảo xưng **Di Đà Phật** một tiếng, liền trừ tội nặng trong 50 ức kiếp sinh tử. Tức là **Diệt Tội Tăng Thượng Duyên** của đời hiện tại.

Lại như người **Hạ Phẩm Trung Sinh**, một đời gây tạo đủ tội trong Phật Pháp, phá Trai, phá Giới, ăn dùng vật của Phật Pháp Tăng, chẳng sinh ăn năn hối hận. Người ấy bị bệnh sắp chết thì Địa Ngục, mọi loại lửa một thời đều đến. Do gặp vị Thiện Tri Thức vì người ấy nói thân tướng, Công Đức, cõi nước trang nghiêm của Đức Phật Di Đà. Người có tội nghe xong, liền trừ tội trong 80 ức kiếp sinh tử, Địa Ngục liền diệt…cũng là **Diệt Tội Tăng Thượng Duyên** của đời hiện tại.

Lại như người **Hạ Phẩm Hạ Sinh**, một đời gây tạo đủ tội cực nặng của năm **Nghịch**, trải qua Địa Ngục chịu khổ không cùng tận. Người có tội bị bệnh sắp chết thì gặp được vị Thiện Tri Thức dạy bảo xưng tên của Đức Phật A Di Đà, mười tiếng. Ở trong mỗi một tiếng, trừ diệt tội nặng trong 80 ức kiếp sinh tử. Đây cũng là **Diệt Tội Tăng Thượng Duyên** của đời hiện tại

Lại nếu có người y theo nhóm **Quán Kinh…** vẽ, làm sự biến thành Tịnh Thổ trang nghiêm, ngày đêm quán tưởng mặt đất báu thì niệm niệm của đời hiện tại, trừ diệt tội trong 80 ức kiếp sinh tử

Lại y theo Kinh, vẽ sự biến thành, quán tưởng cây báu, ao báu, lầu báu...trang nghiêm thì đời hiện tại trừ diệt tội trong vô lượng ức a tăng kỳ kiếp sinh tử.

Lại y theo **Hoa Toà Trang Nghiêm Quán**, ngày đêm quán tưởng thì mỗi một niệm của đời hiện tại trừ diệt tội trong 50 ức kiếp sinh tử.

Lại y theo Kinh, quán tưởng: **Tượng Quán, Chân Thân Quán, Quán Âm Thế Chí Đẳng Quán** thì đời hiện tại, ở trong mỗi một niệm trừ diệt tội trong vô lượng ức kiếp sinh tử.

Như bên trên đã dẫn, đều là **Diệt Tội Tăng Thượng Duyên** của đời hiện tại

_ Lại nói **Hộ Niệm Tăng Thượng Duyên**. Tức như trong **Đệ Thập Nhị Quán** nói rằng: "Nếu có người trong tất cả Thời Xứ, ngày đêm chí Tâm quán tưởng hai Báo trang nghiêm của Di Đà Tịnh Thổ. Hoặc nhìn thấy hoặc chẳng nhìn thấy thời Đức Phật **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus) hoá làm vô số vị **Hoá Phật** (Nirmāṇa-buddha). **Quán Âm** (Avalokite'svara), **Đại Thế Chí** (Mahā-sthāma-prāpta) cũng hoá làm vô số **Hoá Thân** (Nirmāṇa-kāya) thường đến chỗ của Hành Nhân này". Đây cũng là **Hộ Niệm Tăng Thượng Duyên** của đời hiện tại.

Lại như văn bên dưới của **Quán Kinh**: "Nếu có người chí Tâm thường niệm A Di Đà Phật với hai vị Bồ Tát thì ***Quán Âm, Thế Chí*** thường cùng với Hành Nhân làm **Thắng Hữu Tri Thức**, thường đi theo âm thầm giúp đỡ ". Đây cũng là **Hộ Niệm Tăng Thượng Duyên** của đời hiện tại.

Lại như **Đệ Cửu Chân Thân Quán** nói rằng: "Đức Phật Di Đà có thân màu vàng ròng, ánh sáng của Hào Tướng (sợi lông màu trắng xoắn vòng theo bên phải ở tam tinh) chiếu khắp chúng sinh ở mười phương, ánh sáng tại lỗ chân lông trên thân cũng chiếu khắp chúng sinh, hào quang tròn trịa cũng chiếu khắp chúng sinh, ánh sáng của tám vạn bốn ngàn tướng tốt…cũng chiếu khắp chúng sinh. Lại như ánh sáng của nhóm thân tướng lúc trước, mỗi một ánh sáng chiếu khắp mười phương Thế Giới. Chỉ có chúng sinh chuyên niệm **A Di Đà Phật** thì ánh sáng trong trái tim của Đức Phật ấy thường chiếu soi thân người này, nhiếp hộ chẳng buông bỏ, chẳng kể đến chiếu nhiếp Hành Giả có *Nghiệp tạp còn dư sót.* Đây cũng là **Hộ Niệm Tăng Thượng Duyên** của đời hiện tại.

Lại như **Thập Vãng Sinh Kinh** nói: Đức Phật bảo Sơn Hải Tuệ Bồ Tát cùng với A Nan: "Nếu có người chuyên niệm Tây Phương A Di Đà Phật, nguyện vãng sinh thì từ nay trở đi, Ta thường sai 25 vị Bồ Tát âm thầm hộ giúp Hành Giả, chẳng để cho Quỷ ác, Thần ác gây não loạn Hành Giả, ngày đêm thường được an ổn". Đây cũng là **Hộ Niệm Tăng Thượng Duyên** của đời hiện tại.

Lại như **Di Đà Kinh** (Amitābha-sūtra) nói: "Nếu có người nam, người nữ, bảy ngày bảy đêm với hết một đời, một lòng chuyên niệm **A Di Đà Phật**, nguyện vãng sinh thì người này thường được hằng ha sa đẳng Phật ở sáu phương cùng đi đến hộ niệm, cho nên gọi là **Hộ Niệm Kinh**". Ý của **Hộ Niệm Kinh** là chẳng để cho các Quỷ Thần ác được dịp thuận tiện gây hại, cũng không có bệnh đột ngột, chết đột ngột, ách nạn đột ngột, tất cả tai chướng tự nhiên tiêu trừ, chỉ trừ kẻ *chẳng chí Tâm.* Đây cũng là **Hộ Niệm Tăng Thượng Duyên** của đời hiện tại.

Lại như **Bát Chu Tam Muội Kinh**, trong **Hành Phẩm** nói rằng: "Đức Phật bảo Bạt Đà Hoà: Nếu có người bảy ngày bảy đêm, ngay bên trong Đạo Trường, buông bỏ các duyên sự, trừ bỏ việc nằm ngủ, một lòng chuyên nghĩ nhớ thân màu vàng ròng của Đức Phật A Di Đà. Hoặc một ngày, ba ngày, bảy ngày. Hoặc 14 ngày, 30 ngày, 49

ngày.Hoặc đến 100 ngày, hoặc hết một đời…chí Tâm quán Phật với miệng xưng, Tâm niệm thì Đức Phật liền nhiếp thọ. Đã được nhiếp thọ thì quyết định biết tội diệt, được sinh vào Tịnh Thổ"

Đức Phật nói: "Nếu người chuyên hành **Niệm Di Đà Phật Tam Muội** này, thường được tất cả chư Thiên với bốn vị Đại Thiên Vương, tám Bộ Rồng Thần thường đi theo, âm thầm hộ giúp, yêu thích gặp nhau, vĩnh viễn không bị các Quỷ Thần Ác, tai chướng, ách nạn…đột ngột gây não loạn".

Đầy đủ như trong Phẩm **Hộ Trì** nói. Đây cũng là **Hộ Niệm Tăng Thượng Duyên** của đời hiện tại.

Lại y theo **Quán Đỉnh Kinh** (Mahābhiṣeka-mantra), ***quyển thứ ba*** nói: "Nếu người thọ trì Tam Quy, Ngũ Giới thì Đức Phật sắc cho Thiên Đế : "*Ông sai Thiên Thần gồm 61 người, ngày đêm, năm tháng đi theo thủ hộ **người thọ Giới**, đừng để cho các Quỷ Thần ác đột ngột gây não hại"*. Đây cũng là **Hộ Niệm Tăng Thượng Duyên** của đời hiện tại.

Lại như **Tịnh Độ Tam Muội Kinh** nói rằng: "Đức Phật bảo **Bình Sa Đại Vương** (Bimbisāra): Nếu có người nam người nữ, mỗi mỗi tháng vào ***sáu ngày Trai*** *(3 ngày 8, 14, 15 của kỳ Bạch Nguyệt và 3 ngày: 23, 29, 30 của kỳ Hắc Nguyệt)* với ***tám ngày vua*** (*Bát vương nhật: 8 ngày này là ngày mà Trời, Đất, chư Thần cùng với Âm Dương thay đổi cho nhau (giao thế). Trong 8 ngày này, nếu Trì Trai sẽ tự tăng tuổi thọ, được lợi ích. Tám ngày ấy là: Lập Xuân, Xuân Phân, Lập Hạ, Hạ Chí, Lập Thu, Thu Phân, Lập Đông, Đông Chí)* hướng đến Thiên Tào, Địa Phủ, tất cả Nghiệp Đạo…miệt mài tự mình vâng nhận trì Trai Giới thì Đức Phật sắc cho Thiên Vương ở sáu cõi Dục đều sai 25 vị Thiện Thần thường đến, đi theo thủ hộ *người Trì Giới*, cũng chẳng để cho có các Quỷ Thần ác đột ngột đến gây não hại, cũng không có tai chướng, bệnh, chết đột ngột, thường được an ổn". Đây cũng là **Hộ Niệm Tăng Thượng Duyên** của đời hiện tại.

Lại bạch với các Hành Giả chỉ muốn đời này, ngày đêm liên tục, chuyên niệm **Di Đà Phật**, chuyên tụng Kinh **Di Đà**, xưng dương tán lễ chúng Thánh trang nghiêm của Tịnh Thổ, nguyện sinh về cõi ấy. Một ngày riêng tụng Kinh 15, 20, 30 biến trở lên. Hoặc tụng 40, 50, 100 biến trở lên…. nguyện đủ 10 vạn biến. Lại xưng dương, lễ tán ***Y Báo Chính Báo trang nghiêm*** của Di Đà Tịnh Thổ. Lại trừ lúc vào **Tam Muội Đạo Trường**, một ngày riêng niệm **Di Đà Phật** một vạn, liên tục hết một đời, liền được Di Đà hộ niệm, được trừ tội chướng. Lại được Đức Phật cùng với chúng Thánh thường đến hộ niệm. Đã được Hộ Niệm, liền được kéo dài mạng sống, chuyển tuổi thọ, sống lâu an vui.

Mỗi một Nhân Duyên đầy đủ như nhóm **Thí Dụ Kinh, Duy Vô Tam Muội Kinh, Tịnh Độ Tam Muội Kinh…** nói. Đây cũng là **Hộ Niệm Tăng Thượng Duyên** của đời hiện tại.

_ Lại nói **Kiến Phật Tam Muội Tăng Thượng Duyên**. Tức như **Quán Kinh** nói rằng: "Phu Nhân của vị vua ở nước **Ma Kiệt Đà** (Magadha) tên là **Vi Đề Hy** (Vaidehī), thường ở ngay bên trong Cung, nguyện thường thấy Đức Phật. Từ xa hướng về núi **Kỳ Xà Quật** (Gṛdhra-kuṭa) buồn khóc kính lễ. Từ xa, Đức Phật đã hay biết, liền ở núi **Kỳ** ẩn mất, hiện ra ngay trong cung vua. Phu nhân ngẩng đầu lên liền nhìn thấy Đức Thế Tôn với thân màu vàng ròng, ngồi trên hoa sen báu. **Mục Liên** (Māudgalyāyana), **A Nan** (Ānanda) đứng hầu hai bên trái phải. **Thích** ('Sakra), **Phạm** (Brahma) đến trong hư không rải hoa cúng dường. Phu nhân nhìn thấy Đức Phật liền

gieo mình xuống đất, kêu khóc, hướng về Đức Phật cầu xin xót thương, sám hối "*Nguyện xin Đức Như Lai dạy cho con quán được nơi có Nghiệp thanh tịnh*"

Lại như chứng cứ của Kinh này, không những chỉ có vị Phu Nhân chí tâm nhìn thấy Phật, mà cũng cùng với Phàm Phu đời vị lai khởi lời dậy bảo, chỉ khiến cho kẻ có Tâm Nguyện nhìn thấy, mỗi mỗi y như vị phu nhân chí Tâm nhớ Phật, quyết định nhìn thấy không có nghi ngờ. Đây tức là ***ba sức Niệm Nguyện*** của Đức Phật A Di Đà gia thêm bên ngoài, cho nên khiến được nhìn thấy Phật.

Nói **ba sức**. Tức như **Bát Chu Tam Muội Kinh** nói rằng: "Một là dùng sức của Đại Thệ Nguyện gia thêm niệm cho nên được nhìn thấy Phật. Hai là dùng sức của Tam Muội Định gia thêm niệm cho nên được nhìn thấy Phật. Ba là dùng sức của Bản Công Đức gia thêm niệm cho nên được nhìn thấy Phật"

Phần bên dưới, trong Duyên nhìn thấy Phật đều đồng với nghĩa này, cho nên gọi là **Kiến Phật Tam Muội Tăng Thượng Duyên.**

_ Hỏi rằng: "Vị phu nhân có Phước Lực mạnh mẽ thù thắng, được Đức Phật gia thêm niệm cho nên nhìn thấy Phật. Chúng sinh thời Mạt Pháp có tội lỗi sâu nặng thì do đâu mà được đồng với thể lệ của phu nhân ? Lại nghĩa này thâm sâu rộng lớn, mỗi mỗi dẫn đủ Kinh của Phật dùng để minh chứng"

Đáp rằng: "Đức Phật là **Tam Đạt Thánh Nhân** (Bậc Thánh đã đạt ba Minh là: Túc Mệnh Minh, Thiên Nhãn Minh, Lậu Tận Minh), sáu Thông không có chướng ngại, quán căn cơ để chuẩn bị dạy bảo, chẳng chọn cạn sâu, chỉ khiến cho quy thành thì sợ gì mà chẳng nhìn thấy.

Tức như phần bên dưới của **Quán Kinh** nói rằng: "Đức Phật khen bà **Vi Đề**: "Vui thay! Bà đã hỏi việc này, A Nan thọ trì rộng vì *nhiều Chúng* tuyên nói lời của Phật. Nay Như Lai dạy cho **Vi Đề Hy** với tất cả chúng sinh đời vị lai, nhìn thấy cõi nước ấy như cầm cái gương sáng, tự nhìn thấy khuôn mặt của mình"

Lại dùng chứng cứ của Kinh này cũng là ba Lực của Đức Phật Di Đà gia thêm bên ngoài, mà được nhìn thấy Phật. Cho nên gọi là **Kiến Phật Tịnh Thổ Tam Muội Tăng Thượng Duyên**.

Lại như bên dưới, **Kinh** nói rằng: "Đức Phật bảo **vi Đề:** Bà là phàm phu, tâm tưởng lại kém cỏi, chẳng thể nhìn thấy xa. Do đó chư Phật Như Lai có phương tiện khác khiến cho các ngươi nhìn thấy"

Phu nhân bạch Phật rằng: "Nay con nhân vào sức của Đức Phật cho nên nhìn thấy cõi nước ấy. Nếu sau khi Đức Phật diệt độ, các hàng chúng sinh trược ác, chẳng lành bị năm nỗi khổ ép bức thời làm sao được nhìn thấy Thế Giới **Cực Lạc** (Sukhavatī)?"

Đức Phật liền bảo rằng: "Này **Vi Đề** ! Bà với tất cả chúng sinh chuyên gom niệm, tưởng ở phương Tây, tất cả cây phướng báu bên dưới mặt đất Lưu Ly, mọi cái thất báu bên trên mặt đất, nhóm trang nghiêm bên trong Thất, chuyên tâm chú ý, cũng đồng với điều mà Phu Nhân đã được thấy bên trên"

Tức nói rằng: "Mỗi một Quán cần khiến cho thật thấu tỏ, nhắm mắt mở mắt đều khiến được thấy. Như **Tưởng** này thì gọi là **Thô Kiến** (Cái thấy thô sơ). Đây là cái thấy trong Giác Tưởng cho nên nói là **Thô Kiến**. Nếu được **Định Tâm Tam Muội** với **Khẩu Xưng Tam Muội** thì con mắt Tâm liền khai mở, nhìn thấy tất cả sự trang nghiêm của Tịnh Thổ. Nói không cùng tận vậy"

Lại dùng chứng cứ của **Kinh** này thì tất cả Phàm Phu chỉ khiến cho dốc hết Tâm, quyết định có nghĩa của sự nhìn thấy. Nên biết, giả sử có điều thấy nghe thì

chẳng nên kinh ngạc. Tại sao thế ? Vì do sức Tam Muội của Đức Phật A Di Đà gia thêm bên ngoài, cho nên được nhìn thấy. Thế nên gọi là **Phật Tịnh Thổ Tam Muội Tăng Thượng Duyên**.

Lại như bên dưới, trong **Hoa Toà Quán** nói rằng: Đức Phật bảo A Nan, Vi Đề: "Đức Phật sẽ vì các ngươi nói Pháp **trừ khổ não**, các ngươi nên rộng vì Đại Chúng phân biệt giải nói"

Nói lời đấy xong thời Đức Phật **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus), Quán Âm, Thế Chí ứng theo tiếng, đi đến, hiện đứng trụ trong hư không. Vi Đề nhìn thấy liền lễ. Lễ xong, bạch với Đức Phật Thích Ca rằng: "Nay con nhân vào sức của Đức Phật cho nên được nhìn thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ với hai vị Bồ Tát. Nếu sau khi Đức Phật diệt độ, thì các hàng chúng sinh làm sao quán thấy Đức Phật A Di Đà với hai vị Bồ Tát ?"

Đức Phật liền bảo rằng: "Bà với chúng sinh muốn quán Đức Phật ấy thì nên khởi tưởng niệm. Trên đất bảy báu, tác tưởng hoa sen. Tưởng hoa thành xong, tiếp theo nên tưởng Phật. Khi tưởng Phật thời Tâm đấy liền tưởng tác 32 Tướng từ trên đỉnh đầu xuống bên dưới đến **Già Phu Toạ**, ngoài ra mỗi một Thân Phần cũng đều tưởng. Tuỳ theo Tâm tưởng thời thân Phật liền hiện ra. Đây là ba sức của Di Đà gia thêm bên ngoài, liền được nhìn thấy Phật". Đấy cũng gọi là **Kiến Phật Tam Muội Tăng Thượng Duyên**.

Lại như bên dưới, **Kinh** nói rằng: "Tưởng Đức Phật ấy, trước tiên nên tưởng hình tượng, nhìn thấy một tượng vàng ròng ngồi trên hoa sen. Đã tưởng thấy xong thì con mắt Tâm liền khai mở, mỗi mỗi rõ ràng với nhìn thấy tất cả sự trang nghiêm của cõi nước ấy. Đây cũng là ba sức của Di Đà gia thêm bên ngoài cho nên được thấy Phật". Đấy cũng gọi là **Kiến Phật Tam Muội Tăng Thượng Duyên**.

Lại như bên dưới, **Kinh** nói rằng: "Tiếp theo, tưởng hai vị Bồ Tát với các ánh sáng, mỗi mỗi thấy rõ. Khi nhìn thấy việc này thời Hành Giả liền ở trong Định của **Tam Muội**, sẽ nghe tiếng **thuyết Pháp** của dòng nước chảy, ánh sáng, nhóm trang nghiêm…Ra Định, vào Định, Hành Giả thường nghe Pháp màu nhiệm. Đây cũng là ba sức của Đức Phật Di Đà gia thêm bên ngoài cho nên nhìn thấy Phật". Đấy cũng gọi là **Kiến Phật Tam Muội Tăng Thượng Duyên**.

Lại như bên dưới, trong **Chân Thân Quán** nói rằng: Đức Phật bảo A Nan: "Quán Tượng thành xong. Tiếp theo thay đổi, quán Đức Phật Vô Lượng Thọ với thân màu vàng ròng, Hào Tướng ở tam tinh, hào quang tròn, Hoá Phật với ánh sáng của nhóm tướng tốt. Chỉ nên nghĩ tưởng khiến cho con mắt Tâm nhìn thấy. Thấy xong liền nhìn thấy tất cả chư Phật ở mười phương, cho nên gọi là **Niệm Phật Tam Muội**". Dùng chứng cứ của văn này cũng là ba sức của Đức Phật Di Đà gia thêm bên ngoài cho nên nhìn thấy Phật. Đấy cũng gọi là **Kiến Phật Tam Muội Tăng Thượng Duyên**.

Lại như bên dưới, **Kinh** nói rằng: Đức Phật nói: "Chính vì thế cho nên bậc Trí một lòng quán sát kỹ lưỡng Đức Phật Vô Lượng Thọ, từ một tướng tốt nhập vào, chỉ quán sợi lông trắng xoay vòng theo bên phải (bạch hào) ở tam tinh khiến cho thật rõ ràng thì tự nhiên nhìn thấy tám vạn bốn ngàn tướng tốt. Nhìn thấy xong liền thấy tất cả chư Phật ở mười phương, ở trước mặt chư Phật theo thứ tự Thọ Ký". Lại dùng chứng cứ của Kinh này, cũng là ba sức của Đức Phật Di Đà gia thêm bên ngoài, nên được khiến cho Phàm Phu chuyên Tâm tưởng, quyết định được nhìn thấy Phật. . Đấy cũng gọi là **Kiến Phật Tam Muội Tăng Thượng Duyên**.

Lại như **Quán Âm Thế Chí Phổ Tạp Đẳng Quán** với **người thuộc chín Phẩm** bên dưới, một đời khởi hạnh cho đến bảy ngày, một ngày mười tiếng, hoặc một tiếng…Khi mạng sắp hết thời nguyện nhìn thấy Phật. Nếu đời hiện tại gặp được Thiện Tri Thức mà Hành Nhân tự mình có thể Tâm miệng niệm Đức Phật A Di Đà thì Đức Phật liền cùng với chúng Thánh, đài hoa hiện đến. Hành Nhân nhìn thấy Đức Phật cũng nhìn thấy chúng Thánh, đài hoa…" Lại dùng chứng cứ của Kinh này, cũng là ba sức của Đức Phật A Di Đà gia thêm bên ngoài cho nên được nhìn thấy Phật. Đấy cũng gọi là **Kiến Phật Tam Muội Tăng Thượng Duyên**.

Lại như bên dưới, **Kinh** nói rằng: Đức Phật bảo A Nan: "Kinh này có tên gọi là **Quán Cực Lạc Quốc Độ Vô Lượng Thọ Phật Cập Quán Thế Âm Đại Thế Chí Bồ Tát Kinh**. Ông nên thọ trì không để cho quên mất. Người hành Tam Muội này thì thân hiện tại được nhìn thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ với hai vị Bồ Tát". Lại dùng chứng cứ của Kinh này, cũng là ba sức của Đức Phật Di Đà gia thêm bên ngoài, dẫn đến sự niệm của Phàm Phu, nương vào ba sức Tâm của chính mình cho nên được nhìn thấy Phật. **Tâm chí thành, Tâm tin tưởng, Tâm nguyện** làm Nhân bên trong, lại nhờ sức ba loại Nguyện của Di Đà dùng làm Duyên bên ngoài. Nân Duyên bên ngoài bên trong hoà hợp cho nên được nhìn thấy Phật. Đấy cũng gọi là **Kiến Phật Tam Muội Tăng Thượng Duyên**.

Lại như **Bát Chu Tam Muội Kinh** ghi rằng: Đức Phật bảo Bạt Đà Hoà Bồ Tát: "Có Tam Muội tên là **Thập Phương Chư Phật Tất Tại Tiền Lập** (Chư Phật ở mười phương đều đứng ngay trước mặt). Nếu muốn mau chóng được Tam Muội đấy, thường nên gìn giữ tập trì chẳng được có nghi ngờ, tưởng như lông tóc. Nếu Tỳ Khưu, Tỳ Khưu Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di muốn hành học Tam Muội đấy thì bảy ngày bảy đêm, trừ bỏ ngủ mê, buông các loạn tưởng, một mình ở một chỗ, nghĩ nhớ Đức Phật A Di Đà ở phương Tây với Tâm màu vàng ròng, 32 tướng toả ánh sáng chiếu thông suốt, đoan chính không có gì so sánh được. Một lòng quán tưởng, Tâm niệm miệng xưng, niệm niệm chẳng dứt.

Đức Phật nói: "Sau bảy ngày sẽ nhìn thấy. Ví như có người ban đêm quán sát Tinh Tú, một ngôi sao tức là một Đức Phật. Nếu có bốn Chúng tác Quán đấy, nhìn thấy tất cả ngôi sao, liền nhìn thấy tất cả Phật". Lại dùng chứng cứ của Kinh này cũng là ba sức của Đức Phật Di Đà gia thêm bên ngoài cho nên nhìn thấy Phật.

Nói **Tam Muội** (Samādhi) tức là Hành Nhân niệm Phật, Tâm miệng xưng niệm không có tưởng tạp nhạp, niệm niệm trụ Tâm, tiếng tiếng liên lục thì con mắt Tâm liền khai mở, được nhìn thấy Đức Phật ấy hiện ra rõ ràng, tức gọi là **Định**, cũng gọi là **Tam Muội**. Đúng lúc nhìn thấy Phật cũng nhìn thấy chúng Thánh với mọi sự trang nghiêm, cho nên gọi là **Kiến Phật Tịnh Thổ Tam Muội Tăng Thượng Duyên.**

Lại như **Nguyệt Đăng Tam Muội Kinh** (Samādhi-rāja) ghi rằng: "Niệm tướng tốt với Đức Hạnh của Đức Phật, hay khiến cho các Căn chẳng loạn động, Tâm không có mê hoặc cùng hợp với Pháp, được nghe, được Tri như biển lớn. Bậc Trí trụ ở Tam Muội đấy, nhiếp niệm hành, ở chỗ Kinh Hành hay nhìn thấy ngàn ức chư Như Lai, cũng gặp vô lượng hằng sa Phật". Lại dùng chứng cứ của Kinh này, cũng là **Kiến Phật Tam Muội Tăng Thượng Duyên.**

Lại như **Văn Thù Bát Nhã Kinh** ghi rằng: Văn Thù bạch Phật rằng: "Vì sao gọi là **Nhất Hạnh Tam Muội** ?"

Đức Phật nói: "Nếu người nam, người nữ ở tại chỗ **Không Nhàn** (Araṇya:Trường Sở tu hành của hàng Tỳ Khưu, cách làng ấp từ 300 đến 600 bộ), buông các Ý loạn, tuỳ theo phương sở của Phật, ngay thẳng thân, hướng chính đúng, chẳng lấy tướng mạo, chuyên xưng tên gọi của Đức Phật, niệm không có ngưng nghỉ. Tức ở trong niệm hay nhìn thấy chư Phật ba đời quá khứ hiện tại vị lai".

Lại dùng chứng cứ của Kinh này, tức là chư Phật **Đồng Thể Đại Bi Niệm Lực** gia bị khiến cho nhìn thấy. Đây cũng là **Phàm Phu Kiến Phật Tam Muội Tăng Thượng Duyên**.

_ Lại nói **Nhiếp Sinh Tăng Thượng Duyên**. Tức như Kinh **Vô Lượng Thọ** (Amitāyuḥ-sūtra), trong 48 Nguyện nói: Đức Phật nói: "Nếu Ta thành Phật, chúng sinh ở mười phương nguyện sinh vào nước của Ta, xưng tên gọi của Ta cho đến mười tiếng, nương vào sức Nguyện của Ta. Nếu chẳng được vãng sinh thì Ta chẳng nhận lấy Chính Giác" .

Đây tức là **Nguyện Vãng Sinh**. Hành Nhân lúc mạng sắp hết thời sức Nguyện nhiếp lấy, cho được vãng sinh, cho nên gọi là **Nhiếp Sinh Tăng Thượng Duyên**.

Lại **quyển Thượng** của Kinh này ghi rằng: "Nếu có chúng sinh được sinh về cõi nước của Đức Phật Vô Lượng Thọ ở phương Tây, đều nương theo Nghiệp Lực thuộc Đại Nguyện của Đức Phật Di Đà, làm **Tăng Thượng Duyên**". Tức là chứng cớ vậy, cũng là **Nhiếp Sinh Tăng Thượng Duyên**.

Lại **quyển Hạ** của Kinh này ghi rằng: Đức Phật nói :"Tất cả chúng sinh có căn tính chẳng đồng, có Thượng Trung Hạ. Tuỳ theo căn tính ấy, Đức Phật đều khuyên chuyên niệm tên của Đức Phật Vô Lượng Thọ. Lúc người ấy sắp hết mạng thời Đức Phật cùng với chúng Thánh tự đến nghênh tiếp, cuối cùng được vãng sinh". Đây cũng là **Nhiếp Sinh Tăng Thượng Duyên**.

Lại như **Quán Kinh**, ***Quán thứ mười một*** với ***chín Phẩm*** bên dưới đều là Đức Phật tự nói **tu Định tán Nhị**. Hành Nhân lúc hết mạng thời mỗi mỗi dứt tận là Đức Thế Tôn Di Đà tự cùng với chúng Thánh, đài hoa…trao vào bàn tay, nghênh tiếp vãng sinh. Đây cũng là **Nhiếp Sinh Tăng Thượng Duyên**.

Lại như trong **Di Đà Kinh** gồm 4 cuộn giấy, nói: Đức Phật nói: "Nếu có người nam, người nữ hoặc một ngày, bảy ngày một lòng chuyên niệm tên của Đức Phật Di Đà thì lúc người ấy sắp chết thời Đức Phật A Di Đà cùng với chúng Thánh tự đến nghênh tiếp, liền được sinh về Thế Giới Cực Lạc ở phương Tây". Đức Phật Thích Ca nói: "Ta thấy lợi đấy cho nên nói lời này". Tức là chứng cớ vậy. Đây cũng là **Nhiếp Sinh Tăng Thượng Duyên**.

Lại như trong **48 Nguyện** nói rằng: "Giả sử Ta được thành Phật. Chúng sinh ở mười phương phát Tâm Bồ Đề, tu các Công Đức, chí Tâm phát Nguyện muốn sinh về nước của Ta. Khi sắp chết thời Ta chẳng cùng với Đại Chúng hiện ra trước mặt người ấy thì Ta chẳng nhận lấy Chính Giác". Đây cũng là **Nhiếp Sinh Tăng Thượng Duyên**.

Lại như bên dưới, **Nguyện** rằng: "Giả sử Ta được thành Phật. Chúng sinh ở mười phương nghe danh tiệu của Ta, luôn nhớ đến nước của Ta, chí Tâm hồi hướng,

nguyện sinh về nước của Ta mà quả chẳng thành thì Ta chẳng nhận lấy Chính Giác". Đây cũng là **Nhiếp Sinh Tăng Thượng Duyên**.

Lại như bên dưới, **Nguyện** rằng: "Giả sử Ta được thành Phật. Thế Giới ở mười phương có người nữ nghe danh tự của Ta, vui vẻ, tin ưởng, ưa thích, phát Tâm Bồ Đề, chán ghét thân nữ mà sau khi chết lại mang thân nữ nữa thì Ta chẳng nhận lấy Chính Giác".

Nghĩa là: Do sức Bản Nguyện của Di Đà cho nên người nữ xưng danh hiệu của Phật, ngay lúc hết mạng, liền chuyển thân nữ được thành người nam, Di Đà cầm tay, Bồ Tát dìu thân, ngồi trên hoa báu, tùy theo Phật mà vãng sinh, vào Đại Hội của Phật, chứng ngộ **Vô Sinh** (Anutpāda). Lại tất cả người nữ, nếu chẳng nhân vào sức Nguyện của tên gọi **Di Đà** thì ngàn kiếp, vạn kiếp, hằng hà sa đẳng kiếp, cuối cùng chẳng thể chuyển được thân nữ. Nên biết như thế.

Ngày nay, hoặc có **Đạo, Tục** nói rằng: "*Người nữ chẳng được sinh về Tịnh Thổ"*. Đây là thuyết hư vọng, chẳng thể tin vậy.

Lại dùng chứng cứ của Kinh này, cũng là **Nhiếp Sinh Tăng Thượng Duyên**.

_ Lại nói **Chứng Sinh Tăng Thượng Duyên**.

Hỏi rằng: "Nay đã nói 48 Nguyện của Di Đà nhiếp tất cả chúng sinh được sinh về Tịnh Thổ. Nhưng chưa biết chúng sinh của nhóm nào được sinh ? Lại là **Nhân** (hetu) nào bảo chứng để được sinh ?"

Đáp rằng: "Tức như **Quán Kinh** nói rằng: Đức Phật bảo Vi Đề: "Nay bà biết chăng ! Đức Phật A Di Đà cách chốn này chẳng xa, bà nên gom niệm quán sát kỹ lưỡng nước ấy sẽ thành **Tịnh Nghiệp**, cũng khiến cho tất cả phàm phu đời vị lai được sinh về cõi nước Cực Lạc ở phương Tây"

Nay dùng chứng cứ của Kinh này, chỉ là sau khi Đức Phật diệt độ, phàm phu nương vào sức Nguyện của Đức Phật, quyết định được vãng sinh. Tức là **Chứng Sinh Tăng Thượng Duyên**.

_ Lại hỏi rằng: "Đức **Thích Ca** (Śākya-muṇi) thuyết giáo, bày cho chúng sinh tỏ ngộ. Vì sao một loại gieo trồng **Phật Pháp** (Buddha-dharma) lại có người tin, người chẳng tin cùng nhau giễu cợt, hủy báng ? Có nguyên nhân gì chăng ?"

Đáp rằng: "Căn Tính của Phàm Phu có hai loại. Một là người có Tính thiện, hai là người có Tính ác.

Người có Tính thiện:

1_ Người thiện, nghe xong liền buông bỏ điều ác (ác), làm điều lành (thiện)

2_ Người thiện, buông bỏ điều Tà bậy (tà) , làm điều chân chính (chính)

3_ Người thiện, buông bỏ điều hư giả (hư), làm điều thật thà (thật)

4_ Người thiện, buông bỏ điều sai (phi), làm điều đúng (thị)

5_ Người thiện, buông bỏ điều dối trá (ngụy), làm điều chân thật (chân)

Năm loại người này, nếu hay quy Phật liền hay lợi mình lợi người. Tại nhà hành Hiếu Thảo, bên ngoài cũng lợi cho người khác. Ngay điều mong ước, làm nơi tín nhiệm. Tại **Triều Đình** gọi là ***Quân Tử***, phụng sự vua hay tận lòng trung. Cho nên gọi là **Tự Tính Thiện Nhân**.

Nói **người có Tính ác**:

1_ Người ác, liền chê bai điều chân thật (chân), làm điều dối trá xấu xa (ngụy ác)

2_ Người ác, chê bai điều chân chính (chính), làm điều xấu xa (ác)

3_ Người ác, chê bai điều đúng (thị), làm điều sai (phi)

4_ Người ác, chê bai điều thật thà (thật), làm điều hư giả xấu xa (hư ác)

5_ Người ác, chê bai điều lành (thiện), làm điều ác (ác)

Lại năm loại người này, nếu muốn nguyện quy Phật thì chẳng thể lợi mình, cũng chẳng lợi cho người khác. Lại ngay tại nhà thì ***Bất Hiếu.*** Tại điều mong ước, không có sự tín nhiệm. Tại Triều Đình gọi là ***Tiểu Nhi***, phụng sự vua thường ôm giữ điều nịnh hót (siểm nịnh), nói điều ***bất trung***. Lại nhóm người này đối với người Hiền Đức khác, trên thân của người thiện chỉ hay làm cho đổ nát, biến điều đúng thành điều sai, chỉ nhìn thấy điều xấu xa của kẻ khác…Cho nên gọi là **Tự Tính Ác Nhân**.

Lại bên trên, cho đến chư Phật Hiền Thánh, Người, Trời, tất cả người lương thiện trong sáu đường thì nhóm người ác này luôn quở trách sỉ nhục. Các bậc có Trí nên biết vậy. Nay mỗi mỗi dẫn đầy đủ Đạo Lý hiển nhiên của hai loại người có Tính thiện, Tính ác

Đã trả lời câu hỏi bên trên xong

_ Lại bên dưới, **Kinh** nói rằng: Đức Phật bảo Vi Đề: "Bà với chúng sinh chuyên Tâm gom niệm vào một chỗ, tưởng ở phương Tây, cây phướng vàng bên dưới mặt đất, mọi báu trang nghiêm trên mặt đất". Bên dưới đến 13 Quán trở đi, trả lời chung cho hai việc thưa thỉnh của bà Vi Đề, dùng để minh chứng, muốn khiến cho phàm phu thiện ác hồi Tâm khởi Hạnh, cuối cùng được vãng sinh. Đây cũng là **Chứng Sinh Tăng Thượng Duyên**.

Lại như bên dưới, **Kinh** nói rằng: "Cõi nước mọi báu có 50 ức lầu gác báu. Trong lầu gác ấy có vô lượng người Trời tấu kỹ nhạc của cõi Trời. Trong mọi âm thanh này đều nói **niệm Phật Pháp Tăng**. Tưởng này thành xong, khi mạng sắp hết thời quyết định sinh về nước ấy". Lại dùng chứng cứ của Kinh này, cũng là **Chứng Sinh Tăng Thượng Duyên**.

Lại như bên dưới, **Kinh** nói rằng: Đức Phật bảo **A Nan** (Ānanda): "Như bông hoa màu nhiệm (diệu hoa) này vốn là sức nguyện của Tỳ Khưu **Pháp Tạng** (Dharmākara) tạo thành. Nếu người muốn niệm Đức Phật ấy, trước tiên nên tác tưởng **tòa hoa** này, mỗi mỗi quán sát đều khiến cho rõ ràng. Tưởng này thành xong, ắt quyết định sẽ sinh về Thế Giới **Cực Lạc** (Sukha-vatī)". Lại dùng chứng cứ của Kinh này, cũng là **Chứng Sinh Tăng Thượng Duyên**.

Lại như **Vô Lượng Thọ Kinh** nói rằng: Đức Phật bảo A Nan: "Nếu có chúng sinh sinh về nước ấy, thảy đều trụ ở nhóm Chính Định, mười phương chư Phật đều cùng nhau khen ngợi Đức Phật ấy. Nếu có chúng sinh nghe danh hiệu của Đức Phật ấy mà Tâm tin tưởng, vui vẻ cho đến một niệm nguyện sinh về nước ấy, liền được vãng sinh, trụ **Bất Thoái Chuyển** (Avaivartika)". Lại dùng chứng cứ của Kinh này, cũng là **Chứng Sinh Tăng Thượng Duyên**.

Lại như **chín Phẩm** của **Quán Kinh** nói rằng: "Trong mỗi một Phẩm đã báo cho chúng sinh đều là: *Hoặc Đức Phật trụ ở đời, hoặc sau khi Đức Phật diệt độ. Phàm phu năm trược gặp bậc Thiện Tri Thức khuyên khiến sinh niềm tin, trì Giới, niệm Phật, tụng Kinh, lễ tán, quyết định vãng sinh. Do sức Nguyện của Phật, cuối cùng được vãng sinh*". Đây cũng là **Chứng Sinh Tăng Thượng Duyên**.

Lại như **Di Đà Kinh** nói rằng: "Sáu phương đều có hằng hà sa đẳng chư Phật, đều duỗi cái lưỡi che trùm khắp ba ngàn Thế Giới, nói lời thành thật :"*Hoặc Đức Phật trụ ở đời, hoặc sau khi Đức Phật diệt độ. Tất cả phàm phu gây tạo tội chỉ hồi Tâm niệm **A Di Đà Phật**, nguyện sinh về Tịnh Thổ. Bên trên hết một trăm năm, bên dưới đến 7 ngày, một ngày niệm 10 tiếng, ba tiếng, một tiếng... khi mạng sắp hết thời Đức Phật cùng với chúng Thánh tự đi đến nghênh tiếp, liền được vãng sinh"*

Như bên trên, chư Phật ở sáu phương duỗi cái lưỡi, quyết định vì phàm phu làm chứng là *tội diệt được sinh*. Nếu chẳng y theo điều này được sinh thì chư Phật ở sáu phương một khi duỗi cái lưỡi ra thì cuối cùng chẳng thể quay lại nhập vào cái miệng được, tự nhiên bị hoại nát. Đây cũng là **Chứng Sinh Tăng Thượng Duyên**.

Lại kính bạch với tất cả người vãng sinh. Nếu nghe lời này, liền nên buồn than, rơi lệ. Nhiều kiếp, nhiều đời tan thân, nát xương báo đáp Ân của Phật. Về sau noi theo, xứng với Bản Tâm, khởi dũng cảm, lại càng có Tâm kiêng sợ điều nhỏ nhiệm.

Lại bạch với các Hành Nhân. Tất cả phàm phu có tội ác còn được diệt tội, chứng nhiếp, được sinh. Huống chi là Thánh Nhân, nguyện sinh mà chẳng được đi ư.

Phần bên trên, trả lời chung cho việc hỏi lúc trước "*Nhiếp chúng sinh của nhóm nào được sinh về Tịnh Thổ"*.

Xong nghĩa của năm loại **Tăng Thượng Duyên**

_ Hỏi rằng: "Đức Thích Ca hiện ra, vì hóa độ phàm phu năm trược, liền dùng Từ Bi mở bày (**khai thị**) quả báo của người có mười ác phải chịu khổ trong ba đường (địa ngục, quỷ đói, súc sinh). Lại dùng ***Trí Tuệ bình đẳng*** tỏ ngộ, nhập vào (**Ngộ Nhập**) Người, Trời quay về sinh vào nước của Đức Phật Di Đà. Văn nghĩa của các Kinh **Đốn Giáo** rõ ràng như thế. Nay còn có người không chịu nhìn lại, ghen ghét chẳng tin, cùng nhau chế diễu. Chẳng biết người này, lúc còn sống với sau khi chết bị tội báo gì ? Dẫn đầy đủ Kinh Phật cùng với điều ấy để minh chứng, khiến cho cải hối, tin tưởng Đại Thừa, quay lại sinh về Tịnh Thổ. Tức làm lợi ích vậy"

Đáp rằng: "Y theo Kinh của Phật trả lời. Lại người ác này như bên trên, trong phần **năm Tính ác** đã nói xong. Nay dẫn thẳng Kinh Phật dùng để minh chứng.

Tức như **Thập Vãng Sinh Kinh** nói rằng: Đức Phật bảo Sơn Hải Tuệ Bồ Tát: "Nay ông vì hóa độ tất cả chúng sinh, cần phải thọ trì Kinh này"

Đức Phật lại bảo Sơn Hải Tuệ: "Kinh này có tên là **Quán A Di Đà Phật Sắc Thân Chính Niệm Giải Thoát Tam Muội Kinh**, cũng có tên là **Độ Chư Hữu Lưu Sinh Tử Bát Nạn Hữu Duyên Chúng Sinh Kinh**...Như vậy mà thọ trì. Chúng sinh chưa có **Niệm Phật Tam Muội Duyên** thì Kinh này hay cho tạo mở **Môn Đại Tam Muội** (Mahā-samādhi-mukha). Kinh này hay cho chúng sinh đóng bít cửa Địa Ngục. Kinh này hay cho chúng sinh trừ khử người gây hại, Quỷ ác...diệt hết bốn hướng thảy đều an ổn"

Đức Phật bảo Sơn Hải Tuệ: "Như Ta đã nói nghĩa ấy như vậy"

Sơn Hải Tuệ Bồ Tát bạch Phật rằng: "Chúng sinh đời vị lai, phần lớn có sự phỉ báng. Người như vậy thời sau này như thế nào?"

Đức Phật bảo Sơn Hải Tuệ Bồ Tát: "Sau này, ở cõi **Diêm Phù Đề** (Jambu-dvīpa) hoặc có Tỳ Khưu, Tỳ Khưu Ni, hoặc nam hoặc nữ thấy có người đọc tụng Kinh này...hoặc đem Tâm giận dữ, ôm ấp phỉ báng. Do duyên chê bai Chính Pháp cho nên người này trong đời hiện tại bị các bệnh ác nặng nề, thân căn chẳng đủ. Hoặc bị bệnh điếc, bệnh mù, bệnh mất bộ sinh dục, Quỷ, Mỵ, Tà, gió mạnh bạo, lạnh, nóng, bệnh trĩ, bệnh toàn thân sưng phù, mất Tâm....Các bệnh ác nặng nề của nhóm như vậy, đời đời ở tại thân, chịu khổ đau như vậy, ngồi nằm chẳng yên, đi tiểu đi cầu cũng chẳng thông,

cầu sống chẳng được, cầu chết chẳng xong. Do phỉ báng Kinh này cho nên chịu khổ như vậy.

Hoặc lúc chết bị đoạ vào Địa Ngục, ở trong tám vạn kiếp nhận chịu đại khổ não, trăm ngàn vạn đời chưa từng nghe tên gọi của nước với thức ăn. Do chê Kinh này cho nên chịu tội như vậy.

Hoặc khi được thoát ra, sinh trong cõi người, làm:trâu, ngựa, heo, dê…bị người giết hại, chịu đại khổ não.

Vì chê bai Kinh này, cho nên lúc sau được thân người, thường sinh vào nhà hèn kém, trăm ngàn vạn đời chẳng được tự tại, trăm ngàn vạn đời chẳng nhìn thấy danh tự của Tam Bảo. Vì chê bai Kinh này cho nên chịu khổ như vậy. Chính vì thế cho nên trong đám người không có Trí thì đừng nói **Chính Quán Chính Niệm** của Kinh này. Người như vậy chẳng tin Kinh này sẽ bị đoạ vào Địa Ngục. Kẻ kia, người này kính trọng sẽ được Chính Giải Thoát, sinh về nước của Đức Phật A Di Đà".

Lại lại dùng chứng cứ của Kinh này, cho nên biết ***kẻ hủy kính*** thời Đức Phật ghi nhận sự ***Tổn Ích*** chẳng hư dối. Nên biết đã trả lời đủ câu hỏi lúc trước xong.

_ Lại hỏi: "Nếu sau khi Đức Phật diệt độ, tất cả phàm phu thiện ác, phát Tâm Bồ Đề, nguyện sinh về nước của Đức Phật Di Đà, ngày đêm gom Tâm, ắt một đời này, xưng quán lễ tán, hương hoa cúng dường Đức Phật A Di Đà với Quán Âm, chúng Thánh, Tịnh Thổ trang nghiêm, niệm niệm quán tưởng, Tam Muội…hoặc được thành, hoặc chưa được thành thời đời hiện tại được Công Đức gì ? Dẫn đầy đủ Kinh Phật dùng để minh chứng, muốn khiến cho Hành Nhân tu học vui vẻ, yêu thích, tin nhận, phụng hành"

Đáp rằng: "Thật thích thay ! Đã hỏi nghĩa này. Tức là đóng bít hẳn **Nhân Hạnh** của sáu đường sinh tử, vĩnh viễn mở Yếu Môn của **Thường Lạc Tịnh Thổ**, chẳng phải trực tiếp với Di Đà xưng Nguyện, cũng là chư Phật khắp đều đồng đón mừng. Nay y theo Kinh, trả lời đầy đủ.

Tức như **Bát Chu Tam Muội Kinh** nói: Đức Phật bảo Bạt Đà Hòa Bồ Tát: "Ở trong **Niệm Phật Tam Muội** này, có bốn việc cúng dường *thức ăn uống, quần áo, vật dụng nằm nghỉ, thuốc thang* trợ giúp cho người ấy vui vẻ. Chư Phật quá khứ trì giữ **Niệm Phật Tam Muội** này, bốn việc trợ giúp cho vui vẻ, đều được thành Phật. Mười phương chư Phật hiện tại cũng trì giữ **Niệm Phật Tam Muội** này, bốn việc trợ giúp cho vui vẻ, đều được làm Phật.

Đức Phật bảo Bạt Đà Hòa: "**Niệm A Đà Phật Tam Muội** này, bốn việc trợ giúp cho vui vẻ. Ta ở trong Tam Muội này, nói chút ít thí dụ so sánh với Công Đức của **Niệm Phật**. Ví như người sống đến trăm tuổi, cũng **sinh** tức hay đi dần đến **cái già**, vượt qua gió bệnh tật…có người nào có thể tính đếm được Lý của lối đi ấy chăng?"

Bạt Đà Hòa bạch rằng: "Không ai có thể tính đếm được"

Đức Phật nói: "Cho nên Ta nói ông với các hàng Bồ Tát. Nếu kẻ trai lành, người nữ thiện chọn lấy châu báu chứa đầy bên trong chỗ hành của người đấy đem dùng bố thí thì Công Đức có được chẳng như có người nghe Niệm A Đ Đà Phật Tam Muội này với bốn việc cúng dường trợ giúp cho vui vẻ. Công Đức ấy vượt hơn kẻ bố thí ngàn vạn ức lần, cũng chẳng thể so sánh được.

Đức Phật nói: "Cách nay rất lâu xa chẳng thể tính đếm A Tăng Kỳ Kiếp, có Đức Phật hiệu là **Tư Ha Đề**, cõi nước tên là **Bạt Đà Hòa**. Có vị Chuyển Luân Vương tên là **Tư Linh** đi đến nơi Đức Phật ngự. Đức Phật biết ý của nhà vua, liền vì nhà vua nói **Niệm Phật Tam Muội** này với bốn việc cúng dường trợ giúp cho vui vẻ. Nhà vua nghe xong rất vui vẻ, liền đem mọi loại châu báu rải bên trên Đức Phật.

Nhà vua tự Nguyện rằng: *“Trì giữ Công Đức này khiến cho Người, Trời ở mười phương đều được an ổn”*

Đức Phật nói: “Sau khi vị vua ấy chết thì quay trở lại tự sinh vào nhà ấy làm vị Thái Tử tên là **Phạm Ma Đạt**. Thời có vị Tỳ Khưu tên là **Trân Bảo** thường vì bốn Bộ Đệ Tử nói **Niệm Phật Tam Muội** này. Khi nhà vua nghe được bốn việc trợ giúp cho vui vẻ, liền đem vật báu rải bên trên vị Tỳ Khưu, lại đem quần áo cúng dường. Nhà vua cùng với người Trời ở chỗ của vị Tỳ Khưu xin xuất gia, cầu học **Niệm Phật Tam Muội** này, trải qua tám ngàn năm, ngày đêm không có lười biếng, chỉ được một lần nghe **Niệm Phật Tam Muội** này, liền nhập vào Trí cao minh. Về sau liền nhìn thấy sáu vạn tám ngàn chư Phật, ở mỗi một chỗ của Phật đều nghe **Niệm Phật Tam Muội** này, được thành Phật Quả”.

Đức Phật nói: “Nếu có người ở cách xa trăm dặm, ngàn dặm, bốn ngàn dặm muốn nghe **Niệm Phật Tam Muội** này ắt đi đến cầu xin, huống chi là người gần gũi mà chẳng chịu cầu học”

Lại bạch với các người vãng sinh. Phần bên trên đã dẫn lời dạy bảo của Đức Phật dùng để minh chứng, mỗi mỗi đầy đủ như trong **Tứ Sự Cúng Dường Phẩm** nói.

_ Hỏi rằng: “Dựa y theo lời dạy bảo của Đức Phật, siêng năng khổ hạnh, ngày đêm sáu Thời lễ niệm, hành Đạo, quán tưởng, chuyển tụng, Trai Giới, một lòng chán ghét sinh tử, sợ khổ trong ba đường…ắt hết một đời thề sinh vào Tịnh Thổ, cõi nước của Đức Phật Di Đà. Lại sợ tai họa dư thừa, làm sao trừ diệt được?!... Dẫn đầy đủ Kinh Phật mà bày cho phương pháp ấy”

Đáp rằng: “Y theo Kinh Phật trả lời. Tức như **Quán Phật Tam Muội Hải Kinh** nói: Đức Phật vì vua cha với Đại Chúng nói: “Quá khứ có Đức Phật tên là **Không Vương** (Śūnya-rāja). Khi **Tượng Pháp** (Saddharma-pratirūpaka) trụ ở đời thời có bốn vị Tỳ Khưu phá Giới phạm tội nặng. Thời Đức Phật **Không Vương** ban đêm ở trong hư không phát ra tiếng nói, bảo bốn vị Tỳ Khưu rằng: “*Tội các ngươi đã phạm, gọi là* ***chẳng thể cứu****. Muốn diệt tội thì có thể vào trong Tháp của Ta, quán hình tượng của Ta, chí Tâm sám hối thì có thể diệt được tội này”*

Thời bốn vị Tỳ Khưu đều buông bỏ vạn sự, một lòng tuân phụng lời dạy bảo, vào cái Tháp, ở trước tượng Phật, tự đánh mình sám hối, như ngọn núi lớn sạt lở, uyển chuyển ở mặt đất, kêu khóc hướng về Đức Phật, ngày đêm nối tiếp nhau, đến khi chết làm hạn kỳ. Buông bỏ mạng xong, sau đó được sinh về nước của Đức Phật Không Vương”.

Nay dùng chứng cứ của Kinh này, nhóm Hành Giả khi muốn sám hối, cũng y theo **Giáo Pháp Môn** này.

_ Đức Phật nói: “Nếu sau khi Ta diệt độ, các Đệ Tử của Phật buông lìa các điều ác, ưa thích chút ít ***Pháp của lời nói*** (ngữ pháp) này, ngày đêm sáu Thời, hay ở một Thời chia làm chút ít Thời. Trong phần chút ít, ở trong chốc lát, niệm **Bạch Hào** (Ūrṇa: Sợi lông trắng xoay vòng theo bên phải ở Tam Tinh) của Đức Phật. Nếu chẳng nhìn thấy thì người của nhóm như vậy trừ khử được tội trong 69 ức na do tha hằng hà sa vi trần Kiếp sinh tử.

Nếu lại có người nghe **Bạch Hào** này mà Tâm chẳng nghi sợ, vui vẻ tin nhận thời người này cũng trừ được tội trong 80 ức Kiếp sinh tử.

Nếu các Tỳ Khưu, Tỳ Khưu Ni. Hoặc người nam người nữ…phạm tội của nhóm **bốn căn bản, mười ác…năm tội nghịch** với chê bai Đại Thừa. Các người như vậy nếu hay sám hối, ngày đêm sáu Thời, thân tâm chẳng ngưng nghỉ, cúi năm vóc sát

đất như ngọn núi lớn sạt lở, kêu khóc rơi lệ, chắp tay hướng về Đức Phật, niệm ánh sáng từ tướng Bạch Hào ở tam tinh của Đức Phật, một ngày đến bảy ngày thời bốn loại tội lúc trước có thể được nhẹ nhàng nhỏ nhiệm.

Người quán **Bạch Hào** mà mờ tối chẳng nhìn thấy thời nên vào trong cái Tháp, quán Bạch Hào ở tam tinh, một ngày đến ba ngày, chắp tay khóc lóc. Lại tạm nghe cũng trừ được tội trong ba Kiếp.

Đức Phật bảo vua cha với răn dạy A Nan: "Nay Ta vì ông ắt hiện ánh sáng của thân tướng. Nếu có kẻ chẳng có Tâm lành, hoặc hủy hoại Cấm Giới của Phật…nhìn thấy Phật đều chẳng giống nhau"

Thời năm trăm vị Thích Tử nhìn thấy sắc thân của Đức Phật giống như người có màu xám tro. Một ngàn vị Tỳ Khưu nhìn thấy Đức Phật giống như đất màu đỏ. 16 vị Cư Sĩ, 24 người nữ nhìn thấy Đức Phật thuần màu đen. Các vị Tỳ Khưu Ni nhìn thấy Đức Phật như màu bạc trắng.

Thời các bốn Chúng bạch Phật: *"Nay con chẳng nhìn thấy hình sắc màu nhiệm của Đức Phật"* rồi tự bứt tóc trên đầu, cúi thân sát đất, kêu khóc tuôn lệ, tự đánh đập uyển chuyển.

Đức Phật nói: "Này Thiện Nam Tử ! Đức Như Lai hiện ra, chính vì trừ diệt tội lỗi của các ngươi. Nay ngươi có thể xưng bảy Đức Phật quá khứ, vì Phật làm lễ, nói tội Tà Kiến trong đời trước của ngươi. Ngươi nên hướng về chúng Đại Đức Tăng, tỏ bày hối lỗi, tùy thuận theo lời của Đức Phật, ở trong Pháp Chúng của Phật, cúi năm vóc sát đất như ngọn núi lớn sạt lở, nhìn thấy sắc thân của Đức Phật, Tâm rất vui vẻ"

Đức Phật bảo các Tỳ Khưu: "Các ngươi trong vô lượng kiếp của đời trước: Tà KIến, nghi ngờ Thầy không có Giới hư giả nhận lấy của Tín Thí. Do nhân duyên này cho nên bị rơi vào nẻo Quỷ đói, Địa Ngục chịu đau khổ suốt tám vạn năm. Nay tuy được ra khỏi, ở vô lượng đời chẳng nhìn thấy chư Phật, chỉ nghe tên của Phật. Nay nhìn thấy thân Phật như màu đất đỏ, dài đúng năm thước. (xích: thước Tàu)"

Đức Phật nói lời ấy xong thì một ngàn vị Tỳ Khưu hướng về Đức Phật sám hối, cúi năm vóc sát đấy như ngọn núi lớn sạt lở, buồn khóc rơi lệ. Giống như gió thổi mây nặng bay tứ tán, hiển phát khuôn mặt vàng ròng. Đã nhìn thấy Đức Phật xong, Tỳ Khưu vui vẻ phát Tâm Bồ Đề.

Đức Phật bảo với vua cha: "Một ngàn vị Tỳ Khưu này, ân cần cầu Pháp, Tâm không có lười nghỉ. Đức Phật ban cho Thọ Ký, đồng tên hiệu là **Nam Mô Quang Chiếu Như Lai**"

Pháp Sám Hối lúc trước được trích ra từ quyển 02, 03 của **Quán Phật Tam Muội Hải Kinh**. Phẩm **Mật Hạnh** quyển 12, 10 của **Phật Thuyết Quán Phật Tam Muội Hải Kinh.**

_ Đức Phật bảo A Nan: "Chúng sinh đời vị lai, có người được **Niệm Phật Tam Muội** này, người quán các tướng tốt của Phật, người được **Chư Phật Hiện Tiền Tam Muội**…nên dạy bảo người này, giữ kín thân miệng ý, đừng khởi Tà Mệnh, đừng sinh cống cáo. Nếu khởi Pháp Tà Mệnh với Cống Cao, nên biết người này là **Tăng Thượng Mạn**, phát diệt Phật Pháp, phần lớn khiến cho chúng sinh khởi Tâm chẳng lành, loạn hòa hợp tăng, hiển điều kỳ dị mê hoặc Chúng, là bạn của Ác Ma. Nhười ác như vậy, tuy lại niệm Phật nhưng bị mất vị Cam Lộ. Nơi người này sinh ra, do cống cao cho nên thân luôn nhỏ thấp, sinh vào nhà hèn kém, nghèo túng suy bại, dùng vô lượng nghiệp ác để nghiêm sức. Như mọi loại Chúng này, nhiều việc ác…nên tự phòng hộ, vĩnh viễn khiến cho chẳng sinh. Nếu khởi nghiệp Tà Mệnh đấy thì nghiệp Tà Mệnh này giống như con voi điên phá hoại ao hoa sen. Nghiệp Tà Mệnh này cũng lại như vậy, làm bại hoại căn lành".

Đức Phật bảo A Nan: "Nếu có người niệm Phật, nên tự phòng hộ, đừng khiến phóng dật. Người **Niệm Phật Tam Muội** nếu chẳng phòng hộ ***cống cao, Tà Mệnh*** thì gió ác thổi lửa kiêu mạn thiêu đốt diệt hết Pháp lành. **Pháp lành** (Thiện Pháp: Kuśala-dharma) là tất cả vô lượng Thiền Định, các Pháp niệm Phật…từ Tâm tưởng sinh. Đây gọi là **Công Đức Tạng**"

Đức Phật bảo A Nan : "Kinh này có tên là **Hệ Tưởng Bất Động** (*cột buộc Tưởng chẳng cho lay động*), như vậy thọ trì. Cũng có tên là **Quán Phật Bạch Hào Tướng** (*quán tướng Bạch Hào của Đức Phật*), như vậy thọ trì. Cũng có tên là **Nghịch Thuận Quán Như Lai Thân Phần** (*Quán thuận, quán nghịch thân phần của Như Lai)*. Cũng có tên là **Nhất Nhất Mao Khổng Phân Biệt Như Lai Thân Phần** (*Mỗi một lỗ chân lông phân biệt thân phần của Như Lai*). Cũng có tên là **Quán Tam Thập Nhị Tướng Bát Thập Tùy Hình Hảo Chư Trí Tuệ Quang Minh** (*Quán các ánh sáng Trí Tuệ của 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp tùy hình của Đức Phật*). Cũng có tên là **Quán Phật Tam Muội Hải** (*Quán biển Tam Muội của Phật*). Cũng có tên là **Niệm Phật Tam Muội Môn** (*Môn niệm Phật Tam Muội*). Cũng có tên là **Chư Phật Diệu Hoa Trang Nghiêm Sắc Thân Kinh** (Kinh Sắc Thân được trang nghiêm bằng hoa màu nhiệm của chư Phật). Ông nên ưa thích thọ trì, cẩn thận đừng để cho quên mất"

Lại như ***Phẩm Tế Long*** của **Đại Tập Kinh** nói: "Thời **Sa Già La Long Vương** (Sāgara-nāga-rāja) thỉnh Đức Phật vào cung, bày cúng dường. Đức Phật nhận lời thỉnh của vua Rồng. Khi Đức Phật cùng với chúng Thánh ăn xong thời Đại Long Vương lại thỉnh cầu nói Pháp.

Thời vị Thái Tử của vua Rồng tên là **Hoa Diện** tự đứng dậy trước mặt Đức Phật dùng bốn chi bố thí, phát tiếng buồn bã sám hối: "*Quá khứ đã gây nên nghiệp tội gì mà phải nhận thân Rồng này ?!...*"

Lại dùng chứng cứ của Kinh này, cũng là phương pháp **Sám Hối Chí Thành**. Nên biết bên trong tất cả Kinh đều có văn này nên chẳng thể ghi chép rộng rãi. Nay lược sao chép ba bộ Kinh đem bày với người Hậu Học trừ kẻ chẳng chí Tâm. Tác Giả đều biết Đức Phật chẳng có lời nói hư giả.

Lại như **Mộc Hoạn Kinh** nói: Thời có Nan Đà Quốc Vương tên là **Ba Lưu Ly** sai vị Sứ Giả đi đến nơi Đức Phật ngự, đỉnh lễ bàn chân của Đức Phật, rồi bạch Phật rằng: "Thế Tôn ! Nước của con là một nước nhỏ ở biên thùy, nhiều năm bị giặc cướp năm loại lúa đậu nên giá cả cao vọt lên, bệnh dịch lưu hành, người dân khốn khổ. Con luôn chẳng được nằm yên. Pháp Tạng của Đức Như Lai, phần lớn rất sâu rộng, con bận lo lắng công việc nên chẳng tu hành được. Nguyện xin Đức Thế Tôn đặc biệt rũ lòng Từ Mẫn, ban cho con Pháp thiết yếu, khiến cho con ngày đêm dễ tu hành, trong đời vị lai lìa hẳn mọi nỗi khổ"

Đức Phật bảo vị Sứ Giả rằng: "Hãy nói với Đại Vương của Khanh. Nếu muốn diệt **Phiền Não Chướng** (Kleśāvaraṇa), **Báo Chướng** (Vipākāvaraṇa) thì nên xỏ xâu 108 hạt **Mộc Hoạn** (Ariṣṭa) xong, thường tự mang theo. Hoặc di, hoặc ngồi, hoặc nằm luôn luôn nên chí Tâm, không có chia tán Ý, miệng xưng tên của **Phật Đà** (Buddha: Phật), **Đạt Ma** (Dharma: Pháp), **Tăng Già** (Saṃgha: Tăng) thì lần qua một hạt Mộc Hoạn. Như vậy hoặc 10, 20… hoặc 100, hoặc 1000 rồi đến trăm ngàn vạn. Nếu hay đủ 20 vạn biến, Thân Tâm chẳng loạn, không có các điều quanh co lừa dối thì khi buông xả mạng sẽ được sinh lên cõi Trời **Diêm Ma** (Yama) thứ ba, tự nhiên có quần áo, thức ăn thường thọ nhận an vui, được đoạn trừ 108 Kết Nghiệp, quay lưng với dòng sinh tử, hướng đến **Đạo Niết Bàn** (Nirvāṇa-mārgha), được quả Vô Thượng.

Vị Sứ Giả quay trở về tấu trình lên nhà vua. Vị vua rất vui vẻ, cúi đầu mặt lễ Đức Phật, từ xa bạch rằng: "*Thế Tôn ! Đỉnh Thọ Tôn Giáo, con sẽ phụng hành"*. Liền ban sắc lệnh cho người dân mua bán hạt Mộc Hoạn dùng làm ngàn vật dụng, sáu Thân quốc thích đều cho một vật dụng. Nhà vua thường tụng niệm, tuy gần gũi với quân lữ cũng chẳng bỏ phế. Lại tác niệm này: *"Đức Thế Tôn Đại Từ ứng khắp tất cả. Nếu con khéo được điều này, được miễn khỏi biển khổ luân chuyển lâu dài. Xin Đức Như Lai hiện ra, vì con nói Pháp"*

Nhà vua dùng Nguyện vui ép Tâm, nhịn ăn ba ngày thời Đức Phật liền hiện thân cùng với chúng Thánh đi đến, vào bên trong cung, vì nhà vua nói Pháp".

Lại dùng chứng cứ này, trực tiếp bày cho nhà vua **sự chân thật của Tâm**, niệm niệm trừ Chướng, Phật biết diệt tội, ứng niệm mà hiện. Nên biết như vậy.

QUÁN NIỆM A DI ĐÀ PHẬT TƯỚNG HẢI TAM MUỘI
CÔNG ĐỨC PHÁP MÔN
MỘT QUYỂN (Hết)

12/09/2011



Đại Tạng Kinh_ Tập 14_ No.1978

BÀI KỆ CA NGỢI ĐỨC PHẬT A DI ĐÀ

Hán văn: **Đàm Loan** Pháp Sư sáng tác
Việt dịch: HUYỀNTHANH

Nam mô A Di Đà Phật (Giải thích tên là **Vô Lượng Thọ** bên cạnh Kinh phụng tán, cũng nói là **an dưỡng)**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Phương Tây hiện tại cách cõi này
Mười vạn ức cõi **An Lạc Độ**
Phật Thế Tôn hiệu **A Di Đà** (Amita)
Con nguyện vãng sinh, quy mệnh lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc** (Sukhavatì)

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Thành Phật đã trải qua mười Kiếp
Thọ mệnh chính yếu không có lượng
Hào quang **Pháp Thân** tràn **Pháp Giới**
Chiếu đời tối tăm, nên đỉnh lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Ánh sáng Trí Tuệ chẳng thể lường
Nên Phật có hiệu **Vô Lượng Quang** (Amitābha)
Biết lường các tướng được ánh sáng
Thế nên cúi lạy **Chân Thật Minh** (Đức Hiệu của Phật)
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Hào quang **Giải Thoát** không hạn đủ
Nên Phật có hiệu **Vô Biên Quang** (Amita-prabhāsa)
Người chạm ánh sáng, lìa **Có** (hữu) **Không** (Vô)
Thế nên cúi lạy **Bình Đẳng Giác** (Đức Hiệu của Phật)
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Mây sáng (quang vân) không ngại như hư không
Nên Phật có hiệu **Vô Ngại Quang** (Apratihata-raśmirāga-prabha)
Tất cả có ngại (hữu ngại) được sáng bóng
Thế nên đỉnh lễ **Nan Tư Nghị** (Đức Hiệu của Phật)
Nguyện cùng các chúng sinh

Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Ánh sáng trong sạch không có đối
Nên Phật có hiệu **Vô Đối Quang** (Asamāpta-prabha)
Gặp ánh sáng này, trừ Nghiệp buộc
Thế nên cúi lạy **Tất Cánh Y** (Đức Hiệu của Phật)
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Phật Quang chiếu sáng đứng bậc nhất
Nên Phật có hiệu **Quang Diễm Vương** (Prabhā-śkhotsṛṣṭa-prabha)
Ba đường đen tối, được mở sáng
Thế nên đỉnh lễ **Đại Ứng Cúng** (Đức Hiệu của Phật)
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Hào quang **Đạo** sáng, màu siêu tuyệt
Nên Phật có hiệu **Thanh Tịnh Quang** (Śuddha-prabha)
Được ánh sáng chiếu, trừ tội cấu
Đều được giải thoát, nên đỉnh lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Từ Quang xa phủ, ban an lạc
Nên Phật có hiệu **Hoan Hỷ Quang** (Pramuditā-prabha)
Nơi ánh sáng đến được Pháp vui
Cúi đầu đỉnh lễ **Đại An Uỷ** (Đức Hiệu của Phật)
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Phật Quang hay phá ám Vô Minh
Nên Phật có hiệu **Trí Tuệ Quang** (Prajña-prabha)
Tất cả chư Phật, chúng ba Thừa
Đều cùng khen ngợi, nên cúi lạy
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Ánh sáng chiếu khắp tất cả thời
Nên Phật có hiệu **Bất Đoạn Quang** (Nibandhanīya-prabha)
Hiểu sức ánh sáng, Tâm chẳng đứt
Đều được vãng sinh, nên đỉnh lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Ánh sáng, trừ Phật, không thể lường
Nên Phật có hiệu **Nan Tư Quang**
Chư Phật mười phương khen Vãng Sinh
Xưng Công Đức ấy, nên cúi lạy
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Thần Quang lìa tướng, chẳng thể gọi
Nên Phật có hiệu **Vô Xưng Quang**
Nhân **Quang** (ánh sáng) thành **Phật Quang** sáng chói
Chư Phật đã khen, nên đỉnh lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Quang Minh chiếu sáng hơn nhật (mặt trời) nguyệt (mặt trăng)
Nên Phật có hiệu **Siêu Nhật Nguyệt Quang**
Phật **Thích Ca** khen, còn chẳng hết
Cho nên cúi lạy **Vô Đẳng Đẳng** (Đức Hiệu của Phật)
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Thương sót che giúp con
Khiến mầm Pháp tăng trưởng
Đời này với đời sau
Nguyện Phật thường nhiếp thọ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí tâm quy mệnh lễ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới **Quán Thế Âm Bồ Tát** (Avalokiteśvara)
Nguyện cùng các chúng sinh.
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí tâm quy mệnh lễ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới **Đại Thế Chí Bồ Tát** (Mahā-sthāma-prāpta)
Nguyện cùng các chúng sinh.
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí tâm quy mệnh lễ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới **chư Bồ Tát Thanh Tịnh Đại Hải Chúng**
Nguyện cùng các chúng sinh.
Sinh về nước **An Lạc**

_ Khắp vì Thầy, Tăng, cha mẹ với Thiện Tri Thức, chúng sinh trong Pháp Giới…đoạn trừ ba chướng, đồng được sinh về nước của Đức Phật A Di Đà. Quy mệnh sám hối

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
A Di Đà Phật Sơ Hội Chúng
Thanh Văn, Bồ Tát... số vô lượng
Thần Thông xảo diệu, chẳng thể tính
Thế nên cúi lại Hội rộng lớn (quảng đại hội)
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
An Lạc: vô lượng **Ma Ha Tát**
Đều là **Nhất Sinh Bổ Phật Xứ**
Trừ Bản Nguyện ấy, thề rộng lớn
Muốn độ thoát khắp các chúng sinh
Nhóm Công Đức của rừng báu này
Một lòng chắp tay, cúi đầu lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
An Lạc: vô lượng **Ma Ha Tát**
Các Thanh Văn của nước **An Lạc**
Hào quang một tầm như **Lưu Tinh**
Hào quang Bồ Tát bốn ngàn dặm
Như Trăng mùa Thu, ánh vành tía
Tập **Phật Pháp Tạng** vì chúng sinh
Nên con đỉnh lễ **Đại Tâm Hải**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
An Lạc: vô lượng **Ma Ha Tát**
Lại **Quán Thế Âm, Đại Thế Chí**
Ở trong chúng Thánh, đứng bậc nhất
Từ Quang chiếu sáng cõi **Đại Thiên**
Hầu hai bên Phật, hiển Thần Nghi
Độ kẻ có duyên chẳng tạm dừng
Như **Đại Hải Triều** (thuỷ triều của biển lớn) chẳng mất thời
Đại Bi, Đại Thế Chí như vậy
Một lòng cúi đầu mặt làm lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Chúng sinh sinh về nước **An Lạc**
Thảy đều có đủ băm hai (32) Tướng
Trí Tuệ đầy đủ, vào Pháp sâu

Thông đạt **Đạo Yếu** chẳng thể tính
Tuỳ căn nhanh chậm (lợi độn) thành tựu **Nhẫn**
Hai **Nhẫn** cho đến chẳng thể tính
Túc Mệnh, **năm Thông** thường tự tại
Đến Phật chẳng vướng nẻo tạp ác
Trừ sinh phương khác, đời năm Trược
Thị hiện đồng như **Đại Mâu Ni** (Đức Phật Thích Ca)
Sinh nước **An Lạc** thành lợi lớn
Thế nên chí tâm cúi đầu lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
An Lạc: Bồ Tát nương **Phật Thần** (Thần Lực của Phật)
Khoảng một bữa ăn đến mười phương
Số Thế Giới Phật chẳng thể đếm
Cung kính cúng dường các Như Lai
Hoa, hương, Kỹ Nhạc theo niệm hiện
Lọng báu, phướng, phan tuỳ ý tuôn
Trân Kỳ tuyệt thế không tên gọi
Rải hoa cúng dường báu thù dị
Hoá thành lọng hoa, sáng chói soi
Hơi thơm xông ướp tràn vòng khắp
Lọng hoa, vật nhỏ…bốn trăm dặm
Cho đến che khắp một cõi Phật
Tuỳ trước sau, thứ tự hoá đi
Các Bồ Tát ấy đều vui thích
Ở trong hư không tấu nhạc Trời
Nhã Tán, **Đức Tụng**, khen **Phật Tuệ**
Nghe nhận Kinh Pháp, cúng dường xong
Chưa hết bữa ăn, bay trở lại
Thần Lực tự tại chẳng thể lường
Nên con đỉnh lễ **Vô Thượng Tôn**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Các Bồ Tát nước Phật **An Lạc**
Có thể tuyên nói tuỳ Trí Tuệ
Thân mình, vạn vật quên **Ngã Sở** (cái của Ta)
Sạch như hoa sen chẳng dính bụi
Đi, đến, tiến, dừng như bơi thuyền
Lợi an làm việc, buông ưa ghét
Đấy vậy, giống **rỗng** (Śūnya: Không), chặt **hai Tưởng**
Thắp đuốc Trí Tuệ chiếu đêm dài
Ba Minh, sáu Thông đều đã đủ
Vạn Hạnh Bồ Tát thông tim mắt
Công Đức như vậy nhiều vô biên
Thế nên chí tâm cúi đầu lễ

Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
An Lạc: chúng Thanh Văn, Bồ Tát
Người, Trời: Trí Tuệ đều thông suốt
Thân tướng trang nghiêm không khác nhau
Chỉ thuận phương khác, nên bày tên
Dung nhan đoan chính không thể sánh
Hình vóc tinh vi khác Người, Trời
Thân của Hư Vô, **Thể** Vô Cực
Thế nên đỉnh lễ **Bình Đẳng Lực**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Ý Nguyện được sinh nước **An Lạc**
Thảy đều trụ ở nhóm **Chính Định**
Nước ấy **không** (không có) Tà Định, Bất Định
Chư Phật đều khen, nên đỉnh lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Nghe được Phật Hiệu **A Di Đà**
Tâm tin, vui vẻ thích chỗ nghe
Cho đến một niệm chuyên chí tâm
Hồi hướng nguyện sinh, đều được đến
Chỉ trừ **năm Nghịch**, chê Chính Pháp
Nên con đỉnh lễ, nguyện vãng sinh
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
An Lạc: nhóm Bồ Tát, Thanh Văn
Ở Thế Giới ngày, không phương kia
Thích Ca Vô Ngại Đại Biện Tài
Sắp xếp, giả mượn bày chút phần
Đem người bần tiện so vua chúa
Vua chúa lại so **Kim Luân Vương**
Như vậy chuyển rộng đến sáu Trời
Thứ tự tướng hình như khởi đầu
Dùng sắc tượng Trời ví cõi ấy (cõi **An Lạc**)
Gấp ngàn vạn ức chẳng sánh bằng
Đều là Nguyện Lực **Pháp Tạng** (Dharma-kara) làm
Cúi đầu đỉnh lễ **Đại Tâm Lực**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Trời, Người, tất cả có chỗ tu
Thảy đều xưng muốn, nên nghĩ đến
Một báu, hai báu, vô lượng báu
Tuỳ Tâm hoá làm vật thọ dụng
Nhà cửa, ăn uống đều như thế
Nên con cúi lạy **Vô Xưng Phật**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Các kẻ vãng sinh đều đầy đủ
Sắc thân trong sạch không thể sánh
Thần Thông, Công Đức với cung điện
Trang phục trang nghiêm như sáu Trời
Ứng Khí (vật đựng thức ăn), bát báu tự nhiên đến
Món ăn trăm vị thoắt chốc đầy
Thấy sắc, ngửi hương, Ý muốn ăn
Đột nhiên no đủ được vui thích
Ấy là trong sạch, không chỗ dính
Việc xong, hoá đi…Cần, hiện lại
BÌnh yên khoái lạc, đến **Nê Hoàn** (Nirvāṇa: Niết Bàn)
Thế nên chí tâm cúi đầu lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Mười phương cõi Phật: chúng Bồ Tát
Với các Tỳ Khưu sinh **An Lạc**
Vô lượng vô số chẳng thể tính
Đã sinh, đang sinh, với sẽ sinh
Đều từng cúng dường vô lượng Phật
Nhiếp lấy trăm ngàn Pháp bền chắc
Đại Sĩ như vậy đều vãng sinh
Thế nên đỉnh lễ **A Di Đà**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Nếu nghe Đức Hiệu **A Di Đà**
Vui vẻ khen kính, tâm quy y
Đưới đến một niệm, được lợi lớn
Tức làm đầy đủ báu Công Đức
Giả sử lửa đầy cõi Đại Thiên
Cũng nên qua thẳng, nghe tên Phật
Nghe **A Đi Đà** chẳng thoái lui
Thế nên chí tâm cúi đầu lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Thần Lực vô cực **A Đi Đà**
Mười phương vô lượng Phật đã khen
Phương Đông: hằng sa các nước Phật
Bồ Tát vô số đều đến gần
Cũng lại cúng dường nước **An Lạc**
Bồ Tát, Thanh Văn, các Đại Chúng
Nghe nhận Kinh Pháp, tuyên Đạo hoá
Chín phương còn lại cũng như vậy
Thích Ca Như Lai nói **Kệ Tụng**
Vô lượng Công Đức nên đỉnh lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Vô lượng chúng Bồ Tát đi đến
Gieo trồng gốc Đức, đến kính cúng
Hoặc tấu âm nhạc, ca…khen Phật
Hoặc tụng **Phật Tuệ** chiếu Thế Gian
Hoặc dùng áo, hoa Trời cúng dường
Hoặc nhìn **Tịnh Thổ**, hưng khởi Nguyện
Chúng Thánh như vậy đều hiện tiền
Nương tám **Phạm Thanh** (Tiếng Phạn) trao **Phật Ký**
Tất cả Bồ Tát Tăng…nguyện hành
Nên con đỉnh lễ **Bà Già Bà** (Bhagavaṃ: Thế Tôn)
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Khi Thánh Chủ Thế Tôn nói Pháp
Đại Chúng vân tập nhà bảy báu
Lúc đó bốn mặt khởi gió mát
Kích động cây báu tuôn **Diệu Hưởng** (âm thanh vang dội màu nhiệm)
Tiếng hoà vận cản ngăn **đàn sáo** (Mịch trúc)
Hơn **đá vàng** (Kim thạch: âm điệu của loại âm nhạc) không thể sánh so
Hoa Trời rối rít theo gió thơm
Tự nhiên cúng dường thường chẳng dứt
Chư Thiên lại cầm hoa hương Trời
Trăm ngàn Kỹ Nhạc đem đến cúng
Công Đức như vậy, nhóm Tam Bảo
Nên con vận tưởng lễ **Giảng Đường**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Diệu Thổ rộng lớn vượt hạn số
Bảu **báu tự nhiên** đã hợp thành
Sức **Bản Nguyện Phật** trang nghiêm khởi
Cúi lạy **Thanh Tịnh Đại Nhiếp Thọ**

Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Thế Giới sáng chói, thật siêu tuyệt
Vui thích bình yên, không bốn Thời
Viên mãn sức lợi mình lợi người
Quy mệnh phương tiện khéo trang nghiêm
Đất báu lặng yên, thật bằng phẳng
Không có núi, sông, gò, hang…ngăn
Như Thần Lực Phật, nên liền thấy
Cúi lạy **Bất Khả Tư Nghị Tôn**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Cây **Đạo** (Đạo thụ) cao bốn trăm vạn dặm
Chu vi rộng năm mươi Do Tuần
Cành lá bày hai mươi vạn dặm
Mọi **báu tự nhiên** đã hợp thành
Báu **Nguyệt Quang Ma Ni Hải Luân**
Vua của mọi báu dùng trang nghiêm
Giáp vòng xen rũ Anh Lạc báu
Trăm ngàn vạn loại màu khác lạ
Quang Diệm (Lửa của ánh sáng) sáng hơn ngàn mặt trời
Lưới báu vô cực che bên trên
Tất cả trang nghiêm tuỳ ứng hiện
Cúi đầu đỉnh lễ **Đạo Trường Thụ** (Cây Đạo Trường)
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Gió nhẹ thổi cây, tuôn Pháp Âm
Lan khắp mười phương các cõi Phật
Nghe Âm này được **Pháp Nhẫn** sâu
Đến thành Phật Đạo chẳng gặp khổ
Thần Lực rộng lớn chẳng thể lường
Cúi đầu đỉnh lễ **Đạo Trường Thụ** (Cây Đạo Trường)
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Mùi thơm (Hương), *hình sắc* (sắc), *tiếng* (thanh) của cây
Tiếp chạm (xúc), *nếm* (vị) với *Pháp* (Pháp) của cây
Sáu Tình gặp gỡ, được **Pháp Nhẫn**
Nên con đỉnh lễ **Đạo Trường Thụ** (Cây Đạo Trường)
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Nương cây Đạo Trường đối **sáu Căn**
Cho đến thành **Phật Căn** trong suốt
Âm hưởng nhu thuận **Vô Sinh Nhẫn**
Tuỳ sức *cạn, sâu* đều được chứng
Uy Đức cây này do đâu đến?
Đều là năm loại **Lực** Như Lai
Thần Lực, Bản Nguyện với đầy đủ
Biết rõ Nguyện cứu cánh bền chắc
Phương tiện Từ Bi chẳng thể xưng
Quy mệnh cúi lạy **Chân Vô Lượng**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Từ vua chúa đời đến sáu Trời
Âm nhạc chuyển nhiệm màu tám lớp
Chuyển rộng hơn trước gấp vạn ức
Cây báu: âm, đẹp tốt gấp bội
Lại có Diệu Kỹ Nhạc tự nhiên
Tiếng **Pháp Âm** hoà vui Tâm Thần
Ai Uyển (buồn thương uyển chuyển), Nhã Lượng (chính trực thành tín) vượt mười phương
Nên con cúi lạy **Thanh Tịnh Nhạc**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Rừng cây bảy báu vòng Thế Giới
Sáng chói phát ánh tướng rực rỡ
Hoa, quả, cành, lá trợ nhau làm
Cúi lạy **Bản Nguyện Công Đức Tụ**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Gió mát mọi lúc thổi cây báu
Phát năm âm thanh **Cung, Thương** hoà
Nhã Khúc vi diệu tự nhiên thành
Nên con đỉnh lễ **Thanh Tịnh Luân**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Đất ấy rộng lớn không bờ mé
Mọi lưới võng báu che bên trên
Dây vàng, châu ngọc, báu kỳ lạ
Báu chẳng có tên, làm trang sức
Giáp vòng bốn mặt treo chuông báu

Gió điều hoà thổi, tuôn Diệu Pháp
Hương Đức hoà nhã thường lưu bày
Người nghe, trần lao tập chẳng khởi
Gió này chạm thân được khoái lạc
Như Tỳ Khưu được **Diệt Tận Định**
Gió thổi, rải hoa đầy cõi Phật
Tuỳ màu, thứ tự chẳng tạp loạn
Chất hoa nhu nhuyễn rất thơm tho
Chân đạp lên, ngập sâu bốn ngón
Tuỳ lúc nhấc chân, lại như cũ
Dùng xong, đất mở, lấp không sót
Tuỳ thời tiết, sáu lần hoa rộ
Báo (quả báo) chẳng thể bàn, nên đỉnh lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Mọi hoa sen báu đầy Thế Giới
Một hoa có trăm ngàn ức cánh
Màu ánh sáng hoa nhiều vô lượng
Đỏ, tía, hồng, lục xen năm màu
Đẹp xinh, sáng rực rỡ, *Nhật Quang* (ánh sáng của mặt trời)
Thế nên một lòng cúi đầu lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Ánh sáng phát ra trong mỗi hoa
Có ba mươi sáu trăm ngàn ức
Trong mỗi ánh sáng có thân Phật
Nhiều ít như ánh sáng đã phát
Thân Phật, tướng tốt như núi vàng
Mỗi mỗi phóng trăm ngàn ánh sáng
Khắp vì mười phương nói Diệu Pháp
Đều an chúng sinh nơi Phật Đạo
Thần Lực như vậy nhiều vô biên
Nên con quy mệnh **A Di Đà**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Lầu gác, điện, đường *phi công tạo* (chẳng phải mất công làm ra)
Bảy báu tốt đẹp hoá tạo thành
Màn che xen ngọc **Minh Nguyệt Châu**
Đều có ao tắm, hình tương xứng
Trong ao đầy *nước tám Công Đức*
Màu, vị thơm trong như **Cam Lồ** (Amṛta)
Ao bằng vàng chói, cát bạc trắng
Cát ao bảy báu trợ như đây

Cây thơm rũ bày trên bờ ao
Chiên Đàn thơm phức thường lưu hương
Hoa Trời tươi đẹp tô điểm rọi
Trên nước sáng rực như mây lành
Vô Lậu y quả, khó nghĩ bàn
Thế nên cúi lạy **Công Đức Tạng**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Bồ Tát, Thanh Văn vào ao báu
Tuỳ ý cạn sâu như mong muốn
Nếu cần rưới thân, tự nhiên rót
Nếu muốn chuyển lại, nước lui về
Điều hoà lạnh nóng luôn tương xứng
Thần mở, Thể vui, rửa Tâm dơ
Trong sáng, lặng trong như không hình
Thấu suốt cát báu như chẳng sâu
Yên tĩnh hồi chuyển cùng rưới rót
Tốt đẹp vui vẻ hoà **Nhân Thần** (Thần khí của con người)
Vô lượng sóng nhẹ tuôn **Diệu Hưởng** (Tiếng vang màu nhiệm)
Tuỳ theo chỗ ứng, nghe Pháp Ngữ
Hoặc nghe Diệu Chương của Tam Bảo
Hoặc nghe **vắng lặng** (Śānti), **Không** (Śūnya: trống rỗng), **Vô Ngã** (Anātman)
Hoặc nghe vô lượng **Ba La Mật** (Pāramitā)
Lực (Bala), **Bất Cộng Pháp** (āveṇika-buddha-dharma), các **Thông Tuệ** (Thần Thông và Trí Tuệ)
Hoặc nghe **Vô Tác** (Akarmaka, hoặc Akṛtrima), **Vô Sinh Nhẫn** (Anutpattika-kṣānti)
Cho đến **Cam Lộ Quán Đỉnh Pháp** (Amṛtābhiṣeka-dharma)
Tuỳ *Căn, Tính, Dục* đều vui vẻ
Thuận tướng Tam Bảo, nghĩa chân thật
Lối Bồ Tát, Thanh Văn đã đi
Ở đấy, tất cả đều nghe đủ
Bít hẳn tên nạn khổ **ba đường** (Địa Ngục, Quỷ đói, súc sinh)
Chỉ có âm khoái lạc tự nhiên
Thế nên, nước ấy hiệu **An Lạc**
Cúi đầu đỉnh lễ **Vô Cực Tôn**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Bản Sư **Long Thọ Ma Ha Tát**
Sinh hình tượng sửa sang suy bại
Đóng kín cửa Tà mở lối Chính
Là tất cả mắt **Diêm Phù Đề**
Lại nương Tôn gặp **Hoan Hỷ Địa** (pramuditā-bhūmi)
Quy **A Đi Đà** sinh **An Lạc**
Nguyện cùng các chúng sinh

Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Ví như Rồng động, mây liền theo
Diêm Phù Đề phóng trăm cỏ mở
Nam mô **Từ Bi Long Thọ Tôn**
Chí tâm quy mệnh, cúi đầu lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Con từ Vô Thuỷ theo ba cõi
Bị vòng hư vọng cuốn chuyển hồi
Một niệm, một thời đã tạo Nghiệp
Đại Địa cột chân, vướng ba đường
Nguyện xin **Từ Quang** hộ niệm con
Khiến con chẳng mất **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta)
Con khen âm Công Đức Phật Tuệ
Nguyện nghe các **Hữu Duyên** mười phương
Muốn được sinh về cõi **An Lạc**
Khắp đều như ý không chướng ngại
Hết thảy Công Đức, dù lớn nhỏ
Hồi thí tất cả cùng vãng sinh
Nam Mô **Bất Khả Tư Nghị Quang**
Một lòng quy mệnh, cúi đầu lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Mười phương, ba đời **Vô Lượng Tuệ**
Đồng nương **một Như** hiệu **Chính Giác**
Hai Trí viên mãn Đạo bình đẳng
Nhiếp hoá tuỳ duyên nên khác nhau
Con quy Tịnh Thổ **A Di Đà**
Tức là quy mệnh các nước Phật
Con dùng một Tâm khen một Phật
Nguyện khắp mười phương, người không ngại
Như vậy vô lượng Phật mười phương
Thảy đều chí tâm cúi đầu lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Thương xót che giúp con
Khiến mầm Pháp tăng trưởng
Đời này với đời sau
Nguyện Phật thường nhiếp thọ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí tâm quy mệnh lễ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới **Quán Thế Âm Bồ Tát**

Nguyện cùng các chúng sinh.
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí tâm quy mệnh lễ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới **Đại Thế Chí Bồ Tát**

Nguyện cùng các chúng sinh.
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí tâm quy mệnh lễ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới **chư Bồ Tát Thanh Tịnh Đại Hải Chúng**

Nguyện cùng các chúng sinh.
Sinh về nước **An Lạc**

_ Khắp vì Thầy, Tăng, cha mẹ với Thiện Tri Thức, chúng sinh trong Pháp Giới…đoạn trừ ba chướng, đồng được sinh về nước của Đức Phật A Di Đà. Quy mệnh sám hối

BÀI KỆ CA NGỢI ĐỨC PHẬT A DI ĐÀ
Hết

Tán gồm 195, **Lễ** gồm 51 bái

24/07/2011

Đại Tạng Kinh _Tập 47_ No.1980

VÃNG SINH LỄ TÁN KỆ
MỘT QUYỂN

Hán văn: Tỳ Khưu THIỆN ĐẠO tập hợp ghi chép lại
Việt dịch: HUYỀN THANH

Khuyên tất cả chúng sinh nguyện sinh về nước của Đức Phật A Di Đà tại Thế Giới Cực Lạc ở phương Tây.

Bài Kệ lễ tán trong sáu thời, kính y theo **Kinh Đại Nhật** (Mahā-vairocana-sūtra) với **Vãng Sinh Lễ Tán** do ngài **Long Thọ** (Nāgārjuna), ngài **Thiên Thân** (Vasubandhu) và nhóm **Sa Môn** (Śramaṇa) ở chốn này (Trung Hoa) đã tạo ra, gom tập tại một chỗ, chia làm sáu Thời, chỉ muốn nối tiếp nhau cột buộc Tâm, trợ cho thành lợi ích sinh về Tịnh Thổ, cũng nguyện sớm tỏ ngộ điều chưa được nghe, thấm đượm lâu dài cho đời sau dùng tai để nghe điều ấy thế nào.

1_ Kính y theo **Kinh Đại Nhật**, ***12 tên ánh sáng*** được Đức **Thích Ca** (Śākya-muṇi) với chư Phật ở mười phương khen ngợi…Khuyên xưng lễ niệm, quyết định sinh về nước ấy. Lễ 19 bái ngay lúc mặt trời lặn

2_ Kính y theo **Kinh Đại Nhật**, gom chọn Văn thiết yếu dùng làm bài Kệ lễ tán. Lễ 24 bái ngay lúc đầu đêm

3_ Kính y theo bài Kệ **Nguyện Vãng Sinh Lễ Tán** của **Long Thọ** Bồ Tát. Lễ 16 bái ngay lúc nửa đêm.

4_ Kính y theo bài Kệ **Nguyện Vãng Sinh Lễ Tán** của **Thiên Thân** Bồ Tát. Lễ 20 bái ngay lúc sau đêm.

5_ Kính y theo bài Kệ **Nguyện Vãng Sinh Lễ Tán** của **Ngạn Tông** Pháp Sư. Lễ 21 bái ngay lúc sáng sớm

6_ Bài Kệ **Nguyện Vãng Sinh Lễ Tán** của Sa Môn **Thiện Đạo**. Kính y theo **16 Quán** làm, lễ 20 bái ngay giờ Ngọ

_ Hỏi rằng: "Nay muốn khuyên người vãng sinh. Chưa biết nếu chưa an Tâm, khởi Hạnh làm Nghiệp, quyết định được sinh về cõi nước ấy vậy ?"

Đáp rằng: "Người chắc chắn muốn sinh về cõi nước ấy, như **Quán Kinh** nói *có đủ ba Tâm ắt được vãng sinh.* Nhóm nào là ba ?

1_ **Tâm chí thành**, ấy là **Thân Nghiệp** lễ bái Đức Phật ấy, **Khẩu Nghiệp** tán tán xưng dương Đức Phật ấy, **Ý Nghiệp** chuyên niệm quán sát Đức Phật ấy. Phàm khởi ba Nghiệp, đều nên tu chân thật, cho nên gọi là Tâm chí thành.

2_ **Tâm thâm sâu** (thâm tâm) tức là Tâm tin chân thật, tin biết thân của mình là phàm phu có đầy đủ phiền não, căn lành mỏng thiếu. Nay tin biết **Bản Hoằng Thệ Nguyện** của Đức Di Đà với xưng danh hiệu, bên dưới đến mười tiếng, một tiếng...quyết định được vãnh sinh cho đến một niệm không có Tâm nghi ngờ. Cho nên gọi là Tâm thâm sâu

3_ **Tâm hồi hướng phát nguyện**. Tất cả căn lành đã làm, thảy đều hồi hướng, nguyện vãng sinh, cho nên gọi là Tâm hồi hướng phát nguyện.

Có đủ ba Tâm này ắt được vãng sinh. Nếu thiếu một Tâm tức chẳng được sinh, như **Quán Kinh** nói đủ, nên biết như vậy.

_ Lại như **Thiên Thân Tịnh Thổ Luận** nói rằng: "Nếu người có nguyện sinh về nước ấy. Khuyên tu năm Niệm Môn, nếu đủ năm Môn thì quyết định được vãng sinh. Nhóm nào là năm ?

1_ **Thân Nghiệp Lễ Bái Môn**. Ấy là một lòng chuyên chí cung kính chắp tay, đem hương hoa cúng dường, lễ bái Đức Phật A Di Đà. Lễ tức chuyên lễ Đức Phật ấy, hết mạng làm hạn kỳ, chẳng lẫn lộn với Lễ khác, cho nên gọi là **Lễ Bái Môn.**

2_ **Khẩu Nghiệp Tán Thán Môn**. Ấy là chuyên ý tán thán ánh sáng thân tướng của Đức Phật ấy, ánh sáng thân tướng của tất cả chúng Thánh với ánh sáng trang nghiêm của tất cả báu, cho nên gọi là **Tán Thán Môn**.

3_ **Ý Nghiệp Ức Niệm Quán Sát Môn**. Ấy là chuyên Ý, niệm quán Đức Phật ấy với ánh sáng thân tướng của tất cả chúng Thánh, nhóm trang nghiêm của cõi nước…như **Quán Kinh** nói, chỉ trừ lúc ngủ, luôn nhớ, luôn niệm, luôn tưởng, luôn quán nhóm việc này, cho nên gọi là **Quán Sát Môn**.

4_ **Tác Nguyện Môn**. Ấy là chuyên Tâm, hoặc ngày hoặc đêm, tất cả thời xứ…ba Nghiệp, bốn uy nghi, Công Đức đã làm chẳng kể là chặng đầu, khoảng giữa, chặng sau đều nên trong Tâm chân thật, phát Nguyện nguyện sinh về nước ấy, cho nên gọi là **Tác Nguyện Môn**.

5_ **Hồi Hướng Môn**. Ấy là chuyên Tâm, hoặc căn lành mà mình tự làm với căn lành mà mỗi một nhóm Thánh Phàm thuộc tất cả **ba Thừa, năm đường** đã làm…sâu xa sinh tùy vui. Như việc tùy vui mà chư Phật Bồ Tát đã làm, Ta cũng tùy vui như vậy. Đem căn lành **tùy vui** này với căn lành đã làm thảy đều cùng với chúng sinh cùng chung hồi hướng về nước ấy, cho nên gọi là **Hồi Hướng Môn**.

Lại đến nước ấy xong, được sáu Thần Thông thì quay trở lại, đi vào sinh tử, giáo hóa chúng sinh, thấu suốt bờ mé sau cùng, Tâm không có chán ghét cho đến khi thành Phật, cũng gọi là **Hồi Hướng Môn**.

Năm Môn này đã đủ, quyết định được vãng sinh. Mỗi một Môn cùng hợp với ***ba Tâm*** bên trên, tùy theo khởi Nghiệp hành, chẳng kể nhiều ít đều gọi là **Nghiệp Chân Thật** vậy. Nên biết như thế.

_ Lại khuyên hành **bốn Pháp tu**, dùng thúc dục Hạnh của ba Tâm, năm Niệm…mau được vãng sinh. Nhóm nào là bốn ?

1_ **Cung Kính Tu**. Ấy là cung kính lễ bái Đức Phật ấy với tất cả hàng chúng Thánh ấy, cho nên gọi là Cung Kính Tu. Hết mạng làm hạn kỳ, thề chẳng dừng giữa chừng, tức là **Trường Thời Tu** (Trải qua ba đại a tăng kỳ kiếp mà tu hành chẳng mệt mỏi)

2_ **Vô Dư Tu**. Ấy là chuyên xưng tên của Đức Phật ấy, chuyên niệm chuyên tưởng chuyên khen ngợi Đức Phật ấy với tất cả hàng chúng Thánh, chẳng lẫn lộn với Nghiệp khác, cho nên gọi là Vô Dư Tu. Hết mạng làm hạn kỳ, thề chẳng dừng giữa chừng, tức là **Trường Thời Tu**.

3_ **Vô Gián Tu**. Ấy là liên tục cung kính lễ bái, xưng tên khen ngợi, nghĩ nhớ, quán sát, hồi hướng, phát nguyện, Tâm Tâm nối tiếp nhau chẳng để cho Nghiệp khác xen vào giữa, cho nên gọi là Vô Gián Tu.

Lại chẳng để cho Tham, giận, phiền não xen vào giữa, tùy Phạm tùy Sám chẳng khiến cho ngăn cách Niệm, ngăn cách Thời, ngăn cách Ngày…Thường khiến cho thanh tịnh, cũng gọi là Vô Gián Tu. Hết mạng làm hạn kỳ, thề chẳng dừng giữa chừng.

(*Bản này thiếu cách tu thứ tư, nên người dịch phụ thêm:*

*4_ **Tôn Trọng Tu**. Lại nói là Cung Kính Tu, Ân Trọng Tu, Kính Xử Tu. Ấy là cung kính chỗ đã học, không có chỗ yêu tiếc, cũng chẳng kiêu mạn)*

Lại Bồ Tát đã miễn được sinh tử, đem Pháp lành đã làm, trở lại cầu Phật Quả, tức là lợi cho chính mình. Giáo hóa chúng sinh tận bờ mé vị lai, tức là lợi cho người khác. Nhưng ngày nay, chúng sinh đều bị phiền não cột buộc chưa miễn được nỗi khổ sinh tử trong đường ác, nên tùy theo Duyên khởi Hạnh, tất cả toàn bộ căn lành mau chóng hồi hướng, nguyện sinh về nước của Đức Phật A Di Đà. Đến nước ấy xong, liền không có chỗ sợ hãi nữa.

Như bốn cách Tu bên trên, tự nhiên nhậm vận, lợi mình lợi người, ắt không có gì chẳng đầy đủ. Nên biết như thế.

Lại như **Văn Thù Bát Nhã** nói rõ **Nhất Hạnh Tam Muội**, chỉ khuyên một mình ở chỗ **Không Nhàn** (Araṇya), buông bỏ các Ý loạn, cột Tâm vào một Đức Phật, chẳng quán tướng mạo, chuyên xưng tên gọi (danh tự). Liền ở trong niệm được nhìn thấy Đức Phật A Di Đà với tất cả Phật.

_ Hỏi rằng: "Vì sao chẳng tác Quán mà trực tiếp khuyên chuyên xưng tên gọi ? Điều ấy có Ý gì ?"

Đáp rằng: "Do chúng sinh có Chướng nặng nề, Cảnh nhỏ nhiệm, Tâm thô sơ, Thức tốc lên, Thần bay cao nên Quán khó thành tựu vậy. Đây dùng sự thương xót của Đại Thánh, trực tiếp khuyên chuyên xưng tên gọi, chính là do xưng tên dễ cho nên nối tiếp nhau liền sinh".

_ Hỏi rằng: "Đã khiến chuyên xưng một Đức Phật. Vì sao Cảnh hiện ra lại nhiều? Điều này há chẳng phải là Tà Chính qua lại với nhau, ***một nhiều*** *lẫn lộn hiện ra* sao ?"

Đáp rằng: "Phật Phật chứng ngang bằng nhau, hình không có sai khác. Giả sử *niệm một mà thấy nhiều* thời trái ngược với Đại Đạo Lý nào vậy ?!...

Lại như **Quán Kinh** nói rằng: "Đức Phật khuyên ngồi quán sát, lễ niệm…đều nên hướng mặt về phương Tây là tối thắng. Như cái cây, trước khi nghiêng ngả ắt tùy theo chỗ uốn cong. Cho nên, nếu như có việc trở ngại chẳng kịp hướng về phương Tây, chỉ tác Tưởng hướng về phương Tây cũng được".

_ Hỏi rằng: "Tất cả chư Phật đồng chứng **ba Thân** (Trayaḥ kāyāḥ), viên tròn quả **Bi Trí** cũng ứng với *không có hai*. Tùy theo phương lễ niệm, Khóa Xưng một Đức Phật cũng ứng với *được sinh*. Vì sao lại nghiêng về sự khen ngợi phương Tây, khuyên chuyên lễ niệm…Có nghĩa gì vậy ?"

Đáp rằng: "Chỗ chư Phật đã *chứng bình đẳng* là một. Nếu dùng Nguyện Hạnh đến thâu nhận, chẳng phải là không có Nhân Duyên. Song, Đức Di Đà Thế Tôn vốn phát Thệ Nguyện sâu nặng, dùng *danh hiệu ánh sáng* nhiếp hóa mười phương, chỉ khiến cho *Tâm tin tưởng cầu niệm*, bên trên hết một đời, bên dưới đến mười tiếng một tiếng…dùng sức Nguyện của Phật dễ được vãng sinh. Chính vì thế cho nên Đức Thích Ca đã cùng với chư Phật khuyên hướng về phương Tây là **Biệt Dị** (điều khác biệt) vậy, cũng chẳng phải là xưng niệm Phật khác, chẳng có thể trừ chướng diệt tội vậy. Nên biết như thế.

Nếu hay như bên trên niệm niệm nối tiếp nhau, trọn đời làm kỳ hạn, thì mười người tức mười người được sinh, một trăm người tức một trăm người được sinh. Tại sao thế ? Vì không có Duyên tạp bên ngoài, được Chính Niệm cho nên cùng với Bản Nguyện của Đức Phật được tương ứng, chẳng trái ngược với Giáo, tùy thuận theo lời dạy của Đức Phật.

Nếu muốn buông bỏ, chuyên tu nghiệp tạp, ắt một trăm thời hy vọng được một, hai; một ngàn thời hy vọng được ba, năm. Tại sao thế? Vì do tu duyên tạp, loạn động mất Chính Niệm cho nên cùng với Bản Nguyện của Đức Phật chẳng tương ứng, cùng

trái ngược với tướng của Giáo, chẳng thuận theo lời dạy của Đức Phật, cột buộc niệm chẳng nối tiếp nhau, nhớ tưởng gián đoạn, hồi nguyện chẳng ân trọng chân thật, tham, sân, các Kiến, phiền não đi đến gây gián đoạn, không có Tâm xấu hổ sám hối.

Sám Hối có ba Phẩm: một là thiết yếu, hai là lược, ba là rộng…như bên dưới nói đủ, tùy theo ý dùng đều được.

Lại chẳng liên tục nghĩ nhớ báo đáp Ân của đức Phật ấy, cho nên Tâm sinh khinh mạn, tuy làm Nghiệp Hạnh nhưng thường cùng với Danh Lợi tương ứng, Nhân Ngã (Ta, Người) tự che lấp, chẳng gần gũi cùng đi chung với bậc Thiện Tri Thức cho nên rơi vào Duyên tạp thiển cận, tự gây chướng ngại cho mình lại gây chướng ngại cho người nơi Chính Hạnh vãng sinh. Tại sao thế ? Vì **Chuyên, Tạp** có sai khác, chỉ khiến cho người chuyên ý làm thời mười người liền được cả mười, còn kẻ tu tạp chẳng chí Tâm thời trong ngàn người không có được một người

Hai Hạnh này được mất như lúc trước đã biện luận. Ngưỡng nguyện tất cả người vãng sinh hãy khéo tự mình lo liệu.

Người đã có thể đem thân này, nguyện sinh về nước ấy thời đi, đứng, ngồi, nằm đều nên gắng Tâm chế phục bản thân, ngày đêm đừng bỏ phế, trọn đời làm kỳ hạn. Ngay trên một đời tựa như ít khổ, niệm lúc trước, niệm sau khi chết liền sinh về nước ấy, thường thọ nhận niềm vui của Pháp Vô Vi không có thời hạn, cho đến khi thành Phật, chẳng sợ sinh tử. Há chẳng phải thích thú ư ?! Nên biết vậy

I_Thứ nhất: Kính y theo **Kinh Đại Nhật**. Đức Phật **Thích Ca** (Śākya-muṇi) khuyên lễ tán ***12 tên ánh sáng*** của Đức Phật A Di Đà, cầu nguyện vãng sinh. Lễ 19 bái ngay lúc mặt trời lặn. Chọn lấy Sám Hối **Trung, Hạ** cũng được

Nam mô tất cả **ba báu** (tam Bảo) của hàng Thích Ca Mâu Ni Phật

Nay con cúi đầu lễ, hồi nguyện sinh về nước Vô Lượng Thọ.

(*Điều này là: Một Đức Phật hiện là Thầy của nhóm Đạo, Tục ngày nay. Nói **ba báu** tức là ruộng Phước vô lượng. Nếu hay lễ một bái tức là nghĩ nhớ báo đáp ân của Thậy. Đã thành Hạnh của mình thì đem một Hạnh này hồi nguyện vãng sinh*)

_ Nam mô tất cả **ba báu** trong cõi nước nhiều như bụi nhỏ tận hư không khắp Pháp Giới thuộc ba đời ở mười phương

Nay con cúi đầu lễ, hồi nguyện sinh về nước Vô Lượng Thọ.

(*Như thế mười phương hư không không có biên giới, ba báu không có cùng tận. Nếu lễ một bái tức là ruọng Phướ vô lượng, Công Đức vô cùng. Hay chí Tâm lễ một bái, mỗi một Đức Phật bên trên, mỗi một Pháp bên trên, mỗi một Bồ Tát Thánh Tăng bên trên, mỗi một Xá Lợi bên trên, đều được nghiệp thân miệng ý giải thoát phần căn lành, đưa lợi ích đến cho Hành Giả để thành nghiệp của mình. Đem một Hạnh nàyhồi nguyện vãng sinh*)

_ Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới **A Di Đà Phật**

Nguyện cùng chúng sinh đều quy mệnh

Con đỉnh lễ sinh về nước ấy

(Hỏi rằng: "Vì sao hiệu là A Di Đà ?

Đáp rằng: "Kinh Di Đà với Quán Kinh ghi rằng: *"Đức Phật ấy có ánh sáng vô lượng, chiếu soi cõi nước ở mười phương không có chỗ chướng ngại. Chỉ quán niệm Phật, Chúng Sinh nhiếp lấy chẳng buông bỏ cho nên gọi là **A Di Đà*** (Amitābha: Vô Lượng Quang).

*Thọ Mệnh của Đức Phật ấy với người dân nhiều vô lượng a tăng kỳ kiếp, cho nên gọi là **A Di Đà*** (Amitāyus: Vô Lượng Thọ).

Lại Đức Phật Thích Ca với mười phương Phật khen ngợi ánh sáng của Đức ***Di Đà*** *có 12 loại tên gọi, khuyên khắp chúng sinh xưng tên lễ bái liên tục chẳng gián đoạn, đời này được vô lượng Công Đức, sau khi chết quyết định được vãng sinh.*

Như Kinh ***Vô Lượng Thọ*** *nói rằng: "Nếu có chúng sinh gặp ánh sáng này thì* ***Tam Cấu*** (Tham, Sân, Si) *được tiêu diệt, Thân Ý mềm mại, vui vẻ hớn hở, Tâm lành sinh an ổn. Nếu tại nơi khốn khổ trong ba đường* (Địa Ngục, Quỷ đói, súc sinh) *nhìn thấy ánh sáng này thì không có bị khổ não nữa, sau khi chết đều được giải thoát. Ánh sáng của Đức Phật Vô Lượng Thọ hiển hách chiếu sáng mười phương. Cõi nước của chư Phật không có nơi nào chẳng nghe thấy. Chẳng phải nay chỉ có Ta khen ngợi ánh sáng ấy mà tất cả chư Phật, Thanh Văn, Duyên Giác, các Chúng Bồ Tát đều cùng khen ngợi.*

Cũng lại như vậy, nếu có chúng sinh nghe thấy Công Đức uy thần của ánh sáng ấy, ngày đêm xưng nói, chí Tâm chẳng gián đoạn thì tùy theo ước nguyện được sinh về nước ấy, thường được các chúng Bồ Tát, Thanh Văn cùng nhau khen ngợi, xưng Công Đức của người ấy.

Đức Phật nói: "Ta nói Uy Thần ánh sáng của Đức Phật Vô Lượng Thọ, cao lớn vĩ đại thù diệu suốt ngày đêm thì một kiếp vẫn chẳng thể nói hết"

Thưa các Hành Giả ! Nên biết Ánh sáng thân tướng của Đức Phật Di Đà thời Đức Thích Ca Như Lai nói suốt một kiếp vẫn chẳng thể hết.

Như ***Quán Kinh*** *nói: "Mỗi một ánh sáng chiếu khắp mười phương Thế Giới, niệm Phật Chúng Sinh nhiếp lấy chẳng buông bỏ"*

Nay không chỉ ***Quán Kinh*** *có Tăng Thượng Duyên chẳng thể nghĩ bàn như điều này mà còn nhiếp thọ Hành Giả. Vì sao chẳng liên tục xưng quán, lễ niệm, nguyện vãng sinh ?! Nên biết vậy).*

_ Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới **Vô Lượng Quang Phật**
Nguyện cùng chúng sinh đều quy mệnh
Con đỉnh lễ sinh về nước ấy

_ Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới **Vô Biên Quang Phật**
Nguyện cùng chúng sinh đều quy mệnh
Con đỉnh lễ sinh về nước ấy

_ Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới **Vô Ngại Quang Phật**
Nguyện cùng chúng sinh đều quy mệnh
Con đỉnh lễ sinh về nước ấy

_ Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới **Vô Đối Quang Phật**
Nguyện cùng chúng sinh đều quy mệnh
Con đỉnh lễ sinh về nước ấy

_ Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới **Diễm Vương Quang Phật**
Nguyện cùng chúng sinh đều quy mệnh
Con đỉnh lễ sinh về nước ấy

_ Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới **Thanh Tịnh Quang Phật**
Nguyện cùng chúng sinh đều quy mệnh
Con đỉnh lễ sinh về nước ấy

_ Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới **Hoan Hỷ Quang Phật**

Nguyện cùng chúng sinh đều quy mệnh
Con đỉnh lễ sinh về nước ấy

_ Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới **Trí Tuệ Quang Phật**
Nguyện cùng chúng sinh đều quy mệnh
Con đỉnh lễ sinh về nước ấy

_ Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới **Bất Đoạn Quang Phật**
Nguyện cùng chúng sinh đều quy mệnh
Con đỉnh lễ sinh về nước ấy

_ Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới **Nan Tư Quang Phật**
Nguyện cùng chúng sinh đều quy mệnh
Con đỉnh lễ sinh về nước ấy

_ Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới **Vô Xứng Quang Phật**
Nguyện cùng chúng sinh đều quy mệnh
Con đỉnh lễ sinh về nước ấy

_ Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới **Siêu Nhật Nguyệt Quang Phật**
Nguyện cùng chúng sinh đều quy mệnh
Con đỉnh lễ sinh về nước ấy

_ Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới **A Di Đà Phật**
Thương xót che giúp con
Khiến mầm Pháp tăng trưởng
Đời này với đời sau
Nguyện Phật thường nhiếp thọ
Nguyện cùng chúng sinh đều quy mệnh
Con đỉnh lễ sinh về nước ấy

_ Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới **Quán Thế Âm Bồ Tát**
Nguyện cùng chúng sinh đều quy mệnh
Con đỉnh lễ sinh về nước ấy

_ Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới **Đại Thế Chí Bồ Tát**
Nguyện cùng chúng sinh đều quy mệnh
Con đỉnh lễ sinh về nước ấy
(*Hai vị Bồ Tát này, khi tất cả chúng sinh sắp chết thời cùng nhau cầm đài hoa trao cho Hành Giả. Đức Phật A Di Đà phóng ánh sáng lớn chiếu soi thân của Hành Giả, lại cùng với vô số vị Hóa Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Đại Chúng... một thời trao vào bàn tay, như khoảng búng ngón tay liền được vảng sinh. Vì báo ân cho nên chí Tâm lễ một bái*)

_ Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới **Chư Bồ Tát Thanh Tịnh Đại Hải Chúng**
Nguyện cùng chúng sinh đều quy mệnh
Con đỉnh lễ sinh về nước ấy

(*Các vị Bồ Tát của nhóm này cũng tùy theo Đức Phật đi đến nghênh tiếp Hành Giả. Vì báo Ân cho nên chí Tâm lễ một bái*)

_ Khắp vì Sư Tăng, cha mẹ với Thiện Tri Thức, chúng sinh trong Pháp Giới, đoạn trừ ba chướng, đồng được sinh về nước của Đức Phật A Di Đà. Quy mệnh sám hối
Chí Tâm sám hối
"Nam mô sám hối mười phương Phật
Nguyện diệt tất cả các gốc tội
Nay đem điều lành tu xa gần
Luôn nguyện tất cả lúc lâm chung
Thắng Duyên, Thắng Cảnh hiện trước mắt
Nguyện thấy Di Đà Đại Bi Chủ
Quán Âm, Thế Chí, mười phương Tôn
Ngưỡng nguyện Thần Quang trao vào tay
Nương Bản Nguyện Phật, sinh nước ấy"
Sám hối, hồi hướng xong, chí Tâm quy mệnh A Di Đà Phật

_ Tiếp theo tác Phạn Âm, xong. Nói Kệ **Phát Nguyện**
"Các Công Đức **lễ sám**
Nguyện ngay lúc lâm chung
Thấy Phật **Vô Lượng Thọ**
Thân Công Đức vô biên
Con với người tin khác
Đã thấy Phật ấy xong
Nguyện được mắt lìa dơ
Sinh về nước An Lạc
Thành **Vô Thượng Bồ Đề**"
Lễ Sám xong, tất cả cung kính
_ Quy Phật được Bồ Đề
Thường chẳng lùi Tâm Đạo
Nguyện cùng các chúng sinh
Hồi nguyện sinh về nước của Đức Phật Vô Lượng Thọ
_ Quy Pháp, **Tát Bà Nhã** (Sarva-jñā: Nhất Thiết Trí)
Được Môn **Đại Tổng Trì**
Nguyện cùng các chúng sinh
Hồi nguyện sinh về nước của Đức Phật Vô Lượng Thọ
_ Quy **Tăng** ngưng tranh luận
Đồng vào biển hòa hợp
Nguyện cùng các chúng sinh
Hồi nguyện sinh về nước của Đức Phật Vô Lượng Thọ
_ Nguyện các chúng sinh
Ba nghiệp trong sạch
Phụng trì Phật Giáo
Hòa Nam (Vandana: Kính lễ) tất cả Hiền Thánh
Nguyện cùng các chúng sinh
Hồi nguyện sinh về nước của Đức Phật Vô Lượng Thọ

_ Các **nhóm Chúng** nghe nói bài Kệ **vô Thường** vào lúc mặt trời lặn
"Nhân Gian vội vã lo mọi việc

Chẳng biết năm, mạng, ngày, đêm qua
Như đèn trong gió, khó hẹn kỳ
Sáu nẻo mênh mang không định hướng
Chưa được giải thoát, lìa biển khổ
Làm sao an nhiên chẳng sợ hãi
Đều nghe khỏe mạnh khi có sức
Thúc giục, gắng sức cầu **thường trụ**"

Nói **Kệ** này xong, liền ngay ở tâm miệng phát Nguyện:

"Nguyện cho Đệ Tử chúng con khi lâm chung thời Tâm chẳng điên đảo, Tâm chẳng thác loạn, Tâm chẳng mất niệm, Thân Tâm không có các khổ đau, Thân Tâm khoái lạc như vào Thiền Định, chúng Thánh hiện trước mặt, Nương theo Bản Nguyện của Đức Phật, **Thượng Phẩm** sinh về nước của Đức Phật A Di Đà. Đến nước ấy xong, được sáu Thần Thông, vào mười phương Giới, cứu nhiếp chúng sinh bị khổ. Hư không Pháp Giới hết, con nguyện cũng như vậy"

Phát nguyện xong, chí Tâm quy mệnh A Di Đà Phật.

_ Bài Kệ lúc đầu đêm là:
"Phiền não sâu không đáy
Biển sinh tử vô biên
Thuyền cứu khổ chưa dựng
Làm sao ưa ngủ mê
Dũng mãnh, siêng tinh tiến
Nhiếp Tâm thường tại **Thiền**"

_ Bài Kệ lúc nửa đêm là:
"Các ngươi đừng ôm thây chết nằm
Mọi thứ chẳng sạch, mượn gọi **người**
Như bị bệnh nặng, tên (mũi tên) găm Thể
Mọi đau khổ đến, ngủ sao yên ?!..."

_ Bài Kệ lúc sau đêm là:
"Thời gian luôn lưu chuyển
Chợt đến đầu canh năm
Vô Thường niệm niệm đến
Luôn ở cùng **Tử Vương** (Mṛta-rāja: Thần chết)
Khuyên các người hành Đạo
Siêng tu đến **Vô Dư** (Vô Dư Niết Bàn)"

_ Bài Kệ lúc sáng sớm là:
"Muốn cầu vui **Tịch Diệt**
Nên học Pháp Sa Môn
Áo, ăn đỡ thân mạng
Tinh, thô tùy **Chúng** được"

Các nhóm Chúng, ngày nay, lúc sáng sớm đều tụng sáu Niệm.

_ Bài Kệ lúc giữa trưa là:
"Người đời chẳng tinh tiến
Ví như cây không rễ
Hái hoa để trong ngày
Tươi được bao nhiêu thời

Mạng người cũng như vậy
Vô Thường, khoảng phút chốc
Khuyên các chúng Hành Đạo
Siêng tu đến **Chí Chân**"

II_ Thứ hai: Sa Môn **Thiện Đạo k**ính y theo **Kinh Đại Nhật**, gom chọn Văn thiết yếu dùng làm bài Kệ lễ tán. Lễ 24 bái ngay lúc đầu đêm. Sám Hối đồng với lúc trước lúc sau

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Biển *Trí Nguyện* **Di Đà**
Sâu rộng không bờ đáy
Nghe tên muốn vãng sinh
Thảy đều đến nước ấy
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Ở trong Thế Giới này
Sáu mươi **Hữu**, bảy ức
Các Bồ Tát **Bất Thoái**
Đều sinh về nước ấy
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Các Bồ Tát **Hạnh nhỏ**
Với người tu chút Phước
Số ấy chẳng thể đếm
Đều sinh về nước ấy
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Trong cõi Phật mười phương
Chúng Bồ Tát, Tỳ Khưu
Hết kiếp chẳng thể đếm
Đều sinh về nước ấy
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Tất cả các Bồ Tát
Đềm đem hương hoa Trời
Hương báu, áo vô giá
Cúng dường Phật Di Đà
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Đều cùng tấu nhạc Trời
Xướng phát âm hòa nhã
Ca ngợi **Tối Thắng Tôn**
Cúng dường Phật Di Đà
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Tuệ Nhật (mặt trời Trí Tuệ) chiếu Thế Gian
Tiêu trừ mây sinh tử
Cung kính nhiễu ba vòng
Cúi lạy **Di Đà Tôn**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Thấy cõi nghiêm tịnh ấy
Vi diệu khó nghĩ bàn
Nhân phát Tâm vô thượng
Nguyện nước con cũng thế
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Đúng lúc **Vô Lượng Tôn**
Chuyển khuôn mặt vui cười
Miệng tuôn muôn ánh sáng
Chiếu khắp nước mười phương
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Lui ánh sáng quanh thân
Ba vòng theo đỉnh vào
Tất cả chúng Trời, Người
Hớn hở đều vui vẻ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Tiếng Phạn như sấm động
Tám âm xướng **Diệu Hưởng** (âm vang màu nhiệm)
Chính Sĩ (Bồ Tát) mười phương đến
Con đều biết nguyện ấy
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**

Đến nước nghiêm tịnh ấy
Liền mau được Thần Thông
Đều ở **Vô Lượng Tôn**
Thọ Ký thành **Đẳng Giác**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Phụng sự ức Như Lai
Bay, hóa khắp các cõi
Cung kính vui vẻ đi
Quay về nước **An Dưỡng** (Cõi Cực Lạc)
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Nếu người không gốc lành
Chẳng được nghe tên Phật
Kiêu Mạn, xấu, lười biếng
Khó thể tin Pháp này
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Đời trước thấy chư Phật
Liền hay tin việc này
Khiêm kính, nghe, phụng hành
Hớn hở, rất vui vẻ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Có kẻ đã được nghe
Danh hiệu Phật Di Đà
Vui vẻ đến một niệm
Được sinh về nước ấy
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Nếu lửa tràn Đại Thiên
Vượt thẳng, nghe tên Phật
Nghe tên, vui vẻ khen
Được sinh về nước ấy
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Vạn năm, Tam Bảo diệt

Kinh này trụ trăm năm
Bấy giờ nghe một niệm
Được sinh về nước ấy
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Phật ra đời, khó gặp
Khó người có **Tín Tuệ**
Gặp nghe Pháp hiếm có
Đây rất ư là khó
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Tự tin, dạy người tin
Trong nạn chuyển đổi nạn
Đại Bi truyền, hóa khắp
Chân thành báo ân Phật
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Thương xót che giúp con
Khiến mầm Pháp tăng trưởng
Đời này với đời sau
Nguyện Phật thường nhiếp thọ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Quán Thế Âm Bồ Tát
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Thế Chí Bồ Tát
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Chư Bồ Tát Thanh Tịnh Đại Hải Chúng
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc

_ Khắp vì Sư Tăng, cha mẹ với Thiện Tri Thức, chúng sinh trong Pháp Giới, đoạn trừ ba chướng, đồng được sinh về nước của Đức Phật A Di Đà. Quy mệnh sám hối

III_ Thứ ba: Kính y theo bài Kệ **Nguyện Vãng Sinh Lễ Tán** của **Long Thọ** Bồ Tát. Lễ 16 bái ngay lúc nửa đêm (*Sám hối đồng với lúc trước lúc sau*)

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Cúi lạy nơi Trời, Người cung kính
A Di Đà Tiên Lưỡng Túc Tôn
Tại nước **An Lạc** vi diệu ấy
Vô lượng chúng Phật Tử vây quanh
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Thân vàng, trong sạch, như Sơn Vương
Hạnh **Xa Ma Tha** (Thiền Chỉ) như voi bước
Hai mắt trong trẻo như sen xanh
Nên con đỉnh lễ **Di Đà Tôn**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Mặt hiền tròn trong như trăng đầy
Uy quang giống như ngàn Nhật Nguyệt
Tiếng như trống Trời, **Câu Xí La**
Nên con đỉnh lễ **Di Đà Tôn**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Trụ trong mão của **Quán Âm** đội
Mọi loại tướng tốt, báu trang nghiêm
Giáng phục Ngoại Đạo, Ma, Kiêu Mạn
Nên con đỉnh lễ **Di Đà Tôn**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Khôn sánh, không dơ, rộng trong sạch
Mọi Đức trong sáng như hư không
Nơi làm lợi ích được tự tại
Nên con đỉnh lễ **Di Đà Tôn**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Chúng Bồ Tát vang danh mười phương
Vô lượng các Ma thường khen ngợi
Vì các chúng sinh, trụ Nguyện Lực
Nên con đỉnh lễ **Di Đà Tôn**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Ao đáy vàng chen báu, sinh hoa
Căn lành đã thành Đài Tòa đẹp
Ngồi ở trên ấy như Sơn Vương
Nên con đỉnh lễ **Di Đà Tôn**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Các **Phật Tử** (Buddha-putra) từ mười phương đến
Hiển hiện Thần Thông đến **An Lạc**
Chiêm ngưỡng **Tôn Nhan**, thường cung kính
Nên con đỉnh lễ **Di Đà Tôn**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Chư **Hữu** vô thường với Vô Ngã
Như trăng trong nước, điện, bóng, sương
Vì Chúng nói Pháp không **tên gọi** (danh tự)
Nên con đỉnh lễ **Di Đà Tôn**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Nước **Tôn Phật** ấy không tên ác
Không có người nữ với đường ác
Mọi người chí Tâm kính Tôn ấy
Nên con đỉnh lễ **Di Đà Tôn**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Vô lượng Cảnh phương tiện của Tôn
Không có các nẻo, Tri Thức ác
Vãng sinh chẳng lui, đến Bồ Đề
Nên con đỉnh lễ **Di Đà Tôn**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Ta nói Công Đức của Tôn ấy
Mọi **Thiện** vô biên như nước biển
Căn lành trong sạch đã đạt được
Hồi thí chúng sinh, sinh nước ấy
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Thương xót che giúp con
Khiến mầm Pháp tăng trưởng
Đời này với đời sau
Nguyện Phật thường nhiếp thọ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Quán Thế Âm Bồ Tát
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Thế Chí Bồ Tát
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Chư Bồ Tát Thanh Tịnh Đại Hải Chúng
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc

_ Khắp vì Sư Tăng, cha mẹ với Thiện Tri Thức, chúng sinh trong Pháp Giới, đoạn trừ ba chướng, đồng được sinh về nước của Đức Phật A Di Đà. Quy mệnh sám hối
Chí Tâm sám hối.
"Con từ vô thủy mang Thân đến
Luôn dùng **mười ác** với chúng sinh
Bất hiếu cha mẹ, chê Tam Bảo
Tạo làm nghiệp **năm nghịch**, chẳng lành
Do nhân duyên của mọi tội này
Vọng tưởng, điên đão sinh ràng buộc
Nên chịu vô lượng khổ sinh tử
Đỉnh lễ, sám hối, nguyện diệt trừ"
Sám hối xong. Chí Tâm quy mệnh A Di Đà Phật

Chí Tâm khuyến thỉnh
"Chư Phật Đại Từ Vô Thượng Tôn
Luôn dùng **Không Tuệ** ('Sūnya-mati) chiếu ba cõi
Chúng sinh mù tối chẳng hiểu biết
Đắm chìm trong biển khổ sinh tử
Vì cứu quần sinh, lìa các khổ
Khuyến thỉnh thường trụ, chuyển **Pháp Luân** (Dharma-cakra: bánh xe Pháp)"
Khuyến thỉnh xong. Chí Tâm quy mệnh A Di Đà Phật

Chí Tâm tùy hỷ.
Trải muôn kiếp đến, ôm ganh ghét
Ngã Mạn, phóng dật do **Si** (moha) sinh

Luôn dùng lửa hại, độc giận dữ
Thiêu đốt Trí Tuệ, căn Từ Thiện
Ngày nay suy tư mới tỉnh ngộ
Phát Tâm đại tinh tiến, tùy vui"
Tùy hỷ xong. Chí Tâm quy mệnh A Di Đà Phật

Chí Tâm hồi hướng.
"Trôi nổi trong sinh tử
Si, ái vào ngục thai
Sinh xong, về già chết
Chìm đắm trong biển khổ
Nay con tu Phước này
Hồi (hồi hướng), sinh cõi An Lạc"
Hồi hướng xong. Chí Tâm quy mệnh A Di Đà Phật

Chí Tâm phát nguyện
"Nguyện buông hình Thai Tạng
Sinh về nước An Lạc
Mau thấy Phật Di Đà
Thân Công Đức vô biên
Phụng kính các Như Lai
Hiền Thánh cũng như thế
Được sáu sức Thần Thông
Hư Không Pháp Giới hết
Nguyện của con cũng thế"
Phát Nguyện xong. Chí Tâm quy mệnh A Di Đà Phật (*Còn lại đều đồng với Pháp bên trên*)

IV_ Thứ tư: Kính y theo bài Kệ **Nguyện Vãng Sinh lễ tán** của Bồ Tát **Thiên Thân**. Lễ 20 bái ngay lúc sau đêm (*Sám hối đồng với lúc trước lúc sau*)

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Thế Tôn ! Con một lòng
Quy mệnh tận mười phương
Vô Ngại Quang Như Lai
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Quán tướng Thế Giới ấy
Hơn hẳn Đạo **ba cõi** (Tam Giới)
Cứu cánh như hư không
Rộng lớn không bờ mé
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Chính Đạo, Đại Từ Bi
Xuất Thế, sinh căn lành
Tịnh Quang Minh (hào quang trong sạch) đầy đủ

Như gương, vành Nhật Nguyệt
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Đủ Tính các châu báu
Đầy đủ Diệu Trang Nghiêm
Vô Cấu Quang (ánh sáng không dơ bẩn) rực lửa
Trong sáng, chiếu Thế Gian
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Hoa báu, ngàn vạn loại
Phủ khắp ao, sông, suối
Gió nhẹ lay cánh hoa
Ánh sáng chen nhau chuyển
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Cung điện, các lầu gác
Quán mười phương không ngại
Cây tạp, màu sáng lạ
Lan can báu vây quanh
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Vô lượng báu quấn nhau
Lưới, võng đầy hư không
Mọi loại chuông phát tiếng
Tuyên bày âm Diệu Pháp
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Phạn Âm (Buddha-ghoṣa) hiểu sâu xa
Vi diệu vang mười phương
Chính Giác A Di Đà
Pháp Vương (Dharma-rāja) khéo trụ trì
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Như Lai Tịnh Hoa Chúng (Chúng Tịnh Hoa của Như Lai)
Hoa Chính Giác hóa sinh
Yêu thích vị Phật Pháp
Dùng **Thiền Tam Muội** ăn

Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Thân Tâm lìa phiền não
Vui thích không gián đoạn
Giới căn lành Đại Thừa
Đẳng (Sama:bình đẳng) không **Ky Hiềm Danh** (tên gọi bị trách móc nghi ngờ)
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Người nữ với thiếu **Căn**
Mầm **Nhị Thừa** chẳng sinh
Chúng sinh: nguyện ưa thích
Tất cả hay đầy đủ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Vô lượng Đại Bảo Vương
Đài hoa sạch vi diệu
Tướng sáng đẹp **một tầm** (tám thước)
Sắc tượng vượt quần sinh
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Trời, Người, **Chúng bất động** (Acala-saṃgha)
Sinh biển Trí trong sạch
Như vua núi Tu Di
Thắng diệu không ai hơn
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Trời, Người, **Chúng trượng phu** (Puruṣa-saṃgha)
Cung kính nhiễu quanh, ngắm
Mưa Thiên nhạc, hoa, áo
Hương màu nhiệm cúng dường
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Nước **An Lạc** trong sạch
Thường chuyển **Vô Cấu Luân**
Một niệm với *một thời*
Lợi ích các Quần Sinh
Nguyện cùng các chúng sinh

Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Khen các Công Đức Phật
Không có Tâm phân biệt
Hay khiến mau đầy đủ
Biển báu lớn Công Đức
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Thương xót che giúp con
Khiến mầm Pháp tăng trưởng
Đời này với đời sau
Nguyện Phật thường nhiếp thọ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Quán Thế Âm Bồ Tát
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Thế Chí Bồ Tát
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Chư Bồ Tát Thanh Tịnh Đại Hải Chúng
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Khắp vì Sư Tăng, cha mẹ với Thiện Tri Thức, chúng sinh trong Pháp Giới, đoạn trừ ba chướng, đồng được sinh về nước của Đức Phật A Di Đà. Quy mệnh sám hối

V_Thứ năm: Kính y theo bài Kệ **Nguyện Vãng Sinh lễ tán** của Pháp Sư **Ngạn Tông**. Lễ 21 bái ngay lúc sáng sớm (*Sám hối đồng với lúc trước lúc sau*)
_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Nhân (Hetu) **Pháp Tạng** (Dharmākara) dời xa
Quả Cực Lạc (Sukhā-vatī-phala) càng sâu
Ngọc lạ kỳ làm đất
Mọi báu chen làm rừng
Hoa nở màu hiếm có
Sóng gợn âm Thật Tướng
Lúc nào được trao tay ?!...
Thỏa thích Tâm vãng sinh
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Đời Trược khó quay vào
Cõi Tịnh nguyện dạo sâu
Dây vàng giăng **Giới Đạo**
Rừng rũ vòng lưới ngọc
Thấy **Sắc** (Rūpa: hình thể màu sắc) đều **Chân Sắc** (Satya-rūpa: hình thể màu sắc chân thật)
Nghe **âm** (Ghoṣa)đều **Pháp Âm** (Dharma-ghoṣa)
Đừng nói phương Tây xa
Chỉ tu Tâm mười niệm
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Đã thành **Cùng Lý Thánh** (Bậc Thánh đạt được Lý rốt ráo của sự vật)
Chân Hữu biến **Không Uy** dáng vẻ tôn nghiêm của hư không)
Tại **Tây** thời hiện nhỏ
Chỉ tạm vì tùy **cơ**
Lá, ngọc cùng rọi sáng
Cát, nước thật lắng trong
Muốn được **quả Vô Sinh** (Anutpattika-phala)
Đều nên dựa cõi ấy
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Ngũ Sơn Hào (sợi lông trắng xoay vòng ở tam tinh lớn như năm ngọn núi) **độc lãng** (một mình sáng tỏ)
Đất, nước đều làm gương (cái gương)
Hương, hoa đồng làm mây
Nghiệp (Karma) sâu, thành dễ đi
Nhân (Hetu) nông, thật khó nghe
Ước mong trừ nghi hoặc
Siêu Nhiên (cao tuyệt xuất chúng) **độc bất quần** (Riêng một mình chẳng họp đàn)
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Tâm đeo đầy **Chân Từ**
Sáng chứa tròn Pháp Giới
Vô Duyên hay nhiếp vật
Dịnh **Hữu Tướng** chẳng khó
Hoa tùy Bản Tâm biến
Cung (Pura: cung điện) dời Thân tự yên
Hiếm nghe **cảnh Xuất Thế** (Lokottara-visaya)
Nên cùng vào **Thiền Khán**
Nguyện cùng các chúng sinh

Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Hồi Hướng dần làm công
Đường phương Tây hơi thông
Cây báu nương Đại Địa
Hương Trời vào gió xa
Hoa nở bày đầy nước
Lưới che chia hư không
Nguyện sinh, Ý nào cần ?...
Chính là vui không tận
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Muốn kén chọn nơi sinh
Phương Tây, rất cần về
Cây chen bày lầu gác
Áo mới bày đầy đường
Hương, cơm tùy Tâm đến
Điện báu bay theo thân
Có Duyên đều được vào
Người tự đến, thật hiếm
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Mười Kiếp, Đạo thành trước
Nghiêm Giới dẫn đám mù
Cát vàng, nước trong, chiếu
Lá ngọc sáng đầy cành
Chim vốn trong ngọc ra
Người chỉ sinh trên hoa
Cảm thỉnh Thánh phương Tây
Sớm muộn cùng nghinh đón
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc
_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Các nước Phật mười phương
Đều là nhà Pháp Vương
Nghiêng cầu đất có duyên
Mong được sớm, không lệch
Nước **tám Công** (8 Công Đức) như ý
Hoa bảy báu tự nhiên
Nơi Tâm ấy, hay cột
Thảy đều đến chẳng xa
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Tịnh Quốc (nước thanh tịnh) không suy biến
Xưa nay dựng lập thế
Đài sáng, ngàn báu hợp
Âm nhạc, tám gió tuyên
Ao nhiều chim nói Pháp
Hư không đầy hoa Trời
Được sinh, chẳng sợ lùi
Tùy ý được sen nở
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Ngồi hoa, chẳng một Tượng
Chúng Thánh cũng khó lường
Hoa nở, người riêng ở
Sóng sinh Pháp tự dương
Không tai vạ do tịnh
Bất Thoái làm bạn hiền
Hỏi bậc sinh trước ấy
Đến đây bao kiếp rồi ?
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Chiếu sáng, cứu **Tỳ Xá** (Vaiśya)
Trên không, dẫn **Vi Đề** (Vaidehī)
Trời đến, nâng lọng hương
Người đi, đưa áo báu
Sáu thời, nghe chim hợp
Dẫm hoa, ngập bốn thốn
Cùng nhìn, luôn chính đúng
Há lại dấy mê lầm !?...
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc
_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Khuyên khắp, hoằng ba Phước
Đều khiến diệt **Ngũ Thiêu** (5 việc ác là:sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu)
Phát Tâm, công xong, đến
Cột niệm, liền tiêu tội
Chim, hoa, ngọc sáng chuyển
Gió đưa tiếng ưa thích
Chỉ vui hành Đạo dễ
Há buồn **Thánh Quả** xa ! ?...
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật

Màu ngọc vẫn làm nước
Ánh sáng vàng là Đài
Đến thời hoa tự tan
Tùy nguyện, hoa lại nở
Ngắm ao, hiện rồi mất
Bay trên không đi đến
Tâm ngay thẳng hướng đến
Nên hồi hướng mọi Thiện
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Nước Cam Lộ rửa Tâm
Lượng tuổi thọ khó phân
Vui nhiều, không bỏ Đạo
Tiếng vang chẳng ngại nghe
Vì sao tham **năm Trược** ?
An nhiên, lửa tự thiêu
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Đài bọc Trời Người hiện
Thị Giả (người hầu cận) trong ánh sáng
Bốn gác báu trên không
Bảy lớp lan can dựa
Nghi nhiều, **Biên Địa** lâu
Đức mỏng, còn sinh nạn
Thà đừng luận **Nguyện** khác
Phương Tây đã an Tâm
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Sáu Căn thường hợp Đạo
Ba đường, hết nghe tên
Khoảng niệm, dạo khắp phương
Quay về, được thành **Nhẫn** (Kṣānti)
Đất bằng rộng vô cực
Gió thường làm trong mát
Gửi nói nhóm có Tâm
Cùng ra khỏi **thành khổ** (cái thành đau khổ)
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Thương xót che giúp con
Khiến mầm Pháp tăng trưởng
Đời này với đời sau

Nguyện Phật thường nhiếp thọ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Quán Thế Âm Bồ Tát
Thiên Luân (bánh xe ngàn căm) sáng dưới chân
Năm đường hiện trong **Quang** (ánh sáng)
Bi (Kāruṇa) dẫn luôn không dứt
Người về cũng chưa hết
Miệng tuyên do tại **Định**
Tâm tịnh, liền **Phi Thông** (bay thông suốt)
Nghe tên đều nguyện đến
Ngày phát mấy bụi hoa ?
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Thế Chí Bồ Tát
Sức Tuệ nêu vô thượng
Thân Quang (ánh sáng của thân) sẵn có duyên
Dao động các nước báu
Cầm Tòa, một sen vàng
Chim chẳng phải chim thật
Trời há là *Trời thật* (Chân Thiên)
Nên biết cầu Diệu Lạc
Hội là toàn **hương Giới**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Chư Bồ Tát Thanh Tịnh Đại Hải Chúng
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc

_ Khắp vì Sư Tăng, cha mẹ với Thiện Tri Thức, chúng sinh trong Pháp Giới, đoạn trừ ba chướng, đồng được sinh về nước của Đức Phật A Di Đà. Quy mệnh sám hối

VI_Thứ sáu: Bài Kệ **Nguyện Vãng Sinh lễ tán** của Sa Môn **Thiện Đạo** kính y theo **16 Quán** sáng tác. Lễ 20 bái ngay lúc giữa trưa (*Sám hối đồng với lúc trước lúc sau*)
_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Quán cõi **Di Đà Cực Lạc** ấy
Rộng lớn bằng phẳng, báu tạo thành
Bốn mươi tám Nguyện khởi trng nghiêm
Vượt các cõi Phật, rất tinh tế
Chúng **Đại Hải** nước này, phương khác
Hết kiếp, tính đếm chẳng biết tên
Khuyên khắp về Tây, đồng Hội ấy

Hằng sa **Tam Muội** tự nhiên thành
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Dưới đất trang nghiêm Phướng bảy báu
Vô lượng vô biên vô số ức
Tám phương tám mặt, trăm báu thành
Thấy **Vô Sinh** ấy, tự nhiên ngộ
Nước báu Vô Sinh, mãi thường hằng
Mỗi một báu tuôn muôn ánh sáng
Hành Giả dốc Tâm, thường đối mặt
Thần nhảy vọt lên, vào phương Tây
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Trên đất trang nghiêm, chuyển vô cực
Dây vàng, Giới Đạo…*phi công tượng* (chẳng phải là kỹ nghệ do thợ làm)
Đất báu, sắc báu, ánh sáng báu
Mỗi ánh sáng thành vô số Đài
Trong Đài, ngàn vạn ức lầu gác
Cạnh Đài, trăm ức phướng báu vây
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Trên mỗi một Đài, trong hư không
Nhạc báu trang nghiêm cũng không cùng
Tám gió mát trong tìm ánh sáng
Tùy thời tấu nhạc, *âm ứng cơ*
Âm ấy, chính thọ hơi khó khăn
Đi, đứng, ngồi, nằm nhiếp Tâm quán
Trừ lúc ngủ thời, thường nhớ nghĩ
Tam Muội **Vô Vi** tức **Niết Bàn**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Nước báu, rừng báu, các cây báu
Hoa báu, lá báu, gốc rễ báu
Hoặc dùng ngàn báu chia rừng khác
Hoặc có trăm báu xếp thành hàng
Mỗi hàng tương đương với tướng lá
Màu khác nhau, ánh sáng cũng thế
Lượng bằng nhau, cao ba mươi vạn
Cành nhánh chạm nhau nói **Vô Sinh**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Cõi nước báu, rừng báu, cây báu
Hoa báu, lá báu, gốc rễ báu
Hoặc dùng ngàn báu chia rừng khác
Hoặc có trăm báu xếp thành hàng
Mỗi hàng tương đương với tướng lá
Màu sắc, ánh sáng chẳng giống nhau
Lượng ngang bằng, cao ba mươi vạn
Cành nhánh chạm nhau nói **Vô Sinh**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Ao báu, bờ báu, cát vàng báu
Mương báu, lá báu, hoa sen báu
Hai mươi Do Tuần đều ngay thẳng
Lưới báu, lan can báu vòng khắp
Nước **Công Đức** chảy tìm cây báu
Nghe sóng thấy vui, chứng **Điềm Phạ** (nỗi sợ hãi được lặng yên)
Đã nói người đồng hành có Duyên
Gắng sức vượt Mê, về **nhà mình** (bản gia)
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc
_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Trên mỗi một dây vàng, Giới Đạo
Nhạc báu, lầu báu ngàn vạn ức
Chư Thiên Đồng Tử rải hương hoa
Bồ Tát phương khác như mây đến
Vô lượng vô biên chẳng thể tính
Cúi lại Di Đà, cung kính đứng
Âm vang *chuông gió* (phong linh) cây tràn khắp
Khen nói **ba Tôn** không cùng tận
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Tòa **Di Đà Bản Nguyện Hoa Vương**
Tất cả mọi báu đã tạo thành
Trên Đài bốn phướng, trướng, *bảo man* (vòng hoa báu)
Di Đà ngồi riêng, hiển *Chân Hình*
Ánh sáng Chân Hình tràn Pháp Giới
Người chạm ánh sáng, Tâm chẳng lui
Ngày đêm sáu Thời, chuyên tưởng niệm
Thời cuối, khoái lạc như Tam Muội
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Thân Tâm **Di Đà** tràn Pháp Giới
Y Tâm, tưởng *chân dung* biểu thị
Trượng báu chân dung đến tòa hoa
Tâm mở thấy nước ấy trang nghiêm
Cây báu, hoa **ba Tôn** tràn khắp
Cùng nghe âm vang chuông gió, nhạc
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Thân Sắc **Di Đà** như núi vàng
Tướng tốt, ánh sáng chiếu mười phương
Chỉ **niệm Phật** mong hào quang nhiếp
Sẽ như Bản Nguyện, rất mạnh mẽ
Như Lai sáu phương, le lưỡi chứng
Chuyên xưng Danh Hiệu, đến phương Tây
Đến nơi, hoa nở, nghe Diệu Pháp
Hạnh Nguyện **mười Địa** tự nhiên rõ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc.

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Bồ Tát **Quán Âm**, Đại Từ Bi
Đã được **Thiện Đề**, buông chẳng chứng
Tất cả **năm Đường** (Địa Ngục, Quỷ đói, Súc Sinh, A Tu La, nhân gian) trong Nội Thân
Sáu Thời quán sát, ứng **ba Luân** (cảnh đã biết, Trí hay biết, người hay biết)
Ứng hiện thân, ánh sáng vàng tía
Tướng tốt uy nghi, chuyển không cùng
Luôn duỗi trăm ức tay **Quang Vương**
Nhiếp kẻ **có Duyên** về *nước mình* (bản quốc)
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc.

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Bồ Tát **Thế Chí** khó nghĩ bàn
Uy Quang chiếu khắp, không bờ mé
Chúng sinh **có duyên** chạm ánh sáng
Tăng trưởng Trí Tuệ, vượt ba cõi
Pháp Giới lay nghiêng như cỏ Bồng
Hóa Phật vân tập đầy hư không
Khuyên kẻ có duyên, thường nghĩ nhớ
Dứt hẳn bào thai, chứng sáu Thông
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc.

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Ngồi thẳng, Kiết Già vào Tam Muội

Tưởng Tâm nương **niệm** đến phương Tây
Thấy cõi Cực Lạc của Di Đà
Trên đất, hư không, báu trang nghiêm
Thân lượng Di Đà thật vô biên
Lại khuyên chúng sinh quán thân nhỏ
Trượng sáu tám thước tùy **Cơ** hiện
Viên quang (hào quang tròn trịa), **Hóa Phật** ngay trước mặt
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc.

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Nhóm trên, Hạnh trên, người Thượng Căn
Cầu sinh Tịnh Thổ, chặt Tham Sân
Hành thành, sai biệt chia **ba Phẩm**
Năm Môn nối tiếp trợ ba **Nhân** (Hetu)
Một ngày, bảy ngày chuyên tinh tiến
Hết mạng nương Đài, thoát **sáu Trần**
Mừng thay ! Khó gặp nay được gặp
Chứng đạt Vô Vi, Thân Pháp Tính
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc.

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Nhóm giữa, Hạnh giữa, người Trung Căn
Một ngày Trai Giới, ở sen vàng
Hiếu dưỡng cha mẹ, dạy hồi hướng
Nói nhân khoái lạc ở bốn phương
Phật cùng chúng Thanh Văn đến nhận
Đến thẳng bên tòa hoa Di Đà
Hoa trăm báu che, trải bảy ngày
Sen ba Phẩm nở, chứng thân nhỏ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc.

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Nhóm dưới, Hạnh dưới, người Hạ Căn
Mười ác, năm nghịch với Tham Sân
Bốn nặng (4 tội nặng) trộm Tăng (trộm tài vật của chư Tăng) chê Chính Pháp
Chưa từng xấu hổ, hối tội xưa
Chợt gặp Thiện Tri Thức vãng sinh
Khuyên gấp chuyên xưng tên Phật ấy
Hóa Phật, Bồ Tát tìm tiếng đến
Một niệm dốc Tâm vào sen báu
Ba **hoa** nhiều kiếp chồng lấp, nở
Lúc đó mới phát nhân Bồ Đề
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc.

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Nước Phật Di Đà, hay cảm ứng
Cực Lạc phương Tây khó nghĩ bàn
Nghe **Bát Nhã** không còn thấy khát
Nghĩ ăn **Vô Sinh**, liền hết đói
Tất cả trang nghiêm đều nói Pháp
Vô Tâm lãnh nạp, tự nhiên biết
Ao hoa bảy Giác, tùy ý vào
Tám nhóm ngưng Thần, hội một cành
Vô lượng Bồ Tát cùng học chung
Tận *biển Tính, Như Lai* là Thầy
Nước Tâm **Di Đà** gội thân, đỉnh
Quán Tâm, Thế Chí cho áo mặc
Bay lên hư không, dạo Pháp Giới
Phúc chốc Thọ Ký, hiệu **Vô Vi**
Như đây, tiêu dao chốn vô cực
Nay Ta chẳng đi, đợi lúc nào ?!...
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc.

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Thương xót che giúp con
Khiến mầm Pháp tăng trưởng
Đời này với đời sau
Nguyện Phật thường nhiếp thọ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Quán Âm, Thế Chí, Chư Bồ Tát Thanh Tịnh Đại Hải Chúng
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc

_ Khắp vì Sư Tăng, cha mẹ với Thiện Tri Thức, chúng sinh trong Pháp Giới, đoạn trừ ba chướng, đồng được sinh về nước của Đức Phật A Di Đà. Quy mệnh sám hối

Nhóm **Sám Hối, Phát Nguyện** của hai Phẩm trên đồng với lúc trước. Tu điều thiết yếu trong thiết yếu, lấy làm chặng đầu. Tu phần lược trong lược, lấy làm chặng giữa. Tu điều rộng trong rộng, lấy làm chặng dưới. **Điều rộng** ấy thuận theo người có Tâm Nguyện sinh mà khuyên. Hoặc đối trước bốn Chúng, hoặc đối trước mười phương Phật; hoặc đối trước Xá Lợi, Tôn Tượng, Đại Chúng; hoặc đối trước một người….Nếu riêng nhóm của mình, lại hướng đến Tam Bảo tận hư không trong mười phương với tận Chúng Sinh Giới…hướng đầy đủ tỏ bày Sám Hối.

Sám Hối có ba Phẩm: Thượng, Trung, Hạ.

Thượng Phẩm Sám Hối: Máu tuôn chảy trong lông thân, máu trong mắt tuôn ra., gọi là Thượng Phẩm Sám Hối.

Trung Phẩm Sám Hối: Mồ hôi nóng trong khắp thân từ lỗ chân lông tuôn ra, máu trong mắt tuôn chảy, gọi là Trung Phẩm Sám Hối.

Hạ Phẩm Sám Hối: Sức nóng thông suốt khắp thân, trong mắt tuôn chảy giòng lệ, gọi là Hạ Phẩm Sám Hối.

Ba Phẩm của nhóm này tuy có sai biệt, tức là **chín loại giải thoát** chia cho người có căn lành, dẫn đến khiến cho ngày nay sinh kính Pháp, trọng người, chẳng tiếc thân mệnh cho đến chút ít tội…nếu **Sám** tức hay thấy suốt Pháp, thấu suốt Tủy. Người có thể như **Sám** này, chẳng luận lâu xa, gần sát…hết thảy tội nặng mau chóng đều diệt hết. Nếu chẳng như điều này, giả sử ngày đêm 12 Thời hấp tấp sai lệch thì phần đông là vô ích. Nếu người chẳng làm, nên biết tuy chẳng thể tuôn lệ, tuôn máu…chỉ thuận theo Chân Tâm thấu đến liền đồng với bên trên

Kính bạch mười phương chư Phật, mười hai Bộ Kinh, các Đại Bồ Tát, tất cả Hiền Thánh với tất cả tám Bộ Trời Rồng, chúng sinh trong Pháp Giới, Đại Chúng hiện tiền….chứng biết cho con tỏ bày sám hối.

"Từ vô thủy trở đi, cho đến thân ngày nay, giết hại tất cả Tam Bảo, Thầy, Tăng, cha mẹ, sáu Thân, Quyến Thuộc, Thiện Tri Thức, chúng sinh trong Pháp Giới…chẳng thể biết số lượng

Trộm cắp vật dụng của tất cả Tam Bảo, Thầy, Tăng, cha mẹ, sáu Thân, Quyến Thuộc, Thiện Tri Thức, chúng sinh trong Pháp Giới…chẳng thể biết số lượng

Đối với tất cả Tam Bảo, Thầy, Tăng, cha mẹ, sáu Thân, Quyến Thuộc, Thiện Tri Thức, chúng sinh trong Pháp Giới…còn khởi Tâm Tà, chẳng thể biết số lượng

Nói dối lừa gạt tất cả Tam Bảo, Thầy, Tăng, cha mẹ, sáu Thân, Quyến Thuộc, Thiện Tri Thức, chúng sinh trong Pháp Giới…chẳng thể biết số lượng

Nói lời thêu dệt, nịnh hót tất cả Tam Bảo, Thầy, Tăng, cha mẹ, sáu Thân, Quyến Thuộc, Thiện Tri Thức, chúng sinh trong Pháp Giới…chẳng thể biết số lượng

Nói lời xấu ác, nhục mạ, chê bai, hủy hoại tất cả Tam Bảo, Thầy, Tăng, cha mẹ, sáu Thân, Quyến Thuộc, Thiện Tri Thức, chúng sinh trong Pháp Giới…chẳng thể biết số lượng

Nói hai lưỡi đâm thọt, đấu loạn, phá hoại tất cả Tam Bảo, Thầy, Tăng, cha mẹ, sáu Thân, Quyến Thuộc, Thiện Tri Thức, chúng sinh trong Pháp Giới…chẳng thể biết số lượng

Hoặc phá năm Giới, tám Giới, mười Giới, Giới **Thập Thiện,** 250 Giới, 500 Giới, Bồ Tát Tam Tụ Giới, mười Vô Tận Giới cho đến tất cả Giới với tất cả Uy Nghi Giới…tự mình làm, dạy bảo người khác, thấy làm tùy vui….chẳng thể biết số lượng

Mọi tội của nhóm như vậy cũng như vô số hạt bụi nhỏ trong Đại Địa vô biên ở mười phương. Chúng con gây tội cũng lại vô số

Hư không vô biên, chúng con gây tội cũng lại vô biên

Phương tiện vô biên, chúng con gây tội cũng lại vô biên

Pháp Tính vô biên, chúng con gây tội cũng lại vô biên

Pháp Giới vô biên, chúng con gây tội cũng lại vô biên

Chúng sinh vô biên. Chúng con cướp đoạt, giết hại cũng lại vô biên

Tam Bảo vô biên. Chúng con xâm phạm gây hư tổn, cướp đoạt, giết hại cũng lại vô biên

Giới Phẩm vô biên. Chúng con hủy phạm cũng lại vô biên

Tội của nhóm như vậy, bên trên đến các Bồ Tát, bên dưới đến nơi mà Thanh Văn Duyên Giác chẳng thể biết, chỉ có Phật với Phật mới biết tội của con nhiều ít.

Nay ở trước Tam Bảo, trước chúng sinh trong Pháp Giới tỏ bày sám hối, chẳng dám che dấu. Nguyện xin mười phương Tam Bảo, chúng sinh trong Pháp Giới nhận sự sám hối của con, nghĩ đến sự thanh tịnh của con.

Bắt đầu từ ngày hôm nay, nguyện cùng với chúng sinh trong Pháp Giới, **bỏ Tà quy Chính**, phát Tâm Bồ Đề, Tâm Từ cùng hướng, mắt Phật cùng nhìn quyến thuộc Bồ Đề làm **Chân Thiện Tri Thức**, đồng sinh về nước của Đức Phật A Di Đà, cho đến khi thành Phật. Tội của nhóm như vậy, chặt đứt hết sự nối tiếp, rồi chẳng dám làm nữa.

Sám hối xong. Chí Tâm quy mệnh A Di Đà Phật (***Quảng Sám*** *xong*)

_ Nếu lúc vào **Quán** với lúc ngủ say, nên phát Nguyện này. Hoặc ngồi hoặc đứng, một lòng chắp tay, mặt hướng về phương chính Tây, mười tiếng xưng A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, các Bồ Tát Thanh Tịnh Đại Hải Chúng xong.

"Đệ Tử (họ tên là….) *hiện là kẻ Phàm Phu sinh tử, tội chướng sâu nặng, luân chuyển trong sáu đường, đau khổ chẳng thể nói đủ. Ngày nay gặp Thiện Tri Thức, được nghe Bản Nguyện, Danh Hiệu của Đức Di Đà, một lòng xưng niệm, cầu nguyện vãng sinh. Nguyện xin Phật Từ Bi chẳng buông bỏ* ***Bản Hoằng Thệ Nguyện****, nhiếp thọ.*

Đệ Tử chẳng biết ánh sáng, thân tướng của Đức Phật Di Đà. Nguyện xin Phật Từ Bi hiện bày cho Đệ Tử nhìn thấy thân tướng với tướng của Quán Âm, Thế Chí, các vị Bồ Tát…tướng ánh sáng trang nghiêm thanh tịnh của Thế Giới ấy"

Nói rõ lời này xong, một lòng chính niệm, tức tùy theo ý vào **Quán** với **ngủ**. Hoặc có lúc **Chính Phát Nguyện** liền được nhìn thấy. Hoặc có lúc ngủ say thời được nhìn thấy, trừ chẳng chí Tâm. Nguyện điều kia đến rất có hiện nghiệm

_ Hỏi rằng: "Xưng niệm, lễ, quán Đức Phật A Di Đà thì đời này có Công Đức lợi ích nào?"

Đáp rằng: "Nếu xưng **A Di Đà Phật** một tiếng, tức hay trừ diệt tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử. Lễ niệm xong, bên dưới cũng như vậy.

Kinh **Thập Vãng Sinh** ghi rằng: "Nếu có chúng sinh niệm **A Di Đà Phật**, nguyện vãng sinh thì Đức Phật ấy liền khiến 25 vị Bồ Tát ủng hộ Hành Giả. Hoặc đi, hoặc ngồi, hoặc đứng, hoặc nằm, hoặc ngày, hoặc đêm, tất cả thời, tất cả nơi chốn chẳng để cho Quỷ ác, Thần ác được dịp thuận tiện gây hại vậy"

Lại như **Quán Kinh** nói: "Nếu người xưng lễ niệm **A Di Đà Phật**, nguyện sinh về nước ấy thì Đức Phật kia liền khiến vô số vị Hóa Phật, vô số Hóa Quán Âm, Thế Chí, Bồ Tát hộ niệm Hành Giả. Lại cùng với 25 vị Bồ Tát lúc trước vây quanh Hành Giả trăm lớp ngàn lớp…chẳng luận đi, đứngm ngồi, nằm, tất cả thời, tất cả nơi chốn, hoặc ngày, hoặc đêm…thường chẳng lìa Hành Giả"

Nay đã có lợi ích thù thắng này có thể làm bằng cứ. Nguyện các Hành Giả đều nên chí Tâm cầu vãng sinh.

_ Lại như Kinh **Vô Lượng Thọ** nói: "Nếu Ta thành Phật, chúng sinh ở mười phương xưng danh hiệu của Ta, bên dưới đến mười tiếng, nếu chẳng được vãng sinh thì Ta chẳng nhận lấy Chính Giác'

Nay Đức Phật ấy đã thành Phật trong đời hiện tại. Nên biết **Bản Thệ Trọng Nguyện** chẳng hư dối, chúng sinh xưng niệm đều được vãng sinh

_Lại như Kinh **A Di Đà** nói: "Nếu có chúng sinh nghe nói về Đức Phật A Di Đà, liền nên chấp trì Danh Hiệu, hoặc một ngày hoặc hai ngày cho đến bảy ngày, một lòng xưng phật chẳng loạn. Khi mạng sắp hết thời Đức Phật A Di Đà cùng với chúng Thánh hiện ngay trước mặt kẻ ấy. Người này lúc chết thời Tâm chẳng điên đảo, liền được sinh về nước ấy.

Đức Phật bảo Xá Lợi Phất: "Ta thấy lợi này, cho nên nói lời đó. Nếu có chúng sinh nghe được Thuyết này, cần phải phát nguyện, nguyện sinh về nước ấy"

_ Tiếp theo, bên dưới nói rằng: "Phương Đông có chư Phật nhiều như số cát của sông Hằng. Phương Nam, Tây, Bắc với phương trên, phương dưới…mỗi một phương có chư Phật nhiều như số cát của sông Hằng đều ở cõi nước của mình, hiện ra tướng lưỡi ấy che trùm khắp ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, nói lời thành thật: ***"Chúng sinh các ngươi đều nên tin Kinh được tất cả chư Phật hộ niệm này"***

Thế nào gọi là **Hộ Niệm**? Nếu có chúng sinh xưng niệm **A Di Đà Phật**, hoặc bảy ngày với một ngày, bên dưới đến mười tiếng cho đến một tiếng, một niệm…đều được vãng sinh. Chứng thành việc này cho nên gọi là **Hộ Niệm Kinh**

_ Tiếp theo Văn bên dưới ghi rằng: "Nếu người xưng Phật, vãng sinh thường được sự hộ niệm của chư Phật nhiều như số cát sông Hằng ở sáu phương, cho nên gọi là **Hộ Niệm Kinh.**

Nay đã có Thệ Nguyện tăng thượng này, có thể làm bằng cứ. Các hàng Phật Tử vì sao chẳng khuyến khích Ý đi vậy?...

VÃNG SINH LỄ TÁN KỆ

Hết

26/11/2011



PHẬT NÓI KINH NHÂN DUYÊN VIỆC LỚN LỢI ÍCH CỦA DANH HIỆU VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT

Hán dịch: Đời Tào Nguỵ_ Thiên Trúc Tam Tạng **Khang Tăng Khải** (Saṃghavarman)
Việt dịch: HUYỀN THANH

Tôi nghe như vầy. Một thời Đức Phật ngự trong núi **Kỳ Xà Quật** (Gṛdhra-kuṭa) tại thành **Vương Xá** (Rāja-gṛha) cùng với **chúng Đại Tỳ Kheo** (Mahatā-bhikṣu-saṃgha) gồm một ngàn hai trăm năm mươi người đến dự. Các chúng Thánh đã dứt hết các **Lậu** (āsrava), đạt Thần Thông Minh, tên các vị ấy là: Tôn Giả **A Nan** (Ānanda), Tôn Giả **Mục Kiền Liên** (Maudgalyāyana), Tôn Giả **Xá Lợi Phất** (Śāriputra), Tôn Giả **Đại Ngưu Vương** (Mahā-Vṛṣbha-rāja), Tôn Giả **Ma Ha Ca Diếp** (Mahā-kāśyapa), Tôn Giả **Ma Ha Già Gia Ca Diếp** (Mahā-Gayā-kāśyapa), Tôn Giả **Đại Châu Na** (Mahā-cunda), Tôn Giả **Danh Văn Ca Diếp** (Urubilvā-kāśyapa), Tôn Giả **Đại Tịnh Tâm Chí** ….đều như nhóm này, đã là bậc **Thượng Thủ** (Paramukha)

Lại có các vị Đại Chính Sĩ thuộc nhóm **Phổ Hiền Bồ Tát** (Samanta-bhadra), **Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát** (Maṃjuśrī), **Tín Tịnh Tuệ Bồ Tát**, **Thiện Giải Thoát Bồ Tát** (Sumukti)… đầy đủ vô lượng Nguyện Hạnh, an trụ Pháp của Công Đức chẳng thể nghĩ bàn, Trí Tuệ Thánh Minh. Các chúng Bồ Tát của nhóm như vậy chẳng thể xưng tính, tức thời đến dự hội.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo A Nan rằng: "Vào thời quá khứ lâu xa, cách nay vô lượng vô ương số kiếp, có một vị Đại Tỳ Khưu tên là **Pháp Tạng** (Dharmākara) gặp trực tiếp vô số trăm ngàn Đức Phật, tròn đủ vô lượng Đại Nguyện vượt quá Pháp mà chư Phật đã hành. Vị Tỳ Khưu **Pháp Tạng** ấy, nay đã thành **Chính Giác**, hiện ngự tại cõi **Thanh Tịnh An Lạc** (Śuddha-sukhāvatī) ở phương Tây, hiệu là **Bất Khả Tư Nghị Quang Vô Lượng Thọ Như Lai**. Do sức Bản Nguyện của Đức Phật ấy, cho nên dùng sức Uy Thần chẳng thể nghĩ bàn, tràn khắp mười phương Thế Giới, dùng âm thanh lớn tuyên bố Công Đức của Danh Hiệu. Thế nên tất cả Hữu Tình trong mười phương Thế Giới, nghe tin Công Đức của Danh Hiệu ấy thời nhập vào địa vị **Chính Định**, sinh về nước của Đức Phật **Thanh Tịnh An Lạc**

Chính vì thế cho nên, loài Hữu Tình, giả sử khiến ở ngay trong cõi Người, vì nghiệp báo đời trước (túc báo): hoặc bị điếc, mù, câm, ngọng, ngu si, cuồng ác…Do nhân duyên ***Danh Hiệu ánh sáng*** của Đức Phật ấy đều được giải thoát. Hoặc ngay trong sự cần khổ của ba đường (Địa Ngục, Quỷ đói, Súc Sinh) chịu khổ không có gián đoạn.Do nhân duyên Danh Hiệu ánh sáng của Đức Phật ấy đều được giải thoát. Nghe Danh Hiệu ánh sáng ấy, nếu tin nhận, nếu xưng tên thì tức thời trừ bỏ tội của sinh tử trong vô lượng vô số kiếp

Thế nên A Nan ! Xưng Hiệu của Đức Phật ấy, hoặc một tiếng, hoặc mười tiếng cho đến trăm ngàn tiếng. Ở ngay trong mỗi mỗi Niệm có vô số vị **Hoá Vô Lượng Thọ Phật** thường hộ giúp người ấy. Lại có hai vị Bồ Tát, một vị tên là **Quán Thế Âm** (Avalokiteśvara), một vị tên là **Đại Thế Chí** (Mahā-sthāma-prāpta), hai vị Bồ Tát đấy tự làm bậc Thượng Thủ cùng với các chúng Đại Bồ Tát thường đi đến hộ giúp cho người ấy. Sau khi hết tuổi thọ thì sinh về nước **Thanh Tịnh An Lạc** (Śuddha-sukhāvatī) của Đức **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus).

Chính vì thế cho nên A Nan ! Giả sử có lửa mạnh tràn đầy ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, ắt sẽ vượt qua, đến nghe tin Danh Hiệu của Đức Phật ấy thì người này có hiệu là **Hoả Trung Sinh Bạch Liên Hoa** (Hoa sen trắng sinh ra trong lửa). Đấy gọi là lợi ích của Danh Hiệu chẳng thể nghĩ bàn, một nhân duyên của việc lớn

Do sức Bản Nguyện của Đức Phật ấy, cho nên chư Phật mười phương đều cùng nhau khen ngợi Công Đức Danh Hiệu của Đức Phật ấy. Lại xưng tán loài Hữu Tình niệm Phật. Thế nên các ông đều nên tin nhận Danh Hiệu của Đức Phật ấy"

Đức Thế Tôn bảo A Nan rằng: "Bởi thế, Đức Như Lai hiện ra ở đời, nói Nhân Duyên việc lớn lợi ích Danh Hiệu ánh sáng, Công Đức chân thật chẳng thể nghĩ bàn của Đức Phật ấy. Chính vì thế cho nên Ta nói *khó gặp, khó thấy, khó được, khó nghe*. Nếu có chúng sinh có nghe Pháp này, đều nên tin thuận, như Pháp tu hành"

Đức Thế Tôn bảo A Nan rằng: "Vị Tỳ Khưu **Pháp Tạng** ấy vì cứu độ tất cả Hữu Tình trong mười phương Thế Giới, tuy khởi Nguyện **Siêu Thế**, tu vô lượng **Đại Hạnh**…là cái gốc lâu xa thật thành **Pháp Thân Thường Trụ Vô Lượng Thọ Phật** vốn có. Do sức Uy Thần chẳng thể nghĩ bàn, cho nên tràn khắp mười phương Thế Giới để giáo hoá, an lập vô số Hữu Tình trụ ở Đạo chân thật vô thượng. Hoặc làm Sát Lợi Quốc Vương, Chuyển Luân Vương. Hoặc làm Trưởng Giả ở nhà Tôn Tính hào quý. Hoặc làm Phạm Thiên Vương của sáu cõi Dục. Hoặc làm thân Địa Ngục, Quỷ đói, Súc Sinh, Tu La…dùng bốn uy nghi, hoá làm tất cả.

Này A Nan ! Bậc lâu xa thật thành **Pháp Thân Thường Trụ Vô Lượng Thọ Phật** ấy, há có thể là người khác sao ? Đấy là thân Ta, Đức Thế Tôn của ngày hôm nay vậy. Vì thương nhớ các ông, tất cả Hữu Tình trong bóng tối của đêm dài Vô Minh, cho nên từ cõi **An Dưỡng Vô Vi** ấy, thị hiện trong thời ác, Thế Giới ác này…tích tập (ca gia: Kāya) nhóm **Vương Xá** (Rāja-gṛha)…nói Nhân Duyên Công Đức chẳng thể nghĩ bàn của Đức Phật ấy. Đấy là điều khó gặp, khó thấy, khó được, khó nghe. Chính vì thế cho nên, nếu có Hữu Tình nghe Kinh này, đều nên tin nhận, như Pháp tu hành"

Đức Thế Tôn bảo A Nan rằng: "Giả sử khiến cho tất cả Hữu Tình bị phiền não, nghiệp ác, chướng sâu, báo nặng… thì Thần Lực ***Danh Hiệu ánh sáng*** của Đức Phật ấy không có chỗ nào ngăn che được. Thế nên Đức Phật ấy có hiệu là **Vô Đắc, Vô Đối, Thanh Tịnh Trí Tuệ, Hoan Hỷ** ….Do Trí Tuệ không có đắc cho nên sức Uy Thần cũng không có đắc. Do Thần Lực không có đắc cho nên Đại Từ Bi cũng không có đắc. Chính vì thế cho nên tất cả Hữu Tình trong đời trược ác, nếu dùng ***có đắc***, Trí nhỏ… có nghi ngờ nơi Trí ***không có đắc***, Trí ***chẳng thể nghĩ bàn***, Trí ***chẳng thể đo lường,*** Trí ***Thù Thắng của Đại Thừa***, Trí ***Tối Thượng của Vô Đẳng Luân*** của Đức Phật ấy… mà nghi ngờ, chẳng tin. Do nghi ngờ cho nên trong vô số nhiều kiếp bị đoạ vào **Tằng Bà La Ngục**, hoặc vào **Tần Đà La Ngục** chịu khổ vô cùng, không có hạn kỳ ra khỏi.

Chính vì thế cho nên, nếu có Hữu Tình chân chính tin tưởng **Phật Trí** (Buddha-jñāna), tức thời nhập vào địa vị **Chính Định**, chẳng thoái chuyển **A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề** (Anuttarā-samyaksaṃbuddhi:Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác). Đấy gọi là Nhân Duyên việc lớn lợi ích của Danh Hiệu thuộc Công Đức chẳng thể nghĩ bàn"

Lúc Đức Phật nói Kinh này thời khắp Đại Địa chấn động theo sáu cách, trời tuôn mưa hoa màu nhiệm, tự nhiên trong hư không có âm thanh lớn vi diệu khen ngợi Đức Phật **Bất Khả Tư Nghị Quang Vô Lượng Thọ Thanh Tịnh** ấy với Đức Thế Tôn ở ngày nay, nói Nhân Duyên lợi ích của việc lớn.

Khi Đức Thế Tôn nói Kinh này thời vô lượng Hữu Tình phát **Vô Thượng Chính Chân Đạo Ý**. Chư Thiên, người dân được quả **A Na Hàm** (Anāgāmin: *Bất Hoàn, Bất Lai, Bất Lai Tướng là Bậc Thánh thuộc quả vị thứ ba trong bốn quả vị của Thanh Văn*). Các Đại Bồ Tát dùng **bốn Hoằng Thệ** (4 loại Nguyện rộng lớn), trang nghiêm Công Đức, ở đời tương lai, ứng thành **Chính Giác**.

Đức Phật nói Kinh xong thời các chúng Đại Bồ Tát, các chúng Đại Thanh Văn Đệ Tử thuộc nhóm A Nan…nghe điều Đức Phật đã nói, đều vui vẻ lễ Phật rồi lui ra.

PHẬT NÓI KINH NHÂN DUYÊN VIỆC LỚN
LỢI ÍCH CỦA DANH HIỆU VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT
Hết

09/08/2011



Vạn Tân Toản Tục Tạng Kinh_ Tập 01_ No.14

PHẬT NÓI KINH THẬP VÃNG SINH A DI ĐÀ PHẬT QUỐC

Hán dịch: Mất tên người dịch. Nay trích bản ghi chép thuộc đời Chu
Việt dịch: HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe. Một thời Đức Phật trụ trong núi **Kỳ Xà Quật** (Gṛdhra-kuṭa) tại thành **Vương Xá** (Rāja-gṛha) cùng với **chúng Đại Tỳ Khưu** (Mahatā-bhikṣu-saṃgha) gồm một vạn hai ngàn người đến dự, đều là bậc **Đại A La Hán** (Mahā-śrāvaka:Đại Thanh Văn) mà mọi người đã biết. Tên các vị ấy là **Ma Ha Ca Diếp** (Mahā-kāśyapa), **Ma Ha A Na Luật Đà** (Mahā-Aniruddha) đều là bậc Thượng Thủ (Paramukha) của nhóm như vậy.

Lại cùng với vô lượng Bồ Tát Ma Ha Tát đến dự, tất cả đều trụ tại địa vị **Bất Thoái Chuyển** (Avaivartika), vô lượng Công Đức, mọi chỗ trang nghiêm. Tên các vị ấy là **Diệu Cát Tường Bồ Tát** (Maṃjuśrī), **Vô Năng Thắng Bồ Tát** (Ajita)**, Thường Tinh Tiến Bồ Tát** (Nityodyukta), **Bất Hưu Tức Bồ Tát** (Gandha-hasta:Hương Tượng)**…**Các vị Đại Bồ Tát của nhóm như vậy đều là bậc Thượng Thủ

Lại có **Thích Đề Hoàn Nhân** (Śakra), **Kham Nhẫn Giới Chủ** (Sahāṃpati), **Đại Phạm Thiên Vương** (Mahā-brahma-deva-rāja), bốn vị **Đại Thiên Vương** (Catur-mahā-rājakajikaḥ). Như vậy là bậc Thượng Thủ của trăm ngàn **câu đê** (Koṭi) **na dữu đa** (Nayuta) số các chúng **Thiên Tử** (Devaputra) với hàng **A Tố Lạc** (Asura)…vì nghe Pháp cho nên thảy đều đến tập hội, đều lễ bàn chân của Đức Phật rồi lui ra ngồi một bên.

Bấy giờ **A Nan** (Ānanda) bạch Phật rằng: "Đức Thế Tôn từ khi thành Đạo đến nay, ở trong Pháp **giải Thoát** của tất cả chúng sinh, rộng diễn bày Kinh Điển **Đại Thừa** (Mahā-yāna), tuyên nói sự vi diệu tối thắng thanh tịnh trang nghiêm của Thế Giới **Cực Lạc** (Sukhāvatī) ở phương Tây. Bản Thệ, Nguyện nặng, Công Đức chẳng thể nghĩ bàn của Đức Phật **A Di Đà** (Amitābha). Pháp của tất cả chúng sinh vãng sinh về Thế Giới Cực Lạc…Chúng con đã nghe kỹ, tin nhận, tu hành. Nhưng chưa được nghe Pháp **Quán Thân**, việc ấy như thế nào ? Nguyện xin diễn nói"

Đức Phật bảo A Nan: "Phàm Pháp **Quán Thân**. Chẳng quán Đông Tây. Chẳng quán Nam Bắc. Chẳng quán bốn phương bàng, phương trên, phương dưới. Chẳng quán Duyên bên ngoài. Chẳng quán Duyên bên trong. Chẳng quán hình sắc của Thân. Chẳng quán màu sắc, âm thanh. Chẳng quán hình sắc, hình tượng. Chỉ quán **Vô Duyên** (không có Duyên). Đấy là Pháp **Chính Chân Quán Thân**. Trừ **Quán Thân** đó ra, mười phương xét kỹ, cầu nơi nơi chốn chốn đều không có Pháp khác mà được giải thoát"

Đức Phật lại bảo A Nan: "Chỉ tự **Quán Thân** thì Thiện Lực tự nhiên, Chính Niệm tự nhiên, Giải Thoát tự nhiên. Tại sao thế ? Ví như có người tinh tiến, Tâm ngay thẳng được Chính Giải Thoát. Người như vậy chẳng cầu giải thoát mà giải thoát tự đến"

A Nan lại bạch Phật rằng: "Thế Tôn ! Chúng sinh trong Thế Gian, nếu có Chính Niệm Giải Thoát như vậy thời lẽ ra không có tất cả Địa Ngục, Quỷ đói, Súc Sinh… ba đường ác ?!..."

Đức Phật bảo A Nan: "Chúng sinh trong Thế Gian chẳng được giải thoát. Tại sao thế ? Vì tất cả chúng sinh đều do có nhiều điều hư hão, ít điều thật, không có một Chính Niệm. Do Nhân Duyên đó mà Địa Ngục thì nhiều, giải thoát thì ít. Ví như có

người đối với cha mẹ của mình cùng với Thầy, Tăng…bên ngoài hiển điều Hiếu Thuận nhưng bên trong ôm giữ sự Bất Hiếu, bên ngoài thì tinh tiến nhưng bên trong ôm giữ sự chẳng thật. Ngươi ác như vậy, tuy nghiệp báo chưa đến nhưng chẳng lâu sẽ rơi vào ba đường (Địa Ngục, Quỷ đói, Súc Sinh), không có Chính Niệm, chẳng được giải thoát"

A Nan lại bạch Phật rằng: "Nếu người như vậy thì nên tu **căn lành** (Kuśala-mūla) nào để được Chính Giải Thoát ?"

Đức Phật bảo A Nan: "Nay ông hãy khéo lắng nghe ! Nay Ta vì ông nói có mười Pháp **Vãnh Sinh** thuộc Thế Giới Cực Lạc ở phương Tây, có thể được giải thoát. Thế nào là mười ?

1_ **Quán Thân Chính Niệm**, thường ôm lòng vui vẻ, đem thức ăn uống, quần áo dâng thí Phật với Tăng, sẽ sinh về nước của Đức Phật A Di Đà.

2_ **Chính Niệm**, dùng thuốc tốt ngon ngọt dâng thí cho một vị Tăng bị bệnh với tất cả, sẽ sinh về nước của Đức Phật A Di Đà.

3_ **Chính Niệm**, chẳng hại một sinh mạng, Từ Bi với tất cả, sẽ sinh về nước của Đức Phật A Di Đà.

4_ **Chính Niệm**, theo Thầy, đã thọ nhận Giới, Tịnh, Tuệ thường tu **Phạm Hạnh** (Brahma-caryā), thường ôm lòng vui vẻ, sẽ sinh về nước của Đức Phật A Di Đà.

5_ **Chính Niệm**, hiếu thuận với cha mẹ, kính phụng Sư Trưởng, chẳng khởi Tâm kiêu mạn, sẽ sinh về nước của Đức Phật A Di Đà.

6_ **Chính Niệm**, đi đến chỗ Tăng Phường (phòng xá mà Tăng Ni cư ngụ), cung kính chùa tháp, nghe Pháp hiểu một nghĩa, sẽ sinh về nước của Đức Phật A Di Đà.

7_ **Chính Niệm**, trong một ngày một đêm thọ trì tám **Trai Giới** chẳng phá một Giới, sẽ sinh về nước của Đức Phật A Di Đà.

8_ **Chính Niệm**, nếu hay ở trong ngày **Trai** của tháng mà xa lìa phòng xá, thường đến chỗ của Thầy tốt (thiện sư), sẽ sinh về nước của Đức Phật A Di Đà.

9_ **Chính Niệm**, thường hay giữ gìn **Tịnh Giới**, siêng tu **Thiền Định**, hộ Pháp, chẳng nói lời ác. Nếu hay hành như vậy, sẽ sinh về nước của Đức Phật A Di Đà.

10_ **Chính Niệm**, nếu đối với Đạo vô thượng chẳng khởi Tâm phỉ báng, tinh tiến giữ gìn **Tịnh Giới**, lại dạy bảo người không có Trí, lưu bố Kinh Pháp này giáo hoá vô lượng chúng sinh. Các hạng người như vậy đều được sinh về nước của Đức Phật A Di Đà.

Bấy giờ, Thế Giới ở mười phương chấn động theo sáu cách, tuôn mưa châu báu, toả mùi thơm. Tất cả các Bồ Tát trong nước Phật ở phương khác đi đến tụ tập tại Hội này, một lòng nghe Pháp.

Trong Đại Hội có một vị Bồ Tát tên là **Sơn Hải Tuệ** bạch Phật rằng: "Thế Tôn ! Nước của Đức Phật A Di Đà ấy có việc thù thắng diệu lạc nào mà tất cả chúng sinh đều nguyện sinh vễ nước ấy ?"

Đức Phật bảo Sơn Hải Tuệ Bồ Tát: "Nay ông cần phải đứng dậy, chắp tay, ngay thẳng thân, hướng về phương Tây, chính niệm, quán nước của Đức Phật A Di Đà, nguyện nhìn thấy Đức Phật A Di Đà"

Khi ấy, tất cả Đại Chúng cũng đều đứng dậy, chắp tay, cùng nhau quán Đức Phật A Di Đà.

Lúc đó, Đức Phật A Di Đà hiện Đại Thần Thông, phóng ánh sáng lớn chiếu thân của Sơn Hải Tuệ Bồ Tát.

Bấy giờ nhóm của Bồ Tát Sơn Hải Tuệ liền nhìn thấy cõi nước của Đức Phật A Di Đà với hết thảy việc trang nghiệm, tốt đẹp, màu nhiệm…đều là bảy báu, núi bảy báu,

tháp bảy báu, phường bảy báu, lầu gác bảy báu…Nước, chim, cây, rừng thường tuôn ra **Pháp Âm** (Dharma-ghoṣa). Cây Đạo Trường của nước ấy cao 40 vạn Do Tuần, dưới gốc cây có **toà Sư Tử** (Siṃhāsana) cao 500 Do Tuần, ngày ngày Đức Phật A Di Đà thường chuyển **bánh xe Pháp** (Dharma-cakra). Người dân của nước ấy chẳng tu tập việc bên ngoài, chính tu tập việc bên trong, miệng nói lời của **Phương Đẳng** (Vaipulya), tai nghe tiếng của Phương Đẳng, Tâm hiểu nghĩa của Phương Đẳng.

Khi ấy Sơn Hải Tuệ Bồ Tát bạch Phật rằng: "Thế Tôn ! Nay chúng con nhìn thấy sự Thắng Diệu lợi ích chẳng thể nghĩ bàn của nước ấy. Nay con nguyện cho tất cả chúng sinh thảy đều vãng sinh, sau đó chúng con cũng nguyện sinh về nước ấy, như Đức Phật đã ghi nhận là: "*Chính Quán, Chính Niệm được Chính Giải Thoát thảy đều sinh về nước ấy"*

Đức Phật bảo Sơn Hải Tuệ Bồ Tát: "Nay ông muốn độ tất cả chúng sinh thời cần phải thọ trì Kinh đó"

Đức Phật bảo Đại Chúng: "Sau khi Ta diệt độ, hãy thọ trì Kinh này, trong tám vạn kiếp, rộng tuyên lưu bố cho đến một ngàn Đức Phật đời **Hiền Kiếp** (Bhadra-kalpa), khiến khắp các chúng sinh được nghe biết, tin tưởng, ưa thích tu hành. Người nói, người nghe đều được sinh về nước của Đức Phật A Di Đà. Nếu có người thuộc nhóm như vậy thời Ta từ ngày hôm nay thường sai khiến 25 vị Bồ Tát hộ trì người đó, thường khiến cho người đó không có bệnh, không có bực bội. Hoặc **Người** (Manuṣya), hoặc **Phi Nhân** (Amanuṣya) chẳng được dịp thuận tiện gây hại. Đi, đứng, ngồi, nằm không có kể ngày hay đêm thường được an ổn.

Nếu có chúng sinh tin sâu Kinh đó, niệm **A Di Đà Phật**, nguyện được vãng sinh thời Đức Phật A Di Đà của Thế Giới Cực Lạc ấy sai khiến **Quán Thế Âm** Bồ Tát (Avalokiteśvara), **Đại Thế Chí** Bồ Tát (Mahā-sthāma-prāpta), **Dược Vương** Bồ Tát (Bhaiṣaijya-rāja), **Dược Thượng** Bồ Tát (Bhaiṣaijya-samudgata), **Phổ Hiền** Bồ Tát (Samanta-bhadra), **Pháp Tự Tại** Bồ Tát (Dharmeśvara), **Sư Tử Hống** Bồ Tát (Siṃha-nāda), **Đà La Ni** Bồ Tát (Dhāranī), **Hư Không Tạng** Bồ Tát (Ākāśa-garbha), **Đức Tạng** Bồ Tát (Guṇa-garbha), **Bảo Tạng** Bồ Tát (Ratna-garbha), **Kim Tạng** Bồ Tát (Suvarṇa-garbha), **Kim Cương** Bồ Tát (Vajra), **Sơn Hải Tuệ** Bồ Tát (Giri-sāgara-mati), **Quang Minh Vương** Bồ Tát (Raśmi-prabha-rāja), **Hoa Nghiêm Vương** Bồ Tát (Avataṃsaka-rāja), **Chúng Bảo Vương** Bồ Tát (Guṇa-ratna-rāja), **Nguyệt Quang Vương** Bồ Tát (Candra-prabha-rāja), **Nhật Chiếu Vương** Bồ Tát (Divā-kara-rāja), **Tam Muội Vương** Bồ Tát (Samādhi-rāja), **Tự Tại Vương** Bồ Tát (Īśvara-rāja), **Đại Tự Tại Vương** Bồ Tát (Maheśvara-rāja), **Bạch Tượng Vương** Bồ Tát (Śukla-hasta-rāja), **Đại Uy Đức Vương** Bồ Tát (Mahā-teja-rāja), **Vô Biên Thân** Bồ Tát (Ananta-kāya). Hai mươi lăm vị Bồ Tát như vậy ủng hộ Hành Giả, hoặc đi, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm, hoặc ban ngày, hoặc ban đêm, tất cả Thời, tất cả nơi chốn…chẳng để cho Quỷ ác, Thần ác được dịp thuận tiện gây hại".

Đức Phật lại bảo Sơn Hải Tuệ: "Kinh này có tên là **Đổ A Di Đà Phật Sắc Thân Chính Niệm Giải Thoát Tam Muội Kinh**, cũng có tên là **Độ Chư Hữu Lưu Sinh Tử Bát Nạn Hữu Duyên Chúng Sinh Kinh**…Như vậy mà thọ trì.

Chúng sinh chưa có **Niệm Phật Tam Muội Duyên** thì Kinh này hay cho tạo mở **Môn Đại Tam Muội** (Mahā-samādhi-mukha). Kinh này hay cho chúng sinh đóng bít cửa Địa Ngục. Kinh này hay cho chúng sinh trừ khử người gây hại, Quỷ ác…diệt hết bốn hướng thảy đều an ổn"

Đức Phật bảo Sơn Hải Tuệ: "Như Ta đã nói nghĩa ấy như vậy"

Sơn Hải Tuệ Bồ Tát bạch Phật rằng: "Thế Tôn ! Nay con đỉnh thọ **Tôn Kinh** chẳng dám có sự nghi ngờ. Có điều ở đời này với đời vị lai, chúng sinh trong ***các Hữu***

(các cõi) phần lớn sinh phỉ báng, chẳng tin Kinh này. Người như vậy thời sau này như thế nào?”

Đức Phật bảo Sơn Hải Tuệ Bồ Tát: “Sau này, ở cõi **Diêm Phù Đề** (Jambu-dvīpa) hoặc có Tỳ Khưu, Tỳ Khưu Ni, hoặc nam hoặc nữ thấy có người đọc tụng Kinh này…hoặc đem Tâm giận dữ, ôm ấp phỉ báng. Do chê bai Chính Pháp đó cho nên người này trong đời hiện tại bị các bệnh ác nặng nề, thân căn chẳng đủ. Hoặc bị bệnh điếc, bệnh mù, bệnh câm, bệnh ngọng, bệnh bộ sinh dục thất thường, Quỷ, Mỵ, Tà, gió mạnh bạo, lạnh, nóng, bệnh trĩ, bệnh toàn thân sưng phù, mất Tâm….Các bệnh ác nặng nề của nhóm như vậy, đời đời ở tại thân, chịu khổ đau như vậy, ngồi nằm chẳng yên, đi tiểu đi cầu cũng chẳng thông, cầu sống chẳng được, cầu chết chẳng xong. Hoặc cho đến lúc chết bị đoạ vào Địa Ngục trong tám vạn kiếp nhận chịu đại khổ não, trăm ngàn vạn đời chưa từng nghe tên gọi của nước với thức ăn. Lâu sau được sinh ra trong cõi người, làm:trâu, ngựa, heo, dê…bị người giết hại, chịu đại khổ não. Sau này được thân người, thường sinh vào nhà hèn kém trăm ngàn vạn kiếp chẳng được tự tại, vĩnh viễn chẳng nghe danh tự của Tam Bảo. Vì chê bai Kinh này cho nên chịu khổ như vậy. Chính vì thế cho nên trong đám người không có Trí thì đừng nói **Chính Quán Chính Niệm** của Kinh này. Người như vậy, sau này cùng với họ, nói sự chẳng kính Kinh này sẽ bị đoạ vào Địa Ngục, kẻ kia kính trọng sẽ được Chính Giải Thoát, sinh về nước của Đức Phật A Di Đà.

Nếu có **Tỳ Khưu** (Bhikṣu), **Tỳ Khưu Ni** (Bhikṣuni), **Ưu Bà Tắc** (Upāsaka), **Ưu Bà Di** (Upāsikā), **kẻ trai lành** (Kula-putra), người nữ thiện…chân chính tin tưởng Kinh này, yêu thích Kinh này, khuyến Đạo chúng sinh thì người nói, người nghe thảy đều sinh về nước của Đức Phật A Di Đà. Chính vì thế cho nên người có niềm tin, sau khi Ta diệt độ mà thọ trì Kinh Pháp này; trong thời **Chính Pháp** (Sad-dharma)**, Tượng Pháp** (Saddharma-pratirūpaka)**, Mạt Pháp** (Saddharma-vipralopa), **đời ác trược** (Duṣṭa-kaṣāya)…rộng tuyên lưu bố thì người đó tức là Đệ Tử chân chính của Ta, hiện thân, liền được **A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề** (Anuttarā-samyaksaṃbuddhi: Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác)”.

Đức Phật nói Kinh xong, thời Tôn Giả A Nan, các Đại Thanh Văn với các Tỳ Khưu, Bồ Tát Ma Ha Tát, tất cả Thế Gian, Trời, Người, A Tu La…nghe điều Đức Phật đã nói, đều rất vui vẻ, tin nhận, phụng hành.

PHẬT NÓI KINH THẬP VÃNG SINH A DI ĐÀ PHẬT QUỐC

Hết

07/08/2011

Vạn Tự Tục Tạng Kinh _ Tập 02_ No.57 (Tr.155)

MƯỜI HAI LỄ

Hán dịch : THIỀN NA QUẬT ĐA Tam Tạng dịch riêng văn **Lễ Phật A Di Đa** của LONG THỌ Bồ Tát
Việt dịch : HUYỀN THANH

Chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A DI ĐÀ Phật

1_ Cúi lạy nơi Người Trời cung kính
A Di Đà Tiên Lưỡng Túc Tôn
Ngự tại cõi An Lạc vi diệu
Vô lượng chúng Phật Tử vây quanh
Nguyện cùng các chúng sinh sinh về cõi An Lạc
2_ Màu vành thanh tịnh như Sơn Vương
Hạnh **Xa Ma Tha** như voi bước
Hai mắt trong sạch như sen xanh
Nên con đỉnh lễ Di Đà Phật
Nguyện cùng các chúng sinh sinh về cõi An Lạc
3_ Mặt hiền tròn sạch như trăng đầy
Uy quang giống như ngàn Nhật Nguyệt
Tiếng như trống Trời **Câu Xí La**
Nên con đỉnh lễ Di Đà Phật
Nguyện cùng các chúng sinh sinh về cõi An Lạc
4_Trụ trong mão đội của Quán Âm
Mọi tướng màu nhiệm , báu trang nghiêm
Giáng phục Ngoại Đạo, Ma, Kiêu Mạn
Nên con đỉnh lễ Di Đà Phật
Nguện cùng các chúng sinh sinh về cõi An Lạc
5_ Khôn sánh , không dơ, rộng thanh tịnh
Mọi Đức tinh sạch như hư không
Lợi ích đã làm được tự tại
Nên con đỉnh lễ Di Đà Phật
Nguyện cùng các chúng sinh sinh về cõi An Lạc
6_ Mười phương chúng Bồ Tát nghe tên
Vô lượng chư Ma thường khen ngợi
Vì các chúng sinh, trụ Nguyện Lực
Nên con đỉnh lễ Di Đà Phật
Nguyện cùng các chúng sinh sinh về cõi An Lạc
7_ Ao báu đáy vàng sinh ra hoa
Căn lành tạo thành tòa Diệu Cao
Ngự trên tòa ấy như Sơn Vương
Nên con đỉnh lễ Di Đà Phật
Nguyện cùng các chúng sinh sinh về cõi An Lạc
8_ Mười phương Phật Tử đã mong cầu
Hiển hiện thần thông đến An Lạc
Chiêm ngưỡng Tôn nhan thường cung kính
Nên con đỉnh lễ Di Đà Phật

Nguyện cùng các chúng sinh sinh về cõi An Lạc
9_ Chư Hữu đều vô thường, vô ngã
Cũng như trăng nước, ánh điện, sương
Vì chúng nói Pháp không văn tự
Nên con đỉnh lễ Di Đà Phật
Nguyện cùng các chúng sinh sinh về cõi An Lạc
10_ Tôn ấy: Vô lượng cảnh phương tiện
Không có các nẻo (6 nẻo luân hồi), tri thức ác
Vãng sinh chẳng thoái, đến Bồ Đề
Nên con đỉnh lễ Di Đà Phật
Nguyện cùng các chúng sinh sinh về cõi An Lạc
11_ Tôn ấy: Cõi Phật không tên ác
Cũng không người nữ, sợ nẻo ác
Mọi người chí tâm kính Tôn ấy
Nên con đỉnh lễ Di Đà Phật
Nguyện cùng các chúng sinh sinh về cõi An Lạc
12_ Con nói Công Đức của Tôn ấy
Mọi khổ vô biên như nước biển
Căn lành thanh tịnh thâu gom được
Hồi hướng chúng sinh về cõi ấy
Nguyện cùng các chúng sinh sinh về cõi An Lạc

_ Hết _

20/04/2006



Vạn Tân Toản Tục Tạng Kinh_ Tập 62_ No.1190

NIỆM PHẬT TAM MUỘI

(Trích trong **Đàn Kỷ Tùng Thư**, tập 2, quyển 23)

Hán văn: Cô Tô_ Người nước Kim (Kim Nhân)_ THUỴ THÁNH THÁN biên soạn

Việt dịch: HUYỀN THANH

Đức **Thích Tôn** (Thích Ca Mâu Ni) trụ trì ở Thế Giới **Sa Bà** (Sahā-lokadhātu). Đức Thế Tôn **Lô Xá Na** (Locana) trụ trì ở Thế Giới **Hoa Tạng** (Kusuma-garbha).

Đức Thích Tôn mới thành Phật, Đức Lô Xá Na vốn đã thành Phật, Thế Giới ở phương khác có Đức Phật **A Di Đà** (Amita) trụ ở cõi nước **Cực Lạc** (Sukhāvatī). Một **hoa** là một Đức Thế Tôn, chẳng phải là chỗ mà sự tính toán có thể theo kịp. Bởi thế Kinh **A Di Đà** là Kinh *không có người hỏi mà tự nói* (Vô vấn tự thuyết kinh), đầu đề ghi là **Phật nói A Di Đà**, bên dưới ghi thêm chẳng được một chữ **Phật**

Đức Phật **Nhiên Đăng** (Dīpaṃkara) là một vi trần Phật. Đức Phật **Thích Ca** (Śākya-muṇi) là vô lượng vi trần Phật. Đức Phật Thích Ca gọi là *dứt khỏi bệnh tật*, Đức **A Di Đà** (Amita) gọi là *vốn không có bệnh*

Đức Phật nói Kinh **A Di Đà**. Riêng một việc thực hành cùng với các Kinh chẳng giống nhau, lại là vì tất cả chúng sinh, rốt ráo chẳng hay phá **cái Tôi** (ngã).

Đất riêng biệt (đặc địa) là đề cử toàn **Pháp Giới** (Dharma-dhātu)

Nói *"ngươi vốn trụ ngay trong cõi nước Cực Lạc, mỗi mỗi đều là hoa sen hoá sinh"* lại rất chẳng tốt. Ví như người phụ nữ xấu xí, thông thường bị dấu trong phòng sâu tối, hay cung cấm…thì cũng tự hiểu phong tục vậy.

Bốn chữ *vui, giận, thương, thích* (hỷ, nộ, ai, lạc) thì dùng **Lạc** (sự ưa thích) làm cùng cực. Bởi thế biết rằng Học Giả ưa thích Thánh Nhân. Sự ưa thích (Lạc**)** tức là Trời, Đất vậy

Hoa Sen. Lấy nghĩa của *trợ nhau liên tiếp* gọi là **Sen** (Ba đời liên tiếp, Hoa có gương sen, gương sen có cọng sen dưới mặt đất) Nhân chẳng phải là **Thật Tướng** cho nên nói là **Hoa.** Mỗi một chúng sinh đều ngồi trên một hoa, hoa nở thấy Phật, tức nhìn thấy Đức Phật Thích Ca vậy

Chín Phẩm Hoá Sinh của cõi nước Cực Lạc

Thượng Phẩm Thượng Sinh lại là **Di Lặc Nhất Sinh Bổ Xứ** ở đây thành Phật

Hạ Phẩm Hạ Sinh lại là tội nhân trong Đại Địa Ngục A Tỳ ở đây thành Phật Do Người này phạm vào tội lớn cực ác, nên rơi xuống ngục A Tỳ. Có bật Thiện Tri Thức dùng mọi loại Nhân Duyên, xướng **A Di Đà Phật** (Amita-buddha). Như cái nhà ám tối ngàn năm được một ngọn đèn chiếu soi, nên tội nhân đấy nghe Danh Tự này thì Địa Ngục liền ở ngay trong hoa sen, mà Hoa Sen này tức ở ngay trong cõi nước Cực Lạc, còn cõi nước Cực Lạc là ở trong Thế Giới của Đức Phật A Di Đà. Thế Giới của Đức Phật A Di Đà này lại liền ở ngay trong ruộng **Tám Thức** của một tội nhân bên trong vô lượng Địa Ngục lớn. Tổng tội lớn cực ác mà người đấy đã phạm chẳng chống cự nổi Danh Tự **A Di Đà**. Bởi thế Địa Ngục tuỳ theo Thời bị nghiền nát thành bụi phấn. Đây là **Hạ Phẩm Hạ Sinh** vậy

Bồ Tát chẳng nguyện trụ ở Thế Giới ác trược, tức *chẳng được, chẳng cầu sinh về **Cực Lạc** nhưng mà được sinh về Cực Lạc* lại là việc của **Quả**. Người muốn được **Quả**, trước tiên tu tạo **Nhân**. Thế nào là **Tạo Nhân** ? Là **Niệm Phật Tam Muội** vậy

Pháp **Niệm Phật** chẳng thể dùng **Vọng Tâm** niệm đến Phật từ xa, cũng chẳng thể dùng Vọng Tâm niệm nơi Vọng Tâm. Tại sao thế ? Vì **Vọng Tâm** là Nhân sinh tử, chẳng thể cảm thông đến **Bản Tế** (Bờ mé của cứu cánh căn bản) cho nên dùng Nhân sinh tử chẳng thể cảm thông. Vì thế Phật vốn chẳng xa mà thành xa xôi vậy

Lại nữa, **Vọng Tâm niệm nơi Vọng Tâm**. Kẻ phàm phu chính là Vọng Tâm liên tục trợ giúp nhau, đến rơi vào Địa Ngục. Nay lại dạy dùng như vậy **niệm Phật** thì việc ấy tức dùng Vọng Tâm lúc trước làm **Niệm**, Vọng Tâm lúc sau làm **Phật**. Hoặc dùng Vọng Tâm lúc trước làm **Phật**, Vọng Tâm lúc sau làm **Niệm**. Như vậy tức cùng với Thế Gian luân hồi có khác gì đâu !...Thế nên chỗ của Pháp này, chẳng nên dùng

Phàm Pháp **Niệm Phật**, chẳng nên trước tiên nhìn thấy Phật, tiếp theo **tác Niệm**. Phải nên trước tiên **Niệm Thành**, tiếp theo nhìn thấy Phật**.** Tại sao thế ? Nếu trước tiên nhìn thấy Phật thì Phật là việc gì ?!... Như vậy gọi là người Đại Vọng Ngữ.

Lại tức khiến cho **Cảm Ứng, Đạo Giao**. Phật hoặc thị hiện, rồi Phật đến tìm thời **Niệm Phật** chạy vạy rất lâu vậy

Lại huống chi là **Năng Niệm** chính là Vọng Tâm thì Vọng Tâm làm sao có thể mạo phạm với Phật. Ấy là *trước tiên niệm thành, tiếp theo nhìn thấy Phật*. **Niệm** là ***Thật***, **Phật** là ***giả***. Bồ Tát dùng **Bản Tế** (Bờ mé của cứu cánh căn bản) làm **Niệm**, mà dùng Vọng Tâm làm **Phật.**

Hỏi: "Vì sao chẳng dùng Vọng Tâm làm Niệm, Bản Tế làm Phật ?"

Đáp: "Bản Tế chẳng thể nhìn thấy. Chẳng thể nhìn thấy tức chẳng hay khiến cho Hành Nhân phát Tâm vui vẻ.

Lại **Bản Tế** chẳng tồn tại một hạt bụi nhỏ. Nếu Hành Nhân đối với **Niệm Xứ**, dùng sức tức rất chẳng nên.

Lại dùng cái chén Pha Lê chứa đựng sữa Sư Tử thì vật khí khác chẳng nhận được. Nếu Hành Nhân muốn dùng Vọng Tâm niệm Bản Tế thì ví như vật khí độc chứa đựng sữa Sư Tử, cuối cùng chẳng nhận được.

Lại **Niệm Phật Tam Muội** đối trụ sinh tử. Nếu dùng Vọng Tâm đuổi theo thì cuối cùng vào biển sinh tử, không có nghi ngờ vậy.

Hết

10/08/2011

A DI ĐÀ PHẬT CHÂN NGÔN

Biên soạn: HUYỀN THANH

1_ A Di Đà Phật Nhất Tự Tâm Chú (1):

Oṃ Amidhva hrīḥ

_ A Di Đà Phật Nhất Tự Tâm Chú (2):

Oṃ Amita-Deva hrīḥ

_ A Di Đà Phật Nhất Tự Tâm Chú (3):

Oṃ Amitābha hrīḥ

_A Di Đà Phật Nhất Tự Tâm Chú (4):

Oṃ Amitāyur- saṃ

2_ A Di Đà Phật Tâm Chú (1):

Oṃ āḥ hrīḥ hūṃ

3_ A Di Đà Phật Tâm Chú (2):

Oṃ āḥ arolik a hūṃ

4_ A Di Đà Phật Vãng Sinh Tâm Chú:

Oṃ Padma-dhāri hūṃ

5_ A Di Đà Phật Đại Tam Ma Gia Thật Tướng Chân Ngôn:

Oṃ Amṛta teje hara hūṃ

6_ Vô Lượng Thọ Như Lai Tâm Chân Ngôn:

Oṃ Lokeśvara-rāja hrīḥ

7_ A Di Đà Phật Đại Tâm Ấn Chân Ngôn:

Oṃ Tathāgatāya hūṃ

8_A Di Đà Phật Tọa Thiền Ấn Chân Ngôn:

Oṃ Amṛte hrīḥ

9_ A Di Đà Phật Diệt Tội Ấn Chân Ngôn:

Oṃ hrīḥ a aṃ hrīḥ hrīḥ hūṃ

10_ A Di Đà Phật Tâm Ấn Chân Ngôn:

Oṃ hrīḥ hūṃ hrīḥ hūṃ

11_ A Di Đà Phật Đỉnh Ấn Chân Ngôn:

Oṃ saṃbhave saṃbhave

12_ A Di Đà Phật Luân Ấn Chân Ngôn:

Oṃ dharma hrīḥ

13_ A Di Đà Phật Liệu Bệnh Pháp Ấn Chân Ngôn:

Oṃ duṇḍubhi-svara

14_ A Di Đà Phật Thuyết Pháp Ấn Chân Ngôn:

Oṃ hrīḥ dharma hrīḥ dharma

15_ A Di Đà Phật Diệu Quán Sát Trí Ấn Chân Ngôn:

Oṃ samaya padme hrīḥ

16_ A Di Đà Phật Tứ Thập Bát Nguyện Ấn Chân Ngôn:

Oṃ a hūṃ khaṃ

17_ A Di Đà Phật Cửu Phẩm Vãng Sinh Ấn Chân Ngôn:
_ Chân Ngôn chung là:

Oṃ_ amṛta svāhā

_ Thượng Phẩm Thượng Sinh Ấn Chân Ngôn:

Oṃ _ amṛtodbhave dharma hrìḥ svāhā

_ Thượng Phẩm Trung Sinh Ấn Chân Ngôn:

Oṃ_ amṛta-saṃbhave dharma hrìḥ svāhā

_ Thượng Phẩm Hạ Sinh Ấn Chân Ngôn:
𑖌𑖼 𑖀𑖦𑖴𑖝𑖐𑖨𑖿𑖥𑖸 𑖠𑖨𑖿𑖦 𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
Oṃ _ amṛta-garbhe dharma hrìḥ svāhā

_ Trung Phẩm Thượng Sinh Ấn Chân Ngôn:
𑖌𑖼 𑖀𑖦𑖴𑖝𑖭𑖰𑖟𑖿𑖠𑖸 𑖠𑖨𑖿𑖦 𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
Oṃ_ amṛta-siddhe dharma hrìḥ svāhā

_ Trung Phẩm Trung Sinh Ấn Chân Ngôn:
𑖌𑖼 𑖀𑖦𑖴𑖝𑖝𑖸𑖕𑖸 𑖠𑖨𑖿𑖦 𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
Oṃ _ amṛta-teje dharma hrìḥ svāhā

_ Trung Phẩm Hạ Sinh Ấn Chân Ngôn:
𑖌𑖼 𑖀𑖦𑖴𑖝𑖪𑖰𑖎𑖿𑖨𑖯𑖡𑖿𑖝𑖸 𑖠𑖨𑖿𑖦 𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
Oṃ _ amṛta-vikrānte dharma hrìḥ svāhā

_ Hạ Phẩm Thượng Sinh Ấn Chân Ngôn:
𑖌𑖼 𑖀𑖦𑖴𑖝 𑖪𑖰𑖎𑖿𑖨𑖯𑖡𑖿𑖝 𑖐𑖦𑖰𑖡𑖸 𑖠𑖨𑖿𑖦 𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
Oṃ_ amṛta-vikrānta gamine dharma hrìḥ Svāhā

_ Hạ Phẩm Trung Sinh Ấn Chân Ngôn:
𑖌𑖼 𑖀𑖦𑖴𑖝 𑖐𑖐𑖡 𑖎𑖱𑖨𑖿𑖝𑖰 𑖎𑖨𑖸 𑖠𑖨𑖿𑖦 𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
Oṃ _amṛta gagana kìrtti kare dharma hrìḥ svāhā

_Hạ Phẩm Hạ Sinh Ấn Chân Ngôn:
𑖌𑖼 𑖀𑖦𑖴𑖝𑖟𑖲𑖜𑖿𑖚𑖲𑖥𑖰𑖭𑖿𑖪𑖨𑖸 𑖠𑖨𑖿𑖦 𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
Oṃ_ amṛta-duṇḍubhisvare dharma hrìḥ svāhā

18_ A Di Đà Phật Lâm Chung Ấn Chân Ngôn:
𑖌𑖼 𑖀𑖦𑖰𑖝𑖎𑖨𑖯𑖧 𑖦𑖮𑖯𑖮𑖳𑖽 𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
Oṃ amita-karāya mahā-hūṃ hrīḥ svāhā

19_ A Di Đà Phật Tứ Phương Tịnh Độ Vãng Sinh Ấn Chân Ngôn:
𑖌𑖼 𑖦𑖡𑖸 𑖪𑖎𑖿𑖬 𑖎𑖿𑖬𑖨 𑖮𑖳𑖽 𑖀 𑖁 𑖀𑖽 𑖁𑖾 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
Oṃ mane vakṣa-kṣara hūṃ a ā aṃ aḥ āḥ svāhā

20_ Đại Nhật Di Đà Bất Nhị Bí Ấn Chân Ngôn:
𑖡𑖦𑖾 𑖀𑖦𑖰𑖝 𑖤𑖲 𑖟𑖿𑖠 𑖌𑖼 𑖀𑖽 𑖀 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
Namo amitabuddha_ Oṃ aṃ a svāhā

21_ A Di Đà PhápThân Ấn Chân Ngôn:
𑖌𑖼 𑖀 𑖪𑖰𑖨 𑖮𑖳𑖽 𑖏𑖽 𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
Oṃ a vira hūṃ khaṃ hrīḥ svāhā

22_ A Di Đà Phật Thập Cam Lộ Đà La Ni:
𑖡𑖦𑖾 𑖨𑖝𑖿𑖡𑖝𑖿𑖨𑖧𑖯𑖧

Namo ratnatrayāya

Namaḥ ārya amitābhāya tathāgatāya arhate samyaksaṃbuddhāya

Tadyathā: amṛte, amṛtodbhave, amṛta saṃbhave, amṛtagarbhe, amṛta siddhe, amṛta teje, amṛta vikrānte, amṛta vikrānta gamine, amṛta gagana kīrtti kare, amṛta duṇḍubhisvare, sarva artha sādhane, sarva karma kleśa kṣayaṃ kare svāhā

23_ Bạt Nhất Thiết Nghiệp Chướng Căn Bản Đắc Sinh Tịnh Độ Đà La Ni:

_ Lược bản của **Thực Xoa Nan Đà** (Cam Lộ Đà La Ni):

Namo amitābhāya tathāgatāya arhate samyaksaṃbuddhāya

Tadyathā: Oṃ amṛte, amṛtodbhave, amṛta saṃbhave, amṛta garbhe, amṛta siddhe, amṛta teje, amṛta vikrānte, amṛta vikrānta gamine, amṛta gagana kīrti kare, amṛta duṇḍubhisvare, sarvārtha sādhane, sarva kleśa kṣayaṃ kare, svāhā

_ Lược bản của **Pháp Hiền**:

Namo ratnatrayāya

Namaḥ ārya amitābhāya tathāgatāya arhate samyaksaṃbuddhāya

Tadyathā: amṛte, amṛta bhave, amṛtodbhave, amṛta saṃbhave, amṛta vikrānta gamine, gagana kīrtti kare, sarva karma kleśayaṃ kare svāhā

_ Lược bản của **Cưu Ma La Thập**:

Namo amitābhāya tathāgatāya

Tadyathā: amṛtodbhave, amṛta siddhaṃbhave, amṛta vikrānte, amṛta vikrānta gamine, gagana kīrtti kare svāhā

_ Lược bản của **Cầu Na Bạt Đà La**:

Namo amitābhāya tathāgatāya

Tadyathā: amṛtodbhave, amṛta siddhaṃbhave, amṛta vikrānte, amṛta vikrānta gamine, gagana kìrtti kare svāhā

_ Lược bản của **Bồ Đề Lưu Chi**:

Namo amitābhāya tathāgatāya

Tadyathā: amṛtodbhave, amṛta saṃbhave, amṛta vikrānte svāhā

_ Lược bản của **A Địa Cù Đa**:

Namo ratna-trayāya

Namaḥ ārya amitābhāya tathāgatāya arhate samyaksaṃbuddhāya

Tadyathā: amṛte, amṛta bhave, amṛtodbhave, amṛta vikrānta gamine, gagana kīrtti kare, amṛta duṇḍubhisvare, sarva karma kleśa kariye svāhā

_ Lược bản của Tây Tạng:

Namo ratnatrayāya

Namaḥ ārya amitābhāya tathāgatāya arhate samyaksaṃbuddhāya

Tadyathā: Oṃ amṛte, amṛtodbhave, amṛta saṃbhave, amṛta vikrānte, amṛta gāmini, gagana kīrtti kare, sarva kleśa kṣayaṃ kare svāhā

_ Lược bản của: Đại Tạng Kinh 12, No.369 :

Namo buddhāya

Namo dharmāya

Namo saṃghāya

Namaḥ ārya amitābhāya tathāgatāya arhate samyaksaṃbuddhāya

Tadyathā: amṛte, amṛtodbhave, amṛta saṃbhave, amṛta vikrānte gamine, gagana kīrtti kare, sarva pāpatā kṣayaṃ kare svāhā

Tại Việt Nam thường dùng lược bản của Cầu Na Bạt Đà La (Guṇa-bhadra). Nhưng thời gian gần đây thì dùng Lược Bản là:

Namo amitābhāya tathāgatāya

Tadyathā: amṛtodbhave, amṛta saṃbhave, amṛta vikrānte, amṛta vikrānta gamine, gagana kīrtti kare svāhā

24_ A Di Đà Phật Cổ Âm Thanh Vương Đà La Ni:

Tadyathā: bale abale sama bale nirdeśa niyātane nirmukte nimukhe jvala prasādhane sukhavati nirdeśa

Amitāyurbale amitāyut garbha nirhare amitāyur prasādhane nirbuddhe

Ākāśa nirbuddhe ākāśa nirdeśa ākāśa nirjāte ākāśa kuśale ākāśa darśane ākāśa tiṣṭhane

Rùpa nirdeśa rūpa śānite catvāri dharma prasādhane catvāri ārya-satya prasādhane catvāri-māra-bhana prasādhane

Bala vīrya prasādhane dharma śāntāne kuśale kuśala nirdeśa kuśala pratiṣṭhane buddha kuśale vibuddha prabhasa

Dharma karane nirjāte nirbuddhe vimale virāje rāja rāse rasāgre rasāgra bale rasāgra adhiṣṭhane

Kuśale pratikuśale vikuśale dānte sudānta citte supraśānta citte supratiṣṭhite

Śure sumukhe dharme saddharme reva jvale anuśaya bale buddhākāśa nirguṇe, buddhākāśarguṇe svāhā

25_ Thánh Vô Lượng Thọ Trí Quyết Định Quang Minh Vương Đà La Ni:

Namo Bhagavate Aparimita-ayurjñāna-suvine-ścita-teja-rājāya tathāgatāya arhate samyaksaṃbuddhāya

Tadyathā: Oṃ puṇye puṇye mahā-puṇye aparamita-puṇya-jñāna-saṃbhāra-upacite

Oṃ_ Sarva saṃskāra pariśuddha dharmate, gagana samudgate svabhāva viśuddhe, mahā-naya parivāre _ svāhā

_Lược Bản là:

Namo Bhagavate Aparimita-ayurjñāna-suvine-ścita-teja-rājāya tathāgatāya arhate samyaksaṃbuddhāya

Tadyathā: Oṃ_ Sarva saṃskāra pariśuddha dharmate, gagana samudgate svabhāva viśuddhe, mahā-naya parivāre _ svāhā

03/12/2008

TÂY PHƯƠNG PHÁT NGUYỆN VĂN

Hán văn: LIÊN TRÌ Đại Sư
Việt dịch: HUYỀN THANH

_ Cúi lậy **Tây Phương An Lạc Quốc Tiếp Dẫn Chúng Sinh Đại Đạo Sư**
Nay con phát nguyện, nguyện vãng sinh
Nguyện xin Từ Bi thương nhiếp thọ

_ Đệ Tử (họ tên là….) khắp vì bốn ân, ba cõi, chúng sinh trong Pháp Giới.

Vì cầu nơi **Đạo Vô Thượng Bồ Đề**, **Nhất Thừa** của chư Phật, cho nên chuyên Tâm trì niệm Hồng Danh vạn Đức của Đức Phật **A Di Đà**, cầu sinh về Tịnh Thổ.

Lại do Nghiệp nặng, Phước mỏng, Chướng sâu, Huệ kém, Tâm nhiễm dính dễ bùng cháy, Đức trong sạch khó thành.

Nay ở trước mặt Phật, năm vóc ân cần, dốc hết sức một lòng cúi đầu chân thành Sám Hối.

_ Con với chúng sinh từ Kiếp lâu xa đến nay, mê mờ Bản Tâm trong sạch, buông thả Tham Sân Si, nhiễm dính ba nghiệp ô uế, vô lượng vô biên tội dơ bẩn đã làm, vô lượng vô biên Oán Nghiệp đã kết tạo…Nguyện đều tiêu diệt.

Từ ngày hôm nay, lập Thệ Nguyện sâu:

Xa lìa Pháp ác, thề chẳng dám làm nữa.

*Siêng tu **Thánh Đạo**, thề chẳng lùi rớt.*

Thề thành Chính Giác, thề độ chúng sinh

Xin Đức Phật A Di Đà dùng sức nguyện Từ Bi, chứng biết cho con, thương xót cho con, gia bị cho con

_ Nguyện con trong Thiền Quán, bờ mé của mộng my…được nhìn thấy Đức Phật A Di Đà, thân màu vàng ròng, được đi qua cõi báu trang nghiêm của Đức Phật A Di Đà, được nương nhờ Cam Lộ Quán Đỉnh của Đức Phật A Di Đà, ánh sáng chiếu thân, đưa bàn tay xoa đầu của con, dùng áo che trùm thân con, khiến cho con tự trừ được Chướng của đời trước, tăng trưởng căn lành, phiền não đều trống rỗng, phá ngay Vô Minh, đột nhiên khai ngộ **Viên Giác Diệu Tâm**, cảnh **Tịch Quang** chân thật thường được hiện ra trước mặt, đến khi mạng sắp hết, đoán biết được Thời đến. Thân không có tất cả bệnh khổ, ách nạn. Tâm không có tất cả tham luyến, mê hoặc. Các căn vui thích, Chính Niệm rõ ràng, an lành buông bỏ Nghiệp Báo như nhập vào Thiền Định.

Đức Phật A Di Đà cùng với Quán Âm, Thế Chí, các Chúng Hiền Thánh phóng ánh sáng tiếp dẫn, đưa tay nâng dắt.

Lầu gác, phướng, phan, hương lạ, nhạc Trời, Thánh Cảnh ở phương Tây…hiển bày trước mắt, khiến cho các chúng sinh nhìn thấy, nghe thấy đều vui vẻ cảm thán, phát Tâm Bồ Đề.

Vào lúc đó con nương theo đài Kim Cương đi theo sau Đức Phật, như khoảng búng ngón tay, sinh về nước Cực Lạc, bên trong ao bảy báu, trong hoa sen thù thắng. Hoa nở thấy Phật, thấy các Bồ Tát, nghe Pháp Âm màu nhiệm, được**Vô Sinh Nhẫn**. Ở khoảng phút chốc, phụng sự chư Phật, gần gũi được Phật **Thọ Ký**.

Được **Thọ Ký** xong, thảy đều thành tựu: ba Thân, bốn Trí, năm loại mắt, sáu Thông, vô lượng trăm ngàn Đà La Ni Môn, tất cả Công Đức.

Sau đó chẳng vì cõi **An Dưỡng** (cõi Cực Lạc), vào chốn **Sa Bà** (Thế Giới Ta Bà), chia thân vô số khắp các nước ở mười phương. Dùng Thần Lực tự tại chẳng thể nghĩ

bàn, mọi loại phương tiện, độ thoát chúng sinh đều khiến lìa nhiễm dính, trở lại được Tâm trong sạch, đồng sinh về phương Tây, vào **Địa Bất Thoái**

_ Nguyện lớn như vậy:
"Thế Giới không cùng tận
Chúng sinh không cùng tận
Nghiệp chướng với phiền não
Tất cả không cùng tận
Nguyện của con cũng không cùng tận"

Nguyện nay: lễ Phật, phát Nguyện, Công Đức tu trì… hồi thí cho hữu tình, báo đáp chung cho bốn Ân, cùng giúp cho ba cõi, chúng sinh trong Pháp Giới, đồng viên thành **Chủng Trí**

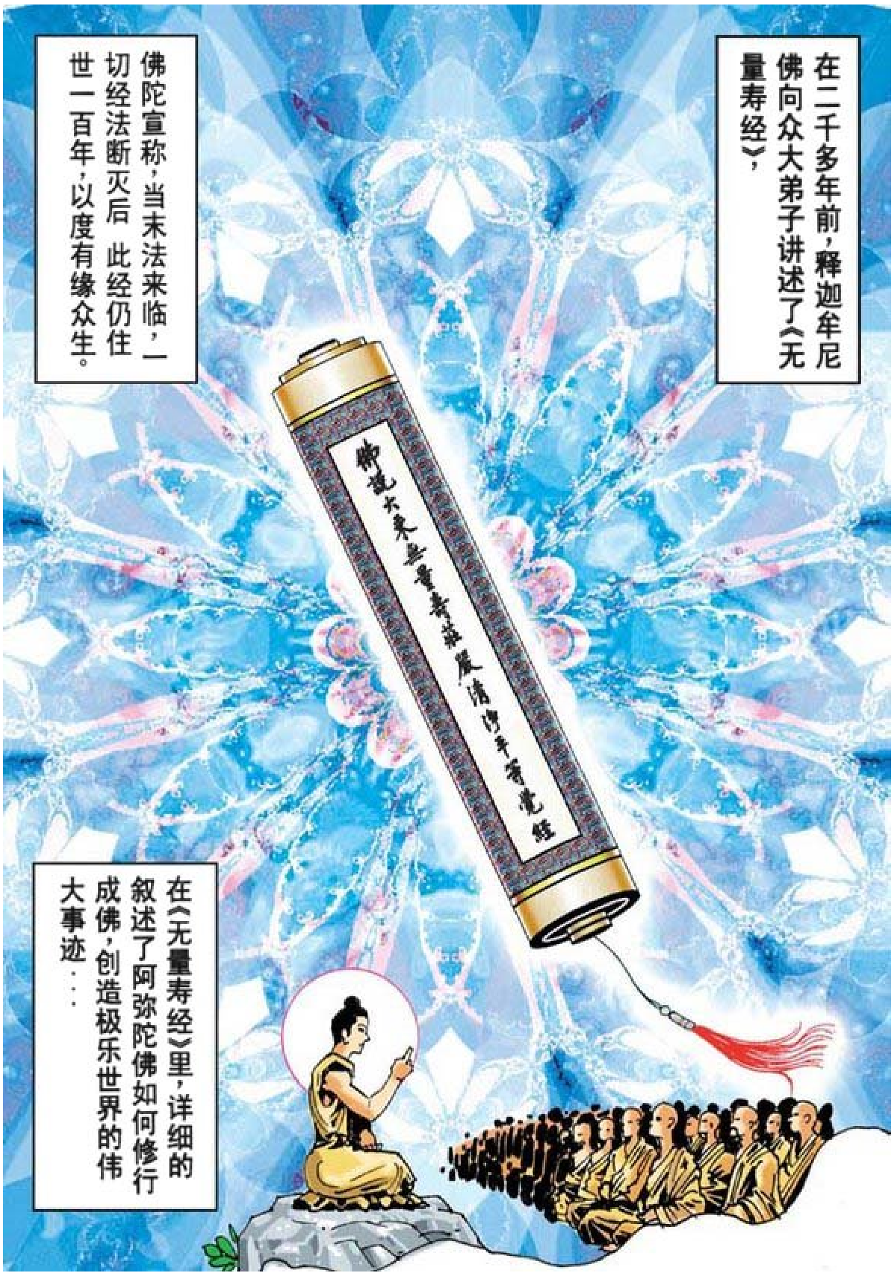
Hết

04/12/2011

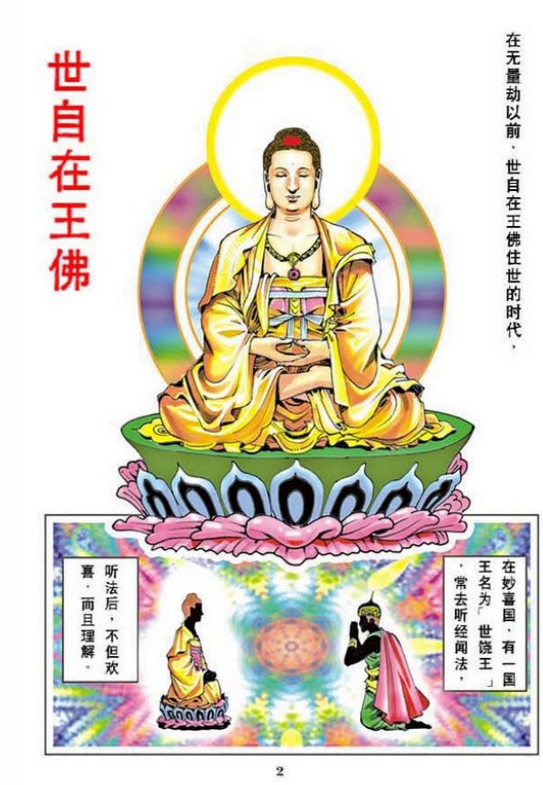


TRUYỆN ĐỨC PHẬT A DI ĐÀ
(Bản vẽ tản mạn)

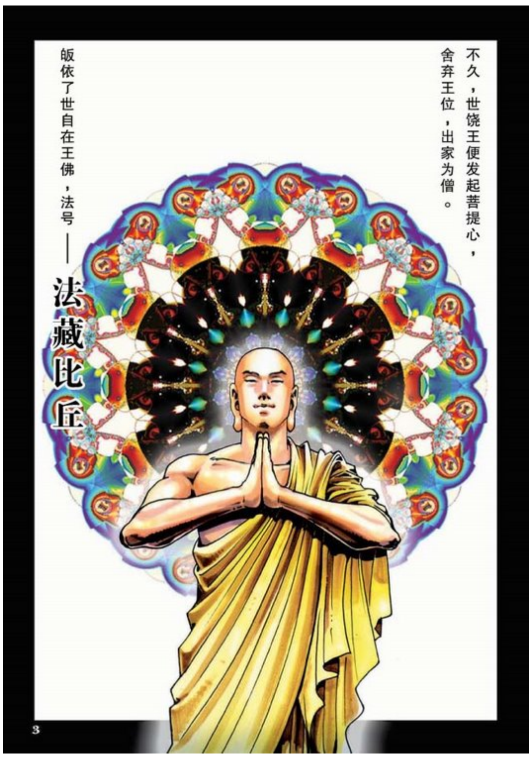
Hán văn: Không rõ tên người soạn
Việt dịch: HUYỀN THANH



1_ Hơn hai ngàn năm trước, Đức Phật **Thích Ca Mâu Ni** (Śākya-muṇi) hướng đến chúng Đại Đệ Tử giảng thuật xong **Kinh Vô Lượng Thọ** (Aparimitāyur-sūtra). Đức **Phật Đà** (Buddha) tuyên xưng: *Ngay khi kỳ Mạt Pháp đến, tất cả Kinh Điển bị đoạn diệt, sau đó Kinh này còn trụ ở đời một trăm năm để hóa độ chúng sinh có duyên.*
Tại Kinh **vô Lượng Thọ** ghi nhận rất rõ sự tích vĩ đại của Đức Phật **A Di Đà** (Amitāyus: Vô Lượng Thọ) như: vì sao tu thành Phật, sáng tạo Thế Giới **Cực Lạc** (Sukhā-vatī) như thế nào.



2_ Ở vô lượng kiếp trước, vào thời đại Đức Phật **Thế Tự Tại Vương** (Lokeśvara-rāja) trụ ở đời, tại nước **Diệu Hỷ** (Abhirati) có một vị quốc vương tên là **Thế Nhiêu Vương** (?Lokeśvara-rāja) thường đến lắng nghe Kinh, nghe Pháp. Sau khi nghe Pháp, chẳng những vui vẻ mà còn Lý Giải được.



3_ Chẳng bao lâu, **Thế Nhiêu Vương** liền phát khởi **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta), xuất gia làm Tăng, quy y với Đức Phật Thế Tự Tại Vương, Pháp Hiệu là **Pháp Tạng Tỳ Khưu** (Dharmakāra-bhikṣu)



4_ Tỳ Khưu **Pháp Tạng** ôm ấp chí lớn, mắt nhìn thấy chúng sinh có nghiệp chướng sâu nặng, Phước Tuệ mỏng kém, còn thêm sinh mệnh ngắn ngủi, chẳng chịu nói **Thành Phật,** *hợp nhau thoát lìa Luân Hồi* chẳng phải là việc dễ dàng…..

" Ta phải có tài năng như thế nào để trợ giúp cho chúng sinh thoát lìa được biển khổ ? Tài năng dường nào mới có thể khiến cho Đại Chúng sớm ngày được thành Phật đây ?"

Tỳ Khưu Pháp Tạng nghĩ tìm mỗi một vấn đề tốt đẹp lâu dài.

"*Có một cõi Trời nào, khi chết nhờ vào tưởng mà đến được chăng? Liệu có Pháp giải quyết chăng?!..."*



5_ *Tự bản thân Ta, ắt nên trước tiên phải thành một Tôn là vị Phật được mười phương khen ngợi, hấp dẫn con mắt của chúng sinh kèm theo dựng lập một Thế Giới trang nghiêm xinh đẹp màu nhiệm, giúp cho chúng sinh đều khởi Ý ưa thích sinh về.*

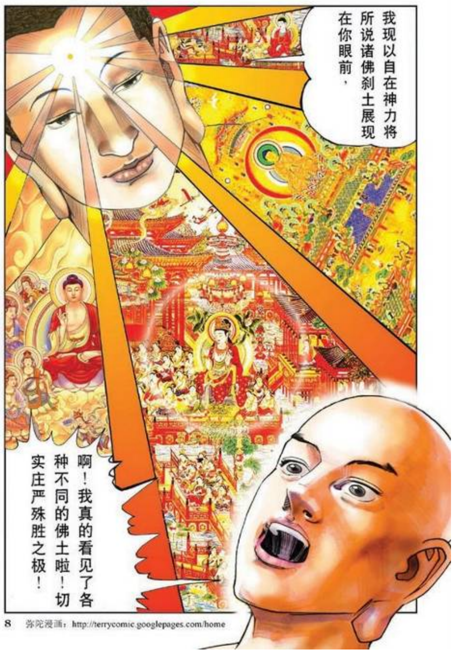
Lại gia thêm một Pháp Môn tu hành tuyệt diệu, thuận tiện cho chúng sinh khắp mười phương, vạn người tu vạn người được đến.



6_ *"Phải cần tài năng như thế nào để thành một Tôn là vị Phật được mười phương khen ngợi đây ?Đâu là một loại* ***Phật Thổ*** *thật trang nghiêm ? Đâu là một loại Pháp Môn thật vi diệu nhỉ ?Chẳng phải đi đến thỉnh giáo Đức Phật Thế Tự Tại Vương a….*
" Này Pháp Tạng ! Tâm Nguyện của ông rất vĩ đại ! Chỉ yêu cầu Ý Chí kiên định, chí Tâm cầu Đạo, thành Phật đều chẳng khó"



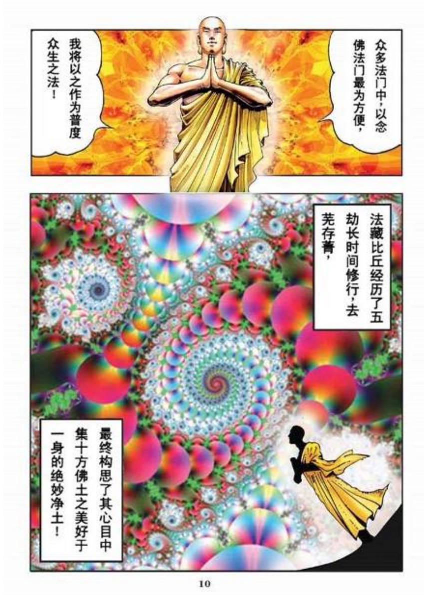
7_ "Tâm Nguyện của ông cũng có thể như Nguyện"
"Thỉnh Phật Từ Bi rũ thương chỉ bày cõi nước tốt đẹp của chư Phật ở mười phương, cùng với Pháp trang nghiêm Tịnh Thổ. Con đều như Pháp tu hành"
Khi ấy Đức Phật **Thế Tự Tại Vương** liền tuyên nói rõ cảnh giới thuộc cõi nước của hai trăm mười ức chư Phật cùng với Pháp Môn tu hành chẳng giống nhau



8_ “Ta sẽ dùng Thần Lực đem cõi nước của chư Phật đã nói, triển hiện ngay trước tai mắt của ông”
“A ! Con có thể nương tựa để nhìn thấy rõ các loại Phật Thổ chẳng đồng à ! Thật rất trang nghiêm thù thắng !



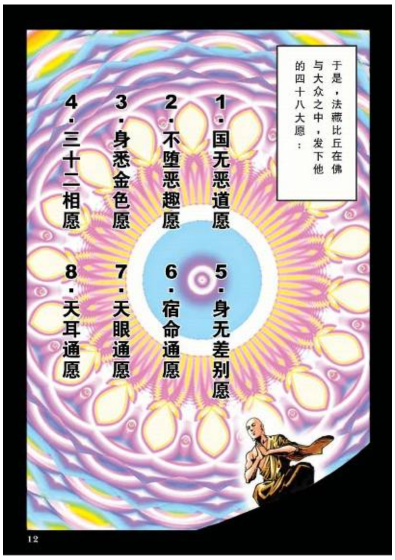
9_ “*Ta chỉ cần đem cõi Phật đã thấy qua rồi vận dụng lấy bỏ, nhận lấy chỗ thù thắng đặc sắc trong cõi nước của chư Phật*
Đem phương pháp tu hành đã được nghe đến, bỏ điều khó khăn rồi tuyển chọn điều dễ dàng !
Gom tập các Đại Uy trong Thế Giới của chư Phật, dựng lập Tịnh Thổ ở phương Tây !



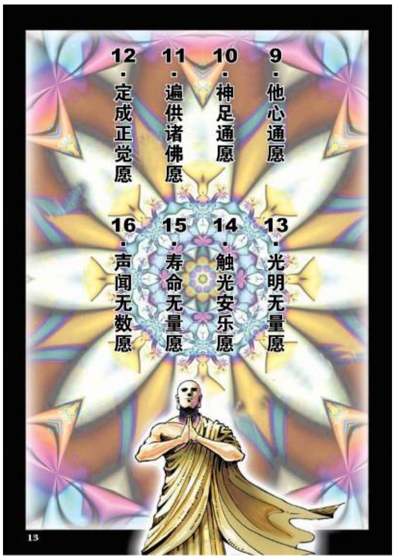
10_ *Trong nhiều Pháp Môn, dùng Pháp Môn* ***Niệm Phật*** *là phương tiện tích cực nhất. Ta đem điều này làm Pháp* ***phổ độ chúng sinh*** *!*
Tỳ Khưu Pháp Tạng trải qua đủ năm Kiếp, tu hành lâu dài, đến chốn hoang vắng cây cỏ rậm rạp, cuối cùng hoàn thành điều suy nghĩ. Trong con mắt Tâm gom tập điều tốt đẹp của cõi Phật khắp mười phương vào Tịnh Thổ tuyệt diệu của một thân



11_ Lúc đó Tỳ Khưu Pháp Tạng lại đi trở về gặp Đức Phật….
"Bạch Đức Phật Đà ! Con đã thành công, hoàn thành Tịnh Thổ trang nghiêm đã suy nghĩ, cũng thành tựu xong Hạnh thanh tịnh"
"Tốt lắm ! Này Pháp Tạng ! Ông đã tu đến Tâm chẳng khởi phân biệt, đã chứng xong Cảnh Giới không có chỗ chấp. Ông dùng Tâm trong sạch làm Nhân, tương lai cõi Phật đã chứng được cũng rất thanh tịnh trang nghiêm. Hiện tại ông có thể tuyên bố Nguyện lớn của ông"



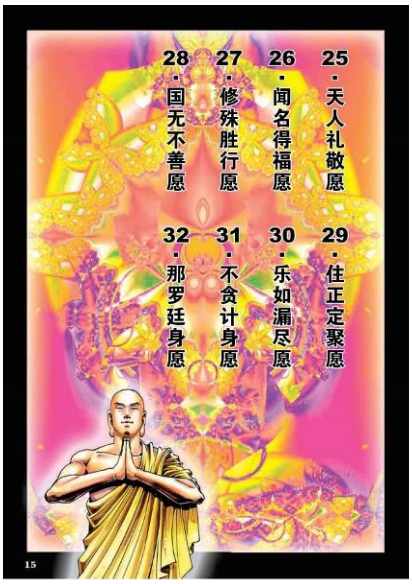
12_
1_ Nguyện cõi nước không có đường ác
2_ Nguyện chẳng bị rơi vào nẻo ác
3_ Nguyện thân đều có màu vàng ròng
4_ Nguyện có 32 Tướng
5_ Nguyện Thân không có sự sai biệt
6_ Nguyện có Túc Mệnh Thông
7_ Nguyện có Thiên Nhãn Thông
8_ Nguyện có Thiên Nhĩ Thông



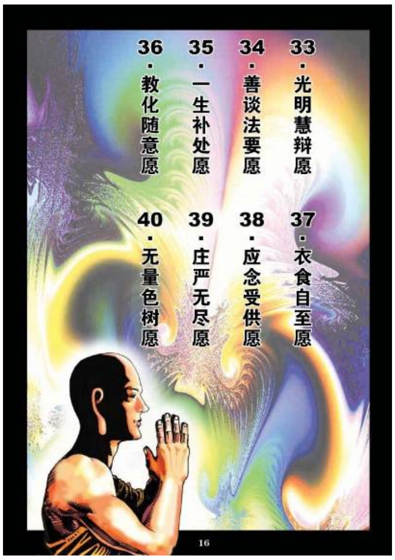
13_
9_ Nguyện có Tha Tâm Thông
10_ Nguyện có Thần Túc Thông
11_ Nguyện cúng khắp chư Phật
12_ Nguyện quyết định thành Chính Giác
13_ Nguyện ánh sáng vô lượng
14_ Nguyện tiếp chạm ánh sáng đều được an vui
15_ Nguyện Thọ Mệnh vô lượng
16_ Nguyện hàng Thanh Văn nhiều vô số



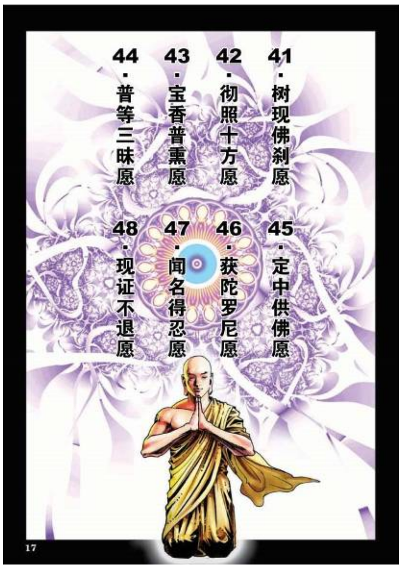
14_
17_ Nguyện chư Phật xưng tán
18_ Nguyện mười niệm ắt được vãng sinh
19_ Nguyện nghe tên phát Tâm
20_ Nguyện khi chết được tiếp dẫn
21_ Nguyện hối lỗi được sinh
22_ Nguyện cõi nước không có người nữ
23_ Nguyện chán thân nữ được chuyển thành thân nam
24_ Nguyện hoa sen hóa thân



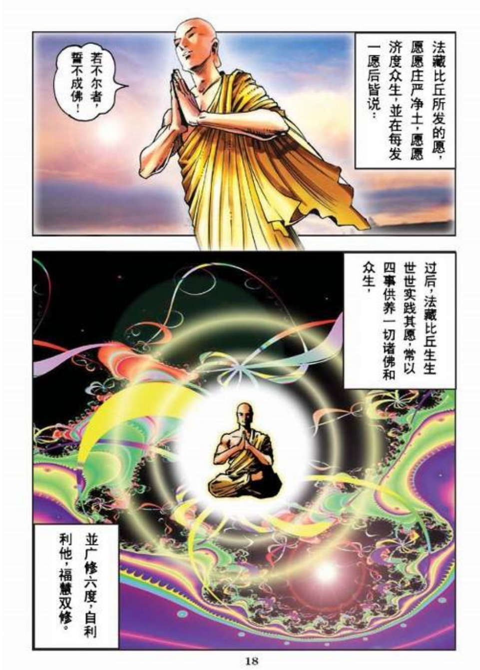
15_
25_ Nguyện Trời Người lễ kính
26_ Nguyện nghe tên được Phước
27_ Nguyện tu hành thù thắng
28_ Nguyện cõi nước không có điều chẳng lành
29_ Nguyện trụ nhóm Chính Định
30_ Nguyện vui như **Lậu Tận**
31_ Nguyện chẳng tham tiếc thân
32_ Nguyện như thân Na La Diên



16_
33_ Nguyện ánh sáng, Huệ biện
34_ Nguyện khéo đàm luận PhápYếu
35_ Nguyện **Nhất Sinh Bổ Xứ**
36_ Nguyện giáo hóa tùy theo Nguyện
37_ Nguyện quần áo, thức ăn tự đến
38_ Nguyện Ứng với niệm nhận vật cúng
39_ Nguyện trang nghiêm vô tận
40_ Nguyện cây có vô lượng màu sắc



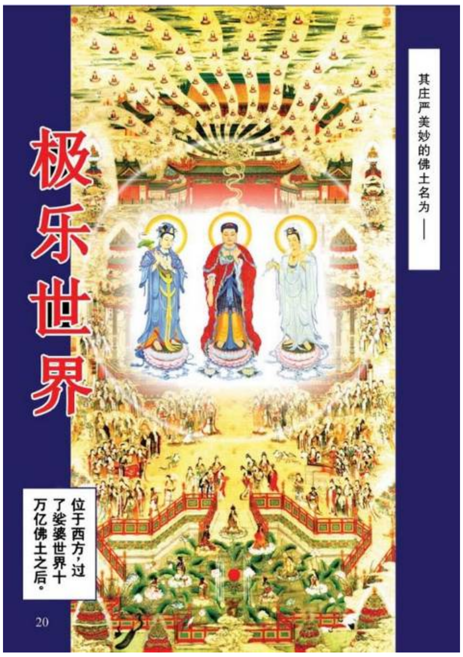
17_
41_ Nguyện cây hiện cõi Phật
42_ Nguyện chiếu thấu suốt mười phương
43_ Nguyện hương báu xông ướp khắp
44_ Nguyện **Phổ Đẳng Tam Muội**
45_ Nguyện trong Định cúng Phật
46_ Nguyện được Đà La Ni
47_ Nguyện nghe tên được **Nhẫn**
48_ Nguyện **Hiện Chứng** chẳng lùi



18_ Nguyện mà Tỳ Khưu Pháp Tạng đã phát ra, mỗi mỗi Nguyện trang nghiêm Tịnh Thổ, mỗi mỗi Nguyện tế độ chúng sinh. Ngay phía sau một Nguyện phát ra đều nói:
"Nếu chẳng như thế, thề chẳng thành Phật"
Sau này đời đời kiếp kiếp Tỳ Khưu Pháp Tạng thực hiện Nguyện ấy, thường dùng bốn việc cúng dường tất cả chư Phật cùng chúng sinh, kèm rộng tu sáu Độ, lợi mình lợi người, Phước Tuệ tăng song song.



19_ Ở trong vô lượng kiếp tích lũy vô lượng vô biên Công Đức chẳng thể nghĩ bàn, cuối cùng viên mãn thành Phật
Phật Hiệu là **A Di Đà**



20_ Cõi Phật trang nghiêm xinh đẹp màu nhiệm ấy, tên là Thế Giới **Cực Lạc** có vị trí ở phương Tây cách Thế Giới **Sa Bà** hơn mười vạn ức cõi Phật



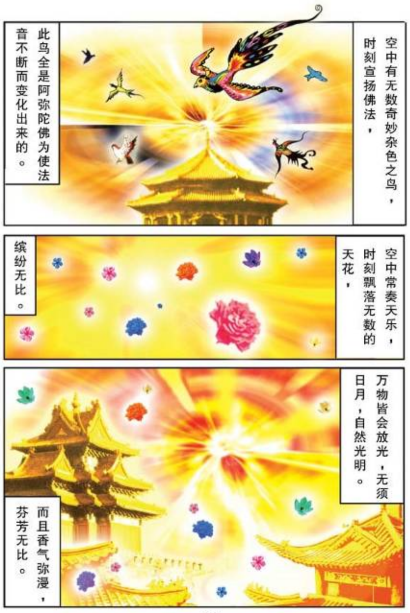
21_ Bên trong Thế Giới Cực Lạc không có ba đường ác, người người nghĩ đến áo thì được áo, nghĩ đến ăn thì được ăn, tất cả tự nhiên đầy đủ
Cũng không có phụ nữ, người người sáu Căn trong sạch bình đẳng mà lại rộng lớn vô biên, khí hậu ôn hòa trong mát dễ chịu
Địa phương không có lồi lõm cao thấp, hết thảy cung điện đều do bảy báu tạo thành, đều hợp phóng ánh sáng



22_ Trên đất, hư không xếp bày đúng một hàng. Hàng do bảy báu đều hợp thành cây báu, trên cây liền tập hợp xong, giống trăm ngàn báu kỳ lạ đã kết thành lưới võng
Gió nhẹ thổi đến, như trăm ngàn loại nhạc khí đồng thời diễn tấu, tráng lệ phi phàm
Lại có vô số ao hoa sen to lớn như biển, đều dùng cát vàng trải bày trên đất, do bảy báu tạo thành. Nước ao đều do nước tám Công Đức đều hợp thành
Hoa sen to lớn không thể so sánh, đều hợp phóng ánh sáng, tinh khiết thơm tho vi diệu



23_ Một vài hoa sen ấy chính là thai hoa vãng sinh của chúng ta trong tương lai. Ai ở đời này niệm Phật, học Phật thì trong ao bảy báu liền mọc ra một đóa hoa sen. Tương lai, khi vãng sinh thời hóa sinh tại đây.
Như người tinh tiến niệm Phật thì hoa sen liền hợp lớn được trang nghiêm. Ánh sáng to lớn đã phóng ra càng mạnh
Như đổi lại, tin tưởng sự dạy bảo khác, hoặc đình chỉ chẳng niệm thì hoa sen liền ảm đạm, không có ánh sáng, dần dần khô héo



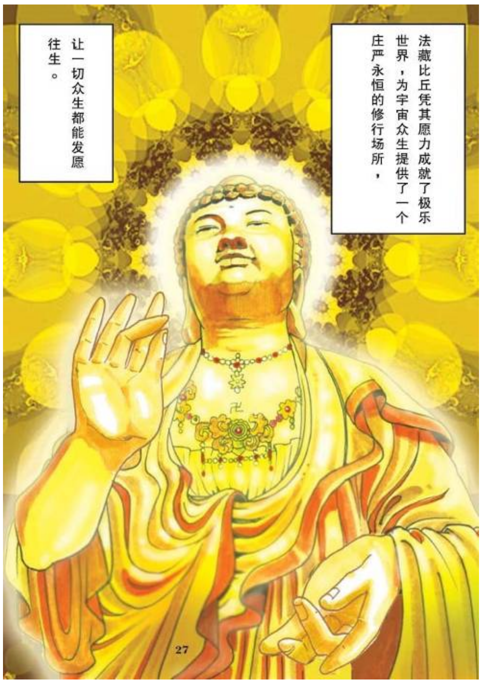
24_ Trong hư không có vô số loài chim màu sắc diệu tạp, thời khắc tuyên dương Phật Pháp. Loài chim này toàn là Đức Phật A Di Đà vì khiến cho Pháp Âm chẳng đứt đoạn mà biến hóa ra.
Trong hư không thường tấu nhạc Trời, thời khắc thổi rơi vô số hoa cõi Trời, rực rỡ không thể so sánh.
Vạn vật đều hợp phóng ánh sáng, không cần mặt trời mặt trăng, tự nhiên sáng tỏ
Không chỉ hương khí lan tỏa ràn đầy mà còn thơm phức không thể so sánh



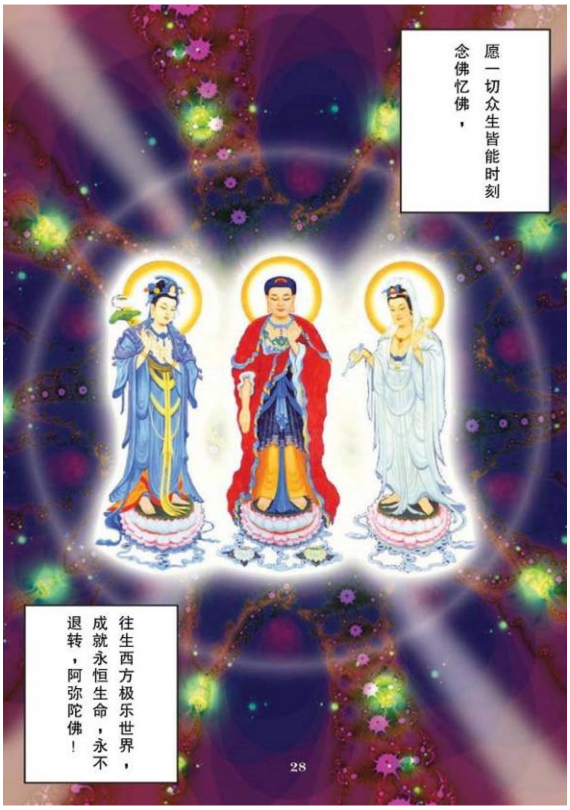
25_ Đức Phật A Di Đà phóng ánh sáng vô lượng chiếu khắp mười phương, cùng với Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát vì chúng sinh tuyên nói Diệu Pháp.
Chúng sinh ở cõi Cực Lạc có thọ mệnh giống như Đức Phật, vô biên vô tận, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển trở lại ba cõi sáu đường. Bởi thế đều có thể ngay trong đời này tu thành Phật Quả



26_ Đức Phật A Di Đà thành Phật đã được mười kiếp, trên cõi Phật đã có vô số Đệ Tử thuộc hàng Bồ Tát, La Hán…vì chúng sinh nói Pháp. Thế Giới Cực Lạc tuy xa, chỉ yêu cầu đời này niệm Phật chẳng đoạn, tin nguyện vãng sinh, khi lâm chung thời Tâm chẳng tham luyến, Ý chẳng điên đảo, cùng với Tâm Phật tương ứng. Đức Phật A Di Đà cùng với các Thánh Chúng tự họp ở trước mặt, đi đến tiếp dẫn, khoảng một cái chớp mắt sinh về Tây Phương Tịnh Thổ.



27_ Tỳ Khưu Pháp Tạng nương vào sức Nguyện ấy thành tựu xong Thế Giới Cực Lạc, vì chúng sinh trong vũ trụ, cung cấp xong một cái trường sở tu hành vĩnh hằng trang nghiêm, nhằm giúp cho tất cả chúng sinh đều thuận theo phát nguyện vãng sinh



28_ Nguyện tất cả chúng sinh đều thuận theo thời khắc, niệm Phật, nhớ Phật, sinh về Thế Giới Cực Lạc ở phương Tây, thành tựu sinh mệnh vĩnh hằng, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển.
A Di Đà Phật !

Hết

04/12/2011

NGHI VÃNG SINH A DI ĐÀ
(Đường về cõi Cực Lạc)

Dalai Lama thứ 5 (1617-1682)
Việt dịch: Tống Phước Khải

NAMO GURU MAÑJUŚRĪYE
Tôi sẽ trình bày nghi thức tiếp dẫn
Đến Tịnh Thổ Cực Lạc -
Một truyền thống sử dụng giấc ngủ khéo léo khi thiền định -
Được mô tả trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện,
Được trích ra từ phần cơ bản của đại phẩm
Trong lần Chuyển Pháp Luân Cuối Cùng[1].

Liên quan đến điều này, trong Phổ Hiền Hạnh Nguyện cũng có nói: "Khi ta sắp mạng chung…"

Sau đây là phần giải thích ý nghĩa của những dòng chữ trên, được truyền trao bởi Văn Thù Sư Lợi vĩ đại cho Đức Acharya Jitari. Đó là một giáo pháp sâu sắc, một cẩm nang từ đại sơn của những dòng truyền thừa, truyền xuống theo dòng truyền chân thật và bất hoại.

Có 4 phần:
(1) Chuẩn bị
(2) Thực hành
(3) Kết thúc
(4) Lợi ích

1. Chuẩn bị:

Như đại dịch giả Śākya là Jamyang Gyaltsan có nói:
Thực hiện việc quy y Tam Bảo
Và thiền định trên Bồ Đề Tâm
Thiền quán Amitābha trước mặt ta
Và dâng lên sự đảnh lễ Ngài.

Điều này có nghĩa là:

Để tịnh hóa lỗi lầm thông qua Đức Phật Amitābha (Vô Lượng Quang). Hành giả muốn sinh vào tịnh thổ Cực Lạc phải lau dọn sạch sẽ thiền phòng của mình và trang trí một bức hình thế giới Cực Lạc làm hậu cảnh. Hoặc nếu không có thì bố trí một bức hình hoặc tôn tượng Đức Amitābha quay mặt về hướng Đông.

Bày trí tất cả những món đã chuẩn bị sẵn để cúng dường. Sau đó nằm nghiêng đặt phía phải thân người lên một chiếc giường thoải mái, đối mặt với những thứ đã bày trí. Khi chuẩn bị đi vào giấc ngủ, nằm nghiêng bên phải, xoay đầu về hướng Tây.

Quán tưởng Tam Bảo chuyển hóa thành Đức Amitābha là hình tượng chính, cùng với đồ chúng của Ngài. Tất cả chư vị an tọa và tràn ngập khắp hư không. Kế đó, trì tụng tứ cú quy y ba lần, bảy lần, hoặc càng nhiều tùy ý:

[1] Lần chuyển pháp luân thứ ba, Đức Phật Thích Ca thuyết giảng tại Vesāli

Con xin quy y Đạo Sư
Con xin quy y Phật
Con xin quy y Pháp
Con xin quy y Tăng

Phát Tâm Bồ Đề, quán tưởng rằng: "Ta sẽ thiền định pháp Amitābha để thành tựu Phật quả nhằm mang lại lợi lạc cho tất cả chúng sinh." Quán tưởng rằng ngôi nhà của mình và những vật xung quanh chính là Tịnh Thổ Cực Lạc. Quán tưởng chính mình là Bản Tôn của nghi thiền.

Trong tòa ngồi quý báu trước mặt hành giả, một hoa sen với những tọa cụ là vành mặt trăng, mặt trời, Đức Amitābha ngồi đó. Ngài mang sắc thân đỏ, một mặt và hai tay ở tư thế thiền định, giữ một chiếc bình bát chứa đầy nước cam lộ. Chân của Ngài ở tư thế kim cương tọa. Y phục của Ngài bằng lụa và Ngài được nghiêm sức bằng nhiều món của Báo Thân.



Ngài mang 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp. Trong hình dáng của một hóa thần, thoát tục, được biểu tượng bằng cầu vồng ở bầu trời ở phía trên. Và Ngài hài lòng về bạn.

Quán tưởng những Đạo Sư gốc và Đạo Sư truyền thừa, những thánh sư của Pháp này, vây xung quanh Ngài. Phía sau là những Chư Phật, Chư Bồ Tát đang ngồi như những lớp mây.

Trong khi quán tưởng như vậy, cúng dường bằng tâm ý *nghi cầu nguyện thất chi* 3 lần. Hoặc *Mười Pháp Thực hành Sơ cấp*, được soạn bởi Sākya Pandit. Hoặc chỉ đơn thuần đảnh lễ bằng lời thông qua việc trì tụng những dòng dưới đây, được soạn bởi Pagpa Rinpoche:

NAMO BHAGAVATE AMITEBHYAḤ

(Quán tưởng rằng bạn đang cúng dường hoa trong khi trì tụng 3 lần:)

Con xin quy y Đức Phật Amitābha, Ngài là bậc đồng hành hoàn hảo, Thế Tôn hoàn toàn thanh tịnh, bậc Như Lai và Ứng Cúng. Con xin sám hối mọi lỗi lầm và hoan hỉ với tất những phước báu. Con cầu xin tất cả Chư Phật xoay chuyển bánh xe Pháp và cầu mong các Ngài đừng bao giờ đi đến Niết Bàn. Với căn bản đức hạnh này, nguyện xin cho con đắc pháp của Đức Amitābha.

2. Thực hành:

Phát khởi tự tin rằng lỗi lầm của mình đã được tịnh hóa.

Loại bỏ tất cả sự ham muốn.

Và thành tựu nhất tâm quán tưởng Đức Amitabha.

Với tâm ý không sợ hãi cái chết.

Ở đây muốn nói rằng, phát sinh suy nghĩ rằng chắc chắn rằng mặc dù lỗi lầm của bạn chất cao như núi Tu Di, nó được tiêu trừ bởi bốn năng lực:

1) Năng lực dựa vào những bậc Đạo Sư, Chư Phật, Chư Bồ Tát vây quanh Đức Phật Amitābha.

2) Năng lực của sự biến chuyển dưới hình thức thành tâm sám hối về những lỗi lầm đã tạo từ trước tới nay được trừ sạch.

3) Năng lực của sự quyết định không tái phạm lỗi lầm trong tương lai cho dù đánh đổi cả mạng sống.

4) Năng lực của sự áp dụng mọi biện pháp hóa giải để thu nhận công đức cần thiết bằng cách cúng dường lời khấn nguyện 7 chi v.v.

Gột bỏ mọi sự ham muốn và chấp mắc, bởi vì khi cái chết đến thì bạn sẽ xa lìa thân xác này, xa lìa của cải, quyến thuộc, bạn bè, người phục vụ v.v. Suy nghĩ chắc chắn rằng, khi chết bạn sẽ được về thế giới Cực Lạc mà không có sự sợ hãi đối với vòng luân hồi và những cảnh giới thấp. Thành tâm khấn nguyện 3 lần:

Nhờ vào Đức Phật Amitābha, Bậc Thành Tựu hoàn hảo, Thế Tôn, Như Lai, Ứng Cúng, con xin tịnh hóa mọi lỗi lầm và chướng ngại. Nguyện xin Ngài thọ ký cho con được giác ngộ đầy đủ khi con sinh vào Tịnh Thổ Cực Lạc.

Khi xuất ra, thần thức của bạn sẽ có dạng ánh sáng trắng đi ra từ lỗ mũi phía bên trái. Nó đi vào lỗ mũi phía bên phải của Đức Amitābha, di chuyển theo những kinh mạch trong thân Ngài và tan biến vào chữ HRĪḤ tại tim của Ngài.

Quán tưởng rằng tâm của những Đức Chiến Thắng và tâm của bạn trở thành một thể.

Khi đã chuyển tâm của bạn vào bên trong chủng tử, từ tim của Đức Thế Tôn ánh sáng màu trắng tự nhiên của tâm ý của Ngài, xuất phát từ chủng tử HRĪḤ tại tim của Ngài. Nó được tách rời ra như ngọn lửa được lấy khỏi ngọn đèn bơ. Ánh sáng đi ra từ lỗ mũi trái của Ngài và đi vào lỗ mũi phải của bạn, mang lại cho bạn sự hạnh phúc.

Khi nó hòa nhập trong tim của bạn. Quán tưởng rằng tâm của bạn và tâm của Đức Chiến Thắng trở thành một thể.

Tiếp tục việc quán tưởng này càng lâu càng tốt, không có yêu cầu nhất định về số lượng, không được làm sai lệch chỉ dẫn trên và không được dừng lại, như một ngọn lửa bó đuốc đang cháy.

3) Kết thúc:

Phước điền dần dần hòa tan vào trung tâm và thân thể của bạn.

Quán tưởng bạn là Đức Amitābha, hiện thân của trí tuệ.

Hồi hướng đức hạnh của bạn đến tất cả chúng sinh.

Và thực hiện nghi thiền của Ngài lần nữa.

Như vậy, vào lúc kết thúc phiên thiền, các Chư Phật, Chư Bồ Tát hòa nhập vào các Đạo Sư gốc và dòng truyền của các Ngài. Các Đạo Sư hòa nhập vào Đức Phật Amitābha. Đức Amitābha hòa nhập vào ánh sáng, nhập theo hơi thở và như vậy hòa nhập vào chính bạn.

Trong khi đó bạn cũng hòa nhập vào ánh sáng, tâm của bạn cũng hòa nhập với Chư Phật và chư vị trong thiền cảnh, quán tưởng sự xuất hiện Đức Amitābha như trong phiên thiền trước.

Trì tụng thần chú, càng nhiều càng tốt:

OṂ AMITĀBHA HRĪḤ SVĀHĀ

Nếu bạn có thời gian thì tụng Phổ Hiền Hạnh Nguyện, nếu không thì trì bài tụng sau:

Nguyện cho con sinh vào Tịnh Thổ Cực Lạc,
Mạn Đà La cao quý của Đức Chiến Thắng,
Từ trong hoa sen đẹp đẽ, thánh khiết,
Và nguyện cho con được thọ ký từ chính Pháp Vương Amitābha.

Phần kết, ấn chứng việc này bằng cách hồi hướng phước đức với lời nguyện sau:

Con xin hồi hướng phước đức
Để cho con và tất cả chúng sinh,
Vãng sinh về thế giới Cực Lạc
Và được chở che hoàn toàn bởi Đức Bảo Hộ Amitābha.

OṂ VAJRA MUḤ

Phước điền hòa nhập vào trong bạn và bạn quán tưởng rằng Đức Amitābha đã đi đến cõi Cực Lạc.

Đầu, cổ và tim của bạn được bảo vệ bằng ánh sáng của các chữ chủng tử OṂ ĀḤ HŪṂ. Đi vào giấc ngủ với cảm tưởng đang được sinh vào thế giới Cực Lạc với niềm tin mãnh liệt vào điều này. Không cho tâm trí xao lãng vào việc khác.

Trong sinh hoạt hàng ngày, tưởng tượng rằng nơi cư ngụ của bạn là Tịnh Thổ Cực Lạc và luôn quán tưởng rằng mình và Đức Amitābha là một. Khi bạn đi ra ngoài, tưởng tượng bạn đi về phía Đức Amitābha đang ngồi trước mặt bạn.

4. Lợi ích:

Sự lợi ích đó là bạn không bị làm hại bởi các thế lực ma quỷ,
Bạn sẽ không chịu khổ khi lâm chung,
Ở trong Bardo bạn sẽ được bảo vệ bởi Đức Muṇis
Và trong tương lai bạn sẽ đạt được sự giải thoát.

Điều này có nghĩa rằng ngay trong đời sống này, bởi do hành trì pháp yoga này, bạn sẽ không bị đau bệnh, ma chướng hoặc trở ngại, tuổi thọ của bạn sẽ kéo

dài, và bằng lòng từ bi của Đức Amitābha, bạn sẽ tha thứ nỗi khổ bởi cái chết đau đớn.

Bởi vì bạn sẽ được thoát khỏi sợ hãi trong Bardo, trạng thái lìa bỏ thân xác này giống như con rắn bỏ lớp da. Khi bạn tái sinh từ hoa sen trong thế giới Cực Lạc, ở phương Tây, bạn sẽ được nghe giáo pháp của Đức Amitābha. Do vậy, điều này được nói trong kinh Ratnakuṭa. Và do việc thực hành chỉ dẫn này chắc chắn bạn sẽ thành tựu sự giải thoát.

Chỉ dẫn này của những hiền giả Ấn Độ và những dịch giả Tây Tạng không có sai sót.

Được truyền xuống bởi Đức Bảo hộ Śākya Pandit Jamyang,

Do bởi Pháp này thực hành dễ dàng,

Nguyện công đức của pháp này sẽ dẫn dắt tất cả chúng sinh về Tịnh Thổ Cực Lạc.

Ghi chú:

Nghi thức "Đường về cõi Cực Lạc, phương pháp thực hành Thiền Ngủ từ 'Phổ Hiền Hạnh Nguyện'" được thỉnh cầu bởi Lozang Paljor tại Lhasa. Nhằm lợi lạc cho những người mới tu tập nhiệt thành, nó được truyền trao cho từng người bởi Đức Nhất Thiết Phổ tại Zhalu, đại học giả Rinchen Sonam, và đại học giả viện trưởng Lochog Dorje. Thông qua từ tâm của các vị, dựa trên thơ gốc của Đức Śākya Pandit, tôi đã tóm lược ý nghĩa của chú giải của ngài Śākya Pandit, cũng như những phần trì tụng của Đức Pháp Vương.

Vị Sư của Zahor, Jamyang Gaway Shen-nyen (Đức Dalai Lama thứ 5) soạn ra nghi này vào ngày thứ 6, tháng thứ 5, năm Thiết Điểu (1981, lịch Tây Tạng). Được đọc cho một vị trưởng diễn tấu vũ điệu nghi lễ, Tỳ Kheo Ngawang Gonchog.

NGHI TRƯỜNG THỌ A DI ĐÀ

(Kim Cương Truyền Thừa bất hoại)

Dalai Lama thứ 7 (1708-1757)
Việt dịch: Tống Phước Khải



OṂ SVĀSTI

Đức Amitāyus (Vô Lượng Thọ), kho báu trí tuệ bất diệt,
Thân mạn đà la của Ngài lấp lánh những ánh sáng.
Như tòa núi hồng ngọc phản chiếu trăm ngàn mặt trời,
Sẽ ban cho con mỗi một sự thành tựu vào lúc này.
Cầu xin lòng từ bi kỳ diệu của Ngài
Con sẽ thực hiện nghi thiền Kim Cương Truyền Thừa Bất Hoại này.
Để khi nghe đến danh hiệu của Ngài
Chiến tuyến của Tử Thần sẽ bị đẩy lùi.

(Để hoàn thành nghi thức cầu bất tử theo pháp Amitāyus này, cần đặt một hình tượng Đức Amitāyus trên bàn thờ, và sắp xếp các vật phẩm cúng dường đến bản tôn một cách trang nghiêm.)

Con xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng Bảo cho đến khi con đạt được sự giác ngộ.

Bằng những công hạnh của những thiện pháp đã làm
Nguyện cho con thành tựu Phật quả để cứu giúp tất cả chúng sinh.

Con nguyện xa lìa sự thờ ơ, sự chấp mắc và sự thù địch đối với tất cả chúng sinh.

Nguyện cho chúng sinh được niềm phúc lạc cao quý.

Con sẽ giải phóng chúng sinh ra khỏi bể khổ,

Nguyện cho họ không bao giờ xa rời niềm an lạc của giải thoát.

(Sau khi thực hiện bước khởi sự gồm quy y, phát bồ đề tâm và tứ vô lượng, trì tụng thần chú sau:)

OṂ SVABHĀVA ŚUDDHA SARVA DHARMA SVABHĀVA ŚUDDHOHAṂ . Tất cả biến thành trống rỗng.

Trong trạng thái trống rỗng, trước mặt hành giả, từ chữ PAṂ xuất hiện một hoa sen và từ chữ ĀḤ là một mạn đà la mặt trăng. Chữ HRĪḤ màu đỏ xuất hiện ở trên. Những tia sáng phát ra từ chữ này mang lại lợi lạc cho chúng sinh. Sau đó chữ này lại biến mất và biến thành Đức Bảo Hộ Thế Tôn Āyurjñāna, có màu đỏ, một mặt và hai tay biểu tượng thiền định, trên là bình chứa đầy nước cam lồ. Chân của ngài ở tư thế kim cương tọa. Ngài được nghiêm sức từ những chủ thể cho đến tiểu tiết. Ngài mang những trang sức quý và khoác y phục bằng lụa. Tỏa ánh sáng trong suốt và thanh tịnh.

Chữ OṂ trên đỉnh vương miện, chữ ĀḤ ở cổ họng và chữ HŪṂ ở tim.

Ánh sáng phát ra, mời gọi Đức Bảo Hộ Āyurjñāna, vây quanh bởi tất cả chư Phật và chư Bồ Tát, từ những trú xứ của các vị.

JAḤ HŪṂ VAṂ HOḤ.

Các chư vị trở nên không tách rời. Ánh sáng một lần nữa phát ra từ chữ chủng tử tại tim, thỉnh mời các Tôn quán đảnh. Hành giả cầu xin "Xin ban quán đảnh cho con." Các chư vị ban quán đảnh từ những bình chứa đầy nước. Nước còn sót lại trên đỉnh vương miện của hành giả biến thành ứng hóa thân của Đức Amitāyus.

(Việc cúng dường được tịnh hóa trở thành trống rỗng:)

OṂ SVABHĀVA ŚUDDHA SARVA DHARMA SVABHĀVA ŚUDDHOHAṂ

(Cầu chúc cho các Ngài, như trong tantra tối thượng yoga:)

OṂ PĀRIMITĀ ĀYURJÑĀNA SAPARIVĀRA ARGHAṂ PRATĪCCHAYE HŪṂ SVĀHĀ

OṂ PĀRIMITĀ ĀYURJÑĀNA SAPARIVĀRA PĀDYAṂ PRATĪCCHAYE HŪṂ SVĀHĀ

OṂ PĀRIMITĀ ĀYURJÑĀNA SAPARIVĀRA PUṢPE PRATĪCCHAYE HŪṂ SVĀHĀ

OṂ PĀRIMITĀ ĀYURJÑĀNA SAPARIVĀRA DHŪPE PRATĪCCHAYE HŪṂ SVĀHĀ

OṂ PĀRIMITĀ ĀYURJÑĀNA SAPARIVĀRA ĀLOKA PRATĪCCHAYE HŪṂ SVĀHĀ

OṂ PĀRIMITĀ ĀYURJÑĀNA SAPARIVĀRA GANDHE PRATĪCCHAYE HŪṂ SVĀHĀ

OṂ PĀRIMITĀ ĀYURJÑĀNA SAPARIVĀRA NAIVIDYE PRATĪCCHAYE HŪṂ SVĀHĀ

OṂ PĀRIMITĀ ĀYURJÑĀNA SAPARIVĀRA ŚABDA PRATĪCCHAYE HŪṂ SVĀHĀ

(Tán dương:)

Đức Amitāyus,

Đấng Bảo Hộ, Thế Tôn
Ngài xua tan những vết dơ lỗi lầm,
Con xin đảnh lễ thân Nhất Thiết Trí
Thân nhận biết tất cả và tràn đầy không gian.

(Thỉnh cầu Ngài nhiệt thành trong khi cầu nguyện) :

Tỏa ra các thân nhiều như những vi trần,

Con xin đảnh lễ Đức Amitāyus, Đấng Bảo Hộ, cùng với những Đức Phật và con của các Ngài,

Con xin cúng dường bằng quán tưởng và bằng hiện vật,
Tràn đầy khắp không gian.
Con xin sám hối mọi lỗi lầm và thoái thất
Đã tích lũy từ vô thủy.

Và con cần khẩn tất cả những Đấng Chiến Thắng, xin đừng nhập vào Niết Bàn. Hãy ở lại vận chuyển bánh xe Pháp.

Con xin dâng công đức vô song này cho sự giác ngộ tối thượng.
Hỡi Đấng Tôn Quý, Đức Bảo Hộ Amitāyus,
Danh hiệu của Ngài thôi, có thể đoạn diệt cái chết phi thời,
Với sự cứu độ không mệt mỏi của Ngài
Lắng nghe tất cả những chúng sinh và đặc biệt là đối với con
(hành giả)
Kẻ còn lầm lẫn và không nhận thức được Pháp Giới vĩ đại
Một trạng thái không đến cũng không đi
Bởi tính bản nhiên của tất cả pháp ban đầu đều không có hình tướng
Tâm của con chất chứa những bất thiện pháp và hư hoại,
Điều đó dẫn đến những sự khổ đau triền miên.
Gia hộ cho con bằng cách bình định những thứ
Dẫn tới cái chết phi thời
Đối với người và phi nhân,

và do sự thoái hóa của tuổi thọ và đức hạnh bởi nghiệp lực của lỗi lầm trong quá khứ.

Xin hãy ban cho con thành tựu (siddhi) bất tử
Khi con đã hội tụ tất cả sự tốt đẹp trong vòng luân hồi

Và khi dòng tâm thức cùng sinh lực khô cạn đang bắt đầu trổ hoa với đức hạnh và cuộc sống.

(Để tăng trưởng mạng sống, quán như sau) :

Bên trong tịnh bình trên tay của bản tôn ở trước mặt hành giả một vành trăng, ở trên vành trăng là chữ HRĪḤ ཧྲཱིཿ , chữ này được bao quanh bởi vòng tâm chú. Ánh sáng phát ra từ các chữ chủng tử, kéo lại tuổi thọ của hành giả đã bị đánh cắp bởi Thần Chết Diêm Ma (Yama), và bởi những thế lực khác, và giữ lại những gì bị cướp đi từ hành giả. Năng lượng sống này hòa vào vòng thần chú. Ánh sáng lần nữa phát ra mười phương.

Ánh sáng giữ lại những năng lực duy trì sự sống từ thành phần của môi trường như không khí, gió, lửa, nước, đất v.v. ; từ Phạm Thiên, Đế Thích và Tứ Thiên Vương; và từ học thuật, từ những đạo sư đáng quý và tôn kính, từ những bậc thầy tinh thần v.v. Tóm lại, tinh phẩm của thọ mạng, công đức, năng lượng

và nhận thức của tất cả hữu tình được lấy lại dưới dạng ánh sáng nhiều màu sắc và những dấu hiệu cát tường. Tất cả những phẩm chất của thân, khẩu và ý của các Đấng Chiến Thắng và Con của các vị ấy cũng được kết hợp thành tôn tượng, chữ chủng tử và những biểu tượng được mang trên mỗi tôn. Tất cả những thứ này hòa tan vào vòng thần chú.

Một dòng nước cam lồ chảy xuống từ đây, tràn bình và tưới lên những chỗ trống trên vương miện hành giả, rồi tràn khắp thân thể. Hành giả nhận được những tất địa phổ biến và cao nhất và đặc biệt là sự quang vinh của trường sinh bất tử và công đức.



(Nếu thực hiện nghi này cho một người khác thì quán tưởng ánh sáng phát ra từ vòng thần chú trong bình như đã mô tả bên trên, kéo lại sinh lực đã bị đánh cắp bởi Thần Chết, cũng như lấy lại các thành phần của môi trường, các phẩm chất của vòng luân hồi và niết bàn. Những thứ này hội tụ vào vòng thần chú. Một dòng nước cam lộ chảy trừ vòng thần chú này trên vành trăng, từ trong bình; nước cam lồ tràn từ bình. Chiếc bình được đặt trên trên vương miệng của người đó và tưới tràn đầy thân thể người này).

(Để tăng tuổi thọ và công đức, trì tụng thần chú:)

OṂ AMARAṆI JĪVANTAYE SVĀHĀ

ཨོཾ་ཨ་མ་ར་ཎི་ཛཱི་བ་ནྟ་ཡེ་སྭཱ་ཧཱ།

(Sau đó trì tụng thần chú trăm âm:)

OṂ PADMASATVA SAMAYAM ANUPĀLAYA, PADMASATVA TVENA UPATIṢṬA, DṚḌHO ME BHAVA, SUTOṢYO ME BHAVA, SUPOṢYO ME BHAVA, ANURAKTO ME BHAVA, SARVA SIDDHIṂ ME PRAYACCHA SARVA KARMASU, CA ME CITTAṂ ŚRĪYAṂ KURU, HŪṂ HA HA HA HA HOḤ, BHAGAVAṂ SARVA TATHĀGATA PADMA, MA ME MUṂCA, PADMĪ BHAVA, MAHĀ SAMAYA SATVA, ĀḤ HŪṂ PHAṬ

(Cúng dường và tán dương như trước đó:)

OṂ PĀRIMITĀ ĀYURJÑĀNA SAPARIVĀRA ARGHAṂ PRATĪCCHAYE HŪṂ SVĀHĀ
OṂ PĀRIMITĀ ĀYURJÑĀNA SAPARIVĀRA PĀDYAṂ PRATĪCCHAYE HŪṂ SVĀHĀ
OṂ PĀRIMITĀ ĀYURJÑĀNA SAPARIVĀRA PUṢPE PRATĪCCHAYE HŪṂ SVĀHĀ
OṂ PĀRIMITĀ ĀYURJÑĀNA SAPARIVĀRA DHŪPE PRATĪCCHAYE HŪṂ SVĀHĀ
OṂ PĀRIMITĀ ĀYURJÑĀNA SAPARIVĀRA ĀLOKA PRATĪCCHAYE HŪṂ SVĀHĀ
OṂ PĀRIMITĀ ĀYURJÑĀNA SAPARIVĀRA GANDHE PRATĪCCHAYE HŪṂ SVĀHĀ
OṂ PĀRIMITĀ ĀYURJÑĀNA SAPARIVĀRA NAIVIDYE PRATĪCCHAYE HŪṂ SVĀHĀ
OṂ PĀRIMITĀ ĀYURJÑĀNA SAPARIVĀRA ŚABDA PRATĪCCHAYE HŪṂ SVĀHĀ

Đức Amitāyus, Đức Bảo Hộ, Đức Thế Tôn
Ngài năng trừ vết nhơ lỗi lầm
Con xin đảnh lễ thân Nhất Thiết Trí của Ngài
Thân nhận biết tất cả và đầy lấp không gian.

(Cầu xin sự nhẫn nại của Ngài:)

Những điều mà con đã làm sai trái
Là do không tìm được phương tiện phù hợp, sự hiểu biết thích hợp, hoặc do thiếu khả năng
Cầu xin Ngài nhẫn nại với những gì con đã làm.

(Nếu có một bức ảnh cho các tuệ giả nhập vào, an lập các chư vị vào trong bức hình này. Nếu không có, thì các vị sẽ đi khỏi khi hành giả đọc:)

OṂ VAJRA MUḤ

(Quán tưởng:)

Các chư vị kết giao tan vào trong ánh sáng và hòa vào trong hành giả.

(Bổ sung phần kết nghi bằng sự cầu nguyện cát tường:)

Với công đức này, khi con thành tựu Pháp Amitāyus.
Con sẽ mau chóng dẫn dắt từng chúng sinh đạt được kết quả như vậy.

Ghi chú:

Nghi trường thọ dựa trên pháp Amitāyus này được thỉnh cầu bởi Ngài Ho Sho Kang Ze Chen Wang (Trung Quốc). Đồng ý với lời thỉnh cầu này, Ngài Tỳ Kheo Lozang Kalzang Gyatso soạn ra nghi tóm lược này tại tự viện JipaTong, Gartaryong. Nghi này được đọc cho người viết tài ba là Tsangkye Lodang.

Được dịch sang tiếng Anh bởi Michael Richards, cùng với Yeshe Lodro Rinpoche.

sukhāvatīvyūhaḥ (saṁkṣiptamātṛkā)
Cực Lạc Giới Trang Nghiêm (kinh ngắn)

sukhāvatīvyūhaḥ |
(saṁkṣiptamātṛkā |)

|| namaḥ sarvajñāya ||
Kính lễ Bậc Nhất Thiết Trí

evaṁ mayā śrutam | ekasmin samaye bhagavān śrāvastyāṁ viharati sma jetavane'nāthapiṇḍadasyārāme mahatā bhikṣusaṁghena sārdhamardhatrayodaśabhirbhikṣuśatairabhijñātābhijñātaiḥ sthavirairmahāśrāvakaiḥ sarvairarhadbhiḥ | tadyathā-sthavireṇa ca śāriputreṇa, mahāmaudgalyāyanena ca mahākāśyapena ca mahākapphiṇena ca mahākātyāyanena ca mahākauṣṭhilena ca revatena ca śuddhipanthakena ca nandena ca ānandena ca rāhulena ca gavāṁpatinā ca bharadvājena ca kālodayinā ca vakkulena ca aniruddhena ca | etaiścānyaiśca saṁbahulairmahāśrāvakaiḥ | saṁbahulaiśca bodhisattvairmahāsattvaiḥ | tadyathā mañjuśriyā ca kumārabhūtena, ajitena ca bodhisattvena, gandhahastinā ca bodhisattvena, nityodyuktena ca bodhisattvena, anikṣiptadhureṇa ca bodhisattvena | etaiścānyaiśca saṁbahulairbodhisattvairmahāsattvaiḥ | śakreṇa ca devānāmindreṇa, brahmaṇā ca sahāṁpatinā | etaiśvānyaiśca saṁbahulairdevaputranayutaśatasahasraiḥ || 1 ||

#1. Tôi nghe như vầy: Một thuở nọ Đức Phật ngự ở Sravasti, trong khu vườn Jeta, đất của ông Anathapindaka, cùng với đại chúng Tỳ Kheo gồm 1250 người. Tất cả họ đều thuần thục với 5 loại trí, trưởng lão, đại đệ tử, và A La Hán, như Trưởng Lão Xá Lợi Phất (Sariputra), Mahamaudgalyayana, Mahakasyapa, Mahakapphina, Mahakatyayana, Mahakaushthila, Revata, Suddhipanthaka, Nanda, Ananda, Rahula, Gavampati, Bharadvaga, Kalodayin Vakkula và Aniruddha. Ngài ngự tại đây cùng với những vị này và các đại đệ tử khác cùng với nhiều hàng thánh trí Bồ Tát như hoàng tử Mañgusri, Bồ Tát Agita, Bồ Tát Gandhahastin, Bồ Tát Nityodyukta, Bồ Tát Anikshiptadhura. Ngài ngự cùng với họ và nhiều hàng thánh trí Bồ Tát khác, cùng với Kakra, Indra hoặc các Thiên Vương, cùng với Bà La Môn Sahampati. Đức Thế Tôn ngự ở Sravasti cùng với những vị này và với trăm ngàn na do tha (nayuta) thiên tử.

tatra khalu bhagavānāyuṣmantaṁ śāriputramāmantrayati sma-asti śāriputra paścime digbhāge ito buddhakṣetraṁ koṭiśatasahasraṁ buddhākṣetrāṇāmatikramya sukhāvatī nāma lokadhātuḥ | tatra amitāyurnāma tathāgato'rhan samyaksaṁbuddha etarhi tiṣṭhati dhriyate yāpayati, dharmaṁ ca deśayati tatkiṁ manyase śāriputra kena kāraṇena sā lokadhātuḥ sukhāvatītyucyate ? tatra khalu punaḥ śāriputra sukhāvatyāṁ lokadhātau nāsti sattvānāṁ kāyaduḥkhaṁ na cittaduḥkham | apramāṇānyeva sukhakāraṇāni | tena kāraṇena sā lokadhātuḥ sukhāvatītyucyate || 2 ||

#2. Tiếp đến, Đức Thế Tôn quay sang bảo Ngài Xá Lợi Phất, "Này Xá Lợi Phất, từ nơi đây sau khi ông đi qua một trăm ngàn câu tha (koti) Phật quốc, ở phương tây có một nước Phật tên gọi là Cực Lạc (Sukhavati). Và có một Đức Như Lai tên gọi là Amitayus, ngài là một A La Hán, giác ngộ hoàn toàn, đang ngự, lưu trú tại đó, chủ quản và giảng dạy giáo pháp. "Ông nghĩ sao, Xá Lợi Phất, tại sao thế giới này được gọi là Cực Lạc (Sukhavati)? Này Xá Lợi Phất, chúng sinh trong thế giới đó không có các loại bệnh về thân thể cũng như tinh thần. Ở đó nguồn phúc lạc là vô tận. Bởi vì vậy thế giới có tên là Cực Lạc (Sukhavati).

punaraparaṁ śāriputra sukhāvatī lokadhātuḥ saptabhirvedikābhiḥ saptabhistālapaṅktibhiḥ kiṅkiṇījālaiśca samalaṁkṛtā samantato'nupatikṣiptā citrā darśanīyā caturṇāṁ ratnānām | tadyathā suvarṇasya rūpyasya vaiḍūryasya sphaṭikasya | evaṁrūpaiḥ śāriputra buddhakṣetraguṇavyūhaiḥ samalaṁkṛtaṁ tadbuddhakṣetram || 3 ||

#3. "Và nữa này Xá Lợi Phất, thế giới Cực Lạc đó được trang hoàng với bảy tầng bao lơn, bảy hàng cây và có treo những dãy chuông. Mọi phía đều có tường bao, đẹp đẽ và lộng lẫy với tứ bảo như vàng, bạc, lưu ly và pha lê. Những món tuyệt hảo dành cho một Phật quốc như vậy được trang hoàng cho nước Phật nơi đây.

punaraparaṁ śāriputra sukhāvatyāṁ lokadhātau saptaratnamayyaḥ puṣkariṇyaḥ-tadyathā suvarṇasya rūpyasya vaiḍūryasya sphaṭikasya lohitamuktasya aśmagarbhasya musāragalvasya saptamasya ratnasya | aṣṭāṅgopetavāriparipūrṇāḥ samatīrthakāḥ kākapeyā suvarṇavālukāsaṁstṛtāḥ | tāsu ca puṣkariṇīṣu samantāccaturdiśaṁ catvāri sopānāni citrāṇi darśanīyāni caturṇāṁ ratnānām-tadyathā suvarṇasya rūpyasya vaiḍūryasya sphaṭikasya | tāsāṁ ca puṣkariṇīnāṁ samantādratnavṛkṣā jātāścitrā darśanīyāḥ saptānāṁ ratnānām-tadyathā suvarṇasya rūpyasya vaiḍūryasya sphaṭikasya lohitamuktasyāśmagarbhasya musāragalvasya saptamasya ratnasya | tāsu ca puṣkariṇīṣu santi padmāni jātāni nīlāni nīlavarṇāni nīlanirbhāsāni nīlanidarśanāni | pītāni pītavarṇāni pītanirbhāsāni pītanidarśanāni | lohitāni lohitavarṇāni lohitanirbhāsāni lohitanidarśanāni | avadātāni avadātavarṇāni avadātanirbhāsāni avadātanidarśanāni | citrāṇi citravarṇāni citranirbhāsāni citranidarśanāni śakaṭacakrapramāṇapariṇāhāni | evaṁrūpaiḥ śāriputra buddhakṣetraguṇavyūhaiḥ samalaṁkṛtaṁ tadbuddhakṣetram || 4 ||

#4. Lại nữa này Xá lợi Phất, trong thế giới Cực Lạc đó có những hồ sen được trang hoàng bởi bảy báu gồm vàng, bạc, lưu ly, pha lê, mã não, kim cương, và xa cừ. Chúng được phủ đầy bởi nước có chứa tám đặc tính quý, nước ở đây lên cao đến những chỗ rửa chân và tắm gội, cho nên ngay cả những con quạ cũng có thể uống nước ở đây; chúng được rắc trãi bởi những loại cát bằng vàng. Và xung quanh những hồ sen là những bậc thềm được làm bằng tứ báu đẹp đẽ và rực rỡ gồm vàng, bạc, lưu ly, pha lê. Ở mỗi cạnh của hồ sen được trồng bởi những cây báu, đẹp đẽ và rực rỡ với bảy báu gồm vàng, bạc, lưu ly, pha lê, mã não, kim cương và xa cừ. Bên trong hồ những hoa sen đang trổ, xanh, xanh tinh

sắc, xanh tráng lệ, xanh ưa nhìn; vàng, vàng tinh sắc, vàng tráng lệ, vàng ưa nhìn; đỏ, đỏ tinh sắc, đỏ tráng lệ, đỏ ưa nhìn; trắng, trắng tinh sắc, trắng tráng lệ, trắng ưa nhìn; đẹp, đẹp tinh sắc, đẹp tráng lệ, đẹp ưa nhìn, và chu vi của mỗi hoa sen to bằng chiếc bánh của cỗ xe ngựa.

punaraparaṁ śāriputra tatra buddhakṣetre nityapravāditāni divyāni tūryāṇi | suvarṇavarṇā ca mahāpṛthivī ramaṇīyā | tatra ca buddhakṣetre triṣkṛtvo rātrau triṣkṛtvo divasasya puṣpavarṣaṁ pravarṣati divyānāṁ māndāravapuṣpāṇām | tatra ye sattvā upapannāste ekena purobhaktena koṭiśatasahasraṁ buddhānāṁ vandanti anyā□llokadhātūn gatvā | ekaikaṁ ca tathāgataṁ koṭiśatasahasrābhiḥ puṣpavṛṣṭibhirabhyavakīrya punarapi tāmeva lokadhātumāgacchanti divāvihārāya | evaṁrūpaiḥ śāriputra buddhakṣetraguṇavyūhaiḥ samalaṁkṛtaṁ tadbuddhakṣetram || 5 ||

#5. "Lại nữa Xá Lợi Phất, trong nước Phật đó lúc nào cũng trỗi nhạc trời, mặt đất thì khả ái với màu vàng kim. Và trong nước Phật đó, mỗi ngày và đêm đều có ba thời mưa hoa trời Mandarava rắc xuống. Và chúng sinh đản sinh nơi đây trước mỗi buổi ăn sáng làm lễ 100.000 koti Đức Phật bằng cách đi sang thế giới của các Ngài; và được rưới 100.000 koti bông hoa đối với mỗi Như Lai; Họ trở về thế giới của họ đúng giờ nghỉ trưa. Những món tuyệt hảo dành cho một Phật quốc như vậy được trang hoàng cho nước Phật nơi đây.

punaraparaṁ śāriputra tatra buddhakṣetre santi haṁsāḥ krauñcā mayūrāśca | te triṣkṛtvo rātro triṣkṛtvo divasasya saṁnipatya saṁgītiṁ kurvanti sma, svakasvakāni ca rutāni pravyāharanti | teṣāṁ pravyāharatāmindriyabalabodhyaṅgaśabdo niścarati | tatra teṣāṁ manuṣyāṇāṁ taṁ śabdaṁ śrutvā buddhamanasikāra utpadyate, dharmamanasikāra utpadyate, saṁghamanasikāra utpadyate | tatkiṁ manyase śāriputra tiryagyonigatāste sattvāḥ ? na punarevaṁ draṣṭvyam | tatkasmāddhetoḥ ? nāmāpi śāriputra tatra buddhakṣetre nirayāṇāṁ nāsti, tiryagyonīnāṁ yamalokasya nāsti | te punaḥ pakṣisaṁghāstenāmitāyuṣā tathāgatena nirmitā dharmaśabdaṁ niścārayanti | evaṁrūpaiḥ śāriputra buddhakṣetraguṇavyūhaiḥ samalaṁkṛtaṁ tadbuddhakṣetram || 6 ||

#6. Lại nữa, này Xá Lợi Phất, trong nước Phật đó có chim Thiên Nga, Anh Vũ và Khổng Tước. Mỗi ngày và mỗi đêm ba thời, chúng hội họp và trình diễn hòa nhạc mỗi loài phát thanh điệu riêng của mình. Chúng phát ra âm thanh về Ngũ Căn, Ngũ Lực và Thất Bồ Đề Phần. Nếu có chúng sinh ở đây nghe âm thanh này, đều khởi tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. "Bây giờ, ông nghĩ sao Xá Lợi Phất, phải chăng các chúng sinh bị đầu thai trở thành các loài vật (loài chim)? Ông chớ suy nghĩ như vậy. Hết thảy tên của các địa ngục không tồn tại trong nước Phật này, cũng như vậy thân súc sinh và cảnh giới của Yama (4 apayas) cũng không có. Những loài chim này được sinh ra là do ý muốn của Như Lai Vô Lượng Thọ (Tathagata Amitayus) và chúng hót âm thanh của Pháp. Những món tuyệt hảo dành cho một Phật quốc như vậy được trang hoàng cho nước Phật nơi đây.

punaraparaṁ śāriputra tatra buddhakṣetre tāsāṁ ca tālapaṅktīnāṁ teṣāṁ ca kiṅkiṇījālānāṁ vāteritānāṁ valgurmanojñaḥ śabdo niścarati-tadyathāpi nāma śāriputra koṭiśatasahasrāṅgikasya divyasya tūryasya cāryaiḥ saṁpravāditasya valgurmanojñaḥ śabdo niścarati, evameva śāriputra tāsāṁ ca tālapaṅktīnāṁ teṣāṁ ca kiṅkiṇījālānāṁ vāteritānāṁ valgurmanojñaḥ śabdo niścarati | tatra teṣāṁ manuṣyāṇāṁ taṁ śabdaṁ śrutvā buddhānusmṛtiḥ kāye saṁtiṣṭhati, dharmānusmṛtiḥ kāye saṁtiṣṭhati, saṁghānusmṛtiḥ kāye saṁtiṣṭhati | evarūpaiḥ śāriputra buddhakṣetraguṇavyūhaiḥ samalaṁkṛtaṁ tadbuddhakṣetram || 7 ||

#7. "Lại nữa này Xá Lợi Phất, khi những hàng cây và các dãy chuông trong nước Phật đó được gió thổi lay động, âm thanh du dương và vi diệu phát ra từ đó. Xá Lợi Phất, nhạc cụ của cõi trời chứa đựng hàng ngàn koti âm thanh, khi được trỗi lên bởi Arya, một âm thanh du dương và vi diệu phát ra, âm thanh du dương và vi diệu phát ra từ những hàng cây và những dãy chuông khi có gió lay động. Chúng sinh nghe được âm thanh đó, phát tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Những món tuyệt hảo dành cho một Phật quốc như vậy được trang hoàng cho nước Phật nơi đây.

tatkiṁ manyase śāriputra kena kāraṇena sa tathāgato'mitāyurnāmocyate ? tasya khalu punaḥ śāriputra tathāgatasya teṣāṁ ca manuṣyāṇāmaparimitamāyuḥpramāṇam | tena kāraṇena sa tathāgato'mitāyurnāmocyate | tasya ca śāriputra tathāgatasya daśa kalpā anuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbuddhasya || 8 ||

#8. "Bây giờ ông nghĩ sao, Xá Lợi Phất, tại sao Đức Phật này có tên gọi là Amitayus? Xá Lợi Phất, thọ mạng (ayus) của Đức Như Lai và chúng sinh nơi đây là vô lượng (amita). Xá Lợi Phất, từ lúc Đức Như Lai đó thành Chánh Giác đến nay đã trải qua mười kiếp (kapa)

tatkiṁ manyase śāriputra kena kāraṇena sa tathāgato'mitābho nāmocyate ? tasya khalu punaḥ śāriputra tathāgatasyābhā apratihatā sarvabuddhakṣetreṣu | tena kāraṇena sa tathāgato'mitābho nāmocyate | tasya ca śāriputra tathāgatasyāprameyaḥ śrāvakasaṁgho yeṣāṁ na sukaraṁ pramāṇamākhyātuṁ śuddhānāmarhatām | evaṁrūpaiḥ śāriputra buddhakṣetraguṇavyūhaiḥ samalaṁkṛtaṁ tadbuddhakṣetram || 9 ||

#9. "Ông nghĩ sao, Xá Lợi Phất, tại sao Đức Như Lai này được gọi là Amitabha? Xá Lợi Phất, sự chói sáng (abha) của Đức Như Lai đó xuyên suốt khắp tất cả các Phật quốc. Bởi vì vậy Đức Như Lai này có tên gọi là Amitabha.

punaraparaṁ śāriputra ye amitāyuṣastathāgatasya buddhakṣetre sattvā upapannāḥ śuddhā bodhisattvā avinivartanīyā ekajātipratibaddhāsteṣāṁ śāriputra bodhisattvānāṁ na sukaraṁ pramāṇamākhyātumanyatrāprameyāsaṁkhyeyā iti gacchanti | tatra khalu punaḥ śāriputra buddhakṣetre sattvaiḥ praṇidhānaṁ kartavyam | tatkasmāddhetoḥ ? yatra hi nāma tathārūpaiḥ satpuruṣaiḥ saha samavadhānaṁ bhavati | nāvaramātrakeṇa śāriputra kuśalamūlena

amitāyuṣastathāgatasya buddhakṣetre sattvā upapadyante | yaḥ kaścicchāriputra kulaputro vā kuladuhitā vā tasya bhagavato'mitāyuṣastathāgatasya nāmadheyaṁ śroṣyati, śrutvā ca manasikariṣyati, ekarātraṁ vā dvirātraṁ vā trirātraṁ vā catūrātraṁ vā pañcarātraṁ vā ṣaḍrātraṁ vā saptarātraṁ vāvikṣiptacitto manasikariṣyati, yadā sa kulaputro vā kuladuhitā vā kālaṁ kariṣyati, tasya kālaṁ kurvataḥ so'mitāyustathāgataḥ śrāvakasaṁghaparivṛto bodhisattvaguṇapuraskṛtaḥ purataḥ sthāsyati | so'viparyastacittaḥ kālaṁ kariṣyati ca | sa kālaṁ kṛtvā tasyaivāmitāyuṣastathāgatasya buddhakṣetre sukhāvatyāṁ lokadhātāvupapatsyate | tasmāttarhi śāriputra idamarthavaśaṁ saṁpaśyamāna eva vadāmi-satkṛtya kulaputreṇa vā kuladuhitrā vā tatra buddhakṣetre cittapraṇidhānaṁ kartavyam || 10 ||

#10. Và này Xá Lợi Phất, vô lượng vô số chúng đệ tử của Đức Như Lai đó, gồm hàng thanh tịnh và hàng chư tăng, số lượng khó có thể đếm được. Những món tuyệt hảo dành cho một Phật quốc như vậy được trang hoàng cho nước Phật nơi đây. Lại nữa, này Xá Lợi Phất, đối với những chúng sinh được sinh ra trong nước Phật của Đức Như Lai Amitays là những Bồ Tát thanh tịnh, là lần tái sinh duy nhất và sẽ không bao giờ luân hồi lần nữa. Xá Lợi Phất, số lượng những Bồ Tát như vậy khó có thể đếm được, chỉ trừ khi số lượng này được qui ước thành những con số biểu thị. Lại nữa, này Xá Lợi Phất, tất cả chúng sinh phải nhiệt thành nhiếp niệm về nước Phật đó. Tại sao? Bởi vì họ đến cùng đó với những người thiện hảo. Chúng sinh không được sinh ra ở nước Phật của Đức Như Lai Amitayus không do kết quả và báo ứng của thiện hạnh đã làm trong kiếp hiện tại

Bất kỳ nam tử nữ nhân nào nghe danh hiệu của Đức Amitayus, Như Lai, sau khi nghe rồi, ghi nhớ trong tâm, với ghi nhớ trong tâm không bị tạp niệm, cho đến một, hai, ba, bốn, năm, sáu hoặc bảy đêm, cho đến khi nam tử nữ nhân đó mạng chung, lúc đó Đức Amitayus, Như Lai, hiện ra vây quang bởi chúng đệ tử cùng rất đông Bồ Tát, sẽ hiện ra trước người ấy trong giờ phút lâm chung, và người ấy sẽ lìa bỏ mạng sống với tâm an lành. Sau khi chết, người ấy sẽ sinh vào cõi Sukhavati trong nước Phật của Đức Amitayus, Như Lai. Cho nên, này Xá Lợi Phất, hiểu biết được nhân quả này, ta với một lòng tôn kính nói ra điều này, những nam tử nữ nhân cần phải toàn tâm ý hết lòng nguyện cầu vào nước Phật này.

tadyathāpi nāma śāriputra ahametarhi tāṁ parikīrtayāmi, evameva śāriputra pūrvasyāṁ diśi akṣobhyo nāma tathāgato merudhvajo nāma tathāgato mahāmerurnāma tathāgato meruprabhāso nāma tathāgato mañjudhvajo nāma tathāgataḥ | evaṁpramukhāḥ śāriputra pūrvasyāṁ diśi gaṅgānadīvālukopamā buddhā bhagavantaḥ svakasvakāni buddhakṣetrāṇi jihvendriyeṇa saṁchādayitvā nirveṭhanaṁ kurvanti | pratīyatha yūyamidamacintyaguṇaparikīrtanaṁ sarvabuddhaparigrahaṁ nāma dharmaparyāyam || 11 ||

#11. "Và này Xá Lợi Phất, ta hiện ở nơi đây ca ngợi thế giới đó. Cũng vậy, này Xá Lợi Phất, ở phương đông có những Đức Phật khác, có Akshobhya Như Lai làm chủ quản, Merudhvaga Như Lai, Mahameru Như Lai, Meruprabhasa Như Lai và Mañgudhvaga Như Lai, với số lượng bằng số cát sông Hằng, hiểu thấu suốt các cõi Phật của riêng mình trong lời tuyên thuyết và mô tả chúng.

Chấp nhận trùng tuyên Pháp này, gọi là “Sự hộ niệm của tất cả Chư Phật,” qua đó tán dương công đức bất khả tư nghì của các Ngài.

evaṁ dakṣiṇasyāṁ diśi candrasūryapradīpo nāma tathāgato yaśaḥprabho nāma tathāgato mahārciḥskandho nāma tathāgato merupradīpo nāma tathāgato'nantavīryo nāma tathāgataḥ | evaṁpramukhāḥ śāriputra dakṣiṇasyāṁ diśi gaṅgānadīvālukopamā buddhā bhagavantaḥ svakasvakāni buddhakṣetrāṇi jihvendriyeṇa saṁchādayitvā nirveṭhanaṁ kurvanti | pratīyatha yūyamidamacintyaguṇaparikīrtanaṁ sarvabuddhaparigrahaṁ nāma dharmaparyāyam || 12 ||

#12. Cũng vậy, ở phương Nam có những những Đức Phật khác, do Kandrasuryapradipa Như Lai chủ quản, Yasahprabha Như Lai, Maharkiskandha Như Lai, Merupradipa Như Lai, Anantavirya Như Lai, số lượng bằng số cát sông Hằng, hiểu thấu suốt các cõi Phật của riêng mình trong lời tuyên thuyết và mô tả chúng. Chấp nhận trùng tuyên Pháp này, gọi là “Sự hộ niệm của tất cả Chư Phật,” qua đó tán dương công đức bất khả tư nghì của các Ngài.

evaṁ paścimāyāṁ diśi amitāyurnāma tathāgato'mitaskandho nāma tathāgato'mitadhvajo nāma tathāgato mahāprabho nāma tathāgato mahāratnaketurnāma tathāgataḥ śuddharaśmiprabho nāma tathāgataḥ | evaṁpramukhāḥ śāriputra paścimāyāṁ diśi gaṅgānadīvālukopamā buddhā bhagavantaḥ svakasvakāni buddhakṣetrāṇi jihvendriyeṇa saṁchādayitvā nirveṭhanaṁ kurvanti | pratīyatha yūyamidamacintyaguṇaparikīrtanaṁ sarvabuddhaparigrahaṁ nāma dharmaparyāyam || 13 ||

#13. Cũng vậy, ở phương Tây có những những Đức Phật khác, do Amitayus Như Lai chủ quản, Amitaskandha Như Lai, Amitadhvaga Như Lai, Mahaprabha Như Lai, Mahcaratnaketu Như Lai, Suddharasmiprabha Như Lai, số lượng bằng số cát sông Hằng, hiểu thấu suốt các cõi Phật của riêng mình trong lời tuyên thuyết và mô tả chúng. Chấp nhận trùng tuyên Pháp này, gọi là “Sự hộ niệm của tất cả Chư Phật,” qua đó tán dương công đức bất khả tư nghì của các Ngài.

evamuttarāyāṁ diśi mahārciḥskandho nāma tathāgato vaiśvānaranirghoṣo nāma tathāgato dundubhisvaranirghoṣo nāma tathāgato duṣpradharṣo nāma tathāgataḥ ādityasaṁbhavo nāma tathāgato jaleniprabho nāma tathāgataḥ prabhākaro nāma tathāgataḥ | evaṁpramukhāḥ śāriputra uttarāyāṁ diśi gaṅgānadīvālukopamā buddhā bhagavantaḥ svakasvakāni buddhakṣetrāṇi jihvendriyeṇa saṁchādayitvā nirveṭhanaṁ kurvanti | pratīyatha yūyamidamacintyaguṇaparikīrtanaṁ sarvabuddhaparigrahaṁ nāma dharmaparyāyam || 14 ||

#14. Cũng vậy, ở phương Bắc có những những Đức Phật khác, do Maharkiskandha Như Lai chủ quản, Vaisvanaranirghosha Như Lai, Dundubhisvaranirghosha Như Lai, Dushpradharsha Như Lai, Adityasambhava Như Lai, Jaleniprabha (Gvalanaprabha?) Như Lai, số lượng bằng số cát sông Hằng, hiểu thấu suốt các cõi Phật của riêng mình trong lời tuyên thuyết và mô tả

chúng. Chấp nhận trùng tuyên Pháp này, gọi là “Sự hộ niệm của tất cả Chư Phật,” qua đó tán dương công đức bất khả tư nghì của các Ngài.

evamadhastāyāṁ diśi siṁho nāma tathāgato yaśo nāma tathāgato yaśaḥprabhāso nāma tathāgato dharmo nāma tathāgato dharmadharo nāma tathāgato dharmadhvajo nāma tathāgataḥ | evaṁpramukhāḥ śāriputra adhastāyāṁ diśi gaṅgānadīvālukopamā buddhā bhagavantaḥ svakasvakāni buddhakṣetrāṇi jihvendriyeṇa saṁchādayitvā nirveṭhanaṁ kurvanti | pratīyatha yūiyamidamacintyaguṇaparikīrtanaṁ sarvabuddhaparigrahaṁ nāma dharmaparyāyam || 15 ||

#15. Cũng vậy, ở Nadir có những những Đức Phật khác, do Simha Như Lai chủ quản, Yasas Như Lai, Yasahprabhava Như Lai, Dharma Như Lai, Dharmadhara Như Lai, Dharmadhvaga Như Lai, số lượng bằng số cát sông Hằng, hiểu thấu suốt các cõi Phật của riêng mình trong lời tuyên thuyết và mô tả chúng. Chấp nhận trùng tuyên Pháp này, gọi là “Sự hộ niệm của tất cả Chư Phật,” qua đó tán dương công đức bất khả tư nghì của các Ngài.

evamupariṣṭhāyāṁ diśi brahmaghoṣo nāma tathāgato nakṣatrarājo nāma tathāgata indraketudhvajarājo nāma tathāgato gandhottamo nāma tathāgato gandhaprabhāso nāma tathāgato mahārciskandho nāma tathāgato ratnakusumasaṁpuṣpitagātro nāma tathāgataḥ sālendrarājo nāma tathāgato ratnotpalaśrīrnāma tathāgataḥ sarvārthadarśī nāma tathāgataḥ sumerukalpo nāma tathāgataḥ | evaṁpramukhāḥ śāriputra upariṣṭhāyāṁ diśi gaṅgānadīvālukopamā buddhā bhagavantaḥ svakasvakāni buddhakṣetrāṇi jihvendriyeṇa saṁchādayitvā nirveṭhanaṁ kurvanti | pratīyatha yūyamidamacintyaguṇaparikīrtanaṁ sarvabuddhaparigrahaṁ nāma dharmaparyāyam || 16 ||

#16. Cũng vậy, ở Zenith có những những Đức Phật khác, do Brahmaghosha Như Lai chủ quản, Nakshatraraga Như Lai, Indraketudhvagaraga Như Lai, Gandhottama Như Lai, Gandhaprabhasa Như Lai, Maharkiskandha Như Lai, Ratnakusumasampushpitagatra Như Lai, Salendraraga Như Lai, Ratnotpalasri Như Lai, Sarvarthadarsa Như Lai, Sumerukalpa Như Lai, số lượng bằng số cát sông Hằng, hiểu thấu suốt các cõi Phật của riêng mình trong lời tuyên thuyết và mô tả chúng. Chấp nhận trùng tuyên Pháp này, gọi là “Sự hộ niệm của tất cả Chư Phật,” qua đó tán dương công đức bất khả tư nghì của các Ngài.

tatkiṁ manyase śāriputra kena kāraṇenāyaṁ dharmaparyāyaḥ sarvabuddhaparigraho nāmocyate ? ye kecicchāriputra kulaputra vā kuladuhitaro vā asya dharmaparyāyasya nāmadheyaṁ śroṣyanti, teṣāṁ va buddhānāṁ bhagavatāṁ nāmadheyaṁ dhārayiṣyanti, sarve te buddhaparigṛhītā bhaviṣyanti, avinivartanīyāśca bhaviṣyanti anuttarāyāṁ samyaksambodhau | tasmāttarhi śāriputra śraddadhādhvaṁ pratīyatha mā kāṅkṣayatha mama ca teṣāṁ ca buddhānāṁ bhagavatām | ye kecicchāriputra kulaputrā vā kuladuhitaro vā tasya bhagavato'mitāyuṣastathāgatasya buddhakṣetre cittapraṇidhānaṁ kariṣyanti, kṛtaṁ vā kurvanti vā, sarve te'vinivartanīyā bhaviṣyantyanuttarāyāṁ samyaksaṁbodhau | tatra ca buddhakṣetra upapatsyanti, upapannā vā

upapadyanti vā | tasmāttarhi śāriputra śrāddhaiḥ kulaputraiḥ kuladuhitṛbhiśca tatra buddhakṣetre cittapraṇidhirutpādayitavyaḥ || 17 ||

#17. Xá Lợi Phất, ông nghĩ sao? Lý do tại sao bài thuyết Pháp này được gọi là Chư Phật Hộ Niệm? Hễ nam tử nữ nhân nào nghe được tên của kinh tụng này và ghi nhớ tên của các Đức Phật, sẽ được sự hộ niệm của Đức Phật và sẽ không bao giờ thối chuyển một khi ở nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Giác. Cho nên, này Xá Lợi Phất, hãy tin, thọ nhận và chớ nghi ngờ nơi ta và các Đức Phật.

Bất kỳ nam tử nữ nhân nào cầu nguyện nơi cõi Phật của Đức Amitayus, Như Lai, đang làm điều đó hoặc đã làm điều đó, tất cả họ sẽ không bao giờ thối chuyển, một khi được nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Giác. Họ sẽ sinh vào nước Phật đó, hoặc đã được sinh hoặc đang được sinh. Cho nên, này Xá Lợi Phất, những nam tử và nữ nhân có tín tâm cần phải cầu nguyện về nơi cõi Phật đó.

tadyathāpi nāma śāriputra ahametarhi teṣāṁ buddhānāṁ bhagavatāmevamacintyaguṇān parikīrtayāmi, evameva śāriputra mamāpi te buddhā bhagavanta evamacintyaguṇān parikīrtayanti | suduṣkaraṁ bhagavatāṁ śākyamuninā śākyādhirājena kṛtam | sahāyāṁ lokadhātāvanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhya sarvalokavipratyayanīyo dharmo deśitaḥ kalpakaṣāye sattvakaṣāye dṛṣṭikaṣāya āyuṣkaṣāye kleśakaṣāye || 18 ||

#18. "Và khi ta hiện ở đây tán dương công đức không thể nghĩ bàn của các Chư Phật. Này Xá Lợi Phất, những Chư Phật đó cũng tán dương công đứng không thể nghĩ bàn của ta. "Sakyamuni, người đứng đầu của dòng tộc Sakya, đã làm một việc rất khó khăn. Ngài đã đạt được ngôi Vô Thượng Chánh Đẳng Giác trong thế giới Ta bà (Saha) này. Ngài dạy những giáo pháp mà toàn thế giới khó tin nhận, trong khi sự suy đồi của kiếp hiện tại, trong khi sự suy đồi của nhân phẩm, trong khi sự suy đồi của niềm tin, trong khi sự suy đồi của cuộc sống, trong khi sự suy đồi của tình người."

tanmamāpi śāriputra paramaduṣkaraṁ yanmayā sahāyāṁ lokadhātāvanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhya sarvalokavipratyayanīyo dharmo deśitaḥ sattvakaṣāye dṛṣṭikaṣāye kleśakaṣāya āyuṣkaṣāye kalpakaṣāye || 19 ||

#19. Này Xá Lợi Phất, ngay cả đối với ta, đạt được ngôi Vô Thượng Chánh Đẳng Giác là một việc cực kỳ khó. Ta dạy giáo pháp mà toàn thế giới khó có thể chấp nhận, đương khi sự suy đồi của nhân phẩm, của niềm tin, của tình người, của cuộc sống và của kiếp hiện tại này."

idamavocadbhagavānāttamanāḥ | āyuṣmān śāriputraste ca bhikṣavaste ca bodhisattvāḥ sadeva mānu ṣāsuragandharvaśca loko bhagavato bhāṣitamabhyanandan || 20 ||

#20. Đức Thế Tôn nói kinh này xong với sự hoan hỉ. Đại Đức Xá Lợi Phất, các Tỳ Kheo, Bồ Tát, và toàn thể thế giới Trời, Người, A Tu La, Gadharva thọ nhận lời dạy của Đức Thế Tôn.

sukhāvatīvyūho nāma mahāyānasūtram ||
Đây là kinh Đại Thừa có tên Sukhavativyuha
(saṁkṣiptamātṛkā |)
Bản ngắn

(Tống Phước Khải Dịch từ bản dịch tiếng Anh "The Smaller Sukhavativyuha" của F. Max Muller)



sukhāvatīvyūhaḥ (vistaramātṛkā)

sukhāvatīvyūhaḥ |
[vistaramātṛkā]

om namo ratnatrayāya | om namaḥ śrīsarvabuddhabodhisattvebhyaḥ | namo daśadiganantāparyantalokadhātupratiṣṭhitebhyaḥ sarvabuddhabodhisattvāryaśrāvakapratyekabuddhebhyo'tītānāgatapratyutpannebhyaḥ | namo'mitābhāya | namo'cintyaguṇāntarātmane ||

evaṁ mayā śrutam | ekasmin samaye bhagavān rājagṛhe viharati sma gṛdhrakūṭaparvate mahatā bhikṣusaṁghena sārdhaṁ dvātriṁśatā bhikṣusahasraiḥ, sarvairarhadbhiḥ kṣīṇāsravairniḥkleśairuṣitavadbhiḥ samyagājñāsuvimuktacittaiḥ parīkṣacittaiḥ parikṣīṇabhavasaṁyojanairanuprāptasvakārthairvijitavadbhiruttamadamathaprāptaiḥ suvimuktacittaiḥ suvimuktaprajñairmahānāgaiḥ ṣaḍabhijñairvaśībhūtairaṣṭavimokṣadhyāyibhirbalaprāptairabhijñātābhijñaiḥ sthavirairmahāśrāvakaiḥ | tadyathā-ājñātakauṇḍinyena ca, aśvajitā ca, bāṣpeṇa ca, mahānāmnā ca, bhadrajitā ca, yaśodevena ca, vimalena ca, subāhunā ca, pūrṇamaitrāyaṇīputreṇa ca, urubilvākāśyapena ca, nadīkāśyapena ca, gayākāśyapena ca, kumārakāśyapena ca, mahākāśyapena ca, śāriputreṇa ca, mahāmaudgalyāyanena ca, mahākauṣṭhilyena ca, mahākaphilena ca, mahācundena ca, aniruddhena ca, nandikena ca, kampilena ca, subhūtinā ca, revatena ca, khadiravanikena ca, vakulena ca, svāgatena ca, amogharājena ca, pārāyaṇikena ca, patkena ca, cullapatkena ca, nandena ca, rāhulena ca, āyuṣmatānandena ca, etaiścānyaiśca abhijñātābhijñaiḥ sthavirairmahāśrāvakairekaṁ pudgalaṁ sthāpayitvā śaikṣapratidyuttarikaraṇīyaṁ yadidamāyuṣmantamānandam | maitreyapūrvaṁgamaiśca saṁbahulairbodhisattvairmahāsattvaiḥ || 1 ||

atha khalvāyuṣmānānda utthāyāsamādekāṁsamuttarāsaṅgaṁ kṛtvā dakṣiṇaṁ jānumaṇḍalaṁ pṛthivyāṁ pratiṣṭhāpya yena bhagavāṁstenāñjaliṁ praṇamya bhagavantametadavocat-viprasannāni tava bhagavata indriyāṇi, pariśuddhaśchavivarṇaḥ, paryavadāto mukhavarṇaḥ pītanirbhāsaḥ | tadyathāpi nāma śāradaṁ vanadaṁ pāṇḍupariśuddhaṁ paryavadātaṁ pītanirbhāsam, evameva bhagavato viprasannānīndriyāṇi, pariśuddho mukhavarṇaḥ, paryavadātaśchavivarṇaḥ pītanirbhāsaḥ | tadyathāpi nāma bhagavan jāmbūnadasuvarṇanisko dakṣeṇa karmāreṇa karmārāntevāsinā vā ulkāmukhena saṁpraveśya suparinisṭhitaḥ pāṇḍukambala uparinikṣipto'tīva pariśuddho bhavati paryavadātaḥ pītanirbhāsaḥ, evameva bhagavato ciprasannānīndriyāṇi, pariśuddho mukhavarṇaḥ, paryavadātaśchavivarṇaḥ pītanirbhāsaḥ | na khalu punarahaṁ bhagavan abhijānāmi itaḥ pūrvataramevaṁ viprasannāni tathāgatasyendriyāṇi evaṁ poariśuddhaṁ mukhavarṇaṁ paryavadātaṁ chavivarṇaṁ pītanirbhāsam | tasya me bhagavan evaṁ bhavati-buddhavihāreṇa batādya tathāgato vihārati, jinavihāreṇa sarvajñatāvihāeṇa | mahānāgavihāreṇa batādya tathāgato viharati | atītānāgatapratyutpannān vā tathāgatānarhataḥ samyaksaṁbuddhān samanusmaratīti | evamukte bhagavānāyuṣmantamānandametadavocat-sādhu sādhvānanda | kiṁ punaste devatā etamarthamārocayanti, utāho buddhā bhagavntaḥ ? atha tena pratyutpannamīmāṁsājñānenaivaṁ prajānāsīti ? evamukte āyuṣmānānando bhagavantametadavocat-na me bhagavan devatā etamarthamārocayanti, nāpi buddhā

bhagavantaḥ | atha tarhi me bhagavaṁstenaiva pratyātmamīmāṁsājñānenaivaṁ bhavati-buddhavihāreṇādya tathāgato viharati | jinavihāreṇa sarvajñatāvihāreṇa batādya tathāgato viharati | atītānāgatapratyutpannān vā buddhān bhagavataḥ samanusmaratīti |evamukte bhagavānāyuṣmantamānandametadavocat-sādhu sādhvānanda | udāraḥ khalu te unmiñjaḥ, bhadrikā mīmāṁsā, kalyāṇaṁ pratibhānam | bahujanahitāya tvamānanda pratipanno bahujanasukhāya lokānukampāyai mahato janakāyayārthāya hitāya sukhāya devānāṁ ca manuṣyāṇāṁ ca, yastvaṁ tathāgatamarthaṁ paripraṣṭavyaṁ manyase | evameva bhagavatsu ānandastathāgateṣvarhatsu samyaksaṁbuddheṣu aprameyeṣu asaṁkhyeyeṣu jñānadarśanamupasaṁharet, na tathāgatasya jñānamupahanyeta | tatkasya hetoḥ ? apratihatahetujñānadarśano hyānanda tathāgataḥ | jñānamākāṅkṣannānanda tathāgataḥ ekapiṇḍapātena kalpaṁ vā tiṣṭhet kalpaśataṁ vā kalpaśatasahasraṁ vā yāvatkalpakoṭīniyutaśatasahasraṁ vā, tato vottari tiṣṭhet, na ca tathāgatasyendriyāṇyupanaśyeyuḥ, na mukhavarṇasyānyathātvaṁ bhavet, nāpi cchavivarṇa upahanyeta | tatkasya hetoḥ ? tathā hi ānanda tathāgataḥ samādhimukhapāramitāprāptaḥ | samyaksaṁbuddhānāmānanda loke sudurlabhaḥ prādurbhāvaḥ | tadyathā audumbarapuṣpāṇāṁ loke prādurbhāvaḥ sudurlabho bhavati, evameva ānanda tathāgatānāmarthakāmānāṁ hitaiṣīṇāmanukampakānāṁ mahākaruṇāpratipannānāṁ sudurlabhaḥ prādurbhāvaḥ | api tu khalvānanda tathāgatasyaiva so'nubhāvo yastvaṁ sarvalokācāryāṇāṁ sattvānāṁ loke prādurbhāvāya bodhisattvānāṁ mahāsattvānāmarthāya tathāgatametamarthaṁ paripraṣṭavyaṁ manyase | tena hyānanda śṛṇu, sādhu ca suṣṭhu ca manasikuru | bhāṣiṣye'haṁ te | evaṁ bhagavan ityāyuṣmānānando bhagavataḥ pratyaśrauṣīt || 2 ||

bhagavānānandametadavocat-bhūtapūrvamānanda atīte'dhvani ito'saṁkhyeye kalpe'saṁkhyeyatare vipule'prameye'cintye yadāsīt | tena kālena tena samayena dīpaṁkaro nāma tathāgato'rhan samyaksaṁbuddho loka udapādi | dīpaṁkarasyānanda pareṇa parataraṁ pratāpavānnāma tathāgato'bhūt | tasya pareṇa parataraṁ prabhākaro nāma tathāgato'bhūt | tasya pareṇa parataraṁ candanagandho nāma tathāgato'bhūt | tasya pareṇa parataraṁ sumerukalpo nāma tathāgato'bhūt | evaṁ candano nāma, vimalānano nāma, anupalipto nāma, vimalaprabho nāma, nāgābhibhūrnāma, sūryodano nāma, girirājaghoṣo nāma, merukūṭo nāma, suvarṇaprabho nāma, jyotiṣprabho nāma, vaiḍūryanirbhāso nāma, brahmaghoṣo nāma, candrābhibhūrnāma, tūryaghoṣo nāma, muktakusumapratimaṇḍitaprabho nāma, śrīkūṭo nāma, sāgaravarabuddhivikrīḍitābhijño nāma, varaprabho nāma, mahāgandharājanirbhāso nāma, vyapagatakhilamalapratighoṣo nāma, śūrakūṭo nāma, raṇaṁjaho nāma, mahāguṇadharabuddhiprāptābhijño nāma, candrasūryajihmīkaraṇo nāma, uttaptavaiḍūryanirbhāso nāma, cittadhārābuddhisaṁkusumitābhyudgato nāma, puṣpāvatīvanarājasaṁkusumitābhijño nāma, puṣpākaro nāma, udakacandro nāma, avidyāndhakāravidhvaṁśanakaro nāma, lokendro nāma, muktacchtrapravātasadṛśo nāma, tiṣyo nāma, dharmamativinanditarājo nāma, siṁhasāgarajūūṭavinanditarājo nāma, sāgaramerucandro nāma, bramhasvaranādābhinandito nāma, kusumasaṁbhavo nāma prāptaseno nāma, candrabhānurnāma, candraprabho nāma, vimalanetro nāma, girirājaghoṣośvaro nāma, kusumaprabho nāma, kusumavṛṣṭyabhiprakīrṇo nāma, ratnacandro nāma, padmabimbyupaśobhito nāma, candanagandho nāma, ratnābhibhāso nāma nimirnāma, mahāvyūho nāma, vyapagatakhiladoṣo nāma, bramhaghoṣo nāma, saptaratnābhivṛṣṭo nāma, mahāguṇadharo nāma, mahātamālapatracandanakardamo nāma, kusukābhijño nāma, ajñānavidhvaṁsano nāma, kesarī nāma, muktacchatro nāma, suvarṇagarbho nāma, vaiḍūryagarbho nāma, mahāketurnāma, dharmaketurnāma,

ratnaketurnāma, ratnaśrīrnāma, kolendro nāma, narendro nāma, kāruṇiko nāma, lokasundaro nāma, bramhaketurnāma, dharmaketurnāma, siṁho nāmasiṁhamatirnāma | siṁhamaterānanda pareṇa parataraṁ lokeśvararājo nāma tathāgato'rhan samyaksaṁbuddho loka udapādi vidyācaraṇasaṁpannaḥ sugato lokavidanuttaraḥ puruṣadamyasārathiḥ śāstā devānāṁ ca manuṣyāṇāṁ ca buddho bhagavān | tasya khalu punarānanda lokeśvararājasya tathāgata, syārhataḥ samyaksaṁbuddhasya pravacane dharmākaro nāma bhikṣubhūdadhimātraṁ smṛtimān matimān gatimān prajñāvan, adhimātraṁ vīryavān udārādhimuktikaḥ || 3 ||

atha khalvānanda sa dharmākaro bhikṣurutthāyāsanādekāṁsamuttarāsaṅgaṁ kṛtvā dakṣiṇajānumaṇḍalaṁ pṛthivyāṁ pratiṣṭhāpya yenāsau bhagavā□llokeśvararājastathāgatastenāñjaliṁ praṇamya bhagavantaṁ namaskṛtya tasminneva samaye saṁmukhamābhirgāthābhirabhyaṣṭāvīt -

amitaprabha anantatulyabuddhe
na ca iha anya prabhā vibhāti kācit |
sūryamaṇigirīśacandraābhā
na tapita bhosiṣu ebhi sarvaloke || 1 ||
rūpamapi anantu attvasāre
tatha api buddhasvaro anantaghoṣaḥ |
śīlamapi samādhiprajñavīryaiḥ
sadṛśu na te'stiha loki kaścidanyaḥ || 2 ||
gabhiru vipulu sūkṣmaprāptu dharmo-
'cintitu buddhavaro yathā samudraḥ |
tenonnamanā na cāsti śāstuḥ
khiladoṣān jahyā ato'dhikālam || 3 ||
atha buddhabalā anantatejā
pratapati sarvadiśā narendrarājā |
tatha ahu buddha bhavi dharmasvāmī
jaramaraṇātprajāṁ pramocayeyam || 4 ||
dānaśamathaśīlakṣāntivīrya
dhyānasamādhitaścaiva agraśreṣṭhāṁ |
ebhi ahu vratāṁ samādadāmi
buddha bhaviṣyami sarvasattvatrātā || 5 ||
buddhaśatasahasra koṭyanekā
yathariva vālika gaṅgayā anantā |
sarvata ahu pūjayiṣya nāthāṁ
śivavarabodhigaveṣako atulyāṁ || 6 ||
gaṅgārajasamānalokadhātūṁ
tatra bhūyo'ntari ye anantakṣetrāḥ |
sarvatra prabha muñcayiṣya tatrā
iti etādṛśa vīryamārabhidhya || 7 ||
kṣetra mama udāru agra śreṣṭho
varamiha malī(?) saṁskṛte'smiṁ |
asadṛśa nirvāṇadhātusaukhyaṁ
taśca(cca ?) asattvatayā viśodhayiṣye || 8 ||
daśadiśata samāgatāni sattvāḥ
tatra gatā sukha me diśanti kṣipram |
buddha mama pramāṇu atra śikṣī

avitathavīryabalaṁ janemi chandam || 9 ||
daśadiśalokavidasaṅgajñānī
sada mama citta prajānayanti te'pi |
avicigatu ahaṁ sadā vaseyaṁ
praṇidhibalaṁ na punarvivartayiṣye || 10 ||

atha khalvānanda sa dharmākaro bhikṣustaṁ bhagavantaṁ lokeśvararājaṁ tathāgataṁ saṁmukhamābhirgāthābhirabhiṣṭutya etadavocat-ahamasmi bhagavan uttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁboddhukāmaḥ | punaḥ punaranuttarāyāṁ samyaksaṁbodhau cittamutpādayāmi pariṇāmayāmi | tasya me bhagavān śāstā tathā dharmaṁ deśayatu, yathāhaṁ kṣipramanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhyeyam | asamasamastathāgato loke bhaveyam | tāṁśca bhagavānākārān parikīrtayatu yairahaṁ buddhakṣetrasya guṇavyūhasaṁpadaṁ parigṛhṇīyām | evamukte ānanda bhagavā□llokeśvararājastathāgatastaṁ bhikṣumetadavocat-tena hi tvaṁ bhikṣo svayameva buddhakṣetraguṇālaṁkāravyūhasaṁpadaṁ parigṛhṇīṣva | so'vocat-nāhaṁ bhagavaṁstatsaheyam, api tu bhagavāneva | bhāṣasva anyeṣāṁ tathāgatānāṁ buddhakṣetraguṇavyūhālaṁkārasaṁpadam, yāṁ śrutvā vayaṁ sarvākāraṁ paripūrayiṣyāma iti | athānanda sa lokeśvararājastathāgato'rhan samyaksaṁbuddhastasya bhikṣurāśayaṁ jñātvā paripūrṇāṁ varṣakoṭīmekāśītibuddhakoṭīniyutaśatasahasrāṇāṁ buddhakṣetraguṇālaṁkāravyūhasaṁpadaṁ sākārāṁ soddeśāṁ sanirdeśāṁ saṁprakāśitavānarthakāmo hitaiṣī anukampako'nukampāmupādāya buddhakṣetrānupacchedāya sattveṣu mahākaruṇāṁ saṁjanayitvā | paripūrṇāścatvāriṁśatkalpāstasya bhagavatastathāgatasyāyuḥpramāṇam || 5 ||

atha khalvānanda sa dharmākaro bhikṣuryāsteṣāmekāśītibuddhakoṭīniyutaśatasahasrāṇāṁ buddhakṣetraguṇālaṁkāravyūhasaṁpadaḥ, tāḥ sarvā eke buddhakṣetre parigṛhya bhagavato lokeśvararājasya tathāgatasya pādau śirasā vanditvā pradakṣiṇīkṛtya tasya bhagavato'ntikātprākrāmat | uttari ca pañca kalpān buddhakṣetraguṇālaṁkāravyūhasaṁpadamudāratarāṁ praṇītatarāṁ ca sarvaloke daśasu dikṣu apracaritapūrvāṁ parigṛhītavān, udārataraṁ ca praṇidhānamakārṣīt || 6 ||

iti hyānanda yā tena bhagavatā lokeśvararājena tathāgatena teṣāmekāśītibuddhakṣetrakoṭīniyutaśatasahasrāṇāṁ saṁpattiḥ kathitā, tato bhikṣurekāśītyudārapraṇītāprameyatarāṁ buddhakṣetrasaṁpattiṁ parigṛhya yena sa tathāgatastenopasaṁkramya bhagavataḥ pādau śirasā vanditvā etadavocat-parigṛhītā me bhagavan buddhakṣetraguṇālaṁkāravyūhasaṁpaditi | evamukte ānanda sa lokeśvararājastathāgatastaṁ bhikṣumetadavocat-tena hi bhikṣo bhāṣasva, anumodate tathāgataḥ | ayaṁ kālo bhikṣo, pramodaya parṣadam, harṣaṁ janaya, siṁhanādaṁ nada, yaṁ śrutvā bodhisattvā mahāsattvā etarhyanāgate'dhvani evaṁrūpāṇi buddhakṣetraguṇasaṁpattipraṇidhisthānāni parigrahīṣyanti | athānanda sa dharmākaro bhikṣustasyāṁ velāyāṁ bhagavantametadavocat-tena hi śṛṇotu me bhagavān ye mama praṇidhānaviśeṣāḥ, yathā me'nuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbuddhasya acintyaguṇālaṁkāravyūhasamanvāgataṁ tad buddhakṣetraṁ bhaviṣyati || 7 ||

1. sacenme bhagavaṁstasmin buddhakṣetre nirayo vā tiryagyonirvā pretaviṣayo vā āsuro vā kāyo bhavet, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhyeyam ||

2. sacenme bhagavaṁstasya tatra buddhakṣetre ye sattvāḥ pratyājātā bhaveyuḥ, te punastataścyutvā nirayaṁ vā tiryagyoniṁ vā pretaviṣayaṁ vā āsuraṁ vā kāyaṁ prapateyuḥ, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhyeyam ||

3. sacenme bhagavaṁstatra buddhakṣetre ye sattvāḥ pratyājātāste ca sarve naikavarṇāḥ syuryadidaṁ suvarṇavarṇāḥ, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhyeyam ||

4. sacenme bhagavaṁstasmin buddhakṣetre devānāṁ ca manuṣyāṇāṁ ca nānātvaṁ prajñāyeta anyatra nāma saṁvṛtivyavahāramātrā devamanuṣyā iti saṁkhyāgaṇanātaḥ, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhyeyam ||

5. sacenme bhagavaṁtasmin buddhakṣetre ye sattvāḥ pratyājātāḥ, te ca sarve na ṛddhivaśitāparamapāramitāprāptā bhaveyuḥ, antaśa ekacittakṣaṇalavena buddhakṣetrakoṭīniyutaśatasahasrātikramaṇatayāpi, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhyeyam ||

6. sacenme bhagavaṁstasmin buddhakṣetre ye sattvāḥ pratyājātā bhaveyuḥ, te ca sarve jātismarā na syuḥ, antaśaḥ kalpakoṭīniyutaśatasahasrānusmaraṇatayāpi, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhyeyam ||

7. sacenme bhagavaṁstasmin buddhakṣetre ye sattvāḥ pratyājāyeran, te sarve na divyasya cakṣuṣo lābhino bhaveyuḥ, antaśo lokadhātukoṭīniyutaśatasahasradarśanatayāpi, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhyeyam ||

8. sacenme bhagavaṁstasmin buddhakṣetre ye sattvāḥ pratyājāyeran, te sarve na divyasya śrotrasya lābhino bhaveyuḥ, antaśo buddhakṣetrakoṭīniyutaśatasahasrādapi yugapatsaddharmaśravaṇatayā, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhyeyam ||

9. sacenme bhagavaṁstasmin buddhakṣetre ye sattvāḥ pratyājāyeran, te sarve na paracittajñānakovidā bhaveyuḥ, antaśo buddhakṣetrakoṭīniyutaśatasahasraparyāpannānāmapi sattvānāṁ cittacaritaparijñānatayā, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhyeyam ||

10. sacenme bhagavaṁstasmin buddhakṣetre ye sattvāḥ pratyājāyeran, teṣāṁ kācitparigrahasaṁjñotpadyeta, antaśaḥ svaśarīre'pi, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhyeyam ||

11. sacenme bhagavaṁstasmin buddhakṣetre ye sattvāḥ pratyājāyeran, te sarve na niyatāḥ syuryādidaṁ samyaktve yāvanmahāparinirvāṇe, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhyeyam ||

12. sacenme bhagavaṁstasmin buddhakṣetre anuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbuddhasya kaścitsattvaḥ śrāvakāṇāṁ gaṇanāmadhigacchet, antaśastrisāhasramahāsāhasraparyāpannā api sarvasattvāḥ pratyekabuddhabhūtāḥ kalpakoṭīniyutaśatasahasramabhigaṇayantaḥ, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhyeyam ||

13. sacenme bhagavaṁstasmin buddhakṣetre anuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbuddhasya pramāṇikī me prabhā bhavet, antaśo buddhakṣetrakoṭīniyutaśatasahasrapramāṇenāpi, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhyeyam ||

14. sacenme bhagavannanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbuddhasya tasmin buddhakṣetre sattvānāṁ pramāṇīkṛtamāyuṣpramāṇaṁ bhavet, anyatra praṇidhānavaśena, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhyeyam ||

15. sacenme bhagavan bodhiprāptasyāyuṣpramāṇaṁ paryantīkṛtaṁ bhavet, antaśaḥ kalpakoṭīniyutaśatasahasragaṇayāpi, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhyeyam ||

16. sacenme bhagavan bodhiprāptasya tasmin buddhakṣetre sattvānāmakuśalasya nāmadheyamapi bhavet, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhyeyam ||

17. sacenme bhagavan bodhiprāptasya nāpramayeṣu buddhakṣetreṣu aprameyāsaṁkhyeyā buddhā bhagavanto nāmadheyaṁ parikīrtayeyuḥ, na varṇaṁ bhāṣeran, na praśaṁsāmabhyudīrayeran, na samudīrayeyuḥ, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhyeyam ||

18. sacenme bhagavan bodhiprāptasya ye sattvā anyeṣu lokadhātuṣvanuttarāyāṁ samyaksaṁbodhau cittamutpādya mama nāmadheyaṁ śrutvā prasannacittā māmanusmareyuḥ, teṣāṁ cedahaṁ maraṇakālasamaye pratyupasthite bhikṣusaṁghaparivṛtaḥ puraskṛto na puratastiṣṭheyaṁ yadidaṁ cittāvikṣepatāyai, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhyeyam ||

19. sacenme bhagavan bodhiprāptasya aprameyāsaṁkhyeyeṣu buddhakṣetreṣu ye sattvā mama nāmadheyaṁ śrutvā tatra buddhakṣetre cittaṁ prerayeyuḥ, upapattaye kuśalamūlāni ca pariṇāmayeyuḥ, te tatra buddhakṣetre nopapadyeran, antaśo daśabhiścittotpādaparivartaiḥ sthāpayitvā ānantaryakāriṇaḥ saddharmapratikṣepāvaraṇakṛtāṁśca sattvān, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhyeyam ||

20. sacenme bhagavan bodhiprāptasya tatra buddhakṣetre ye sattvāḥ pratyājātā bhaveyuḥ, te sarve naikajātipratibaddhāḥ syuranuttarāyāṁ samyaksaṁbodhau sthāpayitvā praṇidhānaviśeṣān, teṣāmeva bodhisattvānāṁ mahāsattvānāṁ mahāsaṁnāhasaṁnaddhānāṁ sarvalokārthasaṁbuddhānāṁ sarvalokābhiyuktānāṁ sarvalokaparinirvāṇābhiyuktānāṁ sarvalokadhātuṣu bodhisattvacaryāṁ caritukāmānāṁ sarvabuddhānāṁ saṁvartukāmānāṁ gaṅgānadīvālukāsamān sattvān anuttarāyāṁ samyaksaṁbodhau pratiṣṭhāpakānāṁ bhūyaśca uttaracaryābhimukhānāṁ

samantabhadracaryāniryātānām, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhyeyam ||

21. sacenme bhagavan bodhiprāptasya tatra buddhakṣetre ye bodhisattvāḥ pratyājātā bhaveyuḥ, te sarve ekapurobhaktena anyāni buddhakṣetrāṇi gatvā bahūni buddhaśatāni bahūni buddhasahasrāṇi bahūni buddhaśatasahasrāṇi bahvīrbuddhakoṭīryāvadbahūni buddhakoṭīniyutaśatasahasrāṇi nopatiṣṭheran sarvasukhopadhānaiḥ tadidaṁ buddhānubhāvena, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhyeyam ||

22. sacenme bhagavan bodhiprāptasta tatra buddhakṣetre bodhisattvā yathārūpairākārairākāṅkṣeyuḥ kuśalamūlānyavaropayituṁ yadidaṁ suvarṇena vā rajatena vā maṇimuktāvaiḍūryaśaṅkhaśilāpravālasphaṭikamusāragalvalohitamuktāśmagarbhādibhir vā anyatamānyatamaiḥ sarvai ratnairvā sarvagandhapuṣpamālyavilepanadhūpacūrṇacīvaracchatradhvajapatākāpradīpairvā sarvanṛtyagītavādhairvā, teṣāṁ ca tathārūpā āhārāḥ sahacittotpādānna prādurbhaveyuḥ, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhyeyam ||

23. sacenme bhagavan bodhiprāptasya tatra buddhakṣetre ye sattvāḥ pratyājātā bhaveyuḥ, te sarva na sarvajñatāsahagatāṁ dharmakathāṁ kathayeyuḥ, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhyeyam ||

24. sacenme bhagavan bodhiprāptasya tatra buddhakṣetre ye bodhisattvā evaṁ cittamutpādayeyuḥ-yadihaiva vayaṁ lokadhātau sthitvā aprameyāsaṁkhyeyeṣu buddhakṣetreṣu buddhān bhagavataḥ satkuryām gurukuryām mānayema pūjayema yadidaṁ cīvarapiṇḍapātraśayanāsanaglānapratyayabhaiṣajyapariṣkāraiḥ puṣpadhūpadīpagandhamālyavilepanacūrṇacīvaracchatradhvajapatākābhirnānāvidhanṛt yagītavādyai ratnavarṣairiti, teṣāṁ ca buddhā bhagavantaḥ sahacittotpādānna pratigṛhṇīyuryadidamanukampāmupādāya, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhyeyam ||

25. sacenme bhagavan bodhiprāptasya tatra buddhakṣetre ye bodhisattvāḥ pratyājātā bhaveyuḥ, te sarve na nārāyaṇavajrasaṁhatātmabhāvasthāmapratilabdhā bhaveyuḥ, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhyeyam ||

26. sacenme bhagavan bodhiprāptasya tatra buddhakṣetre yaḥ kaścitsattvo'laṁkārasya varṇaparyantamudgṛhṇīyāt-antaśo divyenāpi cakṣuṣā evaṁvarṇamevaṁvibhūti idaṁ buddhakṣetramiti nānāvarṇatāṁ jānīyāt, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhyeyam ||

27. sacenme bhagavan bodhiprāptasya tatra buddhakṣetre yaḥ sarvaparīttakuśalamūlo bodhisattvaḥ so'ntaśo yojanaśatotthitamudāravarṇaṁ bodhivṛkṣaṁ na saṁjānīyāt, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhyeyam ||

28. sacenme bhagavan bodhiprāptasya tatra buddhakṣetre kasyacitsattvasyoddeśo vā svādhyāyo vā kartavyaḥ syāt, na te sarve pratisaṁvitprāptā bhaveyuḥ, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhyeyam ||

29. sacenme bhagavan bodhiprāptasya naivaṁ prabhāsvaraṁ tadbuddhakṣetraṁ bhavedyatra samantādaprameyāsaṁkhyeyācintyātulyāparimāṇāni buddhakṣetrāṇi saṁdṛśyeran tadyathāpi nāma parimṛṣṭe ādarśamaṇḍale mukhamaṇḍalam, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhyeyam ||

30. sacenme bhagavan bodhiprāptasya tatra buddhakṣetre dharaṇītalamupādāya yāvadantarīkṣāddevamanuṣyaviṣayātikrāntasyābhijātasya dhūpasya tathāgatabodhisattvapūjāpratyarhasya sarvaratnamayāni nānāsurabhigandhaghaṭikāśatasahasrāṇi sadā nidhūpitānyava na syuḥ, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhyeyam ||

31. sacenme bhagavan bodhiprāptasya tatra buddhakṣetre na sadābhipravṛṣṭānyeva sugandhinānāratnapuṣpavarṣāṇi sadā pravāditāśca manojñasvarā vādyameghā na syuḥ, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhyeyam ||

32. sacenme bhagavan bodhiprāptasya ye sattvā aprameyāsaṁkhyeyācinyātulyeṣu lokadhātuṣvābhayā sphuṭā bhaveyuḥ, te sarve na devamanuṣyasamatikrāntena sukhena samanvāgatā bhaveyuḥ, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhyeyam ||

33. sacenme bhagavan bodhiprāptasya samantādaprameyācintyātulyāparimāṇeṣu buddhakṣetreṣu bodhisattvā mahāsattvā mama nāmadheyaṁ śrutvā tacchravaṇasahagatena kuśalena jātivyativṛttāḥ santo na dhāraṇīpratilabdhā bhaveyuryāvadbodhimaṇḍaparyantamiti, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhyeyam ||

34. sacenme bhagavan bodhiprāptasya samantādaprameyāsaṁkhyeyācintyātulyāparimāṇeṣu buddhakṣetreṣu yāḥ striyo mama nāmadheyaṁ śrutvā pramādaṁ saṁjanayeyuḥ, bodhicittaṁ notpādayeyuḥ, strībhāvaṁ ca na vijugupseran, jātivyativṛttāḥ samānāḥ saceddvitīyaṁ strībhāvaṁ pratilabheran, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhyeyam ||

35. sacenme bhagavan bodhiprāptasya samantāddaśasu dikṣu aprameyāsaṁkhyeyācintyātulyāparimāṇeṣu buddhakṣetreṣu ye bodhisattvā mama nāmadheyaṁ śrutvā praṇipatya pañcamaṇḍalanamaskāreṇa vandiṣyante te bodhisattvacaryāṁ caranto na sadevakena lokena satkriyeran, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhyeyam ||

36. sacenme bhagavan bodhiprāptasya kasyacidbodhisattvasya cīvaradhāvanaśoṣaṇasīvanarañjanakarma kartavyaṁ bhavet, na tveva navābhijātacīvararatnaiḥ prāvṛtamevātmānaṁ saṁjānīyuḥ sahacittotpādāttathāgatānujñātaiḥ, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhyeyam ||

37. sacenme bhagavan bodhiprāptasya tatra buddhakṣetre sahotpannāḥ sattvā naivaṁvidhaṁ sukhaṁ pratilabheraṁstadyathāpi nāma niṣparidāhasyārhato

bhikṣostṛtīyadhyānasamāpannasya, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhyeyam ||

38. sacenme bhagavan bodhiprāptasya tatra buddhakṣetre ye bodhisattvāḥ pratyājātāḥ, te yathārūpaṁ buddhakṣetre guṇālaṁkāravyūhamākāṅkṣeyuḥ, tathārūpaṁ nānāratnavṛkṣebhyo na saṁjanayeyuḥ, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhyeyam ||

39. sacenme bhagavan bodhiprāptasya mama nāmadheyaṁ śrutvā anyabuddhakṣetropapannā bodhisattvā indriyabalavaikalyaṁ gaccheyuḥ, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhyeyam ||

40. sacenme bhagavan bodhiprāptasya tadanyabuddhakṣetrasthāne bodhisattvā mama nāmadheyasahaśravaṇānna suvibhaktavatīṁ nāma samādhiṁ pratilabheran, yatra samādhau sthitvā bodhisattvā ekakṣaṇavyatihāreṇa aprameyāsaṁkhyeyācintyātulyāparimāṇān buddhān bhagavataḥ paśyanti, sa caiṣāṁ samādhirantarā vipraṇaśyet, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhyeyam ||

41. sacenme bhagavan bodhiprāptasya tadanyeṣu buddhakṣetreṣu mama nāmadheyaṁ śrutvā tacchravaṇasahagatena kuśalamūlena sattvā nābhijātakulopapattiṁ pratilabheran yāvadbodhiparyantam, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhyeyam ||

42. sacenme bhagavan bodhiprāptasya tadanyeṣu buddhakṣetreṣu ye bodhisattvā mama nāmadheyaṁ śrutvā tacchravaṇakuśalamūlena yāvadbodhiparyantaṁ te sarve bodhisattvacaryāprītiprāmodyakuśalamūlasamavadhānagatā na bhaveyuḥ, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhyeyam ||

43. sacenme bhagavan bodhiprāptasya sahanāmadheyaśravaṇāttadanyeṣu lokadhātuṣu bodhisattvā na samantānugataṁ nāma samādhiṁ pratilabheran, yatra sthitvā bodhisattvā ekakṣaṇavyatihāreṇa aprameyāsaṁkhyeyācinyātulyāparimāṇān buddhān bhagavataḥ satkurvanti, sa caiṣāṁ samādhirantarā vipraṇaśyedyāvadbodhimaṇḍaparyantam, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhyeyam ||

44. sacenme bhagavan bodhiprāptasya tatra buddhakṣetre ye sattvāḥ pratyājātā bhaveyuḥ te yathārūpāṁ dharmadeśanāmākāṅkṣeyuḥ śrotum, tathārūpāṁ sahacittotpādānna śṛṇuyuḥ, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhyeyam ||

45. sacenme bhagavan bodhiprāptasya tatra buddhakṣetre tadanyeṣu buddhakṣetreṣu ye ca bodhisattvā mama nāmadheyaṁ śṛṇuyuḥ, te sahanāmadheyaśravaṇānnāvaivartikā bhaveyuranuttarāyāḥ samyaksaṁbodheḥ, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhyeyam ||

46. sacenme bhagavan bodhiprāptasya buddhaśāsturbuddhakṣetreṣu te bodhisattvā mama nāmadheyaṁ śṛṇuyuḥ, te sahanāmadheyaśravanātprathamadvitīyatṛtīyāḥ kṣāntīḥ pratilabheran nāvaivartikā

bhaveyurbuddhadharmasaṁghebhyaḥ, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhibudhyeyam ||8||

atha khalvānanda sa dharmākaro bhikṣurimānevaṁrūpān praṇidhānaviśeṣānnirdiśya tasyāṁ velāyām buddhānubhāven imā gāthā abhāṣata—

saci mi [siya] viśiṣṭa naivarūpā
varapraṇidhāna siyā khu bodhiprāpto |
māha siya gavendrasattvasāro
daśabaladhāri atulyadakṣiṇīyaḥ ||11||

saci mi siya na kṣetra evarūpaṁ
bahu adha nānaprabhūtadivyavittam |
sukhita naraka yeya duḥkhaprāpto
māha siyā ratanāna [loka]rājā||12||

saci mi upagatasya bodhimaṇḍaṁ
daśadiśi pravraji nāmadheyu kṣipram |
pṛthu bahava ananta buddhakṣetrā
māha siyā balaprāptu lokanāthaḥ ||13||

saci khu ahu rameya kāmabhogāṁ
smṛtimatiyā gatiyā vihīnu santaḥ |
atula śiva sameyamāna bodhiṁ
māha siyā balaprāptu śāstra loke ||14||

vipulaprabha atulyananta nātha
diśi vidiśi sphuri sarvabuddhakṣetrā |
rāga praśami sarvadoṣamohāṁ
narakagatismi praśāmi dhūmaketum ||15||

janiya suruciraṁ viśālanetraṁ
vidhuniya sarvanarāṇa andhakāram |
apaniya su na akṣaṇānaśeṣāṁ
upanayi svargagatānanantatejāṁ||16||

na tapati nabha candrasūryaābhā
maṇigaṇa agniprabhā na devatānām|
abhibhavati narendra ābha sarvāṁ
purimacariṁ pariśuddha ācaritvā||17||

puruṣavaru nidhāna duḥkhitānāṁ
diśi vidiśāsu na asti evarūpaḥ |
kuśalaśatasahasrasarvapūrṇa
parṣagaro nadi buddhasiṁhanādam||18||
purimajina svayaṁbhu satkaritvā
vratatapakoṭi caritva aprameyām|
pravaravarasame'smi jñānaskandha
praṇidhibalapratipūrṇa sattvasāro ||19||

yatha bhagava asaṅgajñānadarśī
trividha prajānati saṁskṛte narendraḥ|
ahamapi siya tulyadakṣiṇīyo
vidupravaro naranāyako narāṇām||20||

saci mi ayu narendra evarūpā
praṇidhi samṛdhyati bodhi prāpuṇitvā|
calatu aya sahasralokadhātu
kusumapravarṣaṇa bhātu devasaṁghāṁ||21||

pracalita vasudhā pravarṣi puṣpāḥ
tūryaśatā gagane'tha saṁpraṇeduḥ|
divyaruciracandanasya cūrṇā
avakiri caiva bhaviṣya loki buddhaḥ || 22|| iti|| 9||

evaṁrūpayā ānanda praṇidhānasaṁpadā sa dharmākaro bhikṣurbodhisattvo mahāsattvaḥ samanvāgato'bhūt| evaṁrūpayā cānanda praṇidhānasaṁpadā alpakā bodhisattvāḥ samanvāgatāḥ | alpakānāṁ caivaṁrūpāṇāṁ praṇidhīnāṁ loke prādurbhāvo bhavati parīttānām| na punaḥ sarvaśo nāsti| sa khalu punarānanda dharmākaro bhikṣustasya bhagavato lokeśvararājasya tathāgatasya purataḥ sadevakasya lokasya samārakasya sabrahmakasya saśramaṇabrāhmaṇikāyāḥ prajāyāḥ sadevamānuṣāsurāyāḥ purata imānevaṁrūpān praṇidhānaviśeṣānnirdiśya yathābhūtapratijñāpratipattipratiṣṭhito'bhūt| sa imāmevaṁrūpāṁ buddhakṣetrapariśuddhiṁ buddhakṣetramāhātmyaṁ buddhakṣetrodāratāṁ samudānayan bodhisattvacaryāṁ caran aprameyāsaṁkhyeyācintyātulyāmāpyāparimāṇānabhilāpyāni varṣakoṭīniyutaśatasahasrāṇi na jātu kāmavyāpādavihiṁsāvitarkān vitarkitavān, na jātu kāmavyāpādavihiṁsāsaṁjñāmutpāditavān, na jātu rūpaśabdagandharasaspraṣṭavyasaṁjñāmutpāditavān | sa daharamanohara eva surato'bhūtsukhasaṁvāso'dhivāsanajātīyaḥ subhagaḥ supoṣo'lpecchaḥ saṁtuṣṭaḥ pravivikto'duṣṭo'mūḍho'śaṅko'jihmo'śaṭho'māyāvī sukhilomaḥ priyālāpo nityābhiyuktaḥ śukladharmaparyeṣṭau sunikṣiptadhuraḥ sarvasattvānāmarthāya mahāpraṇidhānaṁ samudānitavān buddhadharmasaṁghācāryopādhyāyakalyāṇamitrasagauravo nityasaṁnaddho bodhisattvacaryāyāmārjavo mārdavo'kuhako'nilapako guṇavān pūrvaṁgamaḥ sarvakuśaladharmasamādāpanatāyai śūnyatānimittāpraṇihitānabhisaṁskārānutpādavihārairnirmānaḥ svārakṣitavākyaścābhūt| bodhisattvacaryāṁ caran sa yadvākkarmotsṛṣṭamātmaparobhayavyāpādāya saṁvartate, tathāvidhaṁ tyaktvā yadvākkarma svaparobhayahitasukhasaṁvartakaṁ tadevābhiprayuktavān| evaṁ ca samprajāno'bhūt yadgrāmanagaranigamajanapadarāṣṭrarājadhānīṣvavataranna jātu rūpaśabdagandharasaspraṣṭavyadharmeṣvanunīto'bhūdapratihataḥ | sa bodhisattvacaryāyāṁ caran svayaṁ ca dānapāramitāyāmacarat parāṁśca tatraiva samādāpitavān, svayaṁ ca śīlakṣāntivīryadhyānaprajñāpāramitāsvacarat, parāṁśca tatraiva samādāpitavān | tathārūpāṇi ca kuśalamūlāni samudānītavān, yaiḥ samanvāgato yatrayatropapadyate, tatra tatra asyānekāni nidhānakoṭīniyutaśatasahasrāṇi dharaṇyāḥ prādurbhavanti| tena bodhisattvacaryāṁ caratā tāvadaprameyāsaṁkhyeyāni sattvakoṭīniyutaśatasahasrāṇyanuttarāyāṁ samyaksaṁbodhau pratiṣṭhāpitāni, yeṣāṁ na sukaraṁ vākkarmaṇā

paryantamadhigantum| tāvadaprameyāsaṁkhyeyā buddhā bhagavantaḥ satkṛtā gurukṛtā mānitāḥ pūjitāścīvarapiṇḍapātraśayanāsanaglānapratyayabhaiṣajyapariṣkāraiḥ sarvasukhopadhānasparśavihāraiḥ pratipāditāḥ | yāvantaḥ sattvāḥ śreṣṭhigṛhapatyamātyakṣatriyabrāhmaṇamahāśālakuleṣu pratiṣṭhāpitāḥ, teṣāṁ na sukaro vākkarmanirdeśena paryanto'dhigantum | evaṁ jāmbūdvīpeśvarāśca pratiṣṭhāpitāścakravartitve lokapālatve śakratve suyāmatve sutuṣitatve sunirmitatve suvaśavartitve devarājatve mahābrahmatve ca pratiṣṭhāpitāḥ | tāvadaprameyāsaṁkhyeyā buddhā bhagavantaḥ satkṛtā gurukṛtā mānitāḥ pūjitāścīvarapiṇḍapātraśayanāsanaglānapratyayabhaiṣajyapariṣkāraiḥ sarvasukhopadhānasparśavihāraiḥ pratipāditāḥ| yāvantaḥ sattvāḥ śreṣṭhigṛhapatyamātyakṣatriyabrāhmaṇamahāśālakuleṣu pratiṣṭhāpitāḥ, teṣāṁ na sukaro vākkarmanirdeśena paryanto'dhigantum | evaṁ jāmbūdvīpeśvarāśca pratiṣṭhāpitāścakravartitve lokapālatve śakratve suyāmatve sutuṣitatve sunirmitatve vaśavartitve devarājatve mahābrahmatve ca pratiṣṭhāpitāḥ| tāvadaprameyāsaṁkhyeyā buddhā bhagavantaḥ satkṛtā gurukṛtā mānitāḥ pūjitā dharmacakrapravartanārthaṁ cādhīṣṭāḥ, yeṣāṁ na sukaro vākkarmanirdeśena paryanto'dhigantum | sa evaṁrūpaṁ kuśalaṁ samudānayat, yadasya bodhisattvacaryāṁ carato'prameyāsaṁkhyeyācintyātulyāmāpyāparimāṇānabhilāpyāni kalpakoṭīniyutaśatasahasrāṇi surabhirdivyātikrāntacandanagandho mukhātpravāti sma| sarvaromakūpebhya utpalagandho vāti sma| sarvalokābhirūpaścābhūtprāsādiko darśanīyaḥ paramaśubhavarṇapuṣkalatayā samanvāgataḥ lakṣaṇavyañjanasamalaṁkṛtenātmabhāvena| tasya sarvaratnālakārāḥ sarvavastracīvarābhinirhārāḥ sarvapuṣpadhūpagandhamālyavilepanacchatradhvajapatākābhinirhārāḥ sarvavādyasaṁgītyabhinirhārāśca sarvaromakūpebhyaḥ pāṇitalābhyāṁ ca niścaranti sma| sarvānnapānakhādyabhojyalehyarasābhinirhārāḥ sarvopabhogaparibhogābhinirhārāśca pāṇitalābhyāṁ prasyandantaḥ prādurbhavanti sma| iti hi sarvapariṣkāravaśitāprāptaḥ sa ānanda dharmākaro bhikṣurabhūt pūrvaṁ bodhisattvacaryāṁ caran ||10||

evamukte āyuṣmānānando bhagavantametadavocat-kiṁ punarbhagavan sa dharmākaro bhikṣurbodhisattvo mahāsattvo'nuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbudhyātītaḥ parinirvṛtaḥ, utāho'nabhisaṁbuddhaḥ atha pratyutpanno'bhisaṁbuddha etarhi tiṣṭhati dhriyate yāpayati dharmaṁ ca deśayati? bhagavānāha-na, khalu punarānanda sa tathāgato'tīto na anāgataḥ | api tveva sa tathāgato'rhan samyaksaṁbodhimabhisaṁbuddha etarhiṁ tiṣṭhati dhriyate yāpayati dharmaṁ ca deśayati paścimāyāṁ diśi ito koṭīniyutaśatasahasratame ca buddhakṣetre sukhāvatyāṁ lokadhātāvamitābho nāma tathāgato'rhan samyaksaṁbuddho'parimāṇairbodhisattvaiḥ parivṛtaḥ puraskṛto'nantaiḥ śrāvakairanantayā buddhakṣetrasaṁpadā samanvāgataḥ ||11||

amitā cāsya prabhā yasya na sukaraṁ pramāṇaparyantamadhigantum-iyanti buddhakṣetraśatāni, iyanti buddhakṣetrasahasrāṇi, iyanti buddhakṣetraśatasahasrāṇi, iyanti buddhakṣetrakoṭīni, iyanti buddhakṣetrakoṭīśatāni, iyanti buddhakṣetrakoṭīsahasrāṇi, iyanti buddhakṣetrakoṭīśatasahasrāṇi, iyanti buddhakṣetrakoṭīniyutaśatasahasrāṇi spharitvā tiṣṭhatīti| api tu khalu punarānanda saṁkṣiptena pūrvasyāṁ diśi gaṅgānadīvālukopamāni buddhakṣetrakoṭīniyutaśatasahasrāṇi tayā tasya bhagavato'mitābhasya prabhayā sadā sphuṭāni| evaṁ dakṣiṇapaścimottarāsvadha ūrdhvaṁ digvidikṣu ca ekaikasyāṁ diśi

samantādgaṅgānadīvālukopamāni yāvadbuddhakṣetrakoṭīniyutaśatasahasrāṇi tasya bhagavato'mitābhasya prabhayā sadā parisphuṭāni sthāpayitvā buddhān bhagavataḥ pūrvapraṇidhānādhiṣṭhānena ye vyāmaprabhayā ekadvitricatuḥpañcadaśaviṁśatitriṁśaccatvāriṁśatpañcāśadyojanaprabhayā yojanaśataprabhayā yojanasahasraprabhayā yojanaśatasahasraprabhayā yāvadanekayojanakoṭīniyutaśatasahasraprabhayā vā lokaṁ spharitvā tiṣṭhanti| nāstyānanda upamopanyāso yena śakyaṁ tasyāmitābhasya tathāgatasya prabhāyāḥ pramāṇamudgrahītum| tadanenānanda paryāyeṇa sa tathāgato'mitābha ityucyate, amitaprabho'mitaprabhāso'samāptaprabho'saṁgataprabhaḥ prabhāśikhotsṛṣṭaprabhaḥ sadivyamaṇiprabho'pratihataraśmirāgaprabho rājanīyaprabhaḥ premaṇīyaprabhaḥ pramodanīyaprabhaḥ saṁgamanīyaprabha upoṣaṇīyaprabho nibandhanīyaprabho'tivīryaprabho'tulyaprabho'bhibhūyanarendrāmūnnayendraprabhaḥ (?) śrāntasaṁcayendusūryajihmīkaraṇaprabho'bhibhūya lokapālaśakrabrahmaśuddhāvāsamaheśvarasarvadevajihmīkaraṇaprabha ityucyate| sā ca āryaprabhā vimalā vipulā kāyasukhasaṁjananī cittaudvilyakaraṇī devāsuranāgayakṣagandharvagaruḍamahoragakinnaramanuṣyāmanuṣyāṇāṁ prītiprāmodyasukhakaraṇī kuśalāśayānāṁ sattvānāṁ kalyakuśalamimiṇevadviprāmodyakaraṇī(?) ye'nyeṣvapyanantāparyanteṣu buddhakṣetreṣu | anena cānanda paryāyeṇa tathāgataḥ paripūrṇaṁ kalpaṁ bhāṣyet tasyāmitābhasya tathāgatasya nāma karmopādāya prabhāmārabhya, na ca śaknoti guṇaparyantamadhigantuṁ tasyāḥ prabhāyāḥ, tathāgatasya vaiśāradyopacchedo bhavet| tatkasya hetoḥ? ubhayamapyetadānanda aprameyamasaṁkhyeyamacintyāparyantaṁ yadidaṁ tasya bhagavato'mitābhasya tathāgatasya prabhāguṇavibhūtiḥ, tathāgatasya cānuttaraṁ prajñāpratibhānam ||12||

tasya khalu punarānanda amitābhasya tathāgatasyāprameyaḥ śrāvakasaṁgho yasya na sukaraṁ pramāṇamudgrahītum-iyatyaḥ śrāvakakoṭyaḥ, iyanti śrāvakakoṭīśatāni, iyanti śrāvakakoṭīsahasrāṇi, iyanti śrāvakakoṭīśatasahasrāṇi, iyanti kaṁkarāṇi, iyanti bimbarāṇi, iyanti nayutāni, iyantyayutāni, iyantyakṣobhyāṇi, iyanto vivāhāḥ, iyanti srotāṁsi, iyanti ojāṁsi, iyantyaprameyāṇi, iyantyasaṁkhyeyāni, iyantyagaṇyāni, iyantyatulyāni, iyantyacintyānīti| tadyathā ānanda bhikṣurmaudgalyāyana ṛddhivaśitāprāptaḥ | sa ākāṅkṣan trisāhasramahāsāhasralokadhātau yāvanti tārārūpāṇi tāni sarvāṇyekarātridine nagareṇa gaṇayet, evaṁrūpāṇāṁ ca ṛddhimatāṁ koṭīniyutaśatasahasraṁ bhavet, te ca varṣakoṭīniyutaśatasahasramananyakarmaṇā amitābhasya tathāgatasya prathamaśrāvakasaṁnipātaṁ gaṇayeyuḥ | ebhirgaṇayadbhiḥ śatatamo'pi bhāgo na gaṇito bhavet, sahasratamo'pi śatasahasratamo'pi, yāvatkalāmapi upamāmapi upanisāmapi na gaṇito bhavet| tadyathā ānanda mahāsamudrāccaturaśītiyojanasahasrāṇyāvedhena tiryagaprameyāt kaścideva puruṣaḥ śatadhā bhinnayā bālāgrakoṭyā ekamudakabindumabhyutkṣipet, tatkiṁ manyase ānanda katamo'tra bahutaraḥ- yo vā śatadhā bhinnayā bālāgrakoṭyābhyutkṣipta eka udakabinduḥ, yo vā mahāsamudre'psakandho'vaśista iti? ānanda āha- yojanasahasramapi tāvadbhagavan mahāsamudrasya parīttaṁ bhavet kimaṅga punaḥ śatadhā bhinnayā bālāgrakoṭyā utkṣipta eka udakabinduḥ | bhagavānāha-tadyathā sa ekabinduḥ, iyattamaḥ sa prathamasaṁnipāto'bhūt| tairmaudgalyāyanasadṛśairbhikṣubhirgaṇayadbhistena varṣakoṭīniyutaśatasahasreṇa gaṇitaṁ bhavet, yathā mahāsamudre'pskandho'vaśiṣṭaḥ | evamagaṇitaṁ draṣṭavyam | kaḥ punarvādo dvitīyatṛtīyādīnāṁ śrāvakasaṁnipātānām| evamanantāparyantastasya bhagavataḥ śrāvakasaṁgho yo'prameyāsaṁkhyeya ityeva saṁkhyāṁ gacchati||13||

aparimitaṁ ca ānanda tasya bhagavato'mitābhasya tathāgatasyāyuḥpramāṇaṁ yasya na sukaraṁ pramāṇamadhigantum, iyanti vā kalpaśatāni, iyanti vā kalpasahasrāṇi, iyanti vā kalpaśatasahasrāaṇi, iyatyo vā kalpakoṭyaḥ, iyanti vā kalpakoṭīśatāni, iyanti vā kalpakoṭīsahasrāṇi, iyanti vā kalpakoṭīśatasahasrāṇi, iyanti vā kalpakoṭīniyutaśatasahasrāṇīti| atha tarhi ānanda aparimitameva tasya bhagavat āyuḥpramāṇamaparyantam| tena sa tathāgato'mitāyurityucyate| yathā cānanda iha lokadhātau kalpagaṇanāprajñaptisaṁketaḥ, tathā sāṁprataṁ daśa kalpāstasya bhagavato'mitāyuṣastathāgatasyotpannasya anuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbuddhasya ||14||

tasya khalu punarānanda bhagavato'mitābhasya sukhāvatī nāma lokadhāturṛddhā ca sphītā ca kṣemā ca subhikṣā ca ramaṇīyā ca bahudevamanuṣyākīrṇā ca| tatra khalvānanda lokadhātau na nirayāḥ santi na tiryagyonirna pretaviṣayo nāsurāḥ kāyā nākṣaṇopapattayaḥ | na ca tāni ratnāni loke pracaranti yāni sukhāvatyāṁ lokadhātau vidyante||15||

sā khalvānanda sukhāvatī lokadhātuḥ surabhinānāgandhasamīritā nānāpuṣpaphalasamṛddhā ratnavṛkṣasamalaṁkṛtā tathāgatābhinirmitamanojñasvaranānādvijasaṁghaniṣevitā| te cānanda ratnavṛkṣā nānāvarṇā anekavarṇā anekaśatasahasravarṇāḥ| santi tatra ratnavṛkṣāḥ suvarṇavarṇāḥ suvarṇamayāḥ| santi rūpyavarṇā rūpyamayāḥ| santi vaiḍūryavarṇā vaiḍūryamayāḥ| santi sphaṭikavarṇāḥ sphaṭikamayāḥ| santi musāragalvavarṇā musāragalvamayāḥ| santi lohitamuktāvarṇā lohitamuktāmayāḥ| santyaśmagarbhavarṇā aśmagarbhamayāḥ| santi kecid dvayo ratnayoḥ suvarṇasya rūpyasya ca| santi trayāṇāṁ ratnānāṁ suvarṇasya rūpyasya vaiḍūryasya ca| santi caturṇāṁ ratnānāṁ suvarṇasya rūpyasya vaiḍūryasya sphaṭikasya ca| santi pañcānāṁ ratnānāṁ suvarṇasya rūpyasya vaiḍūryasya sphaṭikasya musāragalvasya ca| santi ṣaṇṇāṁ ratnānāṁ suvarṇasya rūpyasya vaiḍūryasya sphaṭikasya musāragalvasya lohitamuktāyāśca| santi saptānāṁ ratnānāṁ suvarṇasya rūpyasya vaiḍūryasya sphaṭikasya musāragalvasya lohitamuktāyā aśmagarbhasya ca saptamasya| tatrānanda suvarṇamayānāṁ vṛkṣāṇāṁ suvarṇamayāni mūlaskandhaviṭapaśākhāpatrapuṣpāṇi, phalāni rūpyamayāṇi| rūpyamayāṇāṁ vṛkṣāṇāṁ rūpyamayānyeva mūlaskandhaviṭapaśākhāpatrapuṣpāṇi, phalāni vaiḍūryamayāṇi| vaiḍūryamayāṇāṁ vṛkṣāṇāṁ vaiḍūryamayāṇi mūlaskandhaviṭapaśākhāpatrapuṣpāṇi, phalāni sphaṭikamayāni| sphaṭikamayānāṁ vṛkṣāṇāṁ sphaṭikamayānyeva mūlaskandhaviṭapaśākhāpatrapuṣpāṇi, phalāni ca musāragalvamayāni| musāragalvamayānāṁ vṛkṣāṇāṁ musāragalvamayānyeva mūlaskandhaviṭapaśākhāpatrapuṣpāṇi, phalāni ca lohitamuktāmayāni| lohitamuktāmayānāṁ vṛkṣāṇāṁ lohitamuktāmayānyeva mūlaskandhaviṭapaśākhāpatrapuṣpāṇi, phalāni cāśmagarbhamayāṇi| aśmagarbhamayāṇāṁ vṛkṣāṇāmaśmagarbhamayāṇyeva mūlaskandhaviṭapaśākhāpatrapuṣpāṇi, phalāni ca suvarṇamayāni| keṣāṁcidānanda vṛkṣāṇāṁ suvarṇamayāni mūlāni, rūpyamayāḥ skandhāḥ, vaiḍūryamayā viṭapāḥ, sphaṭikamayāḥ śākhāḥ, musāragalvamayāni patrāṇi, lohitamuktāmayāni puṣpāṇi, aśmagarbhamayāṇi phalāni| keṣāṁcidānanda vṛkṣāṇāṁ rūpyamayāṇi mūlāni, vaiḍūryamayāḥ skandhāḥ, sphaṭikamayā viṭapāḥ, musāragalvamayāḥ śākhāḥ, lohitamuktāmayāni patrāṇi, aśmagarbhamayāṇi puṣpāṇi, suvarṇamayāni phalāni| keṣāṁcidānanda vṛkṣāṇāṁ vaiḍūryamayāṇi mūlāni, sphaṭikamayāḥ skandhāḥ, musāragalvamayā viṭapāḥ, lohitamuktāmayāḥ śākhāḥ, aśmagarbhamayāṇi patrāṇi,

suvarṇamayāni puṣpāṇi, rūpyamayāṇi phalāni| keṣāṁcidānanda vṛkṣāṇāṁ sphaṭikamayāni mūlāni, musāragalvamayāḥ skandhāḥ, lohitamuktāmayā viṭapāḥ, aśmagarbhamayāḥ śākhāḥ, suvarṇamayāni patrāṇi, rūpyamayāṇi puṣpāṇi, vaiḍūryamayāṇi phalāni| keṣāṁcidānanda vṛkṣāṇāṁ musāragalvamayāni mūlāni, lohitamuktāmayāḥ skandhāḥ, aśmagarbhamayā viṭapāḥ, suvarṇamayāḥ śākhāḥ, rūpyamayāṇi patrāṇi, vaiḍūryamayāṇi puṣpāṇi, sphaṭikamayāni phalāni| keṣāṁcidānanda vṛkṣāṇāṁ lohitamuktāmayāni mūlāni, aśmagarbhamayāḥ skandhāḥ, suvarṇamayā viṭapāḥ, rūpyamayāḥ śākhāḥ, vaiḍūryamayāṇi patrāṇi, sphaṭikamayāni puṣpāṇi, musāragalvamayāṇi phalānikeṣāṁcidānanda vṛkṣāṇāmaśmagarbhamayāṇi mūlāni, suvarṇamayāḥ skandhāḥ, rūpyamayā viṭapāḥ, vaiḍūryamayāḥ śākhāḥ, sphaṭikamayāni patrāṇi, musāragalvamayāni puṣpāṇi, lohitamuktāmayāni phalāni| keṣāṁcidānanda vṛkṣāṇāṁ saptaratnamayāni mūlāni, saptaratnamayāḥ skandhāḥ, saptaratnamayā viṭapāḥ, saptaratnamayāḥ śākhāḥ, saptaratnamayāni patrāṇi, saptaratnamayāni puṣpāṇi, saptaratnamayāni phalāni| sarveṣāṁ cānanda teṣāṁ vṛkṣāṇāṁ mūlaskandhaviṭapaśākhāpatrapuṣpaphalāni sukhasaṁsparśāni sugandhīni| vātena preritena ca teṣāṁ valgumanojñaghoṣo niścaratyasecanako'pratikūlaḥ śravaṇāya| evaṁrūpairānanda saptaratnamayairvṛkṣaiḥ saṁtataṁ tadbuddhakṣetraṁ samantācca kadalīskandhaiḥ saptaratnamayai ratnatālapaṅktibhiścānuparikṣiptaṁ sarvataśca hemajālapraticchannaṁ samantaśca sarvaratnamayaiḥ padmaiḥ saṁchannam| santi tatra padmānyardhayojanapramāṇāni, santi yojanapramāṇāni, santi dvitricatuḥpañcayojanapramāṇāni, santi yāvaddaśayojanapramāṇāni| sarvataśca ratnapadmātṣaṭtriṁśadraśmikoṭīśatasahasrāṇi niścaranti| sarvataśca raśmimukhātṣaṭtriṁśadbuddhakoṭīśatasahasrāṇi niścaranti suvarṇamayavarṇaiḥ kāyairdvātriṁśanmahāpuruṣalakṣaṇadharaiḥ, yāni pūrvasyāṁ diśyaprameyāsaṁkhyeyāsu lokadhātuṣu gatvā sattvebhyo dharmaṁ deśayanti| evaṁ dakṣiṇapaścimottarāsu dikṣu adha ūrdhvamanuvidikṣu gatāvaraṇe loke'prameyāsaṁkhyeyā□llokadhātūn gatiṁ gattvā sattvebhyo dharmaṁ deśayanti||16||

tasmin khalu punarānanda buddhakṣetre sarvaśaḥ kālaparvatā na santi sarvato ratnaparvatāḥ sarvaśaḥ sumeravaḥ parvatarājāḥ sarvaśaścakravālā mahācakravālāḥ parvatarājāḥ| samantācca tadbuddhakṣetraṁ samaṁ ramaṇīyaṁ pāṇitalajātaṁ nānāvidharatnamaṇicitabhūmibhāgam| evamukte āyuṣmānānando bhagavantametadavocat-ye ca punaste bhagavaṁścāturmahārājakāyikā devāḥ sumerupārśvanivāsinastrāyastriṁśā vā sumerumūrdhni nivāsinaḥ, te kutra pratiṣṭhitāḥ? bhagavānāha-tatkiṁ manyase ānanda ye te iha sumeroḥ parvatarājasyopari yāmā devāstuṣitā vā nirmāṇaratayo vā paranirmitavaśavartino vā brahmakāyikā vā brahmapurohitā vā mahābrahmāṇo va yāvadakaniṣṭhā vā, kutra te pratiṣṭhitā iti| ānanda āha-acintyo bhagavan karmaṇāṁ vipākaḥ karmābhisaṁskāraḥ| bhagavānāha-labdhastvayānanda ihācintyaḥ karmaṇāṁ vipākaḥ karmābhisaṁskāro na buddhānāṁ bhagavatāmacintyaṁ buddhādhiṣṭhānaṁ kṛtapuṇyānāṁ ca sattvānāmavaropitakuśalamūlānām| tavācintyā puṇyā vibhūtiḥ| ānanda āha-na me'tra bhagavan kācitkāṅkṣā vā vimatirvā vicikitsā vā| api tu khalvahamanāgatānāṁ sattvānāṁ kāṅkṣāvimativicikitsānirghātāya tathāgatametadarthaṁ paripṛcchāmi| bhagavānāha-sādhu sādhvānanda, evaṁ te karaṇīyam||17||

tasyāṁ khalvānanda sukhāvatyāṁ lokadhātau nānāprakārā nadyaḥ pracaranti| santi tatra mahānadyo yojanavistārāḥ| santi yāvadviṁśatitriṁśaccatvāṁriśatpañcāśadyojanavistārā yāvaddvādaśayojanāvedhāḥ| sarvāśca tā nadyaḥ sukhavāhinyo nānāsurabhigandhavārivāhinyo

nānāratnalulitapuṣpasaṁghātavāhinyo nānāmadhurasvaranirghoṣāḥ| tāsāṁ cānanda koṭiśatasahasrāṅgasaṁprayuktasya divyasaṁgītisamūrcchitasya tūryasya kuśalaiḥ saṁpravāditasya tāvanmanojñaghoṣo niścarati yathārūpastāsāṁ mahānadīnāṁ nirghoṣo niścarati gambhīro'jñeyo'vijñeyo'nelaḥ karṇasukho hṛdayaṁgamaḥ premaṇīyo valgurmanojño'secanako'pratikūlaḥ śravaṇāya, anityaṁ śāntamanātmeti sukhaśravanīyo yasteṣāṁ sattvānāṁ śrotrendriyābhāsamāgacchati| tāsāṁ khalu punarānanda mahānadīnāmubhayatastīrāṇi nānāgandharatnavṛkṣaiḥ saṁtatāni, yebhyo nānāśākhāpatrapuṣpamañjaryo'valambante| tatra ye sattvāsteṣu nadītīreṣvākāṅkṣanti divyābhirāmaramaṇīyāṁ ratikrīḍāṁ cānubhavitum, teṣāṁ tatra nadīṣvavatīrṇānāmākāṅkṣatāṁ gulphamātraṁ vāri saṁtiṣṭhate| ākāṅkṣatāṁ jānumātraṁ kaṭimātraṁ kakṣamātram, ākāṅkṣatāṁ karṇamātraṁ vāri saṁtiṣṭhate, divyāśca ratayaḥ prādurbhavanti| tatra ye sattvā ākāṅkṣanti śītaṁ vāri bhavatviti, teṣāṁ śītaṁ vāri bhavati| ya ākāṅkṣanyuṣṇaṁ bhavatviti, teṣāmuṣṇaṁ bhavati| ya ākāṅkṣanti śītoṣṇaṁ bhavatviti, teṣāṁ śītoṣṇameva tadvāri bhavatyanusukham| tāśca mahānadyo divyatamālapatrāgarukālānusāritagaroragasāracandanavaragandhavāsitavāriparipūrṇāḥ pravahanti divyotpalapadmakumudapuṇḍarīkasaugandhikādipuṣpasaṁchannā haṁsasārasakrauñcacakravākakāraṇḍavaśukaśārikakokilakuṇālakalaviṅkamayūrādima nojña-svarāstathāgatābhinirmitapakṣisaṁghaniṣevitapulinā dhārtarāṣṭropaśobhitāḥ sūpatīrthā vikardamāḥ suvarṇavālukāsaṁkirṇāḥ| tatra yadā te sattvā ākāṅkṣanti kīdṛśā asmākamabhiprāyāḥ paripūryantāmiti, tadā teṣāṁ tādṛśā evābhiprāyā paripūryante| yaścāsāvānanda tasya vāriṇo nirghoṣaḥ sa manojño niścarati, yena sarvāvattadbuddhakṣetramabhijñāpyate| ye ca sattvā nadītīreṣu sthitā ākāṅkṣanti mā asmākamayaṁ śabdaḥ śrotrendriyāvabhāsamāgacchatviti, teṣāṁ na divyasyāpi śrotrendriyasyāvabhāsamāgacchati| yaśca yathārūpaṁ śabdamākāṅkṣati śrotum, sa tathārūpameva manojñaṁ śabdaṁ śṛṇoti| tadyathā-buddhaśabdaṁ dharmaśabdaṁ saṁghaśabdaṁ pāramitāśabdaṁ bhūmiśabdaṁ balaśabdaṁ vaiśāradyaśabdamāveṇikabuddhadharmaśabdaṁ pratisaṁvicchabdaṁ śūnyatānimittāpraṇihitānabhisaṁskārājātānutpādābhāvanirodhaśabdaṁ śāntapraśāntopaśāntaṁ mahāmaitrīmahākarūṇāmahāmuditāmahopekṣāśabdamanutpattikadharmakṣāntyabhiṣe kabhūmipratilambhaśabdam| śrutvā udāraprītiprāmodyaṁ pratilabhate vivekasahagataṁ virāgasahagataṁ śāntasahagataṁ nirodhasahagataṁ dharmasahagataṁ bodhiparinispattikuśalamūlasahagataṁ ca| sarvaśaścānanda sukhāvatyāṁ lokadhātāvakuśalaśabdo nāsti, sarvaśo nīvaraṇaśabdo nāsti, sarvaśo'pāyadurgativinipātaśabdo nāsti, sarvaśo duḥkhaśabdo nāsti| aduḥkhāsukhavedanāśabdo'pi tāvadānanda tatra nāsti, kutaḥ punarduḥkhaśabdo bhaviṣyati? tadanena ānanda paryāyeṇa sā lokadhātuḥ sukhāvatītyucyate saṁkṣiptena, na punarvistareṇa kalpo'pyānanda parikṣayaṁ gacchetsukhāvatyā lokadhātoḥ sukhakāraṇeṣu parikīrtyamāneṣu, na tveva śakyaṁ teṣāṁ sukhakāraṇānāṁ paryantamadhigantum||18||

tasyāṁ khalu punarānanda sukhāvatyāṁ lokadhātau ye sattvāḥ pratyājātāḥ pratyājaniṣyante, sarve te evaṁrūpeṇa varṇena balena sthāmnā ārohapariṇāhena ādhipatyena puṇyasaṁcayena atiṣṇabhirvastrābharaṇodyānavimānakūṭāgāraparibhogairevaṁrūpaśabdagandharasaspa rśaparibhogaiḥ evaṁrūpaiśca sarvairapi bhogaparibhogaiḥ samanvāgatāḥ, tadyathāpi nāma devāḥ paranirmitavaśavartinaḥ| na khalu punarānanda sukhāvatyāṁ lokadhātau sattvā audārikayūṣaphāṇitākārāhāramāharanti| api tu khalu punaryathārūpamevāharamākāṅkṣanti, tathārūpamāhṛtameva saṁjānanti,

prīṇitakāyāśca bhavanti prīṇitamānāḥ| na teṣāṁ bhūyaḥ kāye prakṣepaḥ karaṇīyaḥ | te prīṇitakāyāstathārūpāṇi gandhajātānyākāṅkṣanti-īddaśaireva gandhajātairdivyaistadbuddhakṣetraṁ sarvameva nirdhūpitaṁ bhavati| tatra yastaṁ gandhamāghrātukāmo bhavati, tasya sarvaśo gandharvarājño vāsanā na samudācarati| evaṁ ye yathārūpāṇi gandhamālyavilepanacūrṇacīvaracchatradhvajapatākātūryāṇyākāṅkṣanti, teṣāṁ tathārūpaiśca taiḥ sarvaṁ tadbuddhakṣetraṁ parisphuṭaṁ bhavati| cīvarāṇyākāṅkṣanti nānāvarṇānyanekaśatasahasravarṇāni, teṣāṁ tādṛśaireva cīvararatnaiḥ sarvaṁ tadbuddhakṣetraṁ parisphuṭaṁ bhavati, prāvṛtameva cātmānaṁ saṁjānanti| te yathārūpāṇyābharaṇānyākāṅkṣanti, tadyathā-śīrṣābharaṇāni vā karṇābharaṇāni vā grīvābharaṇāni vā hastapādābharaṇāni vā yadidaṁ mukuṭāni kuṇḍalāni kaṭakakeyūrāṇi vatsahārā rūcakahārā karṇikā mudrikāḥ svarṇasūtrāṇi mekhalāḥ svarṇasūtāṇi jālāni muktājālāni sarvaratnajālāni svarṇaratnakiṅkiṇījālāni, tathārūpairābharaṇairanekaratnaśatasahasrapratyuptaiḥ sphuṭaṁ tadbuddhakṣetraṁ paśyanti yadidamābharaṇavṛkṣāvasaktaiḥ| taiścābharaṇairalaṁkṛtamātmānaṁ saṁjānanti| te yādṛśaṁ vimānamākāṅkṣanti yadvarṇaliṅgasaṁsthānaṁ yāvadārohapariṇāhaṁ nānāratnamayaniryūhaśatasahasrasamalaṁkṛtaṁ nānādivyapuṣpasaṁstīrṇaṁ citropadhānavinyastaparyaṅkam, tādṛśameva vimānaṁ teṣāṁ purataḥ prādurbhavati| teṣu manonirvṛtteṣu vimāneṣu saptasaptāsparasahasraparivṛtāḥ puraskṛtā viharanti krīḍanti ramante paricārayanti||19||

na ca tatra lokadhātau devānāṁ vā manuṣyāṇāṁ vā nānātvamasti anyatra saṁvṛtivyavahāreṇa devamanuṣyāviti saṁkhyāṁ gacchanti| tadyathā ānanda rājñaścakravartinaḥ purato manuṣyahīno manuṣyapretako na bhāsate na tapate na virocate, na ca bhavati viśārado na prabhāśvaraḥ, evameva devānāṁ paranirmitavaśavartināṁ purataḥ śakro devānāmindro na bhāsate na tapate na virocate yadidamudyānavimānavastrābharaṇairādhipatyena ṛddhyā vā prātihāryeṇa vā aiśvaryeṇa vā ānanda, sa khalu dharmābhisamayena dharmaparibhogeṇa vā| tatra ānanda yathā devāḥ parinirmitavaśavartinaḥ, evaṁ sukhāvatyāṁ lokadhātau manuṣyā draṣṭavyāḥ ||20||

tasyāṁ khalu punarānanda sukhāvatyāṁ lokadhātau pūrvāhṇakālasamaye pratyupasthite samantāccaturdiśamākulāḥ samākulā vāyavo vānti| teṣāṁ ratnavṛkṣāṇāṁ citrān darśanīyān nānāvarṇānanekavṛntān nānāsurabhidivyagandhaparivāsitān kṣobhayanti saṁkṣobhayanti īrayanti samīrayanti yato bahūni puṣpaśatāni tasyāṁ ratnamayyāṁ mahāpṛthivyāṁ prapatanti manojñagandhāni darśanīyāni| taiśca puṣpaistadbuddhakṣetraṁ samantātsaptapauruṣaṁ saṁskṛtarūpaṁ bhavati| tadyathāpi nāma puruṣaḥ kuśalaḥ pṛthivyāṁ puṣpasaṁstaraṁ saṁstṛṇuyāt, ubhābhyāṁ pāṇibhyāṁ samaṁ racayetsucitraṁ darśanīyam, evameva tadbuddhakṣetraṁ taiḥ puṣpairnānāgandhavarṇaiḥ samantātsaptapauruṣaṁ sphuṭaṁ bhavati| tāni ca puṣpajātāni mṛdūni kācilindikasukhasaṁsparśāni aupamyamātreṇa, yāni nikṣipte pāde caturaṅgulamavanamanti, utkṣipte pāde caturaṅgulamevonnamanti| nirgate punaḥ pūrvāhṇakālasamaye tāni puṣpāṇi niravaśeṣamantardhīyante| athe tadbuddhakṣetraṁ viviktaṁ ramyaṁ śubhaṁ bhavatyaparikliṣṭaiḥ pūrvapuṣpaiḥ| tataḥ punarapi samantāccaturdiśaṁ vāyavo vānti, ye pūrvavadabhinavāni puṣpāṇyabhiprakiranti| yathā pūrvāhṇe, evaṁ madhyāhnakālasamaye saṁdhyāyāṁ rātryāḥ prathame yāme madhyame yāme paścime yāme| taiśca vātairvāyadbhirnānāgandhaparivāsitaiste sattvāḥ spṛṣṭāḥ santaḥ evaṁ sukhasamarpitā bhavanti tadyathāpi nāma nirodhasamāpanno bhikṣuḥ ||21||

tasmiścānanda buddhakṣetre sarvaśo'gnisūryacandragrahanakṣatratārārūpāṇāṁ tamondhakārasya nāmadheyaprajñapraptirapi nāsti| sarvaśo rātriṁdivaṁ prajñaptirapi nāsti anyatra tathāgatavyavahārāt, sarvaśaścārāmaparigrahasaṁjñā nāsti||22||

tasyāṁ khalu punarānanda sukhāvatyāṁ lokadhātau kāle divyagandhodakameghā abhipravarṣayanti divyāni sarvavarṇikāni kusumāni, divyāni saptaratnāni, divyaṁ candanacūrṇam, divyāśchatradhvajapatākā abhipravarṣayanti| divyāni sarvavarṇikāni kusumāni, divyāni vitānāni dhriyante, divyāni cchatraratnāni sarvābharaṇānyākāśe dhriyante, divyāni vādyāni pravādyante, divyāścāpsaraso nṛtyanti ||23||

tasmin khalu punarānanda buddhakṣetre ye sattvā upapannā utpadyante utpasyante, sarve te niyatāḥ samyaktve yāvannirvāṇam| tatkasya hetoḥ? nāsti tatra dvayo rāśyorvyavasthānaṁ prajñaptirvā yadidamaniyatasya vā mithyātvaniyatasya vā| tadanenāpyānanda paryāyeṇa sā lokadhātuḥ sukhāvatītyucyate saṁkṣiptena, na punarvistareṇa | kalpo'pyānanda parikṣīyeta sukhāvatyāṁ lokadhātau sukhakāraṇeṣu parikīrtyamāneṣu, na ca teṣāṁ sukhakāraṇānāṁ śakyaṁ paryantamadhigantum ||24||

atha khalu bhagavāṁstasyāṁ velāyāmimā gāthā abhāṣata-
sarve'pi sattvāḥ sukhitā bhaveyu-
rviśuddhajñānāḥ paramārthakovidāḥ|
te kalpakoṭīmatha vāpi cottariṁ
sukhāvatīvarṇa prakāśayeyuḥ||23||

kṣaye kalpakoṭī vajre surāśca
sukhāvatīye na ca varṇasāruḥ |
kṣayaṁ na gacchetpratibhā ca teṣāṁ
prakāśayantāna tu varṇa nānāṁ ||24||

ye lokadhātū paramāṇusādṛśāṁ-
śchidyeya bhidyeya rajaśca kuryāt|
ato bahū uttari lokadhātu
pūreta dānaṁ ratanāhi dadyāt||25||

naitā kalāpi upamāpi tasya
puṇyasya bhontī pṛthulokadhātavaḥ|
ye lokadhātūya sukhāvatīye
śrutvaiva nāmaṁ bhavatīha puṇyam||26||

tato bahū puṇya bhaveta teṣāṁ
ye śraddhate jinavacanaṁ saprajñāḥ|
śraddhā hi mūlaṁ jagatasya prāptaye
tasmāddhi śrutvā vicitiṁ vinodayet||27||iti||

evamaprameyaguṇavarṇā ānanda sukhāvatī lokadhātuḥ||25||

tasya khalu punarānanda bhagavato'mitābhasya tathāgatasya daśasu dikṣu ekaikasyāṁ diśi gaṅgānadīvālukāsameṣu buddhakṣetreṣu gaṅgānadīvālukāsamā buddhā bhagavanto nāmadheyaṁ parikīrtayante, varṇaṁ bhāṣante, yaśaḥ prakāśayanti,

guṇamudīrayanti| tatkasya hetoḥ? ye kecitsattvāstasya bhagavato'mitābhasya nāmadheyaṁ śṛṇvanti, śrutvā cāntaśa ekacittotpādamapyadhyāśayena prasādasahagatena cittamutpādayanti, te sarve'vaivartikatāyāṁ santyanuttarāyāḥ samyaksaṁbodheḥ||26||

ye cānanda kecitsattvāstaṁ tathāgataṁ punaḥ satkāramanasikariṣyanti, bahvaparimitaṁ kuśalamūlamavaropayiṣyanti bodhaye cittaṁ pariṇāmya, tatra ca lokadhātāvupapattaye praṇidhāsyanti, teṣāṁ so'mitābhastathāgato'rhan samyaksaṁbuddho maraṇakālasamaye pratyupasthite'nekabhikṣugaṇaparivṛtaḥ puraskṛtaḥ sthāsyati| tataste taṁ bhagavantaṁ dṛṣṭvā prasannacittāścyutāḥ santastatraiva sukhāvatyāṁ lokadhātāvupapatsyante| yaśca ānanda ākāṅkṣeta kulaputro vā kuladuhitā vā kimityahaṁ dṛṣṭa eva dharme tamamitābhaṁ tathāgataṁ paśyeyamiti, tenānuttarāyāṁ samyaksaṁbodhau cittamutpādya adhyāśayātiśayatayā saṁtatyā tasmin buddhakṣetre cittaṁ saṁpreṣya upapattaye kuśalamūlāni ca pariṇāmayitavyāni||27||

ye punastaṁ tathāgataṁ na bhūyo manasikariṣyanti, na ca bahvaparimitaṁ kuśalamūlamabhīkṣṇamavaropayiṣyanti, teṣāṁ tādṛśenaiva so'mitābhastathāgato'rhan samyaksaṁbuddho varṇasaṁsthānārohapariṇāhena bhikṣusaṁghaparivāreṇa ca tādṛśa eva buddhinirmito maraṇakālasamaye purataḥ sthāsyati| te tenaiva tathāgatadarśanaprasādālambanena samādhinā apramuṣitayā smṛtyā cyutāstatraiva buddhakṣetre pratyājaniṣyanti||28||

ye punarānanda sattvāstaṁ tathāgataṁ daśacittotpādātsamanusmariṣyanti, spṛhāṁ ca tasmin buddhakṣetra utpādayiṣyanti, gambhīreṣu ca dharmeṣu bhāṣyamāṇeṣu tuṣṭiṁ pratilapsyante, na vipatsyante, na viṣādamāpatsyante, na saṁsadanamāpatsyante, antaśa ekacittotpādenāpi taṁ tathāgataṁ manasikariṣyanti, spṛhāṁ cotpādayiṣyanti tasmin buddhakṣetre, te'pi svapnāntaragatā amitābhaṁ tathāgataṁ drakṣyanti, sukhāvatyāṁ lokadhātāvupapatsyante, avaivartikāśca bhaviṣyantyanuttarāyāḥ samyaksaṁbodheḥ||29||

imaṁ khalvānanda arthavaśaṁ saṁpaśya tathāgatā daśasu dikṣu aprameyāsaṁkhyeyāsu lokadhātuṣu tasyāmitābhasya tathāgatasya nāmagheyaṁ parikīrtayanto varṇaṁ ghoṣayantaḥ saṁpraśaṁsāmabhyudīrayanti| tasmin khalu punarānanda buddhakṣetre daśabhyo digbhya ekaikasyāṁ diśi gaṅgānadīvālukāsamā bodhisattvāstamamitābhaṁ tathāgatamupasaṁkramanti darśanāya vandanāya paryupāsanāya paripraśnīkaraṇāya, taṁ ca bodhisattvagaṇaṁ tāṁśca buddhakṣetraguṇālaṁkāravyūhasaṁpadviśeṣān draṣṭum||30||

atha khalu bhagavāṁstasyāṁ velāyāmimamevārthaṁ bhūyasyā mātrayā paridīpayannimā gāthā abhāṣata-

yathaiva gaṅgānadīvālukāsamā
buddhāna kṣetrā amitāyunāyakam||28||

bahupuṣpapūṭī gṛhītva te
nānāvarṇaṁ surabhī manoramāṁ|
okiranti naranāyakottamaṁ
amitāyuṁ naradevapūjitam||29||

tatha dakṣiṇapaścimottarāsu
buddhāna kṣetrā daśatāsu yāttakāḥ|
yato yato āgami buddha vandituṁ
sabodhisattvā amitāyunāyakam||30||

bahugandhāpūṭī gṛhitvā
nānāvarṇa surabhī manoramāṁ |
okiranti naranāyakottamaṁ
amitāyuṁ naradevapūjitam||31||

pūjitva vā te bahubodhisattvā
vanditva pādāmamitaprabhasya|
pradakṣiṇīkṛtya vadanti caivaṁ
aho'dbhutaṁ śobhati buddhakṣetram||32||

te puṣpapūṭīhi punokiranti
udagracittā atulāya prītiye|
kāmaṁ prabhāṣanti purasta nāyake
asmāpi kṣetraṁ siya evarūpam||33||

ye puṣpapūṭā iti kṣipta tatra
chatraṁtayā saṁsthihi yojanāśatam|
svalaṁkṛtaṁ śobhati citraravato
chādante buddhasya samanta kāyam||34||

te bodhisattvā tathā satkaritvā
kathaṁ karontī iti tuṣṭa tatra|
sulabdha lābhāḥ khalu tehi sattvaiḥ
yehī śrutaṁ nāma narottamasya||35||

asmehi pī lābha sulabdhapūrvā
yadā gatāsya ima buddhakṣetram|
paśyātha svapnopama maitra kīdṛśaṁ
yatkalpitaṁ kalpasahasra śāstuḥ||36||

paśyātha buddhā vara puṇyarāśiḥ
parivṛto śobhati bodhisattvaiḥ|
amitābhasya ābhā amitā ca tejā
amitaṁ ca āyūramitaśca saṁghaḥ||37||

smitaṁ karotī amitāyunāthaṁ
ṣaṭtriṁśakoṭīnayutāna arciṣām|
ye niścaritvā mukhamaṇḍalātaḥ
sphūranti kṣetrāṇi sahasrakoṭīḥ||38||

tāḥ sarvasūrīḥ punaretya tatra
mūrdhe ca astaṁ gami nāyakasya|
devā manuṣyā janayanti prītiṁ
arcistadā asyamidāṁ viditvā||39||

uttiṣṭhate buddhasuto mahāyaśā
nātha so hi avalokiteśvaraḥ|
ko heturatra bhagavaṁ kaḥ pratyayo
yena smitaṁ kurvasi lokanātha||40||

taṁ vyākarohī yatra so'rthakovido
hitānukampī bahusattvamocakaḥ|
śrutveti vācaṁ paramāṁ manoramāṁ
udagracittā bhaviṣyanti sattvāḥ||41||

ye bodhisattvā bahulokadhātutaḥ
sukhāvatīṁ prasthita buddha paśyatāṁ|
te śrutvā prītiṁ vipulāṁ janetvā
kṣipramimaṁ kṣetra vilokayeyuḥ||42||

āgatya ca kṣetramidaṁ udāraṁ
ṛddhībalaṁ prāpuṇi kṣiprameva|
divyaṁ ca cakṣustatha śrotra divyaṁ
jātismarāḥ pāramikovidāśca||43||

amitāyu buddhastada vyākaroti
mama hyayaṁ praṇidhi babhūva pūrvam|
kathaṁ pi sattvā śruṇiyāni nāma
vrajeyu kṣetraṁ mama nityameva||44||

sa me ayaṁ praṇidhi prapūrṇa śobhanā
sattvāśca ebhi bahulokadhātutaḥ|
āgatya kṣipraṁ mama antikasmiṁ
avaivartikā bhontiha ekajātiyā||45||

tasmādya icchatiha bodhisattvaḥ
mamāpi kṣetraṁ siya evarūpam|
ahaṁ pi sattvān bahu mocayeyaṁ
nāmena ghoṣeṇa tha darśanena||46||

sa śīghraśīghraṁ tvaramāṇarūpaḥ
sukhāvatīṁ gacchatu lokadhātum|
gattvā ca pūrvamamitaprabhasya
pūjetu buddhāna sahasrakoṭīḥ||47||

buddhāna koṭī bahu pūjayitvā
ṛddhībalena bahu kṣetra gattvā|
kṛtvāna pūjāṁ sugatāna santike
bhaktyā gamiṣyanti sukhāvatītaḥ|| 48|| iti|| 31||

tasya khalu punarānanda amitāyuṣastathāgatasyārhataḥ samyaksaṁbuddhasya bodhivṛkṣaḥ| sa daśa yojanaśatānyuccaistvena, aṣṭau yojanaśatānyabhipralambitaśākhāpatrapalāśaḥ pañcayojanaśatamūlārohapariṇāhaḥ

sadāpatraḥ sadāpuṣpaḥ sadāphalo nānāvarṇo'nekaśatasahasravarṇo nānāpatro nānāpuṣpo nānāphalo nānāvicitrabhūṣaṇasamalaṁkṛtaścandrabhāsamaṇiratnaparisphuṭaḥ śakrābhilagnamaṇiratnavicitritaścintāmaṇiratnākīrṇaḥ sāgaravaramaṇiratnasuvicitrito divyasamatikrāntaḥ svarṇasūtrābhipralambito rucakahārāratnahāravatsahārakaṭakahāralohitamuktāhāranīlamuktāhārasiṁhalatāmekhalākalāparatnasūtrasarva-ratnavastuśatābhivicitritaḥ svarṇajālamuktājālasarvaratnajālakiṅkiṇījālatato makarasvastikanandyāvartacandrasamalaṁkṛtaḥ kiṅkiṇīmaṇijālasauvarṇasarvaratnālaṁkāravibhūṣito yathāśayasattvavijñaptisamalaṁkṛtaśca| tasya khalu punarānanda bodhivṛkṣasya vātasamīritasya yaḥ śabdo ghoṣo niścarati so'parimāṇā□llokadhātūn vijñāpayati| tatrānanda yeṣāṁ sattvānāṁ sa bodhivṛkṣaḥ śrotrāvabhāsamāgacchati, teṣāṁ śrotrarogo na pratikāṅkṣitavyo yāvadbodhiparyantam| yeṣāmaprameyāsaṁkhyeyācintyātulyāmāpyāparimāṇānabhilāpyānāṁ sattvānāṁ sa bodhivṛkṣaścakṣuṣa ābhāsamāgacchati, teṣāṁ cakṣūrogo na pratikāṅkṣitavyo yāvadbodhiparyantam| ye khalu punarānanda sattvāstato bodhivṛkṣādgandhaṁ jighranti, teṣāṁ yāvadbodhiparyantaṁ na jātu ghrāṇaroagaḥ pratikāṅkṣitavyaḥ| ye sattvāstato bodhivṛkṣatphalānyāsvādayanti, teṣāṁ yāvadbodhiparyantaṁ na jātu jihvārogaḥ pratikāṅkṣitavyaḥ| ye sattvāstasya bodhivṛkṣasyābhayā sphuṭā bhavanti, teṣāṁ yāvadbodhiparyantaṁ na jātu kāyarogaḥ pratikāṅkṣitavyaḥ| ye ca khalu punarānanda sattvāstaṁ bodhivṛkṣaṁ dharmato nidhyāyanti, teṣāṁ tata upādāya yāvadbodhiparyantaṁ na jātu cittavikṣepaḥ pratikāṅkṣitavyaḥ| sarve ca te sattvāḥ sahadarśanāttasya bodhivṛkṣasyāvaivartikāḥ saṁtiṣṭhante yadutānuttarāyāḥ samyaksaṁbodheḥ| tisraśca kṣāntīḥ pratilabhante yadidaṁ ghoṣānugāmanulomikīmanutpattikadharmakṣāntiṁ ca tasyaivāmitāyuṣastathāgatasya pūrvapraṇidhānādhiṣṭhānena pūrvajinakṛtādhikāratayā pūrvapraṇidhānaparicaryayā ca susamāpyayā subhāvitayānūnāvikalatayā||32||

tatraiva khalu punarānanda ye bodhisattvāḥ pratyājātāḥ pratyājāyante pratyājaniṣyante vā, sarve te ekajātipratibaddhāstata evānuttarāṁ samyaksaṁbodhimabhisaṁbhotsyante sthāpayitvā praṇidhānavaśaṁ ye te bodhisattvā mahāsiṁhanādanādina udārasaṁnāhasaṁnaddhāḥ sarvasattvaparinirvāṇābhiyuktāśca||33||

tasmina khalu punarānanda buddhakṣetre ye śrāvakānte vyāmaprabhāḥ, te bodhisattvāste yojanakoṭīśatasahasraprabhāḥ, sthāpayitvā dvau bodhisattvau yayoḥ prabhayā sā lokadhātuḥ satatasamitaṁ nityāvabhāsasphuṭā| atha khalvāyuṣmānānando bhagavantametadavocat-kiṁnāmadheyau bhagavaṁstau bodhisattvau mahāsattvau? bhagavānāha-ekastayorānanda avalokiteśvaro bodhisattvo mahāsattvaḥ dvitīyo mahāsthāmaprāpto nāma| ita eva cānanda buddhakṣetrāccyutā tau tatropapannau||34||

tatra cānanda buddhakṣetre ye bodhisattvāḥ pratyājātāḥ, sarve te dvātriṁśanmahāpuruṣalakṣaṇasamanvāgatāḥ paripūrṇagātrā dhyānābhijñākovidāḥ prajñāprabhedakuśalāstīkṣṇendriyāḥ susaṁvṛtendriyā ājñātāvīndriyā adīnābalendriyāḥ pratilambhakṣāntikā anantāparyantaguṇāḥ||35||

tasmin khalu punarānanda buddhakṣetre ye bodhisattvā pratyājātāḥ, sarve te'virahitā buddhadarśanenāvinipātadharmāṇo yāvadbodhiparyantam| sarve te tata

upādāya na jātu jātismarā bhaviṣyanti sthāpayitvā tathārūpeṣu kalpasaṁkṣobheṣu ye pūrvasthānapraṇihitāḥ pañcasu kaṣāyeṣu vartamāneṣu yadā buddhānāṁ bhagavatāṁ loke prādurbhāvo bhavati tadyathāpi nāma mamaitarhi||36||

tasmin khalu punarānanda buddhakṣetre ye bodhisattvāḥ pratyājātāḥ, sarve te ekapurobhaktenānyā□llokadhātūn gatvā anekāni buddhakoṭīniyutaśatasahasrāṇyupatiṣṭhanti yāvadākāṅkṣanti buddhānubhāvena| te yathā yathā cittamutpādayanti evamevaṁrūpaiḥ puṣpadhūpadīpagandhamālyavilepanacūrṇacīvaracchatradhvajapatākāvaijayantītūryasaṁgītivādyaiḥ pūjāṁ kuryāma iti, teṣāṁ sahacittotpādāttathārūpāṇi ca sarvapūjāvidhānāni pāṇau prādurbhavanti| te taiḥ puṣpairyāvadvādyaisteṣu buddheṣu bhagavatsu pūjāṁ kurvanto bahvaparimāṇāsaṁkhyeyaṁ kuśalamupacinvanti| sacetpunarākāṅkṣanti evaṁrūpāḥ puṣpapuṭāḥ pāṇau prādurbhavantviti, teṣāṁ sahacittotpādānnānāvarṇā anekavarṇā nānāgandhā divyāḥ puṣpapuṭāḥ pāṇau prādurbhavanti| te taistathārūpaiḥ puṣpapuṭaistān buddhān bhagavato'vakiranti abhyavakiranti abhiprakiranti| teṣāṁ ca yaḥ sarvaparītaḥ puṣpapuṭa utsṛṣṭaḥ sa daśayojanavistaraṁ puṣpacchatraṁ prādurbhavati uparyantarīkṣe| dvitīye cānutsṛṣṭe na prathamo dharaṇyāṁ prapatati| santi tatra puṣpapuṭā ya utsṛṣṭāḥ santo viṁśatiyojanavistārāṇi puṣpacchatrāṇyuparyantarīkṣe prādurbhavanti| santi triṁśaccatvāriṁśatpañcāśadyojanavistārāṇi, santi yāvadyojanaśatasahasravistārāṇi puṣpacchatrāṇyuparyantarīkṣe prādurbhavanti|

tatra ye udāraṁ prītiprāmodyaṁ saṁjanayanti, udāraṁ ca cittaudvilyaṁ pratilabhante, te bahvaparimitamasaṁkhyeyaṁ kuśalamūlamavaropya bahūni ca buddhakoṭīniyutaśatasahasrāṇyupasthāya ekapūrvāhṇena punarapi sukhāvatyāṁ lokadhātau pratiṣṭhante tasyaivāmitāyuṣastathāgatasya pūrvapraṇidhānādhiṣṭhānaparigraheṇa pūrvadattadharmaśravaṇena pūrvajināvaropitakuśalamūlatayā pūrvapraṇidhānasamṛddhiparipūryātmabhūtayā suvibhaktabhāvitayā||37||

tasmin khalu punarānanda buddhakṣetre ye sattvāḥ pratyājātāḥ, sarve te sarvajñatāsahagatāmeva dharmakathāṁ kathayanti| na ca tatra buddhakṣetre sattvānāṁ kācitparigrahasaṁjñāsti| te sarve ca tadbuddhakṣetramanucaṁkramamāṇā anuvicaranto na ratiṁ nāratimutpādayanti| prakrāmantaścānapekṣāḥ, na ca prakrāmanti sāpekṣāḥ| sarvasattveṣāmeva cittaṁ nāsti | tatra khalu punarānanda sukhāvatyāṁ lokadhātau ye sattvāḥ pratyājātāḥ, nāsti teṣāmanyatamakasaṁjñā, nāsti svakasaṁjñā, nāstyasamasaṁjñā, nāsti vigrahaḥ, nāsti vivādaḥ, nāsti virodhaḥ| samacittā maitracittā mṛducittāḥ snigdhacittāḥ karmaṇyacittāḥ prasannacittāḥ sthiracittā vinīvaraṇacittā akṣubhitacittā alulitacittāḥ prajñāpāramitācaryācaraṇacittāścittādhārabuddhipraviṣṭāḥ| sāgarasamāḥ prajñayā, merusamā buddhyā, anekaguṇasaṁnicayāḥ, bodhyaṅgasaṁgītyā vikrīḍitāḥ, buddhasaṁgītyabhiyuktā māṁsacakṣuḥ pravicinvanti, divyaṁ cakṣurabhinirharanti, prajñācakṣurgatiṁgatā dharmacakṣuḥpāragatā buddhacakṣurniṣpādayanto darśayanto dyotayanto vistareṇa prakāśayanto'saṅgajñānamabhinirharanti| traidhātukasamatāyāmabhiyuktā dāntacittāḥ śāntacittāḥ sarvadharmadhātūpalabdhisamanvāgatāḥ samudayaniruktikuśalā dharmaniruktisamanvāgatā hārāhārakuśalā nayānayakuśalāḥ sthānakuśalā laukikīṣu kathāsvanapekṣā viharanti| lokottarābhiḥ kathābhiḥ sāraṁ pratyayanti| sarvadharmaparyeṣṭikuśalāḥ sarvadharmaprakṛtivyupaśamajñānavihāriṇo'nupalambhagocarā niṣkiṁcanā nirupādānā niścintā nirupadhayo'nupādāya suvimuktā anaṅgaṇā aparyasthāyino'bhijñāsu

amūlasthāyino'saṅgācārikā anavalīnā gambhīreṣu dharmeṣvabhiyuktā na saṁsīdanti dūranubodhabuddhajñānapraveśodgatā ekāyanamārgānuprāptā nirvicikitsāstīrṇakathaṁkathā aparapratyayajñānā anadhimāninaḥ| sumerusamā jñānābhyudgatāḥ| sāgarasamā buddhyakṣobhyāḥ| candrasūryaprabhātikrāntāḥ prajñābhayā pāṇḍarasuśuklaśuddhaśubhacittatayā ca| uttaptahemavarṇasadṛśā avabhāsanirbhāsatayā ca| vasuṁdharāsadṛśāḥ sarvasattvaśubhāśubhakṣamaṇatayā| apsadṛśāḥ sarvakleśamūlanirdhāvanapravāhaṇatayā ca| agnirājasadṛśāḥ sarvadharmamanyanākleśanirdahanatayā| vāyusadṛśāḥ sarvalokāsañjanatayā| ākāśasadṛśāḥ sarvadharmanairvedhikatayā sarvaśo niṣkiṁcanatayā ca| padmasadṛśāḥ sarvalokānupaliptatayā| kālānusārimahāmeghasadṛśā dharmābhigarjanatayā| mahāvṛṣṭisadṛśā dharmasalilābhipravarṣaṇatayā| ṛṣabhasadṛśā mahāgaṇābhibhavanatayā| mahānāgasadṛśāḥ paramasudāntacittatayā| bhadrāśvājāneyasadṛśāḥ suvinītatayā| siṁhamṛgarājasadṛśā vikramavaiśāradyāsaṁtrastatayā| nyagrodhadrumarājasadṛśāḥ sarvasattvaparitrāṇatayā| parvatarājasadṛśāḥ sarvaparapravādyakampanatayā| gaganasadṛśā aparimāṇamaitrīprabhāvanatayā| mahābrahmasamāḥ sarvakuśalamūladharmādhipatyapūrvaṁgamatayā| pakṣisadṛśā asaṁnicayasthānatayā| garuḍadvijarājasadṛśāḥ sarvaparapravādividhvaṁsanatayā| udumbarapuṣpasadṛśā durlabhāpratyarthitayā| nāgavatsusamāhitā avikṣiptājihmendriyatayā| viniścayakuśalāḥ kṣāntisaurabhyabahulāḥ| anīrṣukāḥ parasaṁpattyaprārthanatayā| viśāradā dharmakathā svatṛptā dharmaparyeṣṭayā| vaiḍūryasadṛśāḥ śīlena| ratnākarāḥ śrutena| mañjusvarā mahādharmadundubhinirghoṣeṇa| mahādharmabherīṁ parāghnanto mahādharmaśaṅkhamāpūrayanto mahādharmadhvajamucchrāpayanto dharmolkāṁ prajvālayantaḥ prajñāvilokino'saṁmūḍhā nirdoṣāḥ śāntakhilāḥ śuddhā nirāmagandhā alubdhāḥ saṁvibhāgaratā muktatyāgāḥ prasṛtapāṇayo dānasaṁvibhāgaratā dharmāmiṣābhyāṁ dāne'matsariṇo'saṁsṛṣṭā urtrastamānasā viraktā dhīrā dhaureyā dhṛtimanto hrīmantaḥ suvyūḍhasattvā nirgāḍhāḥ prāptābhijñāḥ suratāḥ sukhasaṁvāsā arthakarā lokapradyotā nāpadāgantuṁ dhīrā rāgaṁ tamaḥ pranekasvaṣṭhaḥ(?) śokāpagatā nirmalā nimeṣaprahīṇā vikrīḍitābhijñā hetubalikāḥ praṇidhānabalikā ajihmā akuṭilā ete lakṣakoṭīniyutaśatasahasrāvaropitakuśalamūlā utpāṭitamānaśalyā apagatarāgadveṣamohāḥ śuddhāḥ śuddhādhimuktā jinabalapraśastā lokapaṇḍitā uttaptajñānasamudāgatā jinasutāścittaudbilyasamanvāgatāḥ śūrā dṛḍhā amamā akhilā atulā arajaskāḥ sahitā udārā ṛṣabhā hrīmanto dhṛtimantaḥ smṛtimanto matimanto gatimantaḥ prajñāśastrapraharaṇā puṇyavanto dyutimanto vyapagatakhilā malaprahīṇāḥ smṛtiyuktāḥ śāntajñānālambhāḥ| īdṛśā ānanda tasmin buddhakṣetre sattvāḥ saṁkṣiptena ca| vistareṇa punaḥ sacetkalpakoṭīniyutaśatasahasrasthitikenāpyāyuṣpramāṇena tathāgatā nirdiśyeran, naiva śakyaṁ teṣāṁ satpuruṣāṇāṁ guṇaparyantamadhigantum, na ca tathāgatasya vaiśāradyopacchedo bhavet| tatkasya hetoḥ? ubhayamapyeva ānanda acintyamatulyaṁ yadidaṁ teṣāṁ bodhisattvānāṁ guṇāstathāgatasya cānuttaraprajñāpratibhānam||38||

api cānanda uttiṣṭha, paścānmukhībhūtvā puṣpāvakīrṇāñjalīṁ pragṛhya praṇipata| eṣā sā dig yatra sa bhagavānamitābhastathāgato'rhan samyaksaṁbuddhastiṣṭhati dhriyate yāpayati, dharmaṁ ca deśayati virajo viśuddhaṁ yasya tannāmadheyamanāvaraṇe daśadiśi loke vighuṣṭam ekaikasyāṁ diśi gaṅgānadīvālukāsamā buddhā bhagavanto varṇayanti stuvanti praśaṁsantyasakṛdasakṛdasaṅgavācāprativākyāḥ| evamukte āyuṣmānānando bhagavantametadavocat-icchāmyahaṁ bhagavaṁstamamitābhamamitaprabhamamitāyuṣaṁ tathāgatamarhantaṁ

samyaksaṁbuddhaṁ draṣṭum, tāṁśca bodhisattvān mahāsattvān bahubuddhakoṭīniyutaśatasahasrāvaropitakuśalamūlān| samanantarabhāṣitā āyuṣmatānandeneyaṁ vāk, atha tāvadeva so'mitābhastathāgato'rhan samyaksaṁbuddhaḥ svapāṇitalāttathārūpaṁ raśmiṁ prāmuñcadyadidaṁ koṭīniyutaśatasahasratamaṁ buddhakṣetraṁ mahatāvabhāsena sphuṭamabhūt| tena khalu punaḥ samayena sarvatra koṭīśatasahasrabuddhakṣetrāṇāṁ ye kecitkālaparvatā vā ratnaparvatā vā merumahāmerumucilindamahāmucilindacakravālamahācakravālā vā citayo vā stambhā vā vṛkṣagahanodyānavimānāni divyamanuṣyakāṇi, tāni sarvāṇi tasya tathāgatasya tayā prabhayābhinirbhinnānyabhūvan samabhibhūtāni| tadyathāpi nāma puruṣo vyāmamātrake'nvito dvitīyaṁ puruṣaṁ pratyavekṣedāditye'bhyudgate, evamevāsmin buddhakṣetre bhikṣubhikṣuṇyupāsakopāsikādevanāgayakṣarākṣasagandharvāsuragaruḍakinnaramaho ragamanuṣyāmanuṣyāśca tasyāṁ velāyāmadrākṣustamamitābhaṁ tathāgatamarhantaṁ samyaksaṁbuddhaṁ sumerumiva parvatarājaṁ sarvakṣetrābhyudgataṁ sarvā diśo'bhibhūya bhāsamānaṁ tapantaṁ virocamānaṁ vibhrājamānam, taṁ ca mahāntaṁ bodhisattvagaṇaṁ taṁ ca bhikṣusaṁghaṁ yadidaṁ buddhānubhāvena tasyāḥ prabhāyāḥ pariśuddhatvāt| tadyatheyaṁ mahāpṛthivī ekodakajātā bhavet, tatra na vṛkṣā na parvatā na dvīpā na tṛṇagulmauṣadhivanaspatayo na nadīśvabhraprapātāḥ prajñāpayeran, anyatraikārṇavībhūtā mahāpṛthivyekā syāt, evameva tasmin buddhakṣetre nāstyanyatkiṁcilliṅgaṁ vā nimittaṁ vā anyatraiva vyāmaprabhāḥ śrāvakāste ca yojanakoṭīśatasahasraprabhā bodhisattvāḥ| sa ca bhagavānamitābhastathāgato'rhan samyaksaṁbuddhastaṁ ca śrāvakagaṇaṁ taṁ ca bodhisattvagaṇamabhibhūya sarvā diśaḥ prabhāsayan saṁdṛśyate| tena khalvapi samayena tasyāṁ sukhāvatyāṁ lokadhātau bodhisattvāḥ śrāvakadevamanuṣyāśca sarve te imāḥ sahālokadhātuṁ śākyamuniṁ ca tathāgatamarhantaṁ samyaksaṁbuddhamarhatā bhikṣusaṁghena parivṛtaṁ paśyanti sma dharmaṁ deśayantam||39||

tatra khalu bhagavānajitaṁ bodhisattvaṁ mahāsattvamāmantrayate sma-paśyasi tvamajita amuṣmina buddhakṣetre guṇālaṁkāravyūhasaṁpadam? upariṣṭāccāntarīkṣe ārāmaramaṇīyānyudyānaramaṇīyāni nadīpuṣkariṇīramaṇīyāni nānāratnapadmotpalakumudapuṇḍarīkākīrṇāni? adhastācca dharaṇītalamupādāya yāvadakaniṣṭhabhavanādgaganatalaṁ puṣpābhikīrṇaṁ puṣpāvalisamupaśobhitaṁ nānāratnastambapaṅktiparisphuṭaṁ tathāgatābhinirmitanānādvijasaṁghaniṣevitam? ajito bodhisattva āha-paśyāmi bhagavan| bhagavānāha- paśyasi punastvamajita etānamarān dvijasaṁghān sarvabuddhakṣetraṁ buddhasvareṇābhivijñāpayantaṁ yenaite bodhisattvā nityamavirahitā buddhānusmṛtyā? ajita āha- paśyāmi bhagavan| bhagavānāha- paśyasi punastvamajita atra buddhakṣetre'mūn sattvān yojanaśatasahasrikeṣu vimāneṣvabhirūḍhānantarīkṣe sasatkārān krāmantaḥ? ajita āha-paśyāmi bhagavan| bhagavānāha- tatkiṁ manyase ajita asti kiṁcinnānātvaṁ devānāṁ paranirmitavaśavartināṁ sukhāvatyāṁ lokadhātau manuṣyāṇāṁ vā? ajita āha-ekamapyahaṁ bhagavan nānātvaṁ na samanupaśyāmi yāvanmaharddhikā atra sukhāvatyāṁ lokadhātau manuṣyāḥ| bhagavānāha-paśyasi punastvamajita tatra sukhāvatyāṁ lokadhātāveteṣāṁ manuṣyāṇāmudāreṣu padmeṣu garbhāvāsam? āha-tadyathāpi nāma devāstrāyastriṁśā devā yāmā vā pañcāśadyojanikeṣu vā yojanaśatikeṣu vā pañcayojanaśatikeṣu vā vimāneṣu praviṣṭāḥ krīḍanti ramanti paricārayanti, evamevāhaṁ bhagavan atra sukhāvatyāṁ lokadhātāveteṣāṁ manuṣyāṇāmudāreṣu padmeṣu garbhāvāsaṁ paśyāmi||40||

santi khalu punaratra bhagavan sattvā ya aupapādukāḥ padmeṣu paryaṅkaiḥ prādurbhavanti| tatko'tra bhagavan hetuḥ kaḥ pratyayo yadanye garbhāvāsaṁ prativasanti, anye punaraupapādukāḥ padmeṣu paryaṅkaiḥ prādurbhavanti? bhagavānāha-ye te ajita bodhisattvā anyeṣu buddhakṣetreṣu sthitāḥ sukhāvatyāṁ lokadhātāvupapattaye vicikitsāmutpādayanti, tena cittena kuśalamūlānyavaropayanti, teṣāmatra garbhāvāso bhavati| ye punarnirvicikitsāmutpādya cchinnakāṅkṣāḥ sukhāvatyāṁ lokadhātāvupapattaye kuśalamūlānyavaropayanti, buddhānāṁ bhagavatāmasaṅgajñānamevākalpayanti abhiśraddadhati adhimucyante, te aupapādukāḥ padmeṣu paryaṅkaiḥ prādurbhavanti| ye te ajita bodhisattvā mahāsattvā anyatra buddhakṣetreṣu sthitāścittamutpādayanti amitābhasya tathāgatasyārhataḥ samyaksaṁbuddhasya darśanāya, na vicikitsāmutpādayanti, na kāṅkṣanti asaṅgaṁ buddhajñānam, svakuśalamūlaṁ cābhiśraddadhati, teṣāmaupapādukānāṁ paryaṅkaiḥ prādurbhūtānāṁ muhūrtamātreṇa evaṁrūpaḥ kāyo bhavati tadyathānyeṣāṁ ciropapannānāṁ sattvānām| paśya ajita prajñāviśeṣaṁ prajñāvaimātryaṁ prajñāparihāṇiṁ prajñāparīttatām-yattu hitāya pañcavarṣaśatāni parihīṇā bhavanti buddhadarśanādbodhisattvadarśanāddharmaśravaṇāddharmasaṁkathanāt| kuśalamūlacaryāyāḥ parihīṇā bhavanti sarvakuśalamūlasaṁpattibhiḥ yadidaṁ vicikitsāpatitaiḥ saṁjñāmanasikāraiḥ| tadyathāpi nāma ajita rājñaḥ kṣatriyasya mūrdhābhiṣiktasya bandhanāgāraṁ bhavetsarvasauvarṇavaiḍūryapratyuptamavasaktapaṭṭamālyadāmakalāpaṁ nānāraṅgavibhavavitānaṁ dūṣyapaṭṭasaṁchannaṁ nānāpuṣpakusumābhikīrṇamudāradhūpanirdhūpitaṁ prāsādaharmyaniryūhagavākṣavedikātoraṇavicitraṁ saptaratnaṁ kiṅkiṇījālasaṁchannaṁ caturasraṁ catuḥsthūṇaṁ caturdvāraṁ catuḥsopānam| tatra tasya sa rājñaḥ putraḥ kenacideva kṛtyena prakṣipya jāmbūnadasuvarṇamayairnigaḍairbaddho bhavati| tasya ca tatra paryaṅkaḥ prajñaptaḥ syādanekagoṇikāstīrṇastūlikāparṇakāstīrṇaḥ kāliṅgaprāvaraṇapratyāstaraṇasottarapadacchada ubhayāntalohitopadhānaścitro darśanīyaḥ| sa tatra tadābhiṣaṇṇo vā abhisaṁpanno vā bhavet| bahu cāsyānekavidhaṁ śuci vinītaṁ pānabhojanaṁ tatropanāmyeta| tatkiṁ manyase ajita udārastasya rājaputrasya sa paribhogo bhavet? ajita āha-udāro bhagavan| bhagavānāha- tatkiṁ manyase ajita api tvāsvādayettatra niśāmayecca, tena vā tuṣṭiṁ vidyāt? āha-no hīdaṁ bhagavan| api tu khalu punaryadyapanītya rājñā tatra bandhanāgāre prakṣipto bhavet, sa tato mokṣamevākāṅkṣet| abhijātān kumārānamātyān stryāgārān śreṣṭhino gṛhapatīn koṭṭarājāṁśca paryeṣayet, ya enaṁ tato bandhanāgārātparimocayeyuḥ| kiṁcāpi bhagavaṁstasya rājakumārasya tatra bandhānāgāre nābhiratiḥ, nātra parimucyate, yāvanna rājā prasādamupadarśayati| bhagavānāha-evameva ajita ye te bodhisattvā vicikitsāpatitāḥ kuśalamūlānyavaropayanti, kāṅkṣati buddhajñānam, kiṁcāpi tena buddhanāmaśravaṇena tena ca cittaprasādamātreṇa atra sukhāvatyāṁ lokadhātāvupapadyante, na tu khalvaupapādukāḥ padmeṣu paryaṅkaiḥ prādurbhavanti, api tu padmeṣu garbhāvāsaṁ prativasanti| kiṁcāpi teṣāṁ tatrodyānavimānasaṁjñāḥ saṁtiṣṭhante, nāstyuccāraprasrāvam, nāsti kheṭasiṁhāṇakam, na pratikūlaṁ manasaḥ pravartate, api tu khalu punaḥ pañca varṣaśatāni virahitā bhavanti buddhadarśanena dharmaśravaṇena bodhisattvadarśanena dharmasāṁkathyaviniścayena sarvakuśalamūlena dharmacaryābhiśca| kiṁcāpi te tatra nābhiramante na tuṣṭiṁ vijānanti, api tu khalu punaḥ pūrvāparān kṣapayitsate bhūyastataḥ paścānniskrāmanti| na caiṣāṁ tato niṣkrāmatāṁ niṣkramaḥ prajñāyate ūrdhvamadhastiryagvā| paśya ajita etarhi nāma pañcabhirvarṣaśatairbahūni buddhakoṭīniyutaśatasahasropasthānāni syurbahvaparimāṇāsaṁkhyeyāprameyāṇi ca kuśalamūlānyavaropayitavyāni| tatsarvaṁ

vicikitsādoṣeṇa vināśayanti| paśya ajita kiyanmahate'narthāya bodhisattvānāṁ vicikitsā saṁvartata iti| tasmāttarhi ajita bodhisattvairnirvicikitsairbodhaye cittamutpādya kṣipraṁ sarvasattvahitasukhādhānāya sāmarthyapratilambhārthaṁ sukhāvatyāṁ lokadhātāvupapattaye kuśalamūlāni pariṇāmayitavyāni, yatra bhagavānamitābhastathāgato'rhan samyaksaṁbuddhaḥ||41||

evamukte ajito bodhisattvo bhagavantametadavocat-kiṁ punarbhagavan bodhisattvā ito buddhakṣetrātpariniṣpannā anyeṣāṁ vā buddhānāṁ bhagavatāmantikātsukhāvatyāṁ lokadhātāvupapatsyante? bhagavānāha-ito hyajita buddhakṣetrād dvāsaptatikoṭīniyutāni bodhisattvānāṁ pariniṣpannāni yāni sukhāvatyāṁ lokadhātāvupapatsyante pariniṣpannānāmavaivartikānāṁ bahubuddhakoṭīniyutaśatasahasrāṇyavaropitaiḥ kuśalamūlaiḥ, kaḥ punarvādastataḥ parīttataraiḥ kuśalamūlaiḥ duṣprasahasya tathāgatasyāntikādaṣṭādaśakoṭīniyutaśatāni bodhisattvānāṁ sukhāvatyāṁ lokadhātāvupapatsyante| pūrvāntare digbhāge ratnākaro nāma tathāgato viharati| tasyāntikānnavatibodhisattvakoṭyaḥ sukhāvatyāṁ lokadhātāvupapatsyante| jyotiṣprabhasya tathāgatasyāntikāddvāviṁśatibodhisattvakoṭyaḥ sukhāvatyāṁ lokadhātāvupapatsyante| amitaprabhasya tathāgatasyāntikātpañcaviṁśatibodhisattvakoṭyaḥ sukhāvatyāṁ lokadhātāvupapatsyante| lokapradīpasya tathāgatasyāntikātṣaṣṭibodhisattvakoṭyaḥ sukhāvatyāṁ lokadhātāvupapatsyante| nāgābhibhuvastathāgatasyāntikāccatuḥṣaṣṭirbodhisattvakoṭyaḥ sukhāvatyāṁ lokadhātāvupapatsyante| virajaḥprabhasya tathāgatasyāntikātpañcaviṁśatibodhisattvakoṭyaḥ sukhāvatyāṁ lokadhātāvupapatsyante| siṁhasya tathāgatasyāntikātṣoḍaśabodhisattvakoṭyaḥ sukhāvatyāṁ lokadhātāvupapatsyante| siṁhasya tathāgatasyāntikādaṣṭādaśabodhisattvasahasrāni sukhāvatyāṁ lokadhātāvupapatasyante| śrīkūṭasya tathāgatasyāntikādekāśītibodhisattvakoṭīniyutāni sukhāvatyāṁ lokadhātāvupapatsyante| narendrarājasya tathāgatasyāntikāddaśabodhisattvakoṭīniyutāni sukhāvatyāṁ lokadhātāvupapatsyante| balābhijñasya tathāgatasyāntikāddvādaśabodhisattvasahasrāṇi sukhāvatyāṁ lokadhātāvupapatsyante| puṣpadhvajasya tathāgatasyāntikātpañcaviṁśatirvīryaprāptā bodhisattvakoṭya ekaprasthānaprasthitā ekenāṣṭāhena navatikalpakoṭīniyutaśatasahasrāṇi paścānmukhīkṛtya sukhāvatyāṁ lokadhātāvupapatsyante| jvalanādhipatestathāgatasyāntikāddvādaśabodhisattvakoṭyaḥ sukhāvatyāṁ lokadhātāvupapatsyante| vaiśāradyaprāptasya tathāgatasyāntikādekonasaptatibodhisattvakoṭyaḥ sukhāvatyāṁ lokadhātāvupapatsyante amitābhasya tathāgatasya darśanāya vandanāya paryupāsanāya paripṛcchanāya paripraśnīkaraṇāya| etena ajita paryāyeṇa paripūrṇakalpakoṭīniyutaṁ nāmadheyāni parikīrtayeyaṁ teṣāṁ tathāgatānāṁ yebhyaste bodhisattvā upasaṁkrāmanti sukhāvatyāṁ lokadhātau tamamitābhaṁ tathāgataṁ draṣṭuṁ vanditu paryupāsitum, na śakyaśca paryanto'dhigantum||42||

paśya ajita kiyatsulabdhalābhāste sattvā ye'mitābhasya tathāgatasyārhataḥ samyaksaṁbuddhasya nāmadheyaṁ śroṣyanti| nāpi te sattvā hīnādhimuktikā bhaviṣyanti ye'ntaśaekacittaprasādamapi tasmiṁstathāgate'bhilapyante, asmiṁśca dharmaparyāye| tasmāttarhi ajita ārocayāmi vaḥ, prativedayāmi sadevakasya lokasya purato'sya dharmaparyāyasya śrāvaṇāya| trisāhasramahāsāhasramapi lokadhātumagnipūrṇamavagāhya atikramaikacittotpādamapi pratisāro na kartavyaḥ| tatkasya hetoḥ? bodhisattvakoṭyo hyajita aśravaṇādeṣāmevaṁrūpāṇāṁ

dharmaparyāyāṇāṁ vivartante'nuttarāyāḥ samyaksaṁbodheḥ| tasmādasya dharmaparyāyasyādhyāśayena śravaṇodgrahaṇadhāraṇārthaṁ paryāvāptaye vistareṇa saṁprakāśāya bhāvanārthaṁ ca sumahadvīryamārabdhavyam| antaśa ekarātriṁdinamapi, ekagodohamātramapi, antaśaḥ pustakāvaropitaṁ kṛtvā sulikhito dhārayitavyaḥ| śāstṛsaṁjñā ca tatropādhyāye kartavyā ya icchati kṣipramaparimitān sattvānavaivartikatve'nuttarāyāḥ samyaksaṁbodheḥ pratiṣṭhāpayitum, tacca tasya bhagavato'mitābhasya tathāgatasya buddhakṣetraṁ draṣṭum, ātmanaśca viśiṣṭāṁ buddhakṣetraguṇālaṁkāravyūhasaṁpadaṁ parigrahītumiti| api tu khalu ajita atyarthaṁ sulabdhalābhāste sattvā avaropitakuśalamūlāḥ pūrvajinakṛtādhikārā buddhādhiṣṭhitāśca bhaviṣyanti, yeṣāmanāgate'dhvani yāvatsaddharmavipralope vartamāne ime evaṁrūpā udārā dharmaparyāyāḥ sarvabuddhasaṁvarṇitāḥ sarvabuddhapraśastāḥ sarvabuddhānujñātā mahataḥ sarvajñajñānasya kṣipramāhārakāḥ śrotrāvabhāsamāgamiṣyanti| ye śrutvā codāraprītiprāmodyaṁ pratilapsyanta udgrahīṣyanti dhārayiṣyanti vācayiṣyanti paryavāpsyanti parebhyo vistareṇa saṁprakāśayiṣyanti, bhāvanābhiratāśca bhaviṣyanti, antaśo likhitvā pūjayiṣyanti, bahu ca te puṇyaṁ prasaviṣyanti, yasya na sukarā saṁkhyā kartum| iti hi ajita yattathāgatena kartavyam, kṛtaṁ mayā| yuṣmābhiridānīṁ nirvicikitsāyogaḥ karaṇīyaḥ| mā saṁśayata asaṅgamanāvaraṇaṁ buddhajñānam| mā bhūtsarvākārāvaropitaratnamaye bandhanāgāre praveśaḥ| durlabho hi ajita buddhotpādaḥ| durlabhā dharmadeśanā| durlabhā kṣaṇasaṁpat| ākhyātā ca ajita mayā sarvakuśalamūlapāramitāprāptiḥ| yūyamidānīmabhiyujyata pratipadyadhvam| asya khalu punarajita dharmaparyāyasya mahatīṁ parīndanāṁ karomi| avipraṇāśāya buddhadharmāṇāmanantardhānāya parākramiṣyatha | mā tathāgatājñāṁ kṣobhayiṣyatha ||43||

atha khalu punarbhagavāṁstasyāṁ velāyāmimā gāthā abhāṣata-
na me akṛtapuṇyānāṁ śravā bheṣyanti īdṛśāḥ|
ye tu te śūra siddhārthāḥ śroṣyanti ca imāṁ giram||49||

dṛṣṭo yaiśca hi saṁbuddho lokanāthaḥ prabhaṁkaraḥ||
sagauravaiḥ śruto dharmaḥ prītiṁ prāpsyanti te parām||50||

na śakta hīnehi kusīdadṛṣṭibhiḥ
buddhāna dharmeṣu prasāda vinditum|
ye buddhakṣetreṣu akārṣi pūjāṁ
trailokanāthāna caryāsu śikṣiṣu||51||

yathāndhakāre puruṣo hyacakṣuḥ
mārgaṁ na jāne kutu saṁprakāśayet|
sarvaṁ tathā śrāvaka buddhajñāne
ajānakāḥ kiṁ punaradya sattvāḥ||52||

buddho hi buddhasya guṇāṁ prajānate
na devanāgāsurayakṣaśrāvakāḥ|
anekabuddhāna pi no gatī yatho
buddhasya jñāne hi prakāśyamāne ||53||

yadi sarvasattvāḥ samatā bhaveyuḥ
viśuddhajñāne paramārthakovidāḥ|
te kalpakoṭīratha vāpi uttare

naikasya buddhasya guṇān katheyuḥ||54||

atrāntare nirvṛta te bhaveyuḥ
prakāśamānā bahukalpakoṭīḥ|
na ca buddhajñānasya pramāṇu labhyate
tathā hi jñānāścaryaṁ jinānām||55||

tasmānnaraḥ paṇḍita vijñajātiyaḥ
yo mahya vākyamabhiśraddadheya|
kṛtsnāṁ sa sākṣājjinajñānamārgān
buddhaḥ prajānaṁ ti girāmudīrayet||56||

kadāci labhyati manuṣyalābhaḥ
kadāci buddhāna pi prādurbhāvaḥ|
śraddhārthaprajñā sucireṇa labhyate
tasyārthaprāptyai janayet vīryam||57||

ya īdṛśāṁ dharma śruṇitva śreṣṭhāṁ
labhyanti prītiṁ sugataṁ smarantaḥ |
te mitramasmākamatītamadhvani
ye cāpi bodhāya jananti chandam|| 58|| iti|| 44||

asmin khalu punardharmaparyāye bhāṣyamāṇe dvādaśānāṁ sattvaniyutakoṭīnāṁ virajo vigatamalaṁ dharmeṣu dharmacakṣurviśuddham| caturviṁśatyā koṭiniyutaśataphalaṁ prāptam| aṣṭānāṁ bhikṣuśatānāmanupādāyāsravebhyaścittāni vimuktāni| pañcaviṁśatyā bodhisattvakoṭībhiranutpattikadharmakṣāntiḥ pratilabdhā| devamānuṣikāyāśca prajāyāścatvāriṁśatkoṭīniyutaśatasahasrāṇāmanutpannapūrvāṇyanuttarāyāṁ samyaksaṁbodhau cittānyutpannāni| sukhāvatyāṁ lokadhātāvupapattaye ca kuśalamūlānyavaropitāni bhagavato'mitābhasya tathāgatasya darśanakāmatayā| sarve ca te tatropapadya anupūrveṇa mañjusvarā nāma tathāgatā anyeṣu lokadhātuṣūpapatsyante| aśītiśca niyutakoṭyo dīpaṁkare tathāgate labdhakṣāntikā avaivartikā anuttarāyāḥ samyaksaṁbodheramitāyuṣaiva tathāgatena paripācitāḥ pūrvabodhisattvacaryāṁ carantastāśca sukhāvatyāṁ lokadhātāvupapadya pūrvapraṇidhānacaryāḥ paripūrayiṣyanti||45||

tasyāṁ velāyāmayaṁ trisāhasramahāsāhasralokadhātuḥ ṣadvikāraṁ prākampat| vividhāni ca prātihāryāṇi saṁdṛśyante sma| pṛthivyāṁ saṁskṛtamabhūt| divyamānuṣyakāni ca tūryāṇi saṁpravāditānyabhūvan| anumodanāśabdena ca yāvadakaniṣṭhabhuvanaṁ vijñaptamabhūt||46||

idamavocadbhagavānāttamanāḥ| ajito bodhisattvo mahāsattva āyuṣmāṁścānandaḥ sā ca sarvāvatī parṣat sadevamānuṣāsuragaruḍagandharvasya loko bhagavato bhāṣitamabhyanandanniti||47||

bhagavato'mitābhasya tathāgatasya sukhāvatīguṇavarṇaparikīrtanaṁ bodhisattvānāmavaivartyabhūmipraveśaḥ amitābhasya parivartaḥ sukhāvatīvyūho mahāyānasūtraṁ samāptam||

ye dharmā hetuprabhavā hetuṁ teṣāṁ tathāgato hyavadat|
teṣāṁ ca yo nirodha evaṁ vādī mahāśramaṇaḥ||



NGHI THỨC TỤNG NIỆM PHÁP A DI ĐÀ

❖ NAMO NAMAḤ TATTVE BHAGAVATE TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHĀYA

[NA MÔ NA MẮC TÁT TỜ-VÊ PHA GA VA TÊ TA THA GA TA GIA, A RỜ-HA TÊ, XAM GIẮC SAM BÚT ĐA GIA] (3 lần)

(Quy mệnh kính lễ Đức Thế Tôn của bản tính chân thật. Ngài là Đấng đến và đi như vậy; dứt trừ hết thảy tham sân si phiền não, xứng đáng nhận sự cúng dường của hàng Trời Người; hiểu thấu tất cả mọi việc một cách chính đúng không có sai lầm) (3 lần)

❖ Tịnh Pháp Giới Chân Ngôn:
OṂ RAṂ
[OM RAM] (3 Lần)

❖ Chú đốt hương :
Khói Hương Tạo Hình Thể
Thấu Suốt Cả Ba Cõi
Năm Uẩn Đều Thanh Tịnh
Ba Độc Tự Lặng Yên
OṂ_ DHARMA-DHĀTU ANUGATA _ SVĀHĀ
[OM – ĐA RỜ-MA ĐA TU, A NU GA TA, XỜ-VA HA] (3 Lần)
(Cắm Hương Lên Bàn Thờ Rồi Nguyện Hương)

Nguyện đem lòng Thành Kính
Gửi theo đám mây Hương
Lan tỏa khắp mười phương
Cúng Dường ngôi Tam Bảo
Thề trọn đời giữ Đạo
Theo Tự Tính làm lành
Cùng Pháp Giới Chúng Sinh
Cầu Phật Từ gia hộ
Tâm Bồ Đề kiên cố
Chí tu học vững bền
Xa biển Khổ nguồn Mê
Chóng quay về bờ Giác
NAM MÔ HƯƠNG CÚNG DƯỜNG Bồ TÁT MA HA TÁT (3 Lần)

❖ Quy Y Phật:
Kính lạy Đức Phật Đà
Đấng vẹn toàn Phước Trí
Như Mặt Trời chiếu sáng
Phá tăm tối ngu mê
Ngài là Bậc Y Vương
Chữa lành muôn bệnh khổ
Dìu dắt mọi chúng sinh
Đưa đến bờ An Lạc
Nay con xin thành kính

Nương theo dấu vết Ngài
Nguyện xa lìa lầm lỗi
Viên mãn mọi Phước Trí
Mau thành Lưỡng Túc Tôn
BUDDHAṂ ŚARANAṂ GACCHAMI
[BÚT ĐĂM, SÁ RA NĂM, GÁCH CHA MI] (3 Lần)

Sau khi quy y Phật Bảo rồi. Nguyện cho con mau chóng đạt đến sự sáng suốt hoàn toàn, thông hiểu như thật Lý Sự của vạn vật để rốt ráo xa lià phiền não khổ đau, chấm dứt sinh tử luân hồi (1 Lạy)

❖ Quy Y Pháp:
Kính lạy Pháp Giải Thoát
Con đường của Thánh Nhân
Tịnh hóa Tham, Sân, Si
Chuyển thành Giới, Định, Tuệ
Dứt trừ Phiền Não Khổ
Vượt thoát biển Luân Hồi
Nay con xin thành kính
Tuân theo Giáo Pháp này
Nguyện mau lìa sinh tử
Chứng Niết Bàn thanh tịnh
DHARMAṂ ŚARANAṂ GACCHAMI
[ĐA RỜ-MĂM , SÁ RA NĂM, GÁCH CHA MI] (3 Lần)

Sau khi quy y Pháp Bảo rồi. Nguyện cho con thường gặp Chính Pháp giải thoát, luôn tu tập được Chính Pháp giải thoát và chứng đạt được Chính pháp giải thoát. Đồng thời nguyện cho con mau chóng đạt được sự định tĩnh, tự tri, tự giác, tự chủ, điều dụng, vị tha ngay trong đời hiện tại này (1 Lạy)

❖ Quy Y Tăng:
Kính lạy Chúng Tăng Già
Đấng Đạo Sư chân chính
Bậc điều phục Thân Tâm
Vượt Tham Dục Phiền Não
Chặt gốc rễ ngu mê
Giương cao cờ Giải Thoát
Nay con xin thành kính
Nương theo gương sáng này
Nguyện mau lìa Ngã Chấp
Đạt thanh tịnh vô ưu
SAṂGHAṂ ŚARANAṂ GACCHAMI
[XĂNG GĂM , SÁ RA NĂM , GÁCH CHA MI] **(3 Lần)**

Sau khi quy y Tăng Bảo rồi. Nguyện cho con thường gặp các Bậc Đạo Sư chân chính, các vị đã điều phục thân tâm vượt thoát tham dục phiền não và giúp cho con mau chóng vượt thoát các tâm ý: Ảo tưởng kiêu mạn, ganh tị tranh đấu, hoài nghi tự kiêu, trì độn mù quáng, tham dục thèm khát, giận dữ oán hận để Tịnh Hoá được các KHỔ, CHƯỚNG, HOẶC trong sáu nẻo. Đồng thời nguyện con luôn luôn đạt được cuộc sống: Hiền thiện, ngay thẳng, mực thước, chân chính, vị tha ngay trong đời hiện tại này (1 Lạy)

❖ Thọ Trì Ngũ Giới:
1.Con xin vâng giữ Pháp Học là lánh xa sự sát sinh.
Nguyện cho con và tất cả chúng sinh được trường thọ

2.Con xin vâng giữ Pháp Học là lánh xa sự trộm cắp .
Nguyện cho con và tất cả chúng sinh đạt được những sự mong cầu.

3.Con xin vâng giữ Pháp Học là lánh xa sự tà dâm.
Nguyện cho con và tất cả chúng sinh dứt trừ được sự tham muốn thấp hèn.

4.Con xin vâng giữ Pháp Học là lánh xa sự nói dối.
Nguyện cho con và tất cả chúng sinh đạt dược sự an tịnh của một tâm hồn chân thật.

5.Con xin vâng giữ Pháp Học là lánh xa sự uống rượu và các chất say.
Nguyện cho con và tất cả chúng sinh dứt trừ được sự điên đảo ngu dốt.

❖ Sám Hối:
Kể từ đời Vô Thủy
Do Ngã Chấp Vô Minh
Con luôn bị đắm chìm
Luân hồi trong sáu Nẻo
Hoặc làm Trời làm Người
Hoặc Thần Thánh, Súc Sinh
Quỷ đói hay Địa Ngục
Thay đổi muôn hình hài
Nhận tính nết khác nhau
Chịu đắng cay, ngọt bùi
Vinh quang hay tủi nhục
Sang cả hoặc nghèo hèn
Uy Quyền cùng Nô Lệ
An vui và khổ cực
Hết thảy điều như thế
Vì ngu muội ngăn che
Khiến con không nhớ rõ

Nay có chút duyên lành
Gặp được nền Chính Pháp
Của Đấng Lưỡng Túc Tôn
Thích Ca Mâu Ni Phật
Dạy phải dẹp Ngã Chấp
Trừ bỏ Tham, Sân, Si
Tu tập Giới, Định, Tuệ
Luôn làm lành lánh dữ
Tự tịnh Tâm Ý mình
Vượt luân hồi sinh tử
Đạt thanh tịnh vô ưu
Mọi Pháp lành như thế
Cần phải thực hành ngay

Không toan tính chần chừ
Vì kiếp đời ngắn ngủi
Hơn nữa Thân khó giữ
Bởi bệnh tật, già nua
Thêm cái chết bất ngờ
Cắt đứt dòng Sinh Mệnh

Nay con xin tuân phục
Hành theo Chính Pháp này
Trước tiên xin Sám Hối
Mọi tội lỗi xưa kia
Từ Ý sinh, Miệng nói
Thân làm, dạy người làm
Tạo Nhân gây Nghiệp ác
Hết thảy Nghiệp Tội ấy
Cao dầy nhiều vô lượng
Khó đong đo tính đếm
May nhờ ân Tam Bảo
Lực Bi Mẫn rộng sâu
Giúp cho con trừ tội
Kéo con xa nẻo Ác
Thọ sinh hình vóc Người
Gặp gỡ được Chính Pháp
Vượt thoát biển Tử Sinh

Nam mô TỲ BÀ THI Phật (1 Lạy)
Nam mô THI KHÍ Phật (1 lạy)
Nam mô TỲ XÁ PHÙ Phật (1 lạy)
Nam mô CÂU LƯU TÔN Phật (1 Lạy)
Nam mô CÂU NA HÀM MÂU NI Phật (1 Lạy)
Nam mô CA DIẾP Phật (1 Lạy)
Nam mô THÍCH CA MÂU NI Phật (1 Lạy)

❖ Thất Phật Diệt Tội Chân Ngôn:

REPA REPATE _ KUHA KUHATE _ TRANITE _ NIGALA RITE _ VIMA RITE _ MAHĀ-GATE _ ŚĀNTIṂ KṚTE _ SVĀHĀ

[RÊ PA , RÊ PA TÊ , KU HA , KU HA TÊ , TỜ-RA NI TÊ , NI GA LA RI TÊ , VI MA RI TÊ , MA HA GA TÊ, SĂNG TIM KỜ-RẬT TÊ, XỜ-VA HA] (3 lần)

Tiếp, con xin phát nguyện
Từ bỏ các Pháp Ác
Tu tập mọi Pháp Lành
Rèn Tâm Ý trong sạch
Tự cứu mình cứu người
Cầu xin Ân Tam Bảo
Luôn gia hộ cho con
Mau vượt thoát tử sinh
Sớm thành Ngôi Vô Thượng
Chuyển Pháp Luân Giáo Hóa
Độ muôn loài chúng sinh

_ Nam Mô VÔ LƯỢNG QUANG PHẬT (1 lạy)
_ Nam Mô VÔ BIÊN QUANG PHẬT (1 lạy)
_ Nam Mô VÔ NGẠI QUANG PHẬT (1 lạy)
_ Nam Mô VÔ ĐỐI QUANG PHẬT (1 lạy)
_ Nam Mô DIỄM VƯƠNG QUANG PHẬT (1 lạy)
_ Nam Mô THANH TĨNH QUANG PHẬT (1 lạy)
_ Nam Mô HOAN HỶ QUANG PHẬT (1 lạy)
_ Nam Mô TRÍ TUỆ QUANG PHẬT (1 lạy)
_ Nam Mô BẤT ĐOẠN QUANG PHẬT (1 lạy)
_ Nam Mô NAN TƯ QUANG PHẬT (1 lạy)
_ Nam Mô VÔ XƯNG QUANG PHẬT (1 lạy)
_ Nam Mô SIÊU NHẬT NGUYỆT QUANG PHẬT (1 lạy)
_ Nam Mô QUÁN THẾ ÂM Bồ tát (1 lạy)
_ Nam Mô ĐẠI THẾ CHÍ Bồ tát (1 lạy)
_ Nam Mô DƯỢC VƯƠNG Bồ tát (1 lạy)
_ Nam Mô DƯỢC THƯỢNG Bồ tát (1 lạy)
_ Nam Mô PHỔ HIỀN Bồ tát (1 lạy)
_ Nam Mô PHÁP TỰ TẠI Bồ tát (1 lạy)
_ Nam Mô SƯ TỬ HỐNG Bồ tát (1 lạy)
_ Nam Mô ĐÀ LA NI Bồ tát (1 lạy)
_ Nam Mô HƯ KHÔNG TẠNG Bồ tát (1 lạy)
_ Nam Mô ĐỨC TẠNG Bồ tát (1 lạy)
_ Nam Mô BẢO TẠNG Bồ tát (1 lạy)
_ Nam Mô KIM TẠNG Bồ tát (1 lạy)
_ Nam Mô KIM CƯƠNG TẠNG Bồ tát (1 lạy)
_ Nam Mô QUANG MINH VƯƠNG Bồ tát (1 lạy)
_ Nam Mô SƠN HẢI TUỆ Bồ tát (1 lạy)
_ Nam Mô HOA NGHIÊM VƯƠNG Bồ tát (1 lạy)
_ Nam Mô CHÚNG BẢO VƯƠNG Bồ tát (1 lạy)
_ Nam Mô NGUYỆT QUANG VƯƠNG Bồ tát (1 lạy)
_ Nam Mô NHẬT CHIẾU VƯƠNG Bồ tát (1 lạy)
_ Nam Mô TAM MUỘI VƯƠNG Bồ tát (1 lạy)
_ Nam Mô ĐỊNH TỰ TẠI VƯƠNG Bồ tát (1 lạy)
_ Nam Mô ĐẠI TỰ TẠI Bồ tát (1 lạy)
_ Nam Mô BẠCH TƯỢNG VƯƠNG Bồ tát (1 lạy)
_ Nam Mô ĐẠI UY ĐỨC VƯƠNG Bồ tát (1 lạy)
_ Nam Mô VÔ BIÊN THÂN Bồ tát (1 lạy)
_ Nam Mô Đông phương ĐẾ THÍCH THIÊN (1 lạy)
_ Nam Mô Đông Nam Phương HỎA THIÊN (1 lạy)
_ Nam Mô Nam phương DIỄM MA THIÊN (1 lạy)
_ Nam Mô Tây nam phương LA SÁT THIÊN (1 lạy)
_ Nam Mô Tây phương THỦY THIÊN (1 lạy)
_ Nam Mô Tây Bắc phương PHONG THIÊN (1 lạy)
_ Nam Mô Bắc phương TỲ SA MÔN THIÊN (1 lạy)
_ Nam Mô Đông Bắc phương TỰ TẠI THIÊN (1 lạy)
_ Nam Mô Thượng phương PHẠM THIÊN (1 lạy)
_ Nam Mô Hạ phương ĐỊA THIÊN (1 lạy)
_ Nam Mô NHẬT THIÊN (1 lạy)

_ Nam Mô NGUYỆT THIÊN (1 lạy)
_ Nam Mô thập phương thường trụ chư vị hộ pháp (1 lạy)

❖ Tịnh Tam Nghiệp Chân Ngôn:
Tự Tính của con vốn thanh tịnh
Như Tự Tính thanh tịnh của các Pháp
OṂ_ SVABHĀVA ŚUDDHA _ SARVA DHARMA SVABHĀVA ŚUDDHA UHAṂ
[OM _ XỜ-VA PHA VA, XÚT ĐA _ XA RỜ-VA ĐA RỜ-MA, XỜ-VA PHA VA, SÚT ĐA_ UHAM] (3 Lần)

❖ Diệt Nghiệp Chướng Chân Ngôn:
OṂ_ AROLIK _ SVĀHĀ
[OM, A RÔ LĪCH, XỜ-VA HA] (3 lần)

❖ Diệt Định Nghiệp Chân Ngôn:
OṂ_ PRAMAṆI-PATI _ SVĀHÀ
[OM, PỜ-RA MA NI, PA TI, XỜ-VA HA] (3 lần)

❖ Bạch Tản Cái Kiên Giáp Hộ Thân Chân Ngôn:
HŪṂ MAMA HŪṂ NI _ SVĀHĀ
[HÙM, MA MA, HÙM, NI , XỜ VA HA] (3 lần)

❖ An Thổ Địa Chân Ngôn:
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ OṂ DHURU DHURU _ DEVI _ SVĀHĀ
[NA MẮC XA MĂN TA BÚT ĐA NĂM_ OM_ ĐU RU ĐU RU, ĐÊ VI, XỜ-VA HA] (3 lần)

❖ Phổ Cúng Dường Chân Ngôn:
OṂ_ GAGANA SAṂBHAVA VAJRA HOḤ
[OM_ GA GA NA, XĂM PHA VA, VA DI-RA, HỐC] (3 lần)

❖ Cầu Nguyện :
Nay đệ tử (Họ tên ... Pháp Danh ...) trì tụng Thần Chú, xưng tán Hồng Danh. Nguyện xin mười phương Thường Trụ TAM BẢO, Tây Phương Cực Lạc Giáo Chủ A DI ĐÀ PHẬT cùng với chư Hiền Thánh Chúng ở cõi CỰC LẠC hãy rũ lòng từ bi gia hộ độ trì cho con mau chóng đoạn diệt phiền não, tiêu trừ nghiệp chướng, xa lìa ách nạn khổ đau, thường được tốt lành. Nguyện cho con, sau khi bỏ thân này được sinh về THẾ GIỚI CỰC LẠC
__ Nam mô A DI ĐÀ PHẬT (1 Lạy)
__ Nam mô HƯ KHÔNG TẠNG Bồ tát (1 Lạy)
__ Nam mô PHỔ HIỀN Bồ tát (1 Lạy)
__ Nam mô KIM CƯƠNG THỦ Bồ tát (1 Lạy)
__ Nam mô VĂN THÙ SƯ LỢI Bồ tát (1 Lạy)
__ Nam mô TRỪ CÁI CHƯỚNG Bồ tát (1 Lạy)
__ Nam mô ĐỊA TẠNG VƯƠNG Bồ tát (1 Lạy)
__ Nam mô QUÁN THẾ ÂM Bồ tát (1 Lạy)
__ Nam mô DI LẶC Bồ tát (1 Lạy)

❖ A Di Đà Phật Cửu Tự Tâm Chú :
OṂ _ AMṚTA TEJE HARA HŪṂ
[OM_ A MỜ-RẬT TA _ TÊ GIÊ _ HA RA – HÙM] (9 lần)

❖ A Di Đà Phật Diệt Tội Chú:
OṂ HRĪḤ A AṂ HRĪḤ HRĪḤ HŪṂ
[OM - HƠ-RÍCH - A - AM - HƠ-RÍCH - HƠ-RÍCH - HÙM] (9 lần)

❖ Thập Cam Lộ Đà La Ni;
NAMO RATNA-TRAYĀYA
NAMAḤ ĀRYA-AMITĀBHĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHĀYA
TADYATHĀ: OṂ_ AMṚTE, AMṚTODBHAVE, AMṚTA SAṂBHAVE, AMṚTA-GARBHE, AMṚTA SIDDHE, AMṚTA TEJE, AMṚTA VIKRĀNTE, AMṚTA VIKRĀNTA GAMINE, AMṚTA GAGANA KĪRTTI KARE, AMṚTA DUṆḌUBHISVARE, SARVA ARTHA SĀDHANE, SARVA KARMA KLEŚA KṢAYAṂ KARE SVĀHĀ
[NA MÔ RA TỜ-NA TỜ-RA GIA GIA
NA MÔ A RI-GIA A MI TA PHA GIA _ TA THA GA TA GIA, A RỜ-HA TÊ, SAM GIẮC SĂM BÚT ĐA GIA
TA ĐI-DA THA : OM_ A MỜ-RẬT TÔ ĐỜ-PHA VÊ _ A MỜ-RẬT TA, XĂM PHA VÊ _ A MỜ-RẬT TA , GA RỜ-PHÊ_ A MỜ-RẬT TA, XÍT ĐÊ _ A MỜ-RẬT TA TÊ DÊ _ A MỜ-RẬT TA, VI KỜ-RĂN TÊ _ A MỜ-RẬT TA, VI KỜ-RĂN TA, GA MI NÊ _ A MỜ-RẬT TA, GA GA NA , KI RỜ-TI KA RÊ_ A MỜ-RẬT TA, ĐUNG ĐU PHI XỜ-VA RÊ_ XA RỜ-VA, A RỜ-THA, XA ĐA NÊ_ XA RỜ-VA, KA RỜ-MA, KỜ-LÊ SA, KỜ-SA GIĂM, KA RÊ, XỜ-VA HA] (9, 18, 36, 72, 108 lần)

❖ **Tán Phật Kệ**:
A Di Đà Phật, thân vàng sáng
Tướng tốt, hào quang chẳng gì hơn
Lông trắng uốn xoay, trùm năm núi
Bốn biển lặng trong thua mắt xanh
Vô số **Hóa Phật** trong ánh sáng
Chúng **Hóa Bồ Tát** cũng như thế
Bốn mươi tám Nguyện, độ chúng sinh
Chín Phẩm đều khiến lên bờ giải thoát.
_ Nam mô A DI ĐÀ PHẬT (108 lần)
_ Nam mô ĐẠI BI QUÁN THẾ ÂM Bồ Tát (3 lần)
_ Nam mô ĐẠI LỰC ĐẠI THẾ CHÍ Bồ Tát (3 lần)
_ Nam mô ĐẠI NGUYỆN ĐỊA TẠNG VƯƠNG Bồ Tát (3 lần)
_ Nam mô THANH TỊNH ĐẠI HẢI CHÚNG Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần)

❖ **Phát Nguyện:**
Một lòng quy mệnh
Thế Giới **Cực Lạc**
A Di Đà Phật
Nguyện dùng **Tịnh Quang** chiếu con
Từ Thệ nhiếp con

Nay con Chính Niệm
Xưng tên Như Lai
Làm **Bồ Tát Đạo**
Cầu sinh Tịnh Thổ
Phật xưa đã thề
"***Nếu có chúng sinh***
Muốn về nước Ta
Chí tâm tin thích
Cho đến mười niệm
Nếu chẳng sinh về
Chẳng nhận Chính Giác"
Dùng nhân duyên **Niệm Phật** này
Được vào Như Lai
Trong biển Đại Thệ
Nương **Từ Lực** Phật
Mọi tội tiêu diệt
Căn lành tăng trưởng
Nếu lúc lâm chung
Tự biết Thời đến
Thân không bệnh khổ
Tâm chẳng tham luyến
Ý chẳng điên đảo
Như vào Thiền Định
Phật với chúng Thánh
Tay cầm đài vàng
Đến nghinh tiếp con
Ở khoảng một niệm
Về nước Cực Lạc
Hoa nở thấy Phật
Liền nghe Phật Thừa
Mở ngay Phật Tuệ
Rộng độ chúng sinh
Mãn **Bồ Đề Nguyện**
Mười phương tất cả Phật ba đời
Tất cả Bồ Tát Ma Ha Tát
Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa

_ Nguyện sinh trong Tây Phương Tịnh Thổ
Hoa sen chín Phẩm làm cha mẹ
Sen nở thấy Phật, ngộ ***Vô Sinh***
Bất Thoái Bồ Tát làm bạn hữu

❖ Hồi Hướng Hộ Pháp**:**
_ Trời, Rồng, A Tu La, Dạ Xoa
Đến nghe Phật Pháp, nên chí tâm
Ủng hộ Phật Pháp mãi trường tồn
Mỗi mỗi siêng tu lời Phật dạy
Bao nhiêu Hữu tình đến chốn này
Hoặc trên đất bằng, hoặc hư không

Thường đối người đời khởi Tâm Từ
Ngày đêm tự mình nương Pháp ở

_ Nguyện các Thế Giới thường an ổn
Vô biên Phước Trí lợi quần sinh
Bao nhiêu tội nghiệp thảy tiêu trừ
Xa lìa các khổ, về Viên Tịch
Hằng dùng Hương Giới xoa vóc sáng
Thường khoác áo Định để an thân
Hoa Diệu Bồ Đề trang nghiêm khắp
Tùy theo chỗ ở thường an lạc
{Phổ Thế Minh Phi Chân Ngôn :]
OṂ_ LOKA ALOKA KARĀYA_ SARVA DEVA NĀGA YAKṢA GANDHARVA ASURA KIṂNARA MAHORAGA HṚDAYA ANYA AKARṢĀYA VICITRA GATI _ SVĀHĀ
[OM_ LÔ CA, A LÔ CA, KA RA GIA_ XA RỜ-VA : ĐÊ VA, NA GA, GIẮC KỜ-SA, GĂN ĐA RỜ-VA, A SU RA, GA RU ĐA, KIM NA RA, MA HÔ RA GA, HỜ-RẬT ĐA GIA, A-NI GIA, A CA RỜ-SÁ GIA, VI CHI TỜ-RA, GA TI_ XỜ-VA HA] (3 lần)

❖ Giải oan kết**:**
Giải kết, giải kết, giải oan kết
Nghiệp chướng bao đời đều giải hết
Rửa sạch lòng Trần, phát Tâm thành kính
Nay trước Phật Đài cầu giải kết
OṂ _ DAHA DAHA _ SARVA DUṢṢA PRADUSTA _ TĀRĀNĀṂ _ SVĀHĀ
[OM _ ĐA HA, ĐA HA, XA RỜ-VA ĐU-SỜ-TA, PỜ-RA ĐU-SỜ-TA, TA RA NĂM, XỜ-VA HA] (3 lần)

❖ Phục Nguyện:
Nguyện ngày an lành, đêm an lành
Đêm ngày sáu thời thường an lành
Trong hết thảy thời thường an lành
Nguyện chư Thượng Sư thương nhiếp thọ
Nguyện xin TAM BẢO thương nhiếp thọ
Nguyện xin Hộ Pháp thường ủng hộ
OṂ _ AMITĀBHA _ HRĪḤ
[OM _ A MI TA PHA - HƠ-RÍCH] (3 lần)

❖ Hồi Hướng**:**
_ Nguyện đem Công Đức này, hồi hướng cho tất cả. Cầu cho Cửu Huyền Thất Tổ, cha mẹ muôn đời, hương linh đã khuất đều được nương nhờ theo PHẬT LỰC tiếp dẫn về cõi TỊNH ĐỘ
_ Nguyện cho toàn thể gia quyến: già, trẻ, lớn, nhỏ trong đời hiện tại đều được tăng phước thọ, xa lìa mọi bệnh tật tai ương dứt trừ mọi duyên ác, mau chóng đạt chính kiến .
_ Nguyện cho tất cả chúng sinh thường được an vui
Nguyện cho tất cả chúng sinh mau lìa khổ não

Nguyện cho tất cả chúng sinh sớm khởi từ bi
Nguyện cho tất cả chúng sinh đồng thành PHẬT ĐẠO

❖ Tăng Đức Hạnh Chân Ngôn**:**
OṂ_ SAṂBHARA SAṂBHARA VIMANA-AKṢARA MAHĀ-VAJRA HŪṂ
OṂ_ SMARA SMARA VIMANA-AKṢARA MAHĀ-VAJRA HŪṂ
[OM, XĂM PHA RA, XĂM PHA RA, VI MA NA, A KỜ-SA RA, MA HA VA DI-RA HÙM
OM - XỜ-MA RA, XỜ-MA RA, VI MA NA, A KỜ-SA RA, MA HA VA DI-RA _ HÙM] (3 lần)

❖ Bổ khuyết Chân Ngôn**:**
OṂ_ DHURU DHURU _ JAYE MUKHE _ SVĀHĀ
[OM _ ĐU RU ĐU RU, GIA DÊ MU KHÊ, XỜ-VA HA] (3 lần)

❖ Lễ vãn**:**
Công Đức **Trì Tụng**, hạnh thù thắng
Vô biên Thắng Phước đều hồi hướng
Nguyện khắp chúng sinh đang chìm đắm
Mau đến cõi Phật **Vô Lượng Quang**
Mười phương tất cả Phật ba đời
Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Tự Tại
Chư Tôn, Bồ Tát Ma Ha Tát
Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa
NAM MÔ THẬP PHƯƠNG THƯỜNG TRỤ TAM BẢO (3 lần)

15/11/2012

MỤC LỤC

1_ Tín ngưỡng A Di Đà Tr.01
2_ Hồng danh A Di Đà Tr.06
3_ Bản sinh của Đức Phật A Di Đà Tr.10
4_ Hình tượng của Đức Phật A Di Đà Tr.11
5_ Thập Cam Lộ Đà La Ni Tr.40
6_ A Di Đà Phật Pháp Đàn Tr.58
7_ Kinh A Di Đà Cổ Âm Thanh Vương Đà La Ni Tr.61
8_ Phật nói Kinh Vô Lượng Thọ
_ Quyển Thượng Tr.67
_ Quyển Hạ Tr.85
9_ Phật nói Kinh Đại Thừa Vô Lượng Trang Nghiêm
_ Quyển Thượng Tr.103
_ Quyển Trung Tr.110
_ Quyển Hạ Tr.118
10_ Phật nói Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật Tr.126
11_ Phật nói Kinh A Di Đà Tr.153
12_ Kinh xưng tán Tịnh Độ Phật nhiếp thọ Tr.166
13_ Phật nói Kinh A Di Đà Bí Mật Căn Bản Thần Chú Tr.182
14_ Bạt Nhất Thiết Nghiệp Chướng Căn Bản Đắc Sinh Tịnh Độ Thần Chú
....Tr.186
15_ Đức Phật A Di Đà nói Chú Tr.188
16_ Vô Lượng Thọ Như Lai Quán Hạnh Cúng Dường Nghi Quỹ Tr.189
17_ Kinh Kim Cương Đỉnh_ Pháp tu hành Quán Tự Tại Vương Như Lai Tr.205
18_ Kinh Kim Cương Đỉnh_ Pháp tu hành Du Già Quán Tự Tại Vương Như Lai
....Tr.215
19_ Kinh Cửu Phẩm Vãng Sinh A Di Đà Tam Ma Địa Tập Đà La Ni Tr.236
20_ Phật nói Kinh Vô Lượng Công Đức Đà La Ni Tr.238
21_ Cực Lạc Nguyện Văn Tr.240
22_ Phật nói Kinh Đại Thừa Thánh Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Đà La Ni Tr.244
23_ Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyện Sinh Kệ Tr.250
24_ Quán Niệm A Di Đà Phật Tướng Hải Tam Muội Công Đức Pháp Môn
....Tr.260
25_ Bài Kệ ca ngợi Đức Phật A Di Đà Tr.283
26_ Vãng Sinh Lễ Tán Kệ Tr.297
27_ Phật nói nhân duyên việc lớn lợi ích của danh hiệu Vô Lượng Thọ Phật
....Tr. 329
28_ Phật nói Kinh thập vãng sinh A Di Đà Phật quốc Tr.332
29_ Mười hai Lễ Tr.336
30_ Niệm Phật Tam Muội Tr.338
31_ A Di Đà Phật Chân Ngôn Tr.340
32_ Tây Phương phát nguyện văn Tr.346
33_ Truyện Đức Phật A Di Đà Tr.348
34_ Nghi Vãng Sinh A Di Đà Tr.363
35_ Nghi Trường Thọ A Di Đà Tr.368
36_ Cực Lạc Giới Trang Nghiêm (Bản Kinh Phạn ngắn) Tr.373

37_ Cực Lạc Giới Trang Nghiêm (Bản Kinh Phạn dài)..............................Tr.382
38_ Nghi Thức Tụng Niệm Pháp A Di Đà Tr.412
38_ Mục lục Tr.422

